PGS.TS. ĐÀO DUY QUÁT
GS.TS.ĐỖ QUANG HƯNG – PGS.TS.VŨ DUY THÔNG
(CHỦ BIÊN)

TỔNG QUAN
LỊCH SỬ BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM
(1925 – 2010)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2010

Hội đồng biên tập - xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG	Chủ tịch Hội đồng
PSG, TS. LÊ VĂN YÊN	Phó Chủ tịch Hội đồng
PGS, TS. ĐÀO DUY QUÁT	Uỷ viên
ThS. VŨ HỒNG THẮM	Thư ký
NGUYỄN VĂN CHUNG	Uỷ viên

Chủ biên

PGS, TS. ĐÀO DUY QUÁT

GS, TS. ĐỖ QUANG HƯNG

PGS, TS. VŨ DUY THÔNG

Các thành viên tham gia

Nhà báo HỮU THỌ

Nhà báo PHAN QUANG

GS, TS. TẠ NGỌC TẤN

TS. ĐINH THẾ HUYNH

GS. HÀ MINH ĐỨC

Nhà nghiên cứu NGUYỄN THÀNH

Nhà báo ĐỖ KHẮC LIÊM

TS. NGÔ VĂN THẠO

TS. HỒ VĂN CHIỂU

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

ThS. TRẦN THỊ HIỀN

Nhà báo ĐOÀN VĂN BÁU

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lịch sử của báo chí Việt Nam gắn liền với lịch sử cận hiện đại của dân tộc với bức tranh nhiều màu sắc của một dân tộc yêu nước, giàu truyền thống, bị áp bức, đói nghèo, trong đó lột tả cuộc đấu tranh giữa một nền báo chí thực dân và nô dịch với một nền báo chí yêu nước và cách mạng.

Báo chí cách mạng Việt Nam ra đời với dấu mốc là tờ *Thanh niên* ra mắt cách nay vừa tròn 85 năm. Người sáng lập tờ báo này là nhàbáo vô sản Hồ Chí Minh.

Nhiệm vụ của báo chí cách mạng từ khi ra đời được cắt nghĩa đơn giản mà lớn lao: tuyên truyền để giai cấp biết mục đích (Án Nghị quyết ngay sau khi thành lập Đảng). Từ tuyên truyền để giai cấp biết mục đích, gắn với tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, rồi đấu tranh không khoan nhượng bảo vệ lý tưởng cộng sản. Chặng đường mà báo chí cách mạng đi qua gắn với những mốc son sáng chói của lịch sử cách mạng dân tộc: từ khi vận động thành lập Đảng, tới huấn luyện cán bộ, chuẩn bị cơ sở lý luận, chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3-2-1930, cổ vũ nhân dân làm nên cao trào cách mạng 1930 - 1931, phong trào vận động dân chủ 1936 - 1939, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945, tiếp đó là vũ khí đấu tranh sắc bén trên mặt trận chính trị - tư tưởng, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đi vào các cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thu giang sơn về một mối, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Số lượng, hình thức báo chí trải qua gần một thế kỷ cũng thay đổi vượt bậc. Từ chỗ số lượng tờ báo ít ỏi với hình thức in thô sơ, nghèo nàn nay số lượng báo chí đã tăng lên rất nhiều với đủ mọi loại hình: báo viết, báo hình, báo mạng với hình thức phong phú, sinh động, khả năng cập nhật cao. Đội ngũ nhà báo ngày càng đông đảo, yêu nước, đam mê nghề nghiệp, dũng cảm và tài năng.

Đảng, Bác Hồ và nhân dân luôn theo sát bước tiến của báo chí. Những lời căn dặn của Bác đối với báo chí luôn là cẩm nang đối với mỗi tờ báo, mỗi nhà báo: "Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ", "ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà", "cho nên phải có tính chất quần chúng". “Một tờ báo không được đại đa số dân chúng ham chuộng, thì không xứng đáng là một tờ báo", và “không riêng gì viết sách viết báo, mà công tác gì muốn làm tốt đều phải coi trọng ý kiến của nhân dân".

Nhân kỷ niệm 85 năm Ngày báo chí cách mạng Việt Nam, để ghi nhận chặng đường lịch sử sáng ngời của báo chí cách mạng nước nhà và như một món quà ca ngợi, biết ơn tới công lao đóng góp to lớn của nhiều thế hệ các nhà báo Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách ***Tổng quan lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam (1925 - 2010)*** của tập thể các nhà báo, nhà nghiên cứu do PGS,TS. Đào Duy Quát, GS,TS. Đỗ Quang Hưng, PGS,TS. Vũ Duy Thông chủ biên.

Đây là một công trình nghiên cứu nhiều năm, công phu và nghiêm túc. Tuy nhiên, so với tầm cỡ của một vấn đề lớn, trải dài trong một giai đoạn có nhiều biến động lịch sử thì công trình này mới dừng ở mức độ khái lược. Rất mong nhận được sự đón đọc và góp ý của đông đảo độc giả.

Tháng 6 năm 2010

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

CHƯƠNG I

BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM THỜI KỲ 1925 - 1945

I- BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1925 - 1930

l. Tình hình chính trị - xã hội Việt Nam những năm 20 của thế kỷ XX

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, đế quốc Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng phải chịu những hậu quả nặng nề. Khủng hoảng kinh tế kéo dài và ngày càng trầm trọng, đồng phrăng bị phá giá, lạm phát tăng, bồi thường chiến tranh của Đức không bù đắp được bao nhiêu.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp chủ trương tiến hành bóc lột thuộc địa tàn bạo hơn để giải quyết những khó khăn của chính quốc. Đông Dương là trọng điểm khai thác của đế quốc Pháp, vì đây là nơi "nhìn về các phương diện là quan trọng nhất, phát triển nhất và thịnh vượng nhất trong các thuộc địa của chúng ta"[1].

Để đáp ứng được đòi hỏi của việc khai thác tài nguyên nước ta, thực dân Pháp đã tiến hành xây dựng hệ thống đường sắt, mở thêm đường bộ, xây dựng hải cảng và một số công trình thủy lợi. Cùng với việc độc quyền bán hàng vào Đông Dương với giá cao, chuyển nguyên liệu từ Đông Dương ra ngoài với giá khai thác, vận chuyển rẻ mạt, chúng còn thiết lập một hàng rào quan thuế.

Về chính trị, đi đôi với những chính sách kinh tế mới, chủ nghĩa đế quốc Pháp cũng đề ra những chủ trương mới. Đây là thời kỳ tiếp tục củng cố hệ thống cai trị thông qua những tổ chức mới mang tính chất mị dân. Chúng lập các hội đồng hàng tỉnh; đổi tên các uỷ ban tư vấn - hội đồng tư vấn thành các viện dân biểu (Bắc Kỳ và Trung Kỳ), hội đồng thuộc địa (Nam Kỳ, còn gọi là Hội đồng quản hạt), dưới hình thức ra đời do "bầu cử thay thế cho chỉ định", mang màu sắc dân chủ giả hiệu và xem đây là một sự đổi mới, tiến bộ.

A.Varen, nguyên là đảng viên Đảng Xã hội Pháp vừa bị khai trừ, được cử sang Đông Dương về danh nghĩa là thay Méclanh (viên Toàn quyền bị nhà yêu nước Phạm Hồng Thái định diệt ở Quảng Châu năm 1924), thực tế là thay Môngghiô, để

thực thi chính sách mới vừa tàn bạo, vừa thâm độc, mị dân. Chúng ra sức ngăn chặn, kiểm soát gắt gao mọi sự liên lạc giữa những người yêu nước, giữa các tổ chức cách mạng Việt Nam với người Pháp, Trung Quốc, Liên Xô và Quốc tế Cộng sản.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, nay do chính sách mở rộng khai thác thuộc địa mà tăng lên nhanh chóng về số lượng, tập trung đông ở các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền (chủ yếu là đồn điền trồng cây công nghiệp). Đội ngũ công nhân kỹ thuật cũng tăng lên về số lượng, được bồi dưỡng để nâng cao tay nghề, nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh mới. Những người lao động làm thuê các nghề tự do đông hơn lên, trong đó, có những người nghèo khổ ở thành thị, một phần khác là nông dân vào những ngày, tháng không có thời vụ bận rộn, và những người phải cầm bán ruộng đất, bỏ quê hương ra thành thị kiếm sống.

Đáng chú ý là sự xâm nhập của tư tưởng xã hội chủ nghĩa khoa học vào công nhân, bắt đầu là các tổ chức cách mạng tiền thân của Đảng Cộng sản - các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đi "vô sản hóa" và việc phổ biến các sách báo cách mạng theo quan điểm mácxít - lêninnít vào những người công nhân tiên tiến, hướng đến những cuộc đấu tranh mang tính chất chính trị ngày càng rõ nét hơn. Ý thức dân tộc quyện với ý thức giai cấp trong công nhân làm cho phong trào đi vào quỹ đạo của cách mạng vô sản, kết hợp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

Báo *Le Paria*, tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc, báo *L'Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp, *La Vie Ouvrière* của Tổng Liên đoàn Lao động Pháp, cùng với các sách kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin và các tác phẩm lý luận, chính trị, văn học viết theo quan điểm mácxít từ Pháp, Trung Quốc đưa vào nước ta, như một luồng gió mới, lành mạnh thổi vào đời sống sinh hoạt văn hóa, tinh thần của Đông Dương thuộc địa.

Song song với trào lưu cách mạng vô sản là khuynh hướng chính trị tư sản, tiếp thu và truyền bá tư tưởng dân chủ, tiến bộ, nhân văn của cách mạng Pháp 1789 vào

hoàn cảnh của nước Việt Nam thuộc địa đang đòi hỏi độc lập, dân chủ, văn minh, bình đẳng với nước Pháp và các nước khác.

Lý luận cách mạng tư sản dân chủ của Tôn Trung Sơn và hình ảnh của Trung Hoa Quốc dân Đảng đã hấp dẫn một số trí thức Việt Nam. Họ tuyên truyền cho chủ nghĩa Tam dân, xem đó là đường lối giải phóng dân tộc, giành độc lập và xây dựng chế độ dân chủ tư sản phỏng theo mẫu của Trung Quốc, tổ chức ra Việt Nam Quốc dân Đảng, phỏng theo Trung Hoa Quốc dân Đảng.

Các khuynh hướng trên được kiểm nghiệm trong vận động thực tiễn khắc nghiệt, vừa đấu tranh với nhau, vừa đấu tranh chống chính quyền thực dân. Mọi sự không phục tùng và chống đối chủ nghĩa thực dân đều bị đàn áp, khủng bố.

Thực dân Pháp thấy rõ nguy cơ lớn nhất, quyết định sự sống còn của chúng ở nước ta chính là lý luận về con đường cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc; tổ chức cách mạng đáng sợ nhất là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập ở Quảng Châu. Do vậy, tòa án của thực dân Pháp và Nam triều được lập ra ở khắp nơi để xử các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với những án nặng nhất: tử hình vắng mặt (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu, Trần Phú), tù, đày, quản thúc hàng loạt người yêu nước, cách mạng.

Những đặc điểm của tình hình chính trị - xã hội Việt Nam có quan hệ đến chính sách báo chí của chính quyền thực dân thi hành ở đây và tình hình báo chí xuất bản, phát hành trong những năm 20 của thế kỷ XX. Đặc biệt làm nảy sinh dòng báo chí mới: *báo chí cách mạng,*chống chủ nghĩa thực dân và cả hệ thống báo chí là công cụ thống trị của chúng, mở đường giải phóng cho nhân dân ta, dân tộc ta về tư tưởng và ý thức chính trị, tiến lên giải phóng dân tộc và xã hội.

2. Chính sách báo chí của chính quyền thực dân thực hiện ở Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX

Đã có trên 100 văn bản của chính quyền thực dân quy định về xuất bản, in, phát hành và lưu hành báo chí ở Đông Dương, từ đạo luật, sắc lệnh quy định ở nước

Pháp, được ban hành và có hiệu lực ở thuộc địa, đến những nghị định của Toàn quyền Đông Dương ban hành riêng cho Đông Dương; rồi đến những quyết định của các viên quan đầu xứ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ).

Dưới đây là những đạo luật, sắc lệnh và nghị định đáng chú ý:

1- *Sắc lệnh ký ngày 25-5-1881* của Tổng thống Pháp G. Grêvilơ quy định quốc tịch của người Việt Nam ở Nam Kỳ được hưởng mọi quyền công dân như người Pháp trên đất Pháp.

2- *Luật về tự do báo chí* của Quốc hội Pháp thông qua ngày 29-9-1881, được ban hành ở Nam Kỳ theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 12-9-1881.

Đây là kết quả của cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ của nhân dân Pháp từ cách mạng Pháp năm 1789, trong đó có tự do báo chí. Đứng về thời điểm lịch sử, khi luật được thông qua cũng là lúc nước Pháp tư bản chủ nghĩa bắt đầu chuyển sang thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, nhưng phái tả trong Thượng nghị viện mạnh, chiếm đa số, áp đảo phái hữu, nên có những tiến bộ nhất định, đồng thời có những hạn chế. Sau đây là một số điểm quan trọng có quan hệ đến Nam Kỳ không phải chỉ trong những năm 20 của thế kỷ XX, mà cả những năm sau, đến việc xuất bản báo chí công khai, hợp pháp cho báo chí cách mạng trong thời kỳ vận động dân chủ (1936 - 1939).

"Điều 1: Việc ấn loát và mở hiệu sách đều được tự do".

"Điều 5: Mọi báo chí và xuất bản phẩm định kỳ đều không cần xin phép trước và không phải nộp tiền ký quỹ, sau khi đã khai theo những quy định trong Điều 7".

"Điều 6: Mọi báo chí và xuất bản phẩm định kỳ đều có một người quản lý. Người quản lý phải là người Pháp[2], thành niên, được hưởng quyền công dân và từ trước đến nay chưa hề bị tòa án xử mất quyền công dân".

"Điều 7: Trước khi phát hành các báo chí hay xuất bản phẩm định kỳ, phải làm bản khai ở Cục Biện lý về những điểm sau đây:

l) Tên của tờ báo hay xuất bản phẩm định kỳ và phương thức phát hành;

2) Tên và địa chỉ của người quản lý;

3) Nơi in báo;

Tất cả những sự thay đổi trong các điểm trên đây buộc phải khai báo trước 5 ngày".

"Điều 10: Khi phát hành mỗi tờ báo hay ấn phẩm định kỳ, phải nộp 2 bản có chữ ký của người quản lý ở Cục Biện lý hay ở Tòa Đốc lý các thành phố, nơi không có tòa án đệ nhị cấp".

Đáng lẽ từ sau ngày 12-9-1881, báo chí ở Nam Kỳ bất kể xuất bản bằng ngôn ngữ nào phải được tự do hoạt động theo Luật Báo chí trên của Quốc hội Pháp. Nhưng đế quốc Pháp đã tùy tiện không chịu thi hành, bác bỏ hiệu lực pháp lý của nó, buộc mọi tờ báo tiếng Việt đều phải làm đơn xin phép, chỉ khi nào được Toàn quyền chuẩn y mới được ra báo. Trong quá trình biên tập, báo chí tiếng Việt phải chịu sự kiểm duyệt, cắt bỏ những câu, những đoạn cho đến xóa bỏ cả một bài mà xét ra không có lợi cho sự thống trị thực dân.

Sở dĩ có tình hình và chủ trương này là vì tờ *Phan Yên báo* xuất bản tháng 12-1898 đăng hàng loạt bài có liên quan đến tình hình chính trị ở Đông Dương. Có những bài có ý chống lại sự có mặt của thực dân Pháp, đăng những dư luận phản ánh phần nào tinh thần yêu nước của người Việt Nam.

Để đối phó với thực trạng đang đặt ra trước mắt ấy và để phòng xa, Bộ Thuộc địa Pháp cho ra đời *Sắc lệnh* ngày 30-12-1898, và được ban hành ở Đông Dương vào ngày 30-l-1899.

Như vậy là *Luật tự do báo chí* ngày 29-7-1881 không được áp dụng ở các xứ thuộc địa như Bắc Kỳ, Trung Kỳ (và cả Lào, Campuchia) mà cũng bãi bỏ luôn việc thực hiện ở cả Nam Kỳ.

Sắc lệnh này là căn cứ chủ yếu cho đế quốc Pháp thực hiện chính sách đối với báo chí ở Đông Dương mãi về sau, mở rộng quyền hạn cho Toàn quyền Đông Dương tùy tiện ngăn cấm và cản trở lưu hành báo chí tiến bộ, có nội dung công kích các việc làm xấu xa, vô nhân đạo của bọn cầm quyền. Người nào vi phạm các điều

khoản ấy sẽ bị truy tố trước tòa án tiểu hành. Đồng thời, chúng dùng các hội làm đoàn thể để tập hợp, tranh thủ các nhà báo. Nghiệp đoàn báo chí Nam Kỳ (Syndicat de la Presse Cochinchinoise) ra đời và họp Đại hội ngày 6-9-1917 vẫn được duy trì hoạt động.

Để hỗ trợ cho Varen, Chính phủ Pháp ban hành *Sắc lệnh báo chí* ngày 4-10-1927 do Tổng thống G. Đumécgơ ký, thi hành ở các xứ thuộc địa và bảo hộ. Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định ban hành ở Đông Dương ngày 10-12-1927.

Ngay sau khi công báo nước Cộng hòa Pháp đăng Sắc lệnh này, Hội Nhân quyền Pháp gửi thư đến Bộ trưởng Thuộc địa L.Périê phản đối, đề ngày 14-10-1927. Nhưng bọn thực dân bất chấp, vẫn tiến hành như những điều chúng đã công bố, mặc cho báo chí và các tổ chức lên án, phê phán.

3. Bức tranh báo chí Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX

a) Báo chí xuất bản công khai, hợp pháp

Theo thống kê của Pháp, đầu năm 1922, cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ có 86 tờ báo, trong đó có 19 tờ chữ quốc ngữ và 67 tờ chữ Pháp (phần lớn bao gồm công báo các loại, tạp chí, chuyên san của cơ quan hành chính và kinh tế Pháp; có một vài tờ báo là của trí thức và tư sản Pháp đứng về phía chính quyền thực dân).

Đến cuối năm 1929, cả ba xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ có 153 tờ báo, trong đó 47 tờ chữ quốc ngữ và 100 tờ chữ Pháp. Đáng chú ý là tính chất và cơ cấu các loại đã có những thay đổi về xu hướng chính trị. Báo chữ quốc ngữ đã xuất bản những tờ công khai chỉ trích, phê phán chính quyền và những tên quan lại tham nhũng, xấu xa, như *Đông Pháp thời báo, Pháp Việt nhứt gia, Tân thế kỷ, Tiếng dân, Hữu thanh, Khai hóa nhật báo, Đông Tây tuần báo v.v.*. Chữ Pháp do người Việt chủ trương, có *La cloche fêlée, L. Annam, Le Nha que, Le Jenne Annam;* chữ Pháp do người Pháp tiến bộ, nhân đạo chủ trương như *L. Indochine,* sau là *L' Indochine enchainée* của A. Manrô và P. Mônanh (1925 - 1926) v.v..

Có những tên thực dân không biết tiếng Việt, hay chỉ biết bập bẹ vài câu, lại là sáng lập viên, giám đốc hay chủ nhiệm những tờ báo xuất bản bằng tiếng Việt. Vì người Pháp đứng tên xin phép ra báo chữ Việt thì dễ hơn là người Việt xin phép, "chỉ việc cho mượn tên mình, người Pháp kia nhận được hằng tháng một số tiền rất hậu mà người ký giả bản xứ phải trả cho ông lâu dài, báo còn ra là còn phải trả"[3].

L. Annam (La cloche fêlée đổi tên từ ngày 6-5-1926) đăng nhiều bài trích in lại của *Le Paria, L' Humanité,* một số nghị định của Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa, chứng tỏ rằng xu hướng cộng sản sử dụng báo chí công khai để xâm nhập đời sống tinh thần của Việt Nam ngày càng tăng. Tiếng nói của những người yêu nước, chống chủ nghĩa thực dân và bọn vua, quan làm tay sai cho Pháp ngày càng có thế trên hệ thống báo chí, xuất bản công khai, hợp pháp.

b) Báo chí cách mạng

Từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, tư tưởng lý luận cách mạng vô sản được truyền bá vào Việt Nam qua báo *Le Paria* của Hội Liên hiệp thuộc địa, *L' Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp, *Inprekorr* của Quốc tế Cộng sản. Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc, phái viên của Quốc tế Cộng sản và là Uỷ viên Bộ Phương Đông của Quốc tế được cử đến Hoa Nam để trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam và một số nước Đông Nam Á.

Cùng với việc mở lớp, kết nạp đoàn viên mới, Người chủ trương xuất bản báo *Thanh niên,* ra số 1, ngày 21-6-1925. Đây là một phương thức hoạt động hoàn toàn mới lạ: vừa tổ chức, huấn luyện, vừa ra báo. Những đoàn viên thanh niên cộng sản chỉ biết đến hình thức tuyên truyền miệng, kết nạp đoàn, chưa từng nghĩ đến xuất bản, viết và in báo.

Về danh nghĩa, lúc đầu báo không công bố là cơ quan ngôn luận của tổ chức nào, thực tế là của Thanh niên cộng sản đoàn. Về sau, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (thường gọi là Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội) ra đời,

báo *Thanh liêm* được gọi là cơ quan của Tổng bộ Hội Thanh niên xuất bản cho đến cuối năm 1929, khi Hội kết thúc vai trò lịch sử của mình.

Sau báo *Thanh niên,* Nguyễn Ái Quốc lập ra báo *Kông Nông* để tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước cho công nhân và nông dân theo quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học (1926); báo *Lính Kách mệnh* (1927) để vận động, giác ngộ binh lính người Việt trong quân đội Pháp không chịu làm công cụ cho kẻ thù đàn áp đồng bào, liên minh với công nông làm cách mạng.

Tháng 4-1927, Tưởng Giới Thạch cầm đầu cuộc chính biến, làm cho tình hình chính trị Trung Quốc thay đổi xấu đi. Những người cách mạng Việt Nam hoạt động ở Quảng Châu chuyển vào hoạt động bí mật, Nguyễn Ái Quốc đi Thượng Hải rồi đi Liên Xô. Báo *Thanh niên* vẫn tiếp tục xuất bản, nhưng báo *Kông Nông* và *Lính Kách mệnh* ngừng xuất bản.

Ngày 1-10-1929, báo *Búa liềm,* cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương ra số l, do Trịnh Đình Cửu, Uỷ viên Trung ương lâm thời phụ trách. Báo in bằng giấy sáp, chữ viết tay, mỗi số 50 bản. Số cuối cùng, số 9, ngày 5-2-1930.

Cùng với báo của trung ương, một hệ thống báo chí của Đảng Cộng sản Đông Dương, từ các tỉnh đảng bộ, công hội, học sinh hội, đến một số chi bộ ra đời trên cả nước.

Báo của Đảng viết theo Tuyên ngôn được thông qua trong ngày thành lập, dựa theo *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản năm 1928.

Tháng 8-1929, Đảng Cộng sản An Nam thành lập, có tổ chức cơ sở ở Nam Bộ và một số chi bộ ở Hoa Nam.

Chi bộ Đảng Cộng sản An Nam ở Thượng Hải ra báo *Đỏ*, cũng viết tay trên giấy sáp.

Theo tài liệu chưa đầy đủ, kể từ tờ *Thanh niên* mở đường đến cuối năm 1929, có trên 50 tờ báo và tạp chí của Hội Thanh niên, Đảng Cộng sản Đông Dương và Đảng Cộng sản An Nam. Có tờ ra được khoảng 200 số (chưa có con số xác định) như *Thanh niên*; có tờ ra được vài chục số, thậm chí một vài số. Đây là những di sản quý của báo chí cách mạng Việt Nam buổi đầu, và của báo chí Việt Nam nói chung.

c) Một số tờ báo cách mạng tiêu biểu

- Thanh niên - tờ báo cách mạng đầu tiên:

Măng sét báo *Thanh niên* in trên đầu trang l, chạy ngay từ trái sang phải vẽ ngôi sao năm cánh, bên trong ngôi sao viết số báo, rồi đến hai chữ *Thanh niên* - chữ Hán, *và Thanh niên* - chữ Việt. Hàng dưới, về bên phải có ngày ra của số ấy. Tất cả những chữ trên đều đặt trong khung kẻ trang trọng[4].

Toàn bộ các trang báo được viết trên giấy sáp, bằng bút thép nhọn. Các số phần nhiều là 2 trang, có số 4, 5 trang. Mỗi trang thường chia làm 2 cột, mỗi dòng trong một cột là 8 - 9 chữ viết to, dễ đọc. Cỡ trung bình của tờ báo là 18x24cm. Một số đầu bài được viết bằng chữ Hán, như "Phụ nữ thời đàm", "Tân Văn", v.v..

Báo in xong phần lớn được gửi về trong nước theo đường dây bí mật. Một số được gửi đến các tổ chức của Hội ở Thái Lan, Trung Quốc, người Việt yêu nước ở Pháp và đến Quốc tế Cộng sản. Các bài viết dùng từ An nam (chưa dùng từ Việt Nam). Những chữ d, c, ph, ngh... được thay bằng z, k, f, ng...

Bản in có số lượng ít, đôi khi bị mất trên đường chuyển về nước, nên ít cơ sở nhận được báo đều đặn, đầy đủ. Nhiều nơi đã tổ chức chép tay thành nhiều bản để truyền nhau đọc. Thậm chí có nơi, đã là hội viên 3 năm mà chưa được đọc một tờ báo *Thanh niên* nào[5].

Cơ quan mật thám của Pháp để nhiều công sức theo dõi, truy tìm các đường dây chuyển báo, đánh vào các cơ sở của Hội, ngầm đưa tay sai vào nội bộ Hội để bí mật ăn cắp báo, tổ chức dịch ra chữ Pháp để nghiên cứu, đối phó. Trong kho lưu

trữ của Pháp hiện ở Aixăng Prôvăngxơ, có bộ sưu tập khá đầy đủ báo *Thanh niên,* được dịch ra chữ Pháp toàn văn những bài quan trọng, còn những bài khác chỉ tóm tắt nội dung chính yếu.

Những tổ chức, đảng phái khác, những người biên tập và quản lý các tờ báo xuất bản công khai trong nước, không được nhìn thấy báo*Thanh niên* xuất bản bí mật, nhiều lắm chỉ nghe tên báo qua câu chuyện nhỏ to với nhau.

Thấy ảnh hưởng của báo *Thanh niên* ngày càng lớn, đã có người tự nhận là cơ quan, chi nhánh của đảng mình. Báo *Le Paria* xuất bản ở Pari, số 38, tháng 4-1926, đưa tin: "Ở Quảng Châu, từ tháng 7 năm vừa qua đã xuất bản bằng chữ Việt và chữ Hán, mỗi tuần 2 kỳ, báo*Thanh niên,* cơ quan của chi nhánh châu Á Đảng Việt Nam độc lập".

Trần Văn Chỉ, một sinh viên Việt Nam viết trên báo *Le Drapeau rouge,* xuất bản ở Pari, ngày 18-2-1927: "Đảng Việt Nam độc lập có 2 tờ báo, một ở Pari là *L' Ame annamite* và một ở Trung Quốc là *Thanh niên* của Nguyễn Ái Quốc".

Việc nhận báo *Thanh niên* là cơ quan của đảng mình, nhằm mục đích gây uy tín cho đảng của họ, một đảng tập hợp nhiều khuynh hướng chính trị phức tạp, không có ảnh hưởng trong người Việt ở Pháp bao nhiêu và đa phần đang bế tắc, đứng bên bờ vực tan rã.

Báo *Thanh niên* có hai thời kỳ phát triển: thời kỳ thứ nhất, từ số l đến số 88, do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chỉ đạo biên tập, in, phát hành. Tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc chuyển vào hoạt động bí mật, rời Quảng Châu, báo *Thanh niên* bắt đầu thời kỳ thứ hai, do Tổng bộ Hội Thanh niên chỉ đạo. Trong thực tiễn vận động của phong trào yêu nước và phong trào công nhân có những vấn đề mới nảy sinh, phản ánh vào nhận thức của những người lãnh đạo các cấp bộ Hội, kể cả Tổng bộ. Đến cuối năm 1929, báo *Thanh niên* ngừng xuất bản[6].

Thời kỳ thứ nhất, trong 88 số đầu, báo *Thanh niên* đề cập đến các vấn đề sau:

a) Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với chủ nghĩa đế quốc Pháp; giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc nói chung

Đúng ra thì báo phải mang tính thời sự, đưa lại những nguồn thông tin mới nhất, nhưng trong điều kiện báo *Thanh niên* xuất bản bí mật ở nước ngoài không đáp ứng được yêu cầu ấy. Tuy vậy, những câu chuyện có tính quy luật đó vẫn mang "tính thời sự".

Sau đây là mấy ví dụ:

Bài *"Cấm đi ra ngoài"*[7] viết: Pháp cướp nước mình, cốt là rút của mình. Nó coi dân mình như là người ta nuôi gà, nuôi lợn vậy. Người ta nuôi gà, nuôi lợn là cất để lấy trứng và thịt. Nếu để cho gà cùng lợn chạy mất con nào, thì lỗ vốn con ấy, nên phải nhốt cho kỹ, không cho nó chạy ra ngoài.

Một bức tranh tố cáo cũng có giá trị như một bài báo ngắn. Bức tranh vẽ Tây nói: "trói cho thật chặt, sưu thuế, thuốc phiện, rượu cồn, bổ đầu nó ra mà lấy".

Khơi sâu lòng căm thù chủ nghĩa thực dân rồi, thì phải kiên quyết chống lại nó, nhưng nó yếu hay nó mạnh?; đấu tranh với nó chỉ là những cuộc chiến đấu tuyệt vọng, hay là nắm chắc phần thắng nhất định thuộc về ta.

Đây là vấn đề đặt ra cần được giải đáp rõ ràng để xây dựng và củng cố lòng tin, từ đó mà động viên tinh thần và tổ chức lực lượng cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân để giành thắng lợi.

b) Khẳng định con đường cách mạng, chống con đường cải lương

Cho đến giữa những năm 20 của thế kỷ XX, chủ nghĩa cải lương còn là một hình thái ý thức và quan điểm chính trị có ảnh hưởng chính trị nhất định trong một bộ phận nhân dân ta, chủ yếu là tầng lớp giàu có và một số trí thức, công chức.

Toàn quyền Varen thấy đây là một cơ hội có thể lợi dụng để đánh lạc hướng những người yêu nước, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản xâm nhập vào Việt Nam.

Nhiệm vụ của báo *Thanh niên* nói riêng, và những hoạt động về lý luận, tư tưởng và chính trị của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nói chung là kiên quyết triệt

để chống chủ nghĩa cải lương, khẳng định chỉ có con đường đấu tranh cách mạng mới giải phóng được dân tộc

Báo *Thanh niên,* số 2, ngày 28-6-1925, có bài viết: "Cách mệnh là toàn bộ các hành động nhờ đó một dân tộc bị áp bức trở thành tự do và giàu mạnh. Lịch sử các nước dạy ta rằng, chỉ có bằng cách mệnh, người ta mới có thể có một chính phủ tốt hơn, một nền giáo dục tốt hơn"[8].

Muốn lật đổ sự thống trị của kẻ thù, phải dùng bạo lực cách mạng. Sau khi vạch rõ nỗi khổ cực trăm bề của nhân dân ta, báo *Thanh niên,*số 63, có đoạn: "Cái sự khổ của dân Annam đã rất mực rồi không có dân nước nào mà khổ sở như vậy".

"Đồng bào ơi! Quyền tự do là giời cho mình, người mà không được tự do, thà rằng chết. Tỉnh dậy, tỉnh dậy, đập vỡ cái lồng nó nhốt người mình đi".

*"*Đồng bào ơi! Cam chịu như gà, như lợn mãi sao? Chỉ có gà, có lợn thì mới chịu người ta giam nhốt mãi, nếu là người thì thế nào cũng kiếm cách phá lồng mà ra".

"Phá lồng", "đập vỡ các lồng" chính là nói dùng bạo lực cách mạng đập tan sự kìm kẹp của kẻ thù, thoát khỏi tủi nhục.

c) *Lực lượng cách mạng là toàn dân, lấy công nông làm nền tảng*

Ngay từ số đầu, báo *Thanh niên* đã có bài nhấn mạnh lực lượng cách mạng là toàn dân đoàn kết, cùng chung một ý chí. Sau này, nhiều bài nhắc đi nhắc lại quan điểm cơ bản đó. Sở dĩ phải làm rõ vấn đề này, vì vào giữa những năm 20 của thế kỷ XX, một suy nghĩ khá phổ biến là chỉ có những người tài giỏi mới làm được cách mạng, đánh đuổi được Tây, lấy lại nước cho dân, còn dân chỉ là ủng hộ, hưởng ứng theo mà thôi. Những người tài giỏi đó lại đều là những người thông minh, học giỏi, văn võ kiêm toàn, còn công - nông mù chữ thì không làm được việc ấy.

Báo *Thanh niên,* số 1, có bài viết: "Để dẫn dắt nhân dân làm một sự nghiệp vĩ đại cần phải có một sức lãnh đạo. Sức lãnh đạo đó không phải của một vài người thôi, mà sinh ra từ sự hiệp lực của hàng ngàn, hàng vạn người" và "Muốn cho hàng ngàn, hàng vạn người ấy đoàn kết chặt chẽ với nhau, thì họ phải cùng một ý chí

như nhau, họ phải theo đuổi một mục đích như nhau, có vậy mới có đoàn kết". Số 73, ngày 12-12-1926, có bài viết: "Đương khi mất nước, bước đầu cách mạng là ai đánh đuổi đế quốc chủ nghĩa đi mà muốn cho dân tộc mình được tự do giải phóng. Lực lượng dân tộc cách mạng là ở về toàn quốc dân, nên quốc dân giác ngộ chừng nào thì lực lượng cách mạng to lớn chừng ấy".

Báo *Thanh niên* khẳng định rằng: chỉ có công nông là triệt để cách mạng.

Cách mạng là nhiệm vụ chung của mọi người giác ngộ cùng làm. Mỗi người tùy tài, tùy sức, của cải riêng, mà cống hiến cho cách mạng để cứu nước, tức là tự cứu lấy bản thân mình và gia đình mình. Quan niệm chung là tập trung lực lượng thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc, đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên trên hết. Kẻ thù của cách mạng là chủ nghĩa đế quốc Pháp, nói nôm na là "Tây". Đối với giai cấp phong kiến, ở đây không nhập cục làm một khối, mà có sách lược phân hóa cao độ. Người nào thuộc giai cấp địa chủ, là quan lại, sĩ phu, nhưng có tinh thần dân tộc chống đế quốc, đi với cách mạng (sau này ta gọi là địa chủ yêu nước, địa chủ kháng chiến) "đều là đồng chí của mình" trong cách mạng giải phóng dân tộc. Những kẻ bám lấy chủ nghĩa đế quốc làm tay sai cho đế quốc, chống lại dân tộc, thì xếp vào "loại kẻ địch".

Đó là quan điểm dân tộc, thể hiện chính sách mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, đúng đắn, kết hợp nhuần nhuyễn tính nguyên tắc về chiến lược với nghệ thuật vận dụng khéo léo, tài tình sách lược mềm dẻo, thêm bạn bớt thù.

d) Nhận rõ con đường cách mạng, người cách mạng phải biết hy sinh vì sự nghiệp cách mạng và có phương pháp cách mạng đúng

Cách mạng Việt Nam đi qua hai thời kỳ. "Thời kỳ thứ nhất là đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc giải phóng dân tộc". "Mục tiêu của thời kỳ thứ hai là khai thác triệt để thắng lợi của cách mệnh. Vì vậy, sau khi đánh đuổi Pháp ra khỏi bờ cõi Việt Nam, chúng ta phải trừ diệt các phần tử phản cách mệnh, xây dựng các đường giao thông, phát triển thương nghiệp và công nghiệp, giáo dục nhân dân và lo cho dân

được hòa bình hạnh phúc"[8]. Đây chính là nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là con đường lâu dài, khó khăn, một việc lớn, "không phải một vài người làm nổi, và cũng không phải mấy ngày, mấy tháng làm ngay được"[9].

Làm cách mạng phải hy sinh vì nghĩa lớn "Làm việc cách mệnh phải biết cách mệnh là việc chung, nên lấy lòng chí công vô tư mà theo dõi các công việc, lại phải biết cách mệnh cốt nhất là sự hy sinh, hy sinh gia đình, hy sinh tính mệnh, hy sinh lợi quyền, hy sinh ý kiến"[10].

Trong cuộc đấu tranh, cách mạng đòi hỏi mỗi người tham gia phải tự rèn luyện mình có đủ mọi đức tính hy sinh đó. Thái độ khách quan, khoa học của người cách mạng là lấy lợi ích cách mạng làm trọng. Mình chỉ hỏi người ấv có phải là người cách mệnh không, mà đừng nên hỏi người ấy là ai, chỉ nên hỏi việc ấy có ích về đường cách mệnh không, mà đừng hỏi việc ấy là của ai làm"[11].

Xét "việc ấy có ích về đường cách mệnh không?" làm tiêu chuẩn, nên ý kiến cá nhân không phù hợp với đường cách mạng là phải tự giác gạt bỏ.

Một công việc to, khó khăn, lâu dài, nên phải có phương pháp tốt, "trước hết phải biết chính sách của Tây, sau phải biết bí mật mà sắp đặt những công việc mình"[12]. Việc gì làm trước, việc gì làm sau, theo một kế hoạch. "Cách mệnh trước hết phải tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, sau cùng mới dùng đến vũ lực, đừng chăm chăm chỉ biết cách làm bạo động".

đ) Cần có Đảng Cộng sản lãnh đạo cách mạng và tổ chức quần chúng cách mạng, đặc biệt là tổ chức công nhân

Ngay từ đầu, báo *Thanh niên* đã giáo dục chủ nghĩa yêu nước theo tinh thần cộng sản chủ nghĩa. Số 60, ngày 8-9-1926, có bài viết về các chính đảng, tác giả đặt câu hỏi: "Chúng ta phải theo đảng nào?". Và trả lời dứt khoát rằng: "Hỡi đồng bào thân

mến, như vậy chỉ có một con đường chân chính là phải theo cái đảng duy nhất kiên quyết trong hành động, đó là đảng cộng sản".

Số 61, ngày 18-9-1926, có đoạn viết: Đảng cách mệnh chân chính phải bao gồm những đảng viên mẫu mực. Là đảng viên mẫu mực thì phải có đủ 12 điều kiện sau đây:

l. Ngày, đêm lo lắng đến sự nghiệp cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới;

2. Dám hy sinh tiền bạc, thì giờ, cả xương máu của mình cho lợi ích của nhân dân bị áp bức, đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết;

3. Làm việc say sưa, mỗi người tùy tài, tùy sức mà cống hiến để đưa cách mạng tiến lên;

4. Biết rằng cách mạng là một cuộc chiến đấu lâu dài, quyết liệt của vô sản chống những kẻ áp bức, cho nên người đảng viên không sợ hy sinh, gian khổ;

5. Người đảng viên trong mỗi lời nói và việc làm đều có ý thức, suy tính, cân nhắc để lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng thu được kết quả tốt;

6. Làm việc gì cũng phải có kế hoạch và chuẩn bị chu đáo để bảo đảm thành công, tránh thất bại bất ngờ;

7. Phải giác ngộ nhân dân, làm cho nhân dân tin tưởng Đảng. Đảng viên cần tổ chức, đưa nhân dân vào cuộc đấu tranh cách mệnh;

8. Tổ chức các đoàn thể quần chúng cách mệnh lớn mạnh là điều kiện bảo đảm cho cách mệnh mau đi tới thắng lợi.

9. Không ham muốn quyền hành, địa vị, tiền tài, vì những thứ đó làm cho đảng viên không trung thành với cách mệnh có thể dẫn tới phản bội cách mệnh;

10. Không kiêu căng, tự mãn. Phải nhận rõ làm cách mệnh là để phục vụ nhân dân, chứ không phải để đề cao cá nhân mình;

11. Phải khiêm tốn, hòa nhã, lo lắng cho quần chúng; thắng không kiêu, thua không nản; không bao giờ quên nghĩ rằng cuộc đời và sự nghiệp mà mình phấn đấu là thuộc về nhân loại, không phải vì riêng mình;

12. Bền bỉ, kiên cường, dũng cảm trong đấu tranh.

Cách mạng là do quần chúng tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Vì vậy, người cộng sản phải chăm lo tổ chức quần chúng. Báo *Thanh niên* có nhiều bài viết về tổ chức công nhân, nông dân, phụ nữ..., giáo dục họ tự giác đấu tranh cho thắng lợi của cách mạng.

e) Nghiên cứu kinh nghiệm cách mạng các nước, khẳng định cách mạng Việt Nam đi theo con đường của cách mạng Nga thì mới giành được thắng lợi

Trên báo *Thanh niên* có nhiều bài dài, đăng nhiều kỳ liên tục về lịch sử châu Âu thời kỳ cận đại, nói rõ nguyên nhân, quá trình diễn biến của các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp; tính chất tư bản đối lập với quần chúng nhân dân, nông dân và lao động ở các nước đó; xu thế phát triển xã hội của các nước tư bản chủ nghĩa do các cuộc cách mạng tư sản mở đầu, và quần chúng lao động vẫn phải làm một cuộc cách mạng nữa mới được giải phóng.

Từ khảo nghiệm các cuộc cách mạng tư sản, tác giả báo *Thanh niên* đề cao cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười năm 1917. Báo dành số đặc biệt kỷ niệm Cách mạng Nga, như số 19, ngày 8-11-1925; số 68, ngày 7-11-1926 (không kể thời kỳ thứ hai).

Báo *Thanh niên* còn dành nhiều bài *chuyên luận* về cách mạng Việt Nam đối với các thành phần phụ nữ, nông dân, sinh viên, thiếu nhi; về đảng cộng sản và phẩm chất của người cách mạng; về chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa bônsơvích; phong trào cách mạng ở các thuộc địa, chủ nghĩa vô chính phủ...

Về lịch sử, có nhiều bài viết về lịch sử cách mạng các nước trên thế giới; lịch sử cách mạng Nga, Trung Quốc; lịch sử các thuộc địa của Pháp; sự lớn mạnh và suy tàn của chủ nghĩa đế quốc. Báo đăng bài về sự tôn kính tiền nhân và việc Phan Bội Châu (bị bắt) (số 6, ngày 26-7-1925); một bài dài về tiểu sử Găngđi in trên 3 số liền nhau; về Luidơ Misen, Giannơ Da, Clara Xốtkin và phụ nữ các nước; kỷ niệm ngày 1-5 và Phạm Hồng Thái hy sinh; về bà Trưng Trắc.

Báo đăng Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức; lời kêu gọi các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!

Ngoài ra còn có mục *Thư trả lời,* tin tức đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản Việt Nam và trên thế giới.

Các số báo thường có tranh vẽ, thơ, ca.

Những mục trên làm cho nội dung báo phong phú, đa dạng; tập trung, chính trị mà không khô khan; lời văn giản dị, dễ hiểu, đi sát với tiếng nói của quần chúng và những thuật ngữ cách mạng được cập nhật, phổ biến rộng rãi, nâng cao trình độ hiểu biết và trình độ ngôn ngữ cho quần chúng.

Ở trang đầu mỗi số có đóng dấu đỏ "Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên", và một dấu mực xanh: báo không phải để bán.

Thời kỳ thứ hai, từ số 89 trở đi, tôn chỉ, mục đích và phong cách, thể loại, cách trình bày báo được kế tục, duy trì và phát triển.

Thời kỳ thứ nhất, điều kiện biên tập, in tương đối ổn định, không gặp nhiều khó khăn về cơ sở làm việc, kể cả tài chính. Thời kỳ thứ hai, do có bất lợi về tình hình chính trị Trung Quốc, báo phải chuyển vào bí mật, thường di động, phân tán, tài chính và vật liệu in có nhiều trở ngại. Những người lãnh đạo Tổng bộ tích cực khắc phục mọi khó khăn để báo không bị gián đoạn; tuy vậy số nọ và số kia có khi xê xích nhau 5 - 3 ngày. Việc liên lạc với hệ thống tổ chức Hội ở Thái Lan cũng như trong nước và quan hệ quốc tế được củng cố tốt. Qua các số báo ghi lại, cho thấy báo *Tiếng dân* xuất bản ở Huế, số 118, ngày 3-10-1928 được chuyển đến ban biên tập báo *Thanh niên* bằng đường dây nào đó; báo *Thanh niên* số 158, ngày 28-10-1928, có bài viết nhắc lại cuộc đình công của 400 công nhân đăng trên báo *Tiếng dân* này, kèm theo những vấn đề đặt ra cho báo *Tiếng dân* về việc tổ chức và đấu tranh của công nhân.

Báo *L' Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp cũng được gửi đến Tổng bộ Hội Thanh niên; qua báo *Thanh niên* số 187, ngày 5-8-1929, nói về*L' Humanité,* ngày 12-7-1929.

Nhìn chung, báo *Thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và chỉ đạo biên tập ở thời kỳ đầu và được những người cách mạng, học trò xuất sắc của Người kế tục ở thời kỳ sau đi đúng tôn chỉ, mục đích đã đề ra, đánh đấu một mốc lịch sử của báo chí Việt Nam, khai sáng dòng báo chí cách mạng, đưa chủ nghĩa yêu nước vào trong nhân dân Việt Nam, nhất là trong thanh niên, theo xu hướng của cách mạng vô sản. Báo *Thanh niên* đóng vai trò lịch sử hết sức quan trọng trong việc tuyên truyền, chuẩn bị về tư tưởng, lý luận và tổ chức cho việc ra đời các nhóm cộng sản vào cuối năm 1929 và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

- Báo *Búa Liềm:*

Báo *Búa Liềm,* cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương xuất bản được 9 số kể từ ngày 1-10-1929, mỗi số cách nhau nửa tháng. Chúng ta biết được như thế qua những tài liệu của ta và của mật thám Pháp, chứ không giữ được đủ bộ sưu tập. Kho của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam chỉ có 3 số bản mốc (3, 4, 5)[13]. Với nguồn tài liệu ít ỏi, nhưng vô cùng quý, giúp chúng ta hiểu một phần về Đảng Cộng sản Đông Dương qua cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng.

Ở số 3, ngày 1-11-1929, báo đề ra *"Khẩu hiệu đấu tranh"* cho *thợ thuyền* áo xanh (công nhân công nghiệp), áo nâu (công nhân nông nghiệp), khách (công nhân là người Hoa) tổ chức nhau vào công hội theo Đảng Cộng sản đấu tranh, đòi các quyền lợi kinh tế và tổ chức công hội, tự do bãi công và tuần hành (có 5 khẩu hiệu, 4 là thuần túy kinh tế); đối với *dân cày,* tổ chức vào nông hội theo Đảng Cộng sản, đòi các quyền lợi kinh tế đưa ra khẩu hiệu: "công, nông, binh Đông Dương đoàn kết lại! Theo gương cách mệnh Nga, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa"; đối với *phu xe,* tổ chức vào Hội Phu xe, theo Đảng Cộng sản đòi các quyền lợi kinh tế và tự do lập hội, tự do nói, tự do biểu tình, tự do bãi công; đối với *binh lính* khố đỏ, khố

xanh, tổ chức vào binh hội, đấu tranh đòi tăng lương, chống ngược đãi, chống đi nước ngoài,... được tự do hội họp xem sách báo, liên minh với công nông; khi cách mệnh bùng nổ, phải *tổ chức ra Hồng quân* bảo vệ công nông; với *học sinh,*tổ chức học sinh hội đòi các quyền lợi học tập, chống mắng chửi, tự do xuất dương du học,...; đối với người *buôn bán nhỏ,* đòi xóa bỏ các thứ thuế, đối *với giáo dục, thư ký sở công và tư* đòi tự do lập hội nói, viết…

- *Báo Đỏ:*

Trên măng sét viết những dòng đóng trong khung bên phải tên báo chữ to: "Báo Đỏ là cơ quan của một chi bộ cộng sản, mục đích là cổ động những người cộng sản, những chi bộ cộng sản ở Annam mau mau hợp nhất lại cho thành một đảng cộng sản chính thức".

Trong khung bên phải tên báo, có những dòng chữ: "Thành lập một đảng cộng sản chính thức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, phản đối khủng bố, giết, đày, giam người cách mạng, đó là trách nhiệm khẩn cấp của những người cộng sản ở Annam bây giờ".

Báo *Đỏ* là cơ quan của một chi bộ Đảng Cộng sản Annam hoạt động ở Trung Quốc, gồm có Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Đỗ Ngọc Du, Nguyễn Lương Bằng... Báo viết tay trên giấy sáp. Hiện nay chưa tìm thấy số 1, ra ngày, tháng, năm nào và tất cả ra được mấy số, chưa rõ.

Bài đăng trên báo *Đỏ* nhan đề *"Làm thế nào cho có một đảng cộng sản chính thức ở Annam"* biểu thị một tinh thần chân thành, xây dựng, thẳng thắn phê bình những sự chia rẽ giữa những người cộng sản và nhóm cộng sản, kêu gọi đoàn kết lại, thành lập một đảng cộng sản chính thức vì lợi ích của cách mạng, của quần chúng[14]. Ý tưởng tốt đẹp này hoàn toàn thống nhất với chỉ thị của Quốc tế Cộng sản trong thư đề ngày 27-10-1929 về việc thành lập ở Đông Dương một đảng cộng sản, với chủ trương của Nguyễn Ái Quốc về hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản - Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

“Annam chưa có đảng cộng sản, chẳng những quốc tế công nhận thế, mà đồng chí ta chắc ai cũng hiểu vậy. Một đảng chính thức phải có đủ hệ thống tổ chức, phải có cơ bản lực lượng của đảng và lực lượng quần chúng tổ chức. Nhưng thế cũng chưa thể gọi là một đảng chính thức được, phải trải qua một thời gian phấn đấu để đào thải hết những phần tử đầu cơ, hoạt đầu, thỏa hiệp, để luyện đảng viên cho có kiên nhẫn như sắt, để làm cho đảng có kinh nghiệm đầy đủ, lý luận và chủ trương chính đáng, không xu hướng tả mà cũng không xu hướng hữu, nói tóm lại là đảng viên phái bônsêvich hóa thì đảng mới gọi đảng bônsêvích...".

"Hiện thời Annam từ Nam đến Bắc, từ Lào đến Miên, đâu đâu cũng đã có người cộng sản hoặc chi bộ cộng sản, có chỗ cũng đã có công hội, nông hội, tổng công hội, nông dân hiệp hội. Ngọn cờ đỏ đã rải rác phất phới trên xứ Đông Dương. Những cuộc kỷ niệm bãi công, đã thấy truyền đơn, khẩu hiệu của những đồng chí cộng sản đi đầu ra lãnh đạo quần chúng. Các nhà tù đã chất đầy những người chiến sĩ vô sản giai cấp. Đế quốc chủ nghĩa Pháp đã kinh hồn thất phách, đã biểu hiện thái độ của nó ra trên các báo chương của nó. Tụi chó săn của nó đã đi khắp từ thành thị đến thôn quê diễn thuyết, hiểu dụ về việc phản đối “tụi cộng sản phiến động" để lừa dối dân chúng".

Cảnh tượng nhiệt liệt ấy đã tỏ cho ta biết rõ bằng phong trào cách mạng Annam đã cuộn đến một làn sóng mới.

II. BÁO CHÍ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930 – 1936

1. Sự phát triển của tình hình chính trị - xã hội Việt Nam từ năm 1930 đến giữa năm 1936

Cuộc khủng hoảng kinh tế lan tràn khắp thế giới từ năm 1929 đã tác động mạnh mẽ đến nước Pháp đế quốc chủ nghĩa, ảnh hưởng xấu tới xứ Đông Dương thuộc địa; đến năm 1933 mới tạm thời ổn định, thời gian dịu đi chẳng được bao lâu thì cuộc khủng hoảng mới lại bắt đầu từ năm 1935. Lần này, cuộc khủng hoảng kinh tế tuy không nghiêm trọng như lần trước, nhưng nhân dân ta vẫn thấy nghẹt thở, vì chưa

lại sức bởi sự tàn phá trước thì lại phải hứng chịu luồng gió độc mới làm cho xơ xác.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930, đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử trong sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

Nhờ có một đảng triệt để cách mạng, có đường lối chính trị và tổ chức sáng suốt, có uy tín của nhà lãnh tụ cách mạng thiên tài Nguyễn Ái Quốc, qua *"Lời kêu gọi"* nhân dịp thành lập Đảng, một cao trào cách mạng của quần chúng lần đầu tiên xuất hiện ở nước ta. Hệ thống tổ chức các cấp của Đảng được xây dựng. Các đoàn thể quần chúng cách mạng do Đảng lãnh đạo như công hội, nông hội, thanh niên cộng sản đoàn, cứu tế đỏ,... đã lôi cuốn quần chúng tham gia đông đảo chưa từng có. Nhiều cuộc hội họp, rải truyền đơn, treo cờ, dán biểu ngữ, mít tinh, biểu tình, làm đơn kiến nghị đòi chính quyền, địa chủ, tư bản, giải quyết những yêu cầu cấp thiết của đời sống nhân dân về các quyền lợi kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Quần chúng tham gia đấu tranh, phát triển đến đỉnh cao nhất là Phong trào Xôviết ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Khi hội nghị bàn việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam vừa kết thúc, Việt Nam Quốc dân Đảng bị động đẩy tới cuộc khởi nghĩa Yên Bái ngày 9-2-1930. Đế quốc Pháp dìm Việt Nam Quốc dân Đảng trong tàn sát và khủng bố chưa xong, lại hoảng sợ trước khí thế mãnh liệt của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản mới ra đời. Chúng ra sức tìm mọi cách ngăn chặn và đẩy lùi phong trào cộng sản đi tới mong tiêu diệt nó. Chúng đàn áp hết sức điên cuồng, những vụ bắt người, ném bom, đốt nhà, cướp nhà, cướp của, giết người không có xét xử, diễn ra tràn lan, gấp bội so với thời kỳ đối phó với Việt Nam Quốc dân Đảng. Chúng vu cáo những người cộng sản trên báo chí, trước dư luận, mong làm cho quần chúng hiểu sai sự thật về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và phẩm chất cao quý của người cộng sản.

Sau những đợt khủng bố của kẻ thù trong những năm 1930 - 193l, hệ thống tổ chức của Đảng bị phá nghiêm trọng. Phần lớn đảng viên bị sa lưới mật thám. Các Uỷ viên Trung ương Đảng, Xứ uỷ, tỉnh uỷ, huyện uỷ bị bắt tù, đày. Các tổ chức quần chúng cách mạng bị tan vỡ. Thực trạng tiêu điều về kinh tế kết hợp với khủng hoảng chính trị làm cho xã hội Việt Nam càng biến động phức tạp. Cách mạng bước vào thời kỳ thoái trào.

Từ năm 1932 trở đi, địch ra sức chấn chỉnh và củng cố hệ thống chính quyền và cơ sở kinh tế do tác động của cao trào cách mạng 1930 - 1931; chúng tăng cường hệ thống an ninh, nhằm vào một số trọng điểm có phong trào cách mạng để tạo khả năng chủ động và phản ứng kịp thời đối với những cuộc đấu tranh mới; ra sách, báo gieo rắc mê tín, ảo tưởng hão huyền, bi quan trong nhân dân, đặc biệt là thanh niên, v.v..

Thực dân Pháp tiến hành những vụ xử án những người cộng sản ở các tòa án tỉnh, thành khắp nơi trong cả nước, từ tử hình đến tù, đày làm cho không khí chính trị ngột ngạt, nhất là vụ xử 120 người hoạt động cộng sản ở Tòa đại hình Sài Gòn tháng 5-1933 nhằm khủng bố tinh thần nhân dân. Nhưng tinh thần dũng cảm, khí phách của những người cộng sản trước tòa án không những đã làm cho chúng đuối lý, thất bại nhục nhã mà còn gây nên lòng căm phẫn sôi nổi ở trong nước và cả ngoài nước, nhất là ở Pháp.

Đế quốc Pháp còn liên kết với bè lũ đế quốc và phản động quốc tế Anh, Trung Quốc, Thái Lan... để khủng bố những người cộng sản Việt Nam, điển hình là vụ bắt giam Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông trong những năm 193l - 1933; bắt Nguyễn Lương Bằng, Đỗ Ngọc Du... ở Thượng Hải tháng 6-1931.

Tháng 3-1935, Đại hội lần thứ I của Đảng họp ở Ma Cao. Qua thực tiễn phong trào từ năm 1930, Đảng đã khẳng định mục tiêu, đường lối chiến lược cơ bản của Đảng đề ra từ khi thành lập là đúng đắn; tình hình xây dựng Đảng, tổ chức và hoạt động của các đoàn thể quần chúng, quan hệ quốc tế của Đảng được bổ sung và cụ thể

hóa bằng những kinh nghiệm phong phú. Tuy nhiên, những nghị quyết của Đại hội có những hạn chế, không sát với những biến động chính trị trong nước và quốc tế, chưa đề ra được chủ trương, biện pháp để tập hợp các lực lượng dân chủ trong phạm vi mỗi nước và trên quy mô quốc tế nhằm chống chủ nghĩa phát xít và tay sai của chúng, bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh.

Đoàn đại biểu của Đảng ta sau khi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản trở về, xem Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng có những vấn đề cần bổ sung và sửa chữa cho phù hợp với bước đi chung của phong trào cộng sản quốc tế, đề ra những nhiệm vụ mới, đáp ứng được yêu cầu của phong trào đấu tranh cách mạng trong thời kỳ mới[15].

Từ năm 1933 trở đi, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân diễn ra ngày càng rộng rãi. Nhờ có kinh nghiệm đã tích luỹ được với sự vững vàng của cơ sở Đảng, nên một số đồng chí tham gia tranh cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn viết báo về những người cộng sản sống và đấu tranh ở Côn Lôn (Côn Đảo); tuyên truyền cho triết học duy vật biện chứng và mỹ học Mác - Lênin, tiến công vào tư tưởng triết học duy tâm và duy vật máy móc, cùng mỹ học tư sản...

Ngày 26-7-1936, tại một địa điểm ở nước ngoài, Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng, chính thức quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đề ra sách lược mới, thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương, sau đó gọi là Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương. Về cơ bản, nội dung chính sách, các khẩu hiệu đấu tranh ở thời kỳ này là đòi tự do, dân chủ, tuy chưa hoàn chỉnh.

2. Những điểm mới trong chính sách báo chí của chính quyền thực dân

Những luật lệ, sắc lệnh, nghị định của chính quyền thực dân thời kỳ trước năm 1930 như đã trình bày ở trên, vẫn giữ nguyên hiệu lực của nó.

Từ năm 1930 đến giữa năm 1936, trước ngày Chính phủ L. Blum thành lập, chính quyền thực dân đã ban hành trên 30 văn bản mới về báo chí, hoặc có liên quan đến báo chí.

Trong số những văn bản mới này, phần lớn là quy định về tăng thêm thời hạn bị tù và tiền phạt nếu vi phạm các điều luật, sắc lệnh và nghị định đã quy định từ trước, để kiềm chế báo chí chặt chẽ hơn trong gọng kìm của chính sách thực dân. Đáng chú ý là nghị định của Toàn quyền R.Rôbanh ký ngày 1-1-1935 về bãi bỏ chế độ kiểm duyệt báo chí quy định từ năm 1898. Nghị định không được công bố trên *Công báo* (J.O.I.F), các báo chí đương thời cũng không có toàn văn, chỉ được phổ biến ý chính. Một số báo đã đưa tin, bình luận về chủ trương này.

Thống sứ Bắc Kỳ Y. Saten đến Hội nghị thường niên Viện Dân biểu Bắc Kỳ đọc một bài diễn văn vào ngày 3-11-1937, có đoạn: "Hai điểm như đã tập trung dư luận công chúng và sự cổ động làm đọng lại trong ý thức: vấn đề giải phóng tù chính trị và vấn đề báo chí".

“Vấn đề báo chí không ngừng được theo dõi ở Bắc Kỳ với một lợi ích ham muốn bởi dư luận công cộng. Vấn đề đó đôi khi làm nảy sinh việc cổ động trong ý thức, tôi tưởng cần nhận rõ nguồn gốc của những cuộc vận động lộn xộn về tư tưởng và con người”.

"Không có gì đáng nói về sự việc mới nhận thấy dư luận rất phổ biến trong giới “trẻ" về báo chí Bắc Kỳ, sau đó nghề làm báo là một nghề đã làm. Nó tồn tại trước hết là phơi bày những dư luận cực đoan và đã góp phần trực tiếp hoặc gián tiếp vào toàn bộ phong trào báo chí hay hoạt động nhằm mục đích làm rối loạn trật tự".

Việc xóa bỏ chế độ kiểm duyệt là một phương sách còn rất mới mà nhiều người "trẻ" có khả năng học tập sử dụng để tự do đưa tin mà họ ưng thích. Tuổi tác và kinh nghiệm còn thiếu để rút ra một lợi ích hợp lý về quyền tự do hành động đặt ra bất thường cho say sưa với ngôn từ hay ngòi bút. Hành động của họ cực đoan, đôi khi nhẹ nhàng hơn là nó không tham dự vào một ý hướng có hại, ngẫm nghĩ và có suy tính. Tôi tự nghĩ rằng trong một vài năm phần lớn các tờ báo đã tỏ một thái độ và một địa vị xã hội phù hợp hơn nữa với vai trò mà báo chí cần phải có ở xứ này".

Chính quyền thực dân chủ trương xóa bỏ chế độ kiểm duyệt không phải nhằm mở rộng quyền tự do hoạt động cho báo chí, mà là để tăng cường việc ra lệnh thu hồi giấy phép đối với những tờ báo nào mà chúng thấy không ưa, có ý công kích chính sách thực dân, phê phán bọn quan trường sâu mọt, tàn nhẫn, thối nát, dù là dưới hình thức sỗ sàng, bốp chát, hay kín đáo, tế nhị, bất kể là báo của ai, bằng tiếng Pháp hay dã man hơn là cắt bỏ một vài đoạn, một bài, cho đến cả một trang báo, nhưng tờ báo vẫn còn sống dù là sống lay lắt.

3. Tình hình xuất bản báo chí

a) Về báo chí xuất bản công khai, hợp pháp

Dòng báo chí xuất bản công khai, hợp pháp tiếp tục phát triển về số lượng, nhưng nhịp độ không đều, không ổn định. Năm 1931 tăng hơn năm 1930 là 35 tên báo và tạp chí; năm 1932 - 1933, mỗi năm tăng hơn năm trước 25 - 27 tờ; năm 1934 tăng 8 tờ; năm 1935 tăng hơn năm trước 40 tờ (cao nhất); đầu năm 1936 và cả năm 1936 lại sụt xuống.

Hằng năm, trung bình có từ 30 đến 40 tờ đình bản. Như vậy là số lượng của năm sau tăng lên khá cao, vì phải bù lại số đình bản và vượt qua con số của năm trước để con số trội hơn (trừ năm 1936).

Các loại báo đều tăng lên, tuy tỷ lệ cơ cấu không đều nhau: chính trị và văn hóa, khoa học - kỹ thuật và văn học nghệ thuật, tôn giáo, thể thao, v.v.. Loại báo in bằng ngoại ngữ và song ngữ (Hán - Việt) cũng tăng lên. Số người Việt đứng tên xin phép ra báo càng nhiều, so với người Pháp thì tỷ lệ tăng lên.

Bọn thực dân dùng báo chí để tuyên truyền, cổ động cho chủ nghĩa cải lương, nhất là từ sau khi Bảo Đại về nước, mong làm dịu nỗi bất bình vì những đau khổ do chúng gây ra.

Từ năm 1930, tư tưởng xáo động ổn định dần, trật tự xã hội đỡ căng thẳng. Trên báo chí xuất hiện những cuộc trao đổi, tranh luận về văn học nghệ thuật giữa các xu hướng và phương pháp sáng tác khác nhau, đối lập nhau.

Văn học lãng mạn xuất hiện từ những năm 20 của thế kỷ XX, đến lúc này mang những nội dung và hình thức mới khác trước, do tình hình chính trị ảnh hưởng đến tư tưởng, quan điểm của giai cấp tư sản, tiểu tư sản thành thị và giới trí thức. Tư sản dân tộc và tiểu tư sản trí thức Việt Nam tìm thấy trong chủ nghĩa lãng mạn một tiếng thở dài chống chế độ thuộc địa[16].

Giai cấp tư sản chống chế độ phong kiến quan liêu qua các quan hệ gia đình, lễ giáo, đạo đức, tiêu biểu là những truyện dài, truyện ngắn đăng trên báo *Phong hóa* (6-10-1936) của nhóm Tự lực văn đoàn.

Báo *Phụ nữ tân văn* số 122, ngày 10-3-1932 đăng bài của Phan Khôi đem "một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ", và giới thiệu bài *"Tình già"* mở ra cuộc tranh luận về thơ mới, kéo dài nhiều năm, lôi cuốn nhiều tờ báo ba miền Trung, Nam, Bắc tham gia như *Phong hóa, Tiếng dân, Annam tạp chí, Ngày nay, Tiểu thuyết thứ bẩy, Hà Nội báo, Công luận, Sài Gòn, Tân thời, Văn học tạp chí...*

Văn chương trên báo *Phong hóa* ngày càng tranh thủ được bạn đọc trong tầng lớp tư sản, tiểu tư sản, học sinh thành thị. Những bài thơ của Tú Mỡ được đông đảo bạn đọc đón nhận. Nó phản ánh những cảnh ngang tai, trái mắt diễn ra hằng ngày, gần gũi trong cuộc sống.

Các đảng viên cộng sản hết hạn tù trở về, tìm bắt liên lạc với Đảng để tiếp tục hoạt động. Một trong những phương tiện mà các cán bộ trí thức của Đảng ở tù ra và ở nước ngoài về sử dụng là lấy báo chí công khai, hợp pháp làm vũ khí đấu tranh.

Tờ báo *La Lutte* ra số l, này 24-4-1933, phục vụ cho cuộc tranh cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn, có công nhân và trí thức, tơrốtxkit và cộng sản, đăng một số bài bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động. Sau khi ra số 4, ngày 2-6-1933, *La Lutte* ngừng 16 ngày mới lại ra tiếp. Nguyễn Văn Nguyễn, một cán bộ của Đảng, từ nhà tù Côn Lôn trở về, viết một phóng sự dài về các chiến sĩ cộng sản bị giam, đày ở đây, đăng trên 35 số, từ số 6, ngày 11-10-1934, đến số 58, ngày 26-10-1935

(có một số cách quãng, không đăng liên tục). Đây là một bản cáo trạng lớn về tội ác của chế độ thực dân đối với nhân dân ta và nhân dân Pháp.

Từ ngày tục bản, số 5, ngày 4-10-1934, *La Lutte* đăng những bài của phái tơrốtxkit đứng đầu là Tạ Thu Thâu, đồng thời đăng những bài của những người cộng sản: Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn và Nguyễn Thị Lựu. Những bài đăng trên báo *L' Humanité* được những người cộng sản cho đăng lại ở đây. Như vậy là trên mặt báo hình thành hai khuynh hướng trái ngược nhau: cộng sản và tơrốtxkit. Phái tơrốtxkit lợi dụng sự "hợp tác" để lừa dư luận, như là sự cộng tác giữa những người tơrốtxkit và cộng sản ở Đông Dương. Sau này, một vài nhà nghiên cứu lịch sử ở Pháp đã bịa đặt là "có sự gợi ý của Đảng Cộng sản Pháp" ra báo của tơrốtxkít - cộng sản ở Đông Dương,xem đó như là điều kiện để chuẩn bị tiến tới phục hồi Đảng Cộng sản ở Đông Dương (!)", sau những cơn bão táp khủng bố của thực dân Pháp.

Phụ nữ thời đàm số 4, ngày 8-8-1933, mở đầu cuộc tranh luận về duy tâm và duy vật, với bài của Phan Khôi: *"Văn minh vật chất và văn minh tinh thần"*. Hải Triều phê phán: *"Ông Phan Khôi không phải là một học giả duy vật"* đăng báo *Đông phương* số 891, ngày 20-10-1933. Thực chất quan điểm triết học của Phan Khôi là để dẫn tới nhận thức chính trị: không nên làm cách mạng. Hải Triều phê phán cơ sở nhận thức triết học duy tâm của Phan Khôi, chứ chưa đả kích vào quan điểm chính trị của Phan Khôi.

Tiếp theo đó, Phan Khôi đáp lại bằng bài *"Nguyên lý với hiện tượng"* đăng trên *Phụ nữ thời đàm* số 9, ngày 12-11-1933. Hải Triều tiếp tục vạch trần: *"Ông Phan Khôi là một học giả duy tâm"* đăng trên *Phụ nữ thời đàm* số 1, tháng 2-1934. Sau đó xoay qua vấn đề: *"Trên lịch sử nước ta không có chế độ phong kiến?"* của Phan Khôi đăng trên *Phụ nữ tân văn* số ra ngày 29-11-1934, và bài phản đối của Hải Triều: *"Trên lịch sử nước ta vẫn có chế độ phong kiến",* đăng báo *Công luận,* số 2 và 3, ngày 7-4-1935.

Hải Triều cùng với Hải Vân, Hỏa Sơn, Hồ Xanh, Lâm Mộng Quang v.v.. viết nhiều bài trình bày quan điểm mỹ học Mác - Lênin, chống lại quan điểm nghệ thuật tư sản đăng trên các báo *Ánh sáng, Trung Kỳ, Tiến bộ*. Những chiến sĩ cộng sản trên mặt trận tư tưởng, lý luận, chủ động đấu tranh cho thắng lợi của học thuyết Mác - Lênin, dù chưa nhận được sự lãnh đạo của tổ chức Đảng.

Trong các cuộc tranh luận này, Hải Triều là cây bút xuất sắc chống lại quan điểm duy tâm, thần bí và mỹ học tư sản.

b) Báo chí cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến giữa năm 1936

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng cộng sản Việt Nam đầu năm 1930, thông qua nghị quyết về *báo chí* viết:

*"*l. Bỏ những tờ báo do Đông Dương Đảng Cộng sản và An Nam Đảng Cộng sản xuất bản trước đây.

"2. Ban Trung ương có thể xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền".

"3. Bỏ những tờ báo của các hội quần chúng do Đảng chỉ đạo.

"4. Duy trì tất cả những tờ báo do quần chúng chủ trương"[16].

Về *tổ chức báo chí*, do Đảng thống nhất, nên báo chí của hệ thống các tổ chức cộng sản trước đây đều ngừng xuất bản, để theo một dòng chỉ đạo thống nhất của Đảng Cộng sản. Về *tư tưởng và chính trị của báo chí*, theo đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nó không những có điểm khác với đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Đông Dương và Đảng Cộng sản An Nam. Nó cũng không hoàn toàn giống với nội dung chỉ thị của Quốc tế Cộng sản. Căn cứ vào *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt* và *Lời kêu gọi* của Nguyễn Ái Quốc; những điểm khác đó xoay quanh vấn đề quan hệ giữa dân tộc và giai cấp.

Theo tinh thần chỉ đạo của Đảng Cộng sản, có ít nhất 25 tờ báo thuộc hệ thống tổ chức từ Xứ uỷ Trung Kỳ, Nam Kỳ, nhiều tỉnh uỷ, huyện uỷ, đảng uỷ cho đến một số tổ chức quần chúng (học sinh) ra đời ít ngày sau khi Đảng thành lập; trước khi trung ương có báo và tạp chí.

Ngày 5-8-1930, *Tạp chí Đỏ,* cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam, ra số 1. Ngày 15-8-1930 báo *Tranh đấu*, cơ quan trung ương của Đảng ra số 1.

Tháng 10-1930, Ban Chấp hành Trung ương họp đã sửa đổi một số chủ trương về chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng đề ra trong hội nghị hợp nhất, đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương xuất bản báo *Cờ vô sản*, số 1, ngày 1-1-1931 và *Tạp chí cộng sản* số 1, ngày 11-2-1931 do Tổng Bí thư Trần Phú trực tiếp phụ trách. Báo của các cấp bộ đảng địa phương, có tờ ngừng xuất bản, ra tờ mới lấy danh nghĩa cơ quan của đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương, có tờ vẫn giữ tên cũ, nhưng đổi danh nghĩa cho phù hợp với tổ chức mang tên mới.

Tính chung từ năm 1930 đến giữa năm l936, có trên l60 tờ báo và tạp chí của trung ương và các địa phương.

Hưởng ứng lời kêu gọi của trung ương, báo chí của Đảng trong cả nước hướng về Nghệ Tĩnh, cổ vũ quần chúng đấu tranh, vạch mặt tội ác của đế quốc và tay sai. Tờ *Lao khổ* của Xứ uỷ Nam Kỳ, số 15, ngày 5-10-1930 viết: "Từ ngày 1-9, nông dân Nghệ An và Hà Tĩnh đã đấu tranh quyết liệt nhất. Tại các làng, tất cả quyền hành thuộc về nông hội. Ở một số làng, phụ nữ cũng tham gia công việc làng nước. Kiện cáo, áp bức không còn nữa. Nhân dân tự mình giải quyết mọi xích mích, không cần đến tri huyện".

Báo *Bồi bếp* ra số đặc biệt ngày 20-10-1930 ủng hộ Xôviết Nghệ An và Hà Tĩnh, chống khủng bố, viết: "Hỡi anh em, chị em, chúng ta hãy kéo nhau ra đường thị oai, biểu tình, phản đối sự khủng bố, bắn giết, bắt bớ khám xét chúng ta. Chúng ta hưởng ứng anh chị em ở Nghệ Tĩnh là làm cho đế quốc Pháp, quan lại địa chủ, tư sản Việt Nam biết sức đoàn kết của chúng ta và chúng ta đã giác ngộ rồi, không có cắm đầu làm mọi việc cho chúng đâu".

Từ tháng 4-1930 đến tháng 4-1937, Đảng ta không có báo làm cơ quan ngôn luận của trung ương. Cũng từ tháng 4-1931 đến tháng 5-1943, Đảng ta không có tạp chí của trung ương.

Tháng 6-1934, Ban chỉ huy ở ngoài nước của Đảng Cộng sản Đông Dương, phân bộ của Quốc tế Cộng sản làm nhiệm vụ trung ương lâm thời, cho ra *Tạp chí Bônsêvích,* làm cơ quan ngôn luận. Sau Đại hội lần thứ I của Đảng, tháng 3-1935, *Tạp chí Bônsêvích* với danh nghĩa là cơ quan lý luận của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương đổi thành "Cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Đông Dương".

Xứ uỷ Nam Kỳ cũng bị địch phá vỡ cùng thời gian với trung ương. Đầu năm 1932, Xứ uỷ lâm thời lập lại, ra báo *Cờ đỏ*. Tháng 10-1932, Xứ uỷ lâm thời bị phá, *Cờ đỏ* ngừng xuất bản. Tháng 5-1933, Xứ uỷ mới lập lại lần thứ hai, ra báo Cờ lãnh đạo, sau đổi tên là *Giải phóng.*Tháng 5-1935, Xứ uỷ lại bị phá, *Giải phóng* lại ngừng xuất bản, cho đến tháng 11-1935 ra lại báo cùng với Xứ uỷ được lập lại.

Ở Bắc Kỳ, sau khi bị địch phá năm 1931, báo *Tiến lên,* cơ quan của Xứ uỷ ngừng xuất bản. Khi Xứ uỷ lâm thời lập, ra báo lấy tên *Cờ đỏ.*Xứ uỷ mới bị địch phá, *Cờ đỏ* ngừng xuất bản, cho đến thời kỳ vận động dân chủ, cuối năm 1936, mới có báo của Xứ uỷ mới.

Tờ *Công nông binh* của Xứ uỷ Trung Kỳ ngừng xuất bản từ đầu năm 1931. Ở miền Trung Trung Kỳ xuất bản tờ *Cờ đỏ* của các nhóm cộng sản không bị sa lưới mật thám, bắt liên lạc với nhau, cùng hoạt động ở khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phan Thiết.

Ở miền Nam, nhiều tỉnh uỷ và liên tỉnh uỷ ra báo. Sài Gòn có *Thợ thuyền,* Chợ Lớn có *Nhà quê,* Mỹ Tho có *Nông dân,* Châu Đốc có *Bạn nghèo,* Sa Đéc có *Dân cày,* Bến Tre có *Tranh đấu,* Vàm Cỏ Đông có *Dân nghèo,* liên tỉnh Long Xuyên -

Châu Đốc - Rạch Giá – Hà Tiên, gọi tắt là Long Châu Rạch Hà có *Cùng khổ.* Liên Chấp uỷ địa phương Nam Đông Dương ra *Tạp chí Cộng sản,* v.v..

Ở Bắc Kỳ, Nam Định và Ninh Bình có *Hưởng ứng,* sau đổi là *Dân quê*, Cao Bằng có *Cờ đỏ,* Hà Nam có tờ *Đỏ*... Ở Trung Kỳ, Thanh Hóa có*Hồn lao động* v.v..

Báo của các huyện, nhiều nhất là vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, như Nghi Lộc có *Chỉ trích*, Đức Thọ có *Cổ động*, Anh Sơn có *Gương vô sản.*Nhiều huyện khác vẫn duy trì được báo từ khi bùng nổ Xôviết Nghệ - Tĩnh qua năm 1931 - 1932; ở huyện Chợ Mới, tỉnh Châu Đốc có *Lao khổ,* v.v..

Trong các giới, như học sinh, có *Tân học sinh* của Nam Kỳ học sinh liên hiệp hội, *Thanh niên đỏ* của thanh niên cộng sản ở Nam Kỳ, *Tạp chí Thanh niên, Thanh niên, v.v.*. Quần chúng nhân dân lao động, có *Thổ mộ* của công nhân xe thổ mộ Sài Gòn, *Thợ thuyền* của công nhân thành phố Sài Gòn, *Thùng dầu* của chi bộ Nhà Bè, *Đường ray* của chi bộ kho xe lửa Dĩ An, *Xi moong* của công nhân xi măng Hải Phòng,*Xe goòng* của phu khuân vác sáu kho Hải Phòng, *Lao động* của Tổng công hội Nam Kỳ v.v..

Một điểm đặc sắc, tuy không phải là độc đáo, đó là một số nhà tù, chi bộ chủ trương ra báo[17]. Không hẹn mà nên, là một sự ngẫu nhiên, nhưng mang tính quy luật, do yêu cầu đấu tranh của những người cộng sản Việt Nam ở trong nhà tù đế quốc.

Ở Hỏa Lò, Hà Nội, có *Con đường chính, Lao tù tạp chí* (sau đổi là *Tù nhân báo), Bônsơvích, Tạp chí cộng sản.* Ở Côn Lôn, có *Người tù đỏ*,*Ý kiến chung.* Ở nhà tù Quảng Nam, có *Mõ nhà pha* (sau đổi là *Vắt cơm bi*). Ở nhà tù Buôn Ma Thuật, có *Doãn đê tạp chí* (sau đổi là*Bônsơvích),* v.v..

Báo chí cách mạng đã tuyên truyền lý luận Mác - Lênin; đường lối của Quốc tế Cộng sản; các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng ta; đấu tranh với các tư tưởng, quan điểm chính trị và chính sách của chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn tay sai; chống chủ nghĩa quốc gia cải lương, những xu hướng thỏa hiệp, đầu hàng,

những sai lầm "tả" khuynh và hữu khuynh trong nội bộ Đảng và trong các tổ chức quần chúng cách mạng.

Cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận trên báo chí cách mạng, trong đó có báo chí cách mạng trong tù đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và củng cố tư tưởng, vững vàng về chính trị, thống nhất về tổ chức cho đảng viên và quần chúng, đồng thời làm phân hóa hàng ngũ Việt Nam Quốc dân Đảng. Qua những cuộc khẩu chiến, bút chiến, tuyên truyền, thuyết phục và thực tiễn của cách mạng làm cho một số đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng đã ly khai đảng, từ bỏ chủ nghĩa Tam dân và đường lối của Việt Nam Quốc dân Đảng, từ chỗ có thái độ "trung lập" đến ngả hẳn sang chủ nghĩa Mác và Đảng Cộng sản, trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản, như Trần Huy Liệu, Tưởng Dân Bảo, Trịnh Tam Tỉnh, Tô Hiệu, Nguyễn Bình, Nguyễn Đức Chính, v.v.. Có người chưa trở thành đảng viên cộng sản nhưng tư tưởng đã chuyển hẳn sang phía chủ nghĩa Mác và Đảng Cộng sản trước khi trút hơi thở cuối cùng, như Phạm Tuấn Tài, đã để lại bản di chúc có ý nghĩa lịch sử.

Tháng 6-1930, nhóm tơrốtxkit đầu tiên xuất hiện ở Sài Gòn. Về sau bổ sung thêm Hồ Hữu Tường, Phan Văn Hùm... từ Pháp về và lôi kéo một số trí thức trong nước đi theo. Họ công bố tuyên ngôn, viết báo, xuất bản sách chống Đảng Cộng sản và Quốc tế Cộng sản trên tất cả các vấn đề chiến lược và chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng, đến các chủ trương hoạt động cụ thể. L. Tơrốtxki, từ một địa điểm ở Thổ Nhĩ Kỳ gửi "Các nhóm đối lập ở Đông Dương" một bức thư Chỉ thị đề ngày 18-9-1930, uốn nắn một số vấn đề về đường lối chính trị của các nhóm tơrốtxkit cho đúng quỹ đạo của chủ nghĩa tơrốtxkit.

Trong suốt những năm 1930 đến giữa năm 1936, các báo chí của Đảng, chỉ có *Tạp chí Cộng sản* của Liên chấp uỷ địa phương Nam Đông Dương.

Những cơ sở báo chí ở các vùng dân tộc thiểu số, nhiều nơi vẫn bảo toàn được và phát triển vững chắc. Đại hội lần thứ I của Đảng (1935) có Nghị quyết về công tác

trong các dân tộc thiểu số, có chính sách chỉ đạo về tổ chức, hoạt động chính trị và báo chí quan tâm đúng mức đến các dân tộc thiểu số.

Về *quốc tế,* báo chí làm rất nhiều cho việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản, những ngày kỷ niệm 3L (tên của ba nhà cách mạng nổi tiếng thế giới: Lênin, Liépnếch, Lúcxămbua) vào tháng giêng; Ngày Quốc tế phụ nữ 8-3; Công xã Pari ngày 18-3, Công xã Quảng Châu tháng 12; Quốc tế lao động ngày 1-5; Chống chiến tranh ngày 1-8; Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga ngày 7-11, là những dịp báo chí có bài nhắc lại ý nghĩa lịch sử, những tư tưởng lớn và giá trị thực tiễn đối với cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Báo của các địa phương có thế mạnh là đi sát với phong trào địa phương, phản ánh và chỉ đạo kịp thời hoạt động của địa phương. Nhưng báo địa phương thường có nhược điểm là không nắm vững sách lược của Đảng đối với các giai cấp bóc lột. Ở những nơi đấu tranh quyết liệt, xung đột đổ máu, dễ sinh ra "tả", khuynh. Có khi quá nhấn mạnh đặc điểm địa phương, nhận thức không đầy đủ cái chung và sự chỉ đạo chung, thống nhất trong toàn Đảng trên cả nước.

Báo chí cách mạng làm đúng chức năng của mình theo lời dạy của Lênin: là người tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể và tổ chức tập thể.

Báo chí cách mạng trong những năm 1930 - 1936, về nội dung và cả tên báo đều mang đậm tính giai cấp, không rõ tính nhân dân, tính dân tộc. Tên báo thường là *Vô sản, Dân cày, Lao khổ, Dân nghèo, Công nông, Lao động, v.v..*

Về in, báo vẫn sử dụng các phương tiện thủ công, thô sơ như thời kỳ trước. Giấy có nhiều loại, khổ to nhỏ, không có điều kiện chọn lựa nên một tờ báo có nhiều khuôn khổ các số không đều nhau. Mọi khâu hoạt động không phải lúc nào cũng ăn khớp nhịp nhàng. Nhiều khi có đủ bài, nhưng vật tư in thiếu, phải chậm lại, thậm chí có giấy nhưng chưa mua được mực. Rồi phải đối phó với địch truy lùng, phải bảo vệ cơ sở hết sức bí mật và kịp thời di chuyển, do đó hầu hết báo và tạp chí đều xuất bản không định kỳ.

Việc phát hành phải được tổ chức chặt chẽ, khoa học, bảo đảm thông suốt trên đường dây, tránh rơi vào tay địch. Việc này, chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm nên ít khi bị sa sẩy.

Về nguyên tắc, báo hay tạp chí của Trung ương Đảng hay cấp đảng bộ nào, tổ chức nào, phải đề rõ ràng, có thể dùng mật danh. Nhưng có tạp chí đã quá dễ dãi, số này đề: "Cơ quan của đảng bộ...", số khác là "Cơ quan của Đảng Cộng sản Đông Dương" hay "Cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Đông Dương", làm cho đảng viên và quần chúng đương thời có khi nhầm là cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng. Đối với người nghiên cứu về sau, nếu không đọc kỹ nội dung thì cũng khó tránh khỏi nhầm lẫn.

Trong thời kỳ này, báo chí cách mạng đều xuất bản bí mật, không hợp pháp, không kể ở trong tù hay ngoài tù, ở trong nước hay ngoài nước.

Nhưng không phải mọi tờ báo xuất bản bí mật, không hợp pháp hay trong tù đều là báo cách mạng. Tờ *Tháng Mười*, tạp chí của nhóm Hồ Hữu Tường, Đào Hưng Long, Huệ Minh; tờ *Đông Dương tả phái cộng sản* của nhóm Tạ Thu Thâu, đều xuất bản năm 1932 ở những địa điểm bí mật của thành phố sài Gòn, tuyên truyền quan điểm tơrốtxkit, chống Đảng Cộng sản và Quốc tế Cộng sản. Ở trong tù, Hỏa Lò cũng như Côn Lôn, bên cạnh mấy tờ báo và tạp chí của chi bộ cộng sản chủ trương, có những tờ thuộc nhóm ly khai Quốc dân Đảng, lúc đầu chưa tỏ khuynh hướng rõ, dần dần có cảm tình với những người cộng sản (về sau, một số trong các nhóm này trở thành đảng viên cộng sản) như: *Hòn cau* và *Delfrag* ở Côn Lôn; *Đuốc đưa đường* ở Hỏa Lò, đồng thời lại có báo của Quốc dân Đảng như *Đường cách mạng* ở Hỏa Lò, Hà Nội.

c) Một số tờ báo và *tạp chí cách mạng tiêu biểu*

- *Tạp chí Đỏ:*

Tạp chí Đỏ là tạp chí đầu tiên của Đảng ta, và cũng là tờ đầu tiên trong hệ thống báo chí của Đảng xuất bản sau Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930.

Theo những dòng chữ ghi vào sổ của Văn phòng Quốc tế Cộng sản nhận được bằng chữ Pháp, thì *Tạp chí Đỏ* xuất bản ở Trung Quốc (trên trang bìa số l, chữ đánh máy).

Tạp chí gửi về trong nước như thế nào, đến nay chưa thấy tài liệu để lại, kể cả của ta và của mật thám Pháp.

Tạp chí được gửi đến Văn phòng Quốc tế Cộng sản, một lúc vào sổ nhận 3 số, số 1, ngày 5-8-1930, số 3, ngày 28-8-1930, đến nơi nhận ngày 21-12-1930 (chữ Nga). Số 9, không có ngày, tháng, năm 1930 vào sổ nhận của Quốc tế Cộng sản, ngày 4-12-1931 (số 1345).

Số cuối cùng, số bao nhiêu, ra ngày, tháng, năm nào cũng chưa rõ.

Các trang chữ đều đánh máy trên giấy sáp, in rônêô; khổ trung bình 13x19cm các từ lúc đó viết f, z, k; ngày nay ta viết ph, d, g, gi, c.

Lời nói đầu tiên số 1, viết:

“1. Tạp chí này sau sẽ tiếp tục in mãi. Hoặc nhiều hoặc ít, hoặc một tuần, hoặc 10 ngày, nửa tháng, không nhất định.

“2. Tài liệu trong tạp chí, hoặc là cách làm việc, hoặc là kinh nghiệm cách mạng các nước, hoặc là tin tức thế giới, hoặc là phê bình công việc của mình, v.v. sẵn gì in lấy.

“3. Trách nhiệm các cơ quan đối với tạp chí.

a) Đem làm tài liệu huấn luyện và nghiên cứu cho đảng viên.

b) Lấy tài liệu trong này mà làm báo.

c) Bài nào nên truyền bá cho đa số quần chúng thì kiếm cách in thêm ra.

d) Xem chỗ nào có tâm đắc, chỗ nào khó hiểu, chỗ nào nên sửa đổi, chỗ nào không hợp với hoàn cảnh riêng của địa phương mình, v.v. thì*phải phê bình, phải hỏi.*

"Nói tóm lại là các đồng chí phải hết sức truyền bá và giúp cho tạp chí được hoàn toàn và phát triển".

12 trang còn lại là bài "Bí mật công tác". Bài viết câu ngắn gọn, theo thể đặt câu hỏi và trả lời: Vì sao phải bí mật? Vì sao các cơ quan thường bị bắt? Các khuynh hướng sai lầm đối với vấn đề giữ bí mật; tiếp theo là 12 đều khuôn phép của công việc bí mật, nêu vắn tắt 10 cách bí mật cần lưu ý, cần tùy hoàn cảnh, tùy cơ ứng biến cho khéo.

Tạp chí Đỏ hướng dẫn nhận thức lý luận và kinh nghiệm công tác cho đảng viên bằng cách trình bày đơn sơ, lời văn giản dị hợp với trình độ của phần đông đảng viên lúc đó.

- *Báo Tranh đấu:*

Báo *Tranh đấu* là cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên, ra số 1, ngày 15-8-1930.

Người chỉ đạo biên tập là Trịnh Đình Cửu, một trong bốn đồng chí là *"đại biểu của đại biểu Quốc tế"*[18], được ghi trong Nghị quyết của hội nghị hợp nhất.

Báo khổ cộng 315x220cm, in bằng chữ viết bút thép trên giấy sáp, bốn trang, ở một địa điểm bí mật tại Hà Nội của Trung ương Đảng. Cùng với bản chữ quốc ngữ, có bản chữ nôm, vì chữ nôm khi ấy còn nhiều người đọc được. Thực dân Pháp đã thu được cả hai bản, chữ quốc ngữ và chữ nôm; dịch toàn văn ra chữ Pháp theo bản chữ quốc ngữ[19].

Ở trang 1, mở đầu bằng *Mấy lời tuyên cáo!:* "Các đoàn thể và các phần tử cộng sản lẻ tẻ trong nước bây giờ đã thống nhất lại một đảng, gọi là Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì thế mà các cơ quan trung ương tuyên truyền của các đoàn thể xưa kia đã hết nhiệm vụ lịch sử và đã phải đình bản. Ngày nay, báo *"Tranh đấu"* này ra đời làm cơ quan trung ương của Đảng để thống nhất, để hướng đạo tư tưởng và hành động cho cả toàn thể đồng chí và quần chúng lao khổ".

Báo giải thích vì sao lấy tên *"Tranh đấu?"*. "Cái tên này không phải ngẫu nhiên do một cái chí hướng tốt, hoặc một cái ước vọng cao của Đảng mà chưa có căn cứ vào đâu, nhưng chính là cái tiêu biểu của sự thiết thực trong thời kỳ lịch sử ở xứ ta

ngày nay. *"Tranh đấu"* sẽ tiến hành công cuộc thống nhất tư tưởng, hành vi toàn Đảng...""".

Sau bài trình bày tôn chỉ, mục đích của báo trên đây, có bài *"Tình hình trong nước và trách nhiệm của Đảng".* Bài báo phác qua tình hình đấu tranh sôi nổi kế tiếp nhau không dứt trên cả nước, mỗi ngày mỗi lan rộng, mỗi ngày một kịch liệt, "trước còn ôn hòa, sau xung đột đổ máu; quần chúng lại ngày càng thêm cương quyết, hăng hái và dũng cảm, hy sinh lạ thường".

Nguyên nhân của tình hình trên là do khủng hoảng kinh tế, đời sống nhân dân ngày càng cơ cực, sinh hoạt đắt đỏ, sức mua ngày một eo hẹp hơn. Đế quốc Pháp càng ra sức bóc lột nhân dân lao động để bù vào những thiệt hại do khủng hoảng kinh tế gây ra "Phá sản, thất nghiệp, đói kém lại thêm dữ dội, nỗi thảm thê cay đắng lại thêm bội phần sâu sắc".

Ở trang 3, báo in câu phương châm: "Đảng giáo dục và lãnh đạo quần chúng, đồng thời học hỏi kinh nghiệm của quần chúng".

Về *thời sự,* báo đưa tin cuộc bãi công lớn của Công ty xe điện ở Thượng Hải, tháng 6 và 7 - 1930; phong trào Xôviết ở Trung Hoa; phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ chống đế quốc Anh; cuộc tổng bãi công của công nhân miền Bắc nước Pháp.

Tìm trong tài liệu lưu trữ của Đảng và của mật thám Pháp đều không ghi lại báo *Tranh đấu* ra được mấy số? Số cuối cùng là số bao nhiêu, ngày, tháng nào?

- *Tạp chí cộng sản:*

Cộng sản là tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, "cơ quan của Đảng Cộng sản Đông Dương" xuất bản theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 10-1930.

Tạp chí in trên giấy sáp viết tay, khổ 25x10cm, ở một cơ sở của trung ương đặt tại thành phố Sài Gòn, do Tổng Bí thư Trần Phú trực tiếp chỉ đạo.

Trong nước không còn lưu được một số nào. Bản số 1 hiện nay để nghiên cứu là chụp từ bản gốc ở kho lưu trữ của Quốc tế Cộng sản, được Liên Xô chuyển giao cho Đảng ta.

Số 1 của tạp chí đề ngày 11-2-1931, đến Quốc tế Cộng sản vào sổ nhận ngày 28-5-1931. Đến nay chưa có tài liệu nào cho biết tạp chí ra được mấy số, số cuối cùng là số mấy, ra ngày, tháng nào, hay chỉ có một số?

Trong *Lời nói đầu* ở trang 2, có đoạn viết: "Mục đích của Đảng chúng ta, kịch liệt công kích những tư tưởng sai lầm, những xu hướng hoạt đầu và biệt phái, để làm cho nền tư tưởng và cách hành động trong Đảng được nhứt thống. *Tạp chí Cộng sản* sẽ thâu góp các đều kinh nghiệm trong sự tranh đấu và lãnh đạo tranh đấu của các đảng viên và các đảng bộ Đông Dương và những sự kinh nghiệm tranh đấu của các đảng anh em trong toàn thế giới để làm cho đảng chúng ta mau phát triển. *Tạp chí Cộng sản* cũng là cái chỗ chung cho các đảng viên tự chỉ trích những điều sai lầm, khuyết điểm trong công tác hằng ngày của Đảng, phát biểu ra những ý kiến mới mẻ để cùng nhau đi theo con đường chính trị đúng".

Tạp chí đăng bài *"Vấn đề tổ chức công hội",* định nghĩa công hội là gì? Vị trí của công hội trong cách mạng.

Bài *"Lời bàn về tổ chức",* phê phán những nhận thức sai lầm về công tác, chia ra các tổ chức trên dưới từng bậc, xếp loại một cách máy móc;... là số 1. Hội Phản đế, số 2. Công hội, số 3. Nông hội, số 4. Hội Cứu tế, số...; hoặc cho rằng mỗi người chỉ được vào tổ chức nhất định, không thể từ lớp... Công hội, Nông hội, Hội Phản đế, Cứu tế đỏ đều làm cho tổ chức quần chúng để đấu tranh cách mạng "cái nào cũng có ích, có giá trị, cái nào cũng có trường hoạt động của nó, cái này giúp cái kia, cái kia giúp các nọ. Một người có thể có chân trong nhiều tổ chức".

Bài *"Cần phải mở rộng việc tự chỉ trích trong Đảng",* mở đầu bằng trích dẫn lời của Lênin về tự phê bình của một đảng: "Nhận lỗi của mình, tìm nguyên nhân đều lầm lỗi ấy..." (viết trong *Bệnh ấu trĩ "tả" khuynh của chủ nghĩa cộng sản).*

Từ những kinh nghiệm lịch sử của phong trào cách mạng thế giới và các đảng anh em, bài viết chỉ rõ phải biết tự chỉ trích thì Đảng mới trở nên mạnh được. "Nếu không mở sự chỉ trích trong Đảng thì biết lấy gì mà rõ những điều kiện lầm lỗi từ xưa đến nay; nếu không có sự tự chỉ trích thì biết kiếm phương kế gì mà chữa những điều lầm lỗi ấy. Đảng của chúng ta là Đảng của vô sản giai cấp cách mạng, cho nên chúng ta không sợ mà không nói những sự sai lầm của chúng ta (...) các đồng chí trong khi chỉ trích phải cần chú ý rằng: *Tự chỉ trích thiệt bônsêvích thì mới giúp Đảng hóa nên bônsêvích được".*

Tạp chí trích dịch báo cáo của Xtalin tại Đại hội lần thứ XVI của Đảng Cộng sản Liên Xô, ngày 27-6-1930, dưới đầu đề *"Cuộc thế giới kinh tế khủng hoảng".*

Tạp chí *Cộng sản* là một bước phát triển mới, cao trong lịch sử các tạp chí của Đảng ta. Nội dung phong phú, sinh động, từ những nguyên tắc lý luận, đường lối chính trị gắn với chỉ đạo hoạt động thực tiễn của Đảng, phê bình uốn nắn những nhận thức và hành vi không đúng của một số đảng viên, bảo đảm cho toàn Đảng thống nhất về tư tưởng và tổ chức.

- *Tạp chí Bônsơvích:*

Được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, tháng 4-1934, Ban lãnh đạo của Đảng ta nước ngoài được thành lập, làm nhiệm vụ của Trung ương lâm thời. Lê Hồng Phong làm Trưởng ban, đặt cơ sở ở Ma Cao, Trung Quốc.

Tháng 6-1934, Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài cho xuất bản *Tạp chí Bônsơvích,* cơ quan của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương từ số 1, đến số 10, tháng 2-1935. Đại hội lần thứ I của Đảng họp ở Ma Cao tháng 3-1935, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương. Không rõ tại sao *Tạp chí Bônsơvích* ngừng xuất bản một năm, đến tháng 2-1936 mới ra số 11; sau đó ra hằng tháng từ số 11 đến số 15 (tháng 6-1936); cách ba tháng sau, mới ra số 16, ngày 9-9-1936.

Tạp chí gửi đến Quốc tế Cộng sản, phía Liên Xô chụp lại và chuyển cho Đảng ta số 10, tháng 2 -1935, số 15 tháng 6-1936, số 15 tháng 6-1936 (Quốc tế Cộng sản nhận được ngày 14-10-1936); số 16 (Quốc tế Cộng sản nhận được ngày 19-l-1937).

Như vậy là các số từ 1 đến 9 chưa rõ nội dung. Các số 11, 12, 13 là tìm hiểu qua bản dịch của mật thám Pháp (ví dụ: số 11, tháng 2-1936, dịch ra chữ Pháp ngày 16-6-1936; số 12, ngày 1-3-1936, dịch ngày 21-3-1936) tóm tắt những ý chính của mỗi bài.

Cho đến nay, *Tạp chí Bônsovích* ra được bao nhiêu số, số cuối cùng, ngày, tháng nào chưa xác định.

Dưới đây là nội dung số 10 và 15.

Số l0 có 47 trang. Mở đầu là bài *"Công tác trong sáu tháng vừa qua"*. Bài viết nhắc lại quá trình phục hồi Đảng từ ngày trung ương bị vỡ do địch đánh phá, điểm lại tình hình tổ chức của Đảng, báo chí của Đảng, công tác vận động thanh niên, công nhân, nông dân, phụ nữ, binh lính, hoạt động của Hội Phản đế đồng minh, Hội Cứu tế đỏ, phong trào đấu tranh của quần chúng trong sáu tháng vừa qua (từ tháng 9-1934).

Bài *"Trước lúc Đại hội Đảng phải nghiên cứu bản "Chương trình hành động của Đảng" một cách thế nào?",* trước hết khẳng định ý nghĩa chỉ đạo cách mạng cho toàn Đảng, có đủ giá trị làm cơ sở cho dự thảo văn kiện Đại hội Đảng. Các đảng bộ có trách nhiệm thảo luận bản*"Chương trình",* đồng thời hướng dẫn cách thảo luận để chuẩn bị Đại hội Đảng, và phê bình những thái độ không đúng đối với "*Chương trình"*. Những phần tử không chịu một phần hay cả bản Chương trình hành động thì nhất luật khai trừ ra khỏi Đảng (Tác giả: H. T. C: Hồng Thế Công).

Bài *"Công tác của các đảng bộ ở miền Nam từ 1933 tới 1934";* nói qua về tình hình các xứ uỷ bị địch phá, hệ thống tổ chức Đảng bị tan rã. Nam Kỳ tổ chức lại xứ uỷ bốn lần, nhưng đảng viên phức tạp, có bộ phận chống xứ uỷ Đảng viên trong tù

nặng bi quan. "Họ lo cho tiền đồ cách mạng, kỳ thực họ miệt thị năng lực sáng tạo của giai cấp vô sản vậy".

Đầu năm 1933 đã tổ chức lại xứ uỷ Nam Kỳ, giữa năm 1934, liên lạc được cả Đông Dương.

Tạp chí còn có các bài: *"5 năm Yên Bái bạo động - Những bài học của bạo động"; "Ủng hộ cách mạng Xiêm"; "Cách mạng tranh đấu của dân tộc Thổ" (*các dân tộc thiểu số miền núi Bắc Kỳ)*; "Công hội vận động 1934", "Vấn đề nông hội ở Cao Bằng".*

Mỗi bài trên, tạp chí đều trình bày tình hình, đánh giá sâu sắc cụ thể, uốn nắn những lệch lạc về nhận thức, chủ trương hoạt động và tổ chức đoàn thể để đẩy mạnh phong trào và phát triển đấu tranh thắng lợi.

Những tài liệu ấy bổ sung và đính chính những cuốn lịch sử về phong trào công nhân và công đoàn, công hội, về báo *Lao động* của ta hiện nay.

Các số *Tạp chí Bônsovích* rơi vào tay mật thám Pháp, chúng ta biết qua bản dịch ra chữ Pháp:

Số 11, tháng 2-1936, có hai vấn đề lớn:

- Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản;
- Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa đế quốc ở Đông Dương.

Vấn đề thứ hai có 7 điểm:

l. Động viên quần chúng đấu tranh đòi các quyền lợi kinh tế thiết thực hằng ngày, gắn đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị tùy ý thức giai cấp và lực lượng đấu tranh.

2. Chống khủng bố trắng, đòi ân xá chính trị phạm.

3. Ủng hộ các cuộc đấu tranh của dân tộc thiểu số, chống chủ nghĩa dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi.

4. Thương lượng với các đảng, các nhóm, các tổ chức quốc gia cách mạng, phái đối lập cộng sản (tức là phái tơrốtxkit), quần chúng trong các tổ chức quốc gia cải

lương, trên cơ sở một chương trình chống đế quốc nhất định, lập mặt trận nhân dân chống đế quốc. Tùy theo điều kiện địa phương, tổ chức những hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, lập mặt trận nhân dân chống đế quốc ở mỗi xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, làng, thành phố, khu vực, tỉnh, vùng cho đến toàn Đông Dương.

5. Trên cơ sở chương trình tối thiểu, thành lập các nghiệp đoàn, ái hữu để tổ chức quần chúng lại.

6. Các cơ quan của Mặt trận phải gồm những người tích cực nhất Đảng giúp họ về tổ chức và đấu tranh khi tình thế thay đổi.

Đảng phải giải thích cho quần chúng về nguy cơ chiến tranh đế quốc can thiệp vào Liên Xô và Xôviết Tàu; lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống đế quốc, vì hòa bình, bảo vệ Liên Xô, bảo vệ Đông Dương và Xôviết Tàu.

7. Chống nguy cơ hữu khuynh; chống chủ nghĩa biệt phái, coi thường năng lực chống đế quốc của quần chúng và các tổ chức chống chủ nghĩa đế quốc.

Thành lập Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa đế quốc là một phần của việc tăng cường, phát triển và thống nhất Đảng.

Mở rộng Mặt trận là nhiệm vụ hằng ngày, cấp bách của Đảng, là một điều kiện đầu tiên đi tới thắng lợi của cách mạng Đông Dương.

Số 13, tháng 4-1936, có *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương về ngày 1-5-1936"*.

(Số 16, ngày 9-9-1936, thuộc về thời kỳ vận động dân chủ, ở phần sau).

- *Tạp chí Cộng sản:*

Đây là tạp chí của Liên Chấp uỷ địa phương Nam Đông Dương, xuất bản số l, tháng 6-1933; số cuối cùng, số 19, ngày l-1-1985 (có bài viết của tạp chí và *Tạp chí Bônsovích:* "Liên địa phương Chấp uỷ miền Nam Đông Dương"). Trần Văn Giàu làm nhiệm vụ Tổng biên tập, viết phần lớn các bài trên các số (có số viết toàn bộ) từ số đầu đến số cuối, trước ngày bị địch bắt. Các bài có tên tác giả *II. Nam* = Hồ Nam, một bút danh của Trần Văn Giàu trong nhiều năm, từ thời học Liên Xô.

Hiện nay *Tạp chí Cộng sản* phần lớn không còn giữ được (có hai số là của mật thám dịch sang chữ Pháp một số bài, đánh số và tháng xuất bản trùng với bản chữ Việt, nhưng bài lại khác nhau).

Sau đây là nội dung chính của mấy số.

Số 1, tháng 6-1933, bìa *"Lời nói đầu",* nói về làm cách mạng phải có lý luận cách mạng: "Mấy năm hoạt động, bước đường tuy ngắn, nhưng kinh nghiệm đã nhiều, mình phải tìm tòi khảo cứu, bỏ dở được hay. Mấy năm tranh đấu, bao nhiêu khuynh hướng hoạt đầu đã nảy nở, mình phải xung đột trên hai mặt trận để bảo tồn chủ nghĩa Mác - Lênin cho trong sạch, trừ diệt các tư tưởng sai lầm trong hàng ngũ của mình". "Vì những lẽ ấy mà cần phải có một cơ quan lý luận", "vì những lẽ ấy mà "tạp chí chính sách" ra đời".

Bài *"Hiện tình thế giới, ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng Cộng sản Đông Dương"* dài 7 trang viết: Thế giới ngày nay chia làm hai hệ thống xung khắc nhau ngày càng kịch liệt, một bên là mấy xứ tư bản, một bên là Liên bang Xôviết.

Ở Liên bang Xôviết không có kinh tế khủng hoảng. Kinh tế phát triển lành mạnh theo kế hoạch, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động ngày càng cao. Thực tế đó bác bỏ lý thuyết phản cách mạng của tơrốtxkit.

Các nước tư bản đang bị khủng hoảng kinh tế tàn phá. Giai cấp thống trị dùng phương pháp phát xít đàn áp cách mạng. Tuy vậy, ở các nước tư bản chính chưa có tình hình trực tiếp cách mạng.

Đông Dương là bộ phận của kinh tế tư bản thế giới nên không tránh khỏi khủng hoảng, trái lại gánh kinh tế khủng hoảng trên vai lao động càng nặng nề 10 phần.

Phong trào cách mạng ở Đông Dương nổi lên trong cuộc khủng hoảng, từ năm 1932 xuống thấp. Làn sóng tranh đấu trước đã qua, làn sóng sau đã thấy và đương ào tới. Tới sớm hay muộn, mạnh hay yếu là tùy sức tổ chức, tranh đấu của Đảng Cộng sản và quần chúng lao động.

Tình hình lúc này, nhiệm vụ căn bản là khôi phục Đảng Cộng sản, chung quanh có đoàn thể của công nông ủng hộ, đủ tài sức lãnh đạo hàng triệu lao động chiến đấu. Tác giả phác họa lịch sử nước ta từ khi Pháp xâm lược, các tổ chức yêu nước chống Pháp qua các thời kỳ: "Các đồng chí phải gỡ mặt nạ của bọn đồ đệ tơrốtxkit dám bảo rằng Đảng Cộng sản do các phần tử tả phái của Quốc dân Đảng lập ra". Về Đảng Cộng sản thống nhất, bônsovích hóa và những nhược điểm của Đảng về lý luận, tư tưởng và tổ chức; về chỉ đạo chính trị không gắn cách mạng phản đế với cách mạng điền địa, xem nhẹ cách mạng điền địa; không thấy hết nguy cơ của chủ nghĩa quốc gia cải lương to lớn thế nào v.v..

Trang l5, có bài *"Lý luận cách mạng Đông Dương"* do Hà Nội (Trần Văn Giàu) viết:

Cuối cùng là bài *"Gỡ mặt nạ chủ nghĩa tơrốtxkít!"*. Mở đầu trích dẫn câu của Xtalin: "Chủ nghĩa tơrốtxkit không phải là một cái cánh cửa cộng sản chủ nghĩa, trái lại nó là đội tiền quân của tư bản phản cách mạng".

Đây là một bài dài đăng nhiều kỳ, *lần đầu tiên phê phán chủ nghĩa tơrốtxkit và các nhóm tơrôtxkit ở Đông Dương trên một tạp chí lý luận của Đảng ta (tạp chí địa phương) một cách có hệ thống, và cũng là duy nhất trong suốt thời kỳ 1930- 1936.*

- Con đường chính[20]*:*

Con đường chính là tờ báo luận chiến của chi bộ cộng sản Nhà tù Hỏa Lò với phía tù nhân là Việt Nam Quốc dân Đảng, xuất hiện năm 1932.

Nguyên nhân cơ bản của việc ra báo: trong Nhà tù Hỏa Lò những năm 1930 - 1932 có hai loại tù chính trị, Việt Nam Quốc dân Đảng và cộng sản, (ngoài ra có một số tù thường phạm) có sự khác biệt về hệ tư tưởng, lý luận, quan điểm chính trị, phương pháp đấu tranh. Khi ở ngoài tù, hai bên hành động riêng biệt, ít có quan hệ với nhau và cùng tồn tại. Đến khi vào tù, sống chung trong trại giam, tiếp xúc hàng ngày, hằng giờ, những bất đồng bộc phát dẫn tới trực tiếp luận chiến.

Nhân cuộc lễ kỷ niệm 3L hằng năm, ngày 21-1-1932, một đảng viên của ta lên nói về thân thế và sự nghiệp của Lênin, Liếpnếch, Lúcxămbua, không nắm vững nội dung trình bày, chuẩn bị không kỹ, diễn đạt lúng túng trước khán giả, bao gồm cả cộng sản và Quốc dân Đảng.

Phía Quốc dân Đảng cười nhạo báng: "đấy là giai cấp công nhân chính cống đấy! Họ muốn lãnh đạo cả chúng mình". Sau đó họ ra báo*Đường cách mạng* phê phán những vấn đề chính trị và lý luận của cộng sản. Chi bộ cộng sản chủ trương ra báo *Con đường chính,* phân công Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) làm chủ bút, với dút danh "Cây Xoan".

Cuộc tranh luận mở rộng trên nhiều vấn đề, từ những khái niệm lý luận, kinh nghiệm đấu tranh, nội dung chính trị, quan điểm triết học và lịch sử triết học, kinh tế và lịch sử phát triển của kinh tế xã hội loài người, v.v. được dẫn giải từ những vấn đề trong nước và nhiều nước trên thế giới, lịch sử và hiện đại.

Chính cuộc đấu tranh này, một mặt củng cố hàng ngũ cộng sản; mặt khác, thúc đẩy sự phân hóa trong hàng ngũ Quốc dân Đảng, làm cho một số ly khai, có cảm tình với cộng sản, làm cho những phần tử phản động bị lúng túng thất bại về lý luận và suy giảm về lực lượng, cô lập trước đối thủ.

Cuộc luận chiến xoay quanh mấy vấn đề:

- *Tổ quốc* là gì? Phía Quốc dân Đảng định nghĩa là bụi tre xanh, là ruộng lúa, là ông xã đoàn buông diều, là thằng bé con đánh khăng trước cột đình v.v..

Con đường chính hỏi lại: Chỉ có thế thôi ư? Những cái đó có mất đâu, vẫn còn đấy! Chúng ta mất Tổ quốc là mất chủ quyền định đoạt vận mệnh nước ta, nhân dân ta. Mác nói: vô sản giai cấp không có Tổ quốc nghĩa là ngay một nước độc lập (không phải thuộc địa), giai cấp vô sản bị giai cấp tư sản chiếm đoạt mọi quyền lợi, cả cho đến con người làm thuê tiền công rẻ, khi kinh tế khủng hoảng, thất nghiệp thì tự do chết đói! Tổ quốc ta bị đế quốc xâm lược thì phải chiến đấu giành lại chủ quyền

cho nhân dân, xây đựng đời sống ấm no hạnh phúc, không phải để cho giai cấp tư sản lợi dụng áp bức, bóc lột nhân dân.

Ngoài ra còn có bút chiến về khởi nghĩa Yên Bái, về chủ nghĩa, về triết học và chủ nghĩa triết học...

Cuộc bút chiến kéo dài nhiều tháng, đến cuối năm 1932, khi cuộc vượt ngục của Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Tạo, Hào Lách, Nguyễn Trọng Đàm, Bùi Xuân Mẫn, Nguyễn Đình Tuyển, Vũ Duy Cương diễn ra, địch khủng bố rất dữ dội, xóa bỏ mọi chế độ lục soát gay gắt... Cuộc bút chiến, viết báo buộc phải ngừng lại. Những cuộc gặp gỡ trao đổi đều bị cấm ngặt.

Mặt khác, sự thất bại về lý luận, chính trị của những trí thức Quốc dân Đảng làm họ tự hoài nghi về con đường đi của mình, đội ngũ của họ bị suy yếu dần.

Trong hoàn cảnh đấu tranh với kẻ thù như thế, báo chí cách mạng xứng đáng là vũ khí trí tuệ sắc bén của Đảng để giáo dục, động viên, chỉ đạo, tổ chức đảng viên và quần chúng chiến đấu và chiến thắng.

Những kinh nghiệm quý báu của việc biên tập, xuất bản báo chí thời kỳ 1925 - 1936 có giá trị lâu dài đối với Đảng ta. Về nội dung tư tưởng, lý luận và chính trị thì đây là thời kỳ đầu của cả quá trình đấu tranh lâu dài, liên tục của cách mạng Việt Nam, mở ra truyền thống anh dũng, độc đáo, sáng tạo của báo chí cách mạng Việt Nam.

III- BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MẶT TRẬN DÂN CHỦ 1936 – 1939

l. Phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương với sự phát triển báo chí

Sang đầu năm 1936, tình hình chính trị - xã hội nước ta vẫn cơ bản như năm trước. Chính sách cai trị của thực dân Pháp không có gì mới. Những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế đã được khắc phục, nhưng điều kiện để phát triển gặp rất nhiều hạn chế. Cuộc sống của nhân dân có phần ổn định hơn, nhưng còn bấp bênh.

Nhìn chung, những yếu tố chính trị chuyển biến tích cực, rõ nét hơn nhưng không đều và chưa có dấu hiệu cho sự xuất hiện của một phong trào trên quy mô cả nước với cấp độ cao.

Trong thời gian này, phong trào chống chủ nghĩa phát triển ở nhiều nước trên thế giới đang phát triển giành được nhiều thắng lợi, nhất là ở Pháp và Tây Ban Nha; điều đó ảnh hưởng nhiều đến Việt Nam.

Ngày 12-1-1936, *Chương trình của Mặt trận nhân dân* Pháp được công bố lần đầu tiên trên báo *L'Oeuvre* xuất bản ở Pari, biểu hiện sự lớn mạnh của Mặt trận nhân dân. Chương trình đề ra những cải cách dân chủ, tiến bộ, toàn diện xã hội Pháp và các thuộc địa Pháp để tập hợp và tăng cường lực lượng bảo vệ nền dân chủ tư sản, chống chủ nghĩa phát xít, theo tư tưởng chỉ đạo của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản.

Ngày 26-4-1936, cuộc tổng tuyển cử Quốc hội Pháp, Mặt trận nhân dân giành được đa số phiếu. Ngày 3-5, vòng hai, thắng lợi của Mặt trận được củng cố. Một Chính phủ cấp tiến do L. Blum đứng đầu, làm Thủ tướng được thành lập, trình Quốc hội, được thông qua trên 64% phiếu.

Ở Hà Nội, Nguyễn Thế Rục, Trần Huy Liệu, Trần Định Long, Nguyễn Đức Kính, Lê Văn Phúc, Nguyễn Mạnh Chất v.v. đã chuẩn bị từ tháng 5, đúng ngày 6-6-1936 ra số l, báo *Hồn trẻ tập mới.* Đây là sự trùng hợp với ngày Chính phủ Pháp chính thức thành lập, không phải ngẫu nhiên, mà có sự tính toán, dự đoán tài tình, kỳ diệu của những người cộng sản.

Hồn trẻ tập mới đi tiên phong, mở đường cho báo chí của Đảng và các tổ chức quần chúng cách mạng xuất bản công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp trong thời kỳ vận động dân chủ, trực tiếp đưa tiếng nói của những người cộng sản qua phương tiện báo chí, đến với nhân dân đông đảo.

Ngày 26-7-1936, Trung ương họp quyết định lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi, gồm các đảng phái, các tầng lớp nhân dân thích hợp với điều kiện thực tế ở xứ Đông Dương.

Căn cứ vào nội dung hội nghị này, các hội nghị trung ương sau đó bổ sung hoàn chỉnh, cụ thể hóa, đề ra khẩu hiệu lập Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.

Khi trung ương họp hội nghị ở một địa điểm tại nước ngoài, ở Sài Gòn những người cộng sản hoạt động công khai: Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Dương Bạch Mai, Nguyễn Thị Lựu và những trí thức có cảm tình với Đảng có sáng kiến đề ra cuộc vận động Đại hội Đông Dương (khi đó thường viết là Đông Dương Đại hội). Nguyễn An Ninh thay mặt cho nhóm viết một loạt bài bằng chữ Pháp đăng báo*La Lutte:* "*Tiến tới một Đại hội Đông Dương"* (số 92, ngày 29-7-1936), *"Hãy bắt tay vào Đại hội Đông Dương"* (số 93, ngày 5-8-1936) v.v.. Sáng kiến này được Trung ương Đảng đồng tình, ủng hộ, kêu gọi đồng bào nhiệt liệt hưởng ứng. Đế quốc Pháp hoảng sợ trước phong trào sôi nổi trên toàn xứ Đông Dương, Chính phủ Pháp theo dõi chặt chẽ tình hình, nhất là thấy Đảng Cộng sản đã vào cuộc chỉ đạo phong trào, liền ra lệnh cấm đại hội, trước hết ở Nam Kỳ từ ngày 15-9, sau đó đến Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Phong trào phải dừng lại, nhưng cho ta những kinh nghiệm quý về đấu tranh và tổ chức quần chúng, nhận rõ bản chất của Chính phủ Blum ở Pháp và chính quyền thuộc địa phản động ở Đông Dương; hiểu rõ năng lực tổ chức và lãnh đạo quần chúng của Đảng ta; các bạn đồng minh gần, xa và kẻ thù của nhân dân, tay sai của giới phản động thuộc địa trong tình hình mới.

Thực hiện chủ trương của Đảng, ta thắng trận đầu với việc đưa Trịnh Văn Phú ra tranh cử bổ sung vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ cuối năm 1936 đầu năm l937. Trịnh Văn Phú là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Vì tham gia biểu tình, bị trục xuất về nước tháng 5-1936. Anh bí mật bắt liên lạc với các đảng viên cộng sản ở Hà Nội khi tổ chức đảng bị địch phá chưa được gây dựng lại. Báo *Le Travail* do nhóm

cộng sản chủ trương xuất bản, ra số l, ngày 16-9-1936 đưa Trịnh Văn Phú làm chủ nhiệm. Trịnh Văn Phú tranh cử với danh nghĩa đại biểu nhóm *Le Travail*, cả địch đều hiểu nhóm cộng sản. Do kết quả vận động tốt, Trịnh Văn Phú trúng cử, thắng tay sai của địch, trở thành "nghị viên".

Cùng với Phan Tử Nghĩa, Trịnh Văn Phú soạn thảo bài phát biểu để đọc ngày 8-11-1937 ở Đại hội Hội đồng Viện Dân biểu Bắc Kỳ về vấn đề lao động. Đây là tiếng nói "cộng sản" lần đầu tiên trong lịch sử dân biểu ở Đông Dương của thực dân Pháp.

Năm 1937, Viện Dân biểu Trung Kỳ hết nhiệm kỳ, tổ chức dân bầu lại. Dưới sự chỉ đạo tài tình của Xứ uỷ Trung Kỳ trực tiếp là Phan Đăng Lưu, ta kết hợp nhiều hình thức cổ động, dùng báo *Sông Hương tục bản,* cử cán bộ đi vào quần chúng tuyên truyền, vận động cử tri bầu cho những người do ta đưa ra, vạch mặt những tên buôn dân, bán nước... Kết quả 18 người của Mặt trận Dân chủ trúng cử, trong tổng số 49 người vừa bầu, vừa do chính quyền chỉ định. Đây là một thắng lợi to lớn, làm cho kẻ thù hết sức bất ngờ. Một tổ chức của Mặt trận Dân chủ được thành lập ngay trong Viện Dân biểu đã làm thay đổi một phần bộ mặt và sắc thái của tổ chức này ngay từ ngày thành lập.

Trên 4.000 tù chính trị còn bị giam dữ. Cuộc đấu tranh đòi thả tù chính trị trước kia diễn ra liên tục, quyết liệt, nhưng ít hiệu quả.

Chương trình của Mặt trận nhân dân Pháp trở thành Chương trình của Chính phủ L. Blum. Phần thứ nhất "Yêu sách chính trị", mục I "Bảo vệ quyền tự do", điểm l "Tổng đại xá". Ta dựa vào quy tắc pháp lý ấy, tổ chức nhiều hình thức đấu tranh đòi tha tù chính trị; từ trong nhà tù, gia đình các người tù cùng với báo chí, phối hợp với nhân dân Pháp và hoạt động của Uỷ ban đòi ân xá tù chính trị ở Đông Dương của Pháp, buộc chính quyền thực dân phải mở cửa nhà tù cho trên 2.000 tù chính trị được ra, tuy vẫn phải quản thúc, bắt đầu đợt l kể từ ngày 4-7-1936. Đây là một thắng lợi to lớn, góp phần quan trọng vào việc khôi phục, củng cố và phát triển

thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Những đồng chí như Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Chí Diểu, Phan Đăng Lưu và nhiều cán bộ kiên cường dũng cảm, thông minh được rèn luyện, thử thách, ra khỏi nhà tù. Một số đồng chí đã học tập, công tác ở nước ngoài trở về, như Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai... cùng nhau đẩy tới một cao trào cách mạng mới.

Bọn phản động thuộc địa rất ngoan cố, vẫn tìm cách giữ lại 1.500 tù chính trị[21], không chịu thả ra, có người bị chuyển thành tù thường phạm mang án hình sự, như Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Lương Bằng, v.v.. Trong khi đó, chúng vẫn tiếp tục bắt cán bộ ta vào tù vì vi phạm điều này, luật nọ. Cuộc đấu tranh gay gắt đòi tha hết tù chính trị tiếp diễn trong suốt những năm đấu tranh cho dân chủ.

Với các cuộc đấu tranh của công nhân chống giai cấp tư sản trong nước và nước ngoài bóc lột, buộc Tổng thống Pháp Lơbroong và Bộ trưởng Thuộc địa Mutê ký sắc lệnh ban hành "Luật Lao động", cải cách chế độ lao động ở Đông Dương ngày 30-12-1936. Các nhà tư sản tìm nhiều cách không thi hành đầy đủ các điều quy định của sắc lệnh, còn chính quyền thì thờ ơ không can thiệp. Mâu thuẫn về kinh tế cơ bản không được giải quyết.

Nhiều cuộc đấu tranh dưới danh nghĩa Mặt trận Dân chủ được quần chúng đông đảo ủng hộ. Cuộc bầu cử đại biểu thay thế cho hai vị trí của Mặt trận bị nhà cầm quyền bãi miễn vì hoạt động báo chí cách mạng vào Viện Dân biểu Trung Kỳ. Tuy vậy, việc bầu cho Đặng Thai Mai thay chân Phan Thanh, làm thất bại người của chính quyền đưa ra v.v..

Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu, thời kỳ vận động đấu tranh cho dân chủ kết thúc. Đảng ta chuyển vào hoạt động bí mật, chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và thay đổi sách lược cho phù hợp với tình hình chiến tranh và tiến hành cách mạng

giải phóng dân tộc. Các tổ chức dân chủ của quần chúng cách mạng ngừng hoạt động. Các tổ chức phản đế được xây dựng bí mật.

Đảng ta học tập được nhiều kinh nghiệm quý thành công và không thành công trong lãnh đạo cách mạng, già dặn, vững vàng, đầy tự tin tiến vào thời kỳ mới, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, đi tới những thắng lợi vẻ vang đang đặt ra trước mắt.

2. Chính sách báo chí của chính quyền thực dân

Trong suốt ba năm vận động dân chủ, Chính phủ Pháp và chính quyền thực dân có trên 40 văn bản quy định bổ sung về báo chí và quan hệ đến báo chí.

Ngày 12-8-1936, Chính phủ Pháp ra sắc lệnh nới về báo chí do Tổng thống Lơbroong ký có tiếp chữ ký của Bộ trưởng Tư pháp Ruyca, Bộ trưởng Thuộc địa Mutê; ngày 17-9-1936, Xinvétxtơrơ thay mặt Toàn quyền Đông Dương Rôbanh, ký nghị định ban hành ở Đông Dương. Sắc lệnh có ba điều. Sau đây là điều l và điều 2.

"Điều 1: Trong các lãnh thổ Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Miên và Lào, việc công bố hay truyền bá bằng bất cứ biện pháp nào những tin tức sai lầm, những văn bản xuyên tạc và vu cáo đối với người khác vì cố tình mà làm giảm lòng tin, sẽ bị phạt tù từ 3 tháng đến một năm và phạt tiền từ 100 đến 3.000 phrăng, hoặc một trong hai hình thức đó, khi ấn phẩm hoặc việc truyền bá ấy dẫn tới làm rối loạn kỷ luật và đạo đức và các lực lượng lục quân, hải quân và không quân".

"Điều 2: Những vi phạm điều trên sẽ bị đưa ra xử trước tòa án tiểu hình".

Sắc lệnh này không thực hiện ở Nam Kỳ là đất thuộc Pháp. Một sự thật khách quan nào đưa lên báo có thể làm cho kẻ thù sợ hãi, "cho đó là tin tức sai lầm", "văn bản xuyên tạc và vu cáo" bị chính quyền thực dân lấy cớ làm án một cách độc đoán và đàn áp báo chí.

Rất nhiều đơn gửi lên Toàn quyền xin phép ra báo đã bị bác. May lắm có tờ nào được ra thì cũng qua một thời gian dài điều tra, xem xét.

Theo báo cáo của các nhà báo cách mạng ở Hà Nội với Ônen (Honel), đại biểu Đảng Cộng sản Pháp, nghị sĩ Quốc hội Pháp trong dịp sang Đông Dương, cuộc họp báo Hội đồng Chính phủ tháng 8-1937 xét 43 đơn xin ra báo, chỉ duyệt có hai đơn[22].

Khi tờ báo *Dân chúng,* cơ quan trung ương của Đảng xuất bản công khai ở Sài Gòn không xin phép, dựa vào phong trào dân chủ đang lên và luật tự do báo chí của Quốc hội Pháp mà Nam Kỳ được hưởng, bị bọn thực dân cầm quyền làm sai lạc đi trong mấy chục năm, buộc chúng phải thừa nhận tính nửa hợp pháp trong thời gian đầu.

Ngày 30-8-1938, hơn một tháng sau khi báo *Dân chúng* ra số l, Tổng thống Pháp Lơbroong ký sắc lệnh, tiếp ký là Bộ trưởng Thuộc địa Măngđen, được Toàn quyền Đông Dương Brêviê ra nghị định riêng cho Nam Kỳ ngày 7-10-1938, gồm hai điều, trong đó:

"*Điều 1*: Các điều 2 và 4 trong sắc lệnh ký ngày 30-12-1898 về chế độ báo chí ở Đông Dương từ nay bãi bỏ"[23].

Như vậy là các báo chí và ấn phẩm định kỳ xuất bản ở Nam Kỳ không cần xin phép trước. Nhưng chính quyền thực dân chỉ công nhận giá trị điều 5 của luật ngày 29-7-1881 riêng đối với Nam Kỳ. Các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng đều là nhượng địa cho Pháp, có quy chế cho Nam Kỳ. Ta đòi thực hiện sắc lệnh ngày 30-8-1938 ở cả ba thành phố này. Pháp lấy lý do là các nơi ấy mới nhượng cho Pháp từ ngày 3-10-1888, tức là sau luật ngày 29-7-1881 hơn 7 năm, do đó không đủ điều kiện hưởng quyền tự do báo chí như ở Nam Kỳ. Hành vi xảo trá đó chính là nhằm trốn tránh thi hành luật tự do báo chí.

Các văn bản pháp quy về báo chí không quy định thời hạn chung từ khi cho phép đến khi xuất bản là bao nhiêu lâu, nếu kéo dài quá thời hạn đó thì không được xuất bản nữa. Nhưng khi ký nghị định, Toàn quyền Đông Dương tùy tiện cho thời hạn khác nhau đối với từng tờ báo. *Đời nay,* 1936, *Tiểu thuyết thứ năm,* 1937, thời hạn

là 6 tháng. *Dân,* 1938, thời hạn là 3 tháng. Trước kia, từ năm 1931, tờ báo nào đã có nghị định của Toàn quyền cho phép xuất bản rồi, bao nhiêu lâu sau đó, 3 tháng, 6 tháng hay hơn nữa mới ra số 1 là tùy người được phép[24].

Theo các sắc lệnh và nghị định, một tờ báo vi phạm một điều luật nào đó sẽ bị đưa ra xét xử trước tòa án tiểu hình. Phan Tử Nghĩa, Giám đốc tờ báo chữ Pháp *Rassemblement!* (do Xứ uỷ Bắc Kỳ bí mật chỉ đạo, danh nghĩa là tuần báo chính trị, kinh tế và xã hội ra ngày thứ ba, cơ quan của tất cả các lực lượng dân chủ Đông Dương) bị gọi ra tòa đại hình ngày 4-12-1937, bị truy tố về tội xuất bản nối tiếp theo *Le Travail.*

Đây là lần đầu tiên và cũng là một lần duy nhất một tờ báo ở Đông Dương bị gọi ra tòa đại hình[25].

Hội *Ái hữu báo giới người Nam Kỳ* (viết tắt là AJAC) do nhà cầm quyền chủ trương lập ra từ ngày 22-6-1932 vẫn tồn tại, nhưng thay đổi nhân sự hội đồng quản trị để đề phòng những người dân chủ nắm lấy tổ chức đấu tranh với chúng.

Toàn quyền Robanh ban hành nghị định bỏ chế độ kiểm duyệt báo chí ở Đông Dương từ ngày l-l-1935. Nay đứng trước tình hình bóng mây Chiến tranh thế giới thứ hai đang bao phủ trời Âu, việc bùng nổ chỉ còn tính ngày giờ, Toàn quyền Brêviê ra nghị định thu hồi nghị định bỏ kiểm duyệt, trở lại chế độ kiểm duyệt từ ngày 29-8-1939. Nhiều tờ báo in ra lại xuất hiện những đoạn, những cột, cho đến cả những trang bỏ trắng, ấn vào đó chữ *"kiểm duyệt"*.

Đơn xin xuất bản báo mới lúc này đều bị xếp lại, không xét.

Sắc lệnh của Chính phủ Pháp ngày 26-9-1989, sau điều l và điều 2 cấm các đảng cộng sản và các đoàn thể do đảng cộng sản tổ chức và chỉ đạo hoạt động, *điều 3* viết về báo chí: "Nghiêm cấm việc đăng báo, lưu hành, bày bán, cất giữ báo chí và ấn phẩm định kỳ hay không định kỳ, kể cả hình các hình vẽ, tuyên truyền những khẩu hiệu của phái Đệ tam quốc tế và những cơ quan có quan hệ với phái ấy".

Đến khi đứng trước ngưỡng cửa của chiến tranh, bọn cầm quyền thẳng tay xóa bỏ những điều cải cách, tiến hành chính sách phát xít đối với báo chí, đàn áp báo chí tiến bộ, khủng bố các nhà báo dân chủ và cách mạng. Nhiều tờ báo phải đình bản. Các nhà báo cách mạng từ công khai chuyển nào hoạt động bí mật.

3. Toàn cảnh báo chí Việt Nam

Theo thống kê của Phủ Toàn quyền, đến tháng 6-1936, cả nước có 230 tờ báo, tạp chí, tập san các loại. Đến 6 tháng cuối năm 1936 tăng lên 47 tờ, cộng cả năm 1936 là 277 tờ. Năm 1937 có 289 tờ, tăng hơn năm 1936 là 12 tờ (4,3%). Năm 1938 là 308 tờ, tăng hơn năm 1937 là 19 tờ (6,5%). Đến năm 1939 tiếp tục tăng lên, 6 tháng cuối năm 1939 dừng lại.

Tính bình quân hằng năm tăng gần 5%, trong đó tốc độ tăng của báo chí Bắc Kỳ và Nam Kỳ lên đều nhau. Trung Kỳ năm 1938 lai sụt hơn năm 1936, có 26/27 tờ.

Về thể loại, khuynh hướng chính trị tăng nhanh hơn so với kinh tế, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, xã hội, tôn giáo...

Báo cách mạng lần đầu tiên xuất hiện công khai trên mặt trận báo chí. Phần lớn báo cách mạng ra mắt công chúng dưới hình thức nửa hợp pháp và hợp pháp, chỉ có khoảng trên 10 tờ là xuất bản bí mật.

Tờ *La Lutte* là diễn đàn chung của một nhóm cộng sản như Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn... với nhóm tơrốtxkit Tạ Thu Thâu... từ năm 1933. Đến tháng 5-1937, nhóm tơrốtxkit giành lấy *La Lutte,* những người cộng sản tách ra làm báo *L' Avant garde* của Trung ương Đảng. Từ đây cho đến khi báo ngừng xuất bản tháng 6-1939, *La Lutte* là báo của riêng nhóm tơrốtxkit Tạ Thu Thâu.

Nhóm tơrốtxkit đứng đầu là Hồ Hữu Tường có những điều bất đồng với Tạ Thu Thâu, cho xuất bản một số tờ riêng và công kích lẫn nhau.

Một vài tờ báo ở Sài Gòn và Hà Nội ngả theo khuynh hướng tơrốtxkit.

Có tờ lúc đầu theo khuynh hướng tự do, có thời gian ngả về Mặt trận Dân chủ, thân thiện với cộng sản, ít lâu sau lại ngả theo tơrốtxkit như tờ *Nghề mới* xuất bản ở Hà Nội.

Tờ *Phổ thông* lúc đầu là tự do, được Trung ương Đảng Cộng sản thuê lại, trở thành cơ quan trung ương của Đảng, sau đó một nhóm tơrốtxkit thuê lại với giá cao hơn ta, trở thành tiếng nói của tơrốtxkit.

Trong các nhà tù, còn khoảng l.500 tù chính trị, trong đó đông nhất là Côn Đảo, trước đây đã từng ra báo, thời kỳ này cũng không có báo; các nhà tù khác đều như thế.

Việc giao lưu giữa báo chí trong nước và nước ngoài mở rộng từ cuối năm 1936. Nhiều tờ báo, nhất là báo cách mạng được gửi đi Pháp, Trung Quốc, đến với Quốc tế Cộng sản. Nhiều tổ chức chính trị, xã hội, văn hóa, nhiều nhân vật lãnh đạo của các tổ chức dân chủ, tiến bộ và cộng sản nhận được báo xuất bản ở Việt Nam gửi tới. Mặt khác, chúng ta có điều kiện tiếp nhận báo chí xuất bản ở nước ngoài bằng cách công khai nhập và bày bán ở các hiệu sách, quầy báo bán lẻ và qua bưu chính phát hành; chưa kể những tạp chí cộng sản in bằng chữ Pháp đi bằng con đường bí mật đến Trung ương Đảng và các xứ uỷ.

Đầu năm 1939, báo từ trong nước ra, ngoài nước vào bị hạn chế, thu hụt dần. Đến ngày sắp bước vào chiến tranh, các pháp lệnh cấm Đảng Cộng sản hoạt động ở Pháp và các thuộc địa của Pháp được ban hành, việc giao lưu báo chí giữa ta với nước ngoài cũng bị cấm hẳn.

4. Báo chí cách mạng

a) Những đặc điểm ra đời, tồn tại và phát triển của báo chí cách mạng xuất bản công khai

Báo cách mạng xuất bản công khai ra đời không giản đơn như các báo khác, mà là cả một nghệ thuật chỉ đạo tài tình, linh hoạt của Đảng. Ra đời rồi, nhưng chiến đấu

như thế nào để có thể tồn tại, phát triển, chống lại các thế lực thù địch muốn bóp chết nó khi mới xuất hiện hay ít nhất kiềm chế nó.

Sau đây là một số phương pháp.

- *Ra báo chữ Pháp:*

Theo các văn bản pháp quy đã ban hành, báo chữ Pháp do người Pháp hay người Việt chủ trương đều phải xin phép, chỉ cần làm một số thủ tục đơn giản. Ra báo chữ Pháp có nhược điểm là người đọc ít, số lượng in thấp nên giá bán cao. Lợi dụng điều kiện thuận lợi mới, thông qua lớp người đọc hiểu thông Pháp để tác động vào dư luận xã hội ta, gây tiếng vang đến dư luận Pháp, góp thêm vào tiếng nói đấu tranh chung với những tờ báo tiếng Việt. Mỗi tờ báo chữ Pháp in nhiều không quá 2.000 bản, 4 trang, bán bảy xu. Chúng ta đã ra tất cả 6 tờ báo chữ Pháp: *Le Travail, Rassemblement! L'Avant garde, En avant!, Le Peuple, Notre voix*. Từ ngày 16-3 đến 16-4-1937, Xứ uỷ Bắc Kỳ chỉ đạo đồng thời hai tờ: *Le Travail và Rassemblement!*

Trên măng sét, có tờ không nói cơ quan ngôn luận của ai. Có tờ đề là của lao động, của "dân chúng", của "các lực lượng dân chủ". Bài viết nhiều khi không có tên tác giả; có khi một tên bất kỳ, lúc ký tên này, lúc ký tên khác, vẫn là một người.

- *Chuyển báo đã được phép từ trước, không cách mạng thành cách mạng, bằng cách thuê, mua lại:*

Báo *Hồn trẻ* xuất bản từ ngày 15-4-1935 đến ngày l2-12-1935 được 10 số, rồi ngừng. Sáng suốt bắt mạch tình hình chính trị bắt đầu chuyển động thuận lợi, Nguyễn Thế Rục và một số đảng viên hoạt động ở Hà Nội vận động Nguyễn Mạnh Đang quản lý tờ *Hồn trẻ* cho sử dụng, lấy tên *Hồn trẻ tập mới* để kịp thời bắt tay vào cuộc đấu tranh cho dân chủ, hoan nghênh thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp, tích cực hưởng ứng cuộc vận động Đại hội Đông Dương. *Hồn trẻ tập mới* trở thành báo cách mạng do những người cộng sản giữ vai trò chủ yếu. Đương lúc

cuộc vận động Đại hội Đông Dương lên cao, thực dân Pháp hoảng sợ liền ra lệnh thu hồi giấy phép xuất bản, sau khi báo ra số 12, ngày 21-8-1936.

Về sau, nhiều tờ báo đã được xuất bản theo cách như thế, hoặc giữ tên gốc, *Sông Hương,* thêm *tục bản,* thành *Sông Hương tục bản,* hoặc giữ nguyên tên cũ: *Tiếng trẻ, Hà thành thời báo, Thời thế, Việt dân, Kịch bóng, Phổ thông, Đời nay.*

Dùng cách này, mua hẳn tên báo thì gọn, đỡ phiền nhiễu. Thuê thì có khi chủ nhân đòi lại cho người khác thuê với giá cao hơn, tờ báo từ cách mạng rơi vào tay phản cách mạng như tờ *Phổ thông* (1938).

Về mặt pháp lý, những tên người viết đơn xin phép vẫn còn nguyên trên măng sét nên giữ được tính hợp pháp, cứ việc xuất bản như là một sự tiếp nối, mặc dù nội dung đã khác hẳn, không phải xin phép lại.

Báo *Tân xã hội* được phép xuất bản theo Nghị định số 2339, ngày 29-4-1936, nhưng chưa ra số nào, lại có đơn xin thay đổi nội dung và được chuẩn y báo *Khỏe,* danh nghĩa là tờ báo thể thao.

Đây là một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử quản lý báo chí chính quyền thực dân ở Đông Dương và cũng là bài học về tổ chức một tờ báo cách mạng phải có phương pháp tế nhị, kín đáo, không gây ồn ào.

- *Xin phép ra báo:*

Trung ương và các xứ uỷ của Đảng đưa người tốt, cảm tình Đảng làm đơn đứng tên xin phép ra báo tư nhân một cách bí mật. Nội dung trong đơn chỉ viết chung chung không cụ thể, rõ ràng. Ta đã làm như thế và có kết quả như: Nguyễn Văn Lữ với *Nhành lúa,* Hồ Cát với*Kinh tế tân văn,* Đỗ Kiết Triệu với *Tiến hóa tạp chí,* Lương Văn Tuân với *Tin tức,* Nguyễn Xuân Các với *Dân.*

Sau khi nộp đơn, trong thời gian chờ đợi xét duyệt, ta đã chuẩn bị đầy đủ để khi nhận được nghị định là ra được nhanh *Tin tức,* l tháng 10 ngày sau ra số 1; *Nhành lúa,* 2 tháng 20 ngày; *Kinh tế tân văn,* 8 tháng; *Dân,* 3 tháng 10 ngày.

- *Báo của một xứ, in và phát hành ở một xứ khác:*

Ở Trung Kỳ, chế độ vua quan Nam triều phản động, thẳng tay đàn áp báo chí. Một tờ báo cách mạng, biên tập, in và phát hành tất cả ở ngay trên đất Trung Kỳ nên gặp nhiều khó khăn, có khi không thực hiện được. Để khắc phục tình hình đó ta dùng nhiều cách đối phó.

Nhành lúa được biên tập ở Huế, gửi ra in ở nhà in Đông Tây, 193 phố Hàng Bông, Hà Nội, do một đồng chí của Xứ uỷ Bắc Kỳ được phân công lo liệu, giúp đỡ. In xong, phát hành ngay ở Hà Nội, đi các nơi trong nước và đi Pháp. Riêng số 5 ra ngày 12-2-1937, đặc biệt, biếu không, chỉ có một trang nhỏ như truyền đơn là in ở Huế.

Sau khi báo *Dân* bị cấm, Xứ uỷ Trung Kỳ cho ra tờ *Dân tiến,* biên tập ở Trung Kỳ, tòa soạn và trị sự đặt ở 16D, đường Nguyễn Tấn Nghiệm, Sài Gòn. Xứ uỷ Nam Kỳ cử Huỳnh Văn Thanh đứng tên quản lý. Lúc này (tháng 12-1938) luật tự do báo chí đã được thực hiện ở Nam Kỳ. *Dân tiến* xuất bản được 5 số rồi đình bản. *Dân muốn* ra thay *Dân tiến* cũng biên tập ở Trung Kỳ, Phan Văn Tạo được Xứ uỷ Nam Kỳ cử ra làm quản lý, in và phát hành ở Sài Gòn.

- *Ra báo tiếng Việt không xin phép:*

Trung ương Đảng chủ trương ra báo tiếng Việt không xin phép, dựa trên hai yếu tố:

Một là, dựa vào Luật tự do báo chí ngày 29-7-188l đã ban hành ở Nam Kỳ, nơi có tự do báo chí như ở Pháp. Tuy bị sắc lệnh ngày 30-12-1898 xóa bỏ phi pháp, nay có điều kiện buộc chính quyền phải thực hiện theo đúng luật. Đây là văn bản pháp lý cao nhất, và chỉ có khả năng thực hiện ở Nam Kỳ;

Hai là, dựa vào phong trào quần chúng đang lên cao trong cả nước, hàng loạt tờ báo cách mạng đã ra đời, được sự ủng hộ mạnh mẽ của Mặt trận nhân dân Pháp.

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị, ngày 22-7-1938, báo *Dân chúng,* cơ quan trung ương của Đảng, dưới danh nghĩa: "cơ quan của lao động và dân chúng Đông Dương", xuất bản công khai ở Sài Gòn, không xin phép, chỉ làm thủ tục khai báo

như quy định của Luật tự do báo chí năm 1881, đi ngược với mọi thể lệ vẫn phải theo đối với một tờ báo mới xuất bản từ gần 40 năm qua.

Dân chúng mở đường cho hành loạt tờ tự do xuất bản không phải xin phép, trong đó có các tờ báo cách mạng như *Lao động, Dân tiến, Dân muốn, Đông Phương tạp chí, Tiến tới.*

Có người cho rằng *Dân quyền, Tiếng chuông mới* là những tờ báo ra không xin phép trước hết. Sự thật là thế nào?

Báo *Dân quyền* do S. Xăngđriơ, người Pháp, chủ trương được phép xuất bản từ ngày 23-3-1935. Nhân phong trào Đại hội Đông Dương,*Dân quyền* đăng bài hưởng ứng. Ngày 23-8-1936, *Dân quyền* nhận được lệnh thu hồi giấy phép. Ngày 8-9-1936 *Dân quyền* vẫn xuất bản, lập tức cả bộ máy đàn áp được điều động đến đối phó: báo bị tịch thu, chủ nhân bị truy tố trước tòa án Sài Gòn. Xăngđriơ chống án về Tòa nhượng thẩm Pari. Sau hơn một năm xem xét, Tòa nhượng thẩm Pari tuyên bố trắng án cho Xăngđriơ ngày 29-12-1937.

Tiếng chuông của Hoàng Minh Đầu xuất bản không xin phép, ra số l ngày 13-5-1937, liền bị Cục Biện ký và Sở Mật thám gọi lên thẩm vấn. Trước cường quyền, không có thế và lực Hoàng Minh Đầu xin nhận tội và thôi ra báo.

Thực tế lịch sử đó cho ta đủ cơ sở để khẳng định rằng: *Dân chúng* là tờ báo đi tiên phong, mở đường cho tự do báo chí thắng lợi.

Báo chí cách mạng ra sức lợi dụng mọi điều kiện thuận lợi, mọi phương tiện kỹ thuật có thể có để thu nhập thông tin, đến tận nơi điều tra sự việc và đưa lên báo tương đối nhanh. Máy thu thanh, điện thoại, điện báo được sử dụng để lấy tin và liên lạc; xe lửa, ô tô, tàu thủy, xe đạp được sử dụng để phát hành báo. *Dân chúng* bị khủng bố ngày 7-3-1939, từ Sài Gòn điện cho *Notre voix* ở Hà Nội, nhận được ngay trong ngày 8-3-1939, số 0990/3/8/1014 của Dương Trí Phú. Trên mặt trận báo *Notre voix* số 9, ra ngày 12-3-1939, tin đưa và tố cáo nhà cầm quyền vi phạm Luật tự do báo chí ở Nam Kỳ.

Về tin thế giới, chúng ta nhận qua máy thu thanh và bản tin của ARIP[26] do Pháp quản lý, vì vậy phải dựa vào đó mà phân tích, bình luận cho đúng sự thật, bóc được cái vỏ che đậy và xuyên tạc của họ.

Một số tờ báo từ khi mới xuất bản đã công bố kỳ hạn, nhưng nhiều tờ kể cả khi xin phép và không xin phép đều không nói kỳ hạn. Thực tiễn đấu tranh làm kỳ hạn công bố thay đổi. Trước hết là do nhiệm vụ chính trị mà ta chủ trương ra mau hơn, ví dụ tờ *Tin tức,* lúc đầu ra cách nhau 7 ngày, sau đó khoảng cách còn 3, 4 ngày, như các số 12, 13, 14, 15, v.v.. *Dân chúng* có khi cách nhau 7 ngày, có khi cách nhau 3, 4 ngày, như các số 30, 31, 32; thậm chí cách nhau 1, 2 ngày như các số 58, 59, 60. Có khi do địch khủng bố, ta phải có thời gian ổn định để tổ chức, kiểm vốn mới lại ra được báo, như *Dân chúng,* số 53 sau số 52 ba tuần.

Ta cố gắng phấn đấu đưa số lượng in của mỗi tờ báo lên cao dần để đáp ứng yêu cầu của bạn đọc, nhưng địch lại tìm cách dìm số lượng xuống: tăng giá giấy lên làm cho ta hụt vốn; thu hẹp phạm vi độc giả bằng cách ra lệnh cấm lưu hành trong từng xứ...

Những số có nội dung đặc biệt và số tết thường in cao vọt lên, ví dụ *Tin tức* thường dao động giữa con số 5.500 và 6.000 bản, nhưng số 26, đặc biệt, ủng hộ hòa bình (từ ngày 17 đến ngày 20-8-1938) in 8.000; *Dân chúng* thường in trên dưới 6.000 bản, số đặc biệt kỷ niệm ngày thành lập Đảng (3-1 và 7-l-1939) in 10.000 bản, số xuân 1939 in 15.000 bản.

Ta giác ngộ và tổ chức công nhân; nâng cao cảnh giác; phát hiện tay sai của địch; chép lại các bài báo của các đồng chí có cương vị quan trọng rồi mới đưa đến nhà in, không đưa nguyên bản viết tay của tác giả; tranh thủ chủ nhà in để đối phó lại hoạt động của địch.

Trước khi phát hành, báo phải nộp lưu chiểu theo quy định của nhà cầm quyền. Ở cuối mỗi số báo hay tạp chí, có chữ viết tay ngày nộp lưu chiểu, số lượng in, chữ ký của giám đốc hoặc chủ nhiệm. Số lượng báo in ra của mỗi số đã nói lên một

phần thế mạnh của báo chí nước ta. Những thế mạnh còn biểu hiện nhiều ở tổ chức đọc báo. Các tổ đọc báo, thư viện bình dân được lập ra ở nhiều nơi do Đảng đề xuất và chỉ đạo hoạt động, thường tập trung người đến nghe đọc, trao đổi và bình luận, làm cho số lượng bạn đọc nhiều lên mấy chục lần so với con số phát hành.

b) Nội dung chủ yếu và những hình thức thể hiện của báo chí cách mạng

Báo chí được dịp đăng nhiều bài công khai tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin với tính cách là vũ khí chiến đấu của giai cấp công nhân và nhân dân ta trên con đường giải phóng.

Sông Hương tục bản đăng liền trên 3 số: 8, 9, 10, ra ngày 26-8, ngày 2 và ngày 11-9-1937, bài *"Văn học và chủ nghĩa duy vật"* của Hải Triều. *Mới* đăng từ số 2 đến số 5, ra từ ngày 15-5 đến ngày l-7-1939, bài *"Ý tưởng và học thuyết nhân quả"* của Sơn Trà. Tô Vệ dịch *"Kinh tế học mácxít"* của G. Baby đăng trên tờ *Đời nay*.

Những bài văn chính luận là một loại hình văn học có tính khoa học, tính chiến đấu mạnh mẽ.

Những bài lý luận chính trị trên *Notre voix* như *"Chủ nghĩa dân tộc và chúng tôi"* (số l, 2), *"Lênin và mặt trận nhân dân"* (số 4), *"Lênin bàn về chiến tranh và hòa bình"* (số 12, l3); trên *Dân chúng,* như: *"Chiến tranh và quyền tự do dân chủ"* (số 19), *"Cách mạng và cải lương"* (số 34, 35) v.v..

Những bài chính trị mang tính lý luận, trên *Tin tức có "Đi tới Mặt trận Bình dân Đông Dương"* (số 7, 8), *"Mặt trận Bình dân hay Mặt trận Dân chủ* (số 9), *"Đi tới Mặt trận Dân chủ Đông Dương" (*số 11), *"Chính sách lập Mặt trận Dân chủ* (số 25); trên *Notre voix,* có *"Nền hòa bình mà chúng ta muốn"* (số l), *Bảo vệ hòa bình như thế nào?"* (số 2), *"Với nhân dân Pháp"* (số 6). *Nhân kỷ niệm lần thứ 150 ngày cách mạng dân chủ tư sản Pháp* (1789). Võ Nguyên Giáp với bút danh Hồng Thạch, viết một bài nghiên cứu tính chất, ý nghĩa của cuộc cách mạng tư sản, liên hệ với tình hình đấu tranh cho tự do dân chủ, cải thiện đời sống hiện tại, đăng

trên *Notre voix* 5 số liền (từ số 18 đến số 22) với nhan đề *"Kỷ niệm lần thứ 150 cuộc cách mạng Pháp và chính sách của chúng ta để phòng thủ Đông Dương một cách vững chắc",* v.v..

Lần đầu tiên văn kiện của Đảng được đăng công khai trên báo *Le Peuple* số 26, ngày 23-6-1938, với nhan đề *"Bức thư công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi Đảng Cộng sản Pháp";* sau đó lại đăng *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc". Dân chúng* là tờ báo thứ hai, sau *Le Peuple,* đăng *"Bức thư công khai* của Đảng *Cộng sản Đông Dương gửi Đảng Cộng sản Pháp"* (số 31) và*"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc"* (số 62), còn các tờ báo khác chỉ nói đường lối, quan điểm của Đảng dưới hình thức trình bày tinh thần với danh nghĩa Mặt trận Dân chủ.

Nhân kỷ niệm lần thứ chín ngày thành lập Đảng, lần đầu tiên Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương công bố một tài liệu nghiên cứu về lịch sử, đăng trọn 4 trang số 41 và phần lớn số 42 trên báo *Dân chúng,* nhan đề *"15 năm vận động cộng sản và 9 năm thành lập Đảng Cộng sản ở Đông Dương"; "Lịch sử cộng sản vận động ở Đông Dương". Notre voix* số 2 và 3 đăng bài "*Đảng Cộng sản Đông Dương 9 tuổi".* Đây là những bài viết có hệ thống, mang tính lý luận và có giá trị về lịch sử.

Về vấn đề quốc tế cùng với việc giới thiệu Quốc tế Cộng sản, báo chí có bài giới thiệu về G. Đimitơrốp, Tổng Bí thư của Quốc tế Cộng sản qua tiểu sử *(Thế giới,* từ số 3 đến số 9) và cuộc đấu tranh chống phát xít trước tòa án Laipxích, nhan đề *"Vụ án lớn nhất trong thời đại chúng ta" (Notre voix*, số 9 và số 32), tạo nên lòng kính trọng sâu sắc và biết ơn của nhân dân ta đối với người cộng sản lỗi lạc, người anh hùng của thời đại.

Báo chí làm rõ ranh giới giữa "Đệ tam quốc tế" (Quốc tế III - Quốc tế Cộng sản) là cách mạng với "Đệ tứ" là phản cách mạng, bảo vệ "Đệ tam", chống lại "Đệ tứ" và đồ đệ của chúng là các phái torốtxkit ở Đông Dương.

Liên Xô từ lâu đã là niềm tin, niềm hy vọng của nhân dân ta. Trong thời kỳ này, báo chí cách mạng mở rộng tuyên truyền thường xuyên về Liên Xô, như trích đăng báo cáo của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô ngày 3-3-1937 *(L'Avant garde).* Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Cộng sản Liên Xô ngày 10-3-1939 *(Notre voix),* giải thích đúng đắn Hiệp ước Xô - Đức ký ngày 23-8-1939; giới thiệu, nghiên cứu, dịch thuật, sáng tác về văn học, ca ngợi Liên Xô.

Với Đảng Cộng sản Pháp *và Mặt trận nhân dân Pháp,* báo chí giới thiệu những chủ trương cải cách tiến bộ ở Pháp và các thuộc địa của Pháp, qua các bài phát biểu của M. Tôrê (M. Thorez), G. Đuyclô (J. Duclos), H. Lôđoray (H. Lozeray) đấu tranh trong nghị trường. Những hoạt động của Ônen (Honel), nghị sĩ cộng sản, uỷ viên Trung ương, phái viên trong thời gian sang Đông Dương được tường thuật, gây thiện cảm cho nhân dân. Việc Ônen đến Nhà hát lớn Sài Gòn xem diễn vỡ *"Đời cô Lựu",* từ chối không tiếp đại diện phái torốtxkit được dư luận hết sức hoan nghênh.

Với mặt trận chống phát xít của các nước Tây Ban Nha, Trung Quốc, Ba Lan, Tiệp Khắc v.v., báo chí đưa tin, bình luận với thái độ tích cực ủng hộ các phong trào chống phát xít. Đối với Trung Quốc, báo chí không những ủng hộ bằng tinh thần mà còn vận động giúp đỡ quần áo, thuốc men, tiền bạc, đùm bọc những người chạy sang Việt Nam để tránh chiến tranh của phát xít Nhật.

Báo chí cổ động quần chúng tham gia những cuộc đấu tranh, đáng chú ý là những sự kiện lớn sau đây:

1. *Cuộc vận động Đại hội Đông Dương* tháng 9-1936. Phong trào mở đầu và phát triển trước hết ở Nam Kỳ, sau lan ra khắp Đông Dương.*Hồn trẻ tập mới* nhạy bén hưởng ứng say sưa, nhiệt tình, kịp thời thất. *Le Travail* và *Tân xã hội* hăng hái cổ động.

2. *"Đón" Gôđa và Brêviê đưa kiến nghị*. Tháng 1-1937, Chính phủ Pháp cử Gôđa sang điều tra tình hình và Brêviê nhậm chức Toàn quyền Đông Dương, Đảng Cộng

sản Đông Dương đã tổ chức, huy động, hướng dẫn quần chúng mang khẩu hiệu, viết nguyện vọng, đến nơi tập trung và đi có trật tự đến gặp Gôđa.

Cũng trong dịp này, báo chí hướng dẫn quần chúng tổ chức và làm kiến nghị đưa lên Toàn quyền và phản ánh tin tức về khí thế sôi nổi của quần chúng trong cả nước.

3. Bầu cử và đấu tranh nghị trường. Cuộc tranh cử đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương đưa người ra là cuộc bầu bổ sung vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ tháng l-1937, thay cho Trần Quang Vinh chết cuối năm 1936. Trịnh Văn Phú nhân danh nhóm *Le Travail*, đại biểu thương mại Hà Nội, dùng báo và truyền đơn cổ động, kết hợp với các hình thức vận động khác do Xứ uỷ Bắc Kỳ trực tiếp chỉ đạo đã thắng cử, làm nghị viện, đánh bại Phúc Đình tay sai của địch.

Trong cuộc bầu cử Hội đồng thành phố Hà Nội tháng 7-1937, Khuất Duy Tiến nhân danh nhóm *Tin tức* được giới thiệu ra ứng cử, là người của Mặt trận Dân chủ, đã từng viết trên tất cả các tờ báo xuất bản ở Hà Nội mà địch gọi là "báo cộng sản". Đơn của Khuất Duy Tiến bị bác, vì anh đã "can án" cộng sản từ Côn Lôn (Côn Đảo) về. Nhưng cử tri vẫn bỏ phiếu cho anh cùng với Phan Thanh và những người khác được Đảng vận động.

Cuộc bầu cử Viện Dân biểu Trung Kỳ tháng 8-1937, ta sử dụng tờ *Sông Hương tục bản* giải thích cho quần chúng hiểu quyền lợi của mình, chọn người xứng đáng để bầu, vạch mặt, chỉ tên những kẻ sâu mọt, thối nát. Kết quả, Mặt trận Dân chủ thắng lớn, gây được uy tín cao, nắm được cả chức viện trưởng, viện phó. Sau đó, Xứ uỷ Trung Kỳ sử dụng tờ *Dân* để chỉ đạo cuộc đấu tranh trong nghị trường, lập một chiến công lớn là làm phá sản dự án thuế thân thứ nhất và dự án thuế điền thổ do Khâm sứ đưa ra.

Trong cuộc bầu cử Viện Dân biểu Bắc Kỳ ngày 10-7-1938, Xứ uỷ Bắc Kỳ sử dụng tờ *Tin tức,* liên minh với các tờ *Ngày nay, Demain,* phê phán luật bầu cử bổ sung, buộc người ứng cử phải biết tiếng Pháp, hướng dẫn cử tri bầu cho người của Mặt

trận Dân chủ, đăng danh sách trên báo phê phán bọn phản động các loại. Kết quả, Mặt trận Dân chủ giành được thắng lợi lớn. Trong dịp tranh cử ở Bắc Kỳ, ngoài báo xuất bản ở Hà Nội, các tờ *Dân* ở Trung Kỳ, *Le Peuple* và *Dân chúng* ở Nam Kỳ đều lên tiếng cổ vũ, cũng như cuộc đấu tranh nghị trường ở Trung Kỳ được các tờ báo cách mạng ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ lên tiếng ủng hộ.

Cuộc bầu cử Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ tháng 4-1939, *Dân chúng* và *Tạp chí Đông phương* tham gia, được *Đời nay và Notre voix* ở Bắc Kỳ hưởng ứng. Do những nguyên nhân khác nhau và khuyết điểm chủ quan, ta bị thất bại.

Báo chí cách mạng thời kỳ này có nhiệm vụ đấu tranh chống các xu hướng đối địch về tư tưởng và chính trị, bảo đảm cho quan điểm mácxít chiến thắng các xu hướng cơ hội, cải lương; đường lối đúng đắn của Đảng đánh bại đường lối chính trị phản động.

1. Trước hết, Đảng tuyên chiến với các nhóm tơrốtxkit

Tờ báo đầu tiên tiến công vào bọn tơrốtxkit ở Nam Kỳ là *L'Avant garde,* ở Bắc Kỳ là *Hà thành thời báo.*

Bài phê phán cơ bản và toàn diện nhất là *"tơrốtxkít đối với tự do, hòa bình, cơm áo"* đăng trên 3 số *Dân chúng* (25, 26, 27), ra các ngày 15, 19 và 22-10-1938.

Đấu tranh chống tơrốtxkit đã trở thành một mục thường xuyên trên mặt báo cách mạng từ năm 1937 trở đi.

2. Đối với đồng minh trong mặt trận, có nhận thức lý luận chính trị không đúng, báo chí ra phê bình thân ái

Tin tức, số 1, ra ngày 2-4-1938, khen cuốn *Cái họa Nhật Bản* của Nguyễn Vy đả kích chủ nghĩa phát xít, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc, bảo vệ hòa bình cho các dân tộc châu Á và thế giới. Nhưng cuốn sách có khuyết điểm là không phân ranh giới nước Pháp bình dân và phản động Pháp, nhân dân Nhật và phát xít Nhật. Trần Đình Long viết bài *"Ông Hoàng Đạo hiểu lầm chủ nghĩa cộng sản",*đăng trên *Tin tức* số 9, ngày 4-11-1938, chỉ ra những sai lầm của Hoàng Đạo:

Đảng Cộng sản muốn cách mạng trước rồi cải cách sau, thiên về chiến tranh, coi đó là cơ hội tốt làm cách mạng giành chính quyền; mong có những cuộc khủng hoảng để quần chúng khổ cực mới có điều kiện làm cách mạng.

Trong tình hình Đảng hoạt động không hợp pháp, vấn đề xây dựng Đảng về chính trị và tổ chức không đặt ra trên mặt báo, nhưng các ý kiến bất đồng ấp ủ từ trước gặp thất bại trong cuộc tranh cử Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ bị đột nhiên đẩy ra công khai và bộc lộ những sai lầm "tả", hữu khuynh trong chính trị, sai lầm về nguyên tắc tổ chức, về phê bình và tự phê bình, về uy tín của Đảng và danh dự cá nhân.

Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương đã viết bài uốn nắn những sai lầm đó, gửi cho báo *Dân chúng,* rồi sau in thành cuốn *"Tự chỉ trích"* góp phần quan trọng vào việc đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Trên mặt trận văn học nghệ thuật, Đảng Cộng sản quan tâm, chỉ đạo khá toàn diện về lý luận và phê bình, sáng tác văn xuôi, thơ, ca...

1. *Về lý luận và phê bình văn học nghệ thuật,* các báo đăng nhiều bài nghiên cứu về tính giai cấp của văn học, quan hệ giữa văn học và hành động, hình ảnh người dân cày trong văn chương, quan hệ giữa nội dung và hình thức, nhà văn trong Đảng, nhà văn và tổ chức, phê bình trong văn học cách mạng v.v. để giải đáp những vấn đề thực tiễn của giới văn học đề ra, đăng trên các báo *Hồn trẻ tập mới, Sông Hương tục bản, Dân chúng, Đời nay, Ngày mới, Tạp chí Đông phương.*

Trong các bài nghiên cứu, lý luận, khi nào có phê bình, đồng thời có những bài bình luận một số tác phẩm, như bài *Một chiến sĩ* của Trương Tửu, *Lầm than* của Lê Văn Trương, vở kịch *Ông ký cóp, v.v.*.

2. Về văn xuôi, Phạm Cự Đệ viết: Trong điều kiện công khai của Mặt trận Dân chủ, báo chí của ta mới chỉ giới thiệu được một số truyện ngắn, phóng sự *(Ngục Kontum* cửa Lê Văn Hiến), hồi ký *(Ba năm Nga Xôviết* của Trần Đình Long), nhật ký *(Nhật ký tuyệt thực chín ngày rưỡi)*, phóng sự tiểu thuyết (*Vượt ngục* của Cựu

Kim Sơn...). Văn học cách mạng đang cần những thể loại gọn nhẹ, trực chiến, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của người sáng tác (nhất là phần lớn những người sáng tác đó lại ở trong tù)[27]. Thực tế, chúng ta đã có một số truyện dài như *"Ngục Kontum"* đăng trên *Le Travail* chỉ là trích dịch một ít đoạn, *Nhật ký tuyệt thực chín ngày rưỡi* và *Vượt ngục* lại không in trên báo chí. Các tác giả viết tác phẩm của mình phần lớn đều ở ngoài nhà tù, chứ không phải ở trong tù, và có người chưa vào tù bao giờ, còn lưỡi kéo kiểm duyệt đã tạm cất đi theo Nghị định Toàn quyền từ ngày l-1-1935 rồi.

Truyện dài, có thể kể đến như *"Đến chết"* của Huỳnh Mai *(Tân xã hội), "Hai làn sóng ngược"* của Học Phi *(Tiếng trẻ, Tiểu thuyết thứ năm), "Xung đột"* của Tú Văn *(Đời nay), "Con vú già"* của Anh Sơn *(Ngày mới)*. Có điều đáng tiếc là tất cả các truyện dài đều không được đăng trọn vẹn, có khi vì báo bị rút giấy phép mà phải ngừng, có khi vì thiếu tiền ra báo mà phải chuyển báo qua tay người thuê khác.

Truyện ngắn thì rất nhiều, đăng tải trên phần lớn các báo, cả tiếng Việt và tiếng Pháp. Có những truyện ngắn đã đạt tới trình độ tư tưởng và nghệ thuật cao, như *"Trước xác chết"* và *"Người đàn bà Tàu"* của Nguyên Hồng *(Mới), "Cô câm đã lên tiếng"* và *"Người đàn bà điên"* của Đặng Thai Mai *(Notre voix),* một số truyện ngắn được giải thưởng báo *Thế giới* (1939), như *"Bóng tối và ánh sáng"; "Kiếp em Oanh"* của Quỳnh Lam, *"Thưa mẹ con đây ạ"* của Lưu Vân An, v.v..

Tiểu phẩm là một thể loại được sử dụng rộng rãi bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, có sức chiến đấu chống mọi kẻ thù, tuy ngắn gọn nhưng đòi hỏi tính tư tưởng và bút pháp điêu luyện. Đáng chú ý nhất là những bài trên *Sông Hương tục bản* gắn chặt với những bài văn chính trị và thơ ca, vạch mặt bọn đầu cơ tranh cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ của Phan Đăng Lưu. Các cây bút viết tiểu phẩm được bạn đọc thích thú nhất, ngoài Phan Đăng Lưu, có Cựu Kim Sơn tức Văn Tân *(Tin tức),* Uy Đồng

(bút danh của Nguyễn Văn Trấn) *(Dân chúng),* Phan Thanh và Đặng Thai Mai *(Le Travail, Notre voix).*

3. *Thơ, ca* phát triển khá mạnh, có nhiều thành công. Những bài thơ trữ tình, giàu nhạc điệu, đậm đà tính dân ca, phản ánh cuộc sống thực tại, vạch ra con đường giải phóng xã hội, thu hút sự chú ý của bạn đọc đông đảo, được quần chúng tặng cho những tên như *"nhà thơ bình dân", "nhà thơ xã hội", "nhà thơ của tương lai"* rất quen thuộc, như Thôn Dân, Dương Lĩnh, Hồ Xanh..., nhất là Tố Hữu (còn có bút danh là Linh Hòa, Tô Linh Hoài).

Tranh vẽ xuất hiện, nhưng chưa hình thành hẳn một dòng hội họa mang đặc trưng của báo chí cách mạng. Phần lớn các tranh hướng vào tố cáo và đả kích kẻ thù, đòi tự do dân chủ, thiếu hẳn những tranh tuyên truyền, cổ động để giáo dục quần chúng.

Ảnh lần đầu tiên xuất hiện trên báo chí cách mạng, có chân dung Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin, một số nhà hoạt động chính trị, văn hóa Liên Xô nổi tiếng. Ảnh tuyên truyền cho công cuộc xây dựng thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; tố cáo đời sống khổ cực của nhân dân ta và phóng sự về những cuộc mít tinh của quần chúng nhân dân trong các ngày kỷ niệm lớn.

Nhìn chung, trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, báo chí đã đạt được những thành tựu đánh dấu một bước tiến lớn. Khuynh hướng văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa qua nghiên cứu và sáng tạo của các nhà văn cách mạng trong nước cùng với những tác phẩm văn nghệ Liên Xô và văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Pháp đưa vào nước ta, công khai giới thiệu với bạn đọc, tăng cường trận địa mỹ học mácxít – lêninnít.

Dựa trên chủ trương lập Mặt trận Dân chủ của Đảng Cộng sản, các cán bộ, đảng viên hoạt động trên lĩnh vực báo chí đã vận động thành lập được Mặt trận báo chí dân chủ. Mặt trận báo chí dân chủ là một bộ phận của Mặt trận Dân chủ Đông

Dương, hoạt động qua hai hình thức: 1. Hội báo giới; 2. Cùng nhau tham gia những cuộc đấu tranh chung do báo chí cách mạng đề xướng.

Đòi tự do báo chí và lập hội nhà báo là nguyện vọng thiết tha từ lâu của giới báo chí. Trước kia, điều kiện khách quan và chủ quan chưa cho phép thực hiện. Lúc này, phong trào quần chúng đang lên cao trong đấu tranh hợp pháp và sự xuất hiện công khai của báo chí cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, vấn đề lập hội mới có thể trở thành hiện thực.

Xứ uỷ Trung Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương nhạy bén với tình hình mới, sử dụng tờ *Nhành lúa*, phất lên ngọn cờ tập hợp các nhà báo trong xứ. Ngày 15-1-1937, *Nhành lúa* số 3 công bố hiệu triệu:

"Cùng anh em viết báo Trung Kỳ:

Chúng tôi lấy làm hân hạnh và tin cho các bạn biết rằng chúng tôi đương trù bị một cuộc hội nghị của toàn thể báo giới Trung Kỳ để thảo luận những vấn đề yêu cầu của chúng ta như:

Tự do báo giới, lập nghiệp đoàn báo giới.

Dưới ký tên 16 người, trong đó có những người hoạt động cộng sản có tên tuổi như Hải Triều, Lâm Mộng Quang và Nguyễn Chí Diểu (Ủy viên Trung ương Đảng).

Nhành lúa số 2, ra ngày 22-l-1937, bài *"Đoàn Bình"* viết: "báo giới có tự do mới có thể diễn đạt được tất cả những ý nguyện của nhân dân và phê bình những sự sai lầm của chính phủ".

Ngày 23-1-1937, Nguyễn Xuân Lữ nhân danh Chủ nhiệm tờ *Nhành lúa* đứng ra tổ chức cuộc họp các nhà viết báo ở Huế vào 20 giờ tại hội quán Hội Quảng Trí. Các ông Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Tiêu Diên Tử gửi thư hoan nghênh hội nghị.

Hải Triều kêu gọi: "Tất cả những ai chăm lo hậu vận của xứ Đông Dương nên gạt bỏ mọi chia rẽ, hãy cùng lo giải quyết những vấn đề khẩn cấp cho sự sống còn của các dân tộc Đông Dương. Cần phải lập Mặt trận thống nhất đấu tranh cho tự do

báo chí, tự do xuất bản. Tự do này không những cần kíp cho những người làm nghề báo chí mà cho cả quần chúng đông đảo là những người đọc báo, để bảo vệ sự sống còn của họ. Quần chúng đang xem xét và kiểm tra các người viết báo. Vì vậy những người viết báo phải để cho họ tham gia hội nghị, giúp cho báo chí có thêm lực lượng".

Hội nghị thông qua chương trình nghị sự: lập Mặt trận thống nhất các nhà viết báo Đông Dương để đi tới tự do xuất bản sách, báo; yêu cầu các nhà chức trách cho tự do xuất bản; vận động nhân dân đòi tự do báo chí và kêu gọi những người tiến bộ ở Đông Dương và Pháp ủng hộ nguyện vọng đòi tự do xuất bản; lập Hội Ái hữu báo giới Trung Kỳ.

Đại biểu các đoàn thể hứa vận động giới mình hết sức ủng hộ các nhà báo đòi tự do báo chí.

Ngày 30-3-1987, Uỷ ban thường trực họp làm việc chuẩn bị cho hội nghị báo giới toàn quốc, có 12 người dự.

Dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ, Đảng Cộng sản Đông Dương, những nhà báo cách mạng liên minh với các đồng nghiệp của mình ở Hà Nội, tổ chức một cuộc họp ngày 25-1-1937, lấy danh nghĩa là đại biểu những tờ báo bị cấm, tham dự có: Lê Tràng Kiều, Dương Tự Quán, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Công Việt, Trần Văn Tuyên, Nguyễn Uyểm Diễm, Nguyễn Xuân Huy, Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu, Lê Cường, Vũ Đình Huỳnh, Nguyễn Mạnh Chất.

Hội nghị quyết định thành lập *"Uỷ ban báo chí bị cấm"* (Comité de la presse interdite), bầu Chủ tịch uỷ ban: Trần Huy Liệu, Thư ký uỷ ban: Nguyễn Mạnh Chất, là hai nhà báo cách mạng.

Uỷ ban thông qua bức điện gửi cho Gôđa, đại biểu của Mặt trận nhân dân Pháp sang công cán ở Đông Dương đang có mặt ở Lào, như sau:

“Tin tưởng ở sứ giả của Mặt trận nhân dân".

"Chúng tôi yêu cầu có cuộc yết kiến riêng của đoàn đại biểu báo chí bị cấm khi ngài tới Hà Nội".

Ký: Uỷ ban lâm thời báo chí bị cấm.

57, phố Doudart de Lagrée.

Đây là hình thức tổ chức đầu tiên của Mặt trận báo chí dân chủ ở Bắc Kỳ, đấu tranh chống chính quyền đàn áp báo chí trong cao trào cách mạng 1936 – l939.

Tiếp theo Trung Kỳ là hội nghị báo giới Bắc Kỳ. Đội ngũ báo giới Bắc kỳ khá đông, số tờ báo nhiều gấp bốn lần Trung Kỳ. Khi khai mạc, ta có 5 tờ báo cách mạng. Hội nghị báo giới Trung Kỳ đã có ảnh hưởng tốt đối với báo giới Bắc Kỳ. Ta vận động được l3 tờ báo cùng thống nhất trên hai yêu cầu: 1. Đòi tự do báo chí; 2. Đoàn kết các nhà báo trong một tổ chức thống nhất, và ra bản *Thông báo chung* như sau:

Chúng tôi, 18 đại biểu của 18 báo quốc văn và Pháp văn ở Hà Nội, nhân cuộc gặp gỡ hôm 12-4 vừa qua tại báo quán *Tương lai*[28] có công nhận ước đính một cuộc hội nghị các bạn làng báo và làng văn ở Bắc Kỳ để hưởng ứng với công việc của anh em làng báo Trung Kỳ vừa rồi, và để đi tới cuộc hội nghị toàn thể báo giới và văn giới Đông Dương, mục đích yêu cầu tự do ngôn luận.

Vậy chúng tôi xin mời các bạn đồng nghiệp đến hội họp cho đông đủ để cùng nhau bàn định về công việc ấy. Ta sẽ họp vào ngày thứ bảy, 24-4-1937, đúng 19 giờ tại hội quán CSA, số l, phố Charles Coulier[29].

Ngoài các nhà báo ra, chúng tôi xin mời cả các nhà văn đến gom góp ý kiến và xin đến biên tên trước 18 giờ ngày 22-4 tại tòa báo *Tinh hoa*[30] để lấy giấy mời.

Các bạn nhà báo xin nhớ đem theo thẻ nhà báo.

Kính mời.

Đại biểu các báo ký tên: *Le Travail, Rassemblement!, Hà Thành thời báo, Tiểu thuyết thứ năm, Bạn dân, Tương lai, Thời thế*[31]*, Ngày nay, Trung Bắc tân văn, Tinh*

hoa, Cậu ấm, Bắc Hà, Tiểu thuyết thứ bảy, Việt báo, Tin văn, Ích hữu, L'Effort indochinois, La patrie Annamite.

18 giờ ngày 24-4-1937, trên 200 người viết báo đến họp đều phải trình thẻ và ghi tên vào sổ cho mật thám kiểm tra. Hải Triều, đại biểu cho báo giới Trung Kỳ đến dự theo lời mời của Ban tổ chức. Ban trù bị trình bày bốn báo cáo về các vấn đề: những sắc lệnh hiện hành ở Đông Dương có hại cho xuất bản, báo chí; tình đoàn thể hữu ái trong làng báo; sự cần thiết và lợi ích của tự do ngôn luận. Hội nghị cử Phan Tử Nghĩa làm chủ tịch, Vũ Đình Chí làm thư ký.

Hội nghị cử ban triệu tập gồm 7 người, trong đó, ta có 3: Trần Huy Liệu, Đào Duy Kỳ, Nguyễn Đức Kính, và Uỷ ban quản trị, ta cũng có 3: Võ Nguyên Giáp, Phan Tử Nghĩa và Nguyễn Mạnh Chất. Nhiệm vụ của Uỷ ban quản trị là giao thiệp với báo giới Trung - Nam để chuẩn bị cho hội nghị văn giới - báo giới toàn quốc và sẽ tự giải tán khi hội nghị được triệu tập.

8 giờ tối ngày 9-6, hội nghị bắt đầu họp.

Hội nghị thảo luận và quyết định.

1. Nghiên cứu phương pháp đòi quyền lập nghiệp đoàn báo giới, không lập ái hữu. Chủ trương này có xu hướng "tả" khuynh, không biết lợidụng ái hữu để tập hợp lực lượng và chuẩn bị điều kiện tiến tới nghiệp đoàn.

2. Bầu 19 uỷ viên chính thức và 5 dự khuyết vào Uỷ ban quản trị thường trực, kể cả người có mặt và vắng mặt. Trong số này có 3 nhà báo cách mạng: Khuất Duy Tiến, Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, còn lại là những người thuộc nhiều xu hướng khác nhau. Có bảo hoàng như Phạm Lê Bổng, Lê Thăng và một số phần tử chống cộng như Nguyễn Triệt Luật, Ngô Văn Phú, Nguyễn Đức Phong, Phan Trần Chúc.

3. Uỷ ban quản trị thường trực có toàn quyền làm việt để đi tới hội nghị báo giới toàn quốc.

Sau hội nghị, Uỷ ban quản trị thường trực cử ra đoàn chủ tịch gồm 3 người, trong đó có Võ Nguyên Giáp; bốn thư ký, có Trần Huy Liệu tham gia và hai thủ quỹ, họp thành Ban trị sự.

Ở Nam Kỳ, ngày 27-8, Hội nghị báo giới khai mạc tại Hotel des Nations, Sài Gòn. Thành phần tham dự rất phức tạp. Đào Duy Kỳ, đại biểu cho báo giới Bắc Kỳ có mặt tại hội nghị. Trật tự trong hội nghị rất kém, người này phát biểu, người khác ở dưới la ó, một số bỏ về. Điều đó phản ánh tình hình chính trị đang dừng ở ngưỡng cửa chiến tranh, ta không có quần chúng, không hình thành được mặt trận.

Nguyễn Văn Trấn, đại biểu báo *Dân chúng,* đọc một bài diễn văn dài đề cập nhiều vấn đề, nhưng không gây được tiếng vang trong làng báo tại hội nghị. Sau đó bài được đăng trên số 80, số cuối cùng ra ngày 30-8-1939, đúng vào lúc mặt trận kết thúc vai trò lịch sử của mình, chiến tranh bùng nổ.

c) Một số tờ báo cách mạng tiêu biểu

- *L'Avant garde:*

Trong lúc tạm thời lợi dụng các tờ báo đã xuất bản từ trước như *La Lutte, Mai, Dân quyền, Việt Nam, Đuốc nhà Nam...* không còn đáp ứng được yêu cầu của tình hình cách mạng phát triển nữa, Trung ương Đảng thấy rằng cần phải có tờ báo trong tay làm vũ khí đấu tranh. Nhưng điều kiện ra báo tiếng Việt làm cơ quan trung ương chưa cho phép, vì những ràng buộc về chính sách báo chí phản động của nhà cầm quyền, phải tạm thời ra báo tiếng Pháp. Báo tiếng Pháp thì chỉ cần tờ khai, không phải xin phép, tuy rằng việc phổ biến bị hạn chế, số lượng phát hành ít, giá bán cao, người đọc không có nhiều..., nhưng có còn hơn không. Đây cũng là bước chuẩn bị đi tới ra báo tiếng Việt vào lúc thích hợp khi cao trào cách mạng của quần chúng xuất hiện làm tiền đề.

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị khẩn trương, ngày 29-5-1937, *L'Avant garde* ra đời với danh nghĩa "cơ quan của lao động và nhân dân Đông Dương" do Hà Huy Tập, Tổng Bí thư của Đảng thay mặt Trung ương trực tiếp chỉ đạo. Nguyễn Văn

Nguyễn làm nhiệm vụ Thư ký tòa soạn, Trần Văn Hiển[32] quản lý. Biên tập viên có Nguyễn Thị Lựu, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Kiết, Lê Văn Kiệt, Nguyễn Văn Trấn, Phạm Hữu Lầu, Tín Văn Quảng, Nguyễn Văn Nghĩa...

Tòa soạn đặt ở số nhà 43, phố Hamelin, Sài Gòn (nay là đường Lê Thị Hồng Gấm).

Ở số 1, bài mở đầu có nhan đề:

"Hỡi những người lao động

Những người bị áp bức ở Đông Dương!"

Bài báo viết: *"L'Avant Garde* là tờ báo của tất cả các bạn. Nó tự nhận lấy nhiệm vụ bảo vệ các bạn chống lại tất cả các thị lực đế quốc và phong kiến bóc lột áp bức".

"Dựa vào phương pháp mácxít - lêninnít, tờ báo sẽ hướng dẫn chắc chắn và tận tụy các bạn trong cuộc đấu tranh cho cơm áo hằng ngày, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội".

"L'Avant garde là một cơ quan chiến đấu của những người lao động. Đối lập với bọn tư bản, nó tố cáo sự cùng khốn của công nhân và nông dân. Nó kêu gọi tổ chức và đấu tranh, tất cả những ai đau khổ, không phân biệt dân tộc và màu da".

Bài trên đây trình bày lập trường, quan điểm cơ bản của tờ báo cùng với sách lược đấu tranh trước mắt của nhân dân ta, là phương châm chỉ đạo tư tưởng và chính trị của tờ báo.

Trong 3 số liền (3, 4, 5), ở trang 2 có bài *"Vấn đề ruộng đất"* với đề mục *"Nhận định việc chia ruộng đất như thế nào?"* gồm có các chương: "Việc chia ruộng đất Đông Dương", "Việc chia ruộng đất giữa bọn thực dân Pháp!", "Ruộng đất của bọn địa chủ bản xứ", vạch trần một mâu thuẫn cơ bản của cách mạng Đông Dương là việc cướp ruộng đất của bọn địa chủ Pháp và bản xứ làm cho nông dân ngày càng mất nguồn sống.

L'Avant garde đấu tranh đòi tự do nghiệp đoàn, phản ánh tình cảnh sinh sống của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động. Nhân dịp công nhân xe lửa Trường Thi (Vinh) bãi công, báo đưa tin và dành 4 cột của số (số này cho có 2 trang) viết

bài "Hơn 2.000 công nhân xe lửa đình công suốt từ Bắc đến Nam Đông Dương", "Công nhân các kho Trường Thi, Mương Mán, Diêu Trì, Biên Hòa, Sài Gòn, Mỹ Tho bỏ việc".

Về nông dân, có bài "Sự công phẫn ở Long Xuyên. Ruộng đất về tay nông dân" (số 4).

Như đã phát biểu từ số l, *L'Avant garde* đặc biệt coi trọng việc đấu tranh chống bọn tơrốtxkit. Ngay số 1 đã có bài của Hồng Quý Vĩ (tức Hà Huy Tập) *"Chúng ta nói sự thật"* phê phán Tạ Thu Thâu viết bài chống Mặt trận nhân dân trên *La Lutte,* bảo vệ lập trường cửa báo *L' Humanité* và Đảng Cộng sản Pháp; bài *"Một lập luận bịp bợm tiêu biểu tự nhận là "bônsêvích - lênnít" của Militant* (số 3) *v.v.*.

Sau đó, *L'Avant garde* lại chuẩn bị ra số tiếp theo, biên tập xong ngày 27-7, đề ngày 31-7. Bản thảo được đưa đến Nhà in SATI từ 27-7, nhưng chủ nhà in là Phôcơnô (Phoqueneau) tìm mọi cách trì hoãn, đồng thời báo cho mật thám đến phá. Ngày 29-7, mấy tên mật thám dưới quyền chỉ huy của Côngtenlôni (Contelloni) đến nhà in tịch thu bản thảo không có lệnh công bố (Báo cáo số 4856, ngày 30-7-1937, cảnh sát Sài Gòn Sanh Ăngtoan Cămpana (Saint Antoine Campana ký)). *L'Avant garde* bị địch tìm mọi cách đối phó, phải ngừng xuất bản.

- *Dân chúng:*

Báo *Dân chúng* được Nguyễn Văn Cừ và Hà Huy Tập thay mặt Trung ương Đảng quyết định cho xuất bản trong một trao đổi tháng 4-1939. Nguyễn Văn Cừ với tư cách là Tổng Bí thư đã trực tiếp chỉ đạo và viết bài cho báo về những vấn đề lý luận và chính trị. Khi báo xuất bản thì Hà Huy Tập bị bắt tù, nên không có bài của anh viết cho *Dân chúng.*

Dân chúng ra không định kỳ và trên báo cũng chưa bao giờ công bố kỳ hạn, có khi một tuần một số, khi một tuần hai số, đặc biệt có khi một ngày một số…

Với 80 số báo, *Dân chúng* đã qua bốn người quản lý thay nhau là Dương Trí Phú, Trần Văn Kiệt, Huỳnh Văn Thanh, Hoàng Hoa Cương và in lần lượt ở ba nhà in tư sản Pháp và Việt: SATI, Bảo tồn, Xưa nay.

Đây là tờ báo ra được nhiều số, đứng thứ ba trong toàn bộ lịch sử báo chí cách mạng trước tháng 8-1945*;* là tờ báo được vinh dự đăng bài đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết cho báo chí trong nước thời kỳ vận động dân chủ; là tờ báo in với số lượng cao nhất, có nhiều bạn đọc nhất trên đất Đông Dương trong cả quá trình lịch sử từ khởi thủy đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Dân chúng là tờ báo thứ hai, sau *Le Peuple* đăng nguyên văn mấy văn kiện của Đảng. Sau khi đăng *Bức thư công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi cho các đảng, phái",* số 31 ngày 19-11-1938 đăng bài phát biểu hưởng ứng bức thư trên, nhan đề "Cảm tưởng của chúng tôi đối với *Bức thư công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi cho các đảng, phái",* như là bình luận về ý nghĩa của nội dung bức thư. Cuối bài có đoạn: *"*Lần đầu được thấy trên mặt báo Quốc văn xuất hiện cái tên yêu quý của Đảng Cộng sản Đông Dương với một bức thư đầy đặn những lời trung thành về quyền lợi của giai cấp thợ thuyền và quyền lợi của dân tộc".

Nhân kỷ niệm *"15 năm vận động cộng sản và 9 năm thành lập Đảng Cộng sản ở Đông Dương",* tờ *Dân chúng* dành cả số 41 và phần lớn số 42 đăng một bài dài về *"Lịch sử cộng sản vận động của Đông Dương".* Mục đích của bài này là làm rõ một số vấn đề quan trọng như nguyên nhân kinh tế, xã hội sinh ra phong trào cộng sản; quan niệm của người cộng sản đối với xã hội và dân tộc; phác lại quá trình vẻ vang của phong trào cộng sản đấu tranh chống kẻ thù giai cấp và dân tộc từ năm 1924 - 1925; trình bày lập trường, quan điểm của Đảng với tình hình đương thời để thuyết phục, cổ vũ và tổ chức quần chúng đấu tranh cho những khẩu hiệu dân chủ thắng lợi, đập tan những quan điểm phản động, xuyên tạc của chủ nghĩa đế quốc và

các nhóm tơrốtxkit về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng Cộng sản và người cộng sản Đông Dương, về chủ trương của Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Dân chúng, số 10 ngày 24-8-1938 đăng bài phê bình nhà văn Thiếu Sơn[33] nói về *"Vấn đề thanh niên và tương lai xã hội",* chỉ nói đến xinê, nhảy đầm, văn chương, thi phú, ăn mặc diện bộ. Bài báo chỉ ra rằng thanh niên phải đặt xã hội lên trên gia đình, lấy nghĩa vụ làm trọng thì mới có tương lai tốt đẹp cho non sông nước nhà.

Số Xuân 1939, *Dân chúng* có bài dài nhan đề *"Thanh niên muốn gì và phải làm gì?"* đề cập đến: l. Tình cảnh thanh niên Đông Dương ra sao? 2. Cuộc vận động thanh niên. 3. Hiện giờ phải làm gì? Hô hào thanh niên đoàn kết trong Đoàn Thanh niên dân chủ, chống tay sai của Nhật khoác áo thầy tu lôi kéo họ, tham gia các phong trào quần chúng, đừng chỉ chú ý đến chính trị, lưu tâm đến vui chơi, giải trí.

Dân chúng mở đầu bài viết về phụ nữ, tuyên chiến với nữ sĩ Tuyết Dung, đăng trên 3 số 16, 17, 18, ba ngày 14, 17, 21-9-1938, chỉ rõ nội dung lý luận phản động của chủ nghĩa phát xít nhồi học thuyết của tư bản với đạo đức lễ giáo phong kiến thông qua hình thức văn chương lạc hậu đăng trên báo *Đọc,* số 19.

Dân chúng số 35, ngày 7-12-1938 và số Xuân còn có những bài *"Vấn đề phụ nữ giải phóng"; "Phụ nữ với ngày Tết"* phát triển lý luận của bài trên, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, kết hợp rất chặt chẽ yêu cầu đấu tranh giải phóng hoàn toàn phụ nữ với đấu tranh cho dân chủ, dân sinh.

Về mối quan hệ giữa chiến tranh với quyền tự do, dân chủ là một vấn đề có tính lý luận và thời sự cấp bách. Các thế lực phản động tuyên truyền cho sự đối lập tuyệt đối giữa chiến tranh và dân chủ. *Dân chúng* số 19, ngày 24-9-1938 có bài "*Chiến tranh với quyền tự do dân chủ".*

Trong thời kỳ vận động dân chủ, Đảng Cộng sản không chủ trương trực tiếp đòi xóa bỏ chế độ thực dân mà đòi cải cách. Để làm sáng tỏ quan điểm này, *Dân chúng* số 34 và 35 ngày 3 và 7-12-1938 đăng bài *"Cách mạng và cải lương";* nói

rõ Đảng Cộng sản luôn luôn là cách mạng, không ảnh hưởng một chút nào của chủ nghĩa cải lương. Không những thế, còn kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cải lương. Bài báo kết luận: "Muốn phân biệt cách mạng với cải lương, cần xét rõ mục đích và phương pháp tranh đấu để đi tới mục đích ấy chứ không nên thấy đòi cải cách thì cho là cải lương, thấy hô hào cách mạng đầu miệng thì là cách mạng".

Dân chúng đấu tranh liên tục, mạnh mẽ đòi các quyền tự do dân chủ cơ bản, bức thiết: tự do báo chí; tự do lập các hội ái hữu và nghiệp đoàn, tự do hội họp và biểu tình, đòi thả hết tù chính trị; đòi cải cách chế độ tuyển cử và các hội đồng dân biểu; chống trở lại Hiệp ước năm 1884.

Sau khi buộc nhà cầm quyền phải ban hành sắc lệnh ngày 30-8-1988, hàng loạt tờ báo ở Nam Kỳ ra đời không phải xin phép. Tuy vậy, *Dân chúng* vẫn phải đấu tranh chống lại sự khiêu khích, khủng bố của kẻ thù đối với bản thân mình cũng như với các tờ báo cách mạng khác; tố cáo trên mặt báo và trước tòa án về việc chính quyền vi phạm luật tự do báo chí.

Với học sinh, *Dân chúng* (số 23, 25, 26, 27 ngày 8, 15, 19, 22-10-1938) nói lên tình cảnh thảm hại của nhà trường thiếu giáo viên, học sinh thiếu trường…, yêu cầu mở thêm trường cho đủ chỗ học; bỏ hạn chế tuổi tác cho học sinh; trợ cấp giấy, bút, mực... cho học sinh nghèo; mở thêm lớp sư phạm cho những người không đỗ trung học có chỗ làm...

Đấu tranh chống phát xít và chiến tranh là nhằm vào kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân ta và nhân dân thế giới, ngăn chặn nguy cơ tàn phá ghê gớm đối với đất nước và nhân dân ta là một nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu. Đi đôi với chống phát xít và chiến tranh, *Dân chúng*vạch mặt bọn tơrốtxkit làm tê liệt cảnh giác của nhân dân ta, tiếp tay cho bọn phát xít sẵn sàng hành động và bọn Việt gian thân Nhật chuẩn bị đón nhận vào giày xéo nước ta.

Trong 80 số báo, có 45 số có bài đấu tranh với bọn tơrốtxkit trên tất cả các vấn đề trong cuộc vận động dân chủ trong nước và trên bình diện quốc tế.

Việc tuyên truyền cho Liên Xô, bảo vệ đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Liên Xô, vui mừng trước những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội và phất cao ngọn cờ cách mạng trên toàn thế giới được báo *Dân chúng* đăng trên nhiều số. Đặc biệt số 28, ngày 29-10-1938, kỷ niệm lần thứ 21 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, có bài dài gần 4 trang, in 2 màu, có ảnh Mác, Ăngghen, Lênin và các lãnh tụ Liên Xô, biểu thị tình cảm cao quý của Đảng Cộng sản và nhân dân ta đối với Tổ quốc của chủ nghĩa xã hội thế giới.

Đối với Mặt trận nhân dân Pháp và Đảng Cộng sản Pháp, với cuộc đấu tranh chống phát xít ở Trung Quốc, Tây Ban Nha, *Dân chúng* luôn luôn cổ vũ sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân ta, không chỉ bằng tinh thần và thái độ chính trị, mà cả bằng vật chất, như đối với cuộc chiến tranh kháng Nhật của nhân dân Trung Quốc: góp tiền, quần áo, thuốc men, gửi qua Tổng lãnh sự Trung Quốc; cưu mang những người Trung Quốc lánh nạn chiến tranh sang Việt Nam; giới thiệu hoạt động của "Việt Nam dân chúng hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viên hội" do chi bộ Vân Nam - Quý Châu của Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức và lãnh đạo v.v..

Báo *Dân chúng* ghi lại một thành tựu có ý nghĩa lịch sử, mở đường cho tự do báo chí, bẻ gãy chính sách báo chí phản động của bọn cầm quyền thực dân ở Đông Dương. Trong hơn một năm tồn tại, *Dân chúng* đã chiến đấu cho thắng lợi của tư tưởng Mác - Lênin, của chủ nghĩa quốc tế vô sản, cho đường lối và sách lược sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, chống mọi kẻ thù về tư tưởng và chính trị trong thời điểm của cuộc đấu tranh ngày càng gay go, phức tạp, đứng trước ngưỡng cửa của Chiến tranh thế giới thứ hai.

Đó là những trang rực rỡ trong lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam, đồng thời là sự thất bại cay đắng trong lịch sử đàn áp, bóp nghẹt tự do ngôn luận của đế quốc Pháp.

Khi chiến tranh bùng nổ, nhận chỉ thị của Trung ương Đảng các cán bộ làm báo *Dân chúng* rút vào hoạt động bí mật, tự đóng cửa tòa soạn, ngừng xuất bản.

Tuy vậy, gần một tháng rưỡi sau, ngày 13-10-1939, P. Đensan được uỷ quyền của Toàn quyền Đông Dương vẫn ký lệnh cấm *Dân chúng* cùng một số tờ báo cách mạng và cấp tiến khác.

- *Sông hương tục bản:*

Sau khi *Nhành lúa* bị cấm, Xứ uỷ Trung Kỳ không còn báo chí trong tay, trong khi một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa các lực lượng dân chủ và phản động đặt ra trước mắt: tham gia tranh cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ.

Tờ *Sông Hương* do Phan Khôi chủ trương đang bế tắc, ế ẩm do "tài chính quẫn bách" (Lời Phan Khôi trong *Sông Hương tục bản* số l), có nguy cơ đi tới đóng cửa và phá sản, thì Xứ uỷ chủ trương mua lại. Vẫn tên báo cũ, thêm hai chữ *"tục bản",* vì báo đã nghỉ mấy tháng, nay ra lại. Để tên người sáng lập Phan Khôi nhằm giữ thế hợp pháp về hình thức, nhưng chủ nhiệm là Nguyễn Cửu Thạnh, một nhân sĩ dân chủ gần với Đảng; "Thư và madat xin gửi cho ông Phan Đăng Lưu", in ngay trên trang đầu của số l. Ngô Đức Mậu được phân công làm Thư ký tòa soạn. Tòa soạn đặt ở số 68, phố Jules Ferry, Huế. Những bài vở chính được Phan Đăng Lưu và Tôn Quang Phiệt lo, viết ở Huế rồi gửi ra Vinh cho Ngô Đức Mậu sắp xếp, trình bày, viết thêm tin cho đầy trang, sửa bản in thử do nhà in Vương Đình Châu ở Vinh in và phát hành ngay tại đó.

Sông Hương tục bản ra số 1 ngày 19-6-1937. Ngày 11-10-1937, Toàn quyền J.Brêviê ký lệnh thu hồi giấy phép vào lúc báo vừa in xong, tranh thủ phát hành ngay số 44, kèm theo phụ trương số 14, ra ngày 14-l0-1937, trước khi nghị định được thông đạt tới tòa soạn. Việc chính quyền thực dân ra lệnh cấm đã được dự đoán trước. Ba phụ trương là một hình thức tranh thủ chủ động đối phó với địch, vì biết rằng không còn khả năng ra được số 15.

Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của *Sông Hương tục bản* là tham gia tranh cử. Sau khi Mặt trận Dân chủ thắng cử rồi thì thông qua báo, mà nhân danh nhân dân yêu cầu các dân biểu phải làm tròn trách nhiệm của mình, mang nguyện vọng của nhân dân

vào nghị viện, đòi hỏi đi sát nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, đồng thời công bố quan điểm, yêu cầu, đề nghị của tờ báo để chuẩn bị cho các cuộc đấu tranh nghị trường... "Các bạn chớ vì một chén rượu, một số tiền, một tiếng hứa suông, một lời dọa hẩm mà làm sai mất cái phận sự của một người dân đi bầu cử trong giờ nghiêm trọng này" (số 3).

Đi đôi với các bài xã luận, bình luận, có nhiều thể loại văn học xoay quanh chủ đề này, làm cho *Sông Hương tục bản* thể hiện những nét sắc sảo, đậm đà, tươi vui. Những bài tiểu phẩm đả kích sâu cay, trực diện những tên "tai to mặt lớn", nhiều năm làm quan nghị, "đắc cử nhiều khóa, ra vào quan Thượng, quan Khâm như đi chợ". Đây là lần đầu tiên trong lịch sử báo chí Đông Dương, đả kích đích danh bọn buôn dân bán nước trong cuộc tranh cử. Mục *"Chiến điện"* nhìn rõ bản chất thối nát, đưa ra phơi bày trước ánh sáng dư luận những tên như Cao Văn Chiếu, Nguyễn Quốc Tuý, Bùi Huy Trứ, Trần Đình Tuyên..., những người lăm le nhảy vào nghị trường, đặc biệt là Nguyễn Quốc Tuý, Trần Bá Vinh, Lê Thanh Cảnh.

Sông Hương tục bản bước vào đấu tranh nghị trường qua các bài, như *"Chương trình dự thảo của dân biểu Trung Kỳ"* (số 13), *"Bức thư công khai kính gửi các ông dân biểu Trung Kỳ"* họp kỳ Hội đồng thứ nhất khóa dân biểu 1937 - 1940, và *"Chương trình hành động của ông nghị Huỳnh Văn Trần, Bình Định"* nêu phương hướng, nhiệm vụ hành động mà quần chúng nhân dân và cử tri đòi hỏi "các nghị viên", đồng thời là chỗ dựa về mặt chính trị - xã hội cho các nghị viện dân chủ đấu tranh với các thế lực phản động trong và ngoài Viện.

Sông Hương tục bản xuất bản trong thời gian có cuộc đình công lớn của công nhân nhà máy xe Trường Thi nên đã kịp thời phản ánh tin tức, vạch tội bọn tư bản áp bức, bóc lột và cổ vũ công nhân đấu tranh, chống đàn áp. Số cuối cùng có bài về vụ đình công của phu mỏ Vàng Danh đang được triển khai.

Về các vấn đề quốc tế, *Sông Hương tục bản* lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh chống phát xít của nhân dân Tây Ban Nha và đưa tin về hội nghị quốc tế các nhà văn ủng hộ nhân dân Tây Ban Nha, lên án bọn Tơrốtxkit và Ăngđơrê Giđơ (André Gide).

Sông Hương tục bản tuy chỉ tồn tại gần bốn tháng, nhưng đã ghi lại những chiến công bất hủ trong một thời kỳ lịch sử đấu tranh ở Trung Kỳ.

- *Tin tức:*

Sau khi tờ *Thời thế* bị cấm, Xứ uỷ Bắc Kỳ chủ trương cho xuất bản báo *Tin tức,* cử Lương Văn Tuân đứng ra xin phép với danh nghĩa sáng lập viên, Trịnh Hoài Đức là quản lý. Ngày 2-4-1938, Toàn quyền Bơrêviê ký quyết định chuẩn y. Ngày 2-4-1938, báo ra số l, danh nghĩa "cơ quan mặt trận dân chủ" (do Trường Chinh, xứ uỷ viên, trực tiếp phụ trách).

Báo ra không định kỳ, lúc đầu ra hàng tuần (từ số l đến số 4), sau ra hàng tuần với các ngày (4 - 11-5-1938), rồi 4 ngày (25 – 29-6), số 18 (16 – 20-7), 8 trang như số 26, số đặc biệt ủng hộ hòa bình (17 – 20-08).

Phụ trương của báo lúc đầu dự định mỗi tháng có 2 kỳ, nhưng mới ra được phụ trương *"Tin tức lý luận"* số l, ngày 10-4-1938; phụ trương số 4, ngày 23 - 30-4-1938... không lâu thì ngừng hẳn.

Những người viết báo *Tin tức* đều là những cây bút quen thuộc của các tờ báo trước đó như *Hà thành thời báo, Thời thế, Thế giới*... như Trần Huy Liệu (có khi ký Hải Khách, Hải Thu), Trần Đình Long (có khi ký Lương Phong, L.P), Cựu Kim Sơn, Khuất Duy Tiến (ký Tô Dân), Nguyễn Thường Khanh (còn ký T.K), Dương Lĩnh, Thôn Dân, Hồ Xanh, Qua Ninh...

Số lượng in thấp nhất là 4.000 (số 15, ngày 6 – 9-7), trung bình là 5.000 - 6.000, cao nhất là 10.000 (phụ trương số 4).

Tờ *Tin tức* coi trọng việc tuyên truyền lý luận Mác - Lênin, dành *Phụ trương, Tin tức lý luận*, số 1 để đăng các bài *"Vấn đề thống nhất giai cấp vô sản", "Chủ nghĩa*

phát xít đã mang lại những gì cho thợ thuyền", "Giai cấp là gì?"... Sau vì khó khăn về biên tập, in, vốn nên không ra tiếp được loại *"Tin tức lý luận"* này.

Để giữ thế hợp pháp, không để cho địch lợi dụng gây khó khăn, *Tin tức* ít khi nói về Mác - Lênin, về Quốc tế Cộng sản, về Đảng Cộng sản như *Le Peuple, Dân chúng,* nhưng trong nội dung bài vở, *Tin tức* đều thể hiện sự thấm nhuần đường lối, quan điểm mácxít - lêninnít và chính sách của Đảng, viết ra với tư cách Mặt trận Dân chủ.

Một vấn đề nổi bật được đề cập đến trong báo *Tin tức* và cổ động, tổ chức và đấu tranh cho việc thành lập và tăng cường Mặt trận Bình dân, sau gọi là Mặt trận Dân chủ. Mặt trận Dân chủ ở Bắc Kỳ được hình thành từng bước kể từ cuộc vận động Đại hội Đông Dương mùa thu năm 1936. Dưới sự lãnh đạo của Xứ uỷ, một sự liên minh giữa nhóm *Tin tức* (hay còn gọi là nhóm cộng sản công khai) với nhóm *Ngày nay* và chi nhánh Đảng Xã hội Pháp Bắc Đông Dương có cơ quan ngôn luận là tờ *Demain,* được thành lập. Kết quả đáng chú ý trước hết là cuộc tổ chức lễ kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5 ở Hà Nội có trên 20.000 người dự, biểu dương lực lượng mạnh mẽ, có tổ chức,trong đó những người cộng sản đóng vai trò chỉ đạo. Sau cuộc biểu tình khổng lồ này, *Tin tức* số 5 ngày 4 – 11-1938 viết: *"Cuộc biểu tình vừa qua đã dạy cho ta những gì?".* Cuộc biểu tình năm nay thật là một nhát búa đập mạnh vào đầu các hạng phản động và báo cho chúng biết rằng:

"Một là, quần chúng Đông Dương đã tới trình độ trưởng thành về chính trị. Họ đã tỏ ra xứng đáng được hưởng những quyền lợi cao hơn. Sự dùng dằng chậm chạp, không chịu ban bố các quyền tự do dân chủ là vô lý".

"Hai là, các tầng lớp cần lao đã biết biểu tình trong vòng trật tự và hợp pháp. Họ đòi cơm ăn, áo mặc, hòa bình và tự do; đồng thời họ biết biểu lộ sức lao động là mạnh mẽ và đáng kính nể. Họ đã biết đặt những khẩu hiệu rất đúng đắn và hợp thời".

"Ba là, giai cấp thợ thuyền đã đủ lực lượng và tư cách dìu dắt các tầng lớp trung sản ra trường tranh đấu. Quyền lãnh đạo của thợ thuyền ngày càng bền vững và rõ rệt. Dưới quyền lãnh đạo ấy, sự thống nhất hành động của quần chúng đã thực hiện một cách chu đáo. Phong trào vận động Mặt trận Bình dân Đông Dương đã tiến hành một bước khá cao. Bọn cách mạng mồm tơrốtxkit xưa nay vẫn chửi Mặt trận Bình dân và hòng đem những khẩu hiệu "mặt trận công nông", "mặt trận những người bị bóc lột" thay vào, đã trông rõ sự thất bại của chúng".

Đây là bản tổng kết nội dung và ý nghĩa cuộc biểu tình ngày 1-5, từ đó rút ra bài học cho những người cộng sản và quần chúng tiến lên củng cố và mở rộng Mặt trận Dân chủ, đấu tranh với các thế lực phản động và bọn tơrốtxkit.

Cuộc tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ là một dịp để củng cố và mở rộng Mặt trận Dân chủ trong hành động thực tiễn. *Tin tức* số 19, ngày 20 đến 23-7-1938 có bài *"Những bài học của một tuyển cử"* nói về ý nghĩa của thắng lợi, có 7 điểm:

1. Nhờ có chương trình tối thiểu hợp với các nguồn lợi các tầng lớp nhân dân, được nhân dân sốt sắng ủng hộ;

2. Nhân dân tín nhiệm các đoàn thể trong Mặt trận, dồn phiếu cho cử tri mà *Tin tức* giới thiệu;

3. Nhiều nơi, Mặt trận thu được đại đa số phiếu bầu. Đặc biệt nhất là Khuất Duy Tiến bị bác đơn 2, 3 lần không được ghi tên ứng cử, nhưng cử tri vẫn cứ bầu và vẫn đủ số phiếu. Đương nhiên vẫn bị bác;

4. Bên cạnh một số ủng hộ Mặt trận, còn khá đông lãnh đạm, bi quan không đi bầu. Một số bỏ phiếu cho bọn phản động, trước hết bản thân chúng là những phần tử phản động, số khác thì bị bọn phản động mua chuộc hăm dọa;

5. Những người của Mặt trận trúng cử là đại diện cho đa số nhân dân một cách xứng đáng;

6. Bọn phản động thuộc địa muốn phá Mặt trận đã không có kết quả;

7. Bọn tơrốtxkit đã giúp sức cho bọn phản động phá hoại Mặt trận dân chủ, đưa Trần Duy Đạm ra tranh cử, hô khẩu hiệu khiêu khích để cảnh sát có cớ đàn áp quần chúng.

Tin tức số 20, từ ngày 23 đến ngày 27-7-1938, vạch trần thủ đoạn của kẻ thù chống Mặt trận Dân chủ trong bầu cử: dùng tiền mua phiếu; dùng thế lực quan trường ép bầu cho người của chúng; khủng bố ứng cử viên của Mặt trận.

Như mọi tờ báo cách mạng khác trong thời kỳ này, trên mặt báo số nào cũng có tin tức các cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu thủ công nghiệp, tố cáo kẻ thù. Đặc biệt, từ sáng kiến của Xứ uỷ Bắc Kỳ về việc vận động thành lập Hội Truyền bá quốc ngữ,*Tin tức* viết nhiều bài chuẩn bị dư luận cho việc Hội ra đời và sau đó là về những hoạt động của Hội. Số 8, từ ngày 28-3 đến nay 5-4-1938, có bài: *"Nhặt tài liệu cho công cuộc chống thất học"* của Nguyễn Thường Khanh với bút danh T. K, qua việc điều tra về nạn thất học ở nông thôn, tỉnh Thanh Hóa của Sênô (Chesnau), để động viên lực lượng "gắng thực hiện dần dần các nguyện vọng nhân đạo mà chúng ta mang trong tâm trí". Số 9, ngày 4 đến ngày 11-6-1938, có bài tường thuật về *"Buổi diễn thuyết của Hội Truyền bá quốc ngữ"* cũng của Nguyễn Thường Khanh.

Tin tức đã vượt lên khỏi nhược điểm của nhiều tờ báo cách mạng lúc đó bị trung ương phê bình là chính trị khô khan. Ở đây có nhiều thể loại bài vở làm cho tờ báo sinh động, hấp dẫn. Những bài văn chính luận đáng chú ý, nhất là của tác giả Qua Ninh (Trường Chinh) viết sáng, gọn, chặt chẽ, thuyết phục và chân tình, ca ngợi trình độ giác ngộ của quần chúng, đồng thời phê phán, đả kích các loại kẻ thù thật sắc bén, mạnh mẽ, bóc trần bản chất của chúng. Nhiều bài thơ của Dương Lĩnh, Thôn Dân, Nguyễn Thường Khanh, Trung Phương, Hồ Xanh, Trường Sơn v.v. được đăng trên *Tin tức,* rồi những phóng sự điều tra của Nguyễn Thường Khanh, Trần Đình Long; truyện ngắn của Học Phi, Trần Đình Long... Có những trang hồi ký dài *Tin tức* đăng lại của *Hà thành thời báo*, *Thời thế,* từ số 1 cho đến số cuối

cùng, số 43, từ ngày 15 đến ngày 19-10-1938 vẫn chưa kết thúc. Bài *"Ba năm ở Nga Xôviết"* của Trần Đình Long, đã lôi cuốn sự chú ý theo dõi liên tục của đông đảo bạn đọc cả nước.

Giương cao ngọn cờ đấu tranh cho dân chủ, *Tin tức* đã viết về đấu tranh giải phóng dân tộc: "Chúng tôi là những phần tử chống chủ nghĩa đế quốc chủ trương dân tộc tự quyết", trong bài *"Chúng tôi với cuộc công thải Đông Dương",* số 12, ngày 25 - 29-5-1938. Đây là một ưu điểm lớn trong nhận thức lý luận và chính trị về độc lập dân tộc, về mối liên quan giữa đấu tranh cho dân chủ và dân tộc mà nhiều tờ báo cách mạng khác không làm được.

Tin tức tuy tồn tại được hơn 6 tháng (từ 2-4 đến 19-10-1938), nhưng đã để lại những ấn tượng sâu sắc cho nhân dân cả nước, nhất là nhân dân các tỉnh miền Bắc, đặc biệt là Hà Nội. Tờ báo là vũ khí chiến đấu có hiệu quả trong cao trào cách mạng phát triển, làm cho bọn phản động thuộc địa, bọn bảo hoàng, tơrốtxkit, Việt gian thân Nhật và các phần tử đầu cơ chính trị, tay sai của địch hoảng sợ. Bọn cầm quyền phải dùng đến hình thức thô bạo, bị dư luận trong nước và nước ngoài lên án, ra lệnh thu hồi giấy phép của báo ngày 15-10-1938.

- *Tạp chí Đông Phương:*

Theo chữ trình bày trên trang 1 bìa tạp chí thì gọi là *Đông phương tạp chí*. Trong danh mục các ấn phẩm định kỳ 6 tháng đầu năm 1939 của Phủ Toàn quyền Đông Dương xuất bản ở trang 19 cũng viết *Đông Phương tạp chí*. Tác phẩm *Tự chỉ trích* của Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương viết tháng 6-1939, bút danh Trí Cường đăng trên *Đông Phương tạp chí.* Gọi *Đông Phương tạp chí* có lẽ hợp lý hơn.

Nguyễn Văn Tây (1910 - 1996) tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên năm 1927, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, ở tù ra năm l936, hoạt động ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Cuối năm 1938, anh lên Sài Gòn gặp Tổng Bí

thư Nguyễn Văn Cừ đề nghị cho một số đảng viên ra tạp chí. Lúc này, việc xuất bản báo chí ở Nam Kỳ đã được tự do, không phải xin phép.

Được Tổng Bí thư đồng ý, cho ý kiến chỉ đạo biên tập, xuất bản, Nguyễn Văn Tây đứng ra tổ chức và làm chủ bút tạp chí.

Trên trang bìa số l viết: Bài vở gửi Nguyễn Văn Tây.

Thư từ và ngân phiếu gửi Phan Văn Chiêu; quản lý: Nguyễn Văn Phấn.

Tòa soạn đặt ở 21, Ke Galliêni (Quai Galliéni) thị xã Mỹ Tho.

Khảo cứu, truyền tin và sưu tầm tài liệu về văn chương, lịch sử khoa học xã hội.

Tạp chí xuất bản "bán nguyệt" (nửa tháng một kỳ). Trong quá trình xuất bản đã có thay đổi. Số l, ngày 1-1-1939; số 2, đúng nửa tháng sau. Số cuối cùng, số 10, ngày 1-9-1939, rồi tự đóng cửa, vì Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Số lượng in từ 2.800 đến 3.200 bản.

Chủ trương xuất bản được thông báo trên các báo chí và chủ bút có thư gửi trực tiếp đến các nhà báo cách mạng có tên tuổi Bắc Kỳ, Trung Kỳ mời cộng tác.

Nội dung của tạp chí là tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin trên các lĩnh vực lý luận triết học và mỹ học; những vấn đề chính trị quốc tế; sáng tác, lý luận, phê bình văn học và nghệ thuật; những vấn đề đường lối chiến lược và sách lược của Đảng ta trong đấu tranh cho dân chủ, dân sinh và hòa bình; chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phát xít; bảo vệ Liên Xô, ngọn cờ của hòa bình và cách mạng thế giới; phê bình lý luận của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương và khuynh hướng tơrốtxkit.

Nội dung chủ yếu là về khoa học xã hội, nhưng có một số bài viết về khoa học tự nhiên, như: *"Ích lợi của hóa học và vật lý học", "Một điều phát minh của Nguyễn Công Tiễn"* (số l).

Tạp chí tuyên truyền cho chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa cộng sản, nói về nhà yêu nước Phan Bội Châu (số l và số Xuân), kỷ niệm Phan Châu Trinh (số 4), *"Văn thơ của các nhà chí sĩ Việt Nam"* của Bằng Phi (số 5)...

Một số bài dịch của các tác giả Pháp như M. Prơnăng, A. Viôlítx, G. Rôna... và dịch truyện ngắn của M. Goócki qua bản chữ Pháp. Tạp chí đăng lại một số bài nghị luận của báo *Dân chúng,* cơ quan trung ương của Đảng, báo *Đời nay* của Xứ uỷ Bắc Kỳ.

Tạp chí đăng nhiều bài có giá trị, thuộc nhiều thể loại, được bạn đọc thích thú, đánh giá cao.

IV- BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1939 - 1945

l. Xã hội Việt Nam trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai

Ngày l-9-1939, phát xít Đức tiến công xâm lược Ba Lan, châm ngòi lửa chiến tranh, từ đó lan rộng ra hầu khắp các nước trên thế giới, hướng vào mục tiêu chính và mục đích chủ yếu là tiêu diệt Liên Xô, đồng thời uy hiếp các nước khác, kể cả Anh, Mỹ. Ở châu Á, phát xít Nhật mở rộng chiến tranh xâm lược một loạt nước.

Phát xít Đức đánh vào nước Pháp, chính phủ tư sản đầu hàng bán đứng nước Pháp cho Đức (6-1940). Các lực lượng yêu nước và dân chủ Pháp liên minh chống phát xít bằng mọi hình thức, kể cả vũ trang, do Đảng Cộng sản làm nòng cốt.

Thi hành chủ trương của Chính phủ Pêtanh (Pétain), bọn phát xít Pháp ở Đông Dương ra lệnh tổng động viên. Một nhiệm vụ khẩn cấp đặt ra cho nhà cầm quyền là lo tổ chức, huấn luyện và trang bị đủ cho hai sư đoàn để sớm gửi sang Pháp bổ sung lực lượng, làm bia đỡ đạn cho chủ nghĩa đế quốc Pháp. Các lực lượng vũ trang, an ninh, mật vụ ở Đông Dương tăng lên về người và phương tiện, sẵn sàng ứng phó với biến cố bất thường có thể xảy ra tại chỗ.

Tháng 9-1940, Nhật vào Đông Dương, đế quốc Pháp đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật. Hai tên đế quốc phát xít cùng áp bức nhân dân ta, đồng thời lại lừa miếng nhau, diệt trừ nhau để độc quyền thống trị. Một số tổ chức tay sai của Nhật mới ra đời, hoạt động chống phá cách mạng và chống Pháp, phục vụ cho chính sách xâm lược của Nhật, đưa ra khẩu hiệu độc lập giả dối để lừa bịp nhân dân, bị Pháp khủng bố.

Những người vốn là thành viên của Mặt trận Dân chủ thuộc lớp trên phân hóa mạnh. Một bộ phận đã có quan hệ kinh tế và chính trị với đế quốc Pháp, trở lại phục vụ cho Pháp hoặc làm tay sai cho Nhật. Số đông nằm im vì hoang mang trước thời cuộc, một số ít chạy sang hàng ngũ cách mạng.

Trong giới thực dân Pháp ở Đông Dương, một bộ phận nhỏ không chịu hàng phục Nhật, muốn bắt tay với cách mạng chống Nhật, nhưng lại muốn lợi dụng cách mạng và ngoan cố bám lấy chính sách thuộc địa cũ rích, ta gọi là phái Pháp Đờ Gôn.

Chiến tranh bắt đầu, kết thúc thời kỳ lịch sử của Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tháng 11-1939 đã nhận định tình hình, quyết định chuyển hướng đường lối và phương pháp đấu tranh cách mạng. Hội nghị đề ra chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản động, chống tô cao, lãi nặng; lập chính quyền cộng hòa dân chủ; thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, lấy liên minh công nông làm nền tảng, đoàn kết rộng rãi với tiểu tư sản thành thị và nông thôn, với tư sản bản xứ, liên minh tạm thời hoặc trung lập trung địa chủ và tiểu địa chủ - dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Những biến chuyển mau chóng của tình hình quốc tế và khí thế sôi sục của quần chúng cách mạng trong nước đặt ra một số vấn đề cho Hội nghị Trung ương 7 (11-1940). Hội nghị đã nhận định kẻ thù chính của nhân dân ta lúc này là phát xít Pháp - Nhật.

Trong lúc lịch sử đang đặt ra một khả năng phát triển kỳ diệu nếu được sự chỉ đạo của một đường lối chính xác và một nghệ thuật điêu luyện, thì Nguyễn Ái Quốc về nước và chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (5-1941). Hội nghị nhận định nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc tán thành quyết định của Hội nghị Trung ương 6 (11-1939) về tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu thêm khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có

ruộng. Về mặt trận dân tộc thống nhất, Trung ương quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), đồng thời thành lập Cao Miên độc lập đồng ninh và Ai Lao độc lập đồng minh; chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng và toàn dân lúc này. Vấn đề xây dựng Đảng được đặc biệt coi trọng. Hội nghị lịch sử này mở ra một cao trào cách mạng mới, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng. Đặc biệt, Hội nghị Thường vụ Trung ương tháng 3-1945 với Chỉ thị *"Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta",* trực tiếp chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh kháng Nhật cứu nước, chuẩn bị đầy đủ điều kiện để khi thời cơ tới là vùng lên Tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi.

2. Chính sách báo chí của địch trong chiến tranh

Ngay ngày Đức nổ súng xâm lược Ba Lan, mở đầu Chiến tranh thế giới thứ hai, ngày l-9-1939, Chính phủ Pháp ban hành một sắc lệnh, được Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định ban hành ngày 19-10-1939, có đoạn viết: "Kể từ khi có sắc lệnh tổng động viên, cấm ngặt công bố theo mọi điểm đã được liệt kê trong điều 23, luật 29-7-1881 về tự do báo chí, mọi thông tin giúp cho một cường quốc chống lại nước Pháp hay tác động có ảnh hưởng tai hại đến tinh thần quân đội và nhân dân". Người nào vi phạm sắc lệnh này sẽ bị phạt tù từ 1 năm đến 10 năm, phạt tiền từ 1.000 phrăng đến 10.000 phrăng. Tiếp theo sắc lệnh này, bọn bù nhìn Nam triều ban hành Dụ số 78 ngày 15-2-1940 truy nã những điểm khác các sắc lệnh cũ; chỉ có sắc lệnh ngày 26-9-1939, điểm thứ ba nói về báo chí vừa trình bày ở trên là đáng chú ý hơn cả.

Toàn quyền Đông Dương nhận được Sắc lệnh từ Pari điện đi ngày 26-9, hai ngày sau ngày 28-9, đã ký Nghị định ban hành ở Đông Dương, rồi lại vội vã điện báo cho các thống sứ, thống đốc và khâm sứ, các viên công sứ và chủ tỉnh cho niêm yết cấp tốc để nhân dân biết và thi hành ngay lập tức, mặc dầu đến ngày 30-9-1939, sắc lệnh này mới được in trên Công báo Đông Pháp (J. O. I. F.).

Điều 1, Sắc lệnh ngày 1-2-1902 quy định việc ban hành các luật về sắc lệnh ở Đông Dương được áp dụng ở thành phố một ngày sau và ở các tỉnh hai ngày sau khi nhận được công báo. Nhưng lần này, công báo chưa in, đã thấy lệnh truy nã các nhà báo cách mạng, mật thám khám xét, lục soát không những các tòa soạn mà cả nhà riêng, nơi nghi có các cuộc hội họp của những người hoạt động cách mạng. Nói đúng hơn, từ đầu tháng 9-1939, những hành động khủng bố trên đã được tiến hành, từ khi có sắc lệnh thì những việc làm đó được thực hiện ráo riết hơn mà thôi. Sách, báo, đều được duyệt kỹ, soi từng chữ, xem xét từng tên tác giả, xóa đi bất kỳ chữ nào, câu nào, đoạn nào có thể gây ra nhiều cách hiểu, có lợi cho cách mạng và cả lợi cho Nhật, hại cho Pháp.

Từ năm 1940 trở đi, Chính phủ Pháp và Toàn quyền Đông Dương không ban hành thêm một sắc lệnh hay nghị định gì quan trọng đối với báo chí.

Để mong thích ứng với tình hình mới, thực dân Pháp đưa ra hình thức tổ chức mới nhằm tranh thủ các nhà báo. Năm 1940, *Hội Báo chí Bắc Kỳ* thành lập do Giăng Xômông (Jean Saumont), một nhà tư sản kiêm địa chủ người Pháp, Giám đốc báo *La Volonté Indochinoise*, một phần tử thực dân có tiếng tàn bạo và phản động, làm Chủ tịch hội; Bác sĩ Nguyễn Văn Luyện, Giám đốc báo *Tin mới* làm Thư ký hội. Năm 1941, *Hội Ái hữu báo giới Nam Kỳ* thành lập... Các hội trên đây chỉ có một ít hội viên, có tính chất tượng trưng, không có hoạt động gì đáng kể vào thời điểm chính trị này. Nhiều nhà báo thờ ơ với tổ chức hội trên đây.

Đến khi Nhật tranh quyền, lật đổ Pháp tháng 3-1945, bộ máy thống trị không ổn định nên căn bản phải dùng chính sách báo chí cũ do Pháp để lại. Cách mạng Tháng Tám bùng nổ kết thúc cả số phận của chủ nghĩa phát xít ở Đông Dương, do đó trong 5 tháng trời cả Nhật và chính quyền bù nhìn của Nhật không có khả năng ban hành một pháp lệnh nào về báo chí cả.

3. Tình hình báo chí xuất bản công khai

Làng báo công khai phản ánh rõ nét tình trạng mâu thuẫn, khủng hoảng, sa sút, tiêu điều của chính quyền phát xít thống trị và xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai.

Về số lượng báo và tạp chí, cuối năm 1939 có 352 tờ, năm 1940 còn 285, tức là sụt đi 67 tờ (23,6%) và cứ thế tụt dần hàng năm, cho đến giữa năm 1944 chỉ còn 197 tờ; tức là chỉ còn 55,9% so với năm 1939; cuối năm 1944, đầu năm 1945 lại sụt đi hơn nữa.

So với tạp chí, tập san, báo sa sút nhanh hơn. Cuối năm 1939 có 136 tờ báo, cuối năm 1940 còn 104 tờ, tức là giảm đi 32 tờ (30%), đến giữa năm 1944 còn 53 tờ, tức là sụt đi còn 38,9% so với năm cuối 1939. Trong số này thì báo tiếng Việt giảm nhanh hơn báo tiếng Pháp. Cuối năm 1939 có 67 tờ tiếng Việt, năm 1940 giảm xuống còn 42 tờ, tức là giảm đi 25 tờ (37,32%); đến giữa năm 1944 chỉ còn 21 tờ tức là giảm đi 46 tờ (68,65%), trong khi đó báo tiếng Pháp từ 50 tờ năm 1939 đến giữa năm 1944 còn 25 tờ, giảm đi 50%.

Hàng năm vẫn có thêm một số tờ báo mới ra đời, đồng thời vắng mặt một số tờ báo cũ với số lượng lớn hơn. Những ngày đầu của chiến tranh, các tờ báo cách mạng xuất bản công khai từ trước vẫn còn ít tờ, như *Đời nay* (số 38, ra ngày 22 đến 29-9-1939); Tạp chí *Đông phương (*số 10, ra ngày 22 đến 29-9-1939); *Người mới (*số 5, ra ngày 5-9-1939); *Mới* (số 11, ra ngày 25 đến 30-9-1939) rồi đóng cửa vì ban biên tập đã được chỉ thị của Đảng cho chuyển vào bí mật hoặc đã bị địch bắt giam. Tuy chậm nhất là đến ngày 10-10-1939 là có lệnh thu hồi giấy phép do Bêbe, được Toàn quyền Đông Dương uỷ quyền ký, đến đây chấm dứt thời kỳ báo chí cách mạng xuất bản công khai.

Những tờ báo tư nhân tham giaa Mặt trận báo chí dân chủ, đến khi bước vào chiến tranh, luật phát xít ban hành thì lần lượt chuyển hướng sang xu thời, ít nhiều phụ họa mới bọn phát xít Pháp, hay quay lại chống cách mạng.

Ở Hà Nội, nhóm tơrốtxkit xin phép ra tờ *Văn mới,* tạp chí phổ thông, tập mới, xuất bản số l ngày 3-6-1939, cho đến năm 1945 ra liên tục. Danh nghĩa là tạp chí, nhưng thực tế là những cuốn sách hoặc mỗi số là một phần của "bộ sách" dày, như *"Lịch sử thế giới"* gồm nhiều tập của Nguyễn Đức Quỳnh, mỗi tập khoảng 200 trang, khổ trung bình 11x17cm, núp dưới chiêu bài khoa học để xuyên tạc khoa học, chống lại chủ nghĩa Mác và cuộc cách mạng giải phóng dân tộc chống Pháp - Nhật do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo.

Ở Sài Gòn, một số người theo tơrốtxkit bị Pháp bắt tù nên không còn một tờ báo nào danh nghĩa tơrốtxkit tiếp tục xuất bản hay mới ra mắt.

Báo chí từ Bắc chí Nam hàng ngày phải dành trang đầu đăng khẩu hiệu "Cần lao - Gia đình - Tổ quốc" và lời nói của Thống chế Pêtanh như những châm ngôn chỉ đạo hành vi của mọi người trong xã hội.

Những tin tức trên báo phục vụ cho chiến tranh phát xít bằng cách đưa những tin có thật hay giả tạo về sức mạnh của quân đội phát xít, còn những tin Liên Xô chặn đứng và đánh lùi phát xít Đức, về chiến tranh du kích chống phát xít ở khắp các nước từ Âu sang Á và phong trào phản chiến ở Nhật lại bị bưng bít.

Sau cuộc đảo chính Nhật - Pháp ngày 9-3-1945, những tờ báo theo Nhật hết lòng tâng bốc sự thắng lợi của người da vàng, tuyên truyền cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa yêu nước chống thực dân Pháp giả hiệu bằng những bài văn, thơ mới sáng tác hoặc đăng lại một số văn, thơ yêu nước của các nhà chí sĩ trong những năm trước; cổ vũ cho tư tưởng sẵn sàng làm nô lệ cho Nhật, phục vụ cho chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa phát xít Nhật: "Người Việt Nam thành thực cộng tác với người Nhật Bản, sẽ sẵn sàng giúp quân đội Nhật những thứ cần dùng mà trước kia Chính phủ Pháp đã hứa giúp Nhật - có lẽ còn hơn nữa - và như thế người Việt hy sinh nhiều lắm, vì bọn Pháp đã làm cho chúng tôi kiệt lực"[34].

Hàng ngũ nhà báo bị phân hóa mạnh ngay từ những tháng đầu của chiến tranh và ngày càng phát triển sâu sắc hơn. Địch lùng bắt những nhà báo tiến bộ, mua chuộc

những người có tài, đe dọa những người có tinh thần yếu đuối. Một số tên cơ hội xoay sang tán tụng Nhật. Những người trí thức có lương tâm và lòng tự trọng nhưng chưa ngả về cách mạng thì chờ đợi, nghe ngóng tình hình, viết đôi bài có tính chất học thuật, khảo cứu, không gắn với những diễn biến có tính chất thời sự chính trị nhưng vẫn ấp ủ một tinh thần dân tộc và biểu hiện một quan điểm tiến bộ, thường đăng trên báo *Thanh nghị* và *Tri tân*. Ở Hà Nội, Sài Gòn, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát đứng ra làm Chủ nhiệm báo *Thanh niên*, xuất bản hàng tuần, ra số 1, ngày 7-8-1943. Đây là tờ báo có tinh thần dân tộc, xu hướng yêu nước theo một tôn chỉ tiến bộ. Nó đã nhanh chóng tập hợp được đông đảo nhiều người viết báo có tên tuổi ở khắp ba miều Bắc, Trung, Nam tham gia. Báo chủ trương đoàn kết mọi người Việt Nam; khuyến khích hoạt động để chứng tỏ sức sống của người Việt; phụng sự nghệ thuật nước nhà trên con đường tiến bộ.

Từ tháng 4-1944, *Thanh niên* chuyển từ Huỳnh Tấn Phát sang Huỳnh Tấn Tiếng làm Chủ nhiệm và Mai Văn Bộ làm chủ bút. Từ đây báo càng đậm nét kích thích tinh thần thống nhất dân tộc, chống ngoại xâm, cho đến ngày ngừng xuất bản, 30-9-1944. Một số nhà báo vốn đã có cảm tình với cách mạng từ trong thời kỳ vận động dân chủ, nhưng chưa tham gia hoạt động ngay khi chiến tranh bùng nổ. Qua thực tiễn cuộc sống, họ thấy cần phải chọn lấy một con đường. *"Đề cương văn hóa của Đảng Cộng sản Đông Dương"* ra đời và Hội Văn hóa cứu quốc được thành lập, đã thu hút một số nhà văn, nhà báo có tinh thần yêu nước tham gia dưới là cờ Việt Minh, chống đế quốc, phát xít.

Cũng phải kể đến những nhà báo bi quan, đời sống quẫn bách giải nghệ đi buôn kiếm sống qua ngày hoặc vừa đi buôn, vừa làm báo.

4. Báo chí cách mạng

Báo chí bí mật xuất bản trong thời kỳ 1939 - 1945 xét về một mặt - mặt bất hợp pháp thì cũng giống như những tờ báo tiền thân, từ khởi thủy đến đầu năm 1936. Nhưng về khí thế, nó phản ánh rõ hướng đi tới ngày toàn thắng.

Giai đoạn 1939 - 1945 số lượng báo không nhiều bằng giai đoạn 1936 - 1939, nhưng chất lượng bài vở tốt hơn, nội dung phong phú hơn và hình thức trình bày đẹp hơn. Nhiều tờ có "tuổi thọ" dài hơn thời kỳ bí mật trước, vì cơ quan đầu não chỉ đạo báo chí tuy bị thiệt hại ít nhiều chứ không tan vỡ. Cơ sở in báo rộng lớn, nếu không may bị lộ chỗ này thì có ngay nơi dự bị xuất bản và điều kiện bảo vệ cho việc biên tập, in, phát hành nói chung vững vàng hơn, chỉ di chuyển khi cần thiết chứ không bị dập tắt. Có những tờ trải qua sóng gió của sự lùng sục, đàn áp, nhưng vẫn tồn tại, phát triển cho đến ngày cách mạng thành công. Truyền thống đấu tranh anh hùng cùng tên tuổi của tờ báo đó đã đi vào cuộc sống tình cảm của quần chúng qua nhiều năm, từ đấu tranh giành chính quyền, bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946) đến kháng chiến chống thực dân Pháp... như *Việt Nam độc lập, Cứu quốc, Độc lập.* Tờ *Cờ giải phóng* tiếp tục xuất bản cho đến khi Đảng Cộng sản chuyển vào hoạt động bí mật, dưới danh nghĩa "tự giải tán" (11-1945).

Tạp chí *Tiến lên,* cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ khu C (gồm đảng bộ các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Hòa Bình) hiện có số ra ngày 27-10-1939, đề là xuất bản mỗi tháng hai kỳ. Nhưng có nhược điểm là tờ tạp chí số l ra trước Hội nghị Trung ương 6 (11-1939) nên báo còn có những bài viết theo tinh thần chỉ đạo của thời kỳ trước.

Sau khi cơ sở in báo *Giải phóng* của Xứ uỷ Bắc Kỳ bị lộ, số 3 bị tịch thu hết, không biết Xứ uỷ có cho in lại số 3 không, nhưng có in các số 4, 5, 6, 7. Số 8 đã in xong phải hủy, không biết vì lý do gì (Theo báo *Giải phóng tập mới,* số 1, ngày 25-3-1941, cơ quan trung ương của Đảng, trang 12, cột 3). Các số trên đây đều xuất bản trước Hội nghị Trung ương 7 (11-1940).

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (11-1940) viết: "Về phương diện tuyên truyền: Đa số Trung ương bị thất bại một năm nay (ý nói nhiều Uỷ viên Trung ương bị địch bắt) làm cho tờ báo thống nhất của toàn Đảng chưa ra được. Nhưng mỗi xứ có một tờ báo làm cơ quan tuyên truyền cổ động cho toàn xứ: "*Tiến lên"* ở Nam

Kỳ, *"Bẻ xiềng sắt"* ở Trung Kỳ, *"Giải phóng"* ở Bắc Kỳ. Ngoài ra, nhiều khu hoặc liên tỉnh cũ có báo riêng"[35].

Ngày l-5-1940, tờ *Phá ngục,* cơ quan của Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương do Trung ương chỉ đạo, ra mắt bạn đọc.

Ngày 25-3-1941, Quyền Tổng Bí thư Trường Chinh cho ra báo *Giải phóng,* "cơ quan tuyên truyền trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương" *tập mới,* số l. Đến nay chưa có đủ tài liệu để biết rõ *Giải phóng tập mới* của Trung ương ra được mấy số, có thể dừng lại trước Hội nghị lần thứ tám của Trung ương (tháng 5-1941).

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương viết: "… Trong lúc này không nên đưa chủ nghĩa cộng sản ra tuyên truyền, huy hiệu cờ đỏ búa liềm không nên dùng luôn. Các sách báo tuyên truyền không nên dùng danh nghĩa Đảng nhiều, phải lấy danh nghĩa các đoàn thể cứu quốc và Việt Minh thay vào"[36].

Sau Hội nghị, đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trương ra báo *Việt Nam độc lập*. Người trực tiếp chỉ đạo biên tập bài, cả in và phát hành, ra số l, ngày 1-8-1941. Tên của báo cách mạng đầy đủ ý nghĩa bao gồm cả mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược, khẩu hiệu hành động. Báo danh nghĩa là của Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng, sau phát triển thành Cao Bằng - Bắc Cạn, rồi Cao - Bắc - Lạng.

Cuối tháng 9 (hay đầu tháng 10-1941), Trung ương Đảng cho xuất bản *Tạp chí Cộng sản.* Đến nay chưa tìm được bản gốc hay bản chụp từ gốc, chỉ biết qua báo cáo của mật thám dịch ra chữ Pháp, mục lục số l như sau:

1. Cùng các bạn đọc.
2. Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương.
3. Để thực hiện tổ chức mới, 23-9-1941.
4. Phần phụ lục: những tài liệu của Đảng, 9-9-1941.
5. Giải thích những thuật ngữ khó.

Tổng Bí thư Trường Chinh cho xuất bản báo *Cứu quốc*, số 1, ngày 25-l-1942 danh nghĩa là cơ quan của Tổng bộ Việt Minh. Những số đầu do chính Tổng Bí thư trực tiếp chỉ đạo viết bài, trình bày trang báo.

Ngày 10-10-1942, báo *Cờ giải phóng,* "cơ quan tuyên truyền cổ động Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương" ra số 1. Vì những khó khăn do địch gây ra nên báo ra không định kỳ, nhất là thời gian đầu, có khi cách nhau giữa số trước với số sau đến 10 tháng.

Ngày 28-2-1943, *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra số 1; ngày 24-9-1943 ra số 2, số 3 đã xong bài vở, chưa kịp in để phát hành thì Tổng khởi nghĩa.

Các cấp bộ Việt Minh ra rất nhiều báo. Ở cấp kỳ, Trung Kỳ có *Dân tộc,* Nam Kỳ có *Giải phóng*, Nam phần Bắc Kỳ có *Độc lập.* Ở cấp tỉnh, ngoài tờ *Việt Nam độc lập* của Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng, Cao Bằng - Bắc Cạn, Cao - Bắc - Lạng. Các tỉnh khác, như Hưng Yên có *Bãi sậy*, Quảng Ngãi có *Chơn độc lập,* Thanh Hóa có *Đuổi giặc nước,* Bắc Ninh có *Hiệp lực,* Ninh Bình có *Hoa Lư,* Phúc Yên có *Mê Linh,* Bắc Giang có *Quyết thắng,* Chiến khu Hòa - Ninh - Thanh (Hòa Bình - Ninh Bình - Thanh Hóa) có *Khởi nghĩa,* đặc biệt khu Bắc Sơn có *Bắc Sơn,*v.v..

Đó là báo "hàng ngang" của cấp bộ, còn báo “hàng dọc" của các đoàn thể cứu quốc, có *Chiến đấu* của Việt Nam quân nhân cứu quốc hội, sau đổi là của Việt Nam giải phóng quân, *Tiền phong* của Hội Văn hóa cứu quốc, *Việt Nam* của Việt Nam cứu quốc hội v.v.. Đoàn thể cứu quốc ở tỉnh, có *Chiến đấu* của Việt Nam công nhân cứu quốc Thanh Hóa, *Hồn nước* của Thanh niên cứu quốc Hoàng Diệu (thành phố Hà Nội) v.v.. Đảng Dân chủ có báo *Độc lập.*

Thanh Hóa là tỉnh có cơ sở đảng bộ mạnh và phong trào Việt Minh phát triển cao, được tỉnh uỷ rất quan tâm đến việc xuất bản sách, báo, đặc biệt *lần đầu tiên trong lịch sử vận động cách mạng Việt Nam có tờ báo riêng vận động phụ nữ* mà trước

đây nhiều lần trung ương chủ trương ra báo cho phụ nữ mà chưa thực hiện được. Tờ *Gái ra trận,* cơ quan của Phụ nữ cứu quốc tỉnh Thanh Hóa, ra mắt bạn đọc.

Những cuộc khủng bố đẫm máu của địch từ cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11-1940 đang đè nặng lên đời sống, tuy vậy Xứ uỷ Nam Kỳ thấy cần có báo để lãnh đạo Đảng bộ và quần chúng đấu tranh, bảo vệ cơ sở. Ngày 21-1-1941, báo *Giải phóng* của Xứ uỷ xuất bản số l, do xứ uỷ viên Nguyễn Văn Kỉnh làm Chủ bút. Báo ra đều kỳ nửa tháng. Sau khi ra số 11, ngày 16-7-1941, đồng chí Nguyễn Văn Kỉnh bị địch bắt, báo ngừng xuất bản.

Cùng với báo của Xứ uỷ, nhiều địa phương trong không khí bị địch càn quét ác liệt cũng ra báo. Hồ sơ và vật chứng của địch tìm ra qua các cuộc lùng sục, đánh phá cơ sở còn để lại đến ngày nay ở cơ quan lưu trữ, cho ta biết không được cụ thể (vì lý do bí mật) nên không thể xác định được một số tờ báo là cơ quan ngôn luận của cấp nào, như tờ *Phấn đấu* số 1, ngày 20-1-1941; *Cứu quốc*, số 1, ngày 30-4-1941; *Tiến lên,* v.v.. Đây là sự thật lịch sử của dòng báo chí cách mạng.

Trong những năm chiến tranh, cánh cửa nhà tù lại mở rộng, các phòng giam chật ních tù chính trị. Các chi bộ đảng trong các nhà tù cho xuất bản nhiều tờ báo viết tay, chép thành 2, 3 bản, bí mật truyền nhau đọc như *Bình minh trên sông Đà* ở Nhà tù Hòa Bình, *Dòng sông Công* ở Trại tập trung Bá Vân, *Đường Nghĩa* ở Trại tập trung Nghĩa Lộ, *Suối reo* ở Nhà tù Sơn La, *Thông reo* ở Nhà tù Chợ Chu, *Tiến lên* ở Nhà tù Quảng Trị v.v..

Lần đầu tiên trong phong trào yêu nước ở các vùng dân tộc thiểu số có một tờ báo riêng bằng chữ dân tộc: tờ *Lắc Mương,* cơ quan tuyên truyền cổ động của Hội người Thái cứu quốc.

Trong phong trào yêu nước của Việt kiều ở tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) có tờ *Đồng thanh.*

Báo trong thời kỳ này tập trung chỉ đạo từ tỉnh, thành phố trở lên, không có báo xí nghiệp, huyện như thời kỳ 1930 – 1936. Lúc đầu có tờ in thạch, sau chuyển sang in đá và cuối cùng một vài tờ in chữ chì.

Ở Nam Bộ, một số đảng viên nhận thức sai về chính trị, ý thức tổ chức và kỷ luật kém, tư tưởng bè phái, nên tổ chức ra thành đoàn thể quần chúng riêng, đề ra khẩu hiệu hành động khác hẳn nhau và trái với khẩu hiệu của Trung ương, ra báo *Tiền phong và giải phóng* công kích lẫn nhau, gây thiệt hại cho phong trào trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, chuẩn bị giành chính quyền, không những thế còn ảnh hưởng không tốt về sau. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhất là Tổng Bí thư Trường Chinh đã trực tiếp chỉ đạo việc uốn nắn sai lầm của một số đồng chí ở Đảng bộ Nam Kỳ, bằng cách phái cán bộ vào truyền đạt chỉ thị và viết bài đăng lên báo *Cờ giải phóng,* cơ quan trung ương của Đảng.

5. Một số tờ báo cách mạng tiêu biểu

- *Việt Nam độc lập:*

Cao Bằng là một tỉnh biên giới có phong trào quần chúng cách mạng phát triển mạnh được Trung ương Đảng chọn làm nơi đón lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về mở Hội nghị lần thứ tám của Trung ương, tháng 5-1941.

Hội nghị Trung ương quyết định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc, thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh.

Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc vừa chăm lo việc chung của toàn Đảng, toàn dân, vừa trực tiếp chỉ đạo xây dựng Mặt trận Việt Minh tỉnh Cao Bằng và sáng lập tờ báo *Việt Nam độc lập*, cơ quan của Tỉnh bộ. Khi cao trào cách mạng mở rộng, hình thành thế liên hoàn của hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn, *Việt Nam độc lập* trở thành tờ báo của phong trào Việt Minh hai tỉnh, từ số 129 ngày 21-6-1942, và từ ngày 30-l-1944, số 187, trở thành tờ báo của ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng. *Việt Nam độc lập* là

tên tờ báo, chính và mục tiêu trước mắt của nhân dân Cao Bằng - Bắc Cạn - Lạng Sơn và cũng là mục tiêu đấu tranh của dân tộc ta.

Việt Nam độc lập ra số l ngày 1-8-1941, đánh số 101 với ý nghĩa là kế tục sự nghiệp của những tờ báo bí mật đã ra đời từ trước, đến ngày 20-8-1945 được 126 số, đánh số 226, có ba họa bản. Đây là tờ báo cách mạng Việt Nam ra được nhiều số trong thời kỳ bí mật, đứng thứ hai sau tờ *Thanh niên* cũng do Nguyễn Ái Quốc sáng lập năm 1925. Có trên 30 số *Việt Nam độc lập* được bàn tay trìu mến của Người chăm sóc, từ viết bài, sửa bài, vẽ tranh, đào tạo cán bộ viết bài và viết chữ lên bàn đá, lo phương tiện in, chọn địa điểm in và tổ chức phát hành. Có những lần chính tay Người viết chữ trái trên bàn đá in. Trong bốn năm, "nhà in" đã di chuyển qua nhiều địa điểm để giữ bí mật và đối phó với kẻ thù lùng sục, khủng bố[37].

Sau khi Bác Hồ đi công tác ở nước ngoài, từ tháng 9-1942, đồng chí Phạm Văn Đồng được uỷ nhiệm phụ trách báo đến tháng 5-1945.

Một đặc điểm trong phong cách của báo *Việt Nam độc lập* là sử dụng rộng rãi thể loại văn vần, có khi là mấy câu kết thúc một bài văn nghị luận, có khi xen vào bài xã luận, khi lại là những bài riêng dưới mục "Vườn văn" gắn với nội dung bài xã luận... Văn vần dễ học thuộc, nhớ lâu, phù hợp với trình độ quần chúng cứu quốc các dân tộc và truyền miệng cũng thuận tiện.

Do địch bao vây, việc in gặp nhiều khó khăn, cơ sở ngày càng mở rộng lại càng thiếu giấy, cho nên có lúc báo ra tờ khổ nhỏ, ra thời hạn cách xa nhau, một tháng ba kỳ rút xuống hai kỳ (từ số 186, ngày 15-l-1944), có lúc tưởng như phải tạm ngừng vì "kho giấy" dự trữ đã cạn. Số 182, ngày 1-12-1943 có tên: Xin lỗi độc giả, báo không ra được vì không có giấy. Đã có lúc báo in mỗi số 600 đến 700 bản và còn khả năng tăng lên nếu không hạn chế vì giấy.

Báo bán lấy tiền, “muốn nấu cơm phải có gạo. Muốn đọc báo phải trả tiền", lúc đầu một tháng ba kỳ giá một hào, sau vì mọi chi phí đắt nên phải bán 5 xu một tờ (từ số

158, ngày 11-4-1943), rồi lên một năm 36 số, 7 đồng (gần hai hào một số) và không bán lẻ từng tháng, chỉ bán từ 3 tháng - 6 tháng (số 226, ngày 20-8-1945).

Chữ *Việt Nam độc lập* lúc đầu viết trên bàn đá từng số, sau khắc gỗ đóng như con dấu, thuận tiện hơn.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, *Việt Nam độc lập* vẫn tiếp tục xuất bản, in litô, là cơ quan ngôn luận của ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng một thời gian, rồi trở lại của riêng tỉnh Cao Bằng[38].

- *Cứu quốc:*

Mùa thu năm 1941, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương xuất bản một tờ báo làm cơ quan ngôn luận của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, phát hành rộng rãi trong các tổ chức của mặt trận. Hội nghị cán bộ do Xứ uỷ Bắc Kỳ triệu tập, họp trong 3 ngày: 25, 26, 27-9-1941, quyết nghị: "Các cấp bộ phải giúp đỡ tờ báo của Việt Minh sắp xuất bản nay mai, phải vận động quần chúng ủng hộ về tài chính, phải tổ chức công tác lấy tin, phải viết bài và vận động quần chúng viết bài cho tờ báo và nhất là bài vở cần sát với trình độ quần chúng và phải phản chiếu đời sống của nhân dân".

Ngày 25-1-1942, báo *Cứu quốc*, số l, "cơ quan cổ động của Việt Nam độc lập đồng minh"[39] ra mắt bạn đọc. Tên tờ báo như một lời kêu gọi thiêng liêng, một nhiệm vụ cấp bách của cả dân tộc ta trước vận mệnh của đất nước.

Lúc đầu, báo *Cứu quốc* do Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp Phụ trách biên tập, có Bí thư Tỉnh uỷ Phúc Yên là Lê Quang Đạo giúp.

Về sau Trung ương giao cho Xứ uỷ Bắc Kỳ, do các xứ uỷ viên Nguyễn Khang và Lê Quang Đạo phụ trách. Từ giữa năm 1944 trở đi, Xứ uỷ phân công cho Xuân Thủy trực tiếp chuyên trách.

Cứu quốc in ở nhiều địa điểm bí mật trong các vùng Hà Đông, Bắc Ninh, Sơn Tây cho đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thì chuyển về Hà Nội. Đến ngày 15-8-1945, *Cứu quốc* xuất bản được 30 số in litô và 4 số phụ trương của các số 12, 15,

19 và 27, có số *"Đặc san về vấn đề hải ngoại"* in chữ chì; từ số 31, ngày 24-8-1945 bắt đầu tin typô ở Hà Nội.

Cứu quốc ra không đều kỳ, lúc đầu số nọ, cách số kia có khi vài tháng. Từ số 19, ra ngày l0-4-1945 trở đi, phong trào lên cao, căn cứ cách mạng mở rộng, báo có điều kiện thuận lợi ra tương đối mau hơn, số nọ cách số kia 10 ngày.

Những số bình thường ra 2 trang; có 6 số ra 4 trang: số 7, 11, 12, 13, 14, 15. Những số đặc biệt ra nhiều trang, như số Xuân 1942: 16 trang, Xuân 1945: 12 trang, *"Đặc san về vấn đề hải ngoại":* 24 trang. Lúc đầu in một bàn đá, mỗi số trên 100 bản, rồi nâng lên vài trăm bản. Số Xuân 1945 có nhiều bản in, đã in tới trên l.000 bản, có kho giấy dự trữ hàng xe bò kéo, mực in hàng thùng, đã phân công người chuyên trách biên tập, có phóng viên đi cơ sở, có "tòa soạn" ở xa "nhà in", có người chuyên phụ trách "nhà in", người viết chữ trái và lăn rulô... Có một địa điểm chính thức và có địa điểm dự bị để di chuyển đến khi địch khủng bố. Chỉ từ sau ngày đảo chính Nhật - Pháp 9-3-1945 thì địa điểm "tòa soạn" và "nhà in" mới thật ổn định, điều kiện làm việc mới phát triển thuận lợi.

Với tư cách là cơ quan của Mặt trận Việt Minh, số l, *Cứu quốc* kêu gọi "các giới sĩ, nông, công, thương, binh, các đoàn thể cứu nước; toàn thể đồng bào mất nước" "mau hợp sức cùng lòng đánh đuổi Pháp - Nhật, rửa nhục cho non sông, đưa Tổ quốc tới chốn vinh quang độc lập.

Cứu quốc sẽ giãi bầy nỗi lầm than thống khổ của muôn dân;

Cứu quốc sẽ nêu cao ý muốn thiết tha của trăm họ;

Cứu quốc sẽ là người chỉ lối trung thành cùng đồng bào cùng tiến trên đường giải phóng dân tộc.

Cứu quốc hô hào đồng bào "hãy tận tâm ủng hộ *Cứu quốc* về mọi phương diện, hãy cương quyết tiến lên dưới bóng cờ sắc đỏ sao vàng.

Đánh đổ giặc cướp nước Pháp, Nhật!

Đánh đổ giặc bán nước thân Pháp, thân Nhật!

Việt Nam độc lập tự do muôn năm!".

Cứu quốc mất chú trọng khai thác truyền thống vẻ vang của dân tộc qua hàng nghìn năm lịch sử để bồi dưỡng ý chí chiến đấu và quyết thắng giặc ngoại xâm. Nhân ngày kỷ niệm Hai Bà Trưng tuẫn tiết, *Cứu quốc* nêu gương anh hùng của Hai Bà Trưng chống quân Đông Hán, nhân dân ta - đặc biệt là giới phụ nữ, tự hào về tổ tiên mình, sẵn sàng hy sinh cứu nước. Ngày hội đền Kiếp Bạc, báo ôn lại những trang sử oanh liệt đời Trần chống quân Nguyên, đặc biệt là về bài học toàn dân nhất trí quyết tâm đánh đuổi kẻ thù là một nhân tố cơ bản giành thắng lợi (số 15 ngày 30-11-1944); ngày 5 tháng giêng, nhớ đến chiến thắng lẫy lừng của Nguyễn Huệ ở Đống Đa với tài thao lược và nghệ thuật quân sự tuyệt vời, độc đáo…, rồi đến các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương.

Về thời sự chính trị trong nước và thế giới, *Cứu quốc* bám sát mọi diễn biến của cuộc đấu tranh chống phát xít và tay sai. Về thế giới có mục *"Tin vắn thế giới", "Sóng gió năm châu", "Sân khấu quốc tế"* viết về Anh - Mỹ mở mặt trận thứ hai; về Hồng quân Liên Xô phòng ngự rồi phản công và tiến công như vũ bão qua các nước châu Âu, tiến tới Béclin; về các cuộc chiến tranh chống Nhật ở Trung Quốc, Phi Luật Tân (Philippin), Inđônêxia... Số 21, ngày 25-5-1945 đưa tin "Toàn thể quân đội Đức đã đầu hàng Đồng Minh không điều kiện". Số 29, ngày 15-8-1945 đón trước thời cơ "Nước Nhật hàng", có tranh minh họa "Giặc Nhật sắp chết đuối dưới Thái Bình Dương" và số 30 ra gấp ngay hôm sau đưa tin Nhật đầu hàng không điều kiện.

Song song với mọi diễn biến trên quốc tế, *Cứu quốc* đưa *"Tin trong nước"* về mâu thuẫn Nhật - Pháp, về cuộc đảo chính ngày 9-3-1945, về*"Vai hề Trần Trọng Kim ra sân khấu"* (số 20, ngày 5-5-1945) v.v..

Về tổ chức, *Cứu quốc* có mục "*Việt Minh muốn tiến", "Thống nhất Việt Minh"* (số 10, ngày 18-2-1944); *"Phải bỏ tính ỷ lại"* (số 11, ngày 17-4-1944); *"Thực tâm cứu nước"* (số 12, ngày 25-6-1944); *"Đội tự vệ sinh hoạt thế nào?"* (số 13, ngày 20-8-

1944); *"Phải kịp thi hành chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa"* (số 14, ngày 21-10-1944; *"Làm cho tổ chức hoạt động"* (số 15, ngày 30-11-1944) v.v.. hướng dẫn các sinh hoạt, làm việc, uốn nắn những quan điểm không đúng, như các hội cứu quốc trong cùng một cấp không liên lạc mật thiết với nhau mà thông qua cán bộ phụ trách; đoàn thể mạnh thường bao biện công việc của đoàn thể khác; khi thi hành nghị quyết của cấp trên thì không thống nhất, thiếu cổ vũ lẫn nhau; quan niệm phải có từ hai đoàn thể trở lên, có Ban Chấp hành đàng hoàng rồi mới thống nhất lên Việt Minh; phê bình những người vào tổ chức, đi họp nhưng mục đích để nghe tin tức, khi tin tức thắng phát xít dồn dập thì vui mừng, khi bị khủng bố thì hoang mang... Họ không nhận rõ "Đồng minh thắng, nhưng không có tranh đấu sinh tử của dân ta thì cách mạng không thể thành công" (số 12) và động viên họ làm đầy đủ mọi việc của một người giác ngộ "thực dân cứu quốc", v.v..

Đồng chí Hoàng Văn Thụ, một trong những người sáng lập Mặt trận Việt Minh bị sa vào tay giặc Pháp và bị tử hình. Để tỏ lòng tưởng nhớ đến người lãnh đạo của mình, khơi sâu thêm lòng căm giận địch và sẵn sàng chiến đấu để trả thù cho anh, *Cứu quốc* số 14, ngày 21-10-1944, có bài *"Chúng ta đã mất anh Hoàng Văn Thụ"*.

Hội Truyền bá quốc ngữ, một tổ chức văn hóa, giáo dục được thành lập từ năm 1938 do sáng kiến của Xứ uỷ Bắc Kỳ, tồn tại và hoạt động hợp pháp suốt từ đó đến Cách mạng Tháng Tám. Sau cuộc hội nghị giáo khoa, *Cứu quốc* số 13, ngày 30-8-1944 có bài *"Cảm tưởng của tôi với cuộc hội nghị giáo khoa toàn quốc của Hội Truyền bá quốc ngữ"*.

Báo *Cứu quốc* đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức và động viên nhân dân các dân tộc trong cả nước đứng lên chiến đấu giải phóng dân tộc, chống đế quốc phát xít Pháp - Nhật và các hạng tay sai, các tổ chức phản động do chúng lập ra để hòng cứu vãn sự sụp đổ của chúng.

Những bài văn nghị luận, bình luận chính trị, các tin tức, thơ ca, v.v., mang rõ nét sắc thái cổ động khí thế chiến đấu, kêu gọi vùng lên, không chịu cam tâm làm ngựa, trâu cho bọn xâm lược. Văn chương viết gọn, lưu loát, hấp dẫn, sắc sảo.

Do tình hình giao thông liên lạc trong thời kỳ chiến tranh gặp nhiều khó khăn, tình hình và tin tức từ miền Trung trở vào không được gửi đều tới Tòa soạn của báo *Cứu quốc* nên *Cứu quốc* hầu như chỉ bàn đến phong trào Việt Minh, chỉ đạo công tác, phản ánh tin tức đấu tranh phần lớn từ Thanh Hóa trở ra Bắc - đó là một nhược điểm lớn.

- *Cờ giải phóng:*

Là "cơ quan tuyên truyền cổ động Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương". *Cờ giải phóng* ra số l, ngày 10-10-1942. Báo do Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp phụ trách biên tập và là cây bút chính luận chủ yếu, tác giả của nhiều bài chính luận, phê bình, chỉ đạo đấu tranh và xây dựng Đảng. Giúp việc biên tập, lúc đầu có Lê Quang Đạo, Bí thư Tỉnh uỷ Phúc Yên. Từ giữa năm 1943 trở đi có Lê Liêm, Lê Toàn Thư, v.v.. Công việc biên tập được tiến hành ở nhiều cơ sở bí mật thuộc tỉnh Phúc Yên. Báo in litô trên giấy xanh từ số 1 đến số 15 (ngày 17-7-1945) tại nhiều địa điểm bí mật xa Hà Nội trên dưới l0 km. Từ số 1 đến số 10, ngày 28-1-1945, báo ra 4 trang, mỗi số cách nhau không có kỳ hạn, số 2 cách số 1 hơn bốn tháng, từ số 3 đến số 5 cách nhau trên dưới hai tháng; số 6 cách số 5 một tháng rưỡi v.v.. Từ số 11, ngày 25-3-1945, báo ra 2 trang và rút dần khoảng cách[40].

Với tư cách là cơ quan trung ương của Đảng, *Cờ giải phóng* tuyên truyền, cổ động và đấu tranh cho thắng lợi về tư tưởng, chính trị và tổ chức theo chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng đề ra về các vấn đề trong nước và quốc tế.

1. Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941) đề ra nhiệm vụ của cuộc vận động cách mạng ở Đông Dương trong thời kỳ này, trước hết là phải giải phóng dân tộc. Ở trong nước, Nhật - Pháp cùng nhau vơ vét của cải và áp bức tàn nhẫn nhân dân

ta, đồng thời chúng lại mâu thuẫn với nhau ngày càng sâu sắc. Nhật lấn át Pháp, trở thành kẻ thù chính, còn Pháp thì rơi xuống địa vị đày tớ của Nhật.

Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương tháng 2-1943 nhận định: nhân dân các dân tộc ở Đông Dương không phải chỉ làm cách mạng giải phóng dân tộc, phá tan xiềng xích của phát xít Nhật - Pháp, mà còn có nhiệm vụ quốc tế, góp sức với Mặt trận dân chủ quốc tế chống phát xít xâm lược, ủng hộ Liên Xô kháng chiến. Tình hình là điều kiện khách quan đặt ra vấn đề mở rộng Mặt trận dân chủ, tranh thủ bạn đồng minh chống phát xít trên đất Đông Dương trong những người Pháp dân chủ và Hoa kiều yêu nước. Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít Nhật - Pháp là một bộ phận của Mặt trận dân chủ chống Nhật ở Đông Dương đồng thời là Mặt trận dân chủ quốc tế chống phát xít xâm lược.

Đó là nghệ thuật vận dụng sách lược tài tình dựa trên sự phân tích khoa học tình hình chính trị trong nước và quốc tế của Đảng Cộng sản Đông Dương do Tổng Bí thư Trường Chinh viết dưới hình thức *"Vấn đáp về chính sách của Đảng",* đăng trên *Cờ giải phóng* số 2, ngày 26-8-1943.

Sách lược đó, lúc đầu, không ít đảng viên chưa nhận thức rõ. Với kinh nghiện đấu tranh chính trị từng trải, lại có thực tiễn trực tiếp tiếp xúc bí mật với đại biểu của những người Pháp dân chủ ngay tại Hà Nội lúc đó, ngòi bút viết văn chính luận sắc sảo của Trường Chinh trình bày quan điểm của Đảng Cộng sản Đông Dương qua một loạt bài chung quanh vấn đề lập Mặt trận dân chủ chống phát xít Nhật với người Pháp ở Đông Dương như *"Tiến tới Mặt trận dân chủ thống nhất chống Nhật ở Đông Dương", "Chủ trương liên minh với Pháp Đờ Gôn"* (số 3, ngày 15-2-1944); *"Vẫn chính sách liên minh với Pháp Đờ Gôn"* (số 4, ngày 13-4-1944); *"Trở lại chính sách liên minh với Pháp Đờ Gôn" (*số 6, ngày *28-7-1944); "Chung quanh chính sách liên minh với Pháp Đờ Gôn"; "Vài câu trả lời cần thiết"* (số 9, ngày 25-12-1944); *"Cái lỗi lớn của Pháp Đờ Gôn ở Đông Dương"* (số 13, ngày 16-5-1945).

2. *Cờ giải phóng* vạch trần thủ đoạn thâm độc của phát xít Nhật và bọn Việt gian tay sai của Nhật. Nhật nhất định sẽ truất quyền của Pháp, trực tiếp vơ vét tài sản và ra sức lừa phỉnh nhân dân ta phục vụ cho chúng kéo dài và mở rộng chiến tranh, sử dụng bọn Việt gian theo Nhật, không thích đánh Pháp để làm cớ cho Nhật can thiệp và đưa bọn Việt gian đó lên nắm chính quyền". Bọn Việt gian theo Nhật là mối nguy cho thực dân Pháp, cho nên chúng đã từng bị thực dân Pháp khủng bố, bắt vào tù; nhưng là công cụ của Nhật, chúng bị Nhật sửdụng tùy theo yêu cầu từng lúc, do đó cũng nhiều lần nếm mùi thất vọng cay đắng vì bị lừa đối. Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi họ kịp thời tỉnh ngộ trở về cùng nhân dân đánh kẻ thù (số 8, ngày 10-11-1944).

Cờ giải phóng số 11, ngày 25-3-1945 có bài *"Cuộc đảo chính"* của *"Nhật ở Đông Dương",* nhận định tính chất đó là *"*một cuộc cướp giật mà kẻ thù chủ động là bọn đế quốc quân phiệt Nhật" "mục đích mưu lợi riêng cho giặc Nhật". Về nguyên nhân, bài báo chỉ ra 3 điều: một là, "hai con chó đói không thể ăn chung một miếng mồi"; hai là, Nhật diệt Pháp trước để phòng quân Đồng minh đánh vào, Pháp sẽ quay súng bắn Nhật; ba là, đường thủy liên lạc với thuộc địa bị cắt đứt, Nhật phải cố bám Đông Dương làm cái cầu nối liền các thuộc địa ở khu vực này với Nhật là con đường tiếp tế duy nhất cho các căn cứ chiến lược của Nhật ở Đông Nam Á.

Nhật đã thay Pháp độc quyền cai trị Đông Dương, nhưng rất lúng túng trong việc lập ra một bộ máy tay sai, vừa đưa bọn tay sai ra, vừa phải sử dụng cả bộ máy mục nát cũ của Pháp. Khi quân Đồng minh vào Đông Dương thì Nhật không đủ sức chống chọi với nhiều lực lượng: một số người Pháp thừa cơ nổi dậy, nhân dân Đông Dương tiếp tục chiến đấu chống Nhật, cùng với quân Đồng minh. Lúc này điều kiện tổng khởi nghĩa chưa thật chín muồi, nhưng thuận lợi khách quan rất lớn đòi hỏi chúng ta phải tiến lên với những cố gắng vượt bậc, tổ chức các uỷ ban giải phóng ở cơ sở để tập cho nhân dân nắm chính quyền; lập các đội tuyên truyền

xung phong để mở rộng mau chóng cơ sở cứu quốc; đưa quần chúng ra biểu tình để động viên họ mạnh dạn tiến tới tổng khởi nghĩa; đặc biệt phát triển các tổ chức nửa vũ trang và vũ trang của quần chúng có trang bị thích hợp với mục tiêu chiến đấu rõ ràng, nhằm *gấp rút tiến tới tổng khởi nghĩa.*

3. *Việc chuẩn bị khởi nghĩa* được Trung ương đề ra từ giữa năm 1944. *Cờ giải phóng* có nhiều bài chỉ đạo tiến hành nhiệm vụ mới mẻ, có sức động viên rất lớn đối với việc đẩy mạnh cao trào cứu quốc đó. Công việc chuẩn bị thì nhiều, phải làm những việc gì và làm như thế nào? *Cờ giải phóng* có bài *"Hãy nắm lấy khẩu chính"* (số 6, ngày 23-7-1944) đề ra 5 việc cốt yếu: phát triển tự vệ và bộ đội chiến đấu; huấn luyện cán bộ quân sự để chỉ huy các tổ chức có tính chất quân sự; sắm vũ khí để trang bị cho tự vệ và bộ đội; vận động binh lính để lấy súng địch bắn địch; huấn luyện chiến thuật du kích và kinh nghiệm khởi nghĩa cho cán bộ, đảng viên và quần chúng có tổ chức. Đồng thời, bài báo đề ra cách thức tiến hành để thực hiện 5 việc ấy, chung quy lại là: phải hăng hái giác ngộ quần chúng, phát triển các đoàn thể cứu quốc, đẩy mạnh các cuộc đấu tranh hằng ngày. Các địa phương phải có kế hoạch khởi nghĩa sát với địa phương mình.

V. MỘT VÀI NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

1. Kể từ khi báo *Thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, khổ nhỏ, biên tập và in số lượng ít, từ nước ngoài đưa về trong nước, đến tháng 8-1945, chúng ta đã có trên dưới 380 tên báo và tạp chí. Tham gia tất cả các trận chiến đấu lớn nhỏ, khi bị lùng bắt vì không hợp pháp, xuất bản công khai nửa hợp pháp và hợp pháp, cuối cùng, báo chí cách mạng đã giành được thắng lợi rực rỡ.

Những tờ báo và tạp chí sau đây ghi lại những dấu ấn lịch sử:

- Tờ báo đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là *Tranh đấu* (15-8-1930).
- Tờ tạp chí đầu tiên của Đảng là *Tạp chí Đỏ* (5-8-1930).
- Tờ báo trong tù đầu tiên của những người cộng sản ở Hỏa Lò, Hà Nội, lấy tên *Tù nhân báo* (3-1930), sau đổi là *Lao tù tạp chí.*

- Hai tờ báo ra được nhiều số nhất đều do Nguyễn Ái Quốc sáng lập: *Thanh niên,* trên 200 số và *Việt Nam độc lập* 126 số. Riêng thời gian có sự chỉ đạo của Người, *Thanh niên* ra 88 số và *Việt Nam độc lập* ra trên 30 số.
- Tờ báo đi tiên phong trong phong trào đòi tự do báo chí là *Dân chúng,* cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương (22-7-1938).
- Tờ báo có số lượng in lớn nhất là *Dân chúng,* số Xuân 1939 in tới 15.000 bản.
- Tờ báo cách mạng ra bằng chữ dân tộc thiểu số đầu tiên là *Lắc Mương,* cơ quan của Hội người Thái cứu quốc ở tỉnh Sơn La.
- Hai tờ báo có nhiều cống hiến nhất vào việc tổ chức lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi là *Cờ giải phóng* và *Cứu quốc* (1942 – 1945).

2. Báo chí cách mạng tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin - một học thuyết có sức sống trong thực tiễn đấu tranh của các dân tộc ở Đông Dương, có khả năng kết hợp nhuần nhuyễn giữa đặc điểm hiện tại với truyền thống lịch sử dân tộc.

Những văn bản quan trọng của Quốc tế Cộng sản và các tổ chức trực thuộc quốc tế và cách mạng thế giới, về khu vực thuộc địa, đặc biệt là về cách mạng Đông Dương đều được giới thiệu, trích dịch hoặc đăng bản dịch toàn văn lên các báo chí cách mạng của ta cho toàn Đảng và quần chúng biết, phối hợp hành động, ủng hộ cách mạng quốc tế.

Ngay từ đầu, báo chí đã tuyên truyền cho Liên Xô, Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhiều nghị quyết của đại hội và hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô được trích đăng; nhiều bài báo tuyên truyền cho sự gắn bó giữa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam với giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Pháp là những người bạn chiến đấu ở ngay trong lòng kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta; gắn bó với phong trào giải phóng dân tộc các nước, trước hết là phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á và các thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc Pháp; gắn Mặt trận Dân chủ Đông Dương với Mặt trận dân chủ thế giới chống phát xít.

Với sự tin cậy và yêu mến Liên Xô nhiệt thành, nhân dân ta vui mừng trước những thành tựu vẻ vang về mọi mặt của người anh cả vĩ đại, coi đó là nguồn động viên lớn, là niềm hy vọng mãnh liệt vào tương lai cách mạng nước mình tiến lên theo con đường của Cách mạng Tháng Mười, của kinh nghiệm có ý nghĩa quốc tế của Liên Xô trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tất cả được thể hiện đậm nét và thường xuyên trên báo chí.

Tuyên truyền cho mục đích cuối cùng là xây dựng chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, vạch rõ đó là quy luật phát triển tất yếu của xã hội Việt Nam, đồng thời làm sáng tỏ hai giai đoạn chiến lược và mục tiêu chiến lược của mỗi giai đoạn để đi tới mục đích cuối cùng.

Báo chí cổ động thực hiện các khẩu hiệu hành động trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể, đoàn kết toàn dân, bênh vực quyền lợi hằng ngày cho nhân dân, trước hết là công nông, đồng thời chú ý đến quyền lợi chính đáng của các tầng lớp khác trong xã hội; báo chí tuyên truyền cho các quyền tự do dân chủ... Bằng việc giải thích chủ trương của Đảng và mặt trận về những hoạt động cụ thể của nơi này, nơi khác giành được thắng lợi hay uốn nắn những lệch lạc "tả", hữu khuynh, đã động viên quần chúng dũng cảm xông lên, thuyết phục người lầm đường, trừng trị kẻ phản bội, đẩy lùi kẻ thù, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Báo chí phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng Đảng Cộng sản về tư tưởng, chính trị và tổ chức, đấu tranh cho Đảng thống nhất và tập trung, bônsơvích hóa, chống tư tưởng địa phương, cục bộ, vô tổ chức, biệt phái, đề cao tự phê bình và phê bình, nâng cao trình độ lý luận Mác - Lênin, liên hệ chặt chẽ với quần chúng; xây dựng các đoàn thể quần chúng cho phù hợp với tình hình chính trị từng thời kỳ, mang tính giai cấp và tính quần chúng đông đảo; coi trọng Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế, tranh thủ xây dựng lực lượng ngay cả trong tổ chức của địch, như Viện Dân biểu, v.v..

Về chữ nghĩa, nhiều tờ báo của chúng ta thường viết không đầy đủ, như "cơ quan tuyên truyền" hoặc "cơ quan tuyên truyền cổ động", nhưng thực tế, các tờ báo đều làm đủ chức năng của báo chí cách mạng là tuyên truyền, cổ động và tổ chức tập thể.

3. Báo chí cách mạng tuyên truyền những luận điểm của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng Việt Nam thể hiện trong đường lối chính trị của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Đảng Cộng sản dưới hình thức nghiên cứu lý luận, lịch sử hay bằng văn học, nghệ thuật, tin tức thời sự, công khai trực tiếp hay kín đáo, gián tiếp. Từ khi Đảng Cộng sản ra đời, các báo chí cách mạng đều đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, của Trung ương hay các cấp uỷ địa phương, do một, hai Uỷ viên Trung ương hay Xứ uỷ, Tỉnh uỷ trực tiếp chỉ đạo biên tập hoặc thông qua một số cán bộ do Đảng chỉ định để bảo đảm cho quan điểm của Đảng được thấu suốt, không để cho một cá nhân, một nhóm nhỏ nào có ý đồ lợi dụng báo chí phục vụ cho lợi ích riêng biệt của họ.

Tuy vậy, trong một số trường hợp, trên một số tờ báo có lúc không quán triệt nguyên tắc trên đây, đã phạm phải sai lầm. Trên mặt báo, có khi xuất phát từ sai lầm trên một số chủ trương cụ thể; cũng có khi chủ trương đúng nhưng "nhà báo" nắm chưa chắc nên thể hiện có phần lệch lạc. Và cũng có trường hợp do sự phát triển của tình hình đấu tranh chính trị phức tạp, một số cán bộ thiếu sáng suốt, chưa chủ động nhận ra vấn đề, hay khi đã có đường lối rồi nhưng vì kiêu ngạo, ý thức tổ chức và kỷ luật chưa tốt, nên viết bài mang dấu vết cá nhân, trái với quan điểm của Đảng, gây ảnh hưởng không tốt cho Đảng và trong quần chúng, thiệt hại cho cách mạng. Trong lịch sử đã xảy ra ba thời điểm như giữa *Thanh niên* và *Búa liềm,* năm 1929; giữa *Tạp chí Đông Phương* và *Dân chúng,* năm 1939; giữa *Tiền phong* và *Giải phóng,*năm 1945.

Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định chính xác về những sai lầm của các phái tơrốtxkit ở Việt Nam trên các mặt tư tưởng, lý luận, chiến lược và sách lược cách

mạng Việt Nam và phong trào cộng sản quốc tế từ năm 1930. Khi Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Liên Xô và một số Đảng Cộng sản nói tơrốtxkit là tay sai của chủ nghĩa phát xít, Đảng Cộng sản Đông Dương cũng nói tơrốtxkit ở Việt Nam là tay sai của đế quốc Pháp và phát xít Nhật. Thực tế lịch sử cho ta biết nhận định ấy *không hoàn toàn đúng ở Việt Nam.* Sau cuộc đại khủng bố của chính quyền thực dân phát xít hóa năm 1939, một số tơrốtxkit vào tù, đi đày tập trung ở trại; một số trốn chạy về các vùng nông thôn ẩn mình. Ra tù do hết hạn hoặc được Nhật tha sau ngày 9-3-1945, tơrốtxkit cũng không làm tay sai cho Nhật, Huỳnh Văn Phương, một phần tử tơrốtxkit có tên tuổi, làm Phó Giám đốc Công an Nam Bộ dưới quyền điều khiển của Nhật sau ngày 9-3-1945, nhưng có liên lạc với cách mạng, đưa nhiều vũ khí của Nhật, cung cấp tin tức mật của chúng cho ta.

Một vài tờ báo của địa phương đôi khi không thấu suốt chủ trương của Đảng trên một số bài vở, chủ yếu là do sự hạn chế trình độ và điều kiện địa phương giới hạn tầm nhìn quá trình diễn biến của cách mạng trong cả nước, nên đã tuyên truyền cho những vấn đề của mình đề ra, khác với trung ương.

Quán triệt tính Đảng, đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản, vì lợi ích của quần chúng, nên báo chí cách mạng đã say sưa, nhiệt tình giáo dục, thuyết phục quần chúng tiến lên dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản, phân biệt rõ con đường cách mạng của giai cấp vô sản và con đường của Việt Nam Quốc dân Đảng, của các nhóm tư sản và tiểu tư sản nhất định sẽ phá sản; nhận rõ con đường cách mạng chân chính của Đảng Cộng sản và những thủ đoạn cách mạng giả dối, lừa bịp của phái tơrốtxkit; chống hành vi đầu hàng, tiêu cực, trốn đấu tranh vì khiếp sợ vũ lực tàn bạo của kẻ thù. Báo chí vừa phản ánh tình hình các cuộc đấu tranh diễn ra hằng ngày, vừa tổng kết những cuộc đấu tranh lớn có tổ chức và chỉ đạo, biểu dương thành tích, hướng dẫn phát huy khí thế, đồng thời uốn nắn những lệch lạc, chỉ dẫn cách khắc phục khuyết điểm. Báo chí không ngừng phơi bày những mâu thuẫn, thối nát của xã hội thuộc địa, nửa phong kiến đương thời, vạch trần bản chất dã

man, hung bạo của kẻ thù, trình bày đúng sức mạnh của phong trào cách mạng và những nhược điểm cần khắc phục để đưa cuộc đấu tranh vượt qua mọi trở ngại, tiến hành đánh đổ quân thù, giành thắng lợi hoàn toàn cho cách mạng.

4. Kẻ thù của cách mạng rất sợ báo chí cách mạng. Chúng tìm mọi thủ đoạn mong bẻ gãy nó bằng các sắc lệnh, nghị định báo chí nghiệt ngã, phản động; huy động cả bộ máy khổng lồ mong đè bẹp nó; đồng thời hình thành một hệ thống báo chí phản động với hàng trăm tờ; tăng cường mật thám, quân đội, tòa kiểm duyệt, quản lý giấy, mực in, v.v.. Nhưng tất cả chỉ gây cho chúng ta khó khăn, thiệt hại nhất thời. Người chiến thắng vẫn là báo chí cách mạng, kẻ thất bại chính là đế quốc và tay sai.

Trong 20 năm (1925 - 1945) có l7 năm báo chí cách mạng xuất bản trong vòng bí mật, bất hợp pháp. Có 3 năm trong thời kỳ vận động dân chủ, căn bản là nửa hợp pháp, đôi khi mang tính hợp pháp nhưng phải sử dụng nghệ thuật đấu tranh rất khéo léo mới tồn tại được và luôn luôn bị địch khủng bố, khám xét, gây trở ngại, tịch thu báo và cả tài sản của báo, cuối cùng là ra lệnh cấm.

Đến thời kỳ tiền khởi nghĩa năm 1945, báo chí cách mạng vẫn là bất hợp pháp nhưng lại công khai trước quần chúng ở những "tổng hoàn toàn", "châu hoàn toàn", ở các khu giải phóng, những nơi giáp đô thị nhưng chính quyền địch đã tê liệt trước cao trào quần chúng và Việt Minh đã nắm quyền quản lý mọi việc chính trị - xã hội ở địa phương.

Ngay trong thời kỳ vận động dân chủ, những vũ khí do tự tay chúng rèn để chống lại báo chí cách mạng đã giảm hiệu lực, và có những đòn chúng không đỡ nổi do chúng ta sử dụng ngay vũ khí của chúng để chống lại chúng: ra báo tiếng Pháp; lợi dụng báo chí đã được phép từ trước chuyển thành báo chí cách mạng và xin phép một đường, ra báo một nẻo. Sở dĩ có tình trạng đó là do có cao trào cách mạng của quần chúng làm chỗ dựa, có sự chỉ đạo tài tình của Đảng, khéo phát hiện và lợi dụng nhược điểm của địch để đánh địch.

Báo chí cách mạng đấu tranh gay gắt với kẻ địch đang nắm chính quyền, do đó không thể tuân theo những nguyên tắc thông thường, hướng dẫn theo sách vở về tính định kỳ xuất bản cũng như tính thời sự nhanh chóng, nhạy bén với tình hình được: định kỳ nhiều khi phá vỡ, "tin" bị chậm trễ vì phương tiện đưa tin và nhận tin bằng kỹ thuật hiện đại nhiều khi không có...

Người Việt Nam sẵn có lòng yêu nước trong dòng máu, do tổ tiên để lại. Sức hấp dẫn lớn của báo chí đôi với người đọc là những bài vở sôi sục tinh thần yêu nước, kích thích lòng tự hào dân tộc truyền thống. Tư tưởng yêu nước theo tinh thần cộng sản chủ nghĩa được thể hiện từ báo *Thanh niên* buổi ban đầu, dần dần lôi cuốn cả dân tộc vào trận tuyến cách mạng, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản. Chủ nghĩa yêu nước đó xa lạ với chủ nghĩa yêu nước bài ngoại, kỳ thị chủng tộc của phong kiến và tư sản, vì nó kết hợp tài tình lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc ta với lợi ích của các lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc trên thế giới.

Báo chí cách mạng cổ vũ tinh thần yêu nước hiện đại đó một cách say sưa, nhưng cũng có lúc vì nhận thức không rõ, sợ nói yêu nước là không ranh giới với chủ nghĩa quốc gia tư sản, cho nên giáo dục truyền thống yêu nước bị coi nhẹ. Các anh hùng cứu nước trong lịch sử dân tộc không được kỷ niệm trên trang báo suốt từ năm 1930 đến năm 1939, tuy vẫn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, một mục tiêu chiến lược của cách mạng nước ta. Đó cũng là một nhược điểm trong việc đoàn kết, tổ chức mọi nhân nhân tố chống kẻ thù và cũng có lúc kẻ thù lợi dụng nhược điểm đó để lừa gạt quần chúng.

5. Những chiến công to lớn, thành tích vẻ vang và trưởng thành nhanh chóng của báo chí cách mạng là nhờ có:

a) Đường lối chiến lược, phương pháp cách mạng và cả những chủ trương đấu tranh cụ thể do Đảng Cộng sản đề ra là đúng đắn và sáng tạo, chỉ đạo mọi công tác của Đảng, trong đó có lĩnh vực tuyên truyền, báo chí. Báo chí đã bám sát sự lãnh

đạo của Đảng, phối hợp đấu tranh trên báo chí với các hình thức và phương pháp đấu tranh khác, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng.

Đảng có những chỉ thị, nghị quyết riêng về báo chí, đánh giá tình hình, phân tích ưu điểm và khuyết điểm, chỉ ra nhiệm vụ cụ thể cho báo chí hoạt động trong mỗi bước đi.

b) Các đồng chí lãnh đạo chủ yếu của Đảng rất quan tâm đến báo chí, trực tiếp quyết định ra báo, viết bài và sửa bài, tổ chức in và phát hành. Tấm gương của Hồ Chí Minh đối với báo chí được các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Trường Chinh v.v. ra sức học tập và đều là những cây bút xuất sắc của báo chí cách mạng.

Đó là một trong những nhân tố bảo đảm cho báo chí giữ vững tính Đảng và chất lượng của các bài vở, nhất là những bài mang tư tưởng chỉ đạo, vạch rõ phương châm, đường lối hành động, đồng thời cũng cổ vũ, tổ chức, bồi dưỡng cho các cán bộ tham gia làm báo.

c) Báo chí cách mạng được toàn thể đảng viên và quần chúng ủng hộ. Từ việc các cơ sở cách mạng hết sức đùm bọc, giữ bí mật, nuôi cán bộ viết báo, đến việc tìm mua phương tiện in báo, tổ chức cất dấu, phát hành, sẵn sàng chủ động đối phó khi địch phát hiện, không làm lộ bí mật báo chí của ta.

Các cán bộ và quần chúng còn đóng góp vào việc cung cấp tin tức, tình hình, vận động người đọc báo, góp tiền mua báo, ủng hộ báo... làm mọi việc để cho tờ báo sống, gắn bó với phong trào từ nội dung đến hình thức, đáp ứng đúng những suy nghĩ về yêu cầu của quần chúng. Quần chúng mong đợi báo sớm về, đem lại những điều mới mẻ, bổ ích mà cuộc sống không thể thiếu được.

d) Sự cố gắng phấn đấu và trưởng thành của những cán bộ làm báo, dù là kiêm nhiệm, nửa chuyên nghiệp hay chuyên nghiệp. Họ lo lắng cho tờ báo làm sao ngày càng phục vụ tốt hơn, bài viết hay hơn, trình bày đẹp hơn, có nhiều thể loại cho sức hấp dẫn ngày càng tăng. Mặc dù không được học hỏi về chuyên môn, ngay cả tài

liệu tham khảo, học tập ở nước ngoài hầu như không có. Nhưng qua thực tiễn công tác, tự rút kinh nghiệm để cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng. Họ là những chiến sĩ cách mạng tham gia làm báo, nên một lòng một dạ phục vụ nhân dân, chịu đựng gian khổ, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp báo chí cách mạng, do đó giàu sáng kiến, sẵn sang đảm nhiệm mọi khâu trong quá trình hình thành tờ báo cho đến tay người đọc. Họ không có tổ chức nhà báo, nhưng ai cũng đều có tổ chức, trong chi bộ đảng, trong đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội văn hóa, v.v.. Đó là trường học chính trị để bồi dưỡng, nâng cao trình độ và lập trường, quan điểm cho họ và thông qua họ mà nâng cao chất lượng tờ báo.

20 năm đầu của lịch sử báo chí cách mạng thật là phong phú. Nó để lại một di sản truyền thống chiến đấu, một nghiệp vụ báo chí vô sản, một lực lượng cán bộ làm báo vô cùng quý báu cho thế hệ báo chí sau khi giành được chính quyền năm 1945.

1.Anbe Xarô: Việc khai thác các thuộc địa Pháp, Ed Payot et Compagnie, Pari, 1923, tr.463 (tiếng Pháp).

2. Sắc lệnh ngày 25-5-1881 của Tổng thống Pháp ký quy định người Việt cư trú ở Nam Kỳ được hưởng mọi quyền công dân như người Pháp trên đất Pháp.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr. 404.

4. Đây là nói tới măng sét một số tờ báo gốc, biết được qua bản chụp. Còn những tờ khác, măng sét có thay đổi không thì chưa rõ, vì không có bản chụp, chỉ biết nội dung các bài qua bản dịch ra chữ Pháp của cơ quan mật thám Pháp hoặc dịch lại từ tiếng Pháp sang tiếng Anh của người nghiên cứu và luận án khoa học.

5. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr.373.

6. Báo Thanh niên ra số cuối cùng là số bao nhiêu, ngày, tháng, năm nào, đến nay chưa được xác định rõ. Huỳnh Kim Khánh viết trong sách: Chủ nghĩa cộng sản Việt Nam: giai đoạn trước khi giành chính quyền (1925-1945), Canađa, 1972

(tiếng Anh) cho rằng báo Thanh niên ra được tất cả 208 số, tính đến tháng 5-1930 (tháng 5, được tác giả đánh dấu hỏi, đặt trong ngoặc đơn, trang 70, có ý là còn ngờ vực). Ở đây có sự không hợp lý và mâu thuẫn, ở trang 83 viết: đã giải thể tổ chức Hội Thanh niên. Tổ chức không còn mà báo lại vẫn xuất bản?

Một tuần báo xuất bản ở Hà Nội mới đây viết: báo Thanh niên xuất bản đến ngày 14-2-1930. Điều này chưa rõ.

Ở Aixăng Prôvăngxơ, trong kho lưu trữ của Pháp, có bản dịch ra chữ Pháp đến số 197, ngày 25-11-1929, không có văn bản nào nói đây là số cuối cùng hay còn tiếp tục xuất bản đến bao giờ.

7. Báo *Thanh niên*, số 63, ngày 3-10-1926.

8. Báo *Thanh niên*, số 2, ngày 28-6-1925.

9. Báo *Thanh niên*, số 66, ngày 24-4-1926.

10,11,12. Báo *Thanh niên*, số 67, ngày 31-10-1926.

13. Cụ Nguyễn Văn Hoan, lão thành cách mạng, tìm ra năm 1958, từ kho hồ sơ của Pháp.

14. Ở đây là bản in lại toàn văn bài báo, toàn bộ trang nhất và tiếp ở trang sau. Để tôn trọng tính lịch sử, chúng tôi in nguyên văn, chỉ đổi những chữ k, f, z thành c, ph, d; những chữ viết tắt thì viết rõ (ví dụ: KS = cộng sản…); về chính tả; dam (cầm), sửa lại là giam.

15. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr. 155-156.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.1, tr. 12-13.

17. Nhiều sách báo viết, các nhà tù chính trị, tù cộng sản ở các nước có viết sách, làm thơ, nhưng hầu như không làm báo, tạp chí là không đúng. Ở Việt Nam, một số nhà tù đã chủ trương làm báo chí từ những năm 1932 – 1933. Năm 1935, theo một số tài liệu ở nước ngoài, ở Bồ Đào Nha cũng xuất bản báo trong tù của người cộng sản.

18. Đại biểu Quốc tế là Nguyễn Ái Quốc, "đại biểu của đại biểu Quốc tế" là bốn đại biểu dự hội nghị hợp nhất: Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Thiệu, Châu Văn Liêm, Nguyễn Đức Cảnh (viết theo "Báo cáo tường thuật về hội nghị hợp nhất ở Hương Cảng năm 1930" của Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Thiệu gửi đồng chí Trường Chinh, ngày 17-11-1959).

19. Bảo tàng cách mạng Việt Nam lưu được các bản gốc bằng chữ quốc ngữ và chữ nôm, cùng bản dịch chữ Pháp từ kho hồ sơ của Pháp, do cụ Nguyễn Văn Hoan tìm ra từ năm 1958.

20. Báo *Con đường chính* được viết theo bài nói chuyện của Trường Chinh nhân dịp thăm cơ quan *Tạp chí Học tập* ngày 29-12-1959, và hồi ký của đồng chí Đặng Việt Châu, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (chưa xuất bản).

21. Kể cả các nhà tù đày ở Đông Dương và Inini, nhà tù trên đất Guyan thuộc Pháp (Guyane francaise) ở Nam Mỹ, *Tạp chí Đông phương*, số 4, ngày 1-4-1939.

22. Báo *Bạn dân*, số 19, ngày 8-9-1937.

23. Điều 2: không được công bố các tờ báo hay ấn phẩm định kỳ ở Đông Dương bằng chữ Việt Nam, Trung Quốc hay bất cứ một thứ tiếng nước ngoài nào khác nếu không có nghị định của Toàn quyền, sau khi đã hỏi ý kiến bộ phận thường trực của Thượng Hội đồng Đông Dương.

24. Xem Báo *Tin tức*, số 11, từ ngày 18 đến ngày 25-6-1938.

25. Vấn đề này sẽ được trình bày rõ trong mục "Báo chí cách mạng" ở dưới.

26. ARIP là chữ đầu của cụm từ *Agene radiotélégraphique de l'Indochine et du pacifique* (Hãng Vô tuyến truyền thanh Đông Dương và Thái Bình Dương).

27. Xem *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*, Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1978, t.1, tr. 56-57.

28. Nay là số 16b, phố Đường Thành, Hà Nội.

29. Viết tắt của Cerele Sportif ânnmite = Câu lạc bộ thể dục, hiện nay là Câu lạc bộ quân đội, đường Hoàng Diệu.

30. Hiện nay là số 48, phố Quán Sứ, Hà Nội.

31. *Thời thế* lúc này chưa phải là báo cách mạng.

32. Sau Trần Văn Hiển bị mật thám Pháp bắt, đầu hàng và khai báo.

33. Nhà văn Thiếu Sơn về sau tiến bộ, có tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

34. Báo Ngày nay, số 5, ngày 2-6-1945.

35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 7, tr.60.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 7, tr.126.

37. Xin đọc đoạn Bác Hồ kể chuyện làm báo Việt Nam độc lập, trong bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ II của Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 16-4-1959.

38. Có những số in nhầm: số 118, ngày 10-2-1942, lại có số 118 ngày 11-2-1942. Số 153 đáng lẽ ngày 21-2-1943, in nhầm là ngày 11-2-1943, trùng với số 152; số 166 đáng lẽ là ngày 21-7-1942, in nhầm là ngày 1-8-1943, trùng với số 170; 179 ngày 1-11-1943, đến số 180 viết ngày 10-10-1943 và số 181, ngày 20-10-1943 là nhầm. Có thể là ngày 10 và 20-11 hay ngày 11 và 21-11-1943 thì đúng.

39. Về sau, báo thêm chữ *Tuyên truyền*, thành: Cơ quan tuyên truyền cổ động của Việt Nam độc lập đồng minh.

40. Báo *Cờ giải phóng* trong thời kỳ xuất bản công khai ở Hà Nội vẫn do Tổng Bí thư Trương Chinh trực tiếp chỉ đạo, ra đến số 33, ngày 18-11-1945 với danh nghĩa "Cơ quan tuyên truyền cổ động trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương". Đến khi Trung ương quyết định Đảng chuyển vào hoạt động bí mật, ra tuyên bố "tự giải tán", thì *Cờ giải phóng* ngừng xuất bản. Ngày 5-12-1945, *Sự thật* ra số 1, là "cơ quan của Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương" thay thế.

CHƯƠNG II

BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM THỜI KỲ 1945 - 1954

I- BỐI CẢNH LỊCH SỬ THỜI KỲ 1945 - 1954

1. Những sự kiện lớn trên thế giới ảnh hưởng đến sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam

Lịch sử nhân loại trong những năm 1945 đến 1954 là một thời kỳ sôi động với nhiều sự kiện to lớn và những diễn biến mới mẻ, tạo nên sự thay đổi đặc biệt về chính trị, có ảnh hưởng to lớn đến công cuộc kháng chiến, kiến quốc của nhân dân nói chung và sự phát triển của nền báo chí cách mạng Việt Nam nói riêng.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc thực sự trở thành một bài học thức tỉnh cả nhân loại về sự cần thiết ngăn chặn những cuộc chém giết tàn bạo, đồng thời cũng trở thành một điểm mốc đánh dấu một giai đoạn phát triển mới trong lịch sự loài người. Từ ngày 1-9-1939, khi phát xít Đức tấn công Ba Lan đến ngày 2-9-1945, phát xít Nhật ký văn kiện đầu hàng vô điều kiện, Chiến tranh thế giới thứ hai kéo dài vừa 6 năm. 72 quốc gia trên thế giới đã huy động hơn 110 triệu người vào cuộc chiến tranh. Bom, đạn, xe tăng đã tàn phá hàng nghàn thành phố làng mạc. Hơn 50 triệu người kể cả lực lượng vũ trang và thường dân đã chết, trong đó có 20 triệu người Liên Xô. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc cũng đồng thời kết liễu chủ nghĩa phát xít - nguyên nhân dẫn đến những hành động tàn sát dã man, đe dọa cuộc sống hòa bình của nhiều quốc gia, dân tộc. Sự kết thúc của chiến tranh thế giới thứ hai đồng thời tạo ra cơ hội cho các quốc gia dân tộc bị áp bức trong đó có Việt Nam, vùng lên đấu tranh đánh đổ kẻ thù xâm lược, giành tự do, độc lập.

Ở khu vực châu Âu, một loạt nước như Bungari, Hunggari, Tiệp Khắc, Ba Lan, Rumani, Nam Tư, sau khi giải phóng khỏi ách chiếm đóng của phát xít Đức đã đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời (1-10-1949), thế giới đã hình thành một hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. Sự ra đời hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa dẫn tới sự hình

thành một thế giới gồm hai phe đối lập nhau. Sự hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa cùng những thành tựu mà nó đạt được, đặc biệt là để giải quyết các vấn đề xã hội đã tạo ra chỗ dựa về tinh thần và lực lượng cho các dân tộc bị áp bức vùng lên giải phóng khỏi ách thống trị, cho nhân dân lao động tại các nước đế quốc tư bản chủ nghĩa đấu tranh giành lấy quyền lợi chân chính của mình. Ở các nước châu Á như Lào, Campuchia, Inđônêxia, Mianma, Philíppin, Malaixia, Ấn Độ, Xiri, Li băng v.v. nhân dân đứng lên đấu tranh chống bọn thực dân đế quốc phương Tây, đòi độc lập. Cuộc đấu tranh giải phóng cũng bùng lên ở Angiêri, Mađagatxca và nhiều nước ở châu Phi, Mỹ La tinh. Quy mô của các cuộc đấu tranh giải phóng ngày càng rộng và tính chất cũng ngày càng quyết liệt ở nhiều nước, Đảng Cộng sản đã giữ vai trò lãnh đạo, tạo ra sức mạnh mới của phong trào. Toàn bộ hệ thống thuộc địa trên thế giới bị rung động và tan rã từng mảng. Lực lượng của các nước đế quốc thực dân bị suy yếu, dàn mỏng.

Ở châu Âu, nền kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa bị tàn phá, nhân dân bị bóc lột nặng nề, cuộc sống của các tầng lớp lao động càng thêm khó khăn. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản trong giai đoạn này tuy chưa mạnh mẽ và liên tục nhưng đã có sự phát triển mới với sự gắn bó giữa mục tiêu kinh tế, dân sinh với tự do và các đòi hỏi dân chủ.

Mặc dù tiêu tốn 270 tỷ USD và 350 000 người chết trong Chiến tranh thế giới thứ hai nhưng nước Mỹ không hề bị tàn phá và các tập đoàn tư bản Mỹ lại giàu lên do buôn bán vũ khí. Với vũ khí hạt nhân và một nền kinh tế mạnh, Mỹ ráo riết thực hiện âm mưu bá chủ thế giới. Một mặt, Mỹ nhảy vào chiếm đóng hoặc khống chế một số vị trí chiến lược trên bản đồ chính trị thế giới, đưa ra kế hoạch Marshall, thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc. Chính trong khuôn khổ chiến lược đó, từ năm 1950, Mỹ bắt đầu can thiệp trực tiếp vào Việt Nam thông qua việc hoạch định kế hoạch chiến tranh, cung cấp tiền và vũ khí cho quân đội thực dân Pháp.

Nước Pháp ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai với tình hình chính trị rối ren, nền kinh tế suy yếu lại phải cùng một lúc đối phó với phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương, Xi ri, Libăng, Angiêri, Mađagatxca v.v... Tuy nhiên, bọn thực dân phản động Pháp vẫn nung nấu âm mưu và tìm cách quay trở lại xâm lược Đông Dương một lần nữa nhằm giành lại quyền lợi kinh tế bị mất và vơ vét của cải, tài nguyên phục vụ cho việc khôi phục kinh tế chính quốc.

Nhìn một cách tổng thể, đặc điểm nổi bật đầu tiên của tình hình quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1954 là ba dòng thác cách mạng có bước phát triển mới. Lực lượng cách mạng xã hội chủ nghĩa đã hình thành một phe lớn mạnh. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc bùng lên khắp các châu lục, làm rung chuyển toàn bộ hệ thống thuộc địa. Ngay trong lòng các nước đế quốc, phong trào đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế, dân sinh, dân chủ cũng phát triển mạnh và thúc đẩy những cải biến xã hội quan trọng.

Đặc điểm thứ hai của tình hình quốc tế thời kỳ này là thế giới bắt đầu bước vào cuộc chiến tranh lạnh với sự đối đầu, giằng co giữa hai phe. Các lực lượng đế quốc phản động do Mỹ cầm đầu buộc phải co cụm lại, dựng nên các rào chắn trọng yếu để ngăn chặn làn sóng cách mạng tiến bộ đang dâng cao. Phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, hình thành một hệ thống thế giới, trở thành chỗ dựa về tinh thần và sức mạnh cho cuộc đấu tranh của nhân dân lao động ở các nước đế quốc và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Sự đối đầu giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa trở thành một đặc điểm nổi bật, ảnh hưởng đến toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại trong phần còn lại của thế kỷ XX.

2. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và công cuộc bảo vệ nền độc lập những năm 1945 – 1946

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam, tạo ra những tiền đề quyết định cho sự nghiệp giành độc lập, tự do cho dân tộc, thống nhất hoàn toàn và xây dựng đất nước theo con đường xã

hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện từ hoạt động bí mật đã trở thành Đảng cầm quyền, giữ vững và không ngừng phát huy vai trò lãnh đạo trong xã hội, được các tầng lớp nhân dân tin yêu và ủng hộ. Lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc của nhân dân đã được cổ vũ, trở thành một nguồn lực mạnh mẽ trong công cuộc giữ vững các thành quả cách mạng, đấu tranh chống kẻ thù xâm lược.

Tuy nhiên, bối cảnh chính trị-xã hội sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cũng đặt chính quyền nhân dân non trẻ trước những thử thách vô cùng khó khăn. Cùng một lúc, ba thứ giặc giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm đe dọa nền độc lập mà dân tộc ta vừa giành được.

Cùng với nạn đói, nạn dốt là sự bao vây, chống phá của thù trong, giặc ngoài. Ở miền Bắc, gần 20 vạn quân ô hợp của Tưởng Giới Thạch dưới danh nghĩa quân Đồng minh tràn vào để tước vũ khí quân đội Nhật. Tuy nhiên, mục tiêu chính của đội quân này là: Tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, giúp bọn phản động Việt Nam đánh đổ chính quyền nhân dân, để lập một chính phủ phản động làm tay sai cho chúng[1]. Những tổ chức phản động người Việt lưu vong ở Trung Quốc, tập hợp trong các tổ chức "Việt Nam Quốc dân Đảng" do Võ Hồng Khanh cầm đầu và "Việt Nam cách mạng đồng chí hội" do Nguyễn Tường Tam cầm đầu, theo chân đội quân của Tưởng Giới Thạch kéo về nước. Dưới ô che của quân Tưởng, bọn chúng chiếm giữ và lập ra chính quyền ở một vài địa phương, tuyên truyền lôi kéo nhân dân, chống phá cách mạng, cướp bóc khủng bố gây rối trật tự xã hội. Ở phía Nam, quân Anh kéo vào với danh nghĩa lực lượng Đồng minh giải phóng quân đội Nhật. Thực chất, bọn đế quốc thực dân Anh và Pháp đã cấu kết với nhau để đàn áp cách mạng Đông Dương nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của chúng trong hệ thống thuộc địa đang tan rã. Ngày 23-9-1945, dưới sự trợ giúp của quân Anh và quân Nhật, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định hòng một lần nữa thiết lập sự thống trị ở Đông Dương.

Vận mệnh cách mạng và nền độc lập dân tộc ở trong thế "ngàn cân treo sợi tóc". Thù trong giặc ngoài cấu kết phá hoại cùng với nạn đói, nạn dốt và sự suy kiệt về kinh tế đã đặt ra trước chính quyền cách mạng những khó khăn, thử thách to lớn và khắc nghiệt. Trong tình hình ấy, Đảng và Bác Hồ đã vững tay chèo lái, khôn khéo đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vươn lên.

Ngày 18-2-1946, Tưởng và Pháp ký kết Hiệp ước Hoa - Pháp, thỏa thuận để quân đội Pháp nhảy vào miền Bắc thay thế quân Tưởng "giữ trật tự" theo "hiệp ước quốc tế". Cách mạng đã chuyển sang một tình thế mới, đặt chúng ta trước một sự lựa chọn: hòa hay chiến trong điều kiện cả thế và lực đều bất lợi. Ngày 3-3-1946, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Tình hình và chủ trương",* khẳng định sách lược mới "Hòa để tiến". Sách lược mới cho phép ta có thời gian để tiếp tục củng cố chính quyền và thành quả cách mạng, tăng thêm tiềm lực toàn diện, sớm gạt bỏ quân Tưởng và loại từ bọn tay sai phản động của chúng bằng cuộc đấu tranh kiên quyết với sách lược khôn ngoan, chúng ta đã buộc thực dân Pháp phải thương lượng với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đã đến ký kết Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946.

Khi ký Hiệp định Sơ bộ, phía Pháp đã công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội riêng và nằm trong khối liên hiệp Pháp. Tuy nhiên, thực dân Pháp vẫn chủ mưu khiêu khích, lấn tới, kiếm chuyện để lật đổ chính quyền nhân dân, dựng bọn bù nhìn lên thay. Cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền sau Hiệp định Sơ bộ càng thở lên khó khăn, phức tạp hơn. Ngày 25-6-1946, thực dân Pháp đem quân chiếm đóng Phủ toàn quyền cũ ở Hà Nội. Ngày 14-7-1949, nhân Quốc khánh nước Pháp, thực dân Pháp âm mưu làm đảo chính lật đổ chính phủ ta để lập chính phủ bù nhìn "Nam Kỳ tự trị" v.v... Càng ngày, dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa của thực dân Pháp càng lộ rõ. Vừa đấu tranh kiên quyết khôn khéo và nhân nhượng có nguyên tắc, vừa bảo toàn và tăng cường xây dựng lực lượng, Đảng đã lãnh đạo nhân dân giữ vững chính

quyền cách mạng trong 16 tháng (từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946). Khi không thể nhân nhượng hơn nữa, Đảng đã chủ động phát động nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến để giành tự do, độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc thần thánh của dân tộc Việt Nam chống đế quốc xâm lược Pháp bùng nổ, Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta kiên trì mục tiêu cách mạng, luôn đấu tranh vì hòa bình, công lý, độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ đã hết lòng, hết sức thương lượng với quân Pháp để tránh một cuộc chiến tranh. Nhưng mọi nẻo đường đi đến hòa bình đã bị thực dân Pháp cắt đứt vì chúng quyết cướp nước ta một lần nữa. Nhân dân Việt Nam không có sự lựa chọn nào khác ngoài con đường cầm vũ khí đứng lên kháng chiến. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh vang dội núi sông, như hồi kèn xung trận, thúc giục cả dân tộc đứng lên bước vào cuộc chiến đấu mới: "Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước"[2].

3. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Ngay từ những ngày đầu, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự kiến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược sẽ diễn ra theo ba giai đoạn: cầm cự, phòng ngự và phản công. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng (2-1951) quan điểm này được nhắc lại một lần nữa. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội, Hồ Chủ tịch khẳng định: "Đảng và Chính phủ ta đã nhận định cuộc kháng chiến có ba giai đoạn:

- *Giai đoạn thứ nhất,* thì ta cốt giữ vững và phát triển chủ lực. Giai đoạn này từ ngày 23-9-1945 đến hết chiến dịch Việt Bắc, Thu - Đông 1947.
- *Giai đoạn thứ hai,* thì ta tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công. Giai đoạn này từ sau chiến dịch Việt Bắc đến nay.
- *Giai đoạn thứ ba,* là tổng phản công"[3].

Việc dự kiến các giai đoạn của cuộc kháng chiến dựa trên những điều kiện cụ thể và tương quan lực lượng giữa ta và địch. Đây cũng đồng thời là sự chủ định và quyết tâm chiến lược của Đảng và Chính phủ ta. Những diễn biến trên thực tế của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đã chứng minh cho sự đúng đắn, chính xác của quan điểm trên.

Giai đoạn thứ nhất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là giai đoạn kết hợp giữa cuộc chiến đấu chống xâm lược ở miền Nam với công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng trên cả nước, tiến tới phát động kháng chiến toàn quốc, đánh thắng chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp. Giai đoạn này mở đầu bằng sự kiện đêm 22, rạng ngày 23-9-1945, 4.000 lính Pháp và Pháp kiều có vũ trang với sự tiếp tay của quân Anh - Ấn đã nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Trong tình trạng chính quyền cách mạng vừa được hình thành, cả hai đầu đất nước đều có kẻ thù xâm lược, thế và lực cách mạng còn yếu, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương kìm chân địch ở phía Nam, hòa hoãn để đẩy quân Tưởng về nước, tận dụng mọi thời cơ củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng cách mạng.

Sài Gòn - Gia Định đi trước cả nước quật khởi đứng lên, chặn đánh từng bước tiến của quân Pháp. Cả nước chi viện cho Nam Bộ kháng chiến. Ngay trong đêm 26-9-1945 chi đội Giải phóng quân đầu tiên lên đường Nam tiến. Những trận đánh liên tiếp xảy ra ngay trên từng cây cầu, góc phố của Sài Gòn, tạo thành thế bao vây quân Pháp trong thành phố. Phải một tháng sau, ngày 23-10-1945 quân địch tăng

cường viện binh với lực lượng thiết giáp mới phá vỡ vòng vây xung quanh Sài Gòn.

Ở Nam Trung Bộ, ngày 22-10, quân Pháp đổ bộ lên Nha Trang bị quân ta chống cự mãnh liệt và bao vây. Cuối tháng 1-1946, sau khi chiếm được Buôn Ma Thuật, địch tập trung lực lượng từ phía nam đánh ra, Tây Nguyên đánh xuống và từ biển đánh vào, lực lượng của ta mới rút về Phú Yên. Ở phía Bắc, trong tình hình vô cùng khó khăn, phức tạp, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khôn khéo lãnh đạo cách mạng, hòa hoãn để tiến tới loại bỏ quân Tưởng, bảo vệ chính quyền nhân dân, phát triển sản xuất, mở mang văn hóa – giáo dục, củng cố khối đoàn kết toàn dân, nâng dần thế và lực của cách mạng. Với quân đội Pháp, chúng ta luôn có thái độ xây dựng, tìm mọi cách để duy trì hòa bình, tránh nổ ra chiến tranh. Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 ký tại Hà Nội mở đường cho quân Tưởng rút về nước. Quân Pháp tạm thời vào miền Bắc thay quân Tưởng và sẽ rút dần trong 5 năm ra khỏi Việt Nam.

Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, quân Pháp không từ một thủ đoạn nào để mở rộng phạm vi chiếm đóng, khiêu khích và tiêu diệt lực lượng của ta. Chính dã tâm xâm lược của thực dân Pháp đã đẩy tới sự kiện 19-12, buộc nhân dân ta phải đứng lên cầm súng chiến đấu. Sau hai tháng chiến đấu quyết tử, bộ đội ta rút khỏi Hà Nội. Toàn bộ các cơ quan trung ương cùng lực lượng vũ trang của ta rút dần lên Việt Bắc, xây dựng chiến khu làm căn cứ để xây dựng lực lượng chuẩn bị thời cơ giải phóng hoàn toàn đất nước.

Giai đoạn thứ hai của cuộc kháng chiến chống Pháp từ đầu năm 1948 đến chiến thắng Biên giới, Thu - Đông 1950. Đây là giai đoạn ta dần dần nắm thế chủ động, đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, phát triển chiến tranh du kích kết hợp với những đòn đánh của quân chủ lực, làm thất bại âm mưu "dùng người Việt trị người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của thực dân Pháp.

Sau thất bại ở Việt Bắc, Thu - Đông 1947, thực dân Pháp gặp nhiều khó khăn vì trong nước khủng hoảng kéo dài, chiến trường dàn mỏng do thiếu quân số, tinh

thần binh lính sa sút. Để tiếp tục chiến tranh, quân Pháp buộc phải chuyển từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh kéo dài" và thực hiện chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt". Chỉ riêng năm 1948, Pháp tuyển thêm 55.000 quân ngụy. Chúng tập trung mở hàng loạt cuộc càn quét quy mô nhỏ, thực hiện việc bình định ở miền Nam, miền Trung và đồng bằng Bắc Bộ.

Sau Hội nghị Ban Chấp hành Tlung ương Đảng tháng 1-1948, ta phát triển mạnh chiến tranh du kích trong vùng địch hậu, "biến hậu phương địch thành tiền phương ta". Nhiều nơi trong vùng địch hậu, nhân dân lập làng chiến đấu, xây dựng căn cứ du kích. Nhiều gương chiến đấu dũng cảm, hy sinh oanh liệt xuất hiện như Võ Thị Sáu, Mạc Thị Bưởi, Anh hùng Núp… Phong trào ác liệt, phá tề nổi rầm rộ ở ngay những trung tâm quan trọng như Hà Nội, Hải Phòng. Trong những năm 1949, 1950, chiến tranh du kích của ta càng phát triển sâu rộng với sự hỗ trợ hay phối hợp chiến đấu của bộ đội địa phương và các phân đội quân chủ lực làm cho địch mất ăn, mất ngủ.

Tháng 1-1949, Trung ương Đảng họp Hội nghị Cán bộ trung ương lần thứ sáu. Hội nghị phân tích những điều kiện thuận lợi của ta, đánh giá sự thay đổi về so sánh lực lượng giữa ta và địch, trong đó chỉ võ: "Chiến lược của địch sẽ nặng dần về mặt phòng ngự" và nhận định khả năng đế quốc Mỹ sẽ nhảy vào can thiệp trực tiếp. Phương châm chiến lược được Hội nghị đưa ra là "tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công".

Ngày 21-5-1950, Trung ương Đông triệu tập Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, Hội nghị xác định: "phải nhân đà tiến bộ của bản thân ta, dựa vào sự giúp đỡ của các lực lượng bạn, lợi dụng sự lúng túng của địch, trước mưu mô của đế quốc Mỹ - Anh mà gấp rút hoàn thiện nhiệm vụ chuyển mạnh sang tổng phản công năm 1950 này[4].

Ngày 16-9-1950, trận tiến công cứ điểm Đông Khê bắt đầu mở màn cho chiến dịch Biên giới. Mục đích của chiến dịch là tiêu diệt một phần sinh lực địch, giải phóng

một phần biên giới, mở đường giao thông với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Sau 29 ngày đêm chiến đấu bộ đội ta kết thúc thắng lợi chiến dịch Biên giới, diệt và bắt sống 8.300 tên địch, thu hơn 300 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh, xóa sạch Liên khu biên giới Đông Bắc của quân Pháp.

Chiến thắng Biên giới giáng cho địch đòn nặng nề chưa từng thấy ở Đông Dương, đẩy chúng vào thế bị động, lúng túng hơn. Đối với ta, biên giới được khai thông, thế bao vây của Việt Bắc bị phá vỡ, tạo ra bước chuyển biến căn bản của cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới- giai đoạn nắm quyền chủ động trên chiến trường, chuyển hẳn sang tiến công quân địch.

Giai đoạn thứ ba của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đầu năm 1951 và kết thúc ngày 20-7-1954 - ngày ký Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam. Đây là giai đoạn ta nắm vững quyền chủ động chiến lược trên khắp các mặt trận, liên tục tiến công phá vỡ mọi nỗ lực chiến tranh cao nhất của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, tiến tới chiến thắng Điện Biên Phủ.

Sau chiến dịch Biên giới, quân Pháp rơi vào thế khó khăn, mất quyền chủ động trên chiến trường. Để cứu vãn tình thế, ngày 24-12-1950, Mỹ ký với Pháp bản hiệp ước quân sự, tăng các khoản viện trợ chiến tranh, can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến ở Đông Dương. Với sự tiếp sức của Mỹ, từ đầu năm 1951, Pháp bắt đầu thực hiện kế hoạch Đờ Lát, tập trung xây dựng lực lượng cơ động mạnh, lập tuyến phòng thủ trung du và đồng bằng Bắc Bộ, bình định vùng tạm chiếm, chuẩn bị đánh ra vùng tự do nhằm giành lại thế chủ động.

Về phía ta, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951) xác định nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là: "tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới". Cũng tại Đại hội này, Đảng đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam.

Quân chủ lực của ta ở Bắc Bộ được tập trung xây dựng thành các đại đoàn và liên tiếp mở các chiến dịch đánh vào phòng tuyến địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ như: chiến dịch Trần Hưng Đạo ở khu vực Việt Trì, Bắc Giang (12-1950 – 1-1951), chiến dịch Hoàng Hoa Thám ở Phả Lại, Uổng Bí, Mạo Khê (tháng 3 và 4-1951), chiến dịch Quang Trung tại Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình (tháng 5 và 6-195l). Chiến tranh du kích tiếp tục phát triển ở các khu vực tạm chiếm, gây khó khăn cho việc bình định gấp rút của địch.

Từ ngày 14-10 đến ngày 10-12-1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc nhằm phá vỡ thế uy hiếp của địch đối với Việt Bắc từ phía Tây, mở thông hành lang với Thượng Lào, tạo khả năng phối hợp với cách mạng nước bạn. Cũng trong thời gian chiến dịch Tây Bắc, quân ta đã đánh thắng các binh đoàn cơ động của Pháp đánh lên Phú Thọ, buộc chúng phải bỏ chạy.

Tháng 4-1953, ta phối hợp với bộ đội yêu nước Lào mở chiến dịch Thượng Lào (Sầm Nưa). Chiến dịch đã thắng lợi với việc giải phóng tỉnh Sầm Nưa và một phần tỉnh Xiêng Khoảng, tỉnh Phông Xa Lì.

Sau các chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc và Thượng Lào, cục diện chiến tranh càng có lợi cho ta. Hòng xoay chuyển tình thế, chuyển bại thành thắng, Pháp và Mỹ đâm lao đành theo lao, bắt tay thực hiện kế hoạch Nava với mục tiêu bình định Đông Dương. Để thực hiện kế hoạch này, Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự lên đến 78% toàn bộ ngân sách chiến tranh ở Đông Dương. Phía Pháp ráo riết tăng quân, bắt lính, liên tục mở các trận càn ở Bắc Bộ, Bình Trị Thiên và Nam Bộ.

Cuối tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp bàn nhiệm vụ quân sự Đông - Xuân 1953 – 1954 Bộ Chính trị nhấn mạnh phương châm "tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt", nhằm đánh địch nơi sơ hở, tiêu diệt địch khi chúng đánh vào vùng tự do và đẩy mạnh chiến tranh du kích trên khắp chiến trường để phân tán và làm suy yếu lực lượng địch.

Mở đầu Đông - Xuân 1953 - 1954 ta thực hiện 5 đòn tiến công chiến lược:

1. Đánh vào thị xã Lai Châu trung tuần tháng 12-1953, buộc địch rút lui, co cụm về Điện Biên Phủ.

2. Hạ tuần tháng 12-1953, ta phối hợp với Quân giải phóng Lào, tiến công vào Trung Lào, buộc địch phải rút về lập cụm cứ điểm tại Sênô.

3. Mở chiến dịch Hạ Lào và Đông Campuchia, giải phóng khu vực rộng lớn từ Đông Campuchia nối liền Hạ Lào, Trung Lào.

4. Trên mặt trận Tây Nguyên, cuối tháng 1, đầu tháng 2-1954, ta đánh thắng chiến dịch Átlăng của địch, buộc chúng phải co cụm về An Khê và Plâycu.

5. Tại Thượng Lào, hạ tuần tháng 1-1954, ta phối hợp với bạn Lào tiến đánh phòng tuyến Nậm Hu, truy kích địch đến gần Luông Pha Băng, buộc chúng tập trung về Luông Pha Băng và Mường Sài.

Từ tháng 12-1953, ta bắt đầu chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ - chiến dịch quyết chiến trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Trong chỉ thị gửi Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Hồ Chủ tịch chỉ rõ: "Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà về cả chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được"[5].

Ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng tiến công Điện Biên Phủ. Ngày 7-5-1954, sau 55 ngày đêm chiến đấu vô cùng dũng cảm, quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở đây trong đó có tướng Đờ Cát. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc oanh liệt chiến dịch tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.

Chiến thắng Điện Biên Phủ tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta. Ngày 8-5-1954, hội nghị về chấm dứt chiến tranh Đông Dương khai mạc phiên thứ nhất tại Giơnevơ (Thụy Sĩ). Trải qua 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp hẹp căng thẳng, ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam được ký kết. Ngày 20-7-1954 trở thành thời điểm kết thúc thắng lợi cuộc

kháng chiến oanh liệt, vĩ đại của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược, lập lại hòa bình trên miền Bắc.

II. BÁO CHÍ CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1945 - 1946

1. Tình hình hoạt động báo chí

Trong cơ cấu Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ Thông tin - Tuyên truyền luôn được coi là một trong những bộ quan trọng nhất. Người đứng đầu cơ quan này là Trần Huy Liệu - một nhà báo cách mạng nổi tiếng. Vì hiểu rõ vai trò cũng như sức mạnh của báo chí đối với môi trường chính trị nên Bộ Thông tin - Tuyên truyền đã sớm ban hành những văn bản phù hợp nhằm tổ chức, quản lý hệ thống báo chí sao cho hiệu quả nhất. Các chính sách của thời kỳ này, nói chung đều đảm bảo được các yêu cầu cơ bản:

- Tôn trọng tuyệt đối quyền tự do dân chủ của báo chí.
- Tạo điều kiện cho báo chí hoạt động tốt nhất, kể cả những tờ báo của những đảng phái chính trị đối lập.
- Báo chí hoạt động phải xuất phát từ lợi ích dân tộc, phải là vũ khí sắc bén bảo vệ chính quyền nhân dân.
- Khi cần thiết báo chí phải đoàn kết chống kẻ thù chung.
- Mở rộng hệ thống báo chí địa phương để báo chí ngày càng gần gũi với quần chúng nhân dân.

Chi phối xã hội mạnh mẽ nhất vào những năm 1945 – 1946 là các tờ báo cách mạng sau:

- *Cờ giải phóng* (10-10-1942 - 18-11-1945) - cơ quan của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.
- *Sự thật* (5-12-1945) cơ quan của Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác.
- *Cứu quốc* (25-1-1942) - cơ quan của Tổng bộ Việt Minh.
- *Đài tiếng nói Việt Nam:* 7-9-1945 (phủ sóng toàn quốc).

- *Thông tấn xã Việt Nam:* 15-9-1945 (có hai bản tin tiếng Pháp và tiếng Anh là Bulletin Quotidien; Daily Bulletin).
- Tạp chí *Tiền phong* (10-11-1945) - Cơ quan của Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam.
- *Lao động* (20-7-1946) - Cơ quan của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- *Sao vàng* (30-5-1946) - Cơ quan của Chính trị cục (trực thuộc Quân sự uỷ viên hội).
- *Kèn gọi lính* (1945) - Cơ quan của Uỷ ban kháng chiến hành chính Nam Bộ.

Nếu như thời thuộc Pháp, báo chí chủ yếu tập trung tại các đô thị lớn như Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, thì dưới chế độ ta, Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng đến hệ thống báo chí cách mạng cấp tỉnh, cấp huyện, phục vụ đối tượng chính là nông dân, quân đội. Tuy nhiên, vì thời gian tiến hành quá ngắn ngủi, nên sự mở rộng này mới chỉ kịp thực hiện ở các địa phương thuộc đồng bằng, trung du. Đó là các địa bàn có vị trí chiến lược về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa như Sơn Tây, Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên - Huế và vùng tự do thuộc các tỉnh gần Sài Gòn như Đồng Nai, Cần Thơ, Bến Tre, Mỹ Tho. Đối với các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa như Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, phải từ giữa năm 1947 trở đi báo chí địa phương mới được quan tâm phát triển. Vì nhiều lý do lịch sử khác nhau, trong năm đầu độc lập, báo chí cách mạng nước ta chủ yếu tập trung tại Bắc Bộ với khoảng 100 tờ (so với Trung Bộ và Nam Bộ mỗi nơi có xấp xỉ 30 tờ). 1/3 trong số này là báo chí yêu nước của tư nhân hoặc của các tổ chức xã hội không thuộc đảng phái chính trị nào. Có thể nói, khác với trước, báo chí yêu nước thời kỳ này có trình độ giác ngộ rất cao. Khi người Pháp chiếm được Sài Gòn, Hà Nội, một số tờ tuy vẫn ở lại các vùng đô thị, nhưng về cơ bản vẫn giữ vững quan điểm, chính kiến của mình trước sự hăm dọa, mua chuộc của kẻ thù. Hàng chục tờ báo yêu nước tại Sài Gòn đã đoàn kết nhau lại trong một mặt trận, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ

uỷ Nam Kỳ, đấu tranh vì sự nghiệp thống nhất đất nước, ủng hộ chính phủ kháng chiến. Nhiều chủ báo tại Hà Nội thời tạm chiếm đã bí mật quyên góp tiền bạc, thuốc men gửi lên chiến khu. Họ thường xuyên dùng tờ báo của mình tố cáo âm mưu, thủ đoạn, tội ác của kẻ thù, ca tụng đường lối kháng chiến kiến quốc của chính quyền Việt Minh. Khi có điều kiện là họ lên rừng tham gia lực lượng cách mạng. Chính vì lý do này, chúng ta có thể coi báo chí yêu nước giai đoạn 1945 - 1954 là bộ phận của báo chí cách mạng, là báo chí cách mạng.

Trong hai năm 1945 - 1946, tại Nam Bộ có một số tờ báo cách mạng chính: *Hy sinh* (Bến Tre), *Kháng chiến* (Gò Công), *Chiến đấu* (Vĩnh Long), *Miên – Việt* (Trà Vinh), *Cảm tử* (sau đổi thành *Vệ quốc,* phát hành tại chiến khu miền Đông) v.v.. Trong số các tờ báo cách mạng của Nam Bộ, đáng chú ý là tờ *Kèn gọi lính.* Đây là cơ quan ngôn luận của Uỷ ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, có số lượng in hơn 3 bạn bản, được người đọc hết sức yêu thích, coi như tờ báo *Cứu quốc* của đất phương Nam.

Sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán (1945), hệ thống báo Đảng các xứ uỷ rút vào hoạt động bí mật, thu hẹp quy mô đến mức tối đa. Cả Nam Bộ lúc này chỉ còn tờ *Thống nhất* (1945 - 1950 - cơ quan của Xứ uỷ Đảng Cộng sản Đông Dương) là hoạt động mạnh mẽ nhất. Nhiều người trước làm cho báo Đảng giờ chuyển sang báo của Mặt trận Việt Minh, báo của Uỷ ban kháng chiến hành chính hoặc làm công tác khác. Từ thời điểm này, báo của Mặt trận Việt Minh, của Uỷ ban kháng chiến hành chính Nam Bộ cũng có thể được con là báo Đảng. Một số nhà báo là đảng viên lên Sài Gòn tham gia viết cho các tờ báo của lực lượng báo chí thống nhất Nam Bộ đã dần dần biến hệ thống báo yêu nước thành báo chí cách mạng hoặc tiến xa hơn thành báo Đarng. Từ cuối năm 1945 trở đi, trong các nhà tù thực dân Nam Bộ, báo chí cách mạng trong tù tiếp tục được duy trì với các tờ tiêu biểu như: *Đêm khám lớn, Tiếng tù* (Sài Gòn - 1946). Viết cho các

tờ báo này là các cây bút cách mạng, các đảng viên cộng sản bị địch giam hãm như Dương Tử Giang, Triệu Công Minh v.v..

Khác với Nam Bộ, báo chí cách mạng Trung Bộ ít tập trung tại các đô thị, các tỉnh trọng điểm mà rải đều khắp các địa phương. Hầu như tỉnh nào cũng có một vài tờ báo riêng. Nhằm tránh chồng chéo thông tin và cũng để hạn chế tối đa nhân lực, tài lực, một số địa phương gần gũi nhau đề địa giới hành chính, có hoàn cảnh kinh tế, văn hóa tương đồng còn ra chung một tờ báo. Có thể kể một số tiêu biểu như:*Dân mới* (Cơ quan tuyên truyền huấn luyện của Việt Minh Thanh - Nghệ - Tĩnh – Bình 1946), *Chiến sĩ* (Vệ quốc đoàn khu IV, 1945 - 1946),*Quyết thắng* (Việt Minh Thừa Thiên - Huế, cuối 1945) v.v.. Sự liên kết này không chỉ làm giảm gánh nặng chi phí mà còn tạo điều kiện cho mỗi tỉnh phát triển loại báo kinh tế, văn hóa - xã hội, tôn giáo như: *Tiến hóa*, *Đời sống mới* (Hội Văn hóa cứu quốc Quảng Ngãi), *Kinh tế*(Mặt trận kinh tế Huế), Tạp chí *Dân mới* (văn hóa cứu quốc liên tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh - Bình), *Giải thoát* (Cơ quan phát huy tinh thần Phật giáo và nghiên cứu áp dụng nào đời sống mới - Huế 1946) v.v.. Cũng như Nam Bộ, tại Trung Bộ (những năm 1945 - 1946), loại báo dành cho trẻ em, phụ nữ, lực lượng công an chưa được quan tâm đúng mức. Hơn một năm sống trong độc lập, báo chí cách mạng Trung Bộ được tổ chức theo bốn tầng cơ bản: báo chí cấp kỳ (xứ uỷ, kỳ bộ Việt Minh, Uỷ ban kháng chiến hành chính Trung Bộ), báo cấp liên tỉnh này còn gọi là khu, sau này nâng lên thành liên khu), báo cấp tỉnh và báo cấp thị xã (chưa có báo cấp huyện) trung ương với báo của các đơn vị quân đội (cấp trung đoàn) hay các cơ quan hành chính lớn. Báo cấp cao nhất có nhiệm vụ tổng hợp vấn đề của các tỉnh, kỳ hợp với chủ trương chung của chính quyền trung ương rồi từ đó vạch ra kế hoạch tuyên truyền cho toàn khu vực. Báo cấp kỳ lúc này đặt nặng chất lượng, xem nhẹ số lượng, chỉ có mấy tờ cơ bản như: *Đại chúng* (Liên đoàn văn hóa cứu quốc Trung Bộ), *Tổ quốc* (kỳ bộ Việt Minh Trung Bộ). Báo Đảng cấp kỳ không xuất hiện công khai mà nhường chỗ cho báo Đảng cấp thấp hơn. Dưới danh

nghĩa Mặt trận Việt minh, tỉnh uỷ nào cũng có báo riêng, tiêu biểu như: *Tranh đấu* (Bình Định), *Tin* (Đà Nẵng), *Tin tức* (Quảng Nam), *Việt Nam* (Khánh Hòa),*Tiến lên* (Nghệ An), *Tin thật* (Ninh Thuận), *Chiến thắng* (Phú Yên), *Liên minh* (Quảng Nam), *Chơn độc lập* (Quảng Ngãi), *Tin Quảng Trị*(Quảng Trị), *Quyết thắng* (Thừa Thiên – Huế) v.v.. Vì điều kiện đi lại khó khăn, phần lớn bà con dân tộc lại chưa biết chữ, cán bộ phóng viên thiếu nên báo chí cách mạng Trung Bộ chưa vươn tới được Tây Nguyên. Việc đưa tiếng nói của Đảng tới Gia Lai, Đắc Lắc, Kon Tum phải tới năm 1948 trở đi mới được tiến hành. Đây là hạn chế lớn nhất của Sở Thông tin - Tuyên truyền Trung Bộ.

Ngày 2-9-1945, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đây cũng là điểm đánh dấu sự đi lên không ngừng của báo chí cách mạng Bắc Bộ, đưa dòng báo chí này bước sang một trang mới. Như trên đã đề cập, trong năm đầu độc lập số tên các tờ báo cách mạng ở Bắc Bộ lớn gần gấp 2 lần các khu vực khác trên cả nước (100/60). Trên dưới 100 đầu báo cách mạng này thuộc mấy cấp độ chính:

- Báo chí trung ương: của Chính phủ (cấp nhà nước, cấp bộ), của Quốc hội, của Đảng, của Tổng bộ Việt Minh, của các hội đoàn thể (Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Tổng hội Sinh viên Việt Nam v.v.).
- Báo cấp tỉnh, thành.
- Báo của các cơ quan, đơn vị cơ sở.

Nhìn vào cơ cấu này có thể thấy, khác với báo chí cách mạng Nam Bộ, Trung Bộ, tại Bắc Bộ không tổ chức hệ thống báo cách mạng cấp kỳ (báo của xứ uỷ, của kỳ bộ Việt Minh) và báo cấp xã. Báo chí cách mạng cấp tỉnh tuy vẫn được duy trì nhưng cũng không được mở rộng tối đa và không phải tỉnh nào cũng có một tờ báo riêng. Chi phối đời sống báo chí lúc này tại khu vực Bắc Bộ chủ yếu là hệ thống báo chí trung ương. Báo cấp tỉnh chỉ có nhiệm vụ hỗ trợ, đi sâu phân tích, giải thích chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các vấn đề nội bộ

của địa phương. Loại báo này chủ yếu tập trung tại các tỉnh lớn, có ý nghĩa chiến lược về mọi mặt như Nam Định (*Sóng Tuần Vương, Nam Định kháng chiến, Xung phong, Nam tiến),* Thái Bình *(Tranh đấu, Tấc đất, Đại đoàn kết),* Sơn Tây *(Tiếng xứ đoài*), Phú Thọ (*Đời sống mới),* Thái Nguyên *(Đội Cấn),* Tuyên Quang *(Giải phóng khu),* Yên Bái *(Tiến lên)* v.v.. Tất cả những tờ báo cấp tỉnh trên đều hoạt động trên danh nghĩa cơ quan của Mặt trận Việt Minh, Hội Văn hóa cứu quốc, nhưng thực chất chúng là báo của đảng bộ địa phương. Cũng như nhiều khu vực khác trong cả nước, báo chí cách mạng Bắc Bộ lúc này chưa được quan tâm đúng mức tại các tỉnh miền núi xa xôi, vùng hải đảo. Người dân Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu, Bắc Cạn... hầu như chỉ được tiếp xúc với vài tờ báo chính của trung ương như *Cứu quốc, Sự thật,* mà cũng hết sức thất thường. Thông tin đến với họ có khi bị chậm tới hàng tháng trời. Vì là Thủ đô của cả nước nên trong năm đầu độc lập, có tới 80% báo chí cách mạng Bắc Bộ và 100% báo chí trung ương tập trung tại Hà Nội. Đây là địa bàn hoạt động báo chí diễn ra sôi động nhất. Đối tượng phục vụ của báo chí Hà Nội cũng hết sức đa dạng, phong phú và khá đầy đủ. Vì Bắc Bộ là trung tâm cách mạng của cả nước nên Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm phát triển hệ thống báo chí đối ngoại. Có thể nói, trong năm đầu độc lập, đối với chính quyền cách mạng non trẻ vấn đề "giặc ngoài" nguy hiểm hơn "thù trong". "Thù trong" ở đây chính là các lực lượng phản động người Việt và tàn dư do chế độ cũ để lại, là sản phẩm, là đứa con hoang của "giặc ngoài". Nếu chúng ta giải quyết tốt vấn đề "giặc ngoài" thì "thù trong" tất nhiên sẽ phải biến mất. Chính vì vậy mà ngay sau ngày giành được chính quyền ở Hà Nội, đồng chí Xuân Thủy đã thay mặt Trung ương Đảng chỉ thị cho các đồng chí Trần Kim Xuyến, Trần Lâm, Chu Văn Tích gấp rút xây dựng, tổ chức *Đài Tiếng nói Việt Nam.* Các chương trình phát bằng tiếng nước ngoài cũng như được mở rộng phạm vi phủ sóng ra ngoài lãnh thổ luôn là hướng phấn đấu của *Đài Tiếng nói Việt Nam.* Ngay trong ngày đầu ra mắt, bên cạnh bản tin tiếng Việt, *Thông tấn xã Việt Nam* đã phát hành cùng một

lúc hai bản tin tiếng Anh và tiếng Pháp với các hô hiệu VNA, AVI. Đảng chủ trương ra tờ báo *Republique* (LA) làm cơ quan đối ngoại riêng (số 1 của tờ báo này ra ngày 7-10-1945, đến tháng 3-1946 đổi tên thành *Le Peuple).* Ngoài ra, Đảng và Nhà nước ta cũng quan tâm giúp đỡ các tổ chức Việt kiều ở trong nước và ngoài nước ra báo. Tiêu biểu trong số này có tờ *Nam Việt* (cơ quan của ban Trung ương Việt kiều liên minh - Pari - 1946), *Công binh đọc báo* (cơ quan của lao động và binh lính Việt Nam ở Pháp trong chiến dịch xóa mù chữ), *Công nông đọc báo* (Ban Trung ương Việt kiều chủ trương xuất bản phục vụ lính thợ là lình chiến Việt Nam ở Pháp trong chiến dịch xóa mù chữ), *Sống chung* (cơ quan vận động việt kiều ở Campuchia - 1946)...

Hệ thống báo chí đối ngoại nói trên không chỉ làm nhiệm vụ thông tin những vấn đề của Việt Nam ra thế giới mà chủ yếu nhằm khẩn định vị thế của nhà nước cách mạng đầu tiên ở Đông Nam Á, tuyên tuyền cho những người Pháp tiến bộ, yêu chuộng hòa bình hiểu rõ cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc ta. Qua báo chí Đảng, Chính phủ ta bày tỏ thái độ ủng hộ tuyệt đối cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, đến chủ của các dân tộc thuộc đã tên toàn thế giới, luôn coi các dân tộc bị áp bức là bạn, lấy việc tuyên truyền cho Liên Xô và các nước nằm trong hệ thống xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

2. Các tờ báo cách mạng ra đời trước tháng 8-1945 tiếp tục xuất bản

a) Báo Cứu quốc

Cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo vào tháng 8-1945 diễn ra nhanh chóng, thuận lợi. Lúc này, báo*Cứu quốc* chưa kịp chuyển về Hà Nội nên phải nhờ tờ *Tin mới* (là tờ báo hàng ngày, công khai của Mặt trận do ông Nguyễn Văn Luyện quản lý) đưa tin và đăng các văn bản của chính quyền mới. Việc ra báo *Cứu quốc* công khai được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm. Sau khi nhận được chỉ thị, đồng chí Xuân Thủy đã cùng một số anh em trước đã cùng làm báo *Cứu quốc* bí mật gấp rút chuẩn bị. Để tiện cho công

việc, họ quyết định đặt tòa soạn báo tại số nhà 114 phố Hàng Trống, trụ sở chính của Mặt trận Việt Minh. Đây là cơ quan cũ của tờ *Action* dưới thời Pháp thuộc, nay là phố Lê Thái Tổ, tòa soạn báo của *Hà Nội mới.* Thời gian đầu, báo *Cứu quốc* dự kiến in tại Taupin, một trong những nhà in lớn của Hà Nội thời bấy giờ. Đến tháng 1-1946, nhà in riêng của báo *Cứu quốc* mới chính thức được thành lập.

Ngày 24-8-1945, báo *Cứu quốc* ra số 31 (số công khai đầu tiên) in bằng giấy tốt, 2 trang. Trang 1 của số báo này hình lá cờ đỏ sao vàng chiếm gần hết khổ báo do nhà thơ Thâm Tâm thể hiện. "Lời chào cứu quốc" được đăng trang trọng: "Để đạt mục đích cứu quốc, hơn ba năm nay *Cứu quốc* sống âm thầm trong hang núi rừng sâu và trong những túp lều tranh u uất, hôm nay nó đã vươn mình ra trước ánh sáng. Hơn ba năm nay nó đã vượt qua muôn trùng nguy hiểm để đến tay đồng bào và giờ đây, nó đường hoàng đứng trước mắt độc giả".

Với những lời lẽ tha thiết, hùng hồn, ngay từ những số báo đầu tiên, *Cứu quốc* đã được đông đảo bạn đọc trong cả nước nồng nhiệt chào đón ủng hộ. Báo in trên dưới 2 vạn bản mà vẫn không đủ để bán. Nhu cầu của các địa phương là rất lớn. Một số người đã tìm cách đầu cơ báo *Cứu quốc* mang đi các vùng xa bán với giá cao hơn gấp nhiều lần, buộc pháp luật phải ra tay can thiệp. Trong nhiều số liền, báo *Cứu quốc* đăng thông báo cho ai phát hiện, tố giác những kẻ đầu cơ báo, nhưng cũng không đạt hiệu quả là mấy. *Cứu quốc* lúc này do đồng chí Xuân Thủy (tên thật là Lê Trọng Nhân, Trưởng ban Tuyên truyền của Tổng bộ Việt Minh) làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Vì những lý do tài chính, nhân sự, nên thời gian đầu *Cứu quốc* không có điều kiện ra hàng ngày. Đến ngày 10-9-1945, *Cứu quốc* bắt đầu ra hàng ngày. Chữ*Cứu quốc* trước in màu đỏ giờ chuyển sang màu đen. Dưới tên báo là hàng chữ in đậm "Cơ quan tuyên truyền tranh đấu của Việt Minh". Báo bán giá 3 hào sau tăng lên 5 hào, góc bên trái phía trên cùng bao giờ cũng có một bài xã luận viết rất ngắn gọn, súc tích, chủ yến do đồng chí Xuân Thủy chấp bút. Tính tới thời điểm cuối năm 1945 đầu năm 1946, *Cứu quốc* sử dụng chủ yếu tin tức trong nước.

Tin ngoài nước, nếu có cũng liên quan ít nhiều đến tình hình chính trị Việt Nam, *Cứu quốc* công khai ra khổ lớn (580mm x 420mm), in typô, cách trình bày rất hiện đại, ấn tượng, Báo thường dùng "tít" lớn, kiểu chữ chân phương, nghiêm túc, gói gọn nội dung toàn bài hoặc nhấn mạnh vào chi tiết đáng lưu ý nào đó, kích thích mạnh vào sự chú ý của độc giả. Ví dụ như: "Phải phân biệt chính quyền nhân dân với Việt Minh", "Tây đói thì Tây ăn gì?" v.v.. Do dung lượng thông tin nhiều trong khi báo chỉ có 2 trang, nên *Cứu quốc* phải dùng kiểu chữ rất nhỏ, bài vở ken dày vào nhau. Thông thường, báo dùng giấy trắng hoặc ngả vàng nhưng cũng có khi vì không được cung cấp đủ mà *Cứu quốc* phải sử dụng cả giấy màu tím, xanh thẫm. Từ số 49 ngày 22-9-1945, *Cứu quốc* ra thử nghiệm 4 trang, nhưng chỉ được một số, đến số 50 lại quay về 2 trang. Từ số 51, báo bắt đầu sử dụng ảnh minh họa, nhưng do phóng viên ảnh chưa có, máy móc thiết bị thiếu, nên báo chỉ dùng ảnh của cộng tác viên gửi về. Từ đầu tháng 10-1945 trở về sau, vào những ngày diễn ra nhiều sự kiện có tác động xã hội lớn, báo lại ra 4 trang. Vào ngày nổ ra cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ, báo ra ngày 2 kỳ, một số phát hành vào buổi sáng, số kia ra vào chiều tối.

Có thể nói, *Cứu quốc* là một trong những tờ báo thời bấy giờ quy tụ được nhiều cây bút xuất sắc nhất trong làng báo cách mạng nước ta. Ngoài Xuân Thuỷ ra, bạn đọc còn rất quen thuộc với những tên tuổi như: Nguyễn Thành Lê, Như Phong, Văn Tân, Tô Hoài, Trần Huy Liệu, Nguyễn Ngọc Kha, Quốc Thụy, Nguyễn Văn Hảo, họa sĩ Trần Đình Thọ v.v.. Mặc dù đứng trên danh nghĩa cơ quan ngôn luận của Tổng bộ Việt Minh, nhưng thực chất *Cứu quốc* là một tờ báo Đảng, đặc biệt kể từ sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam tuyên bố tự giải tán, rút vào hoạt động bí mật vào tháng 11-1945 báo được Tổng Bí thư Trường Chinh quan tâm chỉ đạo trực tiếp. Chính vì thế mà các nội dung của*Cứu quốc* đều gắn liền với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhân dân và nhất là hành động theo báo, một sai sót nhỏ dù về quan điểm sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường. Đây là vinh dự

cũng như trách nhiệm nặng nề cho anh em phóng viên, biên tập viên của báo *Cứu quốc.* Người làm cho báo *Cứu quốc* chỉ với nhiệt tình cách mạng thôi chưa đủ, mà còn phải có trình độ cao về mọi mặt, nhất là nhận thức, về chính trị, tư tưởng. Công tác đào tạo luôn được lãnh đạo của báo quan tâm. Người đến trước dạy người đến sau, người lâu năm trong nghề truyền đạt lại kinh nghiệm cho thế hệ trẻ. Đặc biệt, *Cứu quốc* còn được Hồ Chủ tịch và Tổng bộ Việt Minh tin tưởng giao nhiệm vụ đứng ra lo liệu tổ chức lớp dạy về báo chí có tên Huỳnh Thúc Kháng diễn ra từ tháng 4 đến tháng 7-1949 tại chiến khu Việt Bắc. Từ lò đào tạo này, nhiều phóng viên đã trưởng thành để lại tên tuổi của mình trong lịch sử báo chí cách mạng của đất nước.

Để thực hiện tốt chủ trương đoàn kết toàn dân kháng chiến, kiến quốc của Đảng và Mặt trận, *Cứu quốc* mở rộng hoạt động bằng cách ra báo *Cứu quốc* địa phương. Cụ thể là, ngoài tờ *Cứu quốc* trung ương, năm 1947 có thêm:

- *Cứu quốc khu II* - ra tuần 5 số trừ thứ 5 - chủ nhật.
- *Cứu quốc khu III*- ra hàng ngày.
- *Cứu quốc khu IV* ra hàng ngày.
- *Cứu quốc khu* V.
- *Cứu quốc khu X* - ra hàng ngày.
- *Cứu quốc khu XII*.
- *Cứu quốc khu Việt Bắc.*

Vào năm 1948 có sự thay đổi sau:

- *Cứu quốc Liên khu III* - ra hàng ngày, là sự sáp nhập *Cứu quốc khu* II và *Cứu quốc khu III.*
- *Cứu quốc liên khu V*- ra hàng ngày, là sự sáp nhập *Cứu quốc* khu IV và *Cứu* quốc *khu* V.
- *Cứu quốc Liên Việt Nam Bộ* ra hàng ngày.

Trong những năm từ 1952 đến 1954 có một số tờ cứu quốc cấp tỉnh ra đời, tồn tại cạnh Cứu quốc Liên khu là:

- *Cứu quốc* của Mặt trận Liên - Việt Mỹ Tho; - *Cứu* quốc của Mặt trận Liên - Việt Cần Thơ; - *Cứu* quốc của Mặt trận Liên - Việt Bến Tre; -*Cứu quốc* của Mặt trận Liên - Việt Bà Rịa,..

b) Báo Sự thật

Trước sức ép của kẻ thù, tháng 11-1945 Đảng Cộng sản Việt Nam tuyên bố giải tán, thực chất là rút vào hoạt động bí mật. Tờ báo *Cờ giải phóng* (số 1 ra ngày 10-10-1942) đã hoàn thành sứ mệnh của mình cũng đóng cửa, ra số cuối cùng vào ngày 18-11-1945. Để lãnh đạo trực tiếp cách mạng nước ta, Đảng chủ trương thành lập "Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương", do đồng chí Trường Chinh làm chủ nhiệm Hội. Cơ quan ngôn luận chính của Hội (Đảng Cộng sản Việt Nam) là tờ *Sự thật,* số đầu tiên ra ngày 5-12-1945, là sự kế tục *Cờ giải phóng* và những tờ báo Đảng trước đó.

Báo *Sự thật* ra vào thứ 7 hàng tuần, tòa soạn lúc đầu ở 65 Hàng Đào, sau chuyển đến 187 Bà Triệu, rồi 24 phố Phan Chu Trinh, Hà Nội. Công việc quản lý nhân sự được giao cho Lê Hữu Kiều và Lê Đăng Linh. Báo *Sự thật* in tại nhà in riêng, ra 12 trang, không theo khuôn khổ nhất định. Vào những dịp kỷ niệm, báo ra từ 16 đến 20 trang, bìa in màu, chữ *Sự thật* màu đỏ tươi, trang 2 đảng hàng loạt khẩu hiệu cách mạng dùng riêng cho những ngày kỷ niệm đó, trang 3 là các bức thư ngỏ của Bác Hồ, của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước là bài xã luận. Mặc dù là cơ quan ngôn luận của Đảng, nhưng *Sự thật* rất ít khi nhận được trợ cấp. Để tự nuôi sống mình, báo phải sử dụng nhiều quảng cáo, rao vặt. Thông thường phần quảng cáo đặt ở trang cuối cùng, nhưng cũng có khi theo yêu cầu của khách hàng, chúng được đưa vào những trang trong, gây cảm giác khó chịu cho bạn đọc. Tình trạng này về sau đã được khắc phục. Vì là một tờ báo khổ nhỏ, số lượng trang có hạn trong khi bài vở lại nhiều nên báo *Sự thật* không có điều kiện mở nhiều chuyên

mục, chuyên trang. Lực lượng phóng viên, biên tập viên của báo lúc này còn mỏng, nhiều người là cán bộ kiêm nhiệm bị điều động công tác luôn nên việc giữ mục là rất khó. Hơn nữa, các bài viết trên *Sự thật* thường rất dài, chúng sẽ bị cắt vụn nếu như vấp phải quá nhiều chuyên mục, làm cho bạn đọc khó theo dõi. Trong những năm 1945 - 1946, về cơ *bản Sự thật* chỉ duy trì thường xuyên vài chuyên mục thiết yếu như Xã luận (trang 1), Bình luận (trang 2), Kinh nghiệm kháng chiến miền Nam... Tuỳ theo tình hình, *Sự thật* đưa ra chuyên mục nào đó và chúng thường biến mất sau vài số. Tính cơ động này còn được *Sự thật* duy trì trong cả thời kỳ báo chuyển lên vùng kháng chiến Việt Bắc.

Ngoài những bài của Bác Hồ, của Tổng Bí thư Trường Chinh, *Sự thật* đăng rất nhiều bài của các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu, Lê Thanh Nghị, Lê Văn Lương, Trần Duy Hưng... Bài của các tác giả này cũng mang tầm chiến lược cách mạng rất cao, có tính định hướng tư tưởng sâu sắc. Trên trang nhất của *Sự thật* thường có bài xã luận đề cập đến một vấn đề chính trị lớn nào đó đang được cả xã hội quan tâm. Những bài này do đồng chí Trường Chinh trực tiếp chấp bút. Trong số 1, *Sự thật* có lời "Phi lộ", trình bày tôn chỉ, mục đích của mình:

"Nhân dân Đông Dương đang kháng chiến, muốn thắng lợi phải chống các bè phái và mọi mưu mô chia rẽ Đảng, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược".

"Sự thật ra đời cốt để góp phần vào công cuộc ấy".

"*Sự thật* sẽ kiên quyết, thẳng thắn nói thật những điều đáng nói, mặc dù phải làm mất lòng những kẻ vì hoài nghi hay sự ích kỷ không chịu thừa nhận rằng: khối đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các dân tộc Đông Dương là một sự thật, cuộc kháng chiến anh dũng và có kết quả của đồng bào Nam Bộ, của liên quốc Việt - Lào là một sự thật. Sự ủng hộ của giai cấp cần lao và các dân tộc yêu chuộng

tự do, hòa bình thế giới đối với cục diện kháng chiến của nhân dân Đông Dương và Nam Dương là một sự thật".

Có thể nói *Sự thật* là một trong những tờ báo bấy giờ có tính bao quát nhất về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Mặc dù là một tờ báo, nhưng các bài viết trên *Sự thật* thường dài, nghiên cứu chuyên sâu về một vấn đề hay lĩnh vực nào đó, rất gần với tạp chí hay dạng sách huấn luyện. Việc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng luôn được báo đặt lên hàng đầu. Trước sự chống phá ngày càng ác liệt của Việt Quốc, Việt Cách, *Sự thật* đã tự nhận trách nhiệm chống lại luận điệu vu khống, xuyên tạc của kẻ thù, làm cho nhân dân thấy rõ bản chất xấu xa của bọn đế quốc, ngày càng tin tưởng hơn vào cách mạng. Ngay trong số đầu tiên (5-12-1945), *Sự thật* đã có bài "Bức thư ngỏ cùng anh em Việt Nam Quốc dân Đảng trong nhóm Việt Nam" - Báo Việt Nam. Bài báo đã lột mặt nạ đạo đức giả của những kẻ tự nhận là Đảng quốc dân: "Không kể chi những chuyện xa xôi, hãy nói tới những cuộc khởi nghĩa hay tranh đấu cách mạng từ chiến tranh đến giờ: Bắc Sơn - Nam Kỳ - Đô Lương, kháng Nhật cứu nước 9-3, khởi nghĩa 19-8. Trong những giờ phút thiêng liêng ấy các anh ở đâu. Biết bao lần các đoàn thể cứu quốc trong Việt Minh gọi các anh không thấy. Vắng các anh, người ta tự đoàn kết cứu nước, cứu nòi. Nay quốc dân do Việt Minh lãnh đạo đã giành được chính quyền. Cơ hội thuận tiện các anh nhảy ra hô hào hợp tác, tán thành lắm. Bây giờ các anh mới đòi hợp tác, kể cũng hơn muộn, nhưng muộn còn hơn không. Vậy xin mời các anh hãy lên đường cùng chúng tôi Nam tiến ngăn quân giặc". Mặc dù rất bao dung, nhún nhường, nhưng *Sự thật* cũng khá cương quyết với các nguyên tắc:

“1. Đoàn kết hợp tác giữa tất cả các đoàn thể chân chính yêu nước nhưng không đoàn kết vô nguyên tắc với bọn phản quốc.

2. Sự đoàn kết thành thực giữa các đảng phái cách mạng chỉ có thể đặt trên nền tảng hành động chung.

3. Cấm chỉ mọi hành động có hại cho đất nước, có lợi cho địch, nhất là việc gièm pha cuộc kháng chiến và mạt sát chính phủ kháng chiến, thì là cơ quan ngôn luận của Đảng (trên danh nghĩa là của Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương), *Sự thật* luôn đi đầu trong việc đấu tranh, bảo vệ chủ trương, đường lối của chính quyền Việt Minh, bênh vực cho quyền lợi hợp pháp của người dân Việt Nam. Báo đã dành dung lượng rất lớn tuyên truyền cho cuộc bầu cử Quốc hội, coi đây là bổn phận, quyền lợi, trách nhiệm của mỗi người dân đang sống trong môi trường tự do, dân chủ.

Ngoài những nội dung chính trị trên, *Sự thật* không xem nhẹ mảng đề tài kinh tế, văn hóa - xã hội. Hàng chục năm chịu sự cai trị hà khắc của Pháp và Nhật, nền kinh tế Việt Nam đã kiệt quệ. Hàng triệu người chết đói từ thành thị đến thôn quê, chính quyền cách mạng non trẻ cùng một lúc phải đương đầu với ba kẻ thù: giặc đói, giặc đốt và giặc ngoại xâm. Trên tinh thần phong trào "Nhịn ăn một bữa trong một tuần" do Hồ Chủ tịch phát động, *Sự thật* đã cùng các tờ báo cách mạng khác ra sức hô hào, vận động cán bộ nhân dân hưởng ứng với những khẩu hiệu truyền thống đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân Việt Nam như "Lá lành đùm lá rách", "Bầu ơi thương lấy bí cùng", "Một miếng khi đói bằng một gói khi no"... Với tinh thần đùm bọc trên, chỉ trong một thời gian ngắn, nạn đói đã được đẩy lùi.

Ngay sau ngày giành được chính quyền, Hồ Chủ tịch đã nhận thức rõ kẻ thù tiềm ẩn, lâu dài nhất đối với dân tộc ta không phải là giặc đói, giặc ngoại xâm mà là giặc dốt. Sau ngày đọc Tuyên ngôn độc lập 1 tuần, ngày 8-9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ, ra lời kêu gọi toàn dân tham gia xóa nạn mù chữ. Từ chỗ hơn 90% dân số không biết chữ, đến đầu tháng 3-1946 riêng ở Bắc Bộ và Trung Bộ đã có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học sinh. Để đạt được điều đó, có vai trò rất lớn của báo chí. Trong "bước đầu tiên trong công cuộc chống nạn mù chữ", trên báo *Sự thật,* tác giả Dương Quang đã viết: "Người chưa biết chữ hăng hái đi học như đi giết giặc, người biết chữ rồi thì vợ

dạy chồng, em dạy anh, chủ nhà dạy đầy tớ. Lớp học ở đình chùa, ở trong nhà, ở giữa chợ, ở gốc cây, ở bờ ruộng, ở xưởng thợ, ở bệnh viện, ở bến xe, ở xóm ả đào, ở cả nhà tù. Kết quả sau 4 tháng các chiến sĩ xã hội đã đưa trên dưới 1 triệu người ra khỏi mù chữ"... *Sự thật* đã góp phần vận động trí thức đi về nông thôn, đề ra các phương pháp truyền đạt kiến thức sao cho có hiệu quả nhanh nhất. Việc xây dựng nếp sống mới được *Sự thật* hết sức chú trọng. Báo có nhiều bài phê phán lối sống cũ để lại, đề cao các hình thức cưới xin, ma chay lành mạnh, tiết kiệm, góp phần làm thay đổi lối sống của người dân.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, báo *Sự thật* chuyển lên Việt Bắc, tiếp tục là cơ quan ngôn luận chính của Đảng. Khi Đảng ra hoạt động công khai (1951) báo *Sự thật* hoàn thành sứ mệnh lịch sử, nhường vị trí vinh dự của mình cho báo *Nhân dân.*

c) Báo Độc lập

Báo *Độc lập* là cơ quan ngôn luận của Đảng Dân chủ Việt Nam, xuất bản bí mật từ năm 1944. Có thể nói, ngay từ đầu, những người sáng lập Đảng Dân chủ mà cơ quan ngôn luận của nó là báo *Độc lập* nói riêng đã tự coi mình là thành viên của Mặt trận Việt Minh. Tuy nhiên vì những lý do lịch sử, từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở về trước, báo *Độc lập* chưa bộc lộ thái độ chính trị rõ ràng, tuy đặt mình ở thế yêu nước nhưng trung lập. Mối liên hệ trực tiếp giữa Đảng Dân chủ với Đảng Cộng sản Việt Nam hầu như chưa được xác lập. Quan điểm này đã hoàn toàn thay đổi khi báo chuyển về Hà Nội sau ngày Việt Minh giành được chính quyền trong cả nước. Lúc đầu báo đặt trụ sở tại số 9 phố Ngô Quyền, sau chuyển sang số 5 phố Một Cột, đến khi toàn quốc kháng chiến lại chuyển lên Việt Bắc.

Để đáp ứng nhu cầu người dân sống trong chế độ mới, báo *Độc lập* ra bộ mới, phát hành hàng ngày, triệt để thay đổi nội dung, hình thức. Báo do ông Nguyễn Thành Lê phụ trách với cương vị quản lý (tương đương với Tổng biên tập hiện nay) in khổ 41x29cm, 2 trang, giá 5 hào. Từ ngày 10-2-1946 báo ra 4 trang giá bán 8 hào

thông được vài hôm lại quay về như cũ. Khi ở Hà Nội, báo *Độc lập* in tại Việt Nam ấn quán số 8 - 10 - l2 phố Phan Chu Trinh, số lượng phát hành từ 3.000 - 5.000 bản/kỳ. Vì phát hành từ 5 giờ chiều hàng ngày nên tin tức báo*Độc lập* thường có tính thời sự cao. Thông thường ở góc bên trái trên cùng tờ báo có bài xã luận khá dài viết về các vấn đề xã hội lớn xảy ra trong nước hoặc một sự kiện nào đó của thế giới có liên quan ít nhiều đến cách mạng nước ta. Góc bên phải đăng tải các tin tức quan trọng xảy ra trên thế giới, dưới đó có một bài thời luận (dạng bình luận) bàn về một vấn đề nổi cộm nào đó của nước ngoài. Trang 2 dành cho các mục cố định như *Đời sống mới,* giải thích, phân tích văn bản, đăng thông cáo của Chính phủ, góp ý trả lời bạn đọc, tin vắn bốn phương, quảng cáo và các phần tiếp theo của trang. Phần dưới cùng của cả hai trang là khẩu hiệu hô hào dân chúng làm theo chủ trương, chính sách của Mặt trận Việt Minh, của Chính phủ. Các khẩu hiệu này thay đổi luôn tuỳ theo tình hình, nhiệm vụ chính trị của cách mạng.

Trong thời gian đầu, vì đội ngũ phóng viên, cộng tác viên của báo *Độc lập* rất hạn hẹp nên phần tin thế giới chiếm dung lượng khá lớn, lấn lướt phần tin trong nước. Chất lượng tin trong nước lúc này cũng không cao, chủ yếu lấy từ các cơ quan chính phủ, từ Thông tấn xã Việt Nam. Nội dung tin nghèo nàn chỉ xoay quanh diễn biến chính trị ở Hà Nội, Sài Gòn, ít đề cập đến nông thôn, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa. Từ đầu năm 1946, bộ máy hoạt động của báo *Độc lập* được cải thiện nhiều. Phần tin trong nước bắt đầu được chú trọng, có bề dày và chiều sâu hơn. Vì là nhật báo nên báo *Độc lập* được Nhà nước cung cấp giấy và các vật liệu in ấn với giá rẻ. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ gặp nhiều khó khăn nên mọi sự ưu đãi cũng có giới hạn. Giấy cung cấp chỉ đủ cho vài ngàn tờ, báo muốn in thêm phải mua tại chợ đen với giá cắt cổ. Chất lượng giấy cũng không ổn định, lúc đen, lúc trắng, lúc khổ to, lúc khổ nhỏ, dày mỏng khác nhau. Để giảm những chi phí không cần thiết, trong gần một năm hoạt động (từ cuối năm 1945 đến giữa năm

1946) báo *Độc lập* hầu như không sử dụng tranh, ảnh minh họa. Đến tháng 5-1946 trở về sau, tình trạng trên mới được khắc phục, nhưng cũng chỉ có tranh mà không có ảnh, kể cả trong các số kỷ niệm. Nhằm gây ấn tượng cho bạn đọc, các họa sĩ cố gắng trình bày trang sao cho hấp dẫn. Các đầu đề dùng nhiều kiểu chữ khác nhau và thường bỏ dấu, buộc bạn đọc phải chú tâm vào mới hiểu được. Tít bao giờ cũng xoáy vào vấn đề trọng tâm của bài, kích thích tối đa trí tò mò của độc giả. Vì là một tờ báo thông tin, *Độc lập* chú trọng sử dụng các thể loại tin như: tin (gồm cả tin vắn, tin ngắn và tin sâu có bình luận), thời luận (bình luận), xã luận nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh của một tờ nhật báo. Thỉnh thoảng báo mới dùng tường thuật, phóng sự (thường là dài kỳ, in đậm dấu ấn cái tôi tác giả, rất gần dạng ký sự đường xa). Trong những số đầu, đôi khi báo độc lập sử dụng tác phẩm hoặc bình luận văn học dịch từ nước ngoài, hầu hết của Liên Xô, Trung Quốc. Từ tháng 7-1946, Đảng Dân chủ Việt Nam cho ra thêm tờ *Tạp chí Độc lập* cơ quan nghiên cứu chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, Tạp chí thường in 120 trang với đội ngũ biên tập rất hùng hậu gồm Văn Cao, Cù Huy Cận, Nguyễn Đỗ Cung, Đỗ Đức Dục, Xuân Diệu, Tạ Mỹ Duật, Hoàng Văn Đức, Dương Đức Hiền, Vũ Đình Hòe, Ưng Ngọc Ký, Nguyễn Thành Lê, Vũ Bộ Liên, Phạm Lại, Nguyễn Văn Luyện, Đặng Thai Mai, Lưu Hữu Phước, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Xuân Sanh, Hoàng Đạo Thuý, Huỳnh Văn Tiểng, Mạnh Phú Tư... Nhiều người trong số này kiêm thêm việc lãnh đạo và biên tập cho cả báo *Độc lập.*

Là một tờ báo có chân trong Mặt trận Việt Minh, *Độc lập* rất chú trọng đến các chủ trương, chính sách do Mặt trận đề ra. Tuy nhiên, do khuôn khổ có hạn nên báo không thể bao quát được hết mọi mặt đời sống xã hội. Báo ít tuyên truyền các lĩnh vực kinh tế, văn hóa mà tập trung vào các vấn đề chính trị lớn ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Các phong trào được các báo khác phát động rầm rộ như Tuần lễ vàng, Phong trào tiết kiệm, Phong trào tăng gia sản xuất, Diệt giặc dốt, thì báo *Độc lập* lại chỉ đề cập đến ở mức vừa phải. Trong khi đó, đối với phong trào Nam tiến,

ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ, *Độc lập* luôn có bài bày tỏ chính kiến của mình. Khi quân đội Tưởng và tay chân gây sức ép đòi Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải giải tán một số bộ, đòi Đảng Cộng sản phải san xẻ quyền lực, thành lập chính phủ liên hiệp, thay đổi quốc kỳ, báo *Độc lập* đã có hàng loạt bài xã luận, đăng ý kiến của các tập thể, cá nhân phản đối những đòi hỏi vô lý đó. Khi Chính phủ ta sang Pháp ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) báo *Độc lập* luôn cố gắng theo sát tình hình. Để chống lại sự xuyên tạc của kẻ thù, báo *Độc lập* đã sát cánh cùng *Cứu quốc* (Mặt trận Việt Minh), *Sự thật* (Cơ quan nghiên cứu chủ nghĩa Mác) đăng hàng loạt bài trong đó một mặt tố cáo dã tâm của Việt Quốc, Việt Cách, phân tích, giải thích cho dân hiểu chủ trương sáng suốt của Đảng và Nhà nước, đồng thời góp phần trấn an dư luận với các bài tiêu biểu như: "Chúng ta phải hiểu hiệp định Việt - Pháp thế nào", "Trong giai đoạn mới tích cực hoạt động thế nào", “Vấn đề quân đội", "Hiệp định Sơ bộ ký kết trên những nguyên tắc nào". Đối với các hoạt động ngoại giao khác như việc chuẩn bị hội nghị trù bị Đà Lạt, việc Chính phủ ký tạm ước (14-9-1946) với Pháp, báo *Độc lập* bao giờ cũng trung thành với nguyên tắc: ủng hộ tuyệt đối Đảng Cộng sản, Mặt trận Việt Minh và Chính phủ liên hiệp (sau này là Chính phủ kháng chiến). Khi đất nước nảy sinh những vấn đề lớn, nghiêm trọng, báo *Độc lập* bao giờ cũng in khẩu hiệu chữ đậm ở dưới cùng mỗi trang báo để bày tỏ thái độ, chính kiến của mình. Các nội dung của khẩu hiệu luôn phù hợp với chủ trương của Mặt trận Việt Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam (hoạt động bí mật dưới danh nghĩa cơ quan nghiên cứu chủ nghĩa Mác từ tháng 11-1945). Chẳng hạn, trước thực tế bọn phản động Việt gian xuyên tạc Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) trong gần một tháng trời báo *Độc lập* đã dùng khẩu hiệu "Đoàn kết, bình tĩnh, chuẩn bị, kỷ luật" cùng hàng loạt bài giải thích cho nhân dân ý đồ của Chính phủ. Cũng có khi trong cùng một số báo. Ở mỗi trang, *Độc lập* có các khẩu hiệu khác nhau phục vụ cho nhiều nội dung xã hội.

Trước khi kháng chiến toàn quốc nổ ra, báo *Độc lập* đã có nhiều bài kêu gọi dân chúng ủng hộ đường lối kháng chiến kiến quốc của Mặt trận Việt Minh. Công tác chuẩn bị kháng chiến vườn không nhà trống, tố cáo dã tâm xâm lược của kẻ thù là những nội dung chính báo *Độc lập* đề cập đến trong những tháng cuối năm 1946. Từ quãng thời gian này trở về sau báo không còn giữ hình thức trung lập nữa mà nghiêng hẳn về phía những người cộng sản. Tư tưởng này đặc biệt bộc lộ rõ khi *Độc lập* chuyển lên Việt Bắc.

d) *Báo Lao động*

Sau Cách mạng Tháng Tám, báo *Lao động* chuyển từ bí mật ra công khai, tòa soạn đặt tại 51 phố Hàng Bồ, Hà Nội, do ông Trần Quốc Diệp (tức Trần Lưu Trác) làm Chủ nhiệm. Trong những số đầu, báo hoạt động trên danh nghĩa cơ quan tuyên truyền huấn luyện của Việt Nam Công nhân cứu quốc miền Bắc (trong Việt Minh), sau mở rộng phạm vi hoạt động thành Cơ quan Thông tin tuyên truyền tranh đấu của công nhân Việt Nam. Ngày 20-7-1946 Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được thành lập và từ số 24 ra ngày 3-8-1946 báo *Lao động* trở thành diễn đàn của tổ chức cho đến nay.

Trong quãng thời gian từ cuối năm 1945 đến đầu năm 1946 báo *Lao động* ra 2 trang khổ lớn (420x295mm) giá bán 0đ5 (sau tăng lên 0đ8). Khi chuyển lên chiến khu, báo *Lao động* được bổ sung thêm một số gương mặt như: Nguyễn Huy Đàn, Lưu Huy Hòa, Đỗ Như Khánh, Phạm Văn Nhàn, Nguyễn Minh Tần (họa sĩ)... Nhờ sự hoạt động tích cực của đội ngũ này mà báo *Lao động* có một diện mạo khác hẳn với tờ báo cùng thời với những trang mục hết sức ấn tượng. Mặc dù nhiều lần nhắc đi nhắc lại là tờ báo không chịu sự chi phối của bất kỳ tổ chức chính trị nào, nhưng vừa ra công khai *Lao động* đã mở mục *Chống tơrốtxkít* do Nguyễn Quang Huy phụ trách, phê phán mạnh mẽ tính chất phản động, giả danh cộng sản để chống cộng sản của phe nhóm này. Qua chuyên mục *Chống tơrốtxkít* báo đã gián tiếp thừa

nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng nước ta, tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân đối với Đảng.

Lúc đầu, *Lao động* ra hàng tuần vào thứ 7, in typô tại nhà in riêng, mỗi số phát hành từ 1.500 đến 2.000 bản, sau tăng dần lên tới 6.000 bản/kỳ. Tại trang 1 phía góc trái trên cũng thường là câu khẩu hiệu được đóng khung, nội dung đề cập đến một vấn đề xã hội nào đó đang được nhân dân cả nước quan tâm. Phía dưới là bài *thời luận* (nếu bàn về quốc tế) hoặc *xã thuyết* (bàn về vấn đề trong nước). Góc bên phải là phần tin tức hoạt động công đoàn các nước. Giữa trang đăng văn bản mới của chính quyền và chính kiến của báo *Lao động* đối với văn bản đó. Dưới cùng trang nhất lại là khẩu hiệu khác in chữ to, đậm, chạy suốt chiều ngang trang báo kiểu như "Tăng gia sản xuất" "Giờ làm cứu nước". Số chuyên mục phong phú nhất tập trung ở trang 2. Có những mục chỉ xuất hiện một lần trong tháng như *Tự do diễn đàn, Công nhân tập viết.* Trong số này đáng chú ý nhất là các mục *Rút kinh nghiệm, Trên đe dưới búa, Tự phê bình, Lao động trả lời, Công nhân đọc sách.* Các mục này tuy đề cập đến những vấn đề khác nhau, nhưng lại có chung mục đích định hướng dư luận, xã hội. Mục *Rút kinh nghiệm* viết về những yếu kém, những tồn tại của ta trong việc phát động phong trào tăng gia sản xuất, tổ chức lớp học bình dân học vụ tại nông thôn, những khó khăn khi làm thuỷ lợi ở miền núi... Mục *Thư ngỏ* cũng rất gây ấn tượng với bạn đọc. Qua mục này, báo *Lao động*bày tỏ thái độ một cách nhã nhặn, nhưng cũng không kém cương quyết đối với những oan trái như giới chủ sa thải công nhân bừa bãi, tăng giờ làm, giảm lương trái luật, vì lợi nhuận không chú tâm tới việc trang bị bảo hộ lao động... Bên cạnh đó báo còn có mục nói nhỏ để uốn nắn những hành động, việc làm chưa đúng của công nhân như nghe lời xúi giục của bọn phản động, bãi công không đúng lúc, còn manh động trong đấu tranh đòi hỏi quyền lợi, chưa biết chia xẻ, đùm bọc nhau khi hoạn nạn... Trong số này, có lẽ *Trên đe dưới búa* là mục được bạn đọc gần xa hoan nghênh nhất. Mục này thường được ký bởi bút danh *Búa Tạ,* phê

phán, chỉ trích mọi kẻ thù của giai cấp cần lao, từ trò hề của Chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thinh, tội ác dã man của thực dân Pháp đối với Nam Bộ, cho đến bệnh quan liêu cửa quyền bắt đầu xuất hiện trong một số vị "quan cách mạng"... Nhiều khi để chiều lòng bạn đọc, *Trên đe dưới búa* đã đi quá đà, công kích kẻ thù không đúng lúc, ảnh hưởng tới uy tín của Đảng và Chính phủ, làm lộ ý đồ chính trị của ta. Báo *Lao động* đã phản ứng lại bằng cách chỉ đăng tên bài, còn phần nội dung để trắng, không thay vào đó nội dung khác ví dụ trong số 35 ngày 24-10-1946, báo *Lao động* có bài "Thôi đừng già họng nữa" lên án thái độ vừa ăn cướp vừa la làng của quân đội Pháp. Nội dung này tuy đúng đắn nhưng vẫn bị kiểm duyệt toàn bộ vì dễ kích động thái độ hung hãn của người Pháp, ảnh hưởng đến Tạm ước 14-9-1946. Mặc dù ghi là đại diện cho giai cấp công nhân, nhưng thực chất *Lao động* là tờ báo của nhiều tầng lớp nhân dân. Thỉnh thoảng báo vẫn có xã luận bàn về thuế nông nghiệp, làm thế nào để thâm canh tăng năng suất, việc xây dựng nếp sống mới tại các làng quê, công tác tổ chức hợp tác xã nông nghiệp... Tuy nhiên, số bài viết về người nông dân, trí thức, bộ đội chiếm tỷ lệ không lớn, không xuất hiện đều đặn, diện tích mặt báo hầu hết dành cho công nhân. Qua *Lao động,* người công nhân có điều kiện nói lên suy nghĩ, tâm tư, nguyện vọng của mình. Mỗi tháng một lần, trang 3 của báo lại xuất hiện hai mục *Công nhân tập viết* và *Lao động trả lời.* Bài vở nhận được, anh em trong tòa soạn lựa chọn cẩn thận rồi cho đăng ở vị trí quan trọng. Đối với những câu hỏi liên quan đến luật lao động, chế độ tiền lương hay đơn thuần chỉ là những vướng mắc trong công việc của người công nhân, báo *Lao động* bao giờ cũng cố gắng giải đáp hết bằng thư hoặc trực tiếp trên báo. Những nội dung nào chưa phù hợp hoặc chưa đạt yêu cầu, báo tập hợp lại ở mục nhắn tin, nói rõ nguyên nhân bài không được đăng, kèm lời động viên, khuyến khích tác giả. Việc là này đã tạo niềm tin cho độc giả, gây cho họ cảm giác tờ báo chính là sân chơi chung cho mọi người bất kể họ thuộc giới tính, trình độ, tuổi tác nào.

Khi chuyển lên Việt Bắc, *Lao động* vẫn tiếp tục sứ mệnh bảo vệ quyền lợi cho người công nhân của mình. Tuy nhiên, mọi sự phê phán những tiêu cực mới nảy sinh trong xã hội giờ phải gắn liền với lợi ích dân tộc. Việc làm này đã dần dần biến *Lao động* từ một tờ báo của một tầng lớp xã hội thành báo Đảng, đấu tranh hết mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đúng theo nguyện vọng của những người sáng lập ra tờ *Công hội* đỏ vào năm 1929.

3. Sự ra đời một số cơ quan báo chí

a) Tạp chí Tiền phong

Năm 1943, Đảng công bố bản *Đề cương văn hóa Việt Nam* và thành lập Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam. Ngay từ ngày đó Hội đã chủ trương ra một tờ báo làm cơ quan ngôn luận riêng. Công việc được xúc tiến khẩn trương và số cũng đã chuẩn bị xong, nhưng do tình hình chính trị Đông Dương lúc đó diễn ra nhiều biến cố quan trọng nên báo không ra được. Cách mạng Tháng Tám thành công, những người lãnh đạo Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam còn phải giải quyết nhiều việc quan trọng hơn nên phải tới ngày 10-11-1945 *Tiền phong* mới xuất bản số 1, đặt dấu ấn quan trọng cho dòng báo chí phục vụ văn hóa – văn nghệ của Đảng. Trong mấy số đầu, Tạp chí *Tiền phong* được giao cho nhà văn Nam Cao phụ trách với chức danh Thư ký tòa soạn (tương đương với Tổng biên tập hiện nay). Bộ biên tập của tạp chí rất hùng hậu gồm đầy đủ các văn nghệ sĩ cách mạng có tên tuổi của Việt Nam thuộc mọi lĩnh vực: thơ, văn, nhạc, họa, sân khấu, lý luận phê bình như: Tâm Kính, Nam Cao, Ngô Quang Châu, Xuân Diệu, Nguyễn Hữu Đang, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Vũ Hầu, Kim Lân, Đặng Thai Mai, Nguyễn Công Mỹ, Vương Thế Nghiêm, Học Phi, Như Phong, Nhân Tâm, Nguyễn Huy Tưởng, Hải Thanh, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, Trần Huyền Trân, Hải Triều, Bùi Công Trừng. Việc trình bày tạp chí do các họa sĩ Nguyễn Thị Kim, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Đỗ Cung, Phạm Văn Đôn, Trần Đình Thọ phụ trách. Tòa soạn của Tạp chí *Tiền phong* được đặt tại trụ sở của Hội Văn hóa cứu quốc, số 40, phố Quang Trung, Hà Nội. Báo được in

tại nhà in Lê Văn Tân, khổ 270x195mm. Những số đầu tiên, báo ra 42 trang khá đều dặn, nhưng từ khoảng giữa những năm 1946 thì tuỳ theo tình hình có khi chỉ ra 30 - 32 trang. Vào những ngày kỷ niệm báo thường in từ 80 đến 100 trang.

Tạp chí *Tiền phong* là dạng bán nguyệt san, ra vào các ngày 1 và 16 hàng tháng, là cơ quan vận động văn hóa mới của Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam. Báo phục vụ người đọc theo nguyên tắc "Khoa học khi đã đi sâu vào đại chúng cũng tác động như một sức mạnh vật chất". Ngoài ra trang bìa in 3 màu, các trang trong in 1 màu, giá bán khá cao, lúc đầu 3,5đ/số, sau tăng lên 5,0đ rồi 6,0đ/số. Tạp chí in typô, nét chữ nhỏ, rõ ràng, giấy cũng tương đối tốt, lúc trắng, lúc đen, có khi sử dụng cả giấy màu vàng, giấy gió. Sau gần chục số, Nam Cao đi nhận nhiệm vụ mới, Trần Huy Liệu về thay thế chức danh chủ bút. Mặt sau của trang bìa là tranh áp phích hoặc khẩu hiệu như: "ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh", "Nước mới, người mới, đời sống mới" .. Phía dưới của những trang trong là quảng cáo, giới thiệu các loại sách báo triết học, chính trị, văn nghệ. Tạp chí *Tiền phong* hầu như không dùng ảnh, thỉnh thoảng mới có tranh minh họa của Bùi Xuân Phái, Trần Văn Cẩn, Trần Đình Thọ. Tạp chí không có mục cố định, trừ phần "Điểm tin văn hóa ở mấy trang cuối. Về thể loại, *Tiền phong* chủ yếu sử dụng chính luận, truyện ngắn, kịch, ký sự, thơ (trích lại từ các tập thơ đã xuất bản của Xuân Diệu, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Tế Hanh...) Nói chung *Tiền phong* ít sửa bài của cộng tác viên. Bộ biên tập tạp chí làm việc rất xông xáo, năng nổ, tích cực. Không có ai sáng tác chỉ trong phạm vi sở trường của mình. Xuân Diệu không chỉ làm thơ mà còn viết cả truyện ngắn, phê bình văn học. Nguyễn Huy Tưởng vừa viết ký sự, vừa sáng tác kịch ngắn kiêm luôn cả lý luận. Nguyễn Đình Thi vừa làm thơ, vừa viết nhạc, truyện vừa và những bài có tính định hướng cho anh em văn nghệ sĩ "Văn nghệ với cuộc chiến đấu hiện thời của dân tộc" (số ngày 1-12-1945)... Những người viết thuần một thể loại hoặc chuyên về một vài lĩnh vực nào đó có Bùi Công Trừng, Minh Tranh, Ngô Quang Châu. Những người viết bài có tính khái quát, tổng kết hoặc có ý nghĩa định hướng

là Đặng Thai Mai, Vũ Ngọc Phan, Lưu Hữu Phước, Lưu Quý Kỳ... Sau khi ra được ba số đầu, số 4, số 5 của tạp chí không giữ tên *Tiền phong* nữa mà thay vào đó là cái tên *Nguồn sống mới* (dạng chuyên đề bàn về vấn đề đặc biệt nào đó). Từ số 6 lại trở về với cái tên *Tiền phong* quen thuộc.

Vì là cơ quan ngôn luận của một tổ chức văn hóa lớn, nên phần lớn nội dung của *Tiền phong* chỉ bàn về các khía cạnh của đời sống văn hóa - xã hội. Những vấn đề chính trị nếu có được đề cập cũng có mối liên hệ ít nhiều với nội dung trên.

Nói chung, *Tiền phong* bám rất sát với các chủ trương của Đảng và Nhà nước về văn hóa - xã hội. Đây là một trong những tờ báo hoạt động hiệu quả nhất trong phong trào "Diệt giặc đốt" do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động. Tạp chí không chỉ cử người tham gia, theo dõi chương trình "Bình dân học vụ" mà còn xây dựng kế hoạch, góp ý với Chính phủ tiến hành cải cách chế độ cũ. Hầu như trong số nào *Tiền phong* cũng có bài về vấn đề này. Tiêu biểu trong số đó là chùm bài về ngôn ngữ tiếng Việt của tác giả Ngô Quang Châu (Vấn đề cải cách chữ quốc ngữ - số 1, Hợp lý hóa chữ viết - số 14); Trần Huy Liệu (Bệnh dùng chữ Nho trong tiếng Việt - số 9); Giám mục Hồ Ngọc Cẩn (Bàn góp về cải cách vần quốc ngữ - số 19)... Việc tiến hành xây dựng nếp sống mới trong cả nước, đặc biệt là nông thôn cũng là nội dung trọng yếu của *Tiền phong.* Tạp chí luôn có bài phê phán các di chứng của chế độ cũ, đề cao, khuyến khích các làng xã ban hành hương ước, phát động các phong trào thi đua xây dựng nếp sống mới giữa các cụm dân cư, giữa các gia đình, cá nhân. Tiêu biểu trong số này phải kể tới các bài "Địa vị Hải Phòng trong văn hóa mới ngày mai" - Trần Cư - số 21, "Tiến tới đời sống mới" - Trần Huy Liệu - số 12. "Chương trình và kế hoạch vận động đời sống mới" - Ngô Quang Châu - số 12... Ngoài ra, tạp chí còn cho đăng các bài viết thể hiện quan điểm về đời sống văn hóa mới của Bác Hồ, của văn nghệ sĩ và của các nhà nghiên cứu văn hóa. Không đừng lại ở việc lên án cái cũ, *Tiền phong* còn phê phán khá gay gắt những căn bệnh mới nảy sinh trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân

dân như thói quan liêu, hống hách, ăn chơi, hưởng lạc, tiêu sài vung phi, thói ăn diện, sùng ngoại, thói la cà hàng quán, rượu chè, bài bạc...

Là cơ quan ngôn luận của tầng lớp văn nghệ sĩ, nên trong số nào *Tiền phong* cũng dành dung lượng khá lớn cho các tác phẩm nghệ thuật, ưu tiên số một cho tác phẩm mới được sáng tác. Viết nhiều nhất cho *Tiền phong* là Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nguyễn Đình Thi, Văn Cao, Trần Đăng, Lưu Hữu Phước, Mạnh Phú Tư, Tế Hanh, Trần Huyền Trân... Nhiều tác phẩm đã để lại dấu ấn không thể phai mờ trong lòng bạn đọc như: "Một lần tới Thủ đô" của Trần Đăng, bài hát "Chiến sĩ không quân" của Văn Cao, "Rãnh cày nổi giận" của Mạnh Phú Tư, các vở kịch "Bắc Sơn", "Vết cũ" của Nguyễn Huy Tưởng... Nhưng có lẽ, cái làm bạn đọc quan tâm nhất là những bài có tính định hướng văn nghệ, phê bình vô lý luận văn học.

Giữ vai trò trung tâm là các bài viết của tác giả Đặng Thai Mai với "Vấn đề lập trường trong văn nghệ", Lưu Hữu Phước với "Tiếng ta với sự phổ nhạc và cách hát ngày nay" - số 20. Học Phí có "Nhiệm vụ của văn hóa trong thời kỳ kháng chiến kiến quốc", số 18, Nguyễn Đình Thi có "Văn nghệ với cuộc chiến đấu hiện thời của dân tộc" - số 2...

Vì là tờ tạp chí có tính cách văn nghệ đầu tiên của chế độ dân chủ nhân dân nên *Tiền phong* không tránh khỏi những hạn chế, vấp váp. Mặc dù quy tụ được khá đông đảo đội ngũ họa sĩ nổi tiếng nhưng cách trình bày tạp chí còn đơn điệu, quá chân phương, ở một vài số, có thể do chưa có kế hoạch từ trước, tình trạng bài vở còn lôn xộn, gay cảm giác không có sự lựa chọn bài hoặc chưa cân nhắc kỹ càng khí chọn bài. Một số tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao nhưng không được sử dụng đúng lúc, đúng chỗ nên hiệu quả phản ánh, giáo dục bị giảm. Chẳng hạn, trong lúc nhân dân cả nước đang hừng hực khí thế cách mạng, đang rất cần những tác phẩm mô tả không khí đó thì*Tiền phong* lại cho đăng truyện ngắn "Mò sâm banh" của Nam Cao. Tuy câu chuyện được phản ánh bởi bút pháp hiện thực phê phán đã một

thời được các cây bút tiểu tư sản thành thị ưa dùng, được đông đảo bạn đọc Việt Nam trước năm 1945 yêu thích, nhưng giờ đây, chúng đã trở nên lạc lõng so với phương pháp sáng tác hiện thực cách mạng. Nhiều bài thơ (nhất là những tác giả trước đây có chân trong Tự lực văn đoàn) có nội dung trong sáng, tin tưởng ở cách mạng nhưng cách biểu hiện vẫn chưa thoát khỏi phương thức cũ. Các tôi đôi khi vẫn được đề cao. Hình ảnh người chiến sĩ cách mạng có lúc được mô tả như người khách chính phủ, giàu lòng nghĩa hiệp nhưng lại xa rời quần chúng, không thực tế...

Ngày 19-12-1946 cả nước đồng lòng đứng lên làm cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ. *Tiền phong* cũng theo gót chân kháng chiến lên chiến khu Việt Bắc, kết thúc 24 số xuất bản ngay trong lòng Thủ đô Hà Nội. Nhờ tôi rèn trong khói lửa chiến tranh, văn nghệ sĩ Việt Nam ngày càng trưởng thành hơn. Nhiều biên tập viên, phóng viên của *Tiền phong* như Nam Cao, Trần Đăng đã ngã xuống trong chiến tranh, đóng góp xương máu cho cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp, giải phóng dân tộc, bảo vệ những thành quả của cách mạng.

b) Qúa trình hình thành Thông tấn xã Việt Nam

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ở Việt Nam nói riêng, toàn Đông Dương nói chung chưa có hãng thông tấn. Mọi tin tức, báo chí sử dụng thời kỳ này đều lấy từ các hãng thông tấn nước ngoài chủ yếu là của Pháp và Nhật. Sau ngày giành được độc lập, vừa đặt chân về đến Hà Nội, Bác Hồ lúc đó giữ cương vị Chủ tịch lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chỉ thị cho Bộ Thông tin - Tuyên truyền phải gấp rút bằng mọi giá xây dựng hệ thống thu phát sóng.

Để thuận lợi cho công việc và cũng do cơ sở vật chất lúc đó còn khó khăn, thiếu thốn nên cả hai bộ phận phát sóng (Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam) và thu sóng (Thông tấn xã Việt Nam) vẫn cùng ở trong một tổ chức điều hành, trực thuộc Nha Thông tin, Bộ Thông tin - Tuyên truyền (sau này Nha Thông tin trở thành bộ phận của Bộ Nội vụ). So với bộ phận phát sóng, bộ phận thu sóng có nhiều thuận lợi hơn

vì phòng thu tin của Pháp để lại ở nhà số 6 phố Pierre Pasquier (nay là phố Điện Biên Phủ) đã khá hoàn chỉnh không cần cải tiến, sửa chữa nhiều. Chính vì vậy, sau khi nhận được chỉ thị ít ngày, bộ phận thu tin (Thông tấn xã Việt Nam) đã tổ chức thu tin từ các hãng thông tấn nước ngoài, tin của quân đội Pháp ở Sài Gòn. Tuy nhiên ngày 23-8-1945 không được coi là ngày khai sinh ra Thông tấn xã Việt Nam bởimọi tin tức lúc này chưa phổ biến cho các báo mà chủ yếu nhằm giúp Chính phủ nắm được tình hình trong và ngoài nước, từ đó có kế sách kịp thời đối phó với âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Ngày 7-9-1945, Đài Tiếng nói Việt Nam chính thức ra mắt. Ngoài chương trình tiếng Việt, Đài Tiếng nói Việt Nam còn phát hai chương trình tiếng Anh Pháp tổng cộng 30 phút. Đây cũng chưa phải thời khắc ra đời Thông tấn xã Việt Nam bởi thực tế Thông tấn xã Việt Nam lúc này vẫn chưa có hô hiệu chính thức, các bản tin cũng chưa được biên tập theo thể văn thông tấn như ở nước ngoài. Ngày 15-9-1945, khi Đài phát sóng Bạch Mai phát đi toàn thế giới bản Tuyên ngôn độ lập và danh sách Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng ba thứ tiếng Việt - Anh - Pháp với các hô hiệu VNTTX, VNA, AVI, đánh dấu thời điểm khai sinh chính thức của Thông tấn xã Việt Nam.

Vì bộ máy nhân sự, cũng như điều kiện vật chất lúc này của Thông tấn xã Việt Nam còn nghèo nàn nên việc tổ chức cung cấp tin cho các báo trong cả nước chưa thể thực hiện được. Việc lập phân xã tại các địa phương hoặc đặt cơ quan thường trú tại nước ngoài cũng chưa được đặt ra. Chính vì vậy mà mảng tin trong nước của Thông tấn xã Việt Nam vào thời điểm những năm 1944 - 1946 thường bị chậm, không đầy đủ, toàn diện. Đối với phần tin tức thế giới cũng vậy, Thông tấn xã Việt Nam thời kỳ này chưa có mối quan hệ với các hãng thông tấn nước ngoài nên không được cung cấp tin tức một cách trực tiếp. Các biên tập viên (Trần Văn Chương phụ trách phần tiếng Anh, Lê Chân, Nguyễn Tư Huyên phụ trách phần tiếng Pháp) phải thay phiên nhau nghe đài BBC, VOA, chương trình tiếng Anh của đài Mátxcơva, đài Paris..., ghi chép rồi chọn lọc, biên soạn lại cho thích hợp. Ngoài

ra, họ còn sử dụng cả các nguồn tin lấy từ báo, tạp chí nước ngoài (mượn hoặc xin các cơ quan nước ngoài đóng ở Hà Nội) như Time, Newsweek, Reader's Digest...

Để kiểm soát tốt thông tin, cuối năm 1945 Nha Thông tin - Tuyên truyền được chuyển từ Bộ Tuyên truyền sang Bộ Nội vụ đặt trụ sở tại nhà số 71, phố Gambeta (nay là phố Trần Hưng Đạo). Nha Thông tin do đồng chí Nguyễn Tấn Gi Trọng làm Giám đốc, đồng chí Trần Kinh Xuyến làm Phó Giám đốc (bao gồm cả Đài Tiếng nói Việt Nam và Thông tấn xã Việt Nam). Vì là cơ quan đầu nguồn nên mọi tin tức do Thông tấn xã Việt Nam biên soạn bao giờ cũng mang tính chính thống, được coi như tiếng nói chính thức của Đảng và Nhà nước ta. Vào dịp Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Thông tấn xã Việt Nam đã chủ động ra một bản tin bằng tiếng Pháp để phân phát cho các báo, thông qua Đài Tiếng nói Việt Nam công bố sự kiện này ra thế giới. Thông qua các bản tin này, người dân Việt Nam lần đầu tiên hiểu rõ quyền công dân của mình, từ đó xác định trách nhiệm đối với việc xây dựng, bảo vệ chế độ, nghĩa vụ của mỗi cá nhân trước những đòi hỏi của một xã hội tự do, công bằng, dân chủ. Để ủng hộ và nắm bắt kịp thời mọi thông tin của cuộc kháng chiến chống Pháp tại Nam Bộ, Thông tấn xã Việt Nam đã cử phóng viên đi theo các đoàn quân Nam tiến. Phóng viên Nguyễn Bá Khoản là một trong những người đầu tiên có mặt tại các vùng bưng biền Nam Bộ. Các bài viết, đặc biệt là hàng trăm bức ảnh của ông là bằng chứng quý giá về tinh thần đấu tranh bất khuất của người dân nơi đây trước kẻ thù xâm lược.

Từ đầu tháng 8-1946, Thông tấn xã Việt Nam phát hành thêm bản tin tiếng Anh, mở rộng đối tượng phục vụ đến từng cơ quan báo chí. Từ thời điểm đó phần tin thế giới trên mỗi tờ báo đã phong phú, đa dạng hơn. Trong các dịp đoàn đại biểu Chính phủ ta sang Pháp ký Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, Tạm ước 14-9-1946, Thông tấn xã Việt Nam đều cử phóng viên đi theo. Ngoài nhiệm vụ thông tin, tường thuật diễn biến các cuộc họp một cách nhanh nhất, mà thông qua các bài viết họ còn cố

gắng bộc lộ chính kiến của mình đối với các chủ trương, sách lược sáng suốt đúng đắn của Đảng và Chính phủ ta. Đây là việc làm khó bởi theo thông lệ, chức năng chính của một hãng thông tấn là chỉ có nhiệm vụ cung cấp thông tin một cách nhanh nhất, tránh đưa ra những đánh giá có tính thiên kiến. Để định hướng tốt dư luận và cũng để báo chí không vượt ra ngoài quỹ đạo chung. Thông tấn xã Việt Nam chủ trương mọi thông tin cung cấp cho các báo phải trung thực và được chọn lựa kỹ càng. Mọi thông tin có hại cho lợi ích dân tộc đều cương quyết bị loại bỏ. Những tin tức quá xa vời không có mối liên hệ nào với nội tình đất nước, chỉ có ý nghĩa kích thích tò mò hoặc thỏa mãn thị hiếu tầm thường của độc giả, dễ làm băng hoại đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc cũng không được Thông tấn xã Việt Nam sử dụng. Đối tượng hàng đầu của Thông tấn xã Việt Nam lúc này là các thông tin chính trị, quân sự. Các thông tin về kinh tế, văn hóa nhiều khi bị coi là thứ yếu. Đây chính là hạn chế của Thông tấn xã Việt Nam không chỉ xuất hiện trong năm đầu độc lập (1945 - 1946) mà còn biểu hiện trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

Nói chung, với hơn một năm hoạt động, Thông tấn xã Việt Nam đã có những đóng góp to lớn cho công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Các bản tin của Thông tấn xã Việt Nam được thể hiện trên hệ thống phát thanh đã cho thế giới biết đến một nước Việt Nam yêu chuộng tự do, độc lập, quyết tâm đấu tranh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ nền tự do, độc lập ấy. Tuy nhiên, vì thời gian quá ngắn trong khi đất nước còn gặp muôn vàn khó khăn, thiếu thốn, Thông tấn xã Việt Nam chưa có điều kiện mở rộng quy mô hoạt động.

c) Sự ra đời và phát triển của Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam

- Sự hình thành hệ thống phát thanh cách mạng tại Bắc Bộ

Vừa giành được chính quyền ở Hà Nội (19-8-1945), lãnh đạo Đảng và Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có chỉ thị phải gấp rút xây dựng một đài phát thanh chuẩn bị cho ngày Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập và lễ ra

mắt chính quyền nhân dân. Nhận được lệnh của đồng chí Xuân Thuỷ (Nguyễn Trọng Nhâm), các ông Trần Kim Xuyến, Chu Văn Tích, Trần Lâm bắt tay ngay vào việc tổ chức, xây dựng Đài Phát thanh. Hoàn cảnh lúc đó hết sức khó khăn. Dưới chế độ cũ, Hà Nội chưa có đài phát thanh, mới chỉ có Sở Vô tuyến điện viễn thông dùng để liên lạc với Sài Gòn, Paris bằng tín hiệu morse. Cả ba cán bộ đứng ra thành lập đài phát thanh đều là những thanh niên, sinh viên yêu nước đi theo cách mạng. Họ hầu như chưa có chút kiến thức nào về kỹ thuật điện tử và nghiệp vụ làm các chương trình phát thanh.

Được sự đồng ý của các cấp lãnh đạo, ông Trần Kim Xuyến đã mời một số nhân viên kỹ thuật của chế độ cũ tham gia xây dựng Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam. Chỉ trong 10 ngày, một trung tâm phát sóng radio đã ra đời tuy vẫn còn hết sức thô sơ, lạc hậu. Ngày 2-9-1945 lời Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn đã được phát lên không trung trong buổi phát thanh đầu tiên. Do máy phát sóng công suất quá nhỏ, lại không phải dạng máy chuyên dụng, nên tiếng nói của Bác Hồ nghe không được rõ lắm. Vì sự hạn chế về chất lượng phát sóng và việc xây dựng studio chưa được hoàn chỉnh nên sau buổi phát thanh đó, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam tạm ngừng hoạt động để tu bổ máy móc, thiết bị. Đến ngày 7-9-1945, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam mới chính thức đi vào hoạt động. Đây được coi là ngày truyền thống của ngành. Hai phát thanh viên đầu tiên của Đài là chị Dương Thị Ngân và anh Nguyễn Văn Nhất. Bài ca *Diệt phát xít* của nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi được chọn làm nhạc hiệu. Hàng ngày, ngoài chương trình tiếng Việt kéo dài 30 phút, các chương trình thời sự bằng tiếng nước ngoài gồm các thứ tiếng: Anh, Pháp, Trung Quốc, Lào, quốc tế ngữ (Espe's ranto), Đài phát thêm chương trình thời sự tiếng Việt từ 6 giờ 30 và buổi đọc chậm tin tức cho các địa phương và báo chí chép lại. Cơ sở vật chất của Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam lúc này hết sức nghèo nàn, thiếu thốn đủ bề. Kể từ ngày thành lập cho tới cuối tháng 9-1946, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam chủ yếu áp dụng phương thức phát trực tiếp, chưa có máy ghi

âm để lưu lại những nội dung quan trọng. Trước mỗi chương trình, phát thanh viên và dàn nhạc đều phải nhắc lại câu danh xưng, nhạc hiệu. Studio được chuẩn bị vô cùng đơn giản, cách âm với bên ngoài chỉ là lớp chăn chiên mỏng nên các nội dung đọc trước máy luôn bị lẫn các tạp âm. Người nghe thỉnh thoảng còn bắt gặp cả tiếng ho khan, tiếng dịch chuyển bàn ghế. Việc kiểm soát chương trình không thể thực hiện được, chương trình có thể bị kéo dài ra hoặc rút ngắn lại do không có dàn dựng. Cũng vì lý do này mà Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam không thể thực hiện được các chương trình phỏng vấn trực tiếp. Trong đợt đi cùng phái đoàn đại biểu Chính phủ ta sang Pháp ký Tạm ước 14-9-1946, đồng chí Nguyễn Tấn Gi Trọng có mang về theo một máy ghi âm, tình hình mới được cải thiện. Lời Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập giờ mới được ghi lại làm tài liệu lịch sử. Câu danh xưng và bản nhạc hiệu cũng được thu âm, không cần phát thanh viên và ban nhạc phải chầu chực như trước.

Trong buổi ban đầu trứng nước, mặc dù điều kiện vô cùng khó khăn, thiếu thốn, nhưng những kết quả mà Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam đạt được là vô cùng to lớn. Nhờ nghe đài mà nhân dân hiểu và nắm bắt được những diễn biến đang xảy ra hàng ngày trong toàn quốc. Nhiều nước trên thế giới lần đầu tiên hiểu rõ về Việt Nam, về tính chính nghĩa trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của chính quyền Việt Minh. Hoạt động của Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam đã làm lực lượng quân đội Tưởng Giới Thạch tại Bắc Bộ và các đảng phái tay sai phản động tức tối. Chúng tìm cách gây khó dễ cho ta. Tướng Lư Hán ra yêu sách đòi ta phải đóng cửa Đài Phát thanh. Khi yêu cầu ấy không được chấp nhận, chúng đòi được kiểm duyệt trước nội dung các chương trình phát sóng. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, nhờ sự khôn khéo của cán bộ phụ trách Đài, hình thức này bị huỷ bỏ.

Sau ngày giành độc lập, Trung ương Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị kêu gọi nhân dân đoàn kết chống lại ba kẻ thù: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam đã tham gia rất tích cực vào

các hoạt động này, cùng với các báo vận động nhân dân hỗ trợ nhau trong cơn hoạn nạn, người giàu giúp người nghèo, người có ít giúp người không có. Những khẩu hiệu: "Lá lành đùm lá rách", “Bầu ơi thương lấy bị cùng”, "Một miếng khi đói bằng cả gói khi no"... xuất hiện thường xuyên trên sóng. Chúng gần như thành câu cửa miệng của phát thanh viên. Bên cạnh đó, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam còn hướng dẫn nhân dân tiết kiệm, tăng gia sản xuất, trồng các rau ngắn ngày xen với trồng lúa và các cây lượng thực khác, coi biện pháp này như quốc kế lâu dài của nhân dân ta. Tuần lễ vàng được toàn dân nhiệt thành hưởng ứng, nhân dân khắp nơi tình nguyện đóng góp chăn màn, giày dép, áo ấm cho binh sĩ... Tất cả các phong trào đó đều có công đóng góp không nhỏ của Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam.

Về mặt tuyên truyền văn hóa - xã hội, Đài hỗ trợ cùng Nha Bình dân học vụ, đưa ra nhiều sáng kiến thúc đẩy phong trào xóa nạn mù chữ tại các địa phương tiếng cả nước. Các khẩu hiệu người biết nhiều dạy người biết ít, người biết chữ dạy người chưa biết luôn được đề cập tới trong các chương trình phát thanh. Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc giới thiệu những kinh nghiệm, giới thiệu những điển hình tiên tiến trong dạy và học mà còn hướng dẫn các phương pháp truyền thụ kiến thức, phương pháp tiếp thu bài giảng, động viên toàn dân vượt qua các khó khăn về giới tính, tuổi tác, vật chất để đến với các lớp học. Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam rất chú trọng đến việc động viên trí thức thành thị đi về nông thôn mở lớp dạy học. Đài có những chương trình riêng, tuyên truyền cho nhân dân thực hiện nếp sống mới. Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam thường xuyên lên án, kêu gọi nhân dân xóa bỏ những tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, hủ tục, lề thói đạo đức phong kiến, mê tín dị đoan, luôn động viên bà con nông dân đoàn kết, sống lành mạnh trong tình làng nghĩa xóm, phát huy cao độ đời sống văn hóa mới, hiếu hỷ phải tiết kiệm, có tính văn hóa.

Quân đội Tàu - Tưởng và các đảng phái chính trị ngày càng lộng hành. Chúng ép Chính phủ lâm thời phải san sẻ quyền lực. Ở miền Nam, quân Pháp cấu kết với quân Nhật, núp sau lưng quân Anh dùng bạo lực dành chiến một số cơ quan trọng yếu của chính quyền cách mạng. Kẻ thù bao vây tứ phía buộc Đảng và Nhà nước ta phải tổ chức tổng tuyển cử, sớm bầu Quốc hội, ban hành Hiến pháp, thành lập Chính phủ mới để có tiếng nói chính thức trên trường quốc tế. Để xoa dịu quân Tưởng, tập trung vào kẻ thù trước mắt là quân Pháp, ta phải nhường một số ghế trong nội các cho Việt Quốc, Việt Cách. Nhờ biết tuyên truyền, gắn tổng tuyển cử với lòng yêu nước, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam đã góp phần đập tan luận điệu xuyên tạc của kẻ thù. Đối với miền Bắc và miền Trung, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam dùng khẩu hiệu "Mỗi lá phiếu là một viên gạch xây dựng Tổ quốc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa". Ở miền Nam ta dùng khẩu hiệu "Mỗi là phiếu là một viên đạn bắn thẳng vào quân thù xâm lược". Phương thức tuyên truyền linh hoạt trên đã góp phần không nhỏ cho chiến thắng của cuộc tổng tuyển cử. Quốc hội khóa đầu tiên được nhóm họp bầu ra Chính phủ liên hiệp do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước.

Khi Chính phủ ta ký Tạm ước (14-9-1946) với người Pháp, tình hình chính trị nước ta cũng có những diễn biến phức tạp. Quân Pháp liên tục vi phạm các điều khoản đã được ký kết. Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam được lệnh chuẩn bị sơ tán, cùng với toàn dân bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài, gian khổ và đầy hy sinh.

- *Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ:*

Như trên đã nói, trước Cách mạng Tháng Tám, tại Nam Bộ chỉ có duy nhất một Đài Phát thanh Sài Gòn Radio. Sau khi cướp chính quyền thành công, ta chưa kịp tiếp quản đài này thì đã nổ ra cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ. Cuộc kháng chiến bộn bề không cho phép Uỷ ban hành chính kháng chiến Nam Bộ có điều kiện xây dựng một đài phát thanh riêng. Phải tới giữa năm 1946, Đài Phát thanh

tiếng nói Nam Bộ mới chính thức ra đời theo Chỉ thị của đồng chí Phạm Văn Đồng - đại diện của chính quyền Việt Minh tại miền Trung. Lúc đầu Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ là tiếng nói chung cho có hai khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ được đặt tại đình Thọ Lộc, làng Tôn Đình, huyện Sơn Tịnh (Quảng Ngãi), do đồng chí Nguyễn Văn Huyên làm Giám đốc. Ngày 1-6-1946 Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ phát chương trình đầu tiên. Sau khi chị Tuyết Minh đọc câu danh xưng và quốc ca được cử lên, Đài phát đi lời hiệu triệu "Toàn dân đứng lên đi theo kháng chiến, của Chủ tịch Uỷ ban hành chính kháng chiến Nam Bộ Phạm Văn Bạch. Trong vài tháng đầu, ngoài phần tiếng Việt, Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ có chương trình tiếng Anh, Pháp, sau bổ sung thêm phần tiếng Thái Lan, Bắc Kinh, Quảng Đông.

Trong năm đầu độc lập (1945 - 1946), Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ xác định cho mình hai nhiệm vụ chính: Phản ánh kịp thời tình hình chiến sự, thông báo tin tức của miền Bắc đến với toàn thể đồng bào miền Nam, làm cầu tiếp sóng Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam. Trong hoàn cảnh kháng chiến khó khăn, thiếu thốn, bị địch đánh phá ác liệt, Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ vẫn cố gắng duy trì đều đặn, liên tục các buổi phát sóng. Các chương trình của đài cũng khá phong phú. Ngoài những nội dung phản ánh đời sống kháng chiến là phần tin tức, bình luận các vấn đề chính trị nổi cộm trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ rất chú trọng xây dựng các chương thanh văn hóa, văn nghệ lành mạnh. Mọi chủ trương, đường lối của Trung ương đều được Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ thông báo kịp thời cho đồng bào chiến sĩ, đảm bảo sự thông suốt, thống nhất trong nhận thức, quan điểm cũng như các sách lược cách mạng.

Vì ở quá xa Trung ương cũng như các trung tâm kháng chiến của Nam Bộ nên tin tức đến được với Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ thường xuyên bị chậm, diện phủ sóng cũng bị hạn chế. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc chuẩn bị nổ ra, đồng

chí Phạm Văn Đồng chỉ thị cho Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ rời lên núi Sơn Tân (huyện Sơn Hà) để bảo toàn lực lượng, mặt khác xin cấp trên trang bị máy phát có công suất mạnh hơn. Ngoài ra, đồng chí còn chỉ thị Ban Giám đốc của Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ chuẩn bị kế hoạch, xây dựng cơ sở vật chất cho Đài Phát thanh tiếng nói Đồng Tháp Mười. Lúc đầu tạm thời phát thử nghiệm trên đất Quảng Ngãi, chuẩn bị cơ sở, kỹ thuật lắp ráp Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ kháng chiến đặt tại xã Nhơn Hòa Lập, huyện Mộc Hóa (Đồng Tháp Mười). Ngày 1-12-1947 Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ chính thức ra mắt khán thính giả trong và ngoài nước. Đài đặt dưới sự quản lý trực tiếp của Sở Thông tin - Tuyên truyền Nam Bộ. Đây là thời kỳ phong trào báo chí yêu nước Nam Bộ đang lên cao. Dòng báo chí này chủ yếu tập trung tại Sài Gòn. Để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, hòa nhịp với trào lưu chung Sở Thông tin - Tuyên truyền Nam Bộ quyết định tách một bộ phận Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ thành Đài Phát thanh Sài Gòn – Chợ Lớn tự do (Đài chính thức ra mắt ngày 25-1-1951 do đồng chí Nguyễn Khắc Cẩn phụ trách). Đối tượng phục vụ của Đài Phát thanh Sài Gòn - Chợ Lớn tự do là mọi tầng lớp nhân dân các tỉnh miền Đông Nam Bộ, công chức, trí thức đang sống và làm việc tại Sài Gòn và các vùng lân cận, trong kháng chiến chống Pháp, Đài Phát thanh tiếng nói nam Bộ nói riêng, Sở Thông tin - Tuyên truyền Nam Bộ nói chung hoạt động hết sức năng động, hiệu quả, quy tụ được nhiều văn nghệ sĩ, trí thức của một nửa đất nước, tiêu biểu như Thiếu Sơn, Triệu Công Minh, Ái Lan, Huỳnh Văn Gấm, Nguyễn Cao Thương, Dũng Tiến, Nguyễn Văn Hanh, Hoàng Xuân Nhị, Lưu Quý Kỳ, Chương Minh Ngọc, Nguyễn Sơn, Đào Hoàng Thuý, Nguyễn Ngọc Bạch, Lưu Cầu, Hà Mậu Nhai, Hoàng Phố, Hoàng Tấn, Đoàn Giỏi, Dương Tử Giang. Tất cả họ đều trực tiếp hoặc gián tiếp làm việc hay cộng tác thường xuyên với Đài. Đài luôn xác định là công cụ chính trị sắc bén giúp đỡ đắc lực cho Đảng và Chính phủ chỉ đạo kịp thời mọi diễn biến của cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Khi còn đặt ở Quảng Ngãi, mỗi ngày Đài phát thanh hai buổi sáng và tối

trên làn sóng điện 24,26TH. Nội dung chính của Đài lúc này là kêu gọi toàn thể đồng bào Nam Bộ đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp, tố cáo tội ác của giặc, cổ vũ phong trào báo chí thống nhất, chống chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thạnh, Lê Văn Hoạch, ủng hộ phong trào đòi hòa bình, đấu tranh vì dân chủ, dân sinh. Từ giữa năm 1947, Đài cùng một lúc phải quản lý ba lán sóng bới ba danh xưng tiếng nói Nam Bộ, tiếng nói Đồng Tháp Mười và Phát thanh tiếng nói Việt Nam. Để đảm bảo an toàn, chính quyền Liên khu V quyết định chuyển vào sâu trong vùng rừng núi thuộc huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Nhiều khi, để tránh sự truy lùng gắt gao của địch, anh em phải đặt thiết bị phát sóng lên xe goòng. Chương trình vừa phát xong, mọi người lập tức xúm lại đẩy xe và máy trên đường ray xe lửa chạy sang khu vực khác. Khi Đài Phát thanh tiếng nói Nam Bộ (đặt tại Đồng Tháp Mười) bắt đầu phát sóng thì Đài Tiếng nói Đồng Tháp Mười tại An Lão đổi tên thành Tiếng nói miền Nam, tiếp tục hoạt động đến năm 1953. Trong hoàn cảnh kháng chiến thiếu thốn, khó khăn mọi bề, Đài luôn nhận được sự quan tâm, động viên của đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện của Chính phủ tại khu vực miền Trung. Đồng chí đã nhiều lần chỉ thị cho các cơ quan Đảng, chính quyền phải giúp đỡ, cung cấp thông tin cho Đài. Từ chỗ chỉ có một máy thu phát liên hoàn MK2 công suất 15W đến cuối năm 1947, Đài được trang bị máy phát công suất 500W, nhờ đó tình hình thu và phát tin bước đầu được cải thiện đáng kể. Đối với tin trong nước, Đài chủ yếu lấy từ Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Nam Bộ, Uỷ ban hành chính kháng chiến Nam Bộ, Sở Thông tin - Tuyên truyền Nam Bộ. Còn tin nước ngoài thì được chọn lọc từ hệ thống phát thanh của các hãng Tass, Reuter, AFP và qua đài vô tuyến điện tử của ông Trần Văn Luân, đại diện Việt Nam tại Băng Cốc. Đây là dịp để Đảng và Nhà nước ta phổ biến ra thế giới để thế giới hiểu rõ tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp do Mặt trận Việt Minh phát động.

III. BÁO CHÍ CÁCH MẠNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP 1946 - l954

1.Tình hình báo in trong vùng kháng chiến

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, hàng loạt cơ quan báo chí chuyển lên vùng chiến khu. Nhiều tờ báo tiến bộ mang màu sắc yêu nước ở các đô thị trước đã ủng hộ Mặt trận Việt Minh, giờ không có điều kiện ra đi, đã đóng cửa chờ thời hoặc ngấm ngầm giúp đỡ cách mạng bằng cách lập quỹ từ thiện, mua thuốc men lương thực gửi theo các đường dây bí mật lên Việt Bắc. Có ký giả đã đưa cả gia đình đi kháng chiến. Hầu hết đều nhanh chóng hòa nhập với đời sống khó khăn, thiếu thốn nơi rừng núi. Người thì tham gia làm báo cách mạng, người đứng ra tập hợp anh em cùng cảnh ngộ lập tờ báo riêng. Ít có ai chịu cảnh ăn không ngồi rồi. Nói chung, loại báo chí tư nhân này hoạt động khá nhộn nhịp. Do hoàn cảnh chiến tranh nên hầu hết chúng đều được in bởi các phương tiện hết sức lạc hậu, không cần nhiều nhân lực. Cá biệt có tờ vẫn sử dụng hình thức in xu – xoa (in thạch) hoặc bằng loại máy đạp chân tự chế. Mực in cũng là loại chất lượng kém nên nhìn bề ngoài tờ báo không được đẹp, chữ in thường nhòe, mất nét, không ngay ngắn, chữ to, chữ nhỏ. Những người chủ trương ra loại báo này hoàn toàn không vì lý do vật chất, nhiều khi chỉ để tránh đời sống quá nhàn tản tại các vùng quê. Mỗi tờ báo loại này thường chỉ in chừng vài trăm bản mỗi kỳ, dùng để tặng bạn bè, thậm chí biếu không người qua đường, ít khi bán. Vào thời kỳ này, báo của tư nhân không sử dụng nhiều các nội dung chính trị hoặc mang tính chất loại báo thông tin thuần tuý. Chúng thường là các loại báo văn hóa, văn nghệ đăng các tác phẩm của chủ báo và của bè bạn. Vì không được nuôi dưỡng tốt, ra đời có khi do ngẫu nhiên nên loại báo tư nhân ít có tờ nào tồn tại được lâu dài, thường chỉ được vài tháng, có tờ ra được duy nhất một số rồi tự đóng cửa không kèn không trống. Nói chung với loại báo này, Chính phủ kháng chiến không kiểm soát được. Điều đáng mừng là trong suốt 9 năm kháng chiến trường kỳ, không có tờ báo tư nhân nào xuất bản ở các

vùng tự do có giọng điệu chống đối chính quyền đi ngược lại với chủ trương, chính sách của Mặt trận Việt Minh. Chúng luôn sát cánh cùng hệ thống báo chí của Đảng và Nhà nước đấu tranh vì sự nghiệp chung: Độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Từ những năm 1948 trở đi, báo chí tại các vùng kháng chiến được tổ chức, sắp xếp lại, dần đi vào thế ổn định. Báo của tư nhân tờ tự đóng cửa, tờ thì sáp nhập với báo của chính quyền. Phần lớn ký giả trước sống tự do, giờ đều vào biên chế nhà nước, có điều kiện cống hiến sức lực, trí tuệ cho đất nước. Nhiều người, nhờ sự thay đổi môi trường làm việc này đã trở thành đảng viên, thành những nhà báo cách mạng có tên tuổi. Đây cũng là báo chí của các đảng phái tiến bộ, của các hội, đoàn thể, tổ chức yêu nước hòa chung dòng chảy của hệ thống báo Đảng. Mối quan hệ này trở nên đặc biệt khăng khít kể từ sau ngày Đảng ra công khai trở lại (1951). Nói cách khác, sau vài năm kháng chiến, tại các vùng tự do chỉ tồn tại dòng báo duy nhất, Báo chí cách mạng.

Mặc dù không có báo chí đối lập, báo chí trung gian nhưng dòng báo chí cách mạng tại các vùng chiến khu lúc này không vì thế mà cho phép mình được ỷ lại hay trở lên đơn điệu, bảo thủ. Mỗi tờ báo đều tự xác định cho mình một nhiệm vụ cụ thể. Với số đầu báo ít ỏi (năm 1952 chỉ có 52 tờ). Báo chí cách mạng gần như vẫn bao quát được toàn bộ mọi đối tượng trong xã hội, tất cả đều đặt công tác tuyên truyền chính trị lên hàng đầu, coi việc phục vụ kháng chiến là quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình. Sở dĩ có được kết quả trên là do Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng và đặt hết niềm tin vào đội ngũ ký giả. Chính quyền nhân dân không tìm cách kiểm soát báo chí mà chỉ vạch ra những định hướng tuyên truyền cơ bản cho một tờ báo của trung ương. Mọi sự định hướng này nhất thiết phải phù hợp với đường lối kháng chiến do Mặt trận Việt Minh đề ra, phải phục vụ lợi ích dân tộc. Trên cơ sở này, những tờ báo nhỏ của ban, ngành, đoàn thể cứ thế mà tuyên truyền một cách tự giác. Phương thức quản lý này để hạn chế đến mức thấp nhất việc thông tin trái chiều nhau trong khi mỗi tờ báo vẫn có điều kiện bộc

lộ bản sắc riêng, cũng như tôn chỉ, mục đích của mình. Nói cách khác, tính tự do, dân chủ của báo chí được tôn trọng trong khi vẫn duy trì tốt tính thống nhất về tư tưởng và hành động đối với hệ thống báo chí. Báo *Quân du kích* (báo *Quân đội nhân dân*) đặt công tác tuyên truyền cho sự đồng lòng nhất trí của sĩ quan, binh lính lên hàng đầu, coi tình quân dân cả nước như là điều kiện có tính quyết định đến thắng lợi của cách mạng nước ta. Báo phụ nữ Việt Nam có nhiệm vụ tập hợp phụ nữ, báo *Văn nghệ* tập hợp văn nghệ sĩ trí thức, báo *Lao động* tập hợp công nhân... Tất cả hòa vào dòng chảy chung, cùng đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc thân yêu. Ngoài nội dung chủ yếu trên, báo chí kháng chiến còn đề cập đến nhiều lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội có liên quan trực tiếp đến cuộc đấu tranh. Tố cáo âm mưu, thủ đoạn, tội ác của kẻ thù xâm lược và bè lũ tay sai là đề tài thường trực của mỗi tờ báo từ trung ương đến địa phương. Có tờ dành hẳn trang hoặc chuyên mục riêng để phản ánh những vấn đề của các vùng tạm chiến, nói lên tâm tư, tình cảm, những đau khổ, mất mát mà mỗi người dân sống trong ách kìm kẹp của thực dân đế quốc đang phải gánh chịu.

Về đối ngoại, báo chí cách mạng lúc này tập trung tuyên truyền về chủ nghĩa cộng sản, về những thanh tự của Liên bang Xôviết cũng như các nước nằm trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đã và đang đạt được, tuyên truyền cho cách mạng Trung Quốc và các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập, tự do, hạnh phúc. Thông qua hệ thống phát thanh vẫn còn thô sơ, lạc hậu, Đảng và Nhà nước ta đã chứng tỏ cho thế giới thấy và hiểu rõ về cuộc đấu tranh chính nghĩa của chính phủ kháng chiến, thà hy sinh đến giọt máu cuối cùng, tuyệt không trở lại kiếp nô lệ một lần nữa.

Cuộc sống kháng chiến cũng là một đề tài được báo chí cách mạng khai thác triệt để từ các lĩnh vực chính trị, kinh tế đến văn hóa, xã hội. Riêng khía cạnh quân sự, để giữ bí mật, báo chí ít đề cập, nếu có cũng chỉ là những vấn đề chung chung, bề nổi như tâm tư, tình cảm của người lính khi xa nhà, tinh thần hy sinh vì đồng đội

của người chiến sĩ cách mạng, những tấm gương giết giặc lập công điển hình, bộ đội giúp dân dựng nhà, dạy trẻ em học, thu hoạch mùa màng,..

Việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống mới, lành mạnh, kêu gọi mỗi làng kháng chiến xây dựng tổ chức một bản hương ước phù hợp với tình hình đất nước có chiến tranh được báo chí cách mạng nói đến nhiều hơn cả. Diệt giặc đốt, bài trừ mê tín dị đoan, phê phán tệ cờ bạc, tảo hôn, trộm cắp, ca ngợi lối sống lành mạnh, duy trì "tình làng nghĩa xóm", "tối lửa tắt đèn có nhau" là những nội dung thường xuyên xuất hiện trên mặt báo. Để cải thiện đời sống cho nhân dân cũng như cán bộ chiến sĩ, báo chí kháng chiến không chỉ vạch ra chiến lược phát triển kinh tế ở tầm vĩ mô mà còn rất chú trọng phản ánh những mô hình trang trại nhỏ làm ăn giỏi, đề cao hình ảnh những anh hùng, chiến sĩ thi đua trong lao động sản xuất...

2. Các tờ báo chủ lực ra đời trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp

a) Báo Nhân dân

Kể từ tháng 9-1950 khi chiến dịch biên giới kết thúc, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta bước sang giai đoạn thứ hai, chuyển từ thế phòng thủ sang thế chủ động trên khắp các chiến trường. Đây cũng là lúc Liên Xô và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đang ngày càng khẳng định vai trò, vị trí của mình trên trường quốc tế. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. Tại châu Phi, Mỹ La tinh, nhiều nước thuộc địa đã tự vùng lên giành độc lập dân tộc. Xu thế này đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải ra công khai trở lại. Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng đã được triệu tập tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang diễn ra từ ngày 11 đến ngày 19- 2-1951 thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ của Đảng. Để phù hợp với tình hình trong nước, tập hợp được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, Đảng lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư. Nghị quyết của Đại hội Đảng chỉ rõ, tờ báo *Sự thật* đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, nay thay thế bởi tờ *Nhân dân*. "Để tuyên

truyền chủ nghĩa và động viên đảng viên và quần chúng nhân dân thực hành chính sách của Đảng". Nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ II cũng nêu rõ, trước mắt, vì hoàn cảnh thời chiến, báo *Nhân dân* tạm thời ra hàng tuần, khi có điều kiện, báo sẽ ra hàng ngày. Đối tượng chính của báo là đảng viên và quần chúng nhân dân có còn yêu nước. Ngoài sự chỉ đạo sát sao của Tổng Bí thư Trường Chinh, đội ngũ cán bộ đầu tiên của báo *Nhân dân* là các đảng viên cốt cán như Tố Hữu, Hoàng Tùng, Thép Mới. Nhiều phóng viên làm ở báo *Sự thật* trước đây giờ chuyển sang *Nhân dân.*Một số cây bút trưởng thành từ các phong trào sáng tác tại các đơn vị cũng được tuyển chọn về làm việc cho báo. Vượt qua mọi trở ngại, khó khăn, ngày 11-3-1951 báo *Nhân dân* ra số đầu tiên, in 6 trang. Ngay trên trang nhất của số báo này in trang trọng Tuyên ngôn của Đảng Lao động Việt Nam, bài của Tổng Bí thư Trường Chinh với tiêu đề "Hồ Chủ tịch người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta" và bài "Bàn về cách mạng Việt Nam". Đây là loạt bài có tính tổng hợp, chỉ đạo, vạch rõ đường lối cách mạng khi đất nước có chiến tranh.

Trong những số đầu, *Nhân dân* phát hành mỗi kỳ gần 2 vạn bản. Ban biên tập báo gồm 8 đồng chí: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Thanh, Trần Quang Huy, Hà Xuân Trường, Quang Đạm, được thành lập theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đồng chí Trường Chinh làm chủ nhiệm, phụ trách chung, Trần Quang Huy làm thư ký ban biên tập. Lúc này, do Đảng chưa có điều kiện ra tạp chí, nên báo *Nhân dân*, ngoài chức năng thông tin, còn đảm trách thêm nội dung lý luận nhằm tuyên truyền sâu rộng tới các cấp uỷ về công tác xây dựng Đảng, bồi dưỡng, giáo dục lý tưởng cộng sản cho cán bộ, đảng viên, tổ chức, phát triển chi bộ cơ sở từ thấp đến cao… Báo lấy tên *Nhân dân* một mặt để khắc phục tên hệ thống báo Đảng của những giai đoạn trước thường mang tính giai cấp nặng nề như *Dân cày, Lao khổ,* mặt khác là nhằm thể hiện ý chí của cách mạng là phục vụ nhân dân.

Từ những năm năm mươi, các vùng tự do ngày càng được mở rộng, số lượng đảng viên cũng tăng cao, giao thông giữa các chiến khu đã dễ dàng thuận tiện hơn. Thực tế này đòi hỏi báo *Nhân dân* phải có sự đầu tư thích ứng cả về cơ sở vật chất lẫn chất lượng bài vở. Để in hàng chục vạn bản mỗi kỳ, Nhà xuất bản *Sự thật* giờ không đáp ứng được, Đảng và Nhà nước quyết định cho xây dựng 2 nhà in riêng cho báo *Nhân dân,* một đặt ở khu Việt Bắc, một ở Liên khu IV. Việc làm này đã giải quyết được mấy vấn đề:

- Đáp ứng được tính kịp thời của thông tin;
- Mở rộng được đối tượng bạn đọc;
- Hạn chế đến mức thấp nhất sự kiểm soát của kẻ thù, giảm thiểu rủi ro. Nếu thực dân Pháp đổ quân lên Việt Bắc, chẳng may đánh trúng cơ quan báo, thì báo của Đảng vẫn in được ở Liên khu IV.

Kể từ khi báo *Nhân dân* ra đời cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị, nghị quyết về việc xây dựng mạng lưới thông tin viên, yêu cầu các đồng chí uỷ viên trung ương, lãnh đạo các ban, ngành, địa phương viết bài cho báo, coi đây như là quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của các đảng viên, đồng thời các cấp uỷ đảng phải có nhiệm vụ chuyển báo đến từng chi bộ. Phong trào đọc và làm theo báo Đảng được phát động ở hầu khắp các vùng kháng chiến. Thậm chí một số người dân vùng tạm chiếm từ nhiều nguồn khác nhau cũng có trong tay tờ *Nhân dân,* bí mật truyền cho nhau đọc. Càng về sau báo *Nhân dân* không chỉ phục vụ riêng đối tượng cán bộ, đảng viên nữa mà dần trở thành món ăn tinh thần chung của toàn dân.

Ngoài những trang mục đề cập đến tin tức trong và ngoài nước, xã luận, bình luận quen thuộc, báo *Nhân dân* thời kỳ kháng chiến chống Pháp còn có những chuyên mục rất gây ấn tượng với bạn đọc như "Nói và nghe", "Mũi tên nhọn", “Bảng vàng thi đua", "Ý kiến bạn đọc", "Trả lời bạn đọc"... Trong số này, các chuyên mục "Nói và nghe", "Mũi tên nhọn" có tính chiến đấu cao, thường đăng bài của các đồng chí

lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc của những cây bút dày dặn kinh nghiệm nghề nghiệp, có quan điểm, lập trường vững vàng. Theo con số thống kê chính thức, tính đến ngày 14-10-1954, riêng trong mục "Nói và nghe" đã đăng 236 bài của Bác Hồ qua bút danh CB. Việc làm gương mẫu này của Bác đã được nhiều nhà lãnh đạo cao cấp noi theo. Các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Thanh Nghị, Tố Hữu cũng thường xuyên có bài gửi cho *Nhân dân,* tạo nên phong trào viết cho báo Đảng trong cán bộ, chiến sĩ và quần chúng nhân dân. Đây là nguyên nhân làm cho tờ báo có sự phong phú về giọng điệu, phong cách, màu sắc trong khi vẫn tuân thủ nghiêm ngặt tôn chỉ mục đích của mình. Cũng như nhiều tờ báo Đảng trước đó, *Nhân dân* rất năng động, bám sát mọi diễn biến của thời cuộc. Tuỳ theo tình hình chiến sự và nhu cầu của bạn đọc mà các chuyên mục của báo cũng thường xuyên biến đổi cho phù hợp.

Là cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng, báo *Nhân dân* rất chú trọng đến những nội dung có tính chỉ đạo về chủ trương, đường lối, chính sách cũng như chiến lược cách mạng của Đảng và Nhà nước. Ngay từ số đầu tiên báo đã dành toàn bộ nội dung cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II. Ngoài Văn kiện, Tuyên ngôn, Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam, báo còn có bài viết của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thi đua giết giặc lập công, tăng gia sản xuất, tiết kiệm, đưa cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đến thắng lợi cuối cùng. Mọi diễn biến của cuộc chiến tranh đều được báo phản ánh trên diện rộng, cổ vũ kịp thời tinh thần đấu tranh của quân và dân trong cả nước. Những tấm gương điển hình trong chiến đấu, lao động sản xuất thường xuyên xuất hiện trên mặt báo. Hầu như số nào *Nhân dân* cũng có bài tố cáo âm mưu, tội ác của kẻ thù.

Bên cạnh chức năng thông tin, báo *Nhân dân* luôn chú trọng đến việc định hướng dư luận. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp bao giờ báo cũng đặt công tác tuyên truyền: phân tích các chủ trương, Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần

thứ II lên hàng đầu, góp phần tạo niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước. Báo cũng thường xuyên có bài bàn về chiến lược cách mạng, các phương pháp đấu tranh vũ trang của các vị tướng lĩnh tài ba như Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh. Ngoài việc đề cập đến các vấn đề chính trị, quân sự, báo *Nhân dân* không xem nhẹ đường lối phát triển kinh tế thời chiến, khái quát được những chính sách cơ bản của nền kinh tế dân chủ nhân dân, đề ra các biện pháp kinh tế trong thời gian trước mắt và lâu dài. Việc vận động nhân dân thực hiện nếp sống mới của từng địa phương cũng được báo quan tâm đặc biệt. Bài trừ mê tín dị đoan, nạn cờ bạc, rượu chè, nghiện ngập luôn là những nội dung để báo *Nhân dân* tuyên truyền. Báo dành nhiều chuyên mục kêu gọi nhân dân thực hiện lối sống lành mạnh, tích cực tham gia sản xuất, tiết kiệm, tổ chức cưới xin, ma chay có văn hóa.

Là cơ quan ngôn luận của toàn Đảng, toàn dân, báo *Nhân dân* rất chú trọng đến văn phong, cách trình bày. Các bài viết thường ngắn gọn, dễ hiểu, ít dùng những thuật ngữ qúa trừu tượng. Các vấn đề báo nêu đều súc tích, sắc bén, cách trình bày nghiêm túc, trang trọng, ảnh minh họa cũng được sử dụng nhiều đã làm tăng hiệu quả tuyên truyền. Vì lý do thời chiến, báo mới chỉ tập trung vào những vấn đề thiết thực, còn xem nhẹ mảng văn học, giải trí. Đây là nguyên nhân làm cho báo dễ bị coi là khô khan, chưa thu hút được hết đối tượng bạn đọc, nhất là những người ngoài Đảng.

Cùng với báo *Nhân dân* - cơ quan của Trung ương Đảng, thời kỳ này còn có hai tờ báo mang tên *Nhân dân* của Trung ương cục miền Nam và Liên khu uỷ khu V. Đây là những tờ báo có vai trò rất quan trọng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng tại các địa phương xa trung ương.

Báo *Nhân dân miền Nam* - cơ quan của Trung ương cục miền Nam ra số đầu tiên ngày 15-4-1951. Báo do đồng chí Nguyễn Thượng Vũ (Nguyễn Văn Kỉnh) làm chủ nhiệm, ra mỗi tháng 2 kỳ. Ngay trong số 1, báo đăng trang trọng văn kiện của

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Tuyên ngôn của Đảng Lao động Việt Nam và các chính sách của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó là loạt bài của các đồng chí Phạm Hùng, Nguyễn Văn Nguyễn, Lưu Quý Kỳ bàn về các vấn đề xung quanh việc ra công khai của Đảng, đề ra nhiệm vụ cụ thể cho cách mạng Việt Nam. Lúc đầu, báo *Nhân dân miền Nam* ra khổ 24x34cm với số lượng 12.000 tờ/kỳ. Sau để dễ phát hành báo thu hẹp khổ thành 16x24cm, tăng từ 8 lên 32 trang.

Ngoài những nội dung gắn bó chặt chẽ với tình hình chính trị Nam Bộ, báo *Nhân dân miền Nam* thường xuyên đăng lại những bài có tính chỉ đạo của báo nhân dân trung ương, coi đây như phương châm cách mạng cho cả nước. Để phù hợp với nhu cầu tâm lý, sở thích của đảng viên, quần chúng Nam Bộ, báo khá linh hoạt trong việc tổ chức, xây dựng các mục. Không kể các mục chính như "Nhiệm vụ - công tác - kinh nghiệm", "Công tác chi bộ", "Đồng bào nói, đồng bào viết"..., báo còn sử dụng khá hiệu quả mảng văn chương để thể hiện những nội dung chính trị Truyện ngắn, thơ ca là những thể loại được báo dùng nhiều nhất, chủ yếu đề cập đến đời sống của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân tại các vùng kháng chiến. Mục "Búa công nhân" được bạn đọc rất hoan nghênh, thích thú. Với những tranh minh họa, thơ đả kích, châm biếm, mục này đã góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho người đọc, giúp cho nhân dân nhận thức rõ nét bộ mặt thật của kẻ thù. Mặc dù hoàn cảnh kháng chiến hết sức khó khăn, nhưng báo *Nhân dân miền Nam* luôn được các cấp lãnh đạo từ trung ương đến địa phương tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ cả về vật chất lẫn tinh thần. Đội ngũ phóng viên, biên tập viên của báo được lựa chọn kỹ càng từ các cơ quan đơn vị. Báo cũng luôn được đặt dưới tự quản lý của các cây bút tên tuổi thư Lưu Quý Kỳ, Trần Bạch Đằng, Tô Hoài. Những phóng viên Triều Dương, Việt Hùng, Phùng Lương, Lê Điện Biên luôn xông xáo trên khắp các chiến trường để viết tin, bài. Do được quan tâm đầy đủ, *Nhân dân miền Nam* là một trong những tờ báo ít ỏi lúc đó sử dụng ảnh kẽm, in màu trang bìa. Vào

thời điểm gần cuối cuộc kháng chiến, báo còn được trang bị loại máy in nhiều màu hiện đại Rotavive.

Kháng chiến thành công, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đất nước bị chia hai, báo *Nhân dân miền Nam* hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, ra số cuối cùng vào ngày 5-1-1955. Trong số 84 này có đăng thư chúc Tết gửi đồng bào cả nước của Bác Hồ, thư gửi đồng bào miền Nam của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, của Liên đoàn Thanh niên Việt Nam, có bài xã luận của đồng chí Trần Bạch Đằng bày tỏ sự tin tưởng tuyệt đối của nhân dân miền Nam đối với sự lãnh đạo sáng suốt của Bác, của Đảng và Nhà nước, tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng nước ta.

Báo *Nhân dân Liên khu V* ra số 1, này 10-5-1951, trụ sở tòa soạn đầu tiên của báo đặt tại xã Hoài Ân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Có thời gian báo đóng trụ sở tại các huyện Đức Phổ, Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Báo do đồng chí Trần Tống làm chủ nhiệm, Hồ Dưỡng làm thư ký tòa soạn. Lúc đầu báo chủ trương ra mỗi tháng 2 kỳ sau là 10 ngày 1 kỳ, khổ 20x30cm, 12 trang (số đặc biệt in 16 trang).

Cũng như những tờ báo Đảng của trung ương và địa phương khác, báo *Nhân dân Liên khu V* thường dành những trang quan trọng đăng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương. Những bài viết quan trọng trên báo *Nhândân* trung ương cũng thường xuyên được báo *Nhân dân Liên khu V* đăng tải lại, đặc biệt là các bài của Bác Hồ dưới bút danh CB in trong mục "Nói và nghe". Hệ thống phóng viên, biên tập viên của báo *Nhân dân Liên khu V* cũng khá đông đảo, có trình độ nghề nghiệp cao. Nhiều người sau ngày báo tự đóng cửa, đã chuyển sang làm cho báo *Nhân dân* trung ương.

Mặc dù chỉ in số lượng trung bình 5.000 bản/kỳ nhưng báo *Nhân dân Liên khu V* khá năng động trong khâu phát hành. Nhờ nhiều đường dây khác nhau, báo đến được với bạn đọc khá nhanh chóng kể cả đối với những vùng xa xôi nhất của cả dải miền Trung và Tây Nguyên, đưa được cả vào các vùng tạm chiếm, những nơi đang có chiến sự gay go, khốc liệt. Do hoàn cảnh riêng, báo *Nhân dân Liên khu*

V thực hiện triệt để chủ trương tự túc, tự cấp. Giá bán báo của báo khá cao nhưng độc giả vẫn tìm mua và ủng hộ nhiệt tình.

Theo điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, toàn bộ Liên khu V sẽ được đặt dưới sự quản lý của quân đội Pháp. Miền đất này là trạm trung chuyển của lực lượng hai bên. Báo *Nhân dân Liên khu V* không thể tiếp tục tồn tại và đã ra số cuối cùng đúng vào ngày sinh nhật Bác 19-5-1955.

b) Tạp chí Cộng sản (1950)

Năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta có bước phát triển mới. Đội ngũ đảng viên ngày càng đông: cuối năm 1949, Đảng đã có hơn 70 vạn đảng viên. Hầu hết các cơ sở nông thôn, đại đội lực lượng vũ trang và xí nghiệp Nhà nước đều có chi bộ đảng. Mặc dù Đảng chưa ra công khai, nhưng vai trò lãnh đạo của Đảng đã được khắp nơi thừa nhận.

Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp tại Việt Bắc từ ngày 21-1-1950 đến ngày 3-1950, trên cơ sở đánh giá trình độ lý luận và ý thức chính trị của cán bộ, đảng viên chưa tiến kịp những nhiệm vụ mỗi ngày một nặng, đã quyết định đẩy mạnh việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và đấu tranh tư tưởng. Để góp phần tiến hành tốt nhiệm vụ đó, hội nghị đã quyết định "ra một tạp chí lý luận thay cho tờ *Sinh hoạt nội bộ*". Sau khi quyết định đó được Trung ương Đảng thông qua *Tạp chí Cộng sản* ra số 1 vào tháng 7-1950, mang tiêu đề "Cơ quan trung ương huấn luyện lý luận và công tác của Đảng do đồng chí Trường Chinh làm chủ nhiệm.

Tập chí Cộng sản ra hàng tháng, in typô, khổ giấy 16x24cm. Cũng như *Sinh hoạt nội bộ,* trên bìa *Tạp chí Cộng sản* có ghi: "Báo này chỉ lưu hành trong Đảng". Chủ nhiệm tạp chí là đồng chí Trường Chinh. Trong *Lời nói đầu* đăng số 1, có đoạn nói rõ mục đích của tạp chí "là góp phần vào việc giáo dục tư tưởng Mác - Lênin, nâng cao trình độ lý luận và công tác của cán bộ và của đảng viên toàn Đảng, đặc biệt là cho cán bộ trung cấp. Nó có nhiệm vụ giải thích đường lối, chủ trương của Đảng, đem chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng các vấn đề cách mạng Đông Dương và các

vấn đề quốc tế. Nó là nơi để các cán bộ, đảng viên trao đổi ý kiến, tranh luận về các vấn đề lớn thuộc chính sách của Đảng và lý luận cách mạng, dưới sự điều khiển và hướng dẫn của Trung ương. Nó dùng phương pháp phê bình và tự phê bình đấu tranh chống những tư tưởng và lý luận sai lầm, những chủ trương và hành động trái với đường lối Mác - Lênin của Đảng. Nó phổ biến những kinh nghiệm vận động cách mạng lớn của Đảng ta và các Đảng anh em. Nó hướng dẫn việc học tập trong Đảng, thông báo tin tức lớn về sinh hoạt nội bộ của Đảng v.v..

Về cơ cấu lãnh đạo, đồng chí Trường Chinh làm chủ nhiệm tạp chí, đồng chí Trần Đăng Huy là thư ký tòa soạn. Hồi còn Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ*, đồng chí Trường Chinh là người phụ trách chính, không những phụ viết bài mà còn phải trực tiếp viết nhiều bài. Đối với *Tạp chí Cộng sản* với chức danh chủ nhiệm, đồng chí Trường Chinh chịu trách nhiệm về đường lối chính trị, thông qua kế hoạch từng số và duyệt bài xã luận. Mọi việc điều hành cụ thể về hoạt động biên tập của tạp chí, như tổ chức bài, chữa bài, duyệt bài, v.v. được giao cho đồng chí Trần Đăng Huy (Hồi đó, trong hệ thống báo chí của Đảng, chưa dùng chức danh "Tổng biên tập", mà dùng chức danh "Thư ký tòa soạn"; chức danh này có trách nhiệm và quyền hạn như Tổng biên tập). Tuy vậy, đồng chí Trường Chinh vẫn viết nhiều bài cho tạp chí. Hàng tháng, đồng chí còn cho ý kiến rút kinh nghiệm về số vừa qua, và chuẩn bị nội dung số tới.

Việc in ấn *Tạp chí Cộng sản* vẫn theo nếp của *Sinh hoạt nội bộ*, vẫn in ở nhà in Hồng Phong. Những người và những tổ chức trước đây đã gửi tiền mua dài hạn *Sinh hoạt nội bộ* thì nay được gửi *Tạp chí Cộng sản* thay cho *Sinh hoạt nội bộ*. Việc phát hành cũng vẫn tổ chức như trước, nghĩa là Ban phát hành sách báo các Liên khu uỷ gửi tạp chí tới các đảng bộ địa phương. Các cán bộ thuộc các cơ quan trung ương và các chi bộ trực thuộc trung ương đều có thể đặt tiền mua thẳng với Ban trị sự *Tạp chí Cộng sản* do đồng chí Lê Đăng Ninh làm quản lý.

Tạp chí Cộng sản chỉ ra được hai số (số 1, tháng 7-1950 và số 2, tháng 8-1950). Ở số 2, trang 66, có đóng khung lời thông báo cho bạn đọc như sau: "Số báo này đang in thì chúng tôi tiếp được tin: vì lý do chuyên môn, Trung ương quyết định tạm đình bản tờ *Tạp chí Cộng sản* cho đến khi có quyết định mới".

Đồng chí Trần Quang Huy đã kể lại rằng, sở dĩ phải đình bản *Tạp chí Cộng sản* vì công tác chung của Đảng lúc đó đặc biệt khẩn trương, Trung ương Đảng vừa phải lo công việc kháng chiến dồn dập (ta đang chuẩn bị chiến dịch Biên giới vừa phải lo chuẩn bị Đại hội lần thứ II của Đảng. Nhiều cán bộ lãnh đạo và cán bộ lý luận của Đảng bị cuốn hút vào những nhiệm vụ lớn đó. Bản thân đồng chí Trần Quang Huy cũng được điều động tham gia việc biên tập các văn kiện chuẩn bị cho Đại hội. Do thiếu người phụ trách, thiếu người viết, nên tạp chí phải tạm thời đình bản.

Về mặt nội dung, tuy chỉ ra được hai số, *Tạp chí Cộng sản* cũng đã đề cập đến nhiều vấn đề phong phú. Trước hết đó là những vấn đề nóng hổi của cuộc kháng chiến lúc bấy giờ. Có thể kể các bài: "Hoàn thành nhiệm vụ, chuyển mạnh sang tổng phản công" (số 1, tháng 7-1950); "Chúng ta đã làm gì và còn phải làm gì để chuyển sang giai đoạn mới?" (số 2, tháng 8-1950), v.v.. Trong nội dung các bài đó đều có phần phân tích, phê phán những nhận thức sai lệch về tổng phản công như cho rằng tổng phản công là phản công đều một lượt trên khắp các chiến trường, hoặc là đánh ào một trận quyết phân thắng bại chỉ trong dăm mười hôm là xong, v.v.. Đồng thời cũng phê phán các khuynh hướng không đúng về thời cuộc kháng chiến lúc bấy giờ, như khuynh hướng lạc quan tếu, ỷ lại vào sự giúp đỡ của các nước bạn, "tả" khuynh phiêu lưu, và khuynh hướng bi quan, cho rằng vì Pháp được Mỹ viện trợ, ta khó lòng đánh bại được chúng v.v.. Bài "chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ" (số 2) đã trình bày và phân tích rõ chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ ở Đông Dương, nhằm thuyết minh nhận định quan trọng trong Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng ngày 1-7-1950: "Không tích cực chống bọn can thiệp Mỹ thì không thể hoàn toàn tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược. Trái lại, không

kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược thì không thể phá tan chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ ở Đông Dương".

Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng đã có phần "Tự chỉ trích nghiêm khắc những thiếu sót về công tác xây dựng chính quyền và Nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân". Để uốn nắn những nhận thức, tư tưởng không đúng về Nhà nước nhằm nhanh chóng khắc phục những thiếu sót trong việc xây dựng chính quyền, đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết bài "Nhà nước và Nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân Việt Nam" đăng liền trên số 1 và số 2.

Tạp chí Cộng sản cũng dành nhiều bài bàn về việc học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, về sửa chữa tư tưởng. Tạp chí đã đăng bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về "Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và đấu tranh tư tưởng để chiến thắng" của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị đại biểu toàn quốc lần thứ nhất, ngày 6-5-1950 và bài "Sửa chữa tư tưởng" của đồng chí Nguyễn Chí Thanh (số 1 và số 2).

Tạp chí cũng đã đăng báo cáo của đồng chí Trường Chinh ở phiên họp mở rộng của Ban Chấp hành Trung ương (ngày 5, 6, 7 tháng 7-1950) với nhan đề "Chính sách của Đảng ở nông thôn" (số 2).

Ngoài các bài chuyên án về các vấn đề trọng yếu trong nước, *Tạp chí Cộng sản* còn có bài về các vấn đề quốc tế, chẳng hạn "Nguy cơ chiến tranh mới và cuộc chiến đấu cho hòa bình thế giới" (số 1); "Để hiểu vấn đề Triều Tiên" (số 2) và một số bài dịch từ các báo nước ngoài như "Công tác tư tưởng của Đảng Mác-Lênin (số 1)"; "Chiến lược Xtalin và chủ nghĩa Mác – Lênin" (số 2).

Cuối mỗi số tạp chí có mục "Tin sinh hoạt nội bộ", đưa tin về các hoạt động xây dựng Đảng của liên khu, của tỉnh; mục "Tin thế giới" và mục "tin trong nước". Cách viết các mục này ngắn gọn, nhằm thông tin được nhanh và nhiều các sự kiện trong tháng.

So với *Sinh hoạt nội bộ* thì *Tạp chí Cộng sản* đi vào lý luận nhiều hơn. Nó cũng làm nhiệm vụ hướng dẫn công tác, hướng dẫn chính sách như *Sinh hoạt nội bộ,*

nhưng ở mức cao hơn. Nếu *Sinh hoạt nội bộ* coi việc hướng dẫn công tác là chính thì *Tạp chí Cộng sản* vừa coi trọng việc hướng dẫn công tác, vừa coi trọng bồi dưỡng lý luận, qua hướng dẫn công tác mà bồi dưỡng lý luận. Các vấn đề đề cập trên*Tạp chí Cộng sản* cũng có tính khái quát cao hơn. *Tạp chí Cộng sản* đã thể hiện được rõ nét việc vận dụng lý luận Mác - Lênin nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam.

Đại hội lần thứ II của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2-1951 đã nghe *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam của đồng chí* Trường Chinh, thông qua *Tuyên ngôn, Chính cương và Điều lệ cuả Đảng.* Đại hội đã quyết định đưa Đảng ra công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Sau Đại hội Đảng, cuộc kháng chiến càng phát triển mạnh mẽ. Mọi mặt hoạt động của Đảng càng dồn dập, khẩn trương, Đảng ta tập trung sức vào việc ra tờ báo *Nhân dân,* cơ quan trung ương của Đảng, nên tạm thời ngừng việc xuất bản tạp chí lý luận,

c) Báo Quân đội nhân dân

Từ cuối năm 1949, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân ta đang từng bước gặt hái được những thành công đáng kể, đang chuyển từ thế phòng ngự sang thế chủ động trên chiến trường. Trước tình hình này, Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị toàn quốc lần thứ ba diễn ra vào tháng 1-1950. Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng về chấn chỉnh, tổ chức Bộ Quốc phòng - Bộ Tổng tư lệnh và bộ máy chỉ đạo quân sự Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh quyết định sáp nhập hai tờ *Vệ quốc quân* (số 1 ra ngày 10-3-1947) và tờ *Quân du kích* (số 1 ra ngày 1-4-1948) thành tờ *Quân đội nhân dân.* Hai nhà in của các tờ báo trên cũng hợp lại thành Nhà in Quân đội. Thời gian đầu, cơ quan báo được đặt tại bản Quặng, xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Lực lượng phóng viên đầu tiên của báo có khoảng 20 người với những cây bút quen thuộc: Trần Cư, Lê Bách, Ngọc Bằng, Lê Phong, Hoàng Phượng, Hoài Tín, Hoàng Vân,

Trần Việt, Thanh Tâm, Vũ Tú Nam... Báo là một phòng của Cục Tuyên truyền, Tổng cục Chính trị. Báo *Quân đội nhân dân* lúc đầu do đồng chí Lê Liêm làm chủ nhiệm, Lưu Văn Lợi làm thư ký tòa soạn.

Sau gần 3 tháng chuẩn bị, ngày 20-10-1950 báo *Quân đội nhân dân* ra số đầu tiên. Lời giới thiệu có đoạn ghi: "Hôm nay chúng tôi ra mắt*Quân đội nhân dân.* Chúng tôi có nhiệm vụ góp phần vào việc đem đường lối, chủ trương của Tổng tư lệnh, Chính phủ, đoàn thể thấm nhuần vào toàn thể quân đội và nhân dân để ai nấy đều ngùn ngụt lửa căm thù, kiên quyết vượt mọi gian khổ, chiến thắng giặc Pháp xâm lược và bọn Mỹ can thiệp..." Lúc đầu *Quân đội nhân dân* dự định ra mỗi tháng 2 kỳ, nhưng sau đó do điều kiện chiến trường, báo tuỳ theo tình hình mà ra thưa hoặc ra mau. Có khi hàng tháng mới báo mới ra một số. Những khi chiến sự ác liệt, *Quân đội nhân dân* lại ra dồn dập. Có lúc báo ra 10 ngày một số, tuần một số, 5 ngày rồi 3 ngày một số, thậm chí là 1 ngày một số. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, báo hầu như giữ nguyên khổ 25x42cm, nhưng số trang không ổn định (thường là 8 trang, lúc 4 trang hoặc 6 trang).

Trang số 1, báo *Quân* đội *nhân dân* sử dụng các chuyện mục như: "Phê bình và tự phê bình", "Quân Đội nhân dân trả lời", "Thời sự 15 ngày qua", "Từ hậu phương ra tiền tuyến", "Phóng sự"... Bên cạnh một số mục có sức sống lâu dài và những mục cơ động hơn được sử dụng tuỳ theo tình hình. Có những mục khi quân dân ta tổ chức chiến dịch hay các trận đánh lớn như: "Thơ ca dân công", "Chuyện căm thù và yêu nước"... Những mục này bao giờ cũng mang tính thiết thực cao, cổ vũ, động viên kịp thời cán bộ, chiến sĩ đánh giặc.

Ngày 10-11-1950, *Quân đội nhân dân* đã ra số 2, có đăng nguyên văn thư của Hồ Chủ tịch gửi bộ đội nhân chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi. Có thể nói, tại các vùng chiến khu Bắc Bộ, *Quân đội nhân dân* là một trong những tờ báo được người đọc ngóng đợi nhất, đặc biệt là đối tượng cán bộ, chiến sĩ. Họ không chỉ đọc, nhiều người còn thường xuyên viết bài về các vấn đề của đơn vị mình gửi cho báo*Quân*

đội nhân dân. Không ít người trở thành cộng tác viên, thông tin viên đắc lực của báo. Chính vì vậy, mặc dù quân số có hạn, *Quân đội nhân dân* không bao giờ phải chịu cảnh thiếu bài vở, kể cả khi chiến sự diễn ra ác liệt nhất. Để thông tin một cách kịp thời, sống động mọi hoạt động của chiến trường, báo thường xuyên cử phóng viên ra chiến trường, tham gia các chiến dịch. Anh em trong tòa soạn đã cố gắng vượt qua muôn ngàn khó khăn, cố gắng ra những tờ tin phát ngay cho chiến sĩ khi khói súng chưa tan. Báo in bao nhiêu hết bấy nhiêu. Tình hình này đã khích lệ phóng viên rất nhiều, khiến họ quên ăn, quên ngủ, tổ chức tờ báo ngày càng tốt hơn.

Nhờ xác định rõ hướng đi cho mình, nên ngay từ những số đầu báo *Quân đội nhân dân* rất chú trọng đến việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cổ vũ, động viên kịp thời toàn dân đóng góp hết sức mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước. Sau mỗi trận đánh quan trọng, một chiến dịch lớn, báo đều có nhiều bài để tổng kết, rút kinh nghiệm, đồng thời chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của ta, giúp người đọc nhìn nhận một cách toàn diện tương quan lực lượng giữa quân đội cách mạng với kẻ thù. Qua báo*Quân đội nhân dân*, kiến thức của cán bộ, chiến sĩ về công tác chiến đấu, nghệ thuật chỉ huy quân sự, về nhận thức chính trị, tư tưởng cũng đã được nâng cao lên nhiều. Năm 1951, Đảng ta công khai trở lại, báo *Quân đội nhân dân* đã dành hàng tháng trời phản ánh. Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, nói lên sự cần thiết của việc thống nhất hai tổ chức Việt Minh và Liên Việt. Báo cũng nói rõ mối liên hệ hữu cơ giữa quân đội với Đảng Nhà nước, giữa quân đội cách mạng với nhân dân lao động, quân đội phải phục tùng tuyệt đối sự lãnh đạo của Đảng.

Không chỉ đề cao thắng lợi, *Quân đội nhân dân* còn nghiêm khắc và thẳng thắn trước những thất bại, khuyết điểm. Báo không ngần ngại phê phán cán bộ, chiến sĩ chưa có lối sống, tác phong tốt. Đối với những đối tượng lợi dụng chức quyền để

tham ô, hủ hóa, ngược lại với đạo đức cộng sản, *Quân đội nhân dân dân,* bằng các bài viết mang nặng sức chiến đấu, thẳng cánh gạt họ ra khỏi đội ngũ của mình.

Báo *Quân đội nhân dân* cũng đã thẳng thắn và kịp thời rút kinh nghiệm, khắc phục những yếu kém trong công tác phòng gian, bảo mật. Sau khi nhận được nhiều lời góp ý, phê bình về những bài để lộ bí mật quân sự, bị kẻ thù lợi dụng, *Quân đội nhân dân* là một trong những tờ báo đầu tiên tại vùng chiến khu thực hiện triệt để "10 điều kỷ luật về phòng gian, giữ bí mật" đúng theo tinh thần Thông tư 191-TTg ban hành ngày 23-7-1952 do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký. Nói chung từ thời điểm này trở về sau, báo *Quân đội nhân dân* nói riêng, hệ thống báo chí của các lực lượng vũ trang nói chung ít đề cập đến các nội dung như chương trình, phương pháp huấn luyện tại các đơn vị, địa điểm tập trung binh lính, trang bị khí tài, đặc biệt là các kế hoạch tác chiến trước mắt…

Báo *Quân đội nhân dân* sử dụng nhiều bài vở nhằm mục đích giáo dục lối sống cho bộ đội, cho đăng nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật, khuyến khích người lính viết lên những tâm tư tình cảm, suy nghĩ của mình đối với cách mạng, bày tỏ thái độ đối với kẻ thù. Những tấm gương anh hùng bất khuất trong chiến đấu được báo đặc biệt quan tâm, được phát động thành các phong trào thi đua giết giặc lập công trong toàn quân, nhằm giáo dục tinh thần yêu nước cho bộ đội.

Trong chiến dịch Đông Xuân (1953 - 1954), đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, 6 cây bút chủ lực của báo được cử ra trận trong đợt đầu là Hoàng Xuân Tùng, Trần Cư, Phạm Phú Bằng, Nguyễn Khắc Tiếp, Nguyễn Đình Thiết và Nguyễn Bích (họa sĩ). Mọi tin tức bài vở gửi từ mặt trận về được khẩn trương biên tập, sắp chữ cho in ngay. Đội phát hành túc trực sẵn sàng lập tức đưa những tờ báo còn nóng hổi, ướt mực đến tận tay các chiến sĩ.

Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc, 9 năm kháng chiến chống Pháp thắng lợi, báo *Quân đội nhân dân* trở về thủ đô với nhiệm vụ xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất đất nước. Ngày 5-11-1964 Tổng cục Chính trị đã đề

nghị Quân uỷ Trung ương và Ban Bí thư cho phép báo *Quân đội nhân dân* ra hàng ngày. Đúng vào dịp sinh nhật thứ 75 của Bác, *Quân đội nhân dân* chính thức trở thành nhật báo, đáp ứng nhu cầu của bạn đọc cả nước.

d) Báo Văn nghệ

Ngày 3-10-1947 tại huyện lỵ Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên) diễn ra cuộc gặp mặt quan trọng của một số văn nghệ sĩ cách mạng bàn về việc lập Hội Văn nghệ Việt Nam. Tham gia cuộc gặp mặt này có những người nổi tiếng như Tố Hữu, tướng Nguyễn Sơn, nhà sử học Trần Huy Liệu. Hội Văn nghệ Việt Nam được thành lập trên cơ sở Hội Văn hóa cứu quốc (1943) và đã bầu ra Ban Chấp hành khóa I gồm: Hoài Thanh (Tổng thư ký), Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu (ngành văn học), Tô Ngọc Vân (ngành mỹ thuật), Lưu Hữu Phước (ngành âm nhạc). Tại Hội nghị lần thứ hai nhóm họp ngày 6-4-1948 tại Việt Bắc, Thế Lữ được bầu thêm. Trong cuộc họp lần đầu tiên, Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam tán thành việc lập tờ báo Văn nghệ là cơ quan ngôn luận của hội.

Sau hơn 5 tháng chuẩn bị, tháng 3-1948 tờ Văn nghệ ra số 1, in khổ nhỏ (225x150mm) trên giấy gió (sau này khi ta sản xuất được giấy, báo in bằng giấy đen thông thường). Tờ báo ra đời nhằm thu hút đông đảo tầng lớp văn nghệ sĩ có tâm huyết với lợi ích dân tộc. Trong mấy số đầu, báo Văn nghệ do đồng chí Tố Hữu phụ trách với cương vị Thư ký tòa soạn (tương đương Tổng biên tập hiện nay). Từ số 5 trở đi báo được giao cho nhà văn Nguyễn Huy Tưởng phụ trách trực tiếp. Ban biên tập của tòa soạn đều là những cây bút có tên tuổi như Hoài Thanh, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Lưu Hữu Phước, Tô Ngọc Vân, Thế Lữ. Cộng tác thường xuyên với báo là nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng: Ngô Tất Tố, Xuân Diệu, Nguyễn Xuân Khoát, Huy Cận, Nam Cao, Trần Văn Cẩn, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Trần Huyền Trân, Như Phong, Chế Lan Viên, Kim Lân, Thép Mới, Văn Cao, Nguyễn Tuân, Đoàn Phú Tứ, Đặng Thai Mai, Phan Khôi, Nguyễn Công Hoan, Trần Huy Liệu, Thanh Tịnh, Nguyễn Hữu Đang... Thời gian đầu báo *Văn*

nghệ được in tại Nhà in Độc Lập (trong rừng Thâu Sơn thuộc địa phận Tam Đảo), dự kiến ra mỗi tháng một kỳ vào ngày 15 hàng tháng, khổ báo tương đương với một cuốn sách thông thường, lúc to lúc nhỏ không cố định, tuỳ theo khổ giấy nhà in có được. Báo *Văn nghệ* in typô nên nét chữ nhỏ nhưng rõ ràng, dễ đọc. Cách trình bày cũng như đặt đầu đề nghiêm túc, không hoa hòe hoa sói. Khi còn in bằng giấy gió, *Văn nghệ* không được xén cẩn thận nên ngay trong cùng một tờ báo mà có tờ nhô ra, thụt vào, mép giấy lởm chởm, đôi khi còn lẫn cả rơm khô. Tuỳ theo tình hình mà *Văn nghệ* tăng hoặc giảm trang cho phù hợp, thông thường là 60 - 70 trang. Số đặc biệt có khi lên tới gần 100 trang, có số chỉ chừng 40 trang, trong đó có 6 - 7 trang quảng cáo, giới thiệu những tác phẩm sắp xuất bản do Nhà xuất bản Văn nghệ ấn hành.

Nói chung, trong vài số đầu tiên, báo *Văn nghệ* chưa hoàn chỉnh cả về nội dung lẫn hình thức, còn xảy ra tình trạng mạnh ai nấy viết, miễn không chệch khỏi chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng và Nhà nước là được. Các trang mục còn nghèo nàn, chưa bao quát được hết các lĩnh vực văn học - nghệ thuật. Mảng lý luận nói chung còn yếu, những bài viết hô hào là chính, ngôn ngữ còn đao to búa lớn, nên công tác định hướng sáng tác cho văn nghệ sĩ chưa đạt hiệu quả cao. Các vấn đề báo đặt ra mới chỉ ít nhiều có tác dụng đối với tầng lớp văn nghệ sĩ đi theo kháng chiến, chưa thiết thực, lôi kéo được đội ngũ sáng tác tiến bộ tại vùng tạm chiếm đi theo cách mạng. Trong một số tác phẩm còn rơi rớt phong cách cũ, mang đậm dấu ấn tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, không thích hợp với người có trình độ thấp. Có những tác giả tuy đề cập đến mảng đề tài nông thôn nhưng lại quá dân dã, giả tạo, tô hồng, một chiều, xem nhẹ yếu tố nghệ thuật, nên các tác phẩm của họ ít gây được tiếng vang... Để rút kinh nghiệm, khắc phục được những khuyết điểm trên, tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc diễn ra ở Việt Bắc từ ngày 23 đến ngày 25-7-1948, Ban Chấp hành Hội đã bàn bạc nhất trí đề ra “Những vấn đề căn bản cho sự sáng tác trong thời kỳ kháng chiến" và đưa nội dung này vào Nghị quyết Đại hội.

Trên cơ sở này, Hội Văn nghệ Việt Nam đã công bố bản *Thông đạt gửi tới văn nghệ sĩ trong cả nước:* "Hội nghị đồng lòng nhận ra rằng văn nghệ cần phải gần gũi đại chúng, lấy sinh lực ở nhân dân. Đồng thời phát triển những tài năng mới và nâng cao trình độ thưởng thức nghệ thuật ở đại chúng".

Để thông tin kịp thời, đầy đủ tình hình hoạt động của giới văn nghệ sĩ kháng chiến, năm 1949 Hội Văn nghệ Việt Nam cho ra thêm tờ *TinVăn nghệ.* Tờ báo có nhiệm vụ giới thiệu những tác phẩm, cây viết mới, ít đề cập đến các vấn đề lý luận. Tính tới thời điểm cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, *Văn nghệ* ra được tổng cộng 56 số. Đây là một cố gắng rất lớn của giới văn nghệ sĩ Việt Nam trong suốt 6 năm đấu tranh gian khổ. Trong quá trình hoạt động của mình, anh em phóng viên, biên tập viên luôn phát huy tính sáng tạo, xây dựng những tổng mục mới đáp ứng nhu cầu của bạn đọc, thiết thực với đời sống kháng chiến. Các trang mục này luôn thay đổi tùy theo tình hình, đáng chú ý là các trang thơ, kịch, truyện ngắn, phê bình văn học và các mục *Trên những nẻo đường đất nước, Văn nghệ thời đại, Đọc sách, Ý kiến bạn đọc*... Về cơ bản, các trang mục trên đã bao quát được hết đời sống văn hóa - nghệ thuật tại các vùng tự do trong cả nước. Tuy nặng tính giáo dục, định hướng chính trị tư tưởng nhưng *Văn nghệ* không bảo thủ luôn mở cửa cho những quan điểm sáng tác khác, thậm chí đối lập với mình. Khi chuẩn bị diễn ra một sự kiện quan trọng nào đó, *Văn nghệ* thường mở mục mới để đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia, góp ý kiến. Để đấu tranh có hiệu quả trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, *Văn nghệ* duy trì thường xuyên mục "Chống văn nghệ phản động vùng sau lưng địch". Nhiều bài viết mang tính chiến đấu cao, không khoan nhượng với những biểu hiện suy đồi phản động trong sáng tác ở vùng tạm chiếm, đề cao lối sống văn hóa cách mạng lành mạnh. Bên cạnh đó, báo *Văn nghệ* còn mở mục *"Giới thiệu hình thức nghệ thuật dân tộc";* được đông đảo bạn đọc hoan nghênh. Với những nghiên cứu chuyên sâu về chèo, quan họ (Bắc Bộ), tuồng, bài chòi (Nam Trung Bộ), múa xòe (Tây Bắc) v.v., tờ báo đã góp phần giáo dục tình

yêu, niềm tự hào đối với truyền thống văn hóa dân tộc cho nhân dân, động viên, cổ vũ lòng yêu nước trong mỗi con người.

Có thể nói, *Văn nghệ* là nơi quy tụ giới văn nghệ sĩ cả nước, nơi phát hiện bồi dưỡng nhiều tài năng trẻ. Nhiều người đã khẳng định tên tuổi qua hàng loạt cuộc thi sáng tác do Báo phát động. Từ những năm 1950, báo đã đóng góp công sức trong việc mở Trường huấn luyện văn nghệ nhân dân. Khóa học đầu tiên của trường đã được mở ra từ tháng 4 đến tháng 6-1950 tại Chiến khu Việt Bắc với gần 300 học viên, trong đó có nhiều người là những cộng tác viên thường xuyên của báo được cử đi học.

Từ sau tờ *Sinh hoạt Văn nghệ* ra đời, *Văn nghệ* chú trọng hơn tới mảng lý luận, giảm dần việc đăng tải các tác phẩm, nhất là các tác phẩm của các tác giả trẻ. Tuy nhiên, nội dung lý luận trên *Văn nghệ* đôi khi còn tỏ ra quá tả, quá nặng về những vấn đề chính trị, mới chỉ quan tâm đến bần, cố nông, chưa có sự chú ý thích đáng đến các tầng lớp khác trong xã hội. Trong 56 số, *Văn nghệ* hầu như đều không dùng tranh, ảnh minh họa. Cách trình bày cũng đơn giản, không gây được sự chú ý của người đọc. Mục "*Học tập văn nghệ nước bạn"* không phát huy được thế mạnh vì sử dụng quá nhiều bài dịch nặng về lý luận. Do khó khăn về thông tin liên lạc và nguồn khai thác nên tác phẩm văn học nước ngoài nếu có đăng cũng chỉ quanh quẩn của các tác giả Liên Xô, Trung Quốc.. Lối viết tô hồng, một chiều cũng ảnh hưởng không nhỏ tới những thành tựu chung sáng tạo văn học thời kỳ này.

Điểm yếu nhất của *Văn nghệ* trong những năm 1948 – 1954 là không bám sát tình hình chiến sự để có các tác phẩm động viên kịp thời tinh thần chiến đấu của quân và dân ta. Chẳng hạn, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, trên *Văn nghệ* hầu như không có bài viết nào có giá trị cao, tạo được sự chú ý của người đọc về trận chiến có ý nghĩa quyết định này. Chỉ đến khi chiến dịch kết thúc, *Văn nghệ* mới có một số bài mang ý nghĩa tổng kết tuyên truyền về ý nghĩa to lớn của thắng lợi.

đ) Tạp chí nghiên cứu

Đây là tạp chí do Trung ương Cục miền Nam của Đảng xuất bản trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (3-1951), Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam gồm các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng công tác ở Nam Bộ để thay mặt Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam trong điều kiện giao thông liên lạc có nhiều khó khăn. Trung ương Cục miền Nam gồm các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kỉnh, Ung Văn Khiêm; do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư.

Trung ương Cục đã chủ trương xuất bản tạp chí lý luận, lấy tên là *Tạp chí nghiên cứu* với tiêu đề "Cơ quan lý luận của Trung ương Cục miền Nam Đảng Lao động Việt Nam". Tạp chí xuất bản không định kỳ, khuôn khổ và độ dày các số cũng không đều nhau.

Số 1, khổ 16x23cm, dày 107 trang, in typô, tháng 7-1951.

Số 2, khổ 11,5x17,5cm, dày 110 trang, in typô, tháng 1-1952.

Số 3, khổ 11,5x17,5cm, dày 92 trang, in typô, tháng 5-1952.

Số 4, khổ 10,5xcm, dày 146 trang, in typô, tháng 7-1952.

Số 5, khổ 10,5x16cm, dày 246 trang, in rônêô, tháng 1-1953.

Số 6, khổ 10,5x16cm, dày 126 trang, in rônêô, tháng 4-1953.

Giá bán tạp chí thay đổi theo từng số. Số 1 giá 50 đồng, số 2 giá 100 đồng, số 3 giá 100 đồng, số 4 giá 150 đồng, số 5 giá 350 đồng, số 6 giá 250 đồng. Tạp chí do Nhà xuất bản Nhân dân miền Nam làm tổng đại lý phát hành, qua bộ máy Sở Giao thông liên lạc Nam Bộ mà chuyển đến các nơi nhận.

Tạp chí do đồng chí Hà Huy Giáp làm chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm chủ bút, đồng chí Nguyễn Hồng Việt làm quản lý trị sự.

Về mục đích, tôn chỉ của tạp chí, trong bài "Tạp chí *Nghiên cứu* ra đời", đăng số 1 (tháng 7-1951) có đoạn viết: "Cán bộ hy sinh chiến đấu gian khổ nhiều, nên kinh

nghiệm thực tế khá phong phú, nhưng không biết tổ chức tổng kết kinh nghiệm, đúc thành lý luận. Mặt khác, chúng ta thiếu lý luận căn bản để hướng dẫn công tác, sử dụng kinh nghiệm thực tế".

"Bị mờ hết mắt là khó thấy rõ đường lối, khó mà có được sự sáng suốt để làm tròn nhiệm vụ mỗi ngày một nặng trên sự nghiệp kháng chiến kiến quốc trường kỳ, gian khổ và vinh quang của dân tộc".

"Trung ương Cục miền Nam của Đảng Lao động Việt Nam cho xuất bản Tạp chí *Nghiên cứu* này để bổ khuyết một phần nào cho tình trạng nói trên".

"Với những bài rút trong tạp chí, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng để đăng lại, với những mục thương xuyên của Tạp chí *Nghiên cứu*chúng tôi sẽ cố gắng":

" - Phát huy lý luận căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trên thực tế cách mạng của Việt Nam nói chung và của miền Nam Việt Nam nói riêng".

" - Tổng kết kinh nghiệm công tác cách mạng kháng chiến kiến quốc ở Việt Nam nói chung, ở miền Nam nói riêng".

…

"Tôn chỉ của Tạp chí *Nghiên cứu* là: kết hợp lý luận với thực tế".

Về nội dung, tạp chí có ba loại bài:

1. Những bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, như "Phải thiết thực chu đáo trong công tác huấn luyện", "Hiệu triệu nhân dịp phát động phong trào sản xuất và tiết kiệm", v.v. và của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh như "Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và đấu tranh tư tưởng để chiến thắng": "Thi đua ái quốc chủ nghĩa anh hùng mới"; "Phóng tay phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất", v.v..

2. Những bài viết của các đồng chí ủy viên Trung ương Cục và cán bộ đảng ở miền Nam. Loại bài này chiếm tỷ lệ lớn.

3. Những bài giới thiệu kinh nghiệm công tác của các Đảng Cộng sản Liên Xô, Trung Quốc, v.v,..

Các bài viết, bài nói quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của đồng chí Trường Chinh đăng trên các báo của trung ương được Tạp chí*Nghiên cứu* đăng lại, mỗi số ít nhất có một hai bài.

3. Báo chí cách mạng xuất bản tại các địa phương

a*) Báo chí cách mạng Bắc Bộ*

Kể từ ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) cho đến chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi (7-5-1954), Bắc Bộ luôn được coi là địa bàn có số lượng báo chí lớn về quy mô và đa dạng về phương thức hoạt động. Có thể áng chừng trong gần 8 năm, tại các vùng tự do Bắc Bộ đã xuất hiện hơn 100 tờ báo cách mạng các loại, trong số đó có gần một nửa là báo chí của trung ương (của Trung ương Đảng, Chính phủ, của Tổng bộ Việt Minh, Mặt trận Liên - Việt, của các đảng phái yêu nước, các hội, đoàn thể, bộ, ngành. Loại báo này tuy phát hành rộng rãi trong cả nước nhưng tòa soạn, nhà in và lực lượng phóng viên lại chủ yếu tập trung tại các vùng kháng chiến Bắc Bộ, nên có thể coi chúng thuộc hệ thống báo chí cách mạng Bắc Bộ. Cũng vào thời điểm này, tại các vùng Bắc Bộ còn tồn tại một hệ thống báo chí tư nhân rất lớn do các trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo phát hành. Mặc dù những tờ báo này đều tán thành, ủng hộ đường lối kháng chiến do Mặt trận Việt Minh phát động, không đối lập với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nhưng quan điểm của chúng thường in đậm dấu ấn cá nhân, không đại diện cho một tầng lớp dân chúng nào cả. Đối với các loại báo này, ngay cả với những tờ có màu sắc tiến bộ nhất, cũng chỉ nên xếp vào dòng báo chí yêu nước.

So với các khu vực khác, báo chí tư nhân tại các vùng chiến khu Bắc Bộ chiếm số lượng lớn hơn rất nhiều. Tuy nhiên có rất ít tờ trong số này tồn tại được lâu. Có tờ mới ra được vài số đã phải đóng cửa vì lý do kinh phí hoặc đơn giản không có người đọc. Nhân dân thích đọc báo của chính quyền hơn bởi thông tin luôn mang tính chính thống, nhanh nhạy, đầy đủ, tuy đôi khi vẫn có tình trạng phản ánh một chiều phiến diện. Nhìn chung hình thức của báo Nhà nước đẹp hơn, giá lại rẻ, có

nhiều chuyên mục hấp dẫn, hướng đến nhiều loại đối tượng. Nội dung của chúng cũng đáp ứng được một cách đầy đủ tâm tư, tình cảm, khát vọng của quảng đại quần chúng nhân dân, tuyệt đối phục vụ lợi ích dân tộc. Nếu xét về số lượng, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, số báo chí cách mạng tại Bắc Bộ thấp hơn nhiều so với đầu báo tại vùng địch tạm chiếm. Nhưng nếu đứng ở góc độ hiệu quả tuyên truyền thì hệ thống báo chí cách mạng lại chiếm thế áp đảo, đặc biệt từ năm 1949 đến năm 1954. Nói chung, người dân vùng tạm chiếm lúc này không còn mặn mà với dòng báo chí nô dịch. Họ đã chán ngấy chế độ thực dân, phong kiến thối nát. Chỉ với hơn một năm được sống trong môi trường tự do dân chủ (8-1945 - 12-1946), họ đã hiểu hết giá trị của việc thoát khỏi thân phận nô lệ, trở thành người làm chủ xã hội, dù xã hội đó còn gặp muôn vàn khó khăn gian khổ. Tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, chỉ những tờ báo yêu nước, công khai bày tỏ thái độ ủng hộ chính phủ kháng chiến, tuyên truyền cho những chiến thắng của quân đội cách mạng đối với kẻ thù xâm lược là còn chiếm được thiện cảm của người dân. Số còn lại sống lay lắt, buồn tẻ. Có tờ không ăn quá 1.000 bản mỗi kỳ.

Đối với những tờ báo cách mạng được bí mật chuyển vào nội thành, tình hình lại khác hẳn. Để mua được một tờ báo *Cứu quốc,* người dân vùng tạm chiếm có khi phải trả gấp 20 lần giá thực. Tình trạng đầu cơ báo chí cách mạng diễn ra khá phổ biến. Một số đầu lậu còn cho in lại báo *Sự thật*, *Cứu quốc, Lao động* ngay tại Hà Nội để bán kiếm lời. Người dân nội thành cũng rất có ý thức trong việc truyền bá báo chí cách mạng. Họ giữ gìn, chuyền cho nhau đọc hoặc chép lại những bài quan trọng rồi đưa cho người khác. Chính vì vậy mà mọi diễn biến của cuộc chiến tranh đều được người dân vùng địch tạm chiếm nắm chắc.

Nếu như báo chí vùng tạm chiến Bắc Bộ chủ yếu phát hành tại các đô thị, thì báo chí cách mạng có mặt khắp nơi, len lỏi từ những vùng sâu, vùng xa cho tới cả những nơi địch kiểm soát ngặt nghèo nhất. Ở đâu báo chí cách mạng cũng được

chào đón với một tình cảm nồng nhiệt. Chính vì vậy mà có những thời điểm báo *Nhân dân*, báo *Quân đội nhân dân* in hàng vạn bản mà cũng vẫn không đủ cầu, phải ra thêm phụ trương mà vẫn không đáp ứng được hết nhu cầu bạn đọc. Báo chí cách mạng còn có một lợi thế là đều tự đặt mình dưới sự chỉ đạo chung. Mọi diễn biến của thời cuộc đều được nhìn nhận, đánh giá khá thống nhất cho dù mỗi tờ báo trực thuộc một tổ chức, cơ quan khác nhau. Chính vì vậy, khi đọc báo của chính quyền cách mạng, người dân hoàn toàn đặt trọn niềm tin vào đường lối kháng chiến của Đảng và Nhà nước, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của quân và dân ta.

Bên cạnh những tờ báo cách mạng từ các vùng tự do chuyển vào các thành phố lớn, Đảng ta còn chủ trương xây dựng một hệ thống báo chí ngay trong lòng địch. Càng về cuối cuộc kháng chiến, dòng báo chí bí mật cũng lớn lạnh, quy tụ xung quanh mình cả một đội ngũ báo chí yêu nước hùng hậu. Ngoài vai trò chỉ đạo phương thức đấu tranh, xác định quan điểm lập trường cho báo chí yêu nước, những tờ báo cách mạng bí mật còn có nhiệm vụ xây dựng và tập hợp lực lương sẵn sàng nổi dậy khi thời cơ đến. Nhiệm vụ cơ bản của báo chí bí mật lúc này là: Tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, đề cao thành quả của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là nước Nga Xô viết và cách mạng Trung Hoa, làm cầu nối giữa các đảng viên vùng địch hậu với vùng tự do trong số hàng chục tờ báo bí mật hoạt động trong nội thành, đáng chú ý hơn cả là các tờ *Tuyên huấn* (Ban Tuyên huấn Thành uỷ Hà Nội), *Tiền phong* (Thành uỷ Đảng Cộng sản Đông Dương thành phố Hà Nội), *Cảm tử* (khu uỷ khu Hoàn Kiếm, Hà Nội).

Loại báo bí mật thu hút được đông đảo bạn đọc nhất là các tờ dành cho lớp trẻ. Các tờ báo *Tiền phong* (Đoàn Thanh niên cứu quốc Hà Nội), *Nhựa sống* đã góp phần rất lớn trong việc giáo dục tình cảm cách mạng, tư tưởng yêu nước cho thanh niên, hướng họ đi theo ngọn cờ vẻ vang của Đảng, của Đoàn. Đồng thời báo chí cũng các đánh rõ vai trò của thanh niên đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, từ đó xây dựng cho họ lý tưởng cách mạng trong sáng, cao đẹp. Việc tổ chức, xây

dựng lực lượng, giác ngộ quần chúng đi theo cách mạng, đặc biệt là các tầng lớp công nhân, tiểu thương, sinh viên, trí thức cũng được báo chí bí mật hết sức quan tâm. Tờ *Lao động* (Liên hiệp Công đoàn thành phố Hà Nội) đã đấu tranh không khoan nhượng với giới chủ, bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Nhiệm vụ chính của báo *Lao động* là tuyên truyền cho quần chúng nhân dân hiểu rõ lợi ích của việc tham gia vào các hội, đoàn thể cứu quốc, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, khi cách mạng cần sẵn sàng tham gia đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Có thể nói, so với các địa bàn khác, báo chí cách mạng bí mật tại Bắc Bộ có phần hoạt động mạnh mẽ, bài bản hơn, tuy nhiên hiệu quả tuyên truyền chưa cao, chưa bao quát được mọi đối tượng, chưa thâm nhập được vào môi trường báo chí của chính quyền thực dân kiểm soát. Cũng có tờ báo phản động sau này quay ra ủng hộ kháng chiến, nhưng đó là hoàn toàn tự phát, theo trào lưu chung, chứ không xuất phát từ sự giác ngộ cách mạng, khi địch đang thắng thế loại báo này hết lời ca tụng sức mạnh của quân đội thực dân, nhưng ta giành thắng lợi trên chiến trường, chúng lại dùng nhiều bài bày tỏ lập trường đân tộc cũng như truyền thống chống ngoại xâm của nhân dân ta. Nếu không khống chế tốt, loại báo này rất dễ gây dao động trong dân chúng làm bạn đọc mất lòng tin đối với báo chí yêu nước và báo chí cách mạng.

So với Nam Bộ và Trung Bộ, số lượng báo chí cách mạng ở Bắc Bộ lớn hơn rất nhiều, chi phối mọi mặt đời sống kháng chiến. Tuy nhiên, không phải tờ nào cũng được phổ biên rộng rãi, nhất là các tờ từ cấp huyện trở xuống, hoặc báo của các cơ quan, đơn vị nhỏ. Có tờ mỗi số chỉ phát hành khoảng 100 bản, phát không cho cơ sở. Nói chung, bạn đọc thời kỳ này chỉ thực sự chú ý đến các tờ báo của trung ương.

Đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân dân tại các cùng tự do nằm ngoài chiến khu Việt Bắc, Đảng, Nhà nước và Mặt trận Việt Minh chủ trương cho phát hành rộng rãi một số tờ báo là chi nhánh của các tờ báo trung ương kể trên. Chẳng hạn, ngoài tờ

báo *Cứu quốc* của Tổng bộ Việt Minh, còn có hàng loạt tờ *Cứu quốc* của các tỉnh, của khu hoặc liên khu. Ví dụ tờ *Cứu quốc khu II, Cứu quốc khu III* (sau sáp nhập thành*Cứu quốc liên khu III), Cứu quốc khu IV, Cứu quốc khu X...* Đối với các tờ *Sự thật, Nhân dân* cũng vậy. Đây là biểu hiện khá độc đáo của báo chí cách mạng thời kháng chiến và còn kéo dài sang những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Loại báo chí địa phương đứng trên danh nghĩa chi nhánh của báo chí trung ương nay cũng nhận được sự ủng hộ lớn lao của bạn đọc. Nội dung thông tin chính của các báo này bao gồm: Nội dung thông tin của địa phương, nội dung thông tin trung ương. Ở phương diện thứ nhất, tờ báo đề cập đến toàn bộ những vấn đề xảy ra trên địa bàn từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, quân sự. Ở những tháng quan trọng nhất, báo cho đăng nguyên văn hoặc trích từng phần những bài viết có tính chất chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã được đăng tải trên các báo của trung ương. Đây thường là những bài viết về những vấn đề chính trị, vạch ra chiến lược cách mạng có quy mô lớn trong thời gian trước mắt và những năm tiếp theo. Việc nhiều tờ báo có cùng một tên gọi còn có lợi thế là khi địch đánh phá ác liệt chiến khu Việt Bắc, tờ báo trung ương nào buộc phải tạm ngừng hoạt động sẽ giao cho tờ báo địa phương thay mặt trung ương để đưa thông tin đến với bạn đọc. Tình trạng trên đã có lúc xảy ra đối với tờ *Nhân dân* và *Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam.* Tuy nhiên, không phải bất cứ sự trùng tên nào của báo chí cách mạng thời kỳ kháng chiến chống Pháp cũng xuất phát từ ý đồ chính trị của Đảng và Nhà nước. Có một số báo nhận thấy tôn chỉ mục đích của mình không khác gì một tờ báo đương thời nào đó nên đã lấy luôn tên của báo kia đặt cho mình. Chẳng hạn, ngoài tờ *Thông tin* của Thông tấn xã Việt Nam (21-3-1951), còn có các tờ *Thông tin* của Trung đoàn 120 (1953), *Thông tin* của Đoàn Vĩnh Yên (Quân đội nhân dân Việt Nam - 1954). Sự trùng lặp này còn diễn ra cả với những tờ không có liên quan gì với nhau về chức năng, nhiệm vụ cũng như đối tượng phản ánh. Từ năm 1948 đến năm 1954, đồng thời tồn tại ba tờ *Tiền phong:* Một là

nội san của Thành uỷ Đảng Cộng sản Đông Dương Thành phố Hà Nội, một của Mặt trận Việt Minh khu Phố Đông - thành phố Hà Nội, tờ còn lại là của Đoàn Thanh niên cứu quốc Hà Nội. Đây có thể là biện pháp của các nhà quản lý báo chí cách mạng nhằm tung hỏa mù, đánh lạc hướng địch. Điều dễ nhận thấy là hầu hết các tờ báo trùng tên đều chủ yếu xuất hiện từ năm 1948 trở đi, tức là sau khi Thông tư số 147-NV/QT được ban hành ngày 24-12-1948. Theo thông tư này, các Uỷ ban hành chính kháng chiến liên khu có quyền cấp phép, kiểm duyệt cũng như đóng cửa tờ báo thuộc khu vực mình quản lý, hằng tháng, có khi hằng năm mới phải làm báo cáo gửi lên trung ương (Bộ Nội vụ). Chính vì vậy mà nhiều khi người trực tiếp quản lý báo chí của liên khu này chưa chắc đã biết ở liên khu lân cận có những tờ báo nào. Đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự trùng tên gọi của một số tờ báo.

Trong kháng chiến kháng Pháp, dòng báo chí cách mạng xuất bản bằng tiếng nước ngoài cũng được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Hệ thống báo chí này được giao cho Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Quốc phòng và cơ quan đối ngoại của Đảng đứng ra tổ chức, quản lý. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bắc Bộ được coi là trung tâm cách mạng của cả nước. Chính vì vậy, tại khu vực này có hệ thống báo chí cách mạng hết sức phong phú về chủng loại, về đối tượng phản ánh và phục vụ, cùng tồn tại song song hai dòng báo chí trung ương và địa phương. Gần 150 tờ báo cách mạng này có thể xếp vào nhóm chính sau:

+ Nhóm báo Đảng: bao gồm báo, tạp chí của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam), báo, tạp chí của các liên khu uỷ, khu uỷ, tỉnh uỷ, huyện uỷ.

+ Nhóm báo chính quyền: gồm báo của Mặt trận việt Minh, Mặt trận Liên - Việt, của các tổ chức, đảng phái yêu nước (Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội, của nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ...) của các bộ, ngành.

b) *Báo chí cách mạng Trung Bộ - Tây Nguyên*

Đã hàng bao thế kỷ nay miền Trung - Tây Nguyên được coi là vùng đất có ý nghĩa chiến lược quan trọng. Địa thế ở đây hẹp kéo dài, hiểm trở, rất thích hợp cho việc thiết lập căn cứ địa cách mạng. Sau lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch, miền Trung - Tây Nguyên đã nhanh chóng trở thành một trong những trung tâm cách mạng chính của cả nước. Kế thừa truyền thống báo chí cách mạng Xôviết Nghệ Tĩnh, báo chí kháng chiến chống Pháp ngày càng khẳng định vai trò to lớn của mình. Trong suốt cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, miền Trung - Tây Nguyên luôn chứng tỏ là hậu phương vững chắc, không tiếc sức người, sức của cho tiền tuyến. Hàng vạn chiến sĩ, đảng viên của miền Trung - Tây Nguyên đã ngã xuống trên chiến trường, trong đó có những nhà báo.

Theo thống kê chưa đầy đủ, trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tại miền Trung - Tây Nguyên có khoảng hơn 50 tờ báo cách mạng. Con số trên không bao gồm những tờ báo bí mật trong các nhà lao của kẻ thù ở Buôn Ma Thuật, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị... và các tờ tin ở cấp huyện, cấp xã. Báo chí cách mạng miền Trung - Tây Nguyên thời kỳ kháng chiến chống Pháp mang nhiều sắc thái, đa dạng về chủng loại, phục vụ mọi loại đối tượng. Ngoài những tờ báo của các tỉnh uỷ, liên tỉnh, khu uỷ, liên khu uỷ của Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên - Việt, và những tờ báo dành riêng cho phụ nữ (báo *Gái ra trận* của Tỉnh hội phụ nữ cứu quốc Thanh Hóa), cho thanh niên (Báo *Quyết tiến* của Đoàn Thanh niên cứu quốc Bình Thuận). Về văn nghệ có báo *Đại chúng* của Liên đoàn Văn hóa cứu quốc Trung Bộ, *Thép mới, Sáng tạo* của Chi hội Văn nghệ Liên khu IV, *Đời sống mới* của Chi hội văn hóa cứu quốc Quảng Ngãi... Báo của lực lượng vũ trang cũng rất phát triển với các tờ *Chiến đấu, Vệ quốc quân, Cực Nam* (Bình Thuận), *Tiền tuyến, Vệ quốc quân* (Thanh Hóa), *Giữ làng* (Nghệ An)... Ngoài ra, còn có những tờ báo về các lĩnh vực cụ thể khác như *Kinh tế* của Mặt trận Việt Minh Thuận Hóa - Huế, *Nông thôn* của Hội Sáng tác - nông thôn Phú Yên, *Nội san dân tộc* (Ty Giáo dục Nghệ An)... Vì điều kiện chiến tranh, nhiều đối tượng, ngành

nghề, một số cơ quan, tổ chức, hội, đoàn thể chưa có báo riêng. Tuy nhiên, báo chí cách mạng thời kỳ này chưa mang tính chuyên môn hóa cao. Một tờ báo của quân đội vẫn có những trang mục riêng dành cho các đối tượng khác. Tờ báo kinh tế vẫn có thể đề cập tới các lĩnh vực thuộc văn hóa, xã hội, chính trị, vẫn thường xuyên cho đăng thơ, truyện ngắn phục vụ nhu cầu thưởng thức văn học - nghệ thuật của độc giả.

Nếu như tại vùng chiến khu Việt Bắc, Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng phát triển hệ thống báo chí bằng tiếng các dân tộc thiểu số, thì tại Trung Bộ - Tây Nguyên loại báo trên chưa được quan tâm đúng mức. Cả một địa bàn rộng lớn quy tụ nhiều dân tộc thuộc nhiều ngữ hệ như vậy mà chỉ có tờ *Buôn hổ* của Mặt trận Việt Minh Tây Trung Bộ in bằng tiếng Êđê bắt đầu - xuất bản vào tháng 7-1948. Tờ báo này chủ yếu lưu hành trong địa bàn tỉnh Gia Lai. Tình hình trên ảnh hưởng rất nhiều đến việc tập hợp các lực lượng cách mạng, kẻ thù dễ len lỏi tìm cách chia rẽ, gây mất đoàn kết giữa các dân tộc. Có thể nói, báo chí cách mạng Trung Bộ - Tây Nguyên thời kỳ này chưa tận dụng triệt để công tác tuyên truyền chống giặc giữ buôn làng của Ama Trang Lơng, của anh hùng Núp với các chiến công làm khiếp vía quân thù trong chiến dịch Atlăng, với chiến thắng Kon Tum, đèo Măng Giang, Đông Xuân 1953 – 1954.

Nội dung chính của báo chí kháng chiến Trung Bộ - Tây Nguyên là phản ánh đường lối xây dựng, bảo vệ nền độc lập dân tộc, bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám đúng theo tinh thần kháng chiến kiến quốc do Trung ương Đảng đề ra. Dù xuất hiện được dạng nào, báo chí đều tập trung vào các hoạt động phục vụ kháng chiến, tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống giặc đói, giặc dốt, kêu gọi nhân dân tiết kiệm, tích cực gia tăng sản xuất, đẩy mạnh các hoạt động xã hội, góp phần xây dựng các hợp tác xã, tổ đốc công. Báo chí lúc này không xem nhẹ, việc tuyên truyền xây dựng đời sống văn hóa mới, coi những nhân tố điển hình, tiên tiến trong chiến đấu, lao động sản xuất là đối tượng phản ánh chính. Ngoài

những nội dung đề cập đến, gương chiến đấu chống kẻ thù ngoại xâm trong các lĩnh vực, kinh tế, báo chí còn dành dung lượng khá lớn giới thiệu kinh nghiệm của các tầng lớp nhân dân trong phong trào xóa nạn mù chữ. Cùng với những tờ báo mang tính lý luận, chỉ đạo của trung ương, của các đảng bộ địa phương, báo chí kháng chiến Trung Bộ - Tây Nguyên nói chung cũng tự xác định cho mình nhiệm vụ tuyên truyền sâu rộng trong dân chúng chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh với các khuynh hướng xét lại, cơ hội. Những tờ báo này còn rất quan tâm đến vai trò, ảnh hưởng của văn học - nghệ thuật. Nhiều tác phẩm văn học có giá trị xuất hiện trên mặt báo mô tả trung thực đời sống, thực tiễn kháng chiến. Việc làm này đã góp phần rất lớn nhằm đi nâng cao nhận thức thẩm mỹ cách mạng cho người dân, làm cho họ thấy được cái đẹp của thứ lý tưởng họ đang theo đuổi.

Từ năm 1948 trở đi, báo chí kháng chiến chống Pháp tại Trung Bộ - Tây Nguyên có sự chuyển biến rất lớn về hình thức. Lúc này không còn tình trạng mạnh tờ nào tờ này sống như trước. Sự chỉ đạo có tình hệ thống cao từ trên xuống dưới đã hạn chế cho bản sự chồng chéo thông tin cũng như xác định rõ vai trò, nhiệm vụ cho mỗi tờ báo. Kế hoạch thông tin, tuyên truyền được xây dựng một cách khoa học nên đã khai thác được khá sâu mọi vấn đề đặt ra. Cơ cấu tòa soạn cũng từng bước đi vào nền nếp, có sự phân công rõ ràng chức năng, trách nhiệm cho từng bộ phận. Đường biên giới với các nước cũng đã được khai thông, tạo điều kiện cho việc mở mang quan hệ, tăng cường trang bị kỹ thuật. Công nghệ in đã được từng bước hiện đại hóa, tạo ra sự đồng đều về hình thức và chất lượng kỹ thuật in ấn giữa các tờ báo.

c) Báo chí cách mạng tại Nam Bộ

Nếu như báo chí cách mạng Bắc Bộ chủ yếu tập trung tại Việt Bắc, báo chí cách mạng Trung Bộ rải dọc các tỉnh duyên hải, thì báo chí cách mạng Nam Bộ được phân bố khá đồng đều từ thành thị tới các vùng cực của Tổ quốc. Mối liên hệ giữa các dòng báo chí cách mạng và báo chí yêu nước ở Nam Bộ là khá khăng khít, chặt

chẽ, nhiều khi rất khó phân biệt. Có những thời kỳ, nhiều tờ báo yêu nước không chịu sự chỉ đạo, trực tiếp của các tổ chức đảng cũng như của báo chí cách mạng, nhưng vẫn không bị lệch ra khỏi quỹ đạo chung là đấu tranh vì sự nghiệp thống nhất đất nước, độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ.

Sở dĩ báo chí ở Nam Bộ đã duy trì được lâu dài tính chất này là do, ngay từ khi cuộc kháng chiến chống Pháp của đồng bào Nam Bộ vừa nổ ra, Xứ uỷ Nam Kỳ đã có chủ trương để lại một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên tại vùng địch hậu (chủ yếu là Sài Gòn). Trong số này có nhiều nhà báo cách mạng, nhiều đảng viên cộng sản cốt cán nhận nhiệm vụ trước Đảng ở lại xây dựng, chỉ đạo hệ thống báo chí cách mạng trong lòng địch như Trần Bạch Đằng, Nguyễn Hữu Thọ, Phạm Ngọc Thạch... Để che mắt địch, ta sử dụng hiệu quả đội ngũ ký giả nổi tiếng đã được cách mạng giác ngộ như Triệu Công Minh, Ái Lan, Dương Tử Giang, để họ đứng ra xin phép chính quyền thực dân ra báo. Các khẩu hiệu đấu tranh cũng không nhất thành bất biến, có thể thay đổi tuỳ theo tình hình miễn là không trực tiếp tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản. Các nội dung đấu tranh với những âm mưu, thủ đoạn của nhà cầm quyền bao giờ cũng thể hiện sự khôn khéo, mềm dẻo. Nếu như tình hình không quá căng thẳng, báo chí cách mạng bí mật, báo chí yêu nước có thể đề cập đến các vấn đề xã hội một cách toàn diện cả về chính trị, đối ngoại lẫn kinh tế, văn hóa. Khi kẻ thù đàn áp quá dữ dội, báo chí lại thu mình lại, chủ yếu chỉ đấu tranh trên phương diện văn hóa. Có thể nói, trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, hầu hết các tờ báo yêu nước tại vùng tạm chiếm đều có người của Đảng Cộng sản Đông Dương cài vào. Nhờ vậy mà mọi phát ngôn của báo chí về cơ bản vẫn phục tùng, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng và Nhà nước. Chính vì thế ta hoàn toàn có thể đặt dòng báo chí yêu nước tại vùng bị tạm chiếm Nam Bộ vào hệ thống báo chí cách mạng. Đây là điểm khác chủ yếu với báo chí Bắc Bộ - Trung Bộ và Tây Nguyên. Báo chí cách mạng Nam Bộ thời kỳ này tập

trung ở hai khu vực chính là báo chí tại các đô thị miền Nam và báo chí tại các địa phương khác.

Báo chí cách mạng tại các đô thị miền Nam: Sau khi tiếp quản Sài Gòn từ tay quân Anh, người Pháp tiếp tục mở rộng chiến tranh nhằm chiếm lại các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ. Họ cho khôi phục lại chế độ quản lý báo chí cũ. Chính quyền tay sai của Pháp theo lệnh chủ động nới rộng một số quyền tự do dân chủ nhằm xoa dịu dư luận, lấy lòng báo chí. Họ muốn dùng báo chí tuyên truyền cho chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thinh (một chính phủ chỉ tồn tại được mấy tháng, sau đó người đứng đầu của nó đã treo cổ tự tử). Nhờ sự thay đổi chính sách này, báo chí tư nhân lục tục trở ra. Chính phủ Lê Văn Hoạch lên thay đã đàn áp báo chí dữ dội, gây bất bình trong dân chúng. Đây chính là lúc báo chí cần có sự đoàn kết, nhất trí, đấu tranh cho sự tồn tại của chính mình. Dưới sự chỉ đạo gián tiếp của Đảng, lực lượng báo chí thống nhất ra đời, có lúc quy tụ được tới 17 tờ báo, là lực lượng đối lập với hệ thống báo chí của chính quyền.

Để thống nhất trong hành động tư tưởng, những người lãnh đạo lực lượng báo chí thống nhất xác định phải lập một Bộ biên tập chung đặt tại xóm Thơm (Gò Vấp - thành phố Hồ Chí Minh). Bộ biên tập gồm đại diện của mỗi tờ báo như Lý Vĩnh Khuôn, Nguyễn Văn Hiếu, vợ chồng Triệu Công Minh - Ái Lan, Lê Thọ Xuân, Lê Văn Ngòn, Trần Thọ Phước, Trần Văn Nguyên. Bộ biên tập có nhiệm vụ vạch kế hoạch đấu tranh chung cho cả nhóm báo tuỳ theo từng tình hình cụ thể. Nhóm còn xác định nội dung cho từng tờ căn cứ ở chức năng riêng. Khi đất nước có những diễn biến chính trị phức tạp Bộ biên tập sẽ cử người viết hoặc đặt bài các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Đối với những bài có tầm cỡ chiến lược lớn như vậy, Bộ biên tập cho đăng trước hết trên 4 tờ nhật báo có uy tín nhất của lượng báo chí thống nhất là *Tin điển, Kiến thiết, Nam Kỳ Việt.* Trong cả một khoảng thời gian dài sau đó, các báo sẽ có bài bổ trợ hoặc khai thác, phân tích có chiều sâu. Nhiều ký giả của lực lượng báo chí thống nhất cho đến nay vẫn được mọi người đọc nhắc

đến với thái độ trân trọng như Vũ Tùng, Bách Việt, Thiếu Sơn, Dương Tử Giang, Nguyễn Văn Hiếu, Bùi Danh, Nam Quốc Cang, Quốc Ấn, Trần Văn Nguyên, Vĩnh Sanh, Trần Tấn Quốc, Nguyên Kỳ Nam, Thiện Giang, Tam Ích, Thê Húc, Nguyễn Bảo Hóa, Hoàng Tấn, Hoàng Tố Nguyên, Trúc Khanh, Vũ Anh Khang, Lý Văn Sâm, Lê Thọ Xuân, Thuần Phong, Phi Bằng, Trần Minh Ký...

Có thể nói, nhiệm vụ đầu của lực lượng báo chí thống nhất là đấu tranh với báo chí của nhà cầm quyền, đập lại chủ trương phân ly, xuyên tạc đường lối kháng chiến của Đảng và Nhà nước của các *tờ Phục hưng, Tiếng gọi, Tương lai.* Nội dung chính của báo chí cách mạng trong những năm 1945 - 1946 là đấu tranh chống chia rẽ dân tộc, giữ gìn truyền thống yêu nước, bản sắc văn hóa, ủng hộ triệt để công cuộc kháng chiến do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo, lên án tội ác dã man của kẻ thù, vạch trần tính chất giả nhân giả nghĩa của nhà cầm quyền thực dân. Các tờ báo trong nhóm còn trực tiếp hoặc gián tiếp ca tụng đời sống kháng chiến, ca ngợi Hồ Chủ tịch. Có tờ còn cho đăng lại thơ Tố Hữu, Chế Lan Viên và nhiều tác giả sáng tác ở Việt Bắc. Nhà cầm quyền tính mọi cách đàn áp lực lượng báo chí thống nhất, đập phá tòa soạn, bắt bớ, giết hại ký giả. Sự đàn áp dã man của kẻ thù không làm nhụt đi ý chí đấu tranh cũng như lòng yêu nước của những người luôn tâm huyết với lợi ích dân tộc, với Tổ quốc.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra, người Pháp nhận thấy khó có thể kiểm soát được tình hình nếu hệ thống báo chí thống nhất vẫn tồn tại giữa Sài Gòn. Dựa vào việc các báo đồng loạt đưa tin đoàn thanh tra của chính quyền thực dân bị phục kích ở Trung Lương, Lê Văn Hoạch đã rút giấy phép của cả 17 tờ thuộc lực lượng báo chí thống nhất. Điều này không ngăn cản các nhà báo cách mạng chạy sang làm việc cho các tờ báo yêu nước khác đầy rẫy ở Sài Gòn như: *Nay mai, Ngày nay, Quốc hồn, Lẽ sống, Sự thật, Tân dân, Ánh sáng, Thái bình...* Các báo này đều có mục "Tin tức Bưng Biền", được độc giả ưa thích. Để bán được báo và cũng để hạn chế sự coi thường của người dân, một số tờ báo của chính quyền cũng bắt chước ra

mục các "Tin tức Bưng Biền", ở đây đã bị lọc lựa kỹ càng hoặc bị bóp méo ít nhiều.

4. Hoạt động của Thông tấn xã và Đài Tiếng nói Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp

a) Một số hoạt động của Thông tấn xã Việt Nam sau ngày toàn quốc kháng chiến

Cũng như nhiều cơ quan báo chí khác, ngay trong đêm 19-12-1946, Thông tấn xã Việt Nam đã sơ tán ra khỏi Hà Nội, về vùng núi Trầm (Hà Tây) để tiện liên lạc với Đài Tiếng nói Việt Nam. Đây là thời kỳ Thông tấn xã Việt Nam hoạt động khó khăn nhất, trong khi vẫn phải bảo đảm vai trò trung gian giữa các cơ quan của Chính phủ với Đài Tiếng nói Việt Nam. Theo nguyên tắc an toàn, Đài Tiếng nói Việt Nam không được ở quá gần các khu vực trọng yếu nên việc qua lại giữa hai cơ quan rất khó khăn, có khi anh em phóng viên phải vượt qua hàng chục cây số đường rừng. Phương tiện giao thông không có, tất cả đều trông vào đôi chân. Ngoài việc chạy ăn, chạy giặc, Thông tấn xã Việt Nam còn phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho Đài Tiếng nói Việt Nam, cung cấp kịp thời tin tức để Đảng và Chính phủ nhanh chóng có kế sách chỉ đạo công cuộc kháng chiến. Trong cả quãng thời gian hơn 3.000 ngày kháng chiến gian khổ và ác liệt, Thông tấn xã Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, bảo đảm cho mặt trận thông tin luôn thông suốt, góp phần rất lớn cho chiến thắng cuối cùng.

Có thể nói năm 1947 hoạt động nghiệp vụ của Thông tấn xã Việt Nam không đạt hiệu quả cao. Người Pháp lúc này đang ở thế mạnh, đang tìm cách truy đuổi các lực lượng kháng chiến. Các địa phương bị chia cắt, bao vây, nhiều vùng tự do bị rơi vào thế cô lập. Có những nơi mải lo chống giặc, không có điều kiện liên lạc thường xuyên với trung ương. Tin tức đến với Thông tấn xã Việt Nam hàng ngày không đều, trong khi không phải thông tin nào cũng được phổ biến rộng rãi. Tình trạng báo chí "đói" tin có khi kéo dài hàng tháng thời. Đây cũng là thời điểm Nha Thông tin (bao gồm Đài Tiếng nói Việt Nam và

Thông tấn xã Việt Nam) bị đánh phá ác liệt nhất. Thông tấn xã Việt Nam liên tục phải di chuyển khắp các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc. Đầu năm 1948, trước sự truy đuổi gắt gao của kẻ thù, để bảo toàn lực lượng, Thông tấn xã Việt Nam quyết định chia làm hai bộ phận: một vùng chợ Chu phục vụ Trung ương Đảng và Chính phủ, một đi theo Đài Tiếng nói Việt Nam. Phương tiện liên lạc giữa hai nhóm chủ yếu dựa vào hệ thống ngày thu phát công suất nhỏ có tầm hoạt động trong phạm vi hẹp. Do hoàn cảnh chiến tranh, lúc này Thông tấn xã Việt Nam ít nhận được sự trợ giúp từ trung ương phải đưa vào sức mình là chính. Các nguyên vật liệu như xăng dầu, giấy, mực in được cung cấp rất hạn chế, các cán bộ, công nhân viên của Thông tấn xã Việt Nam phải đôn đáo ngược xuôi lo cho đủ, nhiều khi phải mua giá chợ đen hoặc vận động bà con quanh vùng đóng góp ủng hộ.

Từ cuối năm 1948, người Pháp nhận thấy các kế hoạch tấn công lên chiến khu Việt Bắc không đạt kết quả như mong muốn, họ quay ra chuẩn bị cho giải pháp Bảo Đại, dùng người Việt trị người Việt. Đây là quãng thời gian khá yên ổn, Thông tấn xã Việt Nam chuyển về Tuyên Quang, đặt cơ quan ở ATK (an toàn khu) với mật danh T6. Được sự giúp đỡ của Đảng và Nhà nước, Thông tấn xã Việt Nam có điều kiện chỉnh đốn lại đội ngũ, trang bị cho mình các phương tiện, máy móc hiện đại nhằm mở rộng hoạt động. Lúc này, tình hình tại các vùng tự do trong cả nước cũng bắt đầu đi vào thế ổn định. Sợi dây liên lạc giữa các địa phương với trung ương đã được nối lại. Tin tức dồn dập đổ về Thông tấn xã Việt Nam. Chưa bao giờ Thông tấn xã Việt Nam phải xử lý một khối lượng thông tin đồ sộ, phong phú đến như vậy. Công việc nhận và chuyển tin diễn ra hết sức bận rộn, khẩn trương. Những khi có tin quan trọng, bất kể ngày đêm, Thông tấn xã Việt Nam đều tìm cách chuyển ngay đến các cơ quan chức năng để Đảng và Chính phủ nắm chắc tình hình trong và ngoài nước, từ đó vạch ra sách lược đấu tranh hợp lý. Năm 1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời đã làm thay đổi cục diện ở châu Á và thế giới, hết sức có lợi cho ta. Cách mạng Lào - Campuchia cũng đang lớn mạnh từng ngày, tạo

điều kiện cho Thông tấn xã Việt Nam mở rộng tầm hoạt động ra các nước. Mối quan hệ giữa Thông tấn xã Việt Nam với một số hãng thông tấn lớn trên thế giới bước đầu được thiết lập. Quá trình trao đổi thông tin diễn ra ngày càng tốt đẹp giữa các bên. Thông tấn xã Việt Nam đã tổ chức tốt công tác thu, phát tin ra nước ngoài thông qua một số âm trung gian đặt tại Trung Quốc, Miến Điện, Thái Lan. Từ các nguồn tin phong phú này, cuối năm 1949, Thông tấn xã Việt Nam quyết định phát hành ngay tờ *Tin tức* khổ nhỏ, 4 trang, đề cập tới các vấn đề quan trọng nhất, mới nhất xảy ra trong nước và quốc tế. Số lượng phát hành của tờ Tin *tức* là khá lớn, đáp ứng khá đầy đủ nhu cầu của các cơ quan, đơn vị đầu não ở trung ương, các vùng chiến khu IV, V, thậm chí tới cả các bưng biền nằm ở cực nam của Tổ quốc. Vào thời điểm đó, để tổ chức tốt một mạng lưới phát hành hiệu quả như vậy là nỗ lực vô cùng lớn của Thông tấn xã Việt Nam.

Để theo sát mọi diễn biến của cuộc kháng chiến, Thông tấn xã Việt Nam rất chú trọng đến việc cử phóng viên tới các vùng trọng điểm, nơi chiến sự đang diễn ra ác liệt. Các phóng viên, kỹ thuật viên phải làm việc ngày đêm, bám theo bộ đội, vừa viết tin, bài vừa tham gia chiến đấu. Nhiều người đã ngã xuống như những người lính thực thụ. Từ đầu những năm 1950, hoạt động của Thông tấn xã Việt Nam bắt đầu mang tính chuyên nghiệp hơn. Các phòng tin tức trong nước, tin tức quốc tế được thiết lập với các ban chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Phân xã tại các địa phương cũng hoạt động rất tích cực. Các phóng viên, cộng tác viên thường xuyên được tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do Thông tấn xã Việt Nam đứng ra tổ chức. Giảng viên là các nhà báo cách mạng có tên tuổi. Giáo trình giảng dạy do các hãng thông tấn như Tass, Tân Hoa xã cung cấp. Nhờ những lớp học kiểu này mà trình độ nghiệp vụ cũng như nhận thức tư tưởng của anh em được nâng lên rất nhiều. Việc viết tin, bài nhờ đó cũng mang tính quy phạm hơn. Truyền thống này còn được duy trì cho đến nay. Đây cũng là mối quan hệ giữa Chính phủ kháng chiến với các nước nằm trong hệ thống xã hội chủ nghĩa nói chung, với

Trung Quốc nói riêng được thắt chặt hơn bao giờ hết. Việc trao đổi thông tin nghiệp vụ giữa Thông tấn xã Việt Nam với Tân Hoa xã cũng diễn ra tốt đẹp. Được sự đồng ý của Đảng và Chính phủ, Thông tấn xã Việt Nam đã bắt đầu thành lập các phân xã ở nước ngoài để nắm tình hình quốc tế một cách nhanh nhất. Phân xã nước ngoài đầu tiên của Thông tấn xã Việt Nam được đặt ở Bắc Kinh (1952) do đồng chí Ngô Điền phụ trách, là tiền đề cho hàng loạt phân xã nước ngoài khác sau này.

Trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, hoạt động của Thông tấn xã Việt Nam diễn ra rầm rộ, năng động, nhất là vào thời điểm mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Trước quy mô lớn của chiến dịch hơn ai hết, các phóng viên tin tưởng rằng đây sẽ là trận đánh lớn cuối cùng, có ý nghĩa quyết định đến số phận của quân đội Pháp ở Đông Dương. Ai cũng muốn mình sẽ được ra chiến trường ngay trong đợt đầu. Nhận thức rõ tầm quan trọng của chiến dịch Điện Biên Phủ, Thông tấn xã Việt Nam đã cân nhắc lựa chọn những phóng viên có năng lực nhất do đồng chí Hoàng Tuấn (Giám đốc) làm trưởng nhóm đi theo bộ đội ra mặt trận, ở đâu có bom rơi, đạn nổ là ở đó có loạt các phóng viên của Thông tấn xã Việt Nam. Mọi tin tức đều được khẩn trương truyền về bằng tín hiệu morse cho các cơ quan trung ương và hệ thống báo chí. Bộ phận ở nhà cũng cố gắng cho ra tờ tin một cách nhanh nhất để khỏi phụ công của các đồng đội đang ngày đêm xông pha nơi chiến địa. Tính cập nhật tin tức của Thông tấn xã Việt Nam đã cổ vũ rất nhiều tinh thần chiến đấu của quân và dân ta. Ngày 9-5-1954, ngay trên nóc hầm chỉ huy của địch, phóng viên Thông tấn xã Việt Nam đã có bài tường thuật phát đi toàn thế giới, gây chấn động dư luận trong và ngoài nước.

b) Hệ thống đài phát thanh trong kháng chiến chống Pháp

Vừa nhận được lệnh sơ tán, ngay trong đêm 19-12-1946, cán bộ, phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên của Đài Tiếng nói Việt Nam đã tổ chức di chuyển toàn bộ trang thiết bị máy móc lên núi Trầm (Hà Tây). Do đã nhận được chỉ thị từ mấy

tháng trước nên mọi việc diễn ra nhanh chóng, thuận lợi. Vừa đặt chân lên địa điểm mới được vài giờ, Đài đã phát sóng chương hình như thường lệ, tạo được bầu không khí tin tưởng, phấn khởi nơi khán thính giả. Cũng trong buổi phát sóng đó, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch vang vọng khắp núi sông, thắp lên ngọn lửa yêu nước hừng hực trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Để bảo toàn lực lượng, đề phòng địch tấn công bất ngờ, lãnh đạo Đài Tiếng nói Việt Nam chủ trương sử dụng cùng lúc vài địa điểm dự phòng. Mỗi địa điểm này đều có các trang thiết bị có thể sử dụng được ngay khi cần đến, đảm bảo cho tiếng nói của Đảng và Nhà nước luôn thông suốt, liên tục, tuyệt đối tránh đứt đoạn ảnh hưởng không tốt đến tâm lý, tình cảm của nhân dân. Đời sống kháng chiến khó khăn về mọi mặt, không chỉ lo ăn, lo ở, cán bộ, chiến sĩ của Đài phải chạy đôn, chạy đáo khắp nơi để khai thác thông tin, đáp ứng sao cho đủ 3 buổi phát sóng hàng ngày. Tin tức trong nước lúc này rất thiếu. Mạng lưới thông tin viên trước đây giờ tản mát khắp nơi. Mối liên hệ giữa họ với đài không còn được đều đặn, thường xuyên. Kẻ thù lại luôn tìm cách bao vây, cắt đứt mọi tuyến giao thông giữa các địa phương, giữa vùng tạm chiếm với vùng tự do. Các cơ quan có nhiệm vụ cấp tin cho Đài trước đây như Nha Thông tin, Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam giờ cũng đang gặp khó khăn, chưa có điều kiện nối lại mối quan hệ. Tình hình này buộc Đài Tiếng nói Việt Nam phải chủ động sử dụng nguồn tin của đài địch hoặc của các hãng thông tấn có uy tín trên thế giới, rồi chế biến lại cho phù hợp với yêu cầu chính trị đặt ra, đáp ứng nhu cầu thông tin của bạn nghe đài. Bên cạnh đó, để lấp chỗ trống và cũng để tuyên truyền sâu rộng hơn quan điểm kháng chiến lâu dài của ta, Đài Tiếng nói Việt Nam trong thời gian này sử dụng nhiều thể loại bình luận về các vấn đề trong và ngoài nước. Tất nhiên, các hình thức thông tin này không thể kéo dài được lâu. Thính giả ngày nào cũng phải nghe vài bài bình hận về các vấn đề quá chung chung, không thiết thực với sinh hoạt hàng ngày của mình, dần cũng chán. Trong khi đó Đài Con Nhạn của thực dân

Pháp đặt tại Hà Nội ngày nào cũng tố cáo Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin không chính xác, "xào" lại thông tin của họ. Uy tín của Đài Tiếng nói Việt Nam ít nhiều bị sụt giảm. Trước thực tế này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã có chỉ thị: "không nên bịa đặt những tin quá to làm cho dư luận ngoài sinh hoài nghi Đài phát thanh của ta"[6]. Đồng thời, Đảng cũng giao nhiệm vụ cho các địa phương phải có mối liên hệ chặt chẽ với Nha Thông tin, với Đài Tiếng nói Việt Nam, cung cấp đều đặn thông tin cho các cơ quan này bằng mọi giá: "Các địa phương như Hải Phòng, Lạng Sơn, Sơn La, Lai Châu, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương và các tỉnh miền Nam phải gửi về cho Nha Thông tin những tài liệu xác thực thuộc về nơi mình". "Các đồng chí trong Nha Thông tin Tuyên truyền trung ương và địa phương có nhiệm vụ cộng tác với các ban tuyên truyền các cấp của đoàn thể..."[7]. Nhờ khắc phục được ngay những yếu kém nói trên, Đài Tiếng nói Việt Nam đã mau chóng khẳng định lại được vị thế của mình, góp phần tạo niềm tin cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước, tin vào chiến thắng cuối cùng của lực lượng kháng chiến.

Cuộc chiến dai dẳng giữa ta và địch tại các vùng giáp ranh đã gây cho kẻ thù nhiều tổn thất nặng nề. Hơn ai hết, thực dân Pháp hiểu rõ một trong những nguyên nhân khiến chúng gặp nhiều thất bại liên quan trực tiếp đến Đài Tiếng nói Việt Nam. Việc tiêu diệt hệ thống phát thanh của ta được người Pháp coi như nhiệm vụ hàng đầu. Ngày 3-3-1947, Pháp đã đổ một lượng lớn quân hòng đánh úp hang núi Trầm. Do đã biết trước kế hoạch của địch, Đài Tiếng nói Việt Nam đã sơ tán kịp thời, không bị tổn hại đáng kể nào về vật chất. Trong đợt chạy giặc này, đồng chí Trần Kim Xuyến, một trong những người sáng lập Đài, đã hy sinh anh dũng.

Trong thời gian ở Trầm, Đài vẫn sử dụng câu danh xưng "Đây là Đài Tiếng nói Việt Nam, phát đi gần Hà Nội, Thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa". Câu danh xưng này có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó tạo cảm giác gần gũi giữa thính giả với chính phủ kháng chiến. Người dân vùng tạm chiếm cũng cảm thấy Đảng,

Bác Hồ luôn hiện diện bên mình. Đêm giao thừa của Tết kháng chiến đầu tiên (Đinh Hợi 1947), dù bận trăm công nghìn việc, Bác Hồ đã tới hang núi Trầm đọc thơ chúc Tết gửi tới đồng bào cả nước. Hành động này đã gây xúc động lớn trong toàn Đảng, toàn dân, thúc đẩy thêm quyết tâm chiến đấu bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc. Trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Đài Tiếng nói Việt Nam đã phải thay đổi chỗ ở tới 14 lần, qua khắp các tỉnh miền núi, trung du từ Sơn Tây đến Phú Thọ, Tuyên Quang, Bắc Cạn... Địch lùng sục ráo riết nên Đài chẳng ở đâu được lâu. Vừa đặt chân đến địa điểm mới Đài đã phải lập phương án cho địa điểm tiếp sau. Do vậy, cuộc sống của anh em hết sức khó khăn, thiếu thốn. Có thời gian dài, họ phải thay phiên nhau đi đào củ, săn bắn, hái rau dại trong rừng. Có người trong lúc đi xa kiếm lương thực cho cơ quan đã làm mồi cho thú dữ. Các căn bệnh của "rừng thiêng nước độc" như ngã nước, sốt rét đã không từ một ai trong khi thuốc men hầu như không có. Mọi gian khổ hy sinh không làm nản lòng các chiến sĩ ngày đêm đánh địch trên làn sóng điện, làm cho họ thêm vững vàng trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung.

Từ khoảng giữa năm 1949 trở đi, mọi hoạt động của Đài Tiếng nói Việt Nam diễn ra có chiều thuận lợi hơn. Do làm tốt công tác tăng gia sản xuất, nên đời sống vật chất của anh em cũng được bổ sung, mở rộng. Dù rất bận rộn, ai cũng cố gắng tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn khi có điều kiện. Tinh thần đoàn kết nội bộ luôn được thắt chặt đã tạo không khí phấn khởi tràn ngập cơ quan. Tinh thần này đã cổ vũ cho anh em phóng viên xông xáo đi về những nơi xa xôi, hẻo lánh hoặc nơi chiến địa để đưa tin, viết bài. Thông tin ào ạt về với những đề tài phong phú, đa dạng làm cho các chương trình phát sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam ngày càng hấp dẫn, lôi cuốn thính giả. Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950 kết thúc thắng lợi đã làm thay đổi cục diện chiến trường. Ta từ thế cầm cự chuyển sang phản công, đẩy địch vào thế lúng túng, bị động. Trên đà này, Đảng và Nhà nước đã lãnh đạo quân và dân ta mở hết chiến dịch này đến chiến dịch khác. Chiến thắng vang

dội làm nức lòng cán bộ, phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên của Đài. Mọi người thay phiên nhau trực máy, thi đua không bỏ sót tin tức nào, dù là nhỏ nhất. Để có được thông tin chính xác, kịp thời, Đài Tiếng nói Việt Nam luôn có kế hoạch cử phóng viên theo chân bộ đội đến những mặt trận khốc liệt nhất. Tin tức bằng mọi giá phải được chuyển về một cách nhanh nhất. Nhiều bản tin do Đài phát sóng đã kết thúc trong khi khói lửa trên chiến trường còn chưa tắt. Chất lượng thông tin của Đài Tiếng nói Việt Nam đã nhiều lần được Đảng, Nhà nước và bạn bè quốc tế gần xa đánh giá cao. Do hậu quả của các chế độ trước để lại, đời sống văn hóa của bà con nông dân nước ta còn hết sức lạc hậu. Các hủ tục như mê tín dị đoan, trọng nam khinh nữ, chế độ đa thê, tảo hôn tràn lan khắp nơi. Nạn nghiện hút, cờ bạc, trộm cắp hoành hành trong từng thôn xóm. Đây là những vấn nạn rất dễ ảnh hưởng lan rộng trong đạo đức, lối sống của cán bộ, chiến sĩ. Việc xây dựng đời sống văn hóa kháng chiến lành mạnh là mục tiêu hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Trước nhiệm vụ được giao, Đài Tiếng nói Việt Nam đã dành thời lượng khá lớn cho các chương trình văn hóa, giáo dục. Việc xây dựng hương ước, thực hiện nếp sống mới từ gia đình đến thôn xóm, cưới xin, tang ma giản dị, tiết kiệm, kêu gọi nhân dân tham gia các lớp bình dân học vụ... là những nội dung luôn được Đài tuyên truyền rộng rãi, được toàn dân hưởng ứng, làm theo. Đài cũng không ngần ngại vạch mặt, chỉ tên những phần tử chậm tiến, đề cao những tấm gương biết ăn năn hối cải trở về với lẽ phải. Đài Tiếng nói Việt Nam còn là một trong những cơ quan báo chí đầu tiên phát động phong trào thi đua xây dựng nếp sống mới giữa địa phương này với địa phương khác.

Thực hiện chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng là phải "chú trọng tuyên truyền quốc tế", ngay từ những ngày đầu thành lập, Đài Tiếng nói Việt Nam đã rất quan tâm đến việc xây dựng các chương trình phát bằng tiếng nước ngoài. Ngày l5-9-1945, Đài đã phát sóng chương trình thời sự bằng hai thứ tiếng Anh, Pháp với các hô ngữ còn được sử dụng đến nay là VNA (Vietnam News Agency) và AIV

(Agence d'information du Vietnam). Mỗi chương trình này kéo dài khoảng 15 phút. Được bổ sung nhân lực, mấy hôm sau Đài thêm các chương trình tiếng Quảng Đông, tiếng Lào và quốc tế ngữ (Esperanto). Nhận thức rõ tầm quan trọng của các chương trình thời sự phát bằng tiếng nước ngoài, Đài Tiếng nói Việt Nam liên tục cải tiến để tăng buổi, tăng thời lượng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn thời chiến, trong ba năm đầu tồn tại, phát triển, Đài chủ yếu hoạt động nhờ các trang thiết bị của Pháp để lại, đã quá cũ kỹ lạc hậu. Máy phát chỉ có công suất từ 200 - 500W lại không được duy tu thường xuyên, không có linh kiện thay thế nên hoạt động của Đài rất khó giữ được thế ổn định, lâu dài. Sóng của Đài chỉ với tới được một số nước lân cận như Lào, một phần lãnh thổ Campuchia và Thái Lan nên hiệu quả tuyên truyền quốc tế chưa cao.

Mặc dù năm 1947, Trung ương Đảng đã có Chỉ thị "Chú ý bổ sung và cải thiện kỹ thuật phát thanh và liên lạc để lợi cho việc thông tin tuyên truyền trong nước và ngoài nước", nhưng phải đến cuối năm 1949 đầu năm 1950, khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập, biên giới giữa hai nước được mở rộng, ta mới có điều kiện nhập máy móc hiện đại. Với hệ thống máy phát chuyên dụng, sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam đã đến được với hầu hết các nước trong khu vực, góp phần đắc lực tuyên truyền cho cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc ta trên thế giới, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè năm châu, thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước "kêu gọi nhân dân Pháp, các đoàn thể và các phần tử dân chủ Pháp, các dân tộc bị áp bức và lực lượng hòa bình dân chủ trên thế giới đồng tình với ta chống phản động Pháp", "tiếp tục vạch rõ mưu gian và chỗ bội nghĩa của Pháp và tính chất tự vệ chính đáng của cuộc kháng chiến của ta"...

IV. MỘT VÀI NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

Giai đoạn 1945 - 1954 đã tạo nên một dấu ấn đặc biệt trong lịch sử Việt Nam. Trong khoảng chưa tròn hai mươi năm ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân đã nhất tề đứng dậy làm nên cuộc

Cách mạng Tháng Tám long trời, lở đất, giành lại chính quyền từ tay phát xít Nhật và thực dân Pháp, kết thúc đêm trường nô lệ 80 năm. Nhưng ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dân tộc ta đã bước vào một cuộc chiến đấu mới vô cùng gian khổ, ác liệt để làm nên Chiến thắng Điện Biên Phủ đánh bại toàn bộ quân xâm lược Pháp dưới sự bảo trợ của bọn can thiệp Mỹ. Đây cũng là thời kỳ báo chí cách mạng Việt Nam có bước phát triển mới, đóng góp xứng đáng vào chiến thắng chung của dân tộc.

Từ nhận thức đúng đắn về vai trò to lớn của báo chí trong tuyên truyền chính sách, giác ngộ, nâng cao trình độ nhận thức của nhân dân, động viên, cổ vũ toàn dân tộc tham gia kháng chiến, kiến quốc, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã đặc biệt quan tâm chỉ đạo xây dựng hệ thống báo chí cách mạng công khai. Ngay sau ngày lễ Tuyên ngôn độc lập, dưới sự chỉ đạo của Hồ Chủ tịch, Thông tấn xã Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam đã ra đời. Đây là hai loại hình phương tiện báo chí đã tạo điều kiện đưa thông tin về cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc ta, vượt ra ngoài biên giới quốc gia, góp phần tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng hòa bình, tiến bộ trên thế giới.

Trong suốt toàn cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, báo, tạp chí, đài phát thanh đã bám sát thực tiễn cuộc sống, cùng chia sẻ gian khổ, hiểm nguy với nhân dân, bộ đội, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của cuộc kháng chiến. Trong chiến tranh ác liệt, mỗi dòng tin báo chí, mỗi tiếng nói trên Đài Tiếng nói Việt Nam trở thành vô cùng quý báu, có sức mạnh to lớn trong việc củng cố niềm tin, động viên, cổ vũ đồng bào, chiến sĩ - đặc biệt là nhân dân vùng địch hậu. Trong bài nói tại Đại hội lần thứ II Hội Nhà báo Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò của báo chí trong giai đoạn 1945 - 1954, đó là "đã đóng góp vào cuộc kháng chiến thắng lợi".

Kể từ sau ngày 19-12-1946, hệ thống báo chí của Đảng, Nhà nước, của Mặt trận Việt Minh, của các tổ chức, đảng phái yêu nước, của các cơ quan thuộc bộ máy

quản lý chính quyền về cơ bản đã di chuyển lên các vùng chiến khu. Trong thời gian này, những người làm báo phải sống và làm việc trong môi trường rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Do phải sơ tán liên tục, hầu như mọi tờ báo đều sụt giảm số lượng bạn đọc. Vai trò của lực lượng cộng tác viên cũng bị suy giảm trầm trọng. Nhà báo lúc này không chỉ làm nhiệm vụ thông tin đơn thuần mà nhiều khi họ là những chiến sĩ thực thụ trực tiếp cầm súng ra trận, không ít người đã hy sinh anh dũng trên chiến trường. Trước sức o ép ngày càng khốc liệt của kẻ thù, các cơ quan báo chí phải tự tổ chức lại. Có những tờ nhận thấy vai trò của mình không còn phù hợp với thực tiễn cách mạng đã tự đóng cửa hoặc sáp nhập với tờ khác. Các tòa soạn đều sắp xếp lại nhân sự cho gọn nhẹ, cơ động, phù hợp với tình hình thời chiến.

Trong điều kiện chiến tranh, giao thông liên lạc không thuận lợi, tình hình chiến sự mỗi nơi mỗi khác, Đảng và Nhà nước ta chủ trương khuyến khích phát triển loại báo địa phương. Để hạn chế tính quan liêu cửa quyền của một số cơ quan quản lý, từ năm 1948, Chính phủ đã ban hành một số văn bản, giao quyền cho cấp Uỷ ban hành chính kháng chiến tỉnh, liên khu cấp phép, kiểm duyệt, hàng tháng chỉ phải làm báo cáo gửi lên Bộ Nội vụ. Cách điều phối này đã tạo điều kiện cho dòng báo chí địa phương phát triển mạnh mẽ. Tình hình này cũng, làm nảy sinh một số vấn đề. Do báo ra ngày càng nhiều, địa phương lại không có khả năng bao cấp, nên để có thể tự nuôi sống mình, một số báo đã có những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh, việc xử lý đánh giá thông tin không thống nhất, thậm chí có khi mâu thuẫn nhau. Có địa phương quá đề cao mình, coi hệ thống báo chí của mình là trên hết. Tờ nào cũng cố kéo các nhà lãnh đạo trung ương viết bài cho mình, nhiều khi chỉ để lấy tiếng chứ không hoàn toàn vì lợi ích địa phương. Vì hình thức, những tờ báo này cũng cố bắt chước ở các báo chí trung ương từ kiểu chữ, tên báo đến cách viết, đặt đề mục... Cách làm này lúc đầu cũng được bạn đọc chú ý, nhưng dần dần họ thấy nhàm chán vì tính đơn điệu của chúng.

Nhìn chung, từ đầu năm 1947, báo chí cách mạng thu hẹp dần số lượng. Tới năm 1952, cả nước chỉ còn hơn 50 tờ báo các loại. Số đầu báo tuy giảm nhưng đối tượng phục vụ lại được mở rộng. Chẳng hạn, báo *Sự thật* từ đầu năm 1948 trở đi không chỉ phục vụ cán bộ, đảng viên mà còn là tờ báo chung cho mọi tầng lớp nhân dân. Ngoài những bài có tính lý luận, tài liệu huấn luyện cán bộ, báo *Sự thật* còn rất coi trọng việc thông tin những vấn đề thời sự. Từ ngày lên chiến khu, nguồn cung cấp thông tin báo chí không còn được thuận lợi như trước. Các địa phương bị vây hãm, chia cắt làm cho thông tin, nếu có đến được với tờ báo nào đó thì cũng thường bị chậm, không ổn định, lúc có lúc không, Tin dành cho báo chí thời này chủ yếu lấy từ các nguồn như: Chính phủ, các ban ngành đoàn thể, đơn vị, các đài phát thanh trong và ngoài nước. Một số báo đã linh hoạt khai thác thông tin của báo, đài phương Tây đưa tin về những thất bại, tổn thất của họ trong một số chiến dịch, trận đánh. Ở một mức độ nhất định, cách làm này đã giúp báo chí đưa tin kịp thời và tăng giá trị chiến thắng của ta vì địch thừa nhận các thất bại của họ. Cách làm này góp phần kịp thời cổ vũ, động viên tinh thần kháng chiến của quân dân ta và làm cho người dân vùng tạm chiếm ngày càng tin tưởng nào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến. Trong những năm 1946 - 1954 do hoàn cảnh kháng chiến và nhiều nguyên nhân khác, báo chí cách mạng tại vùng chiến khu thường không bảo đảm đúng định kỳ và số trang ổn định. Một tờ tuần báo tuỳ theo tình hình, có thể tăng lên vài số một tuần, hoặc cũng có khi hàng tháng mới ra một số. Thông thường, một tờ báo thời kỳ này chỉ ra 4 trang, nhưng nếu cần thiết, để phục vụ mục tiêu tuyên truyền quan trọng, báo sẵn sàng ra hàng chục trang. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, báo chí tư nhân cũng khá phát triển tại các vùng chiến khu. Mặc dù chúng thuộc về cá nhân (của các nhân sĩ, trí thức, tiểu tư sản thành thị) nhưng hầu hết các tờ báo này đều mang màu sắc yêu nước, ít nhất là có thiện cảm với các chủ trương, đường lối, chính sách của Mặt trận Việt Minh, đối lập với báo chí vùng tạm chiếm. Nói cách khác, ở các vùng tự do, thời gian này

không có báo đối lập với chính quyền nhân dân. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho công tác quản lý báo chí của Đảng và Nhà nước. Dù là báo tư nhân hay của chính quyền thì giữa chúng vẫn có một số điểm chung, thống nhất là ủng hộ triệt để nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc; chống kẻ thù ngoại xâm và chế độ phong kiến đến cùng; hướng tới một chế độ tự do, công bằng, văn minh.

Những nội dung trên đã đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của toàn dân, được nhân dân ủng hộ. Sức tác động của báo chí cách mạng giờ đây không chỉ bó hẹp trong các vùng tự do mà còn được mở rộng ra các vùng tạm chiếm lân cận, tới các thành phố lớn trong cả nước. Nhiều tờ báo tiến bộ trong vùng địch kiểm soát cũng tạm cách bày tỏ thiện chí đối với cuộc kháng chiến chống Pháp do Mặt trận Việt Minh phát động, phần nào bày tỏ được quan điểm yêu tự do của cả dân tộc. Nếu như vào những năm đầu của cuộc kháng chiến, báo chí cách mạng còn có những hạn chế về số lượng, chất lượng, chủ yếu tập trung tại các căn cứ Việt Bắc, Liên khu IV, Liên khu V, vùng Đồng Tháp Mười, thì từ những năm năm mươi, dòng báo chí này được mở rộng ra khắp cả nước, lấn át dần các đồng báo chí khác, lôi cuốn chúng đi theo mình, nếu không muốn hứng chịu sự thờ ơ, ghẻ lạnh của bạn đọc.

1.Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.548.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.480.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.164.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.11, tr.199.

5. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp – thắng lợi và bài học,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.202.

6,7. Đảng Cộng sản VIệt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.8, tr.202.

CHƯƠNG III

BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM THỜI KỲ 1954 - 1975

I- BÁO CHÍ TRONG THỜI KỲ ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC 1954 - 1964

l. Báo chí cách mạng hoạt động trong điều kiện mới

Hòa bình lập lại, trong mấy năm đầu, hoạt động báo chí đã khởi sắc, phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, đặc biệt là ở đô thị và các thành phố lớn. Tính đến năm 1957 toàn miền Bắc đã có 134 tờ báo, trong đó có 5 tờ xuất bản hàng ngày, 15 tờ tuần báo, 20 tờ bán nguyệt san và nguyệt san. Khác với thời kỳ kháng chiến chống Pháp, báo chí tập trung chủ yếu vào các hoạt động tuyên truyền của Đảng và các đoàn thể, như báo *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Cứu quốc, Văn nghệ.* Các tờ báo trên còn có nhánh ở các liên khu. Hòa bình lập lại báo chí phát triển đồng bộ. Ngoài những tờ báo lớn như *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Cứu quốc,* còn có báo chí của các đoàn thể như báo *Phụ nữ, Tiền phong, Lao động,* báo của các đảng, hội như *Tổ quốc,* Đảng Dân chủ có tờ *Độc lập, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam.* Một vài tờ báo tư nhân tuy có ít ảnh hưởng nhưng vẫn tồn tại. Một số tờ báo và tạp chí trong thời kỳ này lợi dụng những sai lầm của Đảng trong cải cách ruộng đất, khó khăn trong phát triển kinh tế để tìm cách chống đối như các tờ *Nhân văn - Giai phẩm* và *Đất mới.* Tình hình thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam cần có một hành lang pháp lý cho báo chí hoạt động. Ngày 20-5-1957, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban bố Luật số 100 SL/L002 - đó là luật báo chí đầu tiên ở nước ta. Chương I của luật khẳng định trách nhiệm của báo chí và nhà báo cách mạng: "Báo chí dưới chế độ ta, bất kỳ là của một cơ quan chính quyền, đảng phái chính trị, đoàn thể nhân dân hoặc của tư nhân cũng đều là công cụ đấu tranh của nhân dân, phải phục vụ quyền lợi của Tổ quốc, của nhân dân, bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, ủng hộ chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa".

Như vậy, trong luật lúc này bao gồm cả báo chí tư nhân và trên thực tế báo chí tư nhân chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn là chấm dứt. Khi nói về tự do báo chí, nhiều phóng viên của báo chí phương Tây thường xem báo chí tư nhân là đặc điểm của tự do báo chí. Thực ra không có sự ngăn cấm loại bỏ những tờ báo tư nhân trong giai đoạn này. Theo nhà báo Hiền Nhân thì khi Hà Nội mới được giải phóng, có các tờ *Thời mới, Giang sơn* của Hoàng Cơ Bình, sau đổi thành *Sông Hồng, Liên hiệp* của Văn Tuyển, tờ *Dân chủ* của Vũ Đức Toa và tờ *Nói thật* - tuần báo do Văn Nhân chủ trương. Các tờ báo tư nhân này không tồn tại được lâu phần vì không có được sự tín nhiệm của công chúng, số bản in giảm sút dần, phần vì không rõ ràng về mục tiêu chính trị, xã hội và không tạo được sức sống cho tờ báo. Như tờ báo *Nói thật,* thực ra tuy mang danh là một tờ báo nhưng thực chất nội dung nghèo nàn, công việc do một số người trong gia đình đảm nhiệm, số lượng phát hành rất hạn chế. Cũng trong thời gian này, có một số tờ báo tư nhân được ấn hành như *Nhân văn* và các ấn phẩm của *Giai phẩm, Đất nước.* Nội dung các báo và tạp chí trên đi ngược lại đường lối của Đảng và Nhà nước và bị cấm sau một thời gian ngắn hoạt động. Những tờ báo lớn của Đảng và Nhà nước đã phát huy vai trò tích cực của báo chí trong các nhiệm vụ tuyên truyền cho đường lối chính sách của Đảng trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Báo chí cách mạng phê phán khuynh hướng chính trị tư sản đã khoét sâu vào một số sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, xuyên tạc các chính sách của Đảng và Nhà nước trong các hoạt động xã hội, tư tưởng - văn hóa, đòi chia quyền lãnh đạo cho các đảng phái khác. Báo chí cách mạng phê phán các tư tưởng thù địch của Mỹ - Diệm nhằm xóa bỏ tổng tuyển cử và chia cắt lâu dài đất nước.

Trong trách nhiệm xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, báo chí cách mạng đề cao tinh thần lao động quên mình xây dựng cuộc sống, vượt qua những thách thức nhiều mặt. Phương hướng xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi sự xóa bỏ các thành phần kinh tế chiếm hữu tư nhân về ruộng đất, nhà máy,

xí nghiệp, kinh doanh thương nghiệp. Nền kinh tế tập thể từng bước được củng cố vững chắc hơn. Hoạt động báo chí ngày một phát triển đòi hỏi phải theo Luật Báo chí nhằm đảm bảo quyền dân chủ cho các hoạt độngbáo chí, ngăn cấm những luận điệu thù địch chống phá cách mạng trên báo chí. Luật Báo chí ra đời đánh dấu một bước phát triển mới của báo chí cách mạng. Cho đến nay, sau nửa thế kỷ được ban hành, về cơ bản Luật Báo chí vẫn có giá trị tương đối ổn định. Nguyên tắc cơ bản là báo chí không được tuyên truyền chống lại Đảng và Nhà nước, không được tuyên truyền cho chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh, không được tiết lộ bí mật quốc gia và tuyên truyền cho dâm ô, trụy lạc, đồi bại. Những nguyên tắc cấm kỵ ấy là hợp lý không chỉ với Việt Nam mà với bất kỳ quốc gia nào. Nó nói lên trách nhiệm của nhà báo là một công dân và nhà báo phải có trách nhiệm công dân đối với việc bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ giá trị và nhân phẩm của con người.

Luật Báo chí đã tạo điều kiện cho báo chí hoạt động và phát triển. Hội Nhà báo cũng có nhiều hoạt động nghề nghiệp thích hợp với tình hình chính trị - xã hội trong giai đoạn này và bước vào chuẩn bị cho *Đại hội lần thứ II những người viết báo Việt Nam.* Đại hội được tổ chức trong hai ngày 16 và 17-4-1959 tại Câu lạc bộ Đoàn kết, Hà Nội với sự tham dự của 220 đại biểu ở miền Bắc. Đại hội vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự và nói chuyện với các nhà báo. Đồng chí Trường Chinh cũng đến tham dự và phát biểu ý kiến.

Nhà báo Xuân Thuỷ, Chủ tịch Hội đọc diễn văn khai mạc hội nghị và nhà báo Hoàng Tùng trình bày báo cáo của Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói chuyện với hội nghị. Người căn dặn: "Báo chí của ta thì cần phải phục vụ nhân dân lao động, phục vụ chủ nghĩa xã hội, phục vụ cho đấu tranh thống nhất nước nhà, cho hòa bình thế giới. Chính vì thế cho nên tất cả những người làng báo (người viết, người in, người sửa bài, người phát hành, v.v.) phải có *lập trường chính trị vững chắc.* Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của ta đều phải có

đường lối chính trị đúng"[1]. Người cũng yêu cầu báo chí *"phải có tính chất quần chúng và tinh thần chiến đấu"*[2]. Đại hội đổi tên là *Hội Nhà báo Việt Nam* và bầu ra Ban Chấp hành gồm 29 người do nhà báo Xuân Thuỷ được tái cử làm Chủ tịch.

Ở miền Bắc, thời gian này diễn ra nhiều sự kiện chính trị có ý nghĩa to lớn. Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960) đã họp trong không khí cả nước hồ hởi xây dựng chủ nghĩa xã hội. Báo chí cũng đóng góp xứng đáng trách nhiện của mình trên mặt trận văn hóa, tư tưởng, trong cuộc đấu tranh chống những tư tưởng tư sản, phê phán âm mưu chia cắt đất nước lâu dài của bọn Mỹ- Diệm và tập trung tuyên truyền theo nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và con người xã hội chủ nghĩa.

Ba năm sau theo kỳ hạn, Đại hội Nhà báo lần thứ III được tổ chức vào ngày 7-9-1962 gồm 160 đại biểu chính thức thay mặt cho 757 hội viên. Lúc này tổng số nhà báo có khoảng gần 1.500 người. Nhà báo Xuân Thuỷ, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam đọc lời khai mạc. Nhà báo Hoàng Tùng, Phó Chủ tịch trình bày báo cáo của Ban Chấp hành Hội.

Báo chí miền Nam trong những năm đầu đất nước tạm thời bị chia cắt cũng diễn ra những tình thế và hoạt động phức tạp. *Một là,* hoạt động báo chí trong lòng thành thị miền Nam. Phải làm sao để có những tờ báo tiến bộ nói lên được nguyện vọng của nhân dân với tinh thần đấu tranh cho độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, bảo vệ quyền dân chủ, chống lại những hành động phát xít của chính quyền Mỹ - Diệm. Trách nhiệm này của báo chí tiến bộ thật nặng nề và có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của đời sống tinh thần của xã hội miền Nam. *Hai là,* hoạt động báo chí của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam từ khi Mặt trận được thành lập và báo chí là một bộ phận quan trọng.

Ngay từ sau Hiệp nghị Giơnevơ, báo chí hợp pháp dưới chế độ Mỹ - Diệm đã có tiếng nói đấu tranh chống địch trả thù và khủng bố những người kháng chiến cũ, đòi thi hành Hiệp nghị Giơnevơ như các tờ báo *Buổi sáng* của Mai Lan Quế, *Nhân loại* của Tân Đức, *Tiếng chuông*của Nguyễn Văn Hiếu, *Bình dân* (1954 - 1963) của

Phú Đức và Nguyễn Đức Nhuận, *Dân đen* (1955 - 1965) của Nguyễn Duy Hinh, *Đoàn kết* (1954 -1964) của Huỳnh Thiên Môn, *Thời đại* (1954 – 1965) của Phạm Xuân Thái và Nguyễn Thành Danh, *Dân Việt* (1961 - 1968) của Phan Văn Hiển và Bùi Công Út, *Dân mới* (sau là *Dân chủ mới,* 1962 - 1972) của Hà Thành Thọ*, Dân luận* (1963 - 1964) của Huỳnh Văn Chiêu, *Ban mai* (1963 - 1964) của Dương Văn Sum. Nhà báo Trần Bạch Đằng thay mặt Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn phụ trách công tác tư tưởng và báo chí đã chỉ đạo và tham gia viết cho nhiều tờ báo như *Nhân loại, Phòng thương mại, Dân trí, Thần chung.* Khi Diệm dẹp xong các phe phái, bắt đầu tính sổ các tờ báo mà chúng vu cho là "Việt cộng nằm vùng", nhiều nhà báo bị bắt, một số phải đổi nghề.

Báo chí thành thị miền Nam ngày càng tiến bộ và có tác động xã hội rộng rãi hơn sau khi Diệm đổ và nhất là khi quân Mỹ tràn vào miền Nam, bộc lộ rõ bản chất xâm lược của chúng thì tinh thần đấu tranh của báo chí càng mạnh mẽ hơn. Nhiều tờ báo của chính quyền Sài Gòn như *Người Việt tự do, Cách mạng quốc gia, Ngôn luận* không phát huy được tác dụng với người đọc vì tính chất chính trị phản động của chúng về cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Hoạt động báo chí ở vùng giải phóng mang những đặc điểm riêng. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, công tác tư tưởng - văn hóa hoạt động tuyên truyền của báo chí được đặc biệt coi trọng. Cũng vì thế nên khi Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, đã thu hút vào hàng ngũ báo chí các nhà báo đã tham gia kháng chiến chống Pháp và được phân công ở lại hoạt động tại các thành thị miền Nam. Ngày 12-10-1960, *Thông tấn xã giải phóng* được thành lập còn gọi là *Giải phóng xã.* Ngày 1-2-1962, Đài Phát thanh giải phóng bắt đầu hoạt động. Ngày l-10-1964, báo *Nhân dân*, cơ quan của Đảng nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam do Thép Mới phụ trách ra mắt bạn đọc. Ngày 20-10-1964 báo *Giải phóng,* cơ quan của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do Huỳnh Tấn Phát làm Chủ nhiệm cũng được ấn hành. Hoạt động báo chí ở vùng giải phóng

miền Nam có nhiều thuận lợi về phía công chúng. Không có sự ngăn cách nào về tư tưởng, tình cảm của người tiếp nhận với báo chí cách mạng. Món ăn tinh thần này từ lâu đã quen thuộc và trở thành nhu cầu cần thiết. Tuy nhiên, do phải hoạt động ở vùng rừng sâu, kẻ địch lại luôn tìm mọi cách phá hoại nên công việc thâm nhập thực tế, tổ chức ấn loát, phát hành có nhiều khó khăn. Các nhà báo cách mạng miền Nam lại tiếp tục hoạt động như những chiến sĩ trong thời kỳ chiến tranh. Họ đến với nhiều vùng, miền của đất nước, cảm phục sâu sắc những tấm gương của đồng bào, đồng chí gắn bó một lòng, một dạ với cách mạng, mặc cho sự de dọa, tra tấn của kẻ thù. Cả một thời gian dài Mỹ - Diệm gieo rắc tội ác. Tập hồi ký*Những ngày gian khổ* ghi lại được phần nào thực trạng xã hội đen tối của thời kỳ này. Đa số các tác giả trong *Những ngày gian khổ* là nhà báo, cán bộ phong trào. Báo chí đã có mặt khi phong trào cách mạng cần đến. Ít năm sau, các nhà văn có tên tuổi và kinh nghiệm lần lượt trở về miền Nam để thâm nhập thực tế của tiền tuyến lớn và sáng tác như Anh Đức, Nguyễn Thi, Trần Hiếu Minh, Nguyễn Quang Sáng, Phan Tứ, Nguyễn Trung Thành. Qua một số năm gắn bó và đi sâu vào thực tế cách mạng, những gặt hái bước đầu về văn chương và giải thưởng *Nguyễn Đình Chiểu* đã góp phần nói lên sự phong phú cho sáng tạo văn học và báo chí của tiền tuyến lớn anh hùng.

2. Báo chí với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà

Sau những năm hàn gắn vết thương chiến tranh, miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế. Không khí lao động sôi nổi diễn ra trên nhiều hoạt động, trong nhà máy, ngoài hầm mỏ, nơi ruộng đồng. Lúc này, lao động cơ bản vẫn dựa vào sức người, vào lao động tập thể và đã làm nên nhiều kỳ tích. Chống lụt, chống hạn, đào kênh, khơi ngòi vẫn là nhiệm vụ cấp bách và thách thức thường xuyên của mặt trận lao động nông nghiệp. Ngay trong ngày lễ mừng tết độc lập năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu những trách nhiệm lớn với toàn dân là hoàn thành tốt

cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, chú trọng nông nghiệp, củng cố quốc phòng, củng cố an ninh trật tự, nâng cao đời sống cho dân và giảm nhẹ sự đóng góp của dân. Với báo chí, đây là thời điểm đội ngũ phóng viên phải đi sâu vào thực tiễn khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội đến với công trường, nhà máy, hợp tác xã nông nghiệp. Nhiều tờ báo viết về khôi phục tuyến đường sắt từ Hà Nội đến Lạng Sơn, viết về công trường Bắc Hưng Hải, về khôi phục kinh tế ở chiến trường Điện Biên Phủ. Các báo đều cần đến các cây bút phóng sự. Báo *Nhân dân* và báo *Cứu quốc* có một đội ngũ phóng viên viết phóng sự rất sắc sảo. Nhà báo Hồng Hà đi viết về việc khôi phục đường sắt, về vùng mỏ Cẩm Phả và cắm sâu ở vùng đất mỏ trong hàng năm trời. Kết quả là tập ký*Lên công trường* ra đời và được giải thưởng về bút ký của Hội Nhà văn năm 1955 -1956. Trong thời điểm này, các điển hình xã hội về cuộc sống mới được xây dựng trong cao trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa như điển hình trong hợp tác xã nông nghiệp có Nhà máy Đóng tàu Duyên Hải (Sóng Duyên Hải) và trong quân đội có Cờ Ba Nhất, Đại Phong.

Bước vào đầu năm 1958, nạn hạn hán diễn ra nghiêm trọng ở nhiều tỉnh miền Bắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có *Lời kêu gọi nông dân và cán bộ* quyết tâm chống hạn, đẩy mạnh sản xuất vụ Đông Xuân. Người nói chuyện với đồng bào tỉnh Hưng Yên, với nông dân xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm (Hà Nội) kêu gọi chống hạn. Với bút danh Trần Lực giới thiệu chuyện *Nông dân Trung Quốc chống hạn,* báo *Nhân dân*trong các số ngày 7-l-1958 và 8-l-1958 đã liên tục đăng các bài của Người về chống hạn. Người viết:

"Chống hạn phải khẩn trương như đánh giặc. Chúng ta sống ở trên mạch nước. Cứ đào thì nhất định có nước, chỉ có đào nông hay đào sâu mà thôi. Dưới đất có nước sông, nước mạch thấm vào đào thì phải thấy. Đào 5 nơi không có, đào mãi thì phải có".

Câu thành ngữ: "Vắt đất ra nước thay trời làm mưa" không chỉ là câu nói suông mà phải trở thành sự thật. Nông thôn thời kỳ này đang ở thời kỳ củng cố và phát triển

hợp tác hóa nông nghiệp. Các báo *Nhân dân* và *Cứu quốc* với đội ngũ phóng viên viết về nông thôn có kinh nghiệm như Hữu Thọ, Phan Quang, Hà Đăng, Thái Duy, Hải Như về các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ khảo sát và rút kinh nghiệm về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp qua các bài như *Hợp tác hóa ở Thái Bình, Vài nét về phong trào, Mấy kinh nghiệm tốt trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Hải Dương (Nhân dân,* ngày 10-4-1959) của Hà Đăng, *Phát động tư tưởng tốt, lập hợp tác xã tốt* của Hữu Thọ *(Nhân dân,* ngày 15-5-1959), *Mấy ý kiến về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Sơn Tây,* điều tra của Phan Quang, Thanh Sơn và Hồng Thái*(Nhân dân,* ngày 21-5-1959). Không chỉ là khảo sát và nghiên cứu phong trào ở địa phương, báo *Nhân dân* còn đề xuất những vấn đề về đường lối, cơ sở lý luận qua phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Nhà báo Hoàng Tùng đã có một loạt bài như *Hợp tác hóa nông nghiệp - con đường duy nhất đưa nông dân đến no ấm, hạnh phúc và tự do (Nhân dân,* ngày 26-5 và 27-5-1959), rồi *Vận động hợp tác hóa nông nghiệp là một cuộc đấu tranh cách mạng to lớn và khó khăn (Nhân dân,* ngày 29 và 30-5-1959), *Đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn(Nhân dân,* ngày 6-6-1959). Phát triển và tổng kết những thắng lợi của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, trong định hướng sớm hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ cách mạng này ở nông thôn. Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa I, đồng chí Trường Chinh có báo cáo quan trọng:*Kiên quyết đưa nông thôn miền Bắc nước ta qua con đường hợp tác hóa nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội.* Đường lối hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng được tiến hành tập trung trong vài năm và đến năm 1960 thì xem như đã xóa bỏ việc chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất ở nông thôn. Các nhà báo đã khảo sát qua các chặng đường phát triển của nông thôn từ bước đi ban đầu đến khi phong trào được củng cố, từ khó khăn đến thuận lợi. Kết quả được biểu hiện là những vụ mùa thắng lợi được các nhà báo giải thích không chỉ ở nguyên nhân đất đai mà còn nhiều nhân tố khác do con người tạo ra. Hữu Thọ viết bài *Vì sao lúa chiêm năm nay ở Vĩnh Linh tốt chưa từng có (Nhân dân,* ngày 8-6-1959) và *Phong*

trào hợp tác hóa ở Sơn Tây đang được củng cố. Phan Quang viết *Vượt bậc (Nhân dân,* ngày 14-6-1959). Quan hệ sản xuất đã góp phần quan trọng để nâng cao năng suất, nhưng không thể không thấy kỹ thuật sẽ là một động lực phát triển. Năng suất lúa tăng tiến luôn tạo những bất ngờ. Những yếu tố truyền thống góp phần nâng cao năng suất như dân gian vẫn đúc kết là "Nước, phân, cần, giống" bao giờ cũng có ý nghĩa tích cực và tạo hiệu quả với cây trồng. Phải tìm kiếm thêm những phương thức mới. Hoàng Tùng viết bài *Hợp tác hóa và cải tiến kỹ thuật (Nhân dân,* ngày 22-6-1959). Báo *Nhân dân* tổ chức cuộc trao đổi về cấy dày, cấy thửa. Các nhà khoa học như Bùi Huy Đáp cũng tham gia trao đổi. Báo *Nhân dân* đã thực sự vào cuộc với vấn đề hợp tác hóa và tăng năng suất nông nghiệp với nhiều bài báo có giá trị của Hoàng Tùng, Hữu Thọ, Phan Quang... Nông nghiệp lúc này đang là vấn đề hàng đầuquyết định sự phát triển của nền kinh tế và sự giàu mạnh của đất nước. Xóa bỏ hình thức chiếm hữu tư nhân về ruộng đất phải chăng đã là chiếc chìa khóa vạn năng mở cánh cửa đi vào cánh đồng bội thu cho nông nghiệp? Còn nhiều việc phải làm và chúng ta đã có những nỗ lực bước đầu. Bên cạnh chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp ở nông thôn là nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Chúng ta bắt đầu đi lên từ những con số nhỏ bé của nền công nghiệp lạc hậu của một nước thuộc địa bị chiến tranh tàn phá. Chúng ta nhanh chóng làm lại từ đầu. Một số nhà máy như xi măng, điện, nước đã được khôi phục lại và nâng cao năng suất. Một vùng than của đất nước được tổ chức lại sản xuất, tăng năng suất. Các bài viết trên các báo *Nhân dân, Cứu quốc* như *Chung quanh việc thực hiện kế hoạch bóc đất đá của mỏ Cẩm Phả* (Nhân dân ngày 3-6-1959), *Vượt mọi khó khăn* (Cứu quốc, ngày 18-5-1955), *Những cánh tay miền Nam trên khu gang thép (Cứu quốc,* ngày 25-6-1961). Chắc chắn báo chí cũng gặp những khó khăn về chủ nghĩa trong giai đoạn này. Trong sáng tác văn học, những nhà văn viết về công nghiệp ở thời điểm này dễ lúng túng, va vấp. Võ Huy Tâm có lúc sa lầy trên vùng than qua tác phẩm *Những người thợ mỏ.* Nguyên Ngọc gặp nhiều khó

khăn không dễ vượt qua với tác phẩm *Mạch nước ngầm.* Và đặc biệt là Hà Minh Tuân với *Vào đời* có phần đuối sức khi giải quyết nhiều mâu thuẫn trong khuôn khổ một nhà máy. Các tác phẩm trên đều bị phê phán. Ngày nay, nhìn lại sự phê phán là nặng nề. Có những tác phẩm được in lại, song số lượng còn hạn chế. Báo chí thời gian này chưa khai thác chiều sâunhững số phận nhân vật và những tình huống phức tạp, nhất là ở những nhà máy công trường vừa tiếp quản của chế độ cũ. Một mạch sống mới thu hút nhiều đến báo chí là công trường khổng lồ Bắc Hưng Hải, nơi bộc lộ sức mạnh của cộng đồng, là khu công nghiệp Hải Phòng, vùng than Quảng Ninh, những nông trường rộng lớn được khai phá và sản xuất theo phương thức tập trung có cơ giới hiện đại hóa. Chỉ riêng trong khu vực Hà Nội, đã có Nhà máy Cơ khí Trung quy mô, Nhà máy xe lửa Gia Lâm, Khu công nghiệp Thượng Đình (gồm các nhà máy cao su, xà phòng, thuốc lá, bóng đèn, phích nước). Ở nhiều tỉnh cũng có những khu công nghiệp tập trung như khu gang thép Thái Nguyên, khu công nghiệp Việt Trì... Tất cả đã góp phần đặt nền móng vững chắc cho nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Trong Báo cáo tại Hội nghị chính trị đặc biệt ngày 27-3-1964, khi nói về công nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên thực tế đáng phấn khởi:

"Chúng ta đã xây dựng thêm nhiều xí nghiệp mới. Từ 41 nhà máy (trong đó chỉ có 20 nhà máy lớn) năm 1954, đến nay chúng ta đã có l.000 nhà máy (trong đó có 217 nhà máy lớn). Những cơ sở quan trọng của các ngành công nghiệp nặng: chế tạo máy móc, sức điện, luyện kim, hóa chất, khai mỏ, v.v. dần dần được xây dựng. Công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp đã sản xuất được phần lớn hàng tiêu dùng trong nước. Nền kinh tế nước ta hiện nay về căn bản đã trở thành một nền kinh tế dân chủ đang vững bước tiến lên"[3].

Bước vào thời kỳ đầu xây dựng hòa bình, cuộc đấu tranh tư tưởng diễn biến phức tạp hơn. Có tiếng nói thù địch ở bên kia trận tuyến đối địch, có tiếng nói chia rẽ trong hàng ngũ của chúng ta. Trước một số sai lầm trong cải cách ruộng đất và

chỉnh đốn tổ chức, trước những khó khăn của đời sống, có tiếng nói đòi chia quyền lãnh đạo của Đảng. Về kinh tế, họ phê phán kinh tế quốc doanh, đòi phát triển kinh tế cá nhân. Nhóm *Nhân văn – Giai phẩm* dấy lên tiếng nói chống đối lạc lõng, họ đòi "tự do tuyệt đối" trong sáng tác văn nghệ, tránh mọi kìm hãm về tư tưởng và tổ chức. Trương Tửu xuyên tạc bài viết *Tổ chức Đảng và văn học của Đảng* của Lênin, xem nhẹ vai trò của "chiếc đinh ốc và bánh xe nhỏ" trong bộ máy của Đảng, nhấn mạnh một chiều tính đặc thù, không ràng buộc của văn nghệ với chính trị. Về sáng tác, họ cố tình miêu tả hình ảnh người cộng sản như "những người khổng lồ không tim", không biết đến tình cảm, chỉ cần những "thi sĩ máy" lặp lại một cách máy móc khẩu hiệu đã có sẵn. Các cây bút trong Nhân văn-Giai phẩm nhìn cuộc sống một cách ảm đạm: "Tôi đi không thấy phố thấy nhà, chỉ thấy mưa sa lên màu cờ đỏ". Lê Đạt lại càng định kiến và nặng nề hơn khi nhận xét sai lệch chế độ mới: "Đem bục công an đặt giữa trái tim người". Đành rằng, trong những năm đầu của thời hậu chiến, mọi việc chưa phải đã tốt đẹp, cuộc sống còn quá nhiều khó khăn, nhưng người cầm bút phải có cách nhìn cuộc sống tin cậy và có ý nghĩa khích lệ. Từ hiện tượng cá biệt được nêu lên thành bản chất, từ phạm vi kinh tế liên hệ sang chính trị, nhóm Nhân văn, Giai phẩm đã dần tự gạt bỏ mình ra khỏi hoạt động báo chí cách mạng và tiến công lại những nguyên tắc cơ bản của phong trào cách mạng. Hội nghị các đảng viên làm công tác văn nghệ họp vào tháng 12-1956 đã phê phán những sai lầm của nhóm Nhân văn. Báo *Nhân văn* đã bị dư luận báo chí phê phán kịch liệt. Bộ Chính trị ra Nghị quyết 60 NQ/TW về công tác báo chí. Ngày l5-12-1956, chính quyền Hà Nội ra lệnh cấm lưu hành báo *Nhân văn.* Trong Nghị quyết của Trung ương Đảng về việc chấn chỉnh các hoạt động trong văn hóa - văn nghệ trong thời kỳ này, có yêu cầu phải xác định rõ lập trường, quan điểm cách mạng và phê phán những tư tưởng thù địch. Văn nghệ sĩ phải học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, các vấn đề chính sách và thời sự của Nhà nước và đi vào đời sống thực tế. Nhiều văn nghệ sĩ hăng hái lên đường như Nguyên Hồng về với Nhà

máy xi măng Hải Phòng, Huy Cận về vùng mỏ, Nguyễn Huy Tưởng trở lại Điện Biên, Nguyễn Tuân lên Tây Bắc, Tô Hoài cũng về với miền Tây, Đào Vũ đến với vùng nông thôn đang xây dựng hợp tác xã ở Hải Dương. Trong hoạt động báo chí cũng có những hiện tượng tương tự. Các nhà báo Hữu Thọ, Phan Quang, Hồng Hà, Thái Duy, Hải Như, Xuân Thu, Chính Yên đã đến với nhiều miền đất và cho ra đời nhiều phóng sự có giá trị. Một trong những vấn đề đặt ra trong công tác tư tưởng của giai đoạn này là cán bộ, đảng viên phải có những đổi thay về nhận thức tư tưởng trong giai đoạn mới của cách mạng. Trong bài *Nhận rõ yêu cầu của chỉnh huấn về mặt xác định lập trường quan điểm cách mạng,* đồng chí Đào Duy Tùng yêu cầu phải quán triệt nhận rõ hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa và xác định rõ chỗ đứng của mỗi người trong ngành của mình, phê phán quan điểm tư sản. Vấn đề ai thắng ai đã được phân định bước đầu trong hoạt động chính trị, xã hội và kinh tế. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường đã xác định rõ: con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật của thời đại cách mạng và bước phát triển tất yếu của dân tộc. Mọi xu hướng cản trở đều bị phê phán, gạt bỏ.

Nhận thức rõ vai trò của báo chí trong cuộc đấu tranh thống nhất đất nước nên các tờ báo lớn như *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Cứu quốc* thường xuyên có chuyên mục về miền Nam. Nhiệm vụ quan trọng lúc này là phải tố cáo tội ác của bọn Mỹ - Diệm đang đàn áp đồng bào miền Nam, nhất là với những người kháng chiến cũ mà chúng rêu rao là Việt cộng nằm vùng. Báo *Nhân dân* cũng dành một phần quan trọng cho những bài viết về miền Nam như *Tố cộng công dã tràng* của HQ *(Nhân dân*, ngày 15-4-1959), rồi các bài của Trường Lưu như *Nạn đói ở miền Nam - con đẻ của chế độ Mỹ - Diệm (Nhân dân,* ngày 23-4-1959), *Phong trào công nhân miền Nam đứng đầu trong cuộc đấu tranh (Nhân dân,* ngày l-5-1959), *Ngăn chặn bọn Ngô Đình Diệm gây tội ác đối với nhân dân miền Nam (Nhân dân,* ngày 20-5-1959). Báo *Nhân dân* cũng nhận được các bài từ miền Nam gửi ra như *Phong trào*

chống khủng bố ở miền Nam đang lên mạnh ở Dương Châu (Nhân dân, ngày 17-5-1959).

Trong nhiệm vụ đấu tranh thống nhất đất nước phải kể đến sự đóng góp của báo *Thống nhất* do Tôn Thất Vỹ làm chủ nhiệm và Lưu Quý Kỳ làm chủ bút. *Thống nhất* thuộc loại tuần báo; lúc đầu ra một tuần một số, sau một tuần ra hai số. Đối tượng của báo là trí thức, sinh viên đô thị miền Nam và cả giới tư sản. Ở miền Bắc, báo *Thống nhất* được cán bộ tập kết hoan nghênh. Đi sát với những vấn đề thời sự ở miền Nam, góp một tiếng nói đấu tranh, báo *Thống nhất* đã tạo được sự tin cậy trong dư luận. Những nhà báo như Lưu Quý Kỳ, Nguyễn Chánh Sắc, Phan Thao đều là những cây bút có tay nghề vững chắc. Các nhà thơ Xích Điểu, Bảo Định Giang, Tế Hanh là những cộng tác viên đắc lực của tờ báo. Trong gần mười năm hoạt động từ năm 1955 đến năm 1974, báo *Thống nhất* đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp với bạn đọc về một tờ báo chuyên sâu về miền Nam với những bài viết sắc sảo và giàu tình cảm về sự nghiệp thống nhất đất nước.

Nhân dịp kỷ niệm 5 năm ngày hòa bình lập lại ở nước ta, nhà báo Tôn Thất Vỹ có bài *Thất bại của cái gọi là quốc sách chống cộng của Mỹ -Diệm ở miền Nam (Nhân dân,* ngày 15-7-1959). Mỹ - Diệm đã lợi dụng chống cộng để bóp nghẹt mọi tự do dân chủ. Chúng đưa khẩu hiệu "Đả thực, bài phong, chống cộng" nhưng thực ra thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đang tiếp tay cho chúng. Diệm chủ trương gia đình trị kiểu phong kiến và kế hoạch chống cộng của chúng thực chất là chống lại đồng bào yêu nước, gắn bó với kháng chiến. Ngày 19-7-1959, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cực lực tố cáo và lên án trước đồng bào cả nước và dư luận thế giới chính sách khủng bố và tàn sát nhân dân và âm mưu chuẩn bị chiến tranh của đế quốc Mỹ và tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm. Ngày 20-7-1959, Xuân Thủy nói chuyện tại cuộc míttinh của 15 vạn nhân dân Hà Nội: "Muốn cho nước ta được hòa bình, thống nhất, nhân dân ta phải chống đế quốc Mỹ xâm lược, phải chống tập đoàn Ngô Đình Diệm tay sai của đế quốc Mỹ". Sáng kiến *Ngày Việt*

Nam được nhiệt liệt ủng hộ ở trong nước và trên thế giới. Đại tá Hà Văn Lâu giao cho Uỷ ban quốc tế bản phụ lục *Tội ác tày trời của Mỹ-Diệm ở miền Tây Nam Bộ* (ngày 18-8-1959), *Chấm dứt ngay cuộc chém giết dã man của Mỹ-Diệm ở miền Tây Nam Bộ* (ngày 22-8-1959). Năm 1959 có ý nghĩa đặc biệt với nhiệm vụ đấu tranh thống nhất đất nước. Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết đã 5 năm. Bọn Mỹ-Diệm đã chống lại tổng tuyển cử thống nhất đất nước và âm mưu chia cắt lâu dài hai miền Nam Bắc. Chúng đề ra Luật 10/59 nhằm chém giết, trả thù những người kháng chiến cũ; dồn dân vào các ấp chiến lược, tiến hành tố cộng khắp nơi. Các vụ thảm sát ở Chợ Được, Vĩnh Trinh, Phú Lợi gây căm thù, phẫn nộ trong nhân dân hai miền và là nguyên nhân dẫn đến phong trào đồng khởi giành chính quyền lan rộng trên khắp miền Nam. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời ngày 20-12-1960 đánh dấu một thời kỳ mới của cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

3. Một số tờ báo tiêu biểu

a) Báo Nhân dân trong những năm 1954 - 1958

Hòa bình lập lại, báo *Nhân dân* vẫn giữ trách nhiệm quan trọng trong làng báo Việt Nam, là tiếng nói chính thống của Đảng, Nhà nước và tạo được sự tin cậy ở bạn đọc. *Tờ Nhân dân* đã tập trung được nhiều cây bút xuất sắc vào bậc nhất trong làng báo. Phần lớn các nhà báo được rèn luyện từ thời kỳ *Sự thật* vẫn luôn tỏ ra sắc sảo qua những trang viết của giai đoạn mới.

Nhà báo Hoàng Tùng là chủ bút báo *Sự thật* (1950) và làm Tổng biên tập báo *Nhân dân* từ năm 1954 đến năm 1982. Ông là nhà báo sắc sảo, chuyên gia thể luận của tờ báo, đảm nhiệm phần quan trọng xã luận của báo *Nhân dân* trong suốt hàng chục năm. Không phải chỉ là tay nghề mà còn là trí tuệ, nhạy cảm chính trị, lý luận chặt chẽ, ông nói: "Trong hoạt động báo chí tôi chuyên viết thể luận. Người viết luận phải rèn luyện sắc bén tư duy, có vốn hiểu biết cần thiết. Phải hằng ngày "nhồi" thêm cái mới, không học và không đọc không có đầu vào thì không thể bình luận.

Cũng phải hiểu cuộc sống, trình độ và tâm trạng người đọc. Điều cần tránh là giải thích một chiều đơn giản. Cũng có lúc cần giải thích nhưng phải có chất lượng tốt. Viết xã luận phải sáng tạo không lặp lại. Phải truyền sức sống vào những điều mà mình cho là nguyên lý". Nhà báo Hoàng Tùng viết cho *Sự thật* thì ký tên còn ở báo *Nhân dân* thường ký tên báo. Ông là người thợ cả của tờ báo. Báo *Nhân dân* được xem là cái lò hun đúc rèn luyện nên nhiều nhà báo có tài năng. Nhà báo Hoàng Tùng nhận xét về một thế hệ nhà báo của báo *Nhân dân:* "Đội ngũ những nhà báo tập hợp chung quanh các tờ *Sự thật, Nhân dân* đều là những cây bút tiêu biểu. Mọi người có một mặt mạnh và mặt yếu của mình. Anh Thép Mới có năng khiếu làm báo và học có hệ thống bậc đại học, anh Quang Đạm học vấn rộng, Hà Xuân Trường, Lê Điền, Phan Quang viết vững chắc. Hữu Thọ, Hà Đăng hiểu sâu văn học" và ở một chỗ khác ông lại chân tình khích lệ những nhà báo đã phát triển tài năng trong những năm chống Mỹ. "Lúc này các nhà báo Việt Nam cũng viết nhiều và khởi sắc hơn. Thép Mới, Nguyễn Thành Lê, Xuân Trường, Hồng Hà, Hữu Thọ, Hà Đăng đều viết nhiều. Viết sắc sảo là Thép Mới, Lê Điền, Lê Dân, Hồng Hà, Phan Quang, Hà Đăng[4]. Có thể từng thời điểm, ông lại biểu dương, ca ngợi đội ngũ những nhà báo tài năng của báo *Nhân dân.* Vẫn còn thiếu nhiều tên tuổi đáng nể trọng như Lê Bá Thuyên, Nguyễn Thành Lê, Trần Kiên, Lê Bình... Có thể xem những năm tháng của những năm 1954 - 1958 là thời kỳ hưng thịnh nhất của đội ngũ những nhà báo có tên tuổi của báo *Nhân dân.* Có thể kể một vài những nhà báo kỳ cựu và có đóng góp nhiều như Thép Mới, Quang Đạm, Hữu Thọ, Phan Quang. Thép Mới đã đến với báo chí cách mạng ngay vừa kết thúc tuổi trẻ học đường. Thép Mới đã viết và có mặt trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và những năm đầu của thời kỳ đổi mới. Ông là cây bút chủ lực trong những năm 1947 - 1950, hăng hái đi các chiến trường, có mặt hầu hết ở các chiến trường, nhất là đường số 4 và chiến dịch Điện Biên Phủ. Nhà báo Hoàng Tùng đánh giá: "Từ sau năm 1954 đến năm 1960, Thép Mới là phóng viên chủ lực về các

sự kiện chính trị". Từ năm 1960 lại có mặt ở chiến trường miền Nam, có mặt ở các chiến trường cho đến chiến dịch Hồ Chí Minh... "Là nhà báo có tầm cỡ, Thép Mới là một nhân chứng lịch sử trong các quá trình cách mạng nước ta từ năm 1945 đến đầu năm 1990". Hoàng Tùng gọi "Thép Mới là một cây bút thép". Nhà báo Phan Quang nhận xét: "Thép Mới là một người làm báo mới tâm hồn nghệ sĩ". Thép Mới là con người suốt đời đi tìm cái mới.

Nhà báo lão thành Quang Đạm cũng là cây bút chủ lực trong giai đoạn này. Nhà báo Quang Đạm có trí thức uyên bác, viết nhiều bài lý luận sắc sảo, lý lẽ vững chắc. Hai kỷ niệm báo chí mà ông ghi nhớ là các bài đấu tranh tư tưởng và luận chiến. Trước hết là những bài phê phán nhóm Nhân văn- Giai phẩm như *Quan hệ giữa chính trị và văn nghệ* đăng báo *Nhân dân* ngày l-10-1956 nhằm phê phán luận điểm "sự lợi dụng lẫn nhau giữa văn nghệ và chính trị", rồi bài *Giữ vững những nguyên tắc dân chủ của chúng ta* đăng ngày 11-12-1956. Nhạy cảm với quan điểm chính trị, quan điểm giai cấp, Quang Đạm viết tiếp bài *Quan điểm báo chí vô sản và quan điểm báo chí tư sản*đăng báo *Nhân dân* vào cuối năm 1957. Hữu Thọ, Phan Quang về báo *Nhân dân* chậm hơn một thời gian nhưng cũng nhanh chóng bắt kịp vào không khí và hoạt động chung và sớm trở thành những cây bút chủ lực. Hữu Thọ sắc sảo, trong các bài điều tra với khả năng phát hiện nhanh chóng các vấn đề xã hội. Hữu Thọ đi sâu về đề tài nông thôn và đã góp phần vào việc khoán sản phẩm ở nông thôn. Sau này, trong trách nhiệm lãnh đạo công tác tư tưởng - văn hóa, Hữu Thọ không có điều kiện viết bút ký, phóng sự về những vùng đất xa và ông chuyển sang viết và cho xuất bản nhiều tập tiểu phẩm văn học. Quan tâm đến cuộc sống đời thường, phát hiện những hiện tượng và vấn đề tiêu biểu, đề xuất nhiều ý kiến với ý nghĩ sắc sảo. Tiểu phẩm báo chí của Hữu Thọ tạo ấn tượng tốt về tư tưởng và thể loại. Nhà báo Phan Quang vốn có bút danh là Hoàng Tùng khi làm báo ở địa phương và được gọi là Hoàng Tùng khu IV. Khi về báo *Nhân dân* ông lấy tên là Phan Quang. "Về báo *Nhân dân* chúng tôi được

đào luyện theo phong cách của báo *Nhân dân*". Phong cách của báo *Nhân dân* là gì, tuy không nói ra trực tiếp, nhưng có lẽ sự rèn luyện của một tập thể giàu trí tuệ để phát huy năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân. Đó là môi trường để nhà báo phát huy và hoàn thiện mình, có thể biến sự bắt buộc thành say mê như cách nói của Phan Quang: "Tôi say mê đi vào nông nghiệp là do sự bắt buộc", Vào những năm 60 của thế kỷ XX, Phan Quang phụ trách ban *Nông nghiệp*, báo *Nhân dân*. Ông là nhà báo có vốn văn hóa và kết hợp được giữa tư duy báo chí và cảm hứng văn chương.

Có thể kể đến nhiều nhà báo tên tuổi khác của báo *Nhân dân*. Trong thời kỳ này, báo *Nhân dân* là một trung tâm báo chí với những hoạt động năng động và hiệu quả và môi trường rèn luyện tài năng báo chí. Nhiều cán bộ của báo *Nhân dân* ở những chặng đường sau đã đảm nhận các trách triệm cao ở các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Nhà báo Hoàng Tùng vẫn là cây bút sắc sảo suốt trong thời kỳ chống Mỹ và đổi mới. Ông còn chịu trách nhiệm lãnh dạo ở Ban Tuyên giáo Trung ương. Nhà báo Hữu Thọ là Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. Nhà báo Phan Quang đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc *Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam.*

b) Báo Cứu quốc thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, báo *Cứu quốc* chuyển về Việt Bắc. Khoảng năm 1950, nhà báo Nguyễn Thành Lê được cử về làm chủ bút giúp nhà báo Xuân Thuỷ điều hành công việc. Đội ngũ các biên tập viên khá hùng hậu gồm khoảng 20 người với nhiều nhà báo tiêu biểu như Tô Ninh (Thư ký tòa soạn), Xuân Sanh, Hồng Hà, Chính Yên, Thái Duy, Thái Cương. Từ tháng 6-1950 lại có thêm Nguyễn Ngọc Kha và Như Phong từ *Cứu quốc* khu III về và các anh đều tham gia ban phụ trách tòa soạn. Báo *Cứu quốc* là cơ quan của Mặt trận Liên Việt. Số báo ra mắt bạn đọc Thủ đô ngày 23-10-1954 do Xuân Thuỷ làm chủ nhiệm và Nguyễn Ngọc Kha làm chủ bút. Do mục tiêu chính trị và xã hội của tờ báo, báo *Cứu quốc* hướng tới độc giả toàn quốc với tư cách là tiếng nói của Mặt trận với miền

Bắc, miền Nam, các dân tộc miền núi, thành thị, nông thôn, Ngoài các chuyên mục chính trị, xã hội, văn nghệ còn có chuyên mục *Cứu quốc trả lời* nhằm giải đáp những câu hỏi do bạn đọc đề xuất. Báo *Cứu quốc* có một đội ngũ phóng viên khá thành thạo, vững vàng trong nghề nên đã ứng phó kịp thời với yêu cầu của thời cuộc. Các nhà báo như Thái Duy, Xuân Thu, Lưu Động, Chính Yên, Hải Như, Thái Bá Cơ đều thành thục trong các thể điều tra, phóng sự, bình luận. Khi miền Bắc được giải phóng, các phóng viên báo *Cứu quốc* được tung về nhiều miền của đất nước. Biết bao vấn đề cần được phản ánh, ghi nhận qua trang báo. Nhiều phóng sự chân thực và sâu sắc về thời điểm ta tiếp quản Hà Nội và chờ ngày quân Pháp rút khỏi toàn miền Bắc. Bút ký nhiều kỳ của Thái Duy về Hải Phòng như *Hải Phòng hiện nay* (28-3, 4-4, 18-4), *Hải Phòng chờ đợi ngày giải phóng.* Hải Phòng còn là thành phố thuộc vùng tạm bị Pháp chiếm đóng, kẻ thù gây nhiều hành động tàn ác, đau lòng. Cũng một tình cảnh tương tự và còn có phần nhức nhối hơn là cuộc sống ở vùng Bùi Chu, Phát Diệm, Thái Bá Cơ với các phóng sự *Tội ác của bọn phản động đội lốt tôn giáo, Sự thật về trại tập trung Phát Diệm* (22-11-1954). Qua xứ Bùi Chu, đã miêu tả bộ mặt thật của bọn người tàn ác ở xứ Đạo. Bên cạnh những bài viết tố cáo kẻ địch là những phóng sự ca ngợi cuộc sống mới. Trước hết là sự trân trọng với truyền thống anh hùng của đất nước qua những chiến công của thời kỳ kháng chiến chống Pháp như nhà báo Thái Duy với một loạt bài: *Chiến sĩ Điện Biên Phủ* (30-10-1954), *Sẻ núi bạt rừng* (30-10-1954), *Trọng pháo Điện Biên Phủ* (30-12-1954). Chính Yên với 55 *ngày bão táp*. Xuân Thu, Hải Như đến với nhà máy và ruộng đồng ca ngợi sức sống của nhiều vùng đất: *Vùng cơm hẩm gạo vàng ngày xưa* (19-3-1961), *Một chuyến lên Tây Bắc* (9-4-1961), *Vượt mọi khó khăn* (18-5-1955), *Những cánh tay miền Nam trên khu gang thép*(25-6-1961).

Báo *Cứu quốc* cũng tổ chức những cuộc trao đổi về nhiều vấn đề thời sự chính trị vừa có tính chất lý luận và giàu ý nghĩa thực tiễn. Cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh lúc này đang diễn ra trên nhiều thành phố lớn. Cuộc trao đổi về

mặt tích cực và tiêu cực của giai cấp tư sản được nhiều người tham gia thảo luận kéo dài trên hai năm từ cuối năm 1959 đến cuối năm 1961. Thiên hướng chung của cuộc trao đổi là dân chủ không áp đặt, không kinh viện sách vở, tôn trọng ý kiến của mọi người. Điều quan trọng là sự vận dụng lý luận vào thực tiễn và các chương trình hành động.

Báo *Cứu quốc* trong giai đoạn này ngoài phần viết do các phóng viên đảm nhiệm còn có sự đóng góp bài vở của nhiều cây bút tiêu biểu như Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Huyên, Phạm Huy Thông. Giáo sư Trần Văn Giàu viết về giai cấp công nhân Việt Nam, lực lượng nòng cốt của mặt trận trên hai bình diện lịch sử và lý luận với mục đích khẳng định những phẩm chất của giai cấp công nhân Việt Nam, giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Báo *Cứu quốc* cũng theo sát công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước qua từng thời kỳ. Huỳnh Văn Tiểng, Phó Giám đốc Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam chuyên theo dõi vấn đề miền Nam cũng đã viết một số bài vạch trần tội ác của Mỹ - Diệm như *Bọn Mỹ - Diệm chạy trời không khỏi nắng* (21-5-1961) và *Mỹ - Diệm càng hành động điên cuồng hốt hoảng càng thất bại thảm hại...* Phạm Huy Thông viết *Diệm sẽ bị lật đổ* (7-1961) như một lời dự báo những đổi thay của số phận Ngô Đình Diệm.

c) Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, hòa bình lập lại. Cũng như mọi lực lượng và tổ chức quân sự, chính trị kháng chiến, *Đài Phát thanh kháng chiến Nam* Bộ và miền Nam Trung Bộ đều tập kết và nhập vào Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam. Hoạt động của bộ phận phát thanh miền Nam lúc này rất quan trọng. Phải theo sát diễn biến và tình hình của miền Nam để có đối sách thích hợp. Đài đã phản ánh sát sao cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam tạm thời dưới ách xâm lược của Mỹ - Diệm. Tội ác của Mỹ - Diệm trong vụ đầu độc tại nhà giam Phú Lợi và tinh thần sôi sục căm thù trong cả nước được Đài phản ánh kịp thời. Đài có nhiều chuyên mục chính trị, xã hội, văn nghệ. Chuyên mục *Nối liền Nam Bắc* là

cầu nối tinh thần gắn bó hai miền. Đài có những chương trình dành riêng cho các tầng lớp nhân dân thành thị miền Nam, cho quân dân cộng hòa. Những bài hát, bài thơ về đề tài đấu tranh thống nhất đất nước đã đem lại thêm sức hấp dẫn. Nhà báo Huỳnh Văn Tiểng là Phó Giám đốc của Đài phụ trách phát thanh miền Nam.

Từ năm 1960 khi tình hình miền Nam đã bước sang một giai đoạn mới, phong trào Đồng khởi nổi dậy ở khắp nơi. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời và ngày l-2-1962, *Đài Phát thanh giải phóng,* tiếng nói của những người yêu nước miền Nam Việt Nam bắt đầu phát sóng. Các cơ quan thông tấn, báo chí miền Nam cũng đồng loạt hoạt động như *Thông tấn xã giải phóng* thành lập ngày 12-10-1960, báo *Nhân dân,* cơ quan của Đảng Nhân dân Cách mạng ra số đầu ngày 1-10-1964, báo *Giải phóng,* cơ quan của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam phát hành vào ngày 20-12-1964. Ở miền Bắc, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam có nhiệm vụ chi viện cho Đài Phát thanh giải phóng. Bài hát *Giải phóng miền Nam* của Huỳnh Minh Siêng (tức Lưu Hữu Phước) sáng tác được giới thiệu trên Đài và có sức cổ vũ, vang sâu, vang xa khắp vùng giải phóng miền Nam và gây xúc động tự hào với đồng bào miền Bắc về sức mạnh chiến đấu của nhân dân miền Nam Việt Nam. Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam gửi biên tập viên và máy móc trang thiết bị cần thiết vào công tác ở Đài Phát thanh giải phóng. Đài giải phóng có hai bộ phận, đài A ở miền Bắc và đài B ở miền Nam chi viện cho nhau. Đài A do anh Vũ Thành làm Giám đốc và đài B do anh Vũ Đường làm Giám đốc.

Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam trong thời kỳ này được trang bị với nhiều máy móc hiện đại hơn. Theo ông Trần Lâm thì năm 1955 Đài Phát sóng có công suất 7,5kw sóng ngắn và 1kw sóng trung do Trung Quốc giúp. Năm 1958 đã có máy phát sóng lớn công suất 150kw, hai máy phát sóng ngắn 15kw đủ khả năng mở rộng và phủ sóng trên khắp đất nước. Nhà báo Trần Lâm nhận xét: "Đài Tiếng nói Việt Nam trở thành một tờ báo nói tổng hợp, đồng thời là một sân khấu truyền

thanh có hiệu quả lớn đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc làm hậu phương vững chắc cho miền Nam".

Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam hoạt động trong điều kiện từ sau ngày hòa bình lập lại đã có bước phát triển mới về số lượng giờ phát, kênh phát ở trong và ngoài nước. Năm 1957, Đài Trung ương đã phát từ 13 đến 15 giờ mỗi ngày trên năm hệ thống phục vụ người nghe trong và ngoài nước (11 ngôn ngữ trên thế giới). Mạng phát thanh còn có 400 đài cấp huyện và các trạm ở xã. Đài đã xây dựng nhiều chương trình như Chương trình thời sự, Chương trình phát thanh Quân đội nhân dân, Chương trình dành cho nông nghiệp, Chương trình dành cho công nhân, Chương trình văn hóa xã hội, Chương trình phát thanh cho thanh niên. Về văn nghệ có các Chương trình đọc truyện đêm khuya, Chương trình tiếng thơ, Chương trình sân khấu truyền thanh, Chương tình ca nhạc (riêng Ban Ca nhạc của Đài có lúc biên chế đến 120 người).

Hệ thống chương trình phát thanh dành cho miền Nam gồm Chương trình dành cho thành thị miền Nam, Chương tình phát thanh dành cho nông thôn miền Nam, Chương trình nối liền Nam Bắc, các chương trình dành cho các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Hệ thống chương trình phát thanh đối ngoại ngày càng được phủ sóng rộng ra nhiều khu vực trên thế giới (gồm các thứ tiếng như Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Inđônêxia, Nhật, Lào, Nga, Tây Ban Nha, Anh, Pháp).

Về lực lượng cán bộ, Đài được đặc biệt tăng cường nhiều đồng chí giàu năng lực và kinh nghiệm công tác như Nguyễn Kim Cương, Huỳnh Văn Tiểng, Bảo Định Giang, Mai Thúc Long, Phạm Hữu Tùng, Mai Văn Tạo, Phạm Trường Hạnh; các nghệ sĩ Quốc Hương, Nguyễn Văn Ty, Tân Nhân, Hồng Lê, Châu Loan, Khánh Vân, Tuyết Mai, Nguyễn Thơ. Có thể nói, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam trong thời kỳ 1954 - 1965 đã quy tụ được nhiều tài năng và có bước phát triển đặc biệt.

d) Các tờ báo văn học, nghệ thuật trong giai đoạn 1954 – 1965

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, khi Hội Văn nghệ Việt Nam được thành lập vào năm 1948, thì tờ Tạp chí *Văn nghệ* cũng chính thức hoạt động. Thư ký tòa soạn đầu tiên của tờ báo do nhà thơ Tố Hữu đảm nhiệm. Tòa soạn gồm các nhà văn Đặng Thai Mai, Tố Hữu, Thế Lữ, Văn Cao, Nguyên Hồng. Đội ngũ cộng tác viên khá đông đảo như Tô Ngọc Vân, Ngô Tất Tố, Nguyễn Đình Thi, Nam Cao, Kim Lân, Hoài Thanh, Huy Cận, Xuân Diệu, Tô Hoài, Thép Mới, Xuân Thuỷ, Nguyễn Huy Tưởng. Tạp chí *Văn nghệ* sớm có uy tín trong giới văn nghệ và bạn đọc. Tờ tạp chí đã đăng nhiều tác phẩm văn nghệ có giá trị của các nhà văn có tên tuổi như Ngô Tất Tố, Tú Mỡ, Tố Hữu, Nam Cao, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu, Huy Cận,… Các cuộc thảo luận về văn nghệ như tranh luận văn nghệ Việt Bắc, trao đổi về tuyên truyền và văn nghệ cũng được phản ánh chân thực, sinh động. Hòa bình lập lại, tờ *Văn nghệ* vẫn tiếp tục hoạt độngtrong tình hình mới. Năm 1957, Hội Nhà văn tổ chức đại hội và bầu nhà văn Nguyễn Công Hoan là Chủ tịch Hội và nhà văn Nguyễn Đình Thi làm Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam. Tờ Tuần báo *Văn* do nhà văn Nguyên Hồng phụ trách được ấn hành. Đây là thời điểm còn ảnh hưởng của nhóm Nhân văn - Giai phẩm và thường được gọi là thời hậu Nhân văn - Giai phẩm. Tờ báo sau một thời gian hoạt động có một số biểu hiện hữu khuynh. Một số cán bộ của báo bị khiển trách. Tờ Tuần báo *Văn* tạm đình chỉ hoạt động trong một năm, từ năm 1957 đến năm 1958 và chuyển sang một tờ báo mới là Tuần báo *Văn học.* Tuần báo *Văn học* với tôn chỉ vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội đã hoạt động trong thời gian từ năm 1958 đến năm 1963. Trong khoảng thời gian trên, Tạp chí *Văn nghệ* vẫn ra đều kỳ hàng tháng. Tờ Tuần báo *Văn học* chuyên chế vào văn học do nhà văn Nguyễn Đình Thi làm chủ nhiệm. Các nhà văn Nguyễn Văn Bổng, Tô Hoài, Hà Minh Tuân, Tế Hanh, Vũ Tú Nam tham gia thường trực biên tập. Tờ báo có nhiều chuyên mục. Nhà thơ Tú Mỡ phụ trách chuyên mục *Đòn bút,* nhà văn Bùi Hiển tổ trưởng tổ văn xuôi, nhà thơ Tế Hanh Tổ trưởng tổ thơ, nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh Tổ trưởng văn học nước ngoài và nhà

văn Mạnh Phú Tư là Tổ trưởng tổ thời sự chính trị. Từ tháng 9-1959 Vũ Tú Nam làm Thư ký tòa soạn. Nhà văn Hà Minh Tuân được cử sang phụ trách Nhà xuất bản Văn học của Hội Nhà văn. Vũ Tú Nam thêm chuyên mục *Người mới cuộc sống mới,* tiếp nhậnnhiều bài viết về người thật, việc thật nổi lên từ phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa. Sau năm năm hoạt động, Tuần báo *Văn học* và Tạp chí *Văn nghệ* sáp nhập thành Tuần báo *Văn nghệ.* Tuần báo *Văn học* được tặng thưởng Huân chương Lao động. Trong khoảng thời gian mười năm sau khi hòa bình lập lại, các báo *Văn học* và *Văn nghệ* có nhiều thay đổi về tổ chức nhằm chọn lựa những phương thức hoạt động tốt nhất. Trong thực tế, các tờ *Văn học, Văn nghệ* trong thời kỳ này cũng phải tiến hành những cuộc đấu tranh. Từ đấu tranh tư tưởng dẫn đến sắp xếp tổ chức cho phù hợp. Qua cuộc đấu tranh chống nhóm Nhân văn - Giai phẩm rồi những chuyến đi vào đời sống thực tế đã góp phần cho văn nghệ thu hoạch được nhiều kinh nghiệm bổ ích cho lao động và sáng tác nghệ thuật.

Đất nước bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, không khí lao động sôi nổi trên các công trường, nhà máy, nông thôn đã tạo cảm hứng để các nhà văn sáng tác và có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật. Tố Hữu với *Gió lộng,* Chế Lan Viên có *Ánh sáng và phù sa,* Xuân Diệu với *Một khối hồng.* Riêng Huy Cận từ năm 1958 đến năm 1962 đã có các tác phẩm *Trời mỗi ngày lại sáng, Đất nở hoa, Bài thơ cuộc đời.* Theo tác giả, đây là thời điểm chín cộng với thực tế mới, những giọt nước cuối cùng làm tràn bình nước. Trong văn xuôi, Nguyễn Tuân có *Sông Đà,* Tô Hoài có *Miền Tây,* Nguyễn Huy Tưởng với *Bốn năm sau...* Các tác phẩm vừa mang không khí thời sự, vừa có giá trị lâu dài.

đ) Báo Quân đội nhân dân trong thời kỳ quân đội xây dựng chính quy, hiện đại (1954 - 1965)

Năm 1950, Báo *Quân đội nhân dân* ra đời trên cơ sở sáp nhập hai tờ báo *Vệ quốc quân* và *Quân du kích* (hai tờ báo tiền thân có nhiều thành tích của Quân đội nhân

dân Việt Nam). Báo *Quân đội nhân dân* là tờ báo của toàn quân nhằm tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và Chính phủ đến toàn quân. Tờ báo cũng phổ biến chiến lược quân sự của Đảng qua các giai đoạn cách mạng, về chiến tranh nhân dân, tôn vinh chủ nghĩa anh hùng cách mạng, những kỳ tích trong chiến đấu, những tấm gương anh hùng của quân và dân ta trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong nhiều năm hoạt động, tờ báo đã hoàn thành trách nhiệm của một tờ báoquân đội trong chiến tranh. Đội ngũ phóng viên là những nhà báo quen thuộc đã trải qua thử thách ở chiến trường như Lê Kim, Ngọc Bằng, Phác Văn, Lục Văn Thao, Nguyễn Trần Thiết, nay lại nhận nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Tuy hoạt động nội bộ, nhưng tờ báo vẫn quan tâm phản ánh những vấn đề xã hội rộng rãi cho bạn đọc của toàn quân. Vào thời điểm tháng 7-1955, tòa soạn có 89 biên chế chính thức với các phòng: Phòng Thư ký tòa soạn, Phòng Quân sự hậu bị, Phòng Chính trị - văn hóa, Phòng Thời sự chính sách, Phòng Bạn đọc, Ban Hành chính, Ban Tư liệu và Tổ ảnh. Tháng 9-1954, Trần Cư làm Thư ký tòa soạn, sau đó là đồng chí Vũ Chính. Tổng biên tập do đồng chí Hoàng Xuân Tuỳ phụ trách và từ tháng 2-1956, Phó Tổng biên tập Văn Doãn phụ trách. Tháng 11-1956, theo Sắc luật 003 của Phó Chủ tịch nước và Nghị định 275 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng và Tổng cục Chính trị quyết định để báo *Quân đội nhân dân, Tạp chí Văn nghệ quân đội* phát hành ra công khai trong tình hình mới. Ngày 23-l-1957 báo *Quân đội nhân dân* ra công khai. Báo đã theo sát với những nhiệm vụ chính trị. Trong nhiệm vụ xây dựng quân đội với các đợt chỉnh huấn, chỉnh quân, báo mở trang *Mặt trận tư tưởng* và tổ chức các cuộc thảo luận về chủ đề *Thế nào là chủ nghĩa xã hội, Phẩm chất anh bộ đội Cụ Hồ*. Tiếp theo là tổ chức thảo luận về *Tiền đồ của người quân nhân cách mạng* (từ số 361 ngày 16-7-1957).

Trong hướng xây dựng quân đội chính quy, báo có các mục *Trên đường tiến lên chính quy, hiện đại, Theo dõi chấp hành điều lệnh.* Báo*Quân đội nhân dân* bám sát

các mục tiêu chính trị - xã hội, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Báo có các chuyên mục ổn định, có những mục phát triển phù hợp với thời cuộc. Ngay với những chuyên mục ổn định cho một giai đoạn như *Thời kỳ quân đội xây dựng chính quy, hiện đại* cũng bao gồm nhiều vấn đề từ rèn luyện về tư tưởng đến thi đua trên thao trường. Một trong những nhiệm vụ chính trị lớn là đấu tranh thống nhất đất nước, báo *Quân đội nhân dân* đã nhiệt liệt hưởng ứng qua các chuyên mục: *Miền Nam là của Việt Nam, Miền Nam ruột thịt, Chuyện miền Nam, Hướng về miền Nam, Tin miền Nam.* Mỗi tiểu mục đảm nhiệm chức năng riêng. Báo *Quân đội* cũng cung cấp nhiều tin tức thế giới và bình luận những vấn đề phức tạp. Các cụm *Tin hoạt động quốc tế, Thời sự thế giới, Thế giới đó đây, Thế giới Mỹ, Tư liệu quốc tế, Quân đội anh em, Bình an quốc tế* có nhiều ưu điểm.

Ngoài ra, tờ báo cũng có nhiều chuyên mục đời thường gồm nhiều câu chuyện kể, chuyện vui. Đời sống bộ đội vừa nghiêm trang chặt chẽ như quân lệnh lại vừa lạc quan tươi tắn qua các mục *Những mẩu chuyện hay, Nụ cười chiến đấu, Vui dăm phút, Ông cha ta đánh giặc, Mẹo du kích, Từ biên giới đến hải đảo, Hoạt động câu lạc bộ, Thư về đơn vị.* Có thể nói, báo *Quân đội nhân dân* là tờ báo có nhiều chuyên mục nhất, bao gồm cả những chuyên mục ổn định và những chuyên mục chuyển đổi. Điều này nói lên sự nhạy cảm của tờ báo với thời cuộc và lực lượng riêng phong phú. Mối liên hệ giữa tờ báo với quân đội hết sức chặt chẽ. Đã thành truyền thống, tờ báo đến với chiến sĩ theo một kênh tiếp nhận đặc biệt. Đọc báo *Quân đội nhân dân* không phải chỉ là chuyện tuỳ thích của các chiến sĩ là trước hết là để thu hoạch những tri thức bổ ích và cần thiết để bồi đắp nhận thức. Báo *Quân đội nhân dân* cũng đem đến niềm lạc quan cho các chiến sĩ, niềm vui đồng đội, niềm vui gắn bó với nhân dân, niềm vui của đất nước đang vượt lên phía trước. Thời kỳ 1954 - 1965 có ý nghĩa đặc biệt đối với báo *Quân đội nhân dân.* Đây là giai đoạn tờ báo chuyển từ báo nội bộ ra công chúng rộng rãi. Đây cũng là thể hiện bước phát triển từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân sang cách

mạng xã hội chủ nghĩa mà tờ báo phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm nhanh chóng về nhiều mặt. Đội ngũ phóng viên trẻ, sung sức lại có lực lượng đông đảo ở người đọc ủng hộ, nên tờ báo có nội lực để chuyển đổi, phát thển nhanh chóng. Gắn với thực tế đời sống mà cụ thể là đời sống chiến trường, các phóng viên luôn đi sát và có mặt ở những điểm nóng để kịp thời phản ánh tình hình. Báo *Quân đội nhân dân* là một trong số ít tờ báo có phóng viên thường trú, phóng viên lưu động ở các quân khu, các binh chủng như Nguyễn Đức Toại ở binh chủng pháo binh, Lục Văn Thao, Lưu Thanh tại Tây Bắc, Hàn Thụy Vũ ở Quân khu III, Khắc Tiếp ở Quân khu tả ngạn. Trước tình hình chính trị phức tạp, đế quốc Mỹ có những hành động khiêu khích miền Bắc, báo *Quân đội nhân dân* lại chuẩn bị củng cố tổ chức để đối phó với tình hình mới: Từ ngày 29-9-1964, Lê Quang Hà, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị kiêm Tổng biên tập, Nguyễn Đình Ước là Phó Tổng biên tập thứ nhất và Bùi Đình Kế là Phó Tổng biên tập và một đội ngũ phóng viên sắc sảo giàu kinh nghiệm. Báo *Quân đội nhân dân* là một trong số ít tờ báo hàng ngày vững vàng và tạo được uy tín với bạn đọc.

II. BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN CẢ NƯỚC CÓ CHIẾN TRANH 1965 - 1975

l. Sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về công tác báo chí giai đoạn 1965 – 1975

Ngay trong những ngày đầu tháng 7-1965 khi đế quốc Mỹ bị thất bại trong cuộc Chiến tranh đặc biệt, chúng tăng cường và mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam, tìm mọi cách mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Thông tư số 163-TT/TW ngày l-7-1965 *"Về kế hoạch tuyên truyền động viên đấu tranh trong đợt 20 tháng 7"* (ngày quốc tế ủng hộ nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai). Thông tư đã chỉ rõ nội dung và kế hoạch tuyên truyền như sau:

l. Lên án mạnh mẽ đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ xâm lược miền Nam Việt Nam trong 11 năm qua và hiện đang tăng cường và mở rộng chiến tranh tội ác đó ở Việt Nam, đe dọa nghiêm trọng hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới.

2. Nêu cao quyết tâm của nhân dân ta chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, giành thắng lợi hoàn toàn.

3. Khẳng định lập trường trước sau như một của ta là kiên quyết chống sự xâm lược của đế quốc Mỹ, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ...

4. Tranh thủ các nước xã hội chủ nghĩa, các nước dân tộc chủ nghĩa, các tổ chức quốc tế, nhân dân tiến bộ Mỹ, Anh, Pháp và dư luận rộng rãi trên thế giới mở chiến dịch đòi đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược việt Nam...

5. Trong nước, động viên một phong trào biến căm thù đế quốc Mỹ thành sức mạnh chống Mỹ, cứu nước, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế, đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, chiến đấu chống Mỹ xâm lược.

Nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan thông tin báo chí, phát thanh cùng với văn học nghệ thuật là lập kế hoạch tuyên truyền rầm rộ và liên tục suốt trong tháng 7-1965 ở nước ngoài, tổ chức họp báo, tổ chức nói chuyện trên đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, tuyên truyền cho nhân dân thế giới biết cuộc chiến tranh phi nghĩa mà đế quốc Mỹ đã gây ra trên đất nước ta, đồng thời cũng tuyên truyền lập trường quan điểm của Đảng ta về tình hình trong nước để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

Ban Bí thư cũng ban hành Chỉ thị số 113-CT/TW ngày 15-11-1965 *Về nhiệm vụ của báo Nhân dân trước tình hình và nhiệm mới của cách mạng* và Chỉ thị số 116-CT/TW ngày 6-12-1965 *Về nâng cao chất lượng của Tạp chí Học tập* để phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Chỉ thị yêu cầu báo *Nhân dân* phải tăng cường nâng cao hơn nữa vai trò, vị trí của tờ báo, thực sự là cơ quan ngôn luận của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Nội dung tuyên truyền phải đáp ứng một số yêu cầu cơ bản sau:

l. Xây dựng con người mới, có tư tưởng, tình cảm cách mạng, có tinh thần yêu nước và trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa ngày càng được nâng cao. Xây dựng và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong đấu tranh chống đế quốc Mỹ thống nhất nước nhà và trong sự nghiệp xây dựng đất nước, đặc biệt là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, trở thành hậu phương vững chắc cho cách mạng miền Nam.

2. Làm cho toàn Đảng, toàn dân thông suốt, nắm vững và tuyệt đối tin tưởng ở đường lối, chính sách và quan điểm cách mạng của Đảng.*Thứ nhất,* đường lối chống Mỹ, cứu nước đang tiến hành gắn chặt với đường lối chống đế quốc từ trước cho đến nay và từ nay về sau.*Thứ hai,* đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chú trọng tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất; cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng văn hóa tư tưởng. Làm tốt ba cuộc cách mạng này cũng là thực hiện nhiệm vụ vừa cải tạo xã hội chủ nghĩa, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Thứ ba,* lập trường quan điểm của Đảng về đường lối cách mạng thế giới, tăng cường sự đoàn kết và ủng hộ của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế.

3. Trên cơ sở thấu suốt hai yêu cầu nói trên, đẩy mạnh mọi hành động cách mạng, tập trung vào cuộc chiến đấu đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, vào các phong trào thi đua sản xuất và xây dựng nhằm hoàn thành các nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước.

Về chuyên môn nghiệp vụ, Ban Bí thư yêu cầu báo *Nhân dân* không ngừng nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền cả về nội dung và hình thức. Cần vận dụng một cách linh hoạt trong các thể tài nghị luận, thể tài tin tức, thể tài phản ánh để chuyển tải thông tin một cách phong phú và có hiệu quả. Kế hợp chặt chẽ giữa thông tin lý luận để tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước với

thông tin sự kiện để nhân dân thấy rõ bức tranh đời sống xã hội đất nước ta trong thời kỳ cả nước có chiến tranh. Kịp thời phản ánh những nhân tố điển hình về người mới, việc mới, phổ biến những kinh nghiệm làm ăn tốt, đánh Mỹ giỏi. Đồng thời cũng tìm tòi, phát hiện những yếu tố điển hình đang nhú mầm để khích lệ, bồi dưỡng và tạo điều kiện phát triển tốt. Chỉ thị cũng khẳng định: "Thể tài phản ánh có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc làm cho báo *Nhân dân* thật sự là tờ báo của quần chúng, thể tài ấy chủ yếu dành cho quần chúng nói rõ ý nghĩa, tình cảm và việc làm của mình, ghi lại tiếng nói của quần chúng, của đông đảo những người có lao động sáng tạo, có công tác thực tiễn".

Đối với Tạp chí *Học tập,* với tư cách là tạp chí lý luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chỉ thị số 116-CT/TW của Ban Bí thư cũng đã biểu dương sự nỗ lực vượt bậc trong việc thực hiện nhiệm vụ như tuyên truyền cho các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, về đường lối cách mạng hai miền Nam - Bắc, về đường lối đối ngoại, về đường lối xây dựng Đảng... Tuy nhiên, so với yêu cầu trong tình hình mới, Tạp chí *Học tập* còn có nhiều hạn chế.

Để Tạp chí *Học tập* đóng vai trò quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng, phát huy những việc đã làm tốt, khắc phục những nhược điểm, Ban Bí thư chỉ thị một số vấn đề cụ thể sau đây:

1. Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã soi sáng đường lối chống Mỹ, cứu nước, làm cho mọi người nhận rõ tình hình và yêu cầu mới của cách mạng... Biên tập những bài có chất lượng cao về chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân. Do đó làm cho mọi người tin tưởng tuyệt đối vào đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng, vào nhiệm vụ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc...

2. Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để soi sáng hơn nữa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và chủ trương tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện có chiến tranh... Chú ý vận dụng lý luận để soi sáng các vấn đề quan hệ giữa cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa - xã hội...

3. Tuyên truyền cho quan điểm của Đảng về các vấn đề quốc tế quan trọng, tích cực góp phần vào việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, khôi phục và tăng cường đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, ủng hộ các phong trào đấu tranh cho độc lập và hòa bình ở các nước trên thế giới, chống chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến...

4. Khôi phục việc xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức, tuyên truyền cho đường lối xây dựng Đảng, biểu dương những điển hình tốt, đồng thời phê phán những biểu hiện tiêu cực trong sinh hoạt Đảng…

5. Cùng các cơ quan có trách nhiệm góp phần tổng kết những kinh nghiệm lịch sử của Đảng ta, cụ thể là công tác xây dựng Đảng, công tác mặt trận thống nhất, về đấu tranh vũ trang và xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, về xây dựng chính quyền nhà nước, về Cách mạng Tháng Tám, về cải cách ruộng đất…, tổng kết tốt những kinh nghiệm lịch sử của Đảng sẽ góp phần tích cực vào việc chuẩn bị Đại hội lần thứ IV của Đảng.

Chỉ thị của Ban Bí thư nhắc nhở cần làm rõ hơn nữa nhiệm vụ của Tạp chí *Học tập* và các tạp chí *Tuyên huấn* và *Xây dựng Đảng* để có kế hoạch tuyên truyền phù hợp. Làm sao mỗi tạp chí thực hiện đúng chức năng của mình và có sự kết hợp tốt trong các đợt tuyên truyền từng giai đoạn, thời điểm nhất định.

Một điều cần chú ý nữa là trong những năm 1966, 1967 báo *Nhân dân* được Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên đọc. Những nhân tố điển hình, đặc biệt cá nhân điển hình trong lao động sản xuất, trong chiến đấu đánh Mỹ được tòa soạn kịp thờ phản ánh, đã được Người đọc kỹ, dùng bút mực màu đỏ khoanh tròn để tặng thưởng "Huy hiệu Bác Hồ".

Đối với Thông tấn xã Việt Nam, cơ quan thông tin chính thức của cả nước, tất cả mọi văn kiện thông tin và hình ảnh chính thức của Đảng và Nhà nước đều do Thông tấn xã Việt Nam phát. Thông tấn xã Việt Nam được Hội đồng Chính phủ luôn luôn quan tâm chỉ đạo và ưu tiên xây dựng đi lên chính quy, tiến tới hiện đại.

Liên tiếp trong những năm 1968, 1971, 1972, Thường vụ Hội đồng Chính phủ luôn chỉ đạo sát sao Thông tấn xã Việt Nam khắc phục mọi khó khăn, trong mọi điều kiện phải thu phát tin, ảnh trong nước tới các chiến trường, tới mọi miền đất nước và các nước anh em. Đồng thời, cũng ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo các hoạt động thông tin kịp thời, nhất là cho Thông tấn xã giải phóng.

Các cơ quan báo chí quan trọng khác như *Đài Tiếng nói Việt Nam,* báo *Quân đội nhân dân* cũng luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều đặc biệt cần chú ý trong sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với báo chí là sự nhất quán trong tư tưởng, thấu suốt đường lối cách mạng. Mỗi cơ quan báo chí thực sự là người tuyên truyền, cổ động, tạo sức mạnh đoàn kết dân tộc, thống nhất ý chí tư tưởng từ trung ương đến địa phương, từ lãnh đạo đến mỗi người dân, hướng tới mục tiêu đấu tranh chống quân xâm lược Mỹ và từng bước xây dựng đất nước.

2. Tình hình xuất bản báo chí

Bước vào năm 1960, các cơ quan báo chí trung ương như Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, báo *Nhân dân* đã có những bước phát triển mới. Các phân xã (thuộc Thông tấn xã Việt Nam) ở các địa phương, nhất là ở miền Nam, Đài Phát thanh giải phóng đã được thành lập, phục vụ thông tin, tuyên truyền, phản ánh cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của quân và dân miền Nam.

Theo Niên giám báo chí xuất bản năm 2000, từ năm 1960 đến năm 1975 có 80 tờ báo, tạp chí, báo tiếng nước ngoài được xuất bản, trong đó có 40 tờ báo, 4 tờ tạp chí và 6 tờ báo tiếng nước ngoài.

Trong 40 tờ báo, có 33 tờ báo của các địa phương xuất bản, 7 tờ của các cơ quan đoàn thể. Các tỉnh miền Nam xuất bản báo chí là Tỉnh uỷ An Giang, Tiền Giang, Cà Mau, Quảng Bình, Trà Vinh, Vinh Long. Còn lại phần lớn của các tỉnh miền

Bắc và Bắc Trung Bộ như Bắc Giang, Bắc Ninh, Lào Cai, Lai Châu, Lạng Sơn, Hòa Bình, Ninh Bình, Phú Thọ, Nghệ An, Thanh Hóa...

Báo của các cơ quan đoàn thể được xuất bản trong giai đoạn này chỉ có *Giao thông vận tải* của Bộ Giao thông- Vận tải (1962), báo *Sức khỏe và đời sống* của Bộ Y tế.

Về tạp chí, đây là giai đoạn phát triển của tạp chí, bao gồm tạp chí lý luận chính trị, các tạp chí của các bộ và cơ quan ngang bộ, của các cơ quan đoàn thể, của Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia và Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn.

Các tạp chí lý luận chính trị có Tạp chí *Xây dựng Đảng,* xuất bản năm 1966. Các tạp chí của các bộ, ngành tương đương như:

Tạp chí *Bưu chính - viễn thông* xuất bản năm 1962;

Tạp chí *Dược học* của Bộ Y tế xuất bản năm 1960;

Tạp chí *Đại học và giáo dục chuyên nghiệp* của Bộ Giáo dục và Đào tạo xuất bản năm 1968;

Tạp chí *Kinh tế và dự báo* của Bộ Kế hoạch và Đầu tư xuất bản năm 1967;

Tạp chí kiểm sát của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xuất bản năm 1961;

Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục* của Bộ Giáo dục và Đào tạo xuất bản năm 1969;

Tạp chí *Tài chính* của Bộ Tài chính xuất bản năm 1963;

Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật* của Bộ Văn hóa - Thông tin xuất bản năm 1973;

Tạp chí *Xây dựng* của Bộ Xây dựng xuất bản năm 1961.

Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn có các tạp chí: Tạp chí *Dân tộc học* (1974), Tạp chí *Ngôn ngữ* (1969), Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*(1961), Tạp chí Nhà *nước và pháp luật* (1972), Tạp chí *Triết học* (1966), Tạp chí *Văn học* (1960), Tạp chí *Khảo cổ học* (1969). Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia có các tạp chí được xuất bản: Tạp chí *Khoa học và công nghệ* (1963), Tạp chí *Hóa học* (1963).

Ngoài ra, còn có một số tờ tạp chí của các Hội được xuất bản như Tổng hội Y dược học Việt Nam với Tạp chí *Nội khoa, Ngoại khoa,* Hội Y học dự phòng Việt Nam xuất bản Tạp chí *Y học dự phòng* và các Tạp chí *Bán đảo Cà Mau, Cửa biển* của Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Cà Mau và Hải Phòng.

Báo tiếng nước ngoài có 6 tờ được xuất bản, trong đó có ba tờ dược xuất bản năm 1960: *Le courrier du Vietnam* (tiếng Pháp),*Vietnamese Trade Unions* (tiếng Anh), *Revue medicale* (tiếng Pháp), một tờ xuất bản năm 1963: *Vietnamese Studies;* một tờ xuất bản năm 1971: *Commulation in Physics* (tiếng Anh và Việt Nam), *Journal of Mathematics* (tiếng Anh) xuất bản năm 1973.

** Một vài nhận xét:*

- Về số lượng: Giai đoạn này các tờ báo và tạp chí xuất bản không nhiều. Nếu tính từ năm 1960 đến năm 1975 chỉ có 80 tờ. Tuy nhiên, trong năm năm tiến hành xây dựng xã hội chủ nghĩa lần thứ nhất (1960 - 1965) đã có 52 tờ được xuất bản. Có 11 tờ xuất bản sau ngày 30-4-1975. Như vậy, chỉ có 17 tờ ra đời trong 10 năm (1965 - 1975), giai đoạn cả nước có chiến tranh.
- Về loại hình: Các tờ báo xuất bản giai đoạn này chủ yếu là báo của các địa phương, chiếm trên 30%. Loại hình tạp chí chiếm gần 50% (kể cả tạp chí bằng tiếng nước ngoài). Phần lớn là tạp chí của các bộ, ban, ngành, cơ quan đoàn thể và của Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia. Điều này chứng tỏ, trong khi chiến tranh diễn ra ác liệt trong cả nước nhưng các tạp chí chuyên ngành, nghiên cứu sâu các lĩnh vực khoa học và xã hội vẫn được quan tâm, chú ý.

Đặc biệt, sự hợp nhất giữa tờ *Thủ đô Hà Nội* và *Thời mới* (25-l-1968) thành tờ *Hà Nội mới,* cơ quan ngôn luận của Đảng bộ thành phố Hà Nội là một bước phát triển mới, thể hiện sự thống nhất trong việc thông tin, tuyên truyền trong hệ thống.

Sự ra đời của Truyền hình Việt Nam (phát thử ngày 7-9-1970 và chương trình truyền hình đầu tiên phục vụ khán giả Thủ đô Hà Nội ngày 27-l-1971) là một sự kiện đặc biệt. Hệ thống báo chí Việt Nam có thêm loại hình mới. Mặc dù truyền

hình ở nước ta ra đời muộn, nhưng những bước đi đầu tiên trong những năm chiến tranh ác liệt là cơ sở, nền tảng cho sự phát triển hệ thống truyền hình sau này trên cả nước.

3. Sự ra đời của báo *Hà Nội mới* và *Đài Truyền hình Việt Nam*

a) Báo Hà Nội mới

Các cơ quan báo chí của Đảng và Nhà nước như báo *Nhân dân, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam* và một số tờ báo của các ban ngành đoàn thể như *Lao động, Quân đội nhân dân, Tiền phong, Phụ nữ*... đã có các cơ quan đại diện của mình ở miền Nam. Trong thời kỳ này, các báo tiếp tục củng cố xây dựng và tăng cường lực lượng. Phần lớn các phóng viên, biên tập viên có trình độ nghiệp vụ, tuổi đời còn trẻ được tung vào chiến trường, đến những nơi ác liệt nhất như chiến trường miền Đông Nam Bộ, Tây Ninh, chiến trường đường 9 - Nam Lào để lấy tin, viết bài, kịp thời phản ánh tình hình chiến sự.

Ở miền Bắc, nhiều tờ báo địa phương được thành lập. Sự ra đời của các tờ báo Bắc Giang, Bắc Ninh, Lào Cai, Lạng Sơn, Phú Thọ, Nghệ An, Thanh Hóa... đã làm cho mạng lưới báo chí ở các tỉnh, thành phố dần dần hoàn thiện. Trong điều kiện cả nước có chiến tranh, giao thông khó khăn, báo Đảng chưa kịp đến tay bạn đọc thì các báo địa phương làm nhiệm vụ tuyên truyền tại chỗ và phản ánh kịp thời, cụ thể những hoạt động của địa phương mình một cách nhanh chóng.

Cùng mới sự ra đời của báo đảng bộ các tỉnh, báo *Hà Nội mới* - cơ quan ngôn luận của Đảng bộ Hà Nội, Thủ đô của cả nước ra đời trên cơ sở sáp nhập hai tờ *Thủ đô Hà Nội* và tờ *Thời mới.*

Trong hồi ký của mình, nhà báo Hiền Nhân đánh giá: "Sự sáp nhập này là một chủ trương vừa có mục đích chính trị vừa có mục đích tự thân của hoạt động báo chí. Trong tình hình chính trị xã hội bấy giờ sự phân tán báo chí, đặc biệt là thiếu vai trò lãnh đạo định hướng trong bản thân báo *Thời mới* là không có lợi trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt"[5].

Số 1 báo *Hà Nội mới* ra ngày 25-1-1968, trong lời phi lộ với bạn đọc, ban biên tập hứa:

"Hà Nội mới quyết sẽ là vũ khí sắc bén của Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam và chính quyền thành phố Hà Nội, một người bạn chân thành của nhân dân Thủ đô trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Thủ đô xã hội chủ nghĩa anh hùng".

Tòa soạn và trị sự báo *Hà Nội mới* đặt tại trụ sở báo *Thủ đô Hà Nội*, số 44, Lê Thái Tổ. Ban biên tập gồm: Tổng biên tập, đồng chí Dương Ngà; Phó tổng biên tập, đồng chí Lê Hưng và Lê Tam Kính. Đội ngũ phóng viên, biên tập viên là những người trước đây làm cho báo *Thủ đô Hà Nội* và báo *Thời mới.* Theo yêu cầu nhiệm vụ, một số chuyển sang công tác khác.

Báo *Hà Nội mới* phát huy thế mạnh của hai tờ báo trước đây để thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, là cơ quan ngôn luận, tiếng nói của đảng bộ của một thành phố trung tâm chính trị, nơi các cơ quan đầu não của trung ương và chính phủ làm việc. Đồng thời, nhân dân Thủ đô Hà Nội là lớp độc giả có trình độ văn hóa cao, đòi hỏi việc thông tin phải nhanh nhạy, mới mẻ và phong phú. Phải làm sao tờ báo thực sự là người hướng dẫn, định hướng dư luận trong tình hình cách mạng mới, vừa là bức tranh điển hình về đời sống nhân dân Thủ đô trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội… Thông tin phong phú nhưng phải hấp dẫn, thu hút bạn đọc. Để giúp báo *Hà Nội mới* làm tốt nhiệm vụ, Thường vụ Thành uỷ đã ra Nghị quyết về *"Nâng cao chất lượng và tăng cường chỉ đạo báo Hà Nội mới".* Bản nghị quyết nêu rõ:

"Phải tuyên truyền, phổ biến chủ trương, quyết định của Đảng bộ và chính quyền thành phố, cổ vũ khí thế cách mạng của phong trào quần chúng, động viên mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân chấp hành mọi chính sách chủ trương của Đảng, xây dựng con người mới, đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng bảo vệ Thủ đô bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà".

Trước mắt, tuyên truyền những nội dung chủ yếu sau:

- Tuyên truyền cổ động khí thế quyết chiến, quyết thắng, động viên mạnh mẽ quân dân thành phố tích cực chuẩn bị chiến đấu tốt, phòng tránh tốt, sẵn sàng chiến đấu tiêu diệt địch, đồng thời làm hết sức mình, thực hiện khẩu hiệu "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

- Tuyên truyền cổ động nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, tiếp tục phát triển mạnh sản xuất, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp và thực phẩm, tăng cường công tác giao thông vận tải và các ngành kinh tế khác.

- Tuyên truyền cổ động cách mạng kỹ thuật, cách mạng quan hệ sản xuất…

- Tuyên truyền cổ động việc tổ chức đời sống nhân dân, thực hiện bồi dưỡng sức dân để đảm bảo sức khỏe, đảng bảo sức sản xuất và chiến đấu lâu dài[6]...

Như vậy, báo *Hà Nội mới* trở thành tiếng nói, diễn đàn của Đảng bộ, nhân dân thành phố Hà Nội, là tờ báo địa phương đặc biệt, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước. Trong giai đoạn chống chiến tranh phá hoại của Mỹ lần thứ hai, nhất là 12 ngày đêm "Điện Biên Phủ trên không", báo *Hà Nội mới* cùng *Đài Phát thanh Hà Nội* thực sự là bạn đồng hành của mọi người cùng bám trụ, chiến đấu và chiến thắng.

b) *Quá trình ra đời Đài Truyền hình Việt Nam*

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ chuẩn bị tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ" từ giữa năm 1965. Bên cạnh việc Mỹ đưa quân ồ ạt vào miền Nam và tăng cường xây dựng lực lượng, ngụy quyền Sài Gòn, chúng tăng cường bộ máy tuyên truyền nhằm mục đích huy động tổng lực để giành lại chiến trường đã mất trong "Chiến tranh đặc biệt" trước đó. Bước vào năm 1966, chúng xây dựng hai đài truyền hình ở Sài Gòn, một đài do Mỹ trực tiếp quản lý, một đài cho chính quyền tay sai Sài Gòn làm công cụ tuyên truyền. Ngoài ra, để mở rộng phạm vi tuyên truyền bằng loại hình báo chí điện tử

lợi hại này, chúng còn xây dựng các đài chuyển tiếp chương trình của đài Sài Gòn ở Cần Thơ, Nha Trang, Quy Nhơn, Huế. Như vậy, ở miền Nam, năm 1966 có thêm một loại hình báo chí hoạt động, đó là truyền hình.

Ở miền Bắc, báo chí cách mạng đã có những bước phát triển đáng kể, tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn, cơ sở vật chất nghèo nàn, lại phải chịu nhiều cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ tiến hành cho nên đến những năm cuối của thập kỷ 60 của thế kỷ XX, miền Bắc nước vẫn chưa có Đài truyền hình. Sự cần thiết phải có một Đài truyền hình là một mong muốn của Đảng, Chính phủ và của những người làm công tác thông tin tuyên truyền, của những người quản lý báo chí hồi đó. Họ đã âm thầm chuẩn bị để khi có điều kiện, thời cơ có thể bắt tay vào việc xây dựng một đài truyền hình. Người đặt nền móng và chuẩn bị cho sự ra đời báo truyền hình là đồng chí Trần Lâm, Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam.

Trong hồi ký của mình, ông Trần Lâm bộc bạch suy nghĩ về những bước chuẩn bị đầu tiên như sau:

"Lúc ấy, tôi đã rất muốn làm thử truyền hình ở miền Bắc nhưng hoàn cảnh khách quan không cho phép vì ngày ngày miền Bắc và cả Thủ đô Hà Nội luôn dưới tầm bom đạn Mỹ. Dù vậy chúng tôi vẫn xúc tiến việc tìm hiểu kinh nghiệm các nước bạn để chuẩn bị sẵn sàng làm truyền hình trong tương lai. Bản thân tôi tìm hiểu và biết rằng trong khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa chỉ có Cuba là phát hình theo hệ kỹ thuật của Mỹ, phù hợp với hệ kỹ thuật ở Sài Gòn. Vì vậy, ngay từ năm 1967 nhân chuyến đi thăm Cuba, tôi đã ký với Viện Phát thanh truyền hình Cuba một hiệp định hợp tác và nước bạn sẵn sàng giúp Đài Tiếng nói Việt Nam đào tạo cán bộ làm truyền hình cả về kỹ thuật phát sóng, và về công tác biên tập, đạo diễn làm chương trình truyền hình"[7].

Sau khi ký được hiệp định với Cuba, Bộ biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam chọn 18 cán bộ, vừa là kỹ thuật, vừa là biên tập viên của đài sang Cuba học 18 tháng. Cán bộ của chúng ta đã được chuyên gia bạn tận tình giúp đỡ cả lý thuyết và thực hành

trong tất cả các khâu làm truyền hình, từ kỹ thuật ghi hình, dựng hình, thu trong, phát hình đến khâu biên tập nội dung theo từng chương trình thời sự, ca nhạc, sân khấu truyền hình, các chương trình mang tính chuyên đề, đạo diễn truyền hình, âm thanh ánh sáng... Trong khi đó, những người ở nhà cũng cố gắng sưu tầm tài liệu, cố gắng nghiên cứu để làm quen và từng bước tiếp cận với những kiến thức cơ bản về truyền hình.

Sự chuẩn bị của Đài Tiếng nói Việt Nam đã không thừa. Cục diện chiến trường miền Nam và cuộc đấu trí trên bàn ngoại giao ở Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam đã dự báo những bước đi mới. Mỹ thất bại liên tiếp trong cuộc "Chiến tranh cục bộ" đến "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam, thất bại nặng nề trong cuộc leo thang phá hoại miền Bắc lần thứ hai, đặc biệt trong cuộc đọ sức "Điện Biên Phủ trên không" 12 ngày đêm đánh phá Thủ đô Hà Nội và một số thành phố khác, buộc Mỹ phải đến Pari nối lại đàm phán và Hiệp định Pari được ký kết, buộc Mỹ phải rút quân về nước.

Trước tình hình đó, việc chuẩn bị cho sự ra đời của đài truyền hình trở nên cấp bách hơn. Trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn, ban biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam tiếp tục xây dựng kế hoạch xây dựng và phát thử với phương châm: Tự lực, khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm làm bằng được.

Ngày 2-l-1970, Bộ biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam triệu tập đoàn cán bộ mới được đào tạo ở Cu Ba về, cùng với những cán bộ khác có tâm huyết để bàn cách làm thử truyền hình và giao nhiệm vụ cho các bộ phận chuẩn bị. Bằng kiến thức đã được học tập cộng với sự vận dụng sáng tạo, các cán bộ được giao nhiệm vụ đã làm được những việc phi thường, đó là chuyển một số máy phát thanh sóng ngắn sang máy phát hình; lắp ráp hoàn chỉnh một cách cơ bản trung tâm kỹ thuật bằng các vật tư kỹ thuật của đài phát thanh, tự chế tạo camera điện tử...

Nhà báo Trần Lâm nhớ lại: "Sau nhiều ngày phát thử thấy các khâu đều đảm bảo tốt, ngày 7-9-1970 chúng tôi tổ chức buổi ra mắt. Khách mời là một số cán bộ cao

cấp của Đảng, Nhà nước để chứng kiến sự ra đời của Đài Truyền hình Việt Nam. Trong số khách mời có đồng chí Hoàng Tùng, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương; đồng chí Phan Anh, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; đại diện Văn phòng Chính phủ; Uỷ ban Kế hoạch nhà nước; Bộ Tài chính... tất cả là những người có thể giúp đỡ cho Đài Truyền hình ra đời.

Buổi phát rất đáng ghi nhớ. Tất cả khách mời, diễn viên, phát thanh viên, cán bộ kỹ thuật, người ghi hình đến ngồi chung trong một phòng rộng. Người xem có thể vừa nhìn phát thanh viên, diễn viên biểu diễn trực tiếp, vừa xem cán bộ kỹ thuật ghi hình và xem hình ảnh trên mônitơ kiểm tra và trên máy thu hình bắt từ máy phát sóng. Chương trình gồm có 15 phút tin tức do hai phát thanh viên quen thuộc của Đài Tiếng nói Việt Nam đọc thẳng, tiếp sau đó là nửa giờ ca nhạc do các diễn viên quen thuộc Thanh Huyền, Bích Liên, Thuý Hà, Kiều Hưng biểu diễn bằng phương pháp lay back (tức là chỉ thu hình còn tiếng thì thu trước để bảo đảm tiêu chuẩn).

Thành công quả là bất ngờ. Hình ảnh trung thực, âm thanh tốt. Sau khi nghe giới thiệu về tính năng từng bộ phận và quá trình lắp ráp, ai cũng xúc động khi biết lý lịch của hai camera “ngựa trời". Hai đồng chí Hoàng Tùng và Phan Anh đã hứa sẽ giúp cho Đài Tiếng nói Việt Nam, xin Chính phủ cho phép được chính thức làm truyền hình. Gần một tuần sau, chúng tôi nhận được một lúc hai quyết định của Chính phủ do Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị ký: một là giao cho Đài Tiếng nói Việt Nam chuẩn bị làm truyền hình; hai là, cấp cho Đài 400.000 rúp để mua những thiết bị ban đầu cần thiết".

Được sự quan tâm của Chính phủ, những tháng cuối năm 1970, Bộ Biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam gấp rút xây dựng Đài Truyền hình như mua máy phát hình, xe ghi hình, lắp ráp ăng ten, xây dựng Studio ghi hình... để chuẩn bị phát chương trình đầu tiên cho khán giả xem truyền hình Thủ đô Hà Nội.

Tối ngày 27-1-1971, Đài phát chương trình đầu tiên với câu mở đầu "Chương trình truyền hình thử nghiệm" phục vụ khán giả Thủ đô Hà Nội. Thời gian đầu Đài Truyền hình Việt Nam phát mỗi tuần ba tối, mỗi tối 2 giờ đồng hồ.

Năm 1976, xây dựng Trung tâm truyền hình ở Giảng Võ. Cuối năm 1977, Chính phủ ra quyết định thành lập Uỷ ban Phát thanh và truyền hình gồm cả Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình trung ương và quản lý sự nghiệp toàn ngành phát thanh và truyền hình trong cả nước. Đồng chí Trần Lâm được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Uỷ ban.

Như vậy là, ngày 7-9-1970 được coi là ngày khai sinh ra Đài Truyền hình Việt Nam. Từ đây, nền báo chí Việt Nam có thêm một loại hình báo chí mới: Báo truyền hình. Nhân dân ta tiếp nhận thông tin qua một kênh báo chí bằng hình ảnh với những ưu thế đặc biệt mà các loại hình khác không có được.

4. Hoạt động báo chí của một số tờ báo tiêu biểu

a) Báo Nhân dân

Trong 10 năm (1965 - 1975*),* báo *Nhân dân* luôn ở vị trí hàng đầu tuyên truyền đường lối cách mạng của Đảng, phản ánh kịp thời tình hình chiến tranh và tinh thần chiến đấu chống đế quốc Mỹ của quân và dân cả nước. Đồng thời, báo cũng chú trọng phản ánh phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng đất nước của nhân dân miền Bắc, những hoạt động ngoại giao, những thành tựu về văn hóa, giáo dục và khoa học...

Báo *Nhân dân* tiếp tục ra hàng ngày, 4 trang, khổ 75x42cm. Trên trang nhất, ở vị trí quan trọng báo đưa tin chiến thắng trên các chiến trường miền Nam, tin chiến đấu chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc và tin lao động sản xuất của nhân dân miền Bắc. Đầu đề tin được in cỡ chữ to, đậm. Phần tin thời sự này thường chiếm 213 diện tích trang báo. Phần còn lại là xã luận và tin ngoại giao.

Trang 2 thường dành toàn bộ cho các bài viết về lao động sản xuất, các chuyên mục xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc như "Xây dựng chi bộ bốn tốt", “Sử

dụng hợp lý sức lao động và chống lãng phí sức lao động", "Tăng năng suất trồng trọt và chăn nuôi, tăng năng suất lao động trong nông nghiệp"... bao gồm các bài phản ánh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phổ biến khoa học kỹ thuật, cung cách quản lý, xây dựng chế độ quản lý xã hội chủ nghĩa, những thành tựu về văn hóa, giáo dục, y tế...

Trang 3 dành để phản ánh hiện thực cuộc sống chiến đấu của quân và dân cả nước với nhiệm vụ đánh Mỹ và ngụy quân Sài Gòn; phong trào cách mạng quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ của nhân dân ta. "Nhân dân anh hùng, thời đại anh hùng"; "Bài từ miền Nam gửi ra" là những chuyên mục chuyển tải những điển hình trong chiến đấu.

Trang 4 là trang tin quốc tế.

- *Phản ánh phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc:*

Lao động sản xuất để từng bước xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, nhân dân miền Bắc vừa phải chiến đấu đánh trả các cuộc ném bom phá hoại của không quân Mỹ, vừa phải tăng cường lao động sản xuất làm hậu cứ vững chắc, chi viện cho miền Nam đánh Mỹ, giữ nước. Bên cạnh các bài viết phản ánh những thành tích tăng năng suất lao động như *Cánh đồng năm tấn; Ngọn cờ Bắc Lý, Mỗi người thi đua làm việc bằng hai...,* báo*Nhân dân* còn mở nhiều mục để trao đổi, thảo luận về các vấn đề đặt ra trong quá trình đi lên xây dựng nền kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Năm 1966, báo *Nhân dân* mở mục trao đổi ý kiến về vấn đề: *"Sử dụng hợp lý sức lao động và chống lãng phí sức lao động"*. Trong bài mở đầu số ra ngày 9-4-1966, đồng chí Hoàng Tùng, Tổng biên tập báo *Nhân dân* nêu rõ:

"Trong thời bình vấn đề tiết kiệm sức lao động đã rất quan trọng, trong hoàn cảnh vừa sản xuất vừa chiến đấu hiện nay, vấn đề này lại trở nên bức thiết. Trên các

công trường, cán bộ, công nhân, thanh niên xung phong đã có nhiều cố gắng nhằm hoàn thành đúng thời hạn các công trình. Nhưng tình hình lãng phí sức lao động còn khá phổ biến và nghiêm trọng. Chúng ta phải làm sao gây được một dư luận xã hội thật rộng rãi, đấu tranh chống những hiện tượng lãng phí sức lao động và làm cho đông đảo cán bộ, công nhân, thanh niên xung phong và những người lao động khác trên các công trường có ý thức quý trọng và tiết kiệm sức lao động, tích cực góp phần tổ chức, phân phối sử dụng lao động tốt hơn, đạt năng suất cao và tiết kiệm sức lao động để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn của sự nghiệp cách mạng cứu nước".

Bài viết chỉ ra những nguyên nhân lãng phí sức lao động như: chưa thấu suốt nhiệm vụ, lấy lý do phục vụ chiến đấu, công việc để gấp rút lấy người, tuyển người ồ ạt mà không nghĩ đến cải tiến kỹ thuật, lao động sáng tạo. Trình độ quản lý, trình độ khoa học kỹ thuật của người cán bộ quản lý còn thấp. Có người trước đây là cán bộ chính trị nay chuyển sang quản lý công trường mấy nghìn người, làm việc theo lối gióng trống mở cờ, động viên cật lực mà không tổ chức lao động hợp lý, cải tiến công cụ lao động. Sự chỉ đạo của nhiều cơ quan cấp trên còn quan liêu, không sát thực tế, chỉ nhấn mạnh yếu tố tinh thần, tư tưởng, không tính toán cân nhắc kỹ các mặt tổ chức và kỹ thuật...

Báo đã có loạt bài đăng liên tục như: *"Sử dụng hợp lý thời gian lao động trên các công trường xây dựng cơ bản"* của Tân Sắc (ngày 10-4-1966), "Coi *trọng việc tổ chức lao động trên các công trường thủy lợi"* của Phi Bằng (ngày 10-4-1966), *"Năng suất lao động bình quân trong ngành xây dựng cơ bản 1965 còn thấp"* của Thần Thu (ngày 12-4-1966), *"Kinh nghiệm quản lý công tác xây dựng cơ bản trong thời chiến của tỉnh Quảng Bình"* của Võ Văn Kinh (ngày 13-4-1966), *"Tăng cường công tác quản lý lao động trên các công trường"* của Nguyễn Đức Thụy (ngày 16-4-1966).

Mục *"Tăng năng suất trồng trọt và chăn nuôi, tăng năng suất lao động trong nông nghiệp"* kéo dài trong sáu tháng cuối năm 1966 với 42 bài trao đổi ý kiến và kinh nghiệm. Báo đã tổ chức sơ kết, sau đó mục này còn kéo dài cả năm 1967. Các bài viết chú trọng việc tăng sản lượng cây trồng; tăng năng suất trên đơn vị diện tích canh tác, kết hợp giữa chăn nuôi và trồng trọt, cải tạo sử dụng hợp lý ruộng đất, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, coi trọng công tác thủy lợi...

Những điển hình tăng năng suất lao động cao như hợp tác xã Nam Tiến (Phú Thọ); xây dựng đồng ruộng ở Hưng Yên; phát triển chăn nuôi trồng trọt ở Thổ Tang (Vĩnh Phúc); Gia Viễn (Ninh Bình); Tăng năng suất ngô màu ở Anh Sơn...

Bước sang năm 1967, mục này được duy trì với một cuộc trao đổi kinh nghiệm bổ ích giữa các huyện năm tấn *"Huyện uỷ cải tiến sự chỉ đạo trong nông nghiệp như thế nào để đạt năm tấn thóc một hécta"*. Bao gồm các bài viết về cuộc trao đổi giữa báo *Nhân dân* với lãnh đạo một số huyện thuộc các tỉnh Thái Bình, Phú Thọ, Hưng Yên, Hà Tây, Nghệ An... để tìm câu trả lời làm thế nào để đạt năm tấn thóc một hécta.

Sau cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ lần thứ hai, nhân dân miền Bắc tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam, nên nội dung thông tin trên báo *Nhân dân* cũng có những thay đổi nhất định.

Báo ưu tiên thông tin về phong trào lao động sản xuất trong cả nước, nhất là nhân dân các địa phương miền Bắc. Ngoài ra, báo có nhiều bài viết phản ánh lao động sản xuất trong nông nghiệp, công nghiệp, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học. Tiêu biểu là các bài: *"Thêm một mùa gặt khảo cổ học",* số ra ngày 8-7-1973 của Phạm Huy Thông *"Tổ chức và hướng dẫn học sinh đại học nghiên cứa khoa học",* số ra ngày 14-8-1973 của Vũ Dương Ninh; *"Gọi tên các dân tộc như thế nào cho đúng",* số ra ngày 25-7-1974 của Đặng Nghiêm Vạn; *"Khám phá*

những bí mật của khí tượng nhiệt đới", số ra ngày 28-7-1974 của Nguyễn Ngọc Thụy, v.v.. Đặc biệt, báo có loạt bài viết đăng nhiều kỳ của nhà báo Phan Quang trong dịp đi công tác tại các nước xã hội chủ nghĩa như bài *"Sức hấp dẫn mới của đất nước Đimitorốp", "Việc áp dụng phương pháp công nghiệp vào sản xuất",* với loạt bài kèm theo như *"Đi vào chiều sâu"; "Hóa học với nghề nông", "Kỹ thuật quản lý và con người".*

- Phản ánh cuộc chiến đấu chống Mỹ của quân và dân ta trong cả nước:

Đây là mảng đề tài chính, được báo *Nhân dân* nói riêng và các phương tiện thông tin đại chúng nói chung dành vị trí trang trọng với diện tích trang báo đáng kể để chuyển tải. Ở trang nhất báo *Nhân dân,* bất kỳ số nào được xuất bản trong 10 năm giai đoạn 1965 - 1975 được kéo hàng tít chữ to đậm nổi bật về thời sự thắng lợi của quân dân hai miền Nam Bắc. Đặc biệt, năm 1967, 1968 quân và dân miền Nam anh hùng đã đập tan chiến lược "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hóa chiến tranh". Tin chiến thắng bắn rơi hàng trăm máy bay Mỹ trong các cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại (1965 - 1966); (1969 - 1973). Hàng ngàn, hàng vạn lính Mỹ - ngụy phải đền tội, hàng trăm hàng ngàn máy bay Mỹ bị bắn rơi trên khắp chiến trường miền Bắc đã chứng tỏ chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta đã phát huy, thăng hoa cao độ. Thắng lợi đó là kết quả của ý chí kiên cường, không sợ hy sinh gian khổ, không chịu khuất phục trước bất cứ kẻ thù nào. Sức mạnh đó thể hiện ý chí, tinh thần đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân, thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, đường lối nhất quán trong việc chỉ đạo toàn dân, toàn quân ta vì sự sống còn của dân tộc, với tinh thần *"Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"* mà Bác Hồ đã ra lời kêu gọi.

Ngoài trang nhất là tin chiến sự nóng hổi hàng ngày, báo *Nhân dân* còn dành phần lớn trang 3 để đăng những bài viết của phóng viên, cộng tác viên phản ánh cuộc sống chiến đấu đầy hy sinh, vất vả nhưng cũng đầy vinh quang của nhân dân ta

trên khắp mọi miền. Thông qua các bài phản ánh, bài phóng sự, ghi nhanh, bức tranh thành đồng Tổ quốc hiện lên sinh động trong máu lửa. Cuộc sống của nhân dân Củ Chi trong địa đạo sâu dưới lòng đất, của nhân dân Quảng Trị, đường 9, Khe Sanh bám trụ trên cát trắng những ngày hè đổ lửa, của nhân dân Nam Bộ thoắt ẩn, thoắt hiện giữa các miệt vườn, cánh đồng hoang, kênh rạch nhằng nhịt để bảo vệ mình, tìm địch mà đánh.

Đặc biệt, đầu năm 1967, báo *Nhân dân* đã dành 3 số (từ ngày 6-l-1967 đến ngày 8-1-1967) để tường thuật, tuyên truyền Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ, cứu nước được tổ chức tại Hà Nội. "Một đại hội chiến đấu lớn nhất của miền Bắc trong một khung cảnh chiến đấu hùng tráng và một khí thế chiến đấu sục sôi của Thủ đô và của cả nước... Một cuộc gặp mặt to nhất và hào hứng nhất giữa những người và đơn vị mà sự tích anh hùng đã và đang cổ vũ tất cả chúng ta suốt hơn hai mươi năm chiến đấu chống Mỹ vừa qua".

Đại hội đón chào hơn 500 anh hùng, chiến sĩ thi đua cả nước về dự.

Nhân dịp này, báo *Nhân dân* mở mục *"Nhân dân anh hùng, thời đại anh hùng"* để giới thiệu những thành tích, những chiến công của các tập thể, cá nhân anh hùng, chiến sĩ thi đua, như chủ nhiệm hợp tác xã Mạnh Trữ (Vĩnh Phúc), Nguyễn Văn Tắc; Lớn lên với nhà máy xã hội chủ nghĩa (về anh hùng Đào Thị Hào); Những con đường trắng (về anh hùng đồng muối Hồ Thị Lượm); Nhằm thẳng quân thù mà bắn (về liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân); Suốt đời quên mình vì Đảng vì dân (về anh hùng Trần Văn Thọ); anh hùng dân quân Lê Đăng Tối; Tiểu đoàn 14 anh hùng Nguyễn Viết Xuân…

b) Tạp chí Học tập (1955 - 1976)

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, từ căn bản hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Miền Nam còn ở dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, phải tiếp tục

cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II họp tháng 3-1955 đã nhận định: qua 8 - 9 năm kháng chiến, Đảng ta đã được rèn luyện và lớn lên nhiều. Sự lãnh đạo của Đảng về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức đều có tiến bộ rõ rệt. Tuy vậy, trước tình hình đang thay đổi mạnh mẽ, từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ nông thôn chuyển vào thành thị, từ phân tán chuyển đến tập trung, trong Đảng bộc lộ những biểu hiện hữu khuynh và "tả" khuynh. Công tác tư tưởng và lý luận chưa đáp ứng đúng mức yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Để "giúp vào việc nghiên cứu chính sách và giáo dục, tư tưởng, bước đầu xây dựng công tác lý luận của Đảng", Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương Đảng đã ra nghị quyết xuất bản Tạp chí *Học tập*.

Đề án xuất bản được Bộ Chính trị thông qua, đã nêu rõ tính chất nhiệm vụ, đối tượng và phương châm biên tập của tạp chí.

Tạp chí *Học tập* là "cơ quan lý luận và chính trị của Đảng", do Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo. Nhiệm vụ của tạp chí là "lấy học thuyết Mác - Lênin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng nước ta để tuyên truyền, giáo dục đường lối, phương châm, chính sách của Đảng một cách sâu sắc"; tạp chí còn có nhiệm vụ "hướng dẫn cán bộ học tập theo chương trình do Đảng quy định". Đối tượng phục vụ của tạp chí là: "Cán bộ Đảng từ trung cấp trở lên, những cán bộ ngoài Đảng và những người trí thức thích nghiên cứu chính trị và có trình độ đọc hiểu được". Phương châm biên tập của tạp chí là "căn cứ vào nhiệm vụ trung tâm và những công tác lớn của Đảng trong từng thời kỳ mà định trọng tâm biên tập làm cho nội dung tạp chí gắn chặt với chính sách và sinh hoạt chính trị, sinh hoạt tư tưởng của Đảng". Tạp chí "dựa trên cơ sở học thuyết Mác - Lênin để

giải thích đường lối, phương châm, chính sách của Đảng, kết hợp với thực tế nước ta mà giáo dục lý luận. Cụ thể là căn cứ vào những chính sách và công tác lớn của Đảng, trình bày những vấn đề lý luận chung quanh chính sách và công tác ấy, nhằm vạch rõ cơ sở lý luận của nó, rồi lại căn cứ vào tình hình cụ thể của Việt Nam mà phân tích thêm, kết hợp lý luận Mác - Lênin với thực tế nước ta, làm cho cán bộ nắm vững nội dung, thực chất của các chính sách của Đảng, đồng thời đấu tranh chống những tư tưởng lạc hậu, sai lầm, trở ngại cho việc thực hiện các chính sách"; tạp chí cần tập trung vào những vấn đề chính trong nước, đồng thời dành một phần cần thiết cho những vấn đề quốc tế quan trọng.

Trong bài *"Việc xuất bản Tạp chí học tập và công tác xây dựng Đảng"* đăng trong số đầu tiên của tạp chí, đồng chí Trường Chinh viết: "Tạp chí *Học tập* phải đóng một vai trò xứng đáng trong công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng, trong công tác xây dựng, phát triển và củng cố Đảng... Nó phải đem lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin mà soi sáng những chính sách lớn của Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng về tư tưởng, chính sách giúp cho họ tránh được những khuyết điểm, sai lầm trong khi thi hành những chính sách ấy. Ngược lại, nó phải góp phần làm cho cán bộ qua công tác cụ thể, chấp hành chính sách mà củng cố được lập trường, nâng cao được trình độ tư tưởng và lý luận... Mong rằng với Tạp chí *Học tập* ra đời, Đảng ta sẽ đẩy mạnh phê bình, tự phê bình, đẩy mạnh đấu tranh chống mọi khuynh hướng sai lầm trong khi chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và của Chính phủ, chống mọi sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và những lệch lạc về tư tưởng đã khá nhiều ở nước ta hiện nay. Đồng thời, Đảng sẽ làm cho tư tưởng, lý luận của mình tiến trước và chỉ đường cho công tác thực hành, khắc phục được chủ nghĩa sự vụ, hẹp hòi hiện đang phổ biến trong cán bộ, đảng viên và cán bộ ngoài Đảng".

Bộ Chính trị đã cử ra một Ban biên tập tạp chí do đồng chí Trường Chinh làm Tổng biên tập, đồng chí Trần Quang Huy làm Thư ký tòa soạn.

Sau một thời gian ngắn khẩn trương chuẩn bị, Tạp chí *Học tập* ra số 1 vào tháng 12-1955 và kéo dài suốt từ năm 1955 đến năm 1976.

Trong những năm đầu, tạp chí tập trung phục vụ các nhiệm vụ công tác lớn của Đảng: đấu tranh đòi thi hành Hiệp nghị Giơnevơ nhằm thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà; hoàn thành cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, khôi phục kinh tế, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960, Đảng ta họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tại Hà Nội. Đại hội chỉ rõ, trong giai đoạn hiện tại cách mạng nước ta có hai nhiệm vụ chiến lược: *một là,* tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; *hai là,* giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước. Hai nhiệm vụ ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau. Trong đó, tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ ở miền Bắc nước ta là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, mà mấu chốt là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Đại hội đã thông qua phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm mục tiêu phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Trước tình hình mới và nhiệm vụ mới hết sức nặng nề, để tạp chí lý luận của Đảng làm tốt được vai trò của mình, Trung ương Đảng, đặc biệt là Bộ Chính trị và Ban Bí thư, hết sức quan tâm đến việc tăng cường lực lượng, nâng cao trình độ, cải tiến công tác của tạp chí.

Trong khoảng thời gian chưa đầy 5 tháng, từ ngày 20-10-1961 đến ngày 3-3-1962, Bộ Chính trị đã có hai cuộc họp và Ban Bí thư có một cuộc họp bàn về Tạp chí *Học tập.*

Cuộc họp Bộ Chính trị ngày 3-3-1962 có Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Chí Thanh, Trần Quốc Hoàn (Bộ Chính trị); tham dự có các đồng chí: Trần Quỳnh, Phạm Chung (Văn phòng Trung ương), Hồng Chương (Tạp chí *Học tập).*

Hội nghị đã vạch rõ nhiệm vụ của Tạp chí *Học tập.* Nhiệm vụ đó đã được ghi trong Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 7-4-1962 của Bộ Chính trị về "Cải tiến tạp chí lý luận của Đảng" trong đó nêu rõ, Nhiệm vụ của Tạp chí *Học tập* là đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam để tuyên truyền đường lối, phương châm, chính sách của Đảng một cách sâu sắc; đem lý luận Mác - Lênin soi sáng những chủ trương, chính sách của Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng về tư tưởng chính sách, giúp họ tránh những khuyết điểm, sai lầm trong khi thi hành chính sách của Đảng và Nhà nước. Tạp chí phải căn cứ vào chức năng của mình mà tuyên truyền cho Nghị quyết của Đại hội lần thứ III của Đảng và nghị quyết của các cuộc hội nghị Trung ương Đảng. Tạp chí phải góp phần đắc lực vào việc thực hiện hai nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam hiện nay là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (mà trung tâm là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa) và giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước. Tạp chí phải góp phần vào việc tổng kết kinh nghiệm công tác của Đảng, đi đến những kết luận có tính chất lý luận để lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Nội dung của tạp chí cần phải tập trung vào những vấn đề chính trong nước, đồng thời cần dành một phần cần thiết cho những vấn đề quốc tế quan trọng.

Tạp chí *Học tập* cần tích cực góp phần vào việc tổng kết kinh nghiệm lịch sử của Đảng, viết về những vấn đề lớn trong lịch sử cách mạng Việt Nam và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng ta. Sau Chỉ thị 41-CT/TW, ngày 7-4-1962, Bộ Chính trị bổ nhiệm đồng chí Đào Duy Tùng làm Tổng biên tập Tạp chí *Học tập.*

Từ đầu năm 1966, Tạp chí *Học tập* bước vào thời kỳ mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với hành trang mới: Chỉ thị số 116-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Nâng cao chất lượng của Tạp chí *Học tập* để phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội" ra ngày 14-12-1965.

Sau khi chỉ ra những ưu điểm và khuyết điểm của tạp chí trong thời gian qua, Chỉ thị vạch rõ:

Hiện nay, cách mạng nước ta đang ở trong một bước chuyển biến mới. Cả nước ta đang có chiến tranh với mức độ khác nhau ở mỗi miền. Nhân dân ta đang có nhiệm vụ cấp bách là chống Mỹ, cứu nước. Tạp chí *Học tập* phải đóng một vai trò quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng, nhằm góp phần bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp đánh thắng giặc Mỹ trong cả nước và sự nghiệp tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện có chiến tranh.

Về phương hướng biên tập của tạp chí, Chỉ thị chỉ rõ:

1. Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để soi sang đường lối chống Mỹ, cứu nước, làm cho mọi người nhận rõ tình hình và yêu cầu mới của cách mạng, đánh giá đúng đắn âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và tay sai đối với nước ta, phân tích lực lượng, đối sách giữa ta và địch, vạch rõ thế tất thắng của ta và thế thất bại của địch; hiểu rõ phương hướng, chủ trương mới về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, các chính sách đối nội và đối ngoại do Đảng đề ra trong tình hình mới; biên tập những bài có chất lượng cao về chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân. Do đó làm cho mọi người tin tưởng tuyệt đối vào đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng, vào nhiệm vụ vừa kháng chiến vừa kiến quốc, phát

huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nâng cao trình độ về mọi mặt, cống hiến nhiều nhất cho cách mạng, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng.

2. Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để soi sang hơn nữa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và chủ trương tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện có chiến tranh. Phục vụ tốt việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội theo phương châm mới thích hợp với tình hình mới. Cần làm rõ mối quan hệ giữa sản xuất và chiến đấu, giữa nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước. Cần phục vụ tốt ba cuộc cách mạng đang được tiến hành ở miền Bắc.

Cần chú ý vận dụng lý luận để soi sáng các vấn đề về quan hệ giữa cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa tích luỹ và tiêu dùng, giữa cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng, giữa xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng. Trong tình hình mới, cần làm rõ vị trí của công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương; của kinh tế đồng bằng và kinh tế trung du, kinh tế miền núi, của sản xuất và phân phối, của công tác văn hóa và xã hội.

Kết hợp với việc giáo dục về tình hình và nhiệm vụ mới mà tuyên truyền cho các cuộc vận động lớn trong nền kinh tế và các phong trào thi đua, nhằm đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động và hiệu suất công tác, tăng cường công tác chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu tốt.

Phải góp phần vào việc củng cố và tăng cường Nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân, thực chất là chuyên chính vô sản, nhằm xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà.

3. Tuyên truyền cho quan điểm của Đảng về các vấn đề quốc tế quan trọng, tích cực góp phần vào việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh có lý, có lẽ, có mức, chống chủ nghĩa xét lại hiện đại là nguy cơ chủ yếu của phong trào cộng sản quốc tế, đồng thời chống chủ nghĩa giáo điều; khôi phục và tăng

cường sự đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, ủng hộ phong trào đấu tranh vì dân chủ và chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa; đấu tranh chống bọn đế quốc hiếu chiến do đế quốc Mỹ cầm đầu, góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

4. Phục vụ việc xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức; tuyên truyền cho đường lối xây dựng Đảng; biểu dương những điển hình tốt; đồng thời phê phán những biểu hiện tiêu cực trong sinh hoạt Đảng; đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh và ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện đại là chủ yếu, đồng thời ngăn chặn và khắc phục tư tưởng “tả" khuynh và bệnh giáo điều, rập khuôn, máy móc.

5. Cùng các cơ quan có trách nhiệm góp phần tổng kết những kinh nghiệm lịch sử của Đảng ta. Qua tổng kết kinh nghiệm lịch sử của cách mạng Việt Nam mà làm cho mọi người thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và ra sức phát huy tinh thần tích cực, chủ động và sáng tạo trong công tác của mình.

Nhìn lại những năm 1955 - 1976, Tạp chí *Học tập* đã tích cực góp phần đưa đường lối, chủ trương chính sách của Đảng vào cuộc sống. Đáng chú ý nhất là:

Tạp chí đã tuyên truyền tập trung cho đường lối chống Mỹ, cứu nước và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Gắn với nhiệm vụ này, việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng được tạp chí rất coi trọng.

Tạp chí đã góp phần đắc lực vào việc thực hiện các nhiệm vụ: sửa sai và hoàn thành cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức; cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, tiến hành ba cuộc cách mạng, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa... làm cho miền Bắc trở thành cơ sở vững chắc cho công cuộc chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta. Những nhiệm vụ đó không tách rời việc củng cố nhà nước dân chủ nhân dân.

Cùng với việc phục vụ công tác xây dựng Đảng về tổ chức, tạp chí đã tích cực đấu tranh chống những tư tưởng sai lầm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao phẩm chất cách mạng cho mọi người, củng cố đoàn kết nhất trí trong Đảng. Tạp chí đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chống nhóm "Nhân văn - Giai phẩm", bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng.

Tạp chí đã tích cực tuyên truyền đường lối đối ngoại và quan điểm quốc tế của Đảng; phê phán chủ nghĩa xét lại hiện đại, chủ nghĩa cơ hội..., bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ sự đoàn kết quốc tế, kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong 21 năm qua (1955 - 1976) Tạp chí *Học tập* đã cố gắng đóng góp vào công tác lý luận và tư tưởng của Đảng và góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng việt Nam.

c) Báo *Quân đội nhân dân*

Với tiêu đề "Vì nhân dân phục vụ", báo *Quân đội nhân dân* trở thành người bạn thân thiết, gần gũi và không thể thiếu được đối với lực lượng vũ trang cũng như nhân dân cả nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Báo xuất bản hàng ngày 4 trang, khổ rộng. Giai đoạn 1965 - 1975, nội dung của các trang báo được thể hiện như sau:

Trang l dành phần lớn đưa tin chiến sự đánh Mỹ của nhân dân hai miền Nam, Bắc. Tít của tin chiến sự được in cỡ chữ to, đậm.

Ví dụ: Trang l số ra ngày 20-10-1967:

Miền Nam: Tân An - Chợ Lớn: Tiến công dữ dội sở chỉ huy sư đoàn 25 ngụy và 6 vị trí khác. *Diệt gần 300 địch*.

Miền Bắc: Tin thêm ngày 17, 18-10, Hà Bắc, Hải Phòng *Bắn rơi hai máy bay Mỹ.*

Ngoài ra, còn có các tin hoạt động chính trị, ngoại giao của Đảng, Nhà nước ta và tin hoạt động của các lực lượng vũ trang trong cả nước. Mỗi số báo có một bài xã

luận được in vào trang l. Báo *Quân đội nhân dân* còn dành một ô cửa sổ khoảng 80cmx40cm ở giữa trang l để in con số máy bay Mỹ bị bắn rơi tính đến ngày ra báo. Ví dụ, số ra ngày 29-10-1967, ô cửa sổ đăng tin từ ngày 5-8-1964 đến ngày 18-10-1967: 2.467 máy bay Mỹ đã bị bắn rơi trên miền Bắc.

Trang 2 và trang 3, báo dành đăng các bài viết phản ánh tình hình chiến đấu của quân và dân trên các chiến trường. Một nội dung quan trọng báo đề cập là xây dựng lực lượng vũ trang, thế trận quốc phòng vững chắc. Một số bài về quốc tế, giới thiệu về đất nước, con người các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Bước sang năm 1968, phong trào đấu tranh cách mạng phát triển mạnh, quân và dân ta dồn dập tiến công, liên tục chiến thắng. Hầu hết các thành phố, thị xã, thị trấn miền Nam đều nổi lên, đánh chiếm các trung tâm quốc tế, chính trị của bọn Mỹ ngụy, giành quyền làm chủ nhiều địa bàn. Cuộc tiến công thần tốc, phát triển rộng lớn và toàn diện đó được báo Quân đội nhân dân phản ánh. Trên trang 1, phần lớn in hai màu (đỏ và đen) với những hàng chữ cỡ lớn, có khi chiếm nửa trang báo. Ngoài ra, tình hình chiến sự còn được minh họa bằng bản đồ chiến sự miền Nam thể hiện diễn biến tiến công nổi dậy từng ngày ở các địa điểm khác nhau. Đặc biệt, số ra ngày 23-3-1968 thì toàn bộ trang l là tít tin, chỉ còn một phần nhỏ dành cho xã luận.

Tin chiến sự hàng ngày là mối quan tâm chú ý hàng đầu của những người đọc báo, nghe đài trong giai đoạn này. Những bản tin được in với cỡ chữ to đậm chạy kín bề ngang và chiếm một phần đáng kể của trang báo đã làm nên sức mạnh của thông tin. Tin *Thắng lớn ở Lộc Ninh* (Số ra ngày 6-11-1967) chạy tít: *Sáu ngày đêm liên tục tiến công địch tiêu diệt 4 tiểu đoàn Mỹ, 8 đại đội Mỹ, ngụy, gồm hơn 2.800 địch (có một chiến đoàn bị diệt); Các đơn vị chiến thắng ở Lộc Ninh được tặng thưởng huân chương,* được chạy tít ngang giữa trang 1 đã tạo nên một điểm nhấn cho người đọc chú ý.

Tuyên truyền điển hình, nhân điển hình trong phong trào giết giặc lập công, là chủ đề xuyên suốt nội dung phản ánh cuộc chiến đấu của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Có thể nói, không một số báo nào không có những bài viết về những gương sáng quên mình vì dân phục vụ. Họ là những chiến sĩ giáp mặt với kẻ thù trong một trận đánh, là những dân quân, người dân bình thường tham gia chiến dịch... Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ, cứu nước được tổ chức đầu năm 1967 là một dịp để báo *Quân đội nhân dân* biểu dương những cá nhân, tập thể điển hình với những hành động anh hùng, lẽ sống anh hùng. Xã luận số ra ngày 6-l-1967 với tiêu đề *"Đất nước anh hùng, đại hội anh hùng"* đã khẳng định: "Chủ nghĩa anh hùng cách mạng ở Việt Nam đã từ lý tưởng biến thành cuộc sống hiện thực, đã từ một số ít chiến sĩ cộng sản kiên trung nhập vào hàng triệu quần chúng đông đảo. Ở miền Nam có câu "ra ngõ gặp anh hùng, phụ nữ, trẻ em, cụ già đều có thể là dũng sĩ diệt Mỹ. Trên miền Bắc, súng trường của dân quân bắn rơi máy bay phản lực Mỹ, nhiều cô gái từng phá bom nổ chậm, bắt sống giặc Mỹ lái máy bay. Thế hệ thanh niên ngày nay bám sát gót lớp người cách mạng vì kháng chiến cũ, khí thế chiến đấu cách mạng phơi phới đang phát huy cao độ truyền thống quật cường của dân tộc".

Tháng 10-1967, Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua, dũng sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam lần thứ II khai mạc. Báo*Quân đội nhân dân* ra tít màu đỏ: Đại hội của những người chiến thắng, của những bông hoa tiêu biểu cho thời đại chống Mỹ mà dân tộc ta đang được vinh dự đứng ở tuyến đầu. Báo mở mục "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam" để viết tiếp những chiến công chói lọi, những gương hy sinh quên mình của 47 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng được tuyên dương anh hùng và khen thưởng...

Không thể kể hết được hàng loạt chuyên mục, với hàng trăm, hàng nghìn bài báo viết về người tốt việc tốt, về các tập thể điển hình đã lập nên nhiều chiến công điển hình trên báo *Quân đội nhân dân* trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu

nước. Phóng viên, cộng tác viên báo *Quân đội nhân dân* đã bằng khả năng, trí tuệ, bút lực của mình, kịp thời đến từng trận chiến, nằm dưới công sự để viết nên những bản hùng ca đầy bi tráng của dân tộc. Ở đó, mỗi một con người hiện diện là những chiến công với những mất mát hy sinh không có gì bù đắp nổi cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, cho sự tồn vong của nước nhà.

d) Đài Tiếng nói Việt Nam

Giai đoạn 1965 - 1975, Đài Tiếng nói Việt Nam tiếp tục hoàn thiện các chương trình phát sóng để phục vụ yêu cầu chỉ đạo cách mạng Việt Nam của Đảng và Chính phủ, đồng thời đáp ứng thông tin về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân hai miền Nam Bắc.

Về chương trình phát thanh, ngoài các chương trình thời sự còn có các chương trình dành riêng cho nông thôn, chương trình dành cho công nhân, chương trình văn hóa - xã hội, chương trình phát thanh cho thanh niên, chương trình phát thanh quân đội nhân dân, chương trình vì an ninh Tổ quốc, chương trình văn nghệ...

Đài tiếp tục xây dựng hệ chương trình phát thanh dành cho miền Nam như chương trình giới thiệu miền Bắc vào miền Nam, chương trình phát thanh dành cho nông thôn miền Nam, chương trình nối liền Nam Bắc, chương trình dành cho các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Về hệ chương trình tuyên truyền đối ngoại đã từng bước tăng thêm 11 thứ tiếng: Anh, Pháp, Nhật Bản, Bắc Kinh, Quảng Đông, Lào, Campuchia, Thái Lan, Inđônêxia, Nga, Tây Ban Nha và tiếng Việt cho những người xa Tổ quốc.

Về hệ thống phát sóng, năm 1970 lập Đài Phát thanh Campuchia đặt tại miền Bắc Việt Nam để Chính phủ Campuchia chỉ đạo cuộc chiến tranh chống Mỹ và Lonnon ở trong nước. Đối với mạng làn sóng trong nước, ra sức tăng cường bảo vệ và củng cố nhanh nếu bị máy bay Mỹ oanh tạc bắn phá các đài trọng điểm như Bạch Mai, Mễ Trì, Bà Triệu. Mặt khác, tăng cường các đài dự bị để trong trường hợp cấp bách nhất, sóng phát thanh vẫn liên tục phát sóng truyền tin. Các đài này được

phân lẻ các bộ phận để vừa cơ động, vừa tránh sự chú ý của giặc như một bộ phận của đài sơ tán về Quốc Oai, đoàn ca nhạc sơ tán về nông trường Cửu Long… Các đài dự phòng được rải ra ở nhiều địa điểm như Xuân Mai, Chi Nê, Lạng Sơn, Cao Bằng, đã có hiệu quả rất lớn, nhất là năm 1972 khi Mỹ bắn phá miền Bắc ác liệt, đánh sập, phá hủy hoàn toàn đài Bạch Mai, Mễ Trì thì lập tức có các đài dự phòng thay thế.

Được sự giúp đỡ của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc, Đài Tiếng nói Việt Nam mượn sóng của Đài Tiếng nói Côn Minh để tiếp sóng. Để đảm bảo chất lượng tín hiệu, đài đã cử cán bộ biên tập, phát thanh vên sang Côn Minh để biên soạn chương trình và phát tại chỗ. Nhờ chuẩn bị tốt mọi mặt từ xây dựng các đài dự phòng và nhờ phát sóng đài Côn Minh cho nên trong mọi hoàn cảnh, tiếng nói của Đảng và Nhà nước vẫn được phát đi. Dưới làn bom đạn Mỹ, tiếng nói đó vẫn đến được với nhân dân cả nước.

Đồng thời với việc giữ làn sóng được phát đi liên tục, trong điều kiện khó khăn về kinh tế, Đảng và Nhà nước vẫn ưu tiên đầu tư trang bị cơ sở vật chất để khôi phục những cơ sở bị phá huỷ. Bộ biên tập còn chủ động gửi cán bộ sang Cu Ba học truyền hình, tự lực xây dựng phòng truyền hình, nắm vững kỹ thuật và cách thức làm truyền hình. Kết quả là đài đã làm được truyền hình phục vụ nhân dân. Sau ngày 30-4-1975, lực lượng cán bộ, kỹ thuật của đài vào tiếp quản Đài Truyền hình Sài Gòn một cách chủ động và sử dụng tốt.

1,2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.414.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.223.

4. Quang Đạm: *Một cuộc đời làm báo,* in trong sách *Thời gian và nhân chứng,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.1, tr. 43.

5. GS. Hà Minh Đức (chủ biên): *Thời gian và nhân chứng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t.2, tr. 346.

6. Xem Hội Nhà báo thành phố Hà Nội: *Báo chí Hà Nội - Một chặng đường lịch sử 1954 – 1993*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 115 – 116.
7. GS. Hà Minh Đức (chủ biên): *Thời gian và nhân chứng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t.1, tr. 183 - 184.

CHƯƠNG IV

BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM THỜI KỲ 1976 - 1986

I- BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

1. Thống nhất hệ thống báo chí cách mạng trên toàn quốc

Cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã xóa bỏ chế độ thuộc địa kiểu mới mà đế quốc Mỹ dựng lên ở miền Nam nước ta, đồng thời quét sạch nền báo chí thực dân mới, công cụ chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở Việt Nam. Báo chí giải phóng từ bưng biền đã theo bước chân chiến thắng của bộ đội Cụ Hồ tiến vào thành phố và phát hành công khai giữa các thành phố vừa được giải phóng. Lần đầu tiên, báo chí phản cách mạng đã tàn lụi hoàn toàn, thay vào đó dòng báo chí cách mạng công khai hoạt động. Tuy vậy, cho đến thời điểm thống nhất đất nước, báo chí Việt Nam vẫn còn tồn tại những đặc điểm và hình thức hoạt động riêng của báo chí hai miền trước đây, đòi hỏi phải có sự hợp nhất báo chí trong cả nước.

Trước giải phóng, báo chí miền Bắc vẫn được xuất bản đều đặn dù gặp rất nhiều khó khăn do hậu quả của những cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ. Báo chí được phát triển mở rộng cả về số lượng và chất lượng với các loại hình như báo chí hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng của các cơ quan trung ương và các tỉnh. Đồng thời, báo chí cũng mở rộng vào các lĩnh vực hoạt động khác như báo chính trị - xã hội, báo văn hóa - nghệ thuật, báo khoa học kỹ thuật, báo đối ngoại, báo ngành...

Ở miền Nam, thời kỳ trước giải phóng có một bộ phận báo chí phục vụ âm mưu xâm lược của quân Pháp và quân Mỹ do Việt gian xuất bản và tuyên truyền nhằm chống phá chủ nghĩa cộng sản, nói xấu miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Chúng dùng các khẩu hiệu độc lập dân tộc, dân chủ lừa bịp người đọc. Đó là các tờ *Ngôn luận, Trắng đen, Tự do, Cách mạng quốc gia.* Về lĩnh vực báo điện tử, ngay từ giữa năm 1966, Mỹ đã cho lập một đài truyền hình phục vụ cho quân đội Mỹ và một đài truyền hình cho chính quyền ngụy. Vấn đề này đặt ra cho báo chí Việt Nam nhiệm

vụ là phải chuẩn bị sẵn sàng để khi giải phóng miền Nam có thể điều hành được các đài truyền hình đã có ở phía Nam.

Một dòng báo chí cách mạng phát triển trong thời kỳ này ở miền Nam chính là những tờ báo tuyên truyền tinh thần dân tộc và chống địch được một số nhà báo yêu nước xuất bản. Ở những vùng giải phóng, các khu căn cứ du kích cũng như các vùng địch tạm chiếm, báo chí cách mạng phục vụ cho sự nghiệp giải phóng, thống nhất đất nước cũng xuất hiện và phát triển. Trong những năm 1954 - 1960, Xứ uỷ Nam Bộ bí mật xuất bản tờ báo *Hòa bình thống nhất, Cờ giải phóng;* ở Sài Gòn thành lập Thông tấn xã giải phóng, đóng căn cứ ở Tây Ninh. Vào năm 1962, Trung ương cục miền Nam Việt Nam thành lập Đài Phát thanh giải phóng, sau đó xuất bản các tờ báo *Nhân dân miền Nam, Việt Nam đấu tranh, Tạp chí Tiên phong.* Bên cạnh đó còn có hàng loạt các tờ báo của đảng bộ các tỉnh và các tổ chức phục vụ cho việc tuyên truyền, cổ động đường lối cách mạng. Tại căn cứ Tây Bắc ở tỉnh Tây Ninh, các nhà báo yêu nước ở các tỉnh miền Nam và Sài Gòn đã họp Đại hội Báo chí lần thứ nhất và thành lập Hội Nhà báo yêu nước và dân chủ miền Nam. Có thể nói rằng, báo chí ở miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước tuy hoạt động trong điều kiện vô cùng khó khăn, gian khổ nhưng đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc giải phóng, thống nhất đất nước sau này.

Về tổ chức Hội, ở miền Nam thời kỳ trước giải phóng có Hội Nhà báo dân chủ miền Nam Việt Nam, còn ở miền Bắc có Hội Nhà báo Việt Nam. Đây là hai tổ chức hoạt động ở hai phạm vi khác nhau nhưng thực ra ngay từ đầu những năm ba mươi, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, báo chí Việt Nam luôn là một nền báo chí thống nhất. Do nhu cầu sách lược nên hình thức, tên gọi và phương thức hoạt động tuỳ lúc, tuỳ nơi có sự khác nhau, song tất cả đều hướng về mục tiêu chung là thực hiện cương lĩnh và đường lối của Đảng. Cả hai hội nhà báo này thực chất đều xuất phát từ một cột nguồn, cùng làm một nhiệm vụ chính trị, cùng hưởng chung một sự chỉ đạo. Vì vậy, việc kịp thời hợp nhất hai hội nhà báo

thành một tổ chức thống nhất đã đánh dấu một bước phát triển mới của lịch sử báo chí Việt Nam. Đây là một việc làm cấp thiết, hợp với tự nhiên, lý trí và tình cảm của dân tộc.

Ngày 7-7-1976, tại Hà Nội, đoàn đại biểu Hội Nhà báo Việt Nam do đồng chí Hoàng Tùng, Chủ tịch Hội làm trưởng đoàn và đoàn đại biểu Hội Nhà báo yêu nước và dân chủ miền Nam do đồng chí Tân Đức, Chủ tịch Hội dẫn đầu, đã họp hội nghị bàn việc thống nhất hai tổ chức hội. Trên cơ sở nhất trí hoàn toàn về ý nghĩa trọng đại của việc thống nhất Hội Nhà báo Việt Nam, Hội nghị quyết định: Từ ngày 7-7-1976,Hội Nhà báo Việt Nam và Hội Nhà báo yêu nước và dân chủ miền Nam Việt Nam hợp nhất thành một hội, hoạt động trên phạm vi cả nước, tên gọi thống nhất là Hội Nhà báo Việt Nam. Về nguyên tắc, cơ quan lãnh đạo của Hội từ nay đến đại hội sẽ gồm tất cả những uỷ viên của Ban Chấp hành cũ của hai hội... Hội nghị thống nhất cử đồng chí Hoàng Tùng làm Chủ tịch Hội, các đồng chí Tân Đức, Huỳnh Văn Tiếng làm Phó Chủ tịch. Trong thời gian trước mắt, Ban Thường vụ Hội phải nghiên cứu và đưa ra một hướng dẫn áp dụng điều lệ cho phù hợp với báo chí vùng mới giải phóng.

Kể từ đây mạng lưới thông tin trong cả nước trở thành một hệ thống duy nhất. Bên cạnh việc hợp nhất về mặt tổ chức, một số tờ báo của hai miền cũng được thống nhất như báo *Cứu quốc* ở miền Bắc và báo *Giải phóng* ở miền Nam hợp lại thành báo *Đại đoàn kết.* Tháng 1-1977, Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam hợp nhất với Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, theo đó báo *Văn nghệ giải phóng* hợp nhất cùng báo *Văn nghệ* trở thành tuần báo *Văn nghệ* chung trên cả nước. Tờ *Phụ nữ giải phóng* trong Nam kết hợp với tờ *Phụ nữ Việt Nam* ngoài Bắc lấy tên là tờ *Phụ nữ Việt Nam.* Báo *Lao động* giúp cho Liên hiệp Công đoàn Việt Nam xây dựng tờ báo của riêng mình.

Ngày 8-4-1975, số ra mắt tờ *Lao động* được coi như ấn phẩm đặc biệt ở Sài Gòn. Đến khi thống nhất công đoàn cả nước, *báo Lao động mới* sáp nhập vào báo *Lao*

động thành tờ *Lao động,* cơ quan ngôn luận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Mạng lưới báo chí từ đó được phân bổ lại hợp lý hơn cho phù hợp với việc tổ chức lại hệ thống hành chính trong cả nước. Báo chí được phát hành đồng bộ và rộng rãi khắp cả nước. Các tờ *Nhân dân, Quân đội nhân dân,* Tạp chí *Lý luận* của Đảng cũng như tạp chí Lý luận của quân đội được phát hành đến các tỉnh phía nam. Kể từ tháng 1-1976, tạp chí *Học tập* được in tại thành phố Hồ Chí Minh với một số lượng nhất định và đến tay bạn đọc chỉ sau một đến hai ngày khi số tạp chí ấy được phát hành ở miền Bắc.

Từ ngày 20-4-1976, báo *Nhân dân* bắt đầu được in và phát hành rộng rãi ở thành phố Hồ Chí Minh. Ngay từ cuối tháng 8-1975, báo *Nhân dân* đã lập một bộ phận thường trực ở miền Nam. Đầu tháng 12-1975, Ban Bí thư chỉ thị báo *Nhân dân* phải xuất bản ở Sài Gòn cùng ngày với Hà Nội trước ngày Tổng tuyển cử bầu cử Quốc hội thống nhất cả nước. Báo *Nhân dân* đã kết hợp với Thông tấn xã Việt Nam và Tổng cục Bưu điện, sử dụng những thiết bị máy móc sẵn có trong nước lập được cơ sở truyền báo *Nhân dân* bằng fax ở Hà Nội và Sài Gòn. Báo còn xây dựng được nhà in của báo *Nhân dân* tại Sài Gòn. Ngày 20-4-1976, báo *Nhân dân* in và phát hành tại thành phố Hồ Chí Minh cùng lúc và cùng ngày với Hà Nội. "Trong những ngày này, hàng nghìn sinh viên, học sinh do Thành đoàn thanh niên thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, xuống đường phát hành tờ báo của Trung ương Đảng. Hàng vạn tờ áp phích quảng cáo báo *Nhân dân* dán khắp thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam Bộ. Tin, bài, ảnh của phóng viên thường trú báo *Nhân dân* tại miền Nam hằng ngày gửi ra Hà Nội bằng fax. Báo *Nhân dân* trở thành tờ báo đi đầu trong làng báo Việt Nam về kỹ thuật - truyền báo... thắng lợi bước đầu của việc in và phát hành báo *Nhân dân* tại Sài Gòn cùng ngày với Hà Nội, góp phần tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương Đảng"[1]. Việc in và phát hành báo chí rộng rãi ở miền Nam tạo điều kiện cho việc tuyên truyền đường

lối và chủ trương của Đảng, đồng thời cũng tạo thuận lợi hơn cho nhu cầu đọc báo của người dân.

Từ tháng 1-1977, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV quyết định đổi tên Tạp chí *Học tập* thành *Tạp chí Cộng sản.* Việc lấy tên này phù hợp hơn với tình hình và nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới. Đặc biệt là phù hợp với việc đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam trong Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV. Nhiệm vụ của *Tạp chí Cộng sản* được Chỉ thị số 32-CT/TW của Bộ Chính trị nêu rõ: *Tạp chí Cộng sản* phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam để tuyên truyền đường lối, chính sách và các quan điểm của Đảng một cách xuất sắc. *Tạp chí Cộng sản* phải vận dụng lý luận Mác - Lênin, phân tích những chủ trương, chính sách của Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ và đảng viên về tư tưởng, chính sách và quan điểm của Đảng, phê phán những khuyết điểm, sai lầm trong khi thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

2. Chính sách báo chí và sự phát triển của báo chí

a) Nhiệm vụ của báo chí hoạt động thống nhất trong cả nước

Giai đoạn 1976 - 1986 là thời kỳ đầu tiên báo chí hoạt động thống nhất trên cả nước, vì thế nhiệm vụ đặt ra cho mỗi tờ báo sau khi hợp nhất là sau khi thống nhất hai tờ báo, nhiệm vụ lớn là phải làm sao cho các vấn đề của hai miền được đề cập đến một cách đầy đủ và hợp lý.

Văn kiện Đại hội lần thứ IV Hội Nhà báo Việt Nam đã chỉ rõ: Nếu như trong những năm tháng chống Mỹ, cứu nước chủ đề đặt ra cho báo chí Việt Nam là "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" thì trong thời điểm này, chủ đề trung tâm được phản ánh là "Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân". Nhiệm vụ mới được đặt ra cho những người làm báo là phải hăng hái tìm hiểu, học

tập tự thu xếp cho mình những hành trang cần thiết để phản ánh những vấn đề của cuộc sống mới.

Tuy nhiên, hai cuộc chiến tranh biên giới xảy ra ngay sau những ngày đầu đất nước thống nhất khiến các lớp thanh niên đầy triển vọng đang xây dựng đất nước lại tiếp tục ra trận, chiến đấu. Trước tình hình đó, các nhà báo lại một lần nữa "khoác ba lô lên vai, đi vào đề tài chiến đấu, cùng với đề tài lao động sản xuất, xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa"[2].

Trong thời kỳ mới, yêu cầu mới đòi hỏi toàn bộ lĩnh vực thông tin đại chúng phải nâng cao hơn nữa về tính tư tưởng, về chất lượng và hiệu quả. Độc giả của báo chí thời kỳ này đã biến chuyển về chất, trình độ văn hóa đã có nhiều thay đổi, ngày càng có nhiều công chúng có trình độ văn hóa cao hơn, khát khao đi vào các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật trong đó có các ngành liên quan tới báo chí, sự giao lưu giữa Việt Nam với các nước ngày càng được mở rộng. Điều này đặt ra cho đất nước những thuận lợi và nguy cơ mới. Vì thế, nhiệm vụ đặt ra cho báo chí phải cung cấp cho công chúng lượng thông tin ngày càng lớn, đề cập đến nhiều mặt của cuộc sống, có tính tư tưởng cao, mục đích rõ rệt và hình thức thể hiện hấp dẫn.

Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982), Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: Nhiệm vụ cụ thể được đặt ra cho báo chí giai đoạn này là, bằng các phương tiện và ngôn ngữ đặc thù của mỗi loại hình, phối hợp với các binh chủng khác trong mặt trận tư tưởng phải trang bị cho nhân dân những dữ kiện cần thiết để có một cái nhìn toàn diện về cục diện của đất nước, khẳng định mạnh mẽ những thắng lợi làm cho mọi người phấn khởi, tự hào đồng thời cũng chỉ rõ những khó khăn, yếu kém, phê phán những quan điểm sai lầm trong sản xuất và đời sống. Báo chí phải tham gia vào cuộc đấu tranh đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tích cực khắc phục những hành động và định hướng lệch lạc trong khi thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Đồng thời báo chí phải làm cho mọi người

thấy rõ kẻ thù cơ bản của nhân dân trong thời kỳ hiện tại là các thế lực phản động quốc tế. Trong đó, nhiệm vụ trực tiếp của báo chí trong thời kỳ là giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới bằng cách xây dựng những nhân tố điển hình tiên tiến trên báo chí trong đó người lao động giỏi là nhân vật trung tâm.

Nhiệm vụ đặt ra với báo chí, không thể dừng lạc ở việc giải thích, phổ cập đường lối, chính sách, mà phải bằng những luận cứ khoa học và sinh động, làm cho mọi người hiểu sâu đường lối, chính sách và góp phần nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, trước hết là của cán bộ, để thực hiện chương trình kinh tế - xã hội và những mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng nêu ra.

Những nhiệm vụ được đặt ra ở trên cho thấy vai trò của báo chí trong thời kỳ này có ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp mới của đất nước. Báo chí từ đó trở thành vũ khí sắc bén của Đảng, Nhà nước để làm công tác tổ chức và công tác tư tưởng, đồng thời báo chí là công cụ để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân nước Việt Nam thống nhất. Cùng với sự chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn của Nhà nước, báo chí ngày càng thể hiện rõ hơn ý nghĩa và vai trò đặc biệt của mình trong đời sống xã hội.

b) Chính sách quản lý báo chí

Nhìn chung, báo chí trong thời kỳ này đã làm tốt công tác tư tưởng, công tác quản lý báo chí đã đi vào nền nếp thể hiện rõ sự phát triển của báo chí. Đến thời điểm năm 1984, cả nước có hơn 200 tờ báo, tạp chí xuất bản định kỳ và có hơn 200 tờ thông tin khoa học, kỹ thuật. Thông tấn xã Việt Nam có đủ các phân xã ở các tỉnh, thành phố trong nước và một số cơ sở thường trú ở nước ngoài. Báo chí có nội dung phong phú hơn rất nhiều cả về lượng và chất: xuất bản nhiều loại báo chí về đối nội và đối ngoại; báo chí địa phương và báo chí lực lượng vũ trang có một bước phát triển đáng kể. Lượng thông tin của báo chí được mở rộng, chất lượng từng bước có cải tiến. Báo chí cố gắng bám sát và phục vụ nhiệm vụ chính trị, góp phần tích cực vào công tác tư tưởng, tổ chức của Đảng.

Tuy nhiên, hạn chế của hoạt động báo chí trong thời kỳ này là chưa đáp ứng đầy đủ nhiệm vụ cách mạng và yêu cầu của quần chúng, bộ máy báo chí chưa được kiện toàn. Điều này đã tạo nên những việc làm không đúng của một số tờ báo như một số địa phương hoặc ngành xuất bản báo không theo đúng luật lệ, một số báo ra phụ trương, phụ bản trái với quy định hiện hành, các báo chưa làm đầy đủ việc nộp lưu chiểu và số lượng in... Những biểu hiện đó làm cho công tác quản lý báo chí lỏng lẻo và báo chí chưa đảm nhiệm tốt được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình, gây khó khăn cho việc chỉ đạo và thống nhất nội dung chính trị, tư tưởng.

Trước tình hình đó, ngày 10-1-1984, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị sề 32-CT/TW *Về tăng cường công tác quản lý báo chí.*Ngày 20-6-1984, Ban Chấp hành Trung ương cũng ra *Thông tri hướng dẫn việc thi hành Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường công tác quản lý báo chí.* Theo đó, một số hoạt động báo chí được quy định cụ thể để đưa hoạt động báo chí đi vào nền nếp.

Để đảm bảo cho mỗi tờ báo khi xuất bản đều có những chức năng, nhiệm vụ riêng, không dẫm đạp lên địa phận của nhau, bản Chỉ thị quy định những nguyên tắc trong thể thức xuất bản, đình bản và những việc có liên quan đến việc cho ra báo và tạp chí: "Trong điều kiện về giấy in, cơ sở vật chất, cán bộ cũng như tổ chức phát hành hiện nay chưa thể cho ra thêm nhiều tờ báo mới. Phương hướng chính là nâng cao chất lượng nội dung, cải tiến hình thức các tờ báo, tạp chí, tập san hiện có tuỳ điều kiện mà tăng số lượng in và cải tiến việc phát hành cho đúng đối tượng và kịp thời, không để mất mát, không gây phiền hà cho người đọc, đồng thời tổ chức tốt việc sử dụng báo để nâng cao hiệu quả tuyên truyền"[3].

Việc cho ra báo mới được quy định cụ thể, phải được xem xét, cân nhắc và quyết định từng trường hợp thật cần thiết và phù hợp với những quy định đã có. Soát lại những tờ báo, tạp chí đang lưu hành, tờ nào xét thấy cần thiết mà chưa làm đúng thủ tục thì các cơ quan chức năng phải hướng dẫn làm đầy đủ các thủ tục như luật lệ hiện hành, tờ nào xét chưa cần thiết hoặc chức năng, nhiệm vụ trùng hợp với

một số tờ báo đã có thì đình bản. Báo chí của lực lượng vũ trang và an ninh, trừ những tờ báo, tập san, bản in lưu hành nội bộ thì không được phát hành ra ngoài cơ quan tổ chức của ngành mình, không được trao đổi với các báo chí lưu hành rộng rãi. Các báo muốn ra thên phụ san, phụ bản phải có kế hoạch và xin phép trước và nội dung của các phụ san phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

Một đặc điểm nổi bật của chính sách quản lý báo chí trong thời kỳ này là việc phân phối giấy in báo cho các tờ báo trên cả nước. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của báo chí trong thời kỳ này. Quý III hàng năm, Cục Xuất bản và Báo chí tập hợp yêu cầu về giấy của các cơ quan báo chí và đề xuất ý kiến lên Bộ Văn hóa - Thông tin. Căn cứ vào chỉ tiêu giấy do Uỷ ban Kế hoạch nhà nước cấp, Ban Tuyên huấn Trung ương sẽ căn cứ nhiệm vụ chính trị chung và nhiệm vụ của từng địa phương, của các ngành trong từng giai đoạn, từ đó phân phối in cho từng tờ báo cụ thể. Riêng báo *Nhân dân* do Ban Bí thư quyết định, nhưng cũng tổng hợp xong chỉ tiêu về giấy cho báo chí nói chung. Ngoài chỉ tiêu giấy do Nhà nước phân phối, các báo có thể sử dụng thêm các nguồn giấy từ uỷ ban kế hoạch tỉnh hoặc thành phố cấp trên cơ sở cân đối kế hoạch của địa phương. Giấy từ các ngành và các địa phương nhập khẩu thêm: giấy từ nguồn viện trợ quốc tế mà địa phương được sử dụng. Một quy định được đặt ra là, các báo không được mua đi, bán lại giấy trên thị trường tự do hoặc mua thẳng từ nhà máy giấy với giá cao.

Chỉ thị của Ban Bí thư cũng chỉ rõ, báo chí là vũ khí để làm công tác tư tưởng. Không thể vì thị hiếu của người đọc, lợi ích kinh doanh hay vì một lý do nào khác mà coi nhẹ nhiệm vụ chính trị đó, hoặc làm trái với chức năng, nhiệm vụ đã quy định. Tuyệt đối không được chạy theo khuynh hướng thương mại. Trong hoàn cảnh Nhà nước chưa cung cấp đầy đủ giấy in, các địa phương, các ngành có thể khai thác khả năng về giấy của địa phương hoặc ngành mình để tăng số lượng in...

Sự bao cấp và phân phối báo chí này đã góp phần tạo nên những yếu kém của báo chí trong thời kỳ này. Nhà báo Lan Anh, nguyên Phó Tổng biên tập phụ trách

báo *Khoa học và đời sống* kể lại: "Trước năm 1983, các báo hầu như được bao cấp, có loại được bao cấp hoàn toàn như *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Hà Nội mới...* Có loại được bao cấp một phần thông qua việc cấp chỉ tiêu giấy in báo hàng năm, đó là báo ngành, đoàn thể như *Tiền phong, Phụ nữ, Khoa học và đời sống*... nên không có giấy in báo bán tự do. Hàng năm, Bộ Văn hóa - Thông tin phân phối chỉ tiêu giấy in báo cho từng báo với giá cung cấp nên rất rẻ, vì vậy báo giá cũng rẻ. Thật nực cười là xem báo xong đem cân cho đồng nát theo giá giấy cân mà vẫn hòa so với tiền đặt mua báo. Vì vậy, ai chẳng muốn mua báo! Do đó, báo cũng phải phân phối, chỉ những ai đúng đối tượng mới được mua, ai có hóa đơn năm trước mới được mua báo năm sau. Báo in tới mười mấy vạn mà vẫn không đủ bán"[4].

Do giấy khan hiếm nên số lượng báo phát hành bị hạn chế. Việc đặt mua báo dài hạn tăng lên và phải được cơ quan phát hành báo chí duyệt, cắt bớt, số bán lẻ chẳng còn bao nhiêu. Sáng sáng, người xếp hàng mua báo ở các quầy bưu điện kéo dài. Hiện tượng mua đi, bán lại tăng giá báo đã xảy ra[5].

Trường hợp của *Sài Gòn giải phóng* cũng là một thí dụ tiêu biểu cho tình trạng bao cấp giấy in. Từ ngày 1-7-1981 để đáp ứng yêu cầu mới về thông tin tuyên truyền, thành uỷ đã quyết định báo *Sài Gòn giải phóng* chuyển sang xuất bản và phát hành buổi sáng. Đồng thời báo cũng tăng từ 4 trang lên 6 trang. Nhưng những năm sau đó, do kinh tế đất nước gặp khó khăn, nguồn giấy in báo cung cấp không đủ, báo phải trở lại 4 trang. Sau này, để chủ động cho nguồn giấy, báo *Sài Gòn giải phóng* chủ trương xây dựng một nhà máy giấy cuộn in báo.

Hoạt động phát hành báo chí thời kỳ này bắt đầu được chuyển giao, việc phát hành cho cơ quan bưu điện với điều kiện cơ quan phát hành đảm bảo tờ báo đến đúng đối tượng và không để sụt số lượng so với trước. Chỉ thị 32 nêu rõ: những tờ báo và tạp chí hiện đang do tòa báo tự tổ chức việc phát hành thì cần có kế hoạch từng bước chuyển giao việc phát hành cho bưu điện. Cơ quan bưu điện phải đảm bảo

đưa tờ báo đến đúng đối tượng và không để sụt số lượng so với trước. Trường hợp bưu điện chưa đảm nhiệm được thì có thể tạm thời hai bên cùng tổ chức việc phát hành hoặc tòa báo tự phát hành thêm một thời gian nữa. Riêng báo địa phương, ở địa phương nào chỉ phát hành ở địa phương đó, việc bán sang địa phương khác cần được cơ quan cho phép ra báo xem xét với một tỷ lệ nhất định so với tổng số lượng in của tờ báo đó. Vấn đề trao đổi và phát hành báo chí ra nước ngoài thời kỳ này được xác định, chỉ có các báo chí xuất bản ở trung ương mới được phép trao đổi với các cơ quan xuất bản ở nước ngoài và việc phát hành này do Tổng Công ty xuất nhập khẩu sách báo đảm nhiệm. Sự chặt chẽ này, có thể nói, đã phần nào làm hạn chế sự phát triển của báo chí trong thời kỳ này.

Thời điểm này, hầu như chỉ có báo *Sài Gòn giải phóng* là tự phát hành, các báo khác đều phải giao cho bưu điện. "Tuy nhiên, báo bị kiện giữ lắm, phải giải quyết mất mấy lần". Nhà báo Nguyễn Thị Vân Anh, nguyên Phó Tổng biên tập báo *Sài Gòn giải phóng* đã giải thích: Sở dĩ báo *Sài Gòn giải phóng* làm như vậy vì lý do: Một là, nếu chúng tôi không quản khâu phát hành mà giao cho bưu điện, hàng ngày báo đến tay bạn đọc chậm, chúng tôi đành bó tay. Mà báo ngày nay là phải có tính chiến đấu, phải nhanh, nhạy, chậm là không tốt cho tờ báo của Đảng. Hơn nữa, báo mất, bạn đọc kêu, chúng tôi không giải quyết được. Như vậy, vừa mất tính thời sự của báo, vừa mất lòng tin của quần chúng và bạn đọc.

Về giá bán báo, Nghị định số 33 ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành điều lệ quản lý giá định rõ, ngoài giá báo *Nhân dân* và*Quân đội nhân dân,* giá các báo chí khác do Bộ Văn hóa - Thông tin quy định. Thủ tục định giá báo vẫn theo quy định giá từng tờ báo sau khi tham khảo ý kiến của Ban Tuyên huấn Trung ương, Uỷ ban Vật giá nhà nước và ban biên tập của tờ báo. Việc định lại giá, nếu cần thiết cũng chỉ làm nhiều nhất là hai lần trong một năm. Việc định giá bán mỗi tờ báo phải xuất phát từ yêu cầu chính trị đối với tờ báo đó, kết hợp với tính toán giá thành và khả năng tiêu thụ, nhằm tiến tới thực hiện báo lấy thu bù chi. Nói

chung, giá báo không nên định thấp hơn giá mua báo cũ, để tránh tình trạng xảy ra những hiện tượng tiêu cực trong việc phát hành. Đối với những tờ báo có nhiều khả năng tiêu thụ (như báo *Văn nghệ,* báo đặc biệt số Xuân, một số phụ bản biên tập theo chuyên đề thì có thể định giá cao hơn mức giá đối với các báo thông thường một ít.

Công tác quảng cáo của báo chí được quy định: Nội dung chủ yếu của quảng cáo là thông tin kinh tế, mục đích quảng cáo là phục vụ sản xuất và tiêu dùng, khuyến khích, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến lưu thông, tuyên truyền cho lối sống lành mạnh, phục vụ nhu cầu đời sống vật chất và văn hóa của xã hội. Cần phải ngăn ngừa những lệch lạc có thể xảy ra, như quảng cáo cho hàng xấu, hàng giả, khuyến khích lối sống xa hoa, góp phần làm sống lại những phong tục, tập quán đã lỗi thời.

Những quy định về hoạt động của báo chí có ảnh hưởng đến hoạt động của báo chí, vì thế vấn đề được đặt ra là công tác quản lý báo chí cần phải đi vào nền nếp và phù hợp với những chuyển biến tích cực đang xảy ra trong đời sống kinh tế, xã hội.

Tuy nhiên, việc bao cấp các hoạt động báo chí trong thời kỳ này đã phần nào kìm hãm sự phát triển của báo chí. Hoạt động xuất bản báo chí chủ yếu theo sự phân phối từ trên xuống (thậm chí là phát không) theo cơ chế bao cấp, vì thế kém phát triển và thiếu hiệu quả cả về chất lượng và số lượng.

c) Tình hình phát triển của *hệ thống báo chí*

Thời kỳ 1976 - 1986, nền báo chí thực dân mới đã thực sự bị xóa bỏ, hệ thống báo chí xã hội chủ nghĩa thống nhất trên cả nước. Ở thành phố Hồ Chí Minh, ngay sau khi đất nước thống nhất đã có 14 tờ báo mới ra đời như *Sài Gòn giải phóng, Tuổi trẻ, Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, Khoa học phổ thông...*

Đặc biệt do điều kiện cụ thể của đất nước, thời kỳ này còn có một vài tờ báo không thuộc cơ quan đoàn thể nào. Đây là một ngoại lệ cần thiết lúc đó nên những tờ báo

này phải tự đặt mình trong quỹ đạo chung của chủ nghĩa xã hội và dưới sự lãnh đạo của Đảng như đồng chí Lưu Quý Kỳ đã chỉ rõ: "Trên lĩnh vực báo chí, công cụ của nền chuyên chính vô sản, không thể có công tư hợp doanh về quan điểm và tư tưởng".

10 năm sau ngày thống nhất đất nước, báo chí Việt Nam đã phát triển lớn mạnh không chỉ về số lượng mà còn mở rộng thành một hệ thống đa dạng, phong phú. Với số lượng 186 tờ báo năm 1980, báo chí Việt Nam đã phát triển rộng, gồm các loại: Báo Đảng ở trung ương: 7 tờ, báo Đảng ở địa phương: 40 tờ, báo của các đoàn thể, đảng phái: 16 tờ, báo đối ngoại: 6 tờ, báo của các lực lượng vũ trang: 29 tờ, báo văn hóa nghệ thuật: 10 tờ, báo của các ngành: 77 tờ, báo tư nhân: có 1 tờ là *Tia sáng.* Trong số đó, đã có 7 tờ báo xuất bản hàng ngày là: *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Sài Gòn giải phóng, Hoa văn* giải *phóng, Hà Nội mới, Tia sáng, Bản tin của Thông tấn* xã. Báo xuất bản hàng tuần có 19 tờ, bán nguyệt san có 31 tờ, nguyệt san có 30 tờ, báo phát hành 2 tháng/kỳ có 30 tờ, 3 tháng/kỳ có 22 tờ…

Hệ thống báo điện tử cũng phát triển nhanh chóng trong thời kỳ: Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam phát trên 5 hệ thống với 13 giờ/ngày bằng tiếng Việt, 35 giờ/ngày với 11 ngôn ngữ nước ngoài. Ngoài ra, còn có 40 đài phát thanh của các tỉnh thành, đặc khu phát cả tiếng phổ thông, tiếng dân tộc thiểu số địa phương, 500 đài truyền thanh cấp huyện và 4.000 trạm truyền thanh cơ sở. Truyền hình thời kỳ này tuy đang ở những bước đầu nhưng đã có hệ thống đài vô tuyến truyền hình trung ương, trung tâm nghe nhìn ở trung ương và 8 đài vô tuyến truyền hình ở địa phương.

Để hiểu rõ hơn về tình hình hoạt động của báo chí trong thời kỳ, hãy so sánh những số liệu trong bảng dưới đây:

Bảng thống kê hoạt động của báo chí giai đoạn 1976 - 1986:

Năm	**Số**	**Trung**	**Địa**	**Phát**	**Giấy in**	**Số**

	lượng	ương	phương	hành		báo/người
1975	>130					
1976	168	118	50	300 triệu bản	11.000 tấn	6,1 bản
1977	169	118	51	270 triệu bản	9.300 tấn	
1978	198	148	50	262 triệu bản	9.000 tấn	
1979	200	150	50	214 triệu bản	6.800 tấn	
1980	186	136	50	161 triệu bản	5.400 tấn	
1983	>200					3,8 bản
1985	>200				6.600 tấn	
1986	241			243 triệu bản	6.900 tấn	
1996	562			525 triệu bản		6,9 bản

Từ bảng trên, có thể thấy sự phát triển về số lượng của báo chí Việt Nam mà đặc biệt là sự tăng mạnh của báo chí trung ương trong thời kỳ 1976 - 1986. Với số lượng từ hơn 130 tờ báo năm 1975 đã lên tới 241 tờ năm 1986, thể hiện sự tăng trưởng trung bình của báo chí trong một năm là hơn 6 tờ báo. Năm 1980, lượng báo chí giảm đi do có sự thay đổi, sắp xếp lại báo của các lực lượng vũ trang nên một số tạp chí bị đình bản.

Như đã trình bày lượng giấy in báo của các cơ quan báo chí là do Cục Báo chí phân phối cho từng đơn vị. Ba năm đầu của giai đoạn 1976 - 1978, báo chí được bao cấp nên các tờ báo đều có lượng phát hành lớn phục vụ cho nhu cầu của nhân dân. Năm 1976 trung bình một người được hưởng 6,l bản/người gần bằng mức bình quân năm 1996 là 6,9 bản/người. Đặc biệt trong thời kỳ đó, báo *Nhân dân* đã xuất bản được 30 đến 35 vạn số. Những con số đó đã nói lên phần nào sự tăng trưởng của hoạt động báo chí trong thời kỳ này.

Tuy nhiên, từ cuối năm 1979 đến đầu năm 1980 trở đi, lượng phát hành của các tờ báo bắt đầu giảm đi: Từ 300 triệu bản in năm 1976 xuống còn 214 triệu bản năm 1978 và 161 triệu bản năm 1980. Lý do dẫn đến tình trạng này là lượng giấy cung cấp cho các báo giảm từ 9.300 tấn giấy năm 1976 xuống dần đến 6.800 năm 1979 và 5.400 năm 1980. Như vậy, lượng giấy Nhà nước phân phối giảm đi gần một nửa so với thời kỳ trước, vì thế báo chí thời kỳ này chỉ đáp ứng được khoảng từ 30% đến 50% yêu cầu của độc giả. Đến năm 1983, các báo bắt đầu thấy chóng mặt vì sóng gió của thị trường: do số lượng báo chí xuất bản ngày càng nhiều, trong khi đó, lượng ngân sách có hạn nên mức độ bao cấp giấy giảm đi kéo theo giá giấy ngày càng tăng.

Điều đó đã dẫn đến sự khủng hoảng của các tờ báo, "do báo đặt mua qua bưu điện theo quý nên giá báo chỉ được phép thay đổi vào đầu quý. Trong khi đó, giá giấy và công in lại tăng liên tục. Vì vậy, có lúc giá thành của báo lại cao hơn giá bán! Thế là các tòa soạn bị lỗ, càng in nhiều càng lỗ nhiều. Tình trạng đó dẫn đến một bệnh dịch của làng báo là gộp số mà không tăng trang. Nghĩa là trên tờ báo ghi là gộp 2 - 3 số nhưng số trang vẫn chỉ là của một số báo". Những ảnh hưởng trực tiếp kéo theo hoạt động của báo chí đến giai đoạn sau. Cuối năm 1988, giá báo *Khoa học và đời sống* là 80 đồng/tờ, sang quý I năm 1989 tăng lên 130 đồng/tờ; đến quý II là 200 đồng/tờ. Chỉ trong vòng 3 năm, từ năm 1987 đến năm 1989 giá báo đã tăng từ 2 đồng lên 200 đồng/tờ, như vậy là tăng 100 lần.

Trong cái khó, ló cái khôn. Sự khó khăn đã khiến cho một số báo tìm ra cách làm mới phù hợp với thời cuộc, đồng thời thoát khỏi việc phải đóng cửa tờ báo. Đây cũng là bước phát triển bước đầu của loại hình báo chí chuyên biệt. Các báo bắt đầu ra phụ san với những chuyên đề khác nhau, bán với số lượng cao để bù lỗ cho báo. Một trong những tờ báo mở đầu là báo *"Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh"* và báo *"Khoa học và đời sống"*. Báo *Khoa học và đời sống* xuất bản phụ san theo khuôn khổ tạp chí, nhỏ bằng nửa tờ báo. Phụ san in từ 6 đến l0 vạn bản mà không đủ phân phối cho các Đại lý. Với phụ san *"Hỏi đáp khoa học"* thấy nhu cầu lớn, tòa soạn đã tái bản lần thứ hai 10 vạn bản nữa. Tất nhiên, phụ san bán với giá cao nên thu lãi nhiều. Những thành công trong việc ra phụ san của những tờ báo mở đầu đã có nhiều báo học tập để cải thiện đời sống của mình.

Cùng với công tác cải tiến nâng cao chất lượng nội dung thông tin và hình thức của tờ báo, từ cuối năm 1977, *Sài Gòn giải phóng* còn tăng thêm ấn phẩm để đáp ứng yêu cầu mở rộng thông tin của bạn đọc. Ấn phẩm *"Hóa đơn giải phóng"* của *Sài Gòn giải phóng* được xuất bản đều đặn hàng ngày đã thu hút số lượng người đọc báo ngày càng đông. Một bước đột phá góp phần vào sự thành công trong hoạt động của báo *Sài Gòn giải phóng* là việc đăng quảng cáo thông tin kinh tế trên báo (thời kỳ bao cấp, chuyện đăng quảng cáo chưa phổ biến). Từ năm 1980, báo đã mở mục thông tin kinh tế với nội dung gồm giới thiệu sản phẩm mới, mặt hàng mới, những mặt hàng cần trao đổi..., tiếp đến là các mục quảng cáo, rao vặt. Ban đầu, diện tích của những mục này chỉ có l/3 trang và từ khi diện tích quảng cáo tăng lên hơn 2/3 trang thì quảng cáo trên báo *Sài Gòn giải phóng* trở thành một "kênh" riêng như Phụ trương của *Sài Gòn giải phóng.*

Tuy nhiên, khi những sai lầm, khuyết điểm trong đường lối kinh tế, quản lý xã hội bắt đầu lộ rõ những yếu kém của cơ chế quan liêu, bao cấp (khoảng từ đầu năm 1980) thì cũng là lúc báo chí lâm vào căn bệnh sáo mòn, khô khan. Chất lượng giảm, giá bán báo tăng, nên báo chí trong những năm này không đáp ứng được yêu

cầu của nhân dân, đồng thời làm giảm uy tín của các tờ báo. Trong cuốn sách *70 năm báo Lao động* đã chỉ rõ: "Đầu tiên là sự phai nhạt tình cảm của bạn đọc miền Nam sau những vồ vập ban đầu. Bạn đọc chê báo khô khan, nhất là thiếu thông tin, tin không mới, một chiều, thiếu khách quan. Các phóng sự viết theo yêu cầu minh họa cho chủ đề có sẵn, ít có những nhận xét sắc sảo, ít tư liệu bổ sung kiến thức cho người đọc… Hậu quả của tình hình trên là lượng phát hành giảm sút nghiêm trọng, ngay cả trên các tỉnh miền Bắc. Tổng số phát hành trong cả nước từ khoảng 60.000 đến 70.000 bản mỗi số xuống còn 20.000 đến 30.000 bản"[6].

Trước tình hình mới, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 24-2-1981 về cải tiến công tác thông tin, báo chí - xuất bản, trong đó đề cập tới báo cần chú ý đăng những kinh nghiệm công tác thực tiễn, nhất là về mặt kinh tế và cải tạo xã hội để phổ biến kịp thời cho các nơi. Biểu dương người tốt việc tốt, nêu cao ưu điểm, thuận lợi, đồng thời phê phán những hiện tượng không lành mạnh, nói rõ khó khăn, thiếu sót và biện pháp khắc phục, không nói một chiều... Để tránh căn bệnh sáo mòn của báo chí, ngày 20-5-1981, Ban Chấp hành Trung ương ra Thông tri hướng dẫn việc giảm bớt tin tức có tính lễ tân. Theo đó, các cơ quan thông tin báo chí đều phải thực hiện việc giảm bớt, rút ngắn thông tin về các cuộc mít tinh, chiêu đãi, đón tiếp, viếng thăm xã giao,... để tăng thêm số lượng thông tin về sản xuất, quản lý kinh tế, quản lý xã hội và giải quyết những vấn đề đời sống của nhân dân.

Qua những số liệu được phân tích trên, có thể nhận xét hoạt động của báo chí Việt Nam trong thời kỳ này đã có sự phát triển hơn về số lượng, đồng thời cũng phong phú đa dạng về loại hình. Tuy nhiên, hoạt động của hệ thống báo chí trong thời kỳ này còn hạn chế. Hệ thống báo chí trong thời kỳ này còn mỏng, chưa có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước, ít các loại báo chuyên biệt và chủ yếu là các loại báo đảng bộ phục vụ cho công tác tuyên truyền của Đảng. Sự bao cấp báo chí đã làm hạn chế sự phát triển của báo chí. Báo chí chủ yếu phát hành dựa vào các tổ chức. Vì

thiếu sự quan tâm, đầu tư đến hiệu quả kinh tế nên hình thức, nội dung của mỗi tờ báo còn nhiều hạn chế. Những vấn đề đó làm cho báo chí trong thời kỳ này hoạt động không hiệu quả, vì thế đòi hỏi báo chí phải có một sự đổi mới thật sự từ phong cách đến nội dung của mỗi tờ báo.

d) Hoạt động của báo chí địa phương

Nằm trong hoạt động chung của báo chí, báo chí địa phương trong thời kỳ này cũng phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 1986 đã có hơn 50 tờ báo của các địa phương quản lý, bao gồm báo ngành và báo đoàn thể. Trong đó, thành phố Hồ Chí Minh có 14 tờ báo, gồm: *Công nhân giải phóng, Tuổi trẻ thành phố Hồ Chí Minh, Khăn quàng đỏ, Giác ngộ...* Báo chí Hà Nội thời kỳ này, ngoài*Hà Nội mới, Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội, Màn ảnh Hà Nội* và các bản tin của ngành Văn hóa - Thông tin còn có thêm các tờ *An ninh Thủ đô, Chiến sĩ Thủ đô, Tuổi trẻ Thủ đô, Người Hà Nội...*

Hệ thống các đài truyền thanh, truyền hình địa phương cũng bắt đầu tăng mạnh trên cả nước. Đến năm 1985, ngoài Đài Truyền hình Trung ương, cả nước đã có thêm 8 đài truyền hình ở các địa phương: Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Vũng Tàu - Côn Đảo.

Trước yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng và đòi hỏi của đông đảo công chúng, công tác báo chí ở địa phương cần phải kịp thời cải tiến, nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền, nghiệp vụ để đáp ứng được những yêu cầu trong hoàn cảnh mới. Nhằm thống nhất và ổn định tổ chức của các báo đài địa phương trong thời kỳ này, ngày 15-10-1985, Ban Tuyên huấn Trung ương ra Chỉ thị về *"Quy chế tổ chức báo chí địa phương"*. Theo đó, nhiệm vụ của các báo, đài của tỉnh, thành phố được đề cập cụ thể như sau: "Tất cả các báo, đài của tỉnh, thành phố có nhiệm vụ chủ yếu tuyên truyền các vấn đề của địa phương và phát hành trong phạm vi địa phương, không đề cập đến các vấn đề và các đối tượng các tỉnh,

thành phố khác. Báo đài địa phương dành một phần nhất định để tuyên truyền giáo dục về các sự kiện chính trị quan trọng trong nước và thời sự quốc tế (theo sự chỉ đạo của Ban Tuyên huấn Trung ương và thông tin phổ biến của Thông tấn xã Việt Nam) nhưng không có nhiệm vụ bình luận các vấn đề quốc tế có quan hệ đến chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước".

Công tác quản lý báo chí địa phương từ đó cũng được quy định: "Mỗi tỉnh thành phố (trực thuộc trung ương) có một tờ báo của đảng bộ, một đài phát thanh trực thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và thuộc sự chỉ đạo ngành dọc của Uỷ ban Phát thanh truyền hình trung ương. Ngoài các tờ báo Đảng, các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh, thành phố không được ra tờ báo riêng. Báo Đảng sẽ đảm nhiệm việc tuyên truyền cho các ngành, các giới của địa phương"[7].

Có thể nói, báo chí địa phương trong thời kỳ này đã chung sức cùng với các loại hình báo chí Việt Nam trải qua những khó khăn do sự khủng hoảng kinh tế của đất nước, cố gắng vươn lên, đóng vai trò xung kích trong mặt trận tư tưởng, phục vụ chủ trương đổi mới đất nước, xóa bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp, nâng cao mức sống của người dân. Nằm trong hoạt động của hệ thống báo chí Việt Nam, trong thời kỳ này, báo chí của các địa phương nói chung cũng không thoát khỏi những khó khăn và hạn chế chung. Vì thế, cùng với yêu cầu phải đổi mới hoạt động báo chí, báo chí địa phương cũng phải chuẩn bị cho sự đổi mới riêng của mình.

3. Vai trò của báo chí trong công cuộc xây dựng đất nước

Giai đoạn lịch sử mới đã mở ra cho báo chí Việt Nam những điều kiện và nhiệm vụ mới. Từ đó, nội dung phản ánh trên báo chí thời kỳ này cũng có những thay đổi. Nếu như trong giai đoạn trước, chủ đề trung tâm của báo chí Việt Nam là "Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân" thì nay là:

a) Củng cố tình cảm thống nhất đất nước

Phản ánh thắng lợi của đại thắng mùa Xuân năm 1975, báo chí Việt Nam đã tận dụng triệt để ưu thế của mình để tuyên truyền và cổ vũ khí thế hào hùng của dân

tộc. Trên các trang báo sau ngày thống nhất đất nước đã xuất hiện thường xuyên các mục tuyên truyền và giải thích ý nghĩa của cuộc thắng lợi chống Mỹ, cứu nước. "Trong bốn nghìn năm lịch sử, không có xuân nào vui bằng xuân 1976 này. Dân tộc ta vừa đánh thắng một tên đế quốc mạnh nhất thế giới, đất nước ta vừa làm nên một bản anh hùng ca của thời đại. Nhân dân ta vừa giành lại được hòa bình, độc lập và thống nhất trọn vẹn, Bắc Nam sum họp một nhà, mở ra giai đoạn cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội"[8].

Các trang báo, các chương trình phát thanh truyền hình trong thời kỳ này có dịp kể lại những trận đánh hào hùng, những giai đoạn phát triển của cuộc đại chiến mùa Xuân đầy ý nghĩa. Từ ngày l-4-1976 đến ngày 23-5-1976, trên báo *Nhân dân* có đăng loạt bài nhiều kỳ của Đại tướng Văn Tiến Dũng, người trực tiếp tham gia chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, kể chuyện về những ngày chiến đấu cuối cùng giải phóng miền Nam. Loạt bài này cung cấp lượng thông tin hấp dẫn cho bạn đọc trong cả nước, đồng thời cũng mở ra cho người đọc cái nhìn chiến lược về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua. Báo *Sài Gòn giải phóng* từ số 212 (ngày 8-1-1976) cũng đưa tin về những chiến công oanh liệt của binh chủng không quân vận tải vào những giờ phút lịch sử của Chiến dịch Hồ Chí Minh: "30 năm qua, quân đội và nhân dân ta đã tiến những bước dài. Từ những chiến sĩ quân giải phóng đi chân đất băng rừng vượt suối tiếp tế cho đơn vị tiến công đồn bốt phát xít Nhật, những đoàn xe đạp thồ tải đạn lên mặt trận Điện Biên Phủ đến những phi đoàn máy bay vận tải cất cánh từ Hà Nội tham gia cuộc tổng tiến công giải phóng Sài Gòn... cách mạng lớn lên và chiến thắng để lại cho lịch sử những chuyện thần kỳ".

Một loạt bài viết của báo chí trong thời kỳ này đã đề cập tới những đơn vị anh hùng, những chiến sĩ anh hùng trong cuộc chiến tranh như: *"Một thắng ba trăm"* viết về trận đánh cuối cùng của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, liệt sĩ Trần Kiệt; *"Từ đường dây chiến thắng đến đường dây thống nhất"* viết về trung

đoàn 132 thông tin[9]. Báo chí cũng trở thành cầu nối thông tin cho bạn đọc về nghệ thuật sử dụng lực lượng, chỉ đạo chiến lược tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như những tư liệu quý về các phương pháp chiến đấu của các binh chủng quân đội, của quân dân du kích mà trước đây chưa có điều kiện công bố. Dưới những thể loại hồi ký, điều tra, hay là những câu chuyện lịch sử, báo chí đã tạo dựng lại được một bức tranh toàn cảnh về sự chiến đấu, hy sinh anh dũng của nhân dân Việt Nam để giành lại cho được độc lập, tự do. Hàng loạt bài báo của báo chí nước ngoài nói về ý nghĩa cuộc đại thắng của dân tộc Việt Nam cũng được báo chí Việt Nam đăng tải. Điều này góp phần khẳng định ý nghĩa to lớn của công cuộc giải phóng thống nhất đất nước và vị trí của Việt Nam trên trường thế giới. Các báo, đài trong thời kỳ này bên cạnh ý nghĩa của chiến thắng vĩ đại của dân tộc đã không ngừng ca ngợi và khẳng định ý nghĩa, vai trò to lớn của sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Có thể nói, một mảng màu tươi sáng trong bức tranh báo chí Việt Nam giai đoạn 1976 - 1986 là những trang viết, những chương trình phát thanh truyền hình ôn lại thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, về ý nghĩa to lớn và về lòng tin đối với đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Những mảng màu đó đã phần nào tái hiện được không khí hào hùng, niềm vui chiến thắng, và cả những niềm tin về một tương lai tươi sáng và tốt đẹp của người dân Việt Nam.

b) Vận động xây dựng chủ nghĩa xã hội

Nhiệm vụ đặt ra cho báo chí trong thời kỳ này ngoài việc tuyên truyền cho thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng đất nước còn phải cổ vũ cho công cuộc thống nhất đất nước. Cuộc bầu cử Quốc hội chung trong cả nước đã trở thành "ngày hội hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp thống nhất nước nhà". Vì thế, báo chí đã tưng bừng tuyên truyền cho ý nghĩa to lớn của ngày hội toàn dân này: "Đây là ngày hội của lịch sử của non sông đất nước ta, ngày hội thống nhất sơn hà, ngày hội chói sáng tinh thần, nghị lực và ý chí cách mạng của dân tộc ta... Cuộc tổng tuyển cử này

cũng khẳng định chân lý: *"Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lý ấy không bao giờ thay đổi"*. Nhân dân ta đã đập tan mọi âm mưu chia cắt, hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp thống nhất thiêng liêng của nước Việt Nam ta[10]. Báo chí đã gợi lên được không khí háo hức, vui mừng của người dân trên cả nước, đặc biệt những người dân Sài Gòn trong ngày hội bầu cử: "Những nơi niêm yết danh sách cử tri đều được trang trí cờ, biểu ngữ, và khẩu hiệu nền đỏ, chữ vàng trang trọng, khiến mỗi cử tri đến dò tìm tên mình trên danh sách đều cảm thấy tự hào là công dân của Tổ quốc thống nhất và chế độ mới"[11]. Khắp mọi miền của đất nước đều được tái hiện lại bức tranh tươi mới của ngày vui thống nhất đất nước của người dân Việt Nam: "Những cuộc thông xe cuối cùng đã kết thúc. Dù nắng hay mưa, đoạn đường nào những ngày ấy đều có cờ đỏ và lòng ai cũng lồng lộng những suy nghĩ tốt lành; tiếng cười vui gần muốn biến thành nức nở; người già và con trẻ trên mọi miền đất nước đã tranh nhau nâng niu từng đầu máy, toa xe... với tuyến đường Thống Nhất, toàn dân ta đều có chung một động thái thống nhất, suốt từ khi mới nghĩ về nó cho tới khi nó đã hoàn thành"[12].

Trong khi tiếp quản và xây dựng các vùng đất mới, vấn đề đặt ra cho các tờ báo phải vừa đồng thời đấu tranh những lại những luận điệu phản động còn sót lại. Báo chí Việt Nam đặc biệt 1à báo chí Sài Gòn trong thời kỳ này đã góp sức mình vào nhiệm vụ xóa bỏ những tàn dư cũ bằng cách phản ánh một cách chân thực những tệ nạn xã hội còn sót lại của bọn phản động. Đồng thời, báo chí phân tích những hành động đó để cho nhân dân thấy rõ bản chất của chúng: "Bọn phản động cách mạng ở nhà thờ Vinh Sơn là những bọn nào? Đó là những tên sĩ quan ngụy không chịu ra nộp súng và đăng ký trình diện, vẫn ngoan cố chống lại chính quyền cách mạng. Đó là những tên đội lốt Thiên chúa giáo, lợi dụng nhà thờ để hoạt động chống phá cách mạng, chống phá nhân dân. Chúng tung ra những tin đồn nhảm, đặc biệt đã in giấy bạc giả, tung ra thị trường phá hoại nền kinh tế tài chính của đất nước, phối hợp với bọn đầu cơ làm cho vật giá tăng vọt, trực tiếp ăn cướp của nhân dân ta,

nuôi dưỡng những tên phản loạn, mua chuộc cám dỗ một số người đi vào con đường tội lỗi"[13].

Xã luận trên báo chí một lần nữa tập trung vào đề tài tuyên truyền cho khối đại đoàn kết Bắc Nam, cho những cảnh đoàn tụ gia đình của nhân dân sau ngày giải phóng. Những bài báo đó đã góp phần phục vụ tốt công tác tuyên truyền của báo chí theo định hướng của Đảng. Báo chí trong các tỉnh miền Nam cũng không ngừng phổ biến cho đường lối của Đảng, Nhà nước và chủ động lựa chọn con đường đi cho bản thân mình dưới sự định hướng chung. Báo *Sài Gòn giải phóng* đã đi đầu trong công tác này với loại bài như: "Cục diện mới ở thành phố chúng ta", "Chung sức đắp xây Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam đời đời cường thịnh"…

Song song với việc bài trừ các tệ nạn báo chí Việt Nam tuyên truyền cho những hình thức sinh hoạt văn hóa lành mạnh và bổ ích, đáp ứng được nhu cầu giải trí, văn hóa văn nghệ cho nhân dân: "Gần như đã thành thường lệ, vào giờ nghỉ công nhân được nghe đài truyền thanh nhà máy kết hợp giới thiệu nội dung tóm tắt các quyển sách cần đọc. Những sự kiện lịch sử như các ngày lễ lớn, Đại hội toàn quốc của Đảng, Đại hội Đảng bộ thành phố, tên các quyển sách nói về Đảng còn được viết lên bảng để công nhân tìm đọc"[14]. Các chuyên mục của báo chí cũng xuất hiện các chuyên mục, vụ việc tuyên truyền về những giá trị văn hóa – xã hội gắn liền với sự phát triển của đời sống.

c) Xây dựng kinh tế trong thời kỳ mới

Cùng vời các chủ đề đã được phản ánh trong thời kỳ này, báo chí đã tập trung sức cổ vũ chiến đấu của mình vào phong trào khôi phục kinh tế. Đại hội lần thứ IV của Đảng (1976) đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của nước ta. Đây là những vấn đề có tính nguyên tắc lớn như vai trò làm chủ tập thể của nhân dân, sự kết hợp chặt chẽ ba

cuộc cách mạng... đã đưa ra thảo luận và trở thành chủ đề chính của báo chí thời kỳ này.

Báo chí đã phản ánh không khí lao động sôi nổi của nhân dân trong việc khôi phục lại các tuyến đường sắt, đường bộ, đường biển, các khu công nghiệp, chỉnh trang lại các thành phố, thị xã mới giải phóng, đồng thời cũng duy trì và phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh, truyền bá những chủ trương, chính sách kinh tế. Những bài báo vừa gợi lên không khí xây dựng mới, vừa đưa ra những phương hướng, chủ trương nhiệm vụ mới của phong trào xây dựng kinh tế. "Dấy lên một cao trào lao động trong cả nước nhằm thực hiện tốt kế hoạch nhà nước, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp là nhiệm vụ trung tâm của cách mạng trong cả nước… Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp chung của mấy chục triệu nhân dân ta. Phong trào lao động sản xuất sẽ có một khí thế mới, một sức mạnh mới khi nào hàng chục triệu người lao động chân tay và trí óc thật sự tham gia vào công cuộc đẩy mạnh sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội"[15].

Trong điều kiện xây dựng kinh tế đất nước thời kỳ này, khẩu hiệu "Tất cả cho sản xuất, tất cả cho chủ nghĩa xã hội" đã trở thành dòng tít lớn của nhiều tờ báo. Báo chí không ngừng cổ vũ cho những người công nhân, nông dân, những tầng lớp trí thức và cả những con người tình nguyện đi xây dựng các vùng kinh tế mới: "Giờ đây, trước mắt giai cấp công nhân và nhân dân là cuộc chiến đấu mới không kém gian khổ để quyết định "ai thắng ai" giữa "hai con đường". Nền sản xuất nhỏ nghèo nàn, lạc hậu là một thách thức lớn đối với chúng ta. Hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới thật là nghiêm trọng đòi hỏi sự nỗ lực phi thường của chúng ta để thanh toán. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội yêu cầu chúng ta phát huy trí tuệ và sức mạnh để gánh vác"[16].

Năm 1980, có nhiều chuyển biến tích cực trong việc điều hành nền kinh tế. Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị đã đề ra phương pháp mới, phương châm mới và chính

sách mới soi sáng việc giải quyết hàng loạt vấn đề đang bế tắc ở hầu khắp mọi nơi. Nhiều hợp tác nông nghiệp, thủ công nghiệp, nhiều cơ sở công nghiệp và cơ sở kinh tế nói chung đạt được kết quả tốt về tăng năng suất lao động, hạ giá thành, làm thêm sản phẩm, vừa đảm bảo lợi ích của người lao động, vừa làm lợi một cách thiết thực cho Nhà nước và cho tập thể. Báo chí tập trung tuyên truyền những đơn vị đó, đồng thời bắt đầu đi sâu vào cuộc sống, phát hiện những điển hình và những nhân tố mới có tính đột phá để mở rộng thành phong trào của quần chúng. Thời gian này, đã có nhiều địa phương, nhiều xí nghiệp tự tìm tòi, thử nghiệm, có nơi đã tự phát "phá rào" để tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và đời sống. Trên Tạp chí *Cộng sản* có một số bài báo kinh tế đã đoạt giải của Hội Nhà báo Việt Nam như xã luận *"Phát triển nông nghiệp, nhiệm vụ hàng đầu hiện nay", "Bài học Quỳnh Lưu", "Khoán mầu ở Vĩnh Phú"...*

Để góp phần giải quyết hàng loạt những vấn đề mâu thuẫn và vướng mắc trong điều hành kinh tế đất nước, báo chí không ngừng tìm tòi, nghiên cứu những cơ chế quản lý mới, đồng thời nêu lên những hạn chế của hình thức kinh tế hiện tại. Những năm 1979 - 1980, tình trạng thiếu lương thực, thực phẩm kéo dài đã dẫn đến nạn đói xảy ra vào năm 1979. Một vấn đề được mở ra trên báo chí trong thời kỳ này là *"Làm gì để giải quyết vấn đề ăn của xã hội?"*. Hàng loạt bài báo đi vào phân tích những vấn đề liên quan đến bữa ăn của người dân. Một hoạt động rất thiết thực của báo *Nhân dân* trong thời kỳ này là đã tổ chức cuộc hội thảo ở Côn Sơn về vấn đề ăn của xã hội, với những bài tham luận như: Vấn đề số dân và lương thực, thực phẩm ở nước ta; Đề nghị một số chủ trương, chính sách; Cá nước ngọt ở Hà Nội...

Những bài tham gia hội thảo đã trở thành một diễn đàn trên báo. Sau khi cuộc hội thảo kết thúc, báo *Nhân dân* đi tới kết luận: Phải đưa nông thôn lên sản xuất lớn, đưa các hợp tác xã lên quy mô lớn, đưa máy móc cơ khí to về hợp tác xã là chưa thích hợp, nên cho làm thử khoán sản phẩm cây lúa tới đơn vị, cá nhân và gia đình.

Từ những yêu cầu đặt ra trên báo chí, từ tháng 10-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100 với chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp và sau đó là "Khoán tới các hộ xã viên". Từ những phương hướng này, trên khắp các loại hình báo chí trong cả nước đã mở rộng việc tuyên truyền khoán sản phẩm, hoàn chỉnh khoán, đấu tranh với những quan điểm muốn xóa bỏ hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp.

d) Bước đầu đề cập tới cụm từ "Đổi mới"

Bắt đầu từ những năm 1980, nền kinh tế Việt Nam xuất hiện những biểu hiện của cuộc khủng hoảng kinh tế. Chế độ quản lý tập trung quan liêu bao cấp đã bộc lộ những hạn chế rất lớn của mình, xã hội bắt đầu xuất hiện những hiện tượng tiêu cực ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân. Trên báo chí dần có những bài điều tra kinh tế nêu lên những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. "Những bài chống tiêu cực đầu tiên đăng trên báo *Lao động* xuất hiện vào tháng 6-1986, một thời điểm có ý nghĩa trước khi tiến hành Đại hội VI của Đảng... Chính trong bối cảnh đó, các bài điều tra đã xuất hiện đều tập trung vạch rõ những bất hợp lý của chế độ "Đặc quyền, đặc lợi" mà một số cán bộ có chức đã mắc phải"[17].

Mở đầu là những bài như *"Nhà khách Bộ Giao thông biến đi đâu"* (ngày 21-8-1986), *"Tòa nhà cao tầng đó xây cho ai", "Mắc tội tham ô, trù dập người ngay vẫn được bầu vào Đảng uỷ"*[18], báo *Lao động* đã cùng các tờ báo khác sử dụng thành công thể loại bài điều tra trong việc xây dựng lên những tác phẩm có tính chiến đấu cao và trở thành lực lượng tiên phong trong công cuộc chống tập trung quan liêu bao cấp của đất nước. Hàng loạt bài điều tra được đăng tải trên các báo thời kỳ đó hầu hết đều được đi thẳng từ những phát hiện của quần chúng: "Theo bạn đọc thì ông đã móc một số nguyên vật liệu ở kho H và hơn một ngàn tấn tôn loại có bề dày 1,2 - 1,5 mm, bạn đọc còn cho biết rõ một xe ô tô đã chở số tôn này về cho ông"[19].

Lần đầu tiên báo chí đề cập mạnh dạn đến cụm từ đổi mới kinh tế đất nước. Như đã nói ở trên, những hạn tiêu cực của cơ chế quản lý quan liêu bao cấp đã ngày càng bộc lộ rõ rệt. Vì thế, báo chí mở ra hàng loạt trang bài với những dòng tít lớn: *"Xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa"*. Tiêu chí được đặt ra là "Chống tập trung quan liêu bao cấp là cuộc đấu tranh vô cùng gian khổ giữa cái mới và cái cũ, giữa tính năng động của yêu cầu đổi mới và tư tưởng bảo thủ, sức ì của những thói quen, giữa yêu cầu cấp thiết lập quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thật sự của đoàn thể nhân dân lao động với chủ nghĩa cá nhân trong một số người nhân danh bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa để cố bám giữ đặc quyền, đặc lợi"[20].

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa V, báo chí Việt Nam đặc biệt là báo *Nhân dân* đã tăng liên tục loạt bài về đổi mới tư duy kinh tế, nhân tố quan trọng đầu tiên để đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Đây cũng là lần đầu tiên mà khái niệm "Đổi mới tư duy kinh tế" được đưa lên mặt báo. Những bài báo đó đã uốn nắn một số nhận thức không đúng trong Đảng, trong dân về chủ nghĩa xã hội, về vai trò của kinh tế thị trường, thương nghiệp, tài chính, ngân hàng, về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và ổn định xã hội và chức năng quản lý của nhà nước.

Từ những kinh nghiệm quản lý kinh tế ở một số cơ sở, địa phương..., trên các báo chí đã có nhiều bài điều tra, phóng sự, tranh luận về những vấn đề của đất nước như: trả lương bằng tiền, bù giá vào lương, xóa bỏ tem phiếu, bán lẻ theo một giá làm cho người tiêu dùng có sự lựa chọn tự do mặt hàng và nơi mua hàng: "Trong việc cải tiến quản lý kinh tế, quản lý xí nghiệp, hàng trăm cơ sở sản xuất quốc doanh ở các ngành khác nhau đã áp dụng có hiệu quả những hình thức cụ thể trả lương khoán: khoán tập thể theo sản phẩm cuối cùng, khoán sản phẩm theo đơn giá luỹ tiến, khoán gọn công trình xây dựng, v.v.. Nhờ làm tốt hình thức trả lương này, nhiều xí nghiệp đã giành được thế chủ động tiếp tục đẩy mạnh sản xuất đưa công

tác quản lý ở cơ sở đi vào nền nếp, từng bước tăng thêm thu nhập về tiền lương, tiền thưởng cho người lao động. Đó là một bước trong việc kết hợp kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và sử dụng đòn bẩy kinh tế trực tiếp ở cơ sở"[21].

Tiến tới Đại hội lần thứ VI của Đảng, báo chí đã chuẩn bị tài liệu và đăng tải các bài viết về yêu cầu bức bách phải đổi mới trong nền kinh tế quốc dân. Cụm từ đổi mới xuất hiện mạnh dạn trên báo chí lúc này thực sự đã có sức mạnh và trở thành chủ đề lớn của báo chí cuối giai đoạn 1976 - 1986. "Có đổi mới tư duy kinh tế mới dám thừa nhận và thay đổi những quyết định sai lầm trước đây trong việc bố trí cơ cấu đầu tư, dũng cảm xử lý những việc nảy sinh trong cuộc chuyển hướng, điều chỉnh lớn phương án bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư năm tới. Có đổi mới tư duy kinh tế mới đổi được cơ chế quản lý theo phương hướng có ý nghĩa cách mạng sâu sắc là kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa"[22].

đ) Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

Sau khi đất nước thống nhất, báo chí Việt Nam tuyên truyền cho chủ trương hòa bình, hữu nghị, mong muốn làm bạn với tất cả các nước đặc biệt là mối quan hệ khăng khít với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. "Sự đoàn kết hợp tác Việt Nam - Liên Xô là một biểu tượng của sự đoàn kết cách mạng và hợp tác đồng chí giữa các Nhà nước kiểu mới trong thời đại chúng ta. Lịch sử đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng và hai dân tộc đã có lịch sử lâu dài trên một nửa thế kỷ và trở thành một truyền thống quý báu. Đoàn kết, hợp tác với Liên Xô là vấn đề nguyên tắc và là một điều kiện quyết định đối với thắng lợi của cách mạng nước ta"[23].

Sự kiện chiến tranh biên giới, gây khó hiểu đối với dư luận trên thế giới, bởi vì, cả Campuchia và Trung Quốc đều là những người bạn láng giềng của nhân dân Việt Nam, cùng sát cánh và hỗ trợ Việt Nam trong cuộc chiến tranh giành độc lập tự do, đồng thời góp phần vào phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Trong khi đó, khi Việt Nam vừa giành giải phóng chưa được bao lâu thì lại có cuộc xung đột

giữa những người anh em này. Vấn đề này đặt ra cho báo chí thời kỳ này là phải thực sự tỉnh táo, phân tích chủ nghĩa bá quyền, nhưng phải tuyên truyền giữ tình cảm dân tộc giữa nhân dân hai nước, đồng thời phải giải thích, tuyên truyền với dư luận thế giới về vấn đề này. Phần lớn báo chí thời kỳ này đi vào phân tích tình hình và nguyên nhân xảy ra chiến tranh, đồng thời động viên tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế. Bằng cách phân tích bản chất phản động, bất tín của bọn Khơme đỏ, báo chí đã gợi lên cho nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân dân thế giới hiểu rõ cuộc chiến tranh giữa hai nước anh em: "những người cầm quyền Campuchia vừa tiến công lãnh thổ nước ta vừa không ngớt lời rêu rao rằng các lực lượng vũ trang Việt Nam xâm phạm biên giới, xâm phạm lãnh thổ nước họ. Đây là những điều hoàn toàn bịa đặt. Tuy vậy, để tránh mọi sự hiểu lầm, để ngăn chặn mọi khả năng va chạm giữa hai bên, chúng ta đề nghị "lực lượng vũ trang của mỗi bên đóng sâu trong lãnh thổ của mình, cách đường biên giới năm kilômét". “Tại sao những người cầm quyền Campuchia không chấp nhận? Phải chăng họ sợ làm như vậy thì họ sẽ không còn có điều kiện để vừa xâm phạm lãnh thổ nước ta, tiến công nhân dân ta vừa vu cáo chúng ta xâm phạm biên giới nước họ?"[24].

Vấn đề quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia thời kỳ này rất phức tạp, vì thế sau khi đánh đuổi bọn diệt chủng khỏi bờ cõi đất nước, báo chí Việt Nam đi vào ca ngợi những anh hùng, chiến sĩ trên chiến trường và tình quân dân thắm thiết. Bên cạnh đó, báo chí còn đề cao tấm gương cao đẹp của quân và dân ta không tiếc xương máu để cứu nhân dân Campuchia khỏi họa diệt chủng.

Về cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc, báo chí Việt Nam đã nhạy bén, thông tin kịp thời những bằng chứng bác bỏ những luận diệu vu khống của Trung Quốc về cái gọi vụ "Nạn Kiều". Một chuyên mục mới đã được báo chí đặt ra trong thời kỳ này với những tiêu đề khác nhau: *“Không được đụng đến Việt Nam, đe dọa Việt Nam là đe dọa toàn thế giới”, “Dư luận thế giới ủng hộ lập trường của Chính phủ Việt Nam về vấn đề biên giới Việt Nam – Campuchia”, “Những kẻ chống lại Việt*

Nam nhất định thất bại”... Nội dung chính của các chuyên mục này chủ yếu đăng tải những bài viết tổng hợp từ báo chí tiến bộ các nước phê phán hành động bành trướng của các thế lực thù địch. Đồng thời báo chí Việt Nam thể hiện rõ sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế. "Các nhà báo Mỹ Latinh chúng tôi đứng về phía Chính phủ và nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hoan nghênh ý muốn của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không để cho xung đột phát triển nữa và chấm dứt cuộc xung đột đó thông qua đàm phán và thương lượng giữa hai nước anh em”[25].

Báo chí Việt Nam cũng trở thành nguồn động viên tinh thần chiến đấu của nhân dân. Có thể nói, thể loại mang tính xung kích trong thời kỳ này là xã luận và bình luận đã phát huy tối đa tác dụng của mình. Hàng loạt những bài viết ca ngợi sức chiến đấu anh dũng của nhân dân cùng với những bài viết thể hiện khát vọng hòa bình và tinh thần đoàn kết, xả thân bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và nền độc lập của Tổ quốc.

Những nội dung được phản ánh trên báo chí Việt Nam giai đoạn 1976 - 1986 không chỉ dừng lại ở những vấn đề ở trên, mà thực sự, báo chí đã bao quát cả những mảng đề tài khác đa dạng và phong phú hơn. Tất cả những nội dung đó đã khẳng định báo chí trong thời kỳ này là một loại hình phản ánh muôn mặt của đời sống xã hội Việt Nam thống nhất, đồng thời có những đóng góp to lớn trong các hoạt động của đất nước.

Về nội dung, có thể khẳng định, báo chí đã bám sát theo từng sự kiện của cuộc sống, phản ánh kịp thời, khách quan tới công chúng. Mặc dù vậy, báo chí thời kỳ này thực sự chưa hấp dẫn. Điều đó được biểu hiện ở hình thức trang báo chưa đẹp mắt, nội dung thông tin hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, còn có một đặc điểm nữa là nghệ thuật trình bày, phong cách viết các tờ báo giống nhau, thiếu sự sáng tạo của mỗi tờ báo... Dù không hoàn toàn do lỗi của báo chí trong thời kỳ này, nhưng hạn chế về mặt nội dung này do bản thân báo chí là chính. Vì thế, trong thời kỳ đổi

mới đất nước sau này báo chí cũng phải tự điều chỉnh mình để có thể kịp thời nắm bắt được những yêu cầu mới về kinh tế - xã hội.

4. Diện mạo của một số cơ quan báo chí

a) Báo Nhân dân

Cuối tháng 8-1975, báo *Nhân dân* lập bộ phận thường trực ở miền Nam. Với tinh thần làm việc khắc phục khó khăn, đồng thời phối hợp với Thông tấn xã Việt Nam và Tổng cục Bưu điện, ngày 20-4-1976, báo *Nhân dân* đã thực hiện in và phát hành báo ở Sài Gòn cùng lúc với phát hành ở Hà Nội. Trong thời gian này, Nhà in báo *Nhân dân* được cải tạo, bỏ hẳn xếp chữ bằng tay để chuyển sang công nghệ in ốp sét với những máy móc hiện đại, công suất in lớn, đáp ứng yêu cầu số lượng báo in. Đồng thời, báo cũng xây dựng thêm một nhà máy in và một cơ sở truyền báo ở Đà Nẵng đảm bảo in và phát hành báo *Nhân dân* ở miền Trung cùng ngày với thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Những hoạt động này đã góp phần tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương Đảng trên toàn quốc.

Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình trong thời kỳ này, đặc biệt đối mặt với những phức tạp ở biên giới, báo *Nhân dân* tập trung vào phân tích nguyên nhân, tình hình của sự kiện, động viên tinh thần yêu nước, tinh thần quốc tế, đồng thời hàng ngày phải đấu tranh, luận chiến trước báo chí nước ngoài và một số giới cầm quyền bao che cho bọn phản động. Trước những khó khăn của đất nước vào cuối giai đoạn này, báo *Nhân dân* mạnh dạn nêu lên hàng loạt những giải pháp như chế độ khoán sản phẩm, đổi mới tư duy kinh tế... đồng thời, báo đi vào biểu dương những điển hình kinh tế mới góp phần đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Đây là thời kỳ báo *Nhân dân* có những tiến bộ về đưa tin nhanh, viết xã luận, bình luận, điều tra, phóng sự sắc nét. Bên cạnh đó, báo cũng bắt đầu đăng thông tin phản hồi bằng cách đưa nhiều ý kiến của nhân dân về tình hình, kinh tế - xã hội của đất nước. Không chỉ viết về những vấn đề mang tầm lý luận, tư tưởng, báo *Nhân dân* còn dành chỗ cho các mục bóng đá quốc tế, thơ, giải trí, tranh vẽ châm biếm,

hướng dẫn du lịch, nấu ăn... Báo tăng xuất bản hàng ngày từ 4 trang lên 6 trang với số lượng 25 vạn bản/ngày. Năm 1985, báo*Nhân dân* ra đặc san hàng tháng và nội san *"Người làm báo Nhân dân",* trở thành tờ báo đầu tiên xuất bản đặc san hàng tháng.

b) Tạp chí Cộng sản

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã giành thắng lợi trọn vẹn, nước nhà được thống nhất. Đại hội IV của Đảng họp vào tháng 12-1976 đã vạch ra đường lối của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước. Đại hội cũng quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, ngày 5-1-1977 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) ra Nghị quyết Số 01-NQ/TW đổi tên Tạp chí *Học tập* thành *Tạp chí Cộng sản* bắt đầu từ tháng l-1977 và giữ tên tạp chí là *Tạp chí Cộng sản* từ đó đến nay.

Trong lịch sử tạp chí Đảng, đây là lần thứ 5 tạp chí Đảng lấy tên là *Tạp chí Cộng sản.* Việc lấy tên đó là để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và phù hợp với việc đổi tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tại Đại hội IV, đồng chí Đào Duy Tùng, Tổng biên tập tạp chí, được bầu là Uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng.

Ngày 7-1-1978, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 32-TT/TW về nhiệm vụ của *Tạp chí Cộng sản.* Chỉ thị nêu rõ: "Nhiệm vụ của *Tạp chí Cộng sản* là đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam để tuyên truyền đường lối, chính sách và các quan điểm của Đảng một cách sâu sắc. *Tạp chí Cộng sản* phải vận dụng lý luận Mác - Lênin, phân tích những chủ trương, chính sách của Đảng nâng cao nhận thức của cán bộ và đảng viên về tư tưởng, chính sách và quan điểm của Đảng phê phán những khuyết điểm, sai lầm trong khi thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tạp chí phải giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng thực dân mới. Tạp chí phải đi hàng đầu trong việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, bảo vệ đường lối cách mạng và các quan điểm của Đảng, đồng thời làm nổi bật việc Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác …".

Sau khi nêu rõ "Trước mắt, *Tạp chí Cộng sản* phải căn cứ vào chức năng của mình và tuyên truyền sâu sắc Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Quốc hội và Hội đồng Chính phủ", chỉ thị đã đề ra sáu phương hướng cụ thể cho việc tiến hành công tác biên tập của tạp chí:

1. Kết hợp lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam để giải thích đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta.
2. Căn cứ vào chủ nghĩa Mác - Lênin và Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng mà trình bày có hệ thống và hướng dẫn những công tác lớn của Đảng như: xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, vận động quần chúng, kinh tế tài chính, văn hóa giáo dục, khoa học - kỹ thuật, văn học nghệ thuật, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự, an ninh, v.v..
3. Nêu bật một cách sâu sắc và có tính tổng kết những kinh nghiệm tốt, những sáng kiến mới, phê phán những khuynh hướng và biểu hiện tư tưởng sai lầm trong phong trào quần chúng nhân dân đang phấn đấu để thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước.
4. Góp phần tổng kết những kinh nghiệm của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa và của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở Việt Nam, đi đến những kết luận có tính chất lý luận.

5. Tuyên truyền các chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, quan điểm của Đảng về các vấn đề quốc tế quan trọng. Giới thiệu có chọn lọc những kinh nghiệm chủ yếu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, và của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Thông qua bình luận thời sự mà phê phán chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, bóc trần những âm mưu đen tối của bọn đế quốc và tay sai.

6. Dùng những hình thức trình bày trực diện vấn đề mà bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chỉ thị cũng ghi rõ: "Ban Biên tập *Tạp chí Cộng sản* là một ban của Trung ương Đảng đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị".

Mặc dù còn có những hạn chế trong tư duy lý luận, nhưng nhìn chung nội dung của tạp chí đã về cơ bản đáp ứng đúng những yêu cầu của công tác lý luận trong thời kỳ cách mạng, đồng thời đã phản ánh sự tìm tòi nhằm vận dụng ngày càng sát hợp lý luận Mác - Lênin vào thực tiễn nước ta, thúc đẩy cách mạng Việt Nam tiến tới. Những bài viết của tạp chí phục vụ Nghị quyết 6 (khóa IV) và Nghị quyết 8 (khóa V) của Trung ương Đảng vừa thể hiện đúng những quan điểm của Đảng, vừa có những tìm tòi, phù hợp với tình hình thực tế. Cũng do biết kết hợp lý luận với thực tế, tạp chí đã có những bài viết kịp thời, có tác dụng tốt trong chỉ đạo thực tiễn về các vấn đề: khoán trong nông nghiệp; kế hoạch ba phần, v.v.. Chính sự tìm tòi đó là những cơ sở để góp phần cùng toàn Đảng tìm ra định hướng đúng và những quan điểm đúng của công cuộc đổi mới trong giai đoạn tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

Tạp chí cũng đã đứng ở tuyến đầu của cuộc đấu tranh tư tưởng của Đảng. Tạp chí đi đầu trong cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái của nhóm Nhân văn - Giai phẩm; chống thuyết nhân vị - duy linh của tập đoàn Ngô Đình Diệm; chống chủ nghĩa xét lại hiện đại và chủ nghĩa giáo điều; chống tư tưởng phản động của chủ nghĩa thực dân mới chống hệ tư tưởng tư sản cùng các trào lưu tư tưởng phi vô

sản khác. Tạp chí đã góp phần tích cực bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ đường lối và quan điểm cách mạng của Đảng ta.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản số đầu tiên của Tạp chí *Học tập - Tạp chí Cộng sản* (1955 - 1985), *Tạp chí Cộng sản* đã được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, vì "Trong 30 năm qua đã có nhiều cống hiến vào việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ và nhân dân". Cũng nhân dịp này, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã đến thăm và nói chuyện với Bộ biên tập của tạp chí.

Ngày 3-12-1985, tại Trung tâm báo chí Hà Nội, Lễ kỷ niệm 30 năm xuất bản *Tạp chí Cộng sản* và trao tặng Huân chương cao quý của Đảng và Nhà nước - Huân chương Hồ Chí Minh cho tạp chí, đã được tổ chức trọng thể. Đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã có thư gửi Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* nhân buổi lễ này. Thư có đoạn viết: Ba mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, *Tạp chí Cộng sản* đã cố gắng kết hợp lý luận Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam để tuyên truyền đường lối, phương châm chính sách của Đảng và Nhà nước ta một cách sâu sắc. Tạp chí đã góp phần nâng cao trình độ lý luận và chính trị của cán bộ, đảng viên, động viên phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Đông đảo cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng coi tạp chí là tài liệu tin cậy để hoạt động, nghiên cứu đường lối chính sách và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta. *Tạp chí Cộng sản* xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam.

c) Thông tấn xã Việt Nam

Tính đến năm 1975, Thông tấn xã Việt Nam đã đảm bảo 300% năng lực thu phát quốc tế với vô tuyến điện báo thế hệ 2 tự động, công suất phát 150 triệu từ/năm, kịp thời khai thác thông tin phục vụ các nhiệm vụ chính trị của đất nước. Ngày 24-5-1976, Việt Nam Thông tấn xã và Thông tấn xã giải phóng thống nhất thành Thông tấn xã Việt Nam, đánh dấu bước phát triển mới của ngành Thông tấn xã

Việt Nam. Ngày 18-6-1977, Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết số 165/CP đổi tên Việt Nam Thông tấn xã thành Thông tấn xã Việt Nam thuộc Hội đồngChính phủ. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Thông tấn xã Việt Nam được quy định: "là cơ quan thông tin chính thức đối nội, đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có trách nhiệm bằng tin, ảnh, tài liệu thời sự và các loại hình thông tấn khác, thực hiện việc thông tin từ trung ương đến cơ sở cho nhân dân cả nước và nhân dân thế giới". Nhiệm vụ của Thông tấn xã Việt Nam là cung cấp tin, ảnh tư liệu, tài liệu chính thức về các lĩnh vực cho các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài...

Thông tấn xã Việt Nam đã không ngừng nâng cao trang thiết bị kỹ thuật phục vụ tốt cho nhiệm vụ của mình: việc thu phát tin dần dần được trang bị máy móc điện tử, bán dẫn, sử dụng ăngten lôga có chất lượng cao, truyền tin qua hệ thống viba, hệ thống truyền ảnh được trang bị những bộ thu phát tự động. Từ năm 1980, Thông tấn xã Việt Nam bắt đầu nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật vi tính vào việc điện tử hóa công tác thông tin (hệ thống thu phát tin và in). Sau 4 năm, Thông tấn xã việt Nam trở thành cơ quan đầu tiên cài đủ 5 dấu tiếng Việt thành công trong máy vi tính. Điều đó đã giúp Thông tấn xã Việt Nam đưa hệ thống truyền tin điện tử tốc độ cao giữa Hà Nội và Mátxcơva, Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh thay cho máy truyền chữ.

Thời kỳ này, Thông tấn xã Việt Nam bắt đầu tăng cường công tác đổi mới thông tin, đa dạng nội dung và loại hình thông tấn, đồng thời vẫn đảm bảo cung cấp đều đặn, đầy đủ thông tin cho các phương tiện truyền thông khác... Từ năm 1980 trở đi, Thông tấn xã Việt Nam từng bước đi vào hạch toán kinh tế từng phần rồi đến toàn phần. Có thể nói việc Thông tấn xã Việt Nam tự trang trải kinh phí, chủ động thử nghiệm in và bán có lãi *Bản tin nhanh* nhân dịp giải bóng đá thế giới năm 1982 là một bước tập dượt thành công, mở đầu cho việc ra mắt hàng loạt các tờ báo, bản tin trong những năm tiếp theo. Đặc biệt sự ra đời của hai bản tin đối

ngoại *"Vietnam Heb"* và *"Vietnam Weekly"* năm 1985 là bước khởi đầu cho sự xuất hiện báo đối ngoại. Thông tấn xã Việt Nam đã mạnh dạn đổi mới thông tin bằng cách đa dạng hóa thông tin, thực hiện thông tin không bù lỗ. Từ một bản tin trong nước và thế giới chung cho các đối tượng, từ một bản tin phát sóng giống nhau dịch ra nhiều ngôn ngữ, Thông tấn xã Việt Nam đã nhanh chóng chuyển đổi thành những bản tin riêng theo yêu cầu của các đối tượng khác nhau, xuất bản nhiều tờ tin hàng ngày, hàng tuần...

d) Đài Tiếng nói Việt Nam

Sau khi thống nhất đất nước, việc thống nhất hệ thống phát thanh không gặp nhiều khó khăn vì có chung hệ thống cả nước nên hoạt động được ngay. Đến cuối năm 1976, hệ thống các đài miền Nam được phục hồi hoàn toàn, tuy nhiên trang thiết bị của Đài Phát thanh ở Sài Gòn bị hỏng nặng. Bên cạnh đó, việc mở rộng diện phát sóng của các đài phát thanh đã tạo nên một hệ thống các trạm phát lại ở các tỉnh phía Nam như: Vĩnh Long, Cần Thơ, Côn Đảo…

Năm 1977, Chính phủ ra nghị định thành lập Uỷ ban Phát thanh và truyền hình, Đài Tiếng nói Việt Nam trở thành một bộ phận trọng yếu của tổ chức này. Đến năm 1984, theo thông báo của Ban Tuyên huấn Trung ương, Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Trung ương tách ra khỏi cơ cấu của Uỷ ban Phát thanh truyền hình, trực thuộc Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Thời kỳ này, Đài phát 13 giờ/ngày bằng tiếng Việt (riêng chủ nhật 15 giờ/ngày), và 35 giờ/ngày với 11 ngôn ngữ trên 5 hệ thống với nhiều làn sóng khác nhau phục vụ cho nhân dân trong nước và một số đối tượng nước ngoài[26]. Đài Tiếng nói Việt Nam đã xây dựng hàng loạt các hệ chương trình cho các đối tượng khác nhau, bao gồm: chương trình thời sự, là chương trình chủ lực, quan trọng nhất giúp cho mọi người theo dõi được tình hình trong nước và thế giới, theo dõi các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; chương trình dành cho nông nghiệp; chương trình dành cho công nhân chuyên đi sâu vào vấn đề sản xuất công nghiệp;

chương trình văn hóa - xã hội; chương trình phát thanh cho thanh niên; chương trình phát thanh cho quân đội nhân dân.

Hệ chương trình phát thanh đối ngoại trong thời kỳ này vẫn được xem là mũi xung kích hàng đầu trong mặt trận thông tin đối ngoại của đất nước. Nhiệm vụ đặt ra lúc này là: "Làm cho thế giới hiểu rõ và tin yêu dân tộc Việt Nam hơn, giới thiệu cho nước ngoài thấy rõ thành quả của cách mạng ta, đồng tình với đường lối của chính sách của Đảng và Nhà nước ta, qua đó mà tăng thêm tình hữu nghị và sự ủng hộ đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn mới. Cũng qua những thông tin này, cần phải từng bước xóa dần những đám mây mù vẩn đục của hàng chục đài phát thanh nước ngoài đang ngày đêm phun nọc độc vào Việt Nam với âm mưu "diễn biến hòa bình""[27].

Cùng với sự phát triển của Đài Tiếng nói Việt Nam, hệ thống các đài truyền thanh địa phương thời kỳ này hoạt động nở rộ. Các đài truyền thanh ở các tỉnh, huyện ngoài các chương trình tiếp âm của Đài Tiếng nói Việt Nam còn có các chương trình của địa phương nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc của địa phương... Vào thời điểm tháng 7-1977, tỉnh Bình Trị Thiên đã xây dựng 70 hệ thống truyền thanh, trong đó có 25 hệ thống cấp nhà nước, 45 hệ thống nhân dân tự làm để tiếp sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam và cung cấp những tin tức của địa phương. Trong sự phát triển đó, hầu hết các địa phương đều xây dựng riêng cho mình hệ thống truyền thanh rộng khắp đến tận các xã, thôn.

đ) Đài Truyền hình Việt Nam

Chương trình thử nghiệm đầu tiên của Truyền hình Việt Nam được phát vào ngày 7-9-1970 do Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện. Sau một thời gian làm thử trong nội bộ, Bộ Biên tập Đài quyết định phát chương trình đầu tiên cho nhân dân thủ đô xem truyền hình vào tối 30 Tết Tân Hợi (27-1-1971). Trong khi những chương trình truyền hình của Đài Tiếng nói Việt Nam được dự kiến phát thử nghiệm đến giữa năm 1976 thì ở Sài Gòn, nhân dân đã có thói quen xem truyền hình từ những

năm cuối thập kỷ 60 của thế kỷ XX. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để tiếp quản và điều hành được ngay các đài truyền hình đã có ở phía nam ngay khi giải phóng miền Nam. Ngay trong thời kỳ chiến tranh, Đài Tiếng nói Việt Nam đã đề ra một kế hoạch chủ động, gửi cán bộ đi học tập ở nước ngoài nhằm đào tạo một đội ngũ đồng bộ bao gồm tất cả các khâu cần thiết của một đài truyền hình.

Với sự chuẩn bị kỹ càng đó, chỉ một ngày sau khi giải phóng miền Nam, nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã được xem chương trình truyền hình với nội dung hoàn toàn mới lạ. Bắt đầu từ tối ngày 1-5-1975 đó, Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh được phát đều đặn hàng ngày trong lúc ở miền Bắc vẫn tiếp tục phát chương trình thử nghiệm mỗi tuần 4 lần.

Từ giữa năm 1976, Đài Truyền hình Việt Nam bắt đầu phát chính thức hàng ngày. Giai đoạn 1976 - 1986 trở thành giai đoạn mà Truyền hình Việt Nam kết thúc thời kỳ thử nghiệm chuyển sang phát chính thức, cũng là mở đầu quá trình từ truyền hình đen trắng chuyển sang truyền hình màu. Tuy nhiên, hệ thống truyền hình ở hai miền chưa được đồng nhất, ở miền Bắc sử đụng hệ OST, trong khi ở miền Nam theo hệ SCC của Mỹ. Tần số hình ảnh, làn sóng cũng khác cho nên hoạt động truyền hình thời kỳ này khó khăn hơn của Đài Tiếng nói Việt Nam rất nhiều. Mặt khác, chúng ta không thể duy trì cùng một lúc hai hệ truyền hình khác nhau. Vì vậy, trong thời kỳ đầu (1975 - 1978) sẽ thay đổi dần dần cho tần số, hình ảnh và tiếng của hệ thống hai đài truyền hình gần nhau. Sau đó bước kế tiếp là thay hệ SCC cho miền Bắc đồng bộ với miền Nam[28].

Truyền hình Việt Nam cũng không ngừng tăng cường cơ sở vật chất để Đài có thể phát sóng được cao hơn, xa hơn. Ngày 28-10-1976, Đài phát sóng truyền hình Tam Đảo ở độ cao hơn 2.000m được khởi công. Đây là địa điểm lý tưởng cho việc phủ sóng truyền hình các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, trung du và một phần miền núi. Năm 1978, Việt Nam và Liên Xô đã ký 6 văn kiện chính thức trong đó có đề cập đến việc xây dựng trạm thông tin vũ trụ mặt đất. Trạm thông tin vũ trụ Intesput đã giúp

đỡ cho Việt Nam có điều kiện tiếp nhận những nguồn thông tin trên thế giới nhanh chóng và thuận lợi.

Bên cạnh truyền hình trung ương, hệ thống truyền hình địa phương cũng phát triển rộng khắp. Khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đã có các đài truyền hình ở Thành phố Hồ Chí Minh, các đài phát lại chương trình truyền hình ở Cần Thơ, Nha Trang, Quy Nhơn, Huế. Sau đó, nhiều địa phương ở các tỉnh phía Bắc cũng lần lượt dùng ngân sách địa phương mua máy phát để tiếp sóng các chương trình của truyền hình Việt Nam. Mặc dù thời kỳ đầu, hầu hết những đài truyền hình ở các địa phương mới dừng lại ở mức phát lại các chương trình truyền hình của Đài Truyền hình Trung ương nhưng điều đó đã chứng tỏ mạng lưới truyền hình của Việt Nam đã có bước phát triển rộng khắp.

Có thể nói, hoạt động của báo chí Việt Nam trong giai đoạn 1976 - 1986 là sự phát triển của hệ thống báo in. Đến thời điểm này đã phát triển được 120 năm, dù là tương đối trẻ so với báo chí trên thế giới, nhưng đã thu được không ít thành tựu và đạt được một trình độ nhất định.

e) Báo Quân đội nhân dân

Trong những ngày đầu sau khi đất nước thống nhất, do điều kiện còn khó khăn nên số lượng phát hành của báo *Quân đội nhân dân* ở các tỉnh phía Nam còn ít, đồng thời phải phụ thuộc vào vận chuyển hàng không, nên việc phát hành báo không ổn định. Sau một thời gian thử nghiệm việc truyền báo và in báo, ngày 20-7-1976 tờ báo *Quân đội nhân dân* đầu tiên được in tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù được phát hành kịp thời nhưng những tờ báo này chất lượng in còn kém, ảnh xấu thậm chí có những số báo ở phía Nam hình thức khônggiống báo in ở phía Bắc. Để khắc phục những hạn chế này, công tác in và phát hành báo *Quân đội nhân dân* tiếp tục được cải tiến trong những năm tám mươi, dần dần chất lượng truyền báo được nâng lên cao và có những bước tiến bộ đáng kể.

Ngày 17-4-1997, với việc phát hành thêm số chủ nhật để phục vụ nâng cao đời sống bộ đội, báo *Quân đội nhân dân* trở thành tờ báo đầu tiên trong cả nước ra số chủ nhật. Với cách viết mới, sinh động, đậm chất văn hóa, nội dung nhẹ nhàng và hình thức hấp dẫn, tờ báo đã được bạn đọc đánh giá cao. Tuy không tách khỏi hệ thống báo hàng ngày nhưng đây là tiền đề cho việc xuất bản tờ báo cuối tuần thành một ấn phẩm riêng.

Giai đoạn 1976 - 1986, báo *Quân đội nhân dân* đã làm tròn nhiệm vụ chính trị của mình, không những trên các mặt trận an ninh quốc phòng, kinh tế - xã hội mà còn ở lĩnh vực đối ngoại của đất nước. Việc giúp đỡ hai nước bạn Lào và Campuchia xây dựng kế hoạch hình thành cơ quan báo chí, chuẩn bị ra báo của quân đội nhân dân Lào và quân đội nhân dân Campuchia đã tạo đà cho hai tờ báo này phát triển và trưởng thành. Mối quan hệ đó đã góp phần tích cực nhằm tăng cường sự đoàn kết, hiểu biết giữa quân đội các nước anh em.

f) Báo Sài Gòn giải phóng

Chỉ 5 ngày sau khi thành phố Sài Gòn và miền Nam được hoàn toàn giải phóng, (5-5-1975), báo *Sài Gòn giải phóng* ra đời dựa trên cơ sở kế thừa truyền thống của các tờ báo của Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định cũ từ các thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ, như: *Cảm tử, Chống xâm lăng, Ngọn cờ Gia Định, Cờ khởi nghĩa, Cờ giải phóng.* Từ đó, bằng sự nỗ lực của mình, chỉ một thời gian ngắn ra mắt bạn đọc, báo *Sài Gòn giải phóng* đã trở thành món ăn tinh thần của nhân dân thành phố và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Từ ngày l-7-1981, để đáp ứng yêu cầu mới về thông tin, tuyên truyền, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định xuất bản và phát hành báo vàobuổi sáng.

Cuối năm 1977, *Sài Gòn giải phóng* tăng thêm ấn phẩm *Hoa văn giải phóng.* Từ năm 1980, báo đã mở mục thông tin kinh tế với nội dung gồm giới thiệu sản phẩm mới, mặt hàng mới, những mặt hàng cần trao đổi..., tiếp đến là các mục quảng cáo rao vặt. Ban đầu, diện tích của những mục này chỉ có l/3 trang và từ khi diện tích

quảng cáo tăng lên hơn 2/3 trang thì quảng cáo trên báo *Sài Gòn giải phóng* trở thành một "kênh" riêng như phụ trương của *Sài Gòn giải phóng*.

Trong hệ thống báo chí địa phương, *Sài Gòn giải phóng* là một tờ báo non trẻ mà giai đoạn này lại chính là những bước khởi đầu, chập chững của tờ báo. Tuy nhiên, báo đã rất năng động, nhạy bén với thời cuộc và hòa mình vào sự phát triển chung của dòng báo chí dân tộc. Những thành quả và nỗ lực mà *Sài Gòn giải phóng* đạt được đã khẳng định những bước đi mạnh dạn và vững chắc trong thời kỳ đầu của tờ báo, tạo tiền đề cho sự phát triển sau này.

II- HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

l. Đại hội Báo chí lần thứ IV và vấn đề củng cố, phát triển báo chí

Đại hội lần thứ IV, Hội Nhà báo Việt Nam diễn ra ngày 8-12-1983 đã đánh giá được phần nào hoạt động của hệ thống báo chí giai đoạn 1976 - 1986. Trong Đại hội IV lần này, vấn đề vai trò, nhiệm vụ mới của báo chí trong tình hình kinh tế - xã hội mới đã được Đại hội đề ra:

"Trong nhiều nhân tố khách quan đang tác động trực tiếp các hoạt động truyền thông đại chúng, chúng ta cần cân nhắc đầy đủ mấy nhân tố sau đây khi xác định phương hướng, nhiệm vụ và yêu cầu đối với báo chí trong giai đoạn cách mạng mới.

Trước hết, công chúng mới, những đối tượng phục vụ của chúng ta đã khác trước về chất. Chỉ tính hai mươi năm gần đây, từ Đại hội trước tới Đại hội này của hội ta, trình độ nhân dân đã có nhiều thay đổi... Công chúng đòi hỏi các phương tiện truyền thông đại chúng cung cấp nhiều loại món ăn văn hóa, tinh thần chất lượng cao; hai là, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật trong đó có các ngành liên quan tới báo chí; ba là, sự giao lưu giữa nước ta và các nước khác ngày càng mở rộng... Quần chúng và sự nghiệp cách mạng đang đòi hỏi toàn bộ lĩnh vực thông tin đại chúng phải nâng cao hơn nữa về tính tư tưởng, về chất lượngvà hiệu quả…".

Từ bối cảnh hoạt động mới này, nhiệm vụ của báo chí được đặt ra, bằng những phương tiện và ngôn ngữ đặc thù của mỗi loại hình, phối hợp với các binh chủng khác trong mặt trận tư tưởng, góp phần làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế trong thời kỳ quá độ, và phấn đấu thực hiện đường lối ấy một cách tự giác. Báo chí không chỉ dừng lại ở việc giải thích, phổ cập đường lối, chính sách mà phải bằng những luận cứ khoa học và thực tế sinh động, làm cho mọi người hiểu sâu đường lối, chính sách và góp phần nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, trước hết là của cán bộ, để thực hiện chương trình kinh tế - xã hội và những mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng nêu ra. Báo chí phải làm cho mọi người thấy rõ kẻ thù cơ bản của nhân dân ta...; Báo chí là một trong những phương tiện quan trọng và rất hiệu quả để nâng cao kiến thức kinh tế và kiến thức khoa học, kỹ thuật cho cán bộ, nhân dân; Báo chí có trách nhiệm tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh để giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng trong sáng, thể hiện tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước, thông qua đó mà củng cố và tăng cường lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước... Bằng cách thông tin nhanh chóng, có lựa chọn và bình luận sắc sảo, kịp thời, báo chí giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản, đồng thời qua đó tham gia thực hiện đường lối quốc tế của Đảng. Báo chí có nhiệm vụ làm cho tiếng nói của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa vang xa trên trường quốc tế…

Bên cạnh đó, Đại hội lần thứ IV Hội Nhà báo Việt Nam cũng đã đề ra nhiệm vụ cấp bách của hoạt động báo chí trong thời kỳ mới, đó là: cần có kế hoạch bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng và nghiệp vụ cho những người đang làm việc tại các báo, đài thông tấn xã...[29].

2. Thống nhất đội ngũ người làm báo trong cả nước

Từ khi đất nước thống nhất, hoạt động báo chí phát triển đã sinh ra đội ngũ những người làm báo có những tiến bộ vượt bậc về nghiệp vụ. Tính đến thời điểm Đại hội

lần thứ IV của Hội Nhà báo (1983), báo chí Việt Nam có hơn 6.000 nhà báo, trong đó có khoảng 65% số nhà báo tuổi đời dưới 40, 42% có trình độ đại học, 51% học hết cấp III, 41% có mười năm tuổi nghề trở lên. Với hơn 3.000 nhà báo là thành viên của Hội Nhà báo Việt Nam, nếu so với 800 hội viên của Đại hội lần thứ III, con số này đã đánh dấu một bước phát triển không chỉ về số lượng mà cả về chất lượng của người làm báo.

Nhiệm vụ của những người làm báo thời kỳ này phải vừa là người tuyên truyền cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa phải đồng thời là người chiến sĩ trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Đội ngũ làm báo thời kỳ này có "bốn thế hệ cùng sánh vai công tác", gồm: Thế hệ những người làm báo tiên phong. Đây là những người bạn chiến đấu, đồng thời là những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là những người đã xây dựng và phát triển nền báo chí cách mạng Việt Nam. Đến thời kỳ hoạt động này, tuy đã cao tuổi và đảm nhiệm nhiều trọng trách của Đảng và Nhà nước, song họ vẫn trực tiếp hoạt động báo chí rất sắc sảo. Lớp nhà báo thứ hai là những người làm báo chuyên nghiệp vào nghề từ sau Cách mạng Tháng Tám. Giai đoạn hoạt động này họ trở thành lực lượng chỉ đạo và biên tập nòng cốt của các loại hình báo chí trong cả nước. Hai thế hệ những người làm báo từ sau kháng chiến chống Pháp và sau ngày giải phóng miền Nam là những người làm báo trẻ, phát huy lòng nhiệt tình và sự năng động, sáng tạo của mình. Mặc dù còn nhiều hạn chế do thiếu kinh nghiệm hoạt động và chưa có hiểu biết thực tiễn một cách sâu sắc nhưng họ sẽ là lớp nhà báo kế tục sự nghiệp báo chí cách mạng và trở thành lớp người tiên phong cho sự nghiệp "đổi mới" báo chí sau này.

Bên cạnh những người làm báo chuyên nghiệp, làm việc thường xuyên ở các cơ quan báo chí, còn có đội ngũ cộng tác viên đông đảo góp sức mình vào hoạt động của báo chí trong thời kỳ này. Đó là những cán bộ lãnh đạo, những nhà hoạt động xã hội, văn hóa nghệ thuật, những nhà nghiên cứu và thực hành khoa học, kỹ thuật, những cán bộ quản lý, ác liệt có cả những người là công nhân, nông dân, chiến sĩ

đang trực tiếp sản xuất, chiến đấu. Họ tiêu biểu cho những người làm báo không chuyên đại diện của các lớp người trong xã hội.

Sự thống nhất đội ngũ những người làm báo ở khắp mọi miền đất nước vào một tổ chức nghiệp vụ thống nhất là Hội Nhà báo Việt Nam đã làm tăng thêm sức mạnh của đội ngũ làm báo giai đoạn này. Tính tới năm 1983, hội có hơn 3.000 hội viên và 130 chi hội cơ sở ở khắp các tỉnh. Đến ngày 30-6-1986, Hội có 205 chi hội với 4.864 hội viên[30]. Ở các tòa soạn báo lớn, các báo hàng ngày, hàng tuần ở trung ương và một số tạp chí đều thành lập chi hội nhà báo. Điều đó khẳng định phần nào vai trò và nhiệm vụ của tổ chức Hội Nhà báo Việt Nam trong sự phát triển của báo chí, tuy nhiên hoạt động của hội trong thời kỳ này "còn nghèo nàn và trì trệ". Một yêu cầu đặt ra cho tổ chức này là cần xem xét điều lệ các tổ chức hội, đồng thời cần có tổ chức hội ở cả ba cấp: trung ương, tỉnh, thành phố, cơ sở và định rõphương thức hoạt động cũng như các mối quan hệ của các cấp hội nhà báo tỉnh, thành phố...

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ báo chí trong thời kỳ này khá đông đảo và có nhiều kinh nghiệm hoạt động, trong đó, có nhiều cây bút sắc sảo, có uy tín và đã được tổ chức quốc tế các nhà báo thế giới tặng giải thưởng và Huy chương Phuxich như: nhà báo Hoàng Tùng, Trần Lâm, Lưu Quý Kỳ, Hồng Chương, Thép Mới. Tuy nhiên, số lượng người làm báo nói chung vẫn còn thiếu nhiều, trong đó đặc biệt là ở báo chí khu vực phía Nam, như báo *Tuổi trẻ* đến cuối năm 1980, sau 5 năm hoạt động, mới chỉ có 15 phóng viên, trong đó chỉ có 2 phóng viên đã tốt nghiệp đại học báo chí. Vì vậy, vấn đề đào tạo người làm báo chuyên môn cung cấp cho các cơ quan báo chí, đặc biệt là các cơ quan phía nam trở thành vấn đề cấp thiết của hoạt động báo chí.

Để giải quyết những vấn đề đó, bên cạnh các lớp đào tạo báo chí của Trường Tuyên huấn trung ương, Hội Nhà báo, Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh, Thông tấn xã Việt Nam cũng tổ chức các lớp nâng cao nghiệp vụ chơ phóng viên. Từ năm 1955 đến

năm 1985, Thông tấn xã Việt Nam đã mở lớp đào tạo cho l.000 phóng viên, biên tập viên, đặc biệt là các phóng viên ảnh cho các địa phương và phân xã nước ngoài. Đồng thời, các hội nhà báo ở từng chi hội cũng tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, hội thảo nghiệp vụ, các cuộc thi báo chí và các lớp bồi dưỡng ngắn hạn ở trong và ngoài nước..., và đã thu được những kết quả tốt, đáp ứng được phần nào yêu cầu đặt ra.

III- ĐÁNH GiÁ CHUNG

l. Những thành tựu

Việc thống nhất và hoàn chỉnh hệ thống báo chí có thể nói là một thắng lợi lớn nhất của báo chí Việt Nam giai đoạn 1976 -1986. Từ đó, hoạt động báo chí phát triển thuần nhất một loại hình phục vụ cho chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Báo chí được hợp nhất thành một tổ chức đã nâng tư thế của báo chí Việt Nam trong giai đoạn này lên một tầm mới.

Có thể khẳng định chắc chắn một điều rằng, báo chí Việt Nam ngay từ sau năm 1975 đã có sự phát triển nở rộ cả về số lượng đến loại hình báo chí. Hệ thống báo chí phát triển phong phú, bao gồm cả các loại báo chuyên ngành, báo cho các đối tượng. Đặc biệt, ở Thành phố Hồ Chí Minh và ở các tỉnh miền Nam, ngay sau ngày giải phóng đã có hàng loạt tờ báo mới xuất hiện. Sự phát triển của mạng lưới các trạm truyền hình địa phương tiếp sóng của Đài Truyền hình Trung ương, hoạt động của các loại báo in, của Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam có những bước phát triển đáng kể.

Về mặt nghiệp vụ, báo chí đã không ngừng mở rộng diện phản ánh và đa dạng hóa, nâng cao chất lượng tin tức. Báo chí đã phần nào đi đúng hơi thở của cuộc sống, kịp thời thông tin những sự kiện trong nước và quốc tế bằng các kênh thông tin của mình, đồng thời báo chí cũng nhanh nhạy bình luận những vấn đề thời sự một cách sắc sảo và chính xác để định hướng cho dư luận. Báo chí trở thành một vũ khí xung kích trên mặt trận chống tiêu cực và cũng là nơi xây dựng những điển hình

kinh tế mới. Tiếng nói của báo chí giai đoạn này có ý nghĩa to lớn trong yêu cầu đổi mới của đất nước.

2. Những hạn chế

Về hình thức trình bày, báo chí trong thời kỳ này thực sự chưa hấp dẫn được người đọc. Bỏ qua những hạn chế về mặt kỹ thuật, việc trình bày báo còn thiếu sự sáng tạo: chủ yếu là những bài dài nói về một vấn đề. Ngoài ra, phong cách của các tờ báo hầu như giống nhau theo xu hướng cào bằng, chủ yếu tuyên truyền cho đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cũng có một số tờ có phong cách hoạt động, bút pháp và ngôn ngữ riêng như các loại báo văn nghệ... Tuy nhiên, những loại báo chuyên biệt như thế này chiếm số lượng ít.

Vấn đề phát hành báo chí trong thời kỳ này chưa thực sự được coi trọng, mới chủ yếu dựa vào các tổ chức - các cơ quan chủ quản. Báo chí được bao cấp nên giá bán báo rẻ, ai cũng muốn mua báo. Vì thế phải phân phối báo "chỉ có ai đúng đối tượng mới được mua, ai có hóa đơn mua báo năm trước mới được mua báo năm sau. Có tờ báo in tới mười mấy vạn bản nhưng vẫn không đủ bán. Chính yếu tố này đã tạo nên sự hạn chế của báo chí vì chưa phải hoạt động hạch toán kinh doanh nên chưa thực sự coi trọng công tác in ấn, phát hành... của báo". Cho đến đầu những năm 1980, một số tờ báo phải chịu hậu quả của tình trạng thiếu giấy in, giảm lượng phân phối giấy in, báo chí bắt đầu lao đao với sóng gió của thị trường gây nên tình trạng khủng hoảng của một số tờ báo.

Hạn chế rất lớn của báo chí trong thời kỳ này là *thông tin tuyên truyền còn nhiều biểu hiện một chiều*. Báo chí của Việt Nam giai đoạn này vẫn làm theo luận đề "Báo chí không chỉ là người tuyên truyền tập thể, cổ vũ tập thể mà còn là người tổ chức tập thể". Vì thế, hoạt động báo chí chủ yếu phục vụ cho công tác tuyên truyền, cổ động cho đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, mà còn rất hạn chế trong việc thể hiện diễn đàn của nhân dân. Vấn đề này thể hiện trên các mặt: Báo chí thông tin chung chung, chưa đi sâu vào nắm bắt vấn đề và thiếu tính thuyết

phục. Độ tỉnh táo của báo chí chưa cao, chủ yếu chạy theo những sự kiện trước mắt, không đi tìm hiểu từ lịch sử vấn đề để có định hướng chính xác trong tương lai. Phân tích nguyên nhân và những biểu hiện này của báo *Nhân dân,* nhà báo Hữu Thọ có chia ra làm hai vấn đề: *Thứ nhất,* chúng ta cho rằng, sau chiến tranh, Việt Nam có khả năng tiến nhanh, tiến mạnh. Bởi vì trong chiến tranh, hàng triệu người hy sinh mà chúng ta còn vượt qua được huống hồ là việc xây dựng kinh tế. *Thứ hai,* là sau khi đánh thắng đế quốc Mỹ, chúng ta cho rằng vĩnh viễn không có ai dám xâm phạm nước ta[31]. Thực tế đã xảy ra không đúng như vậy, vì chỉ sau khi giành được độc lập không lâu, Việt Nam đã phải tiến vào cuộc chiến để bảo toàn lãnh thổ. Về phần xây dựng và phát triển kinh tế, thì đây lại là thời kỳ mở đầu của cuộc khủng hoảng trầm trọng, chứ không phải là thời kỳ phát triển mạnh về kinh tế.

Một thời gian dài, *báo chí nặng về phổ biến đường lối, chính sách,* chủ yếu là tin tức hội nghị, văn phòng. Lên các trang báo trong thời kỳ này, ta nhận thấy tin đối ngoại lên báo chí chủ yếu là thông tin về các cuộc viếng thăm ngoại giao mang tính chất lễ nghi. Khắc phục vấn đề này, ngày 20-5-1981, Ban Tuyên huấn Trung ương đã ra Thông thì Hướng dẫn về việc giảm bớt, rút ngắn tin tức có *tính lễ tân.* Bản Thông tri khẳng định rõ: Các cơ quan thông tin báo chí đều phải thực hiện việc giảm bớt, rút ngắn thông tin về các cuộc mít tinh, chiêu đãi, đón tiếp, viếng thăm xã giao và các hoạt động có tính lễ nghi khác, để có thể tăng thêm số lượng thông tin về sản xuất, quản lý kinh tế, quản lý xã hội và giải quyết những vấn đề của đời sống nhân dân.

Báo chí trong thời kỳ này chưa đi sâu phân tích tình hình xã hội để phản hồi thông tin chính xác mà chủ yếu thông tin cứng nhắc theo chủ trương được đề ra. Về vấn đề này, báo chí đã góp phần thúc đẩy khuynh hướng nóng vội chủ quan của hoạt động xây dựng kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đó là việc cổ vũ mạnh mẽ cho chủ trương đến năm 1980 phải tiến hành cải tạo xong ở miền Nam, kể cả cải tạo nông

nghiệp với cách làm ép buộc. Bên cạnh đó, cổ vũ miền Bắc lên quy mô to, tổ chức lại sản xuất theo kiểu hợp tác xã, tăng nhanh tốc độxã hội như Định Công... Nhà báo Hữu Thọ dã nói rõ quan điểm của mình về vấn đề này như sau: "Tôi nằm ở Tân Hội - Ấp Bắc cả tuần nhưng không viết gì về Cai Lậy vì thấy ép quần chúng ghê quá. Nhưng rồi cũng phải viết về Quỳnh Lôi cổ vũ cho sự tiến nhanh, tiến mạnh. Nhưng chúng ta cũng cần nghiêm khắc mà nhận rằng chưa thấy được mặt cực đoan của điển hình này. Trong khi đó, anh em cũng có những bàn khoăn ghê gớm"[32].

Báo chí chưa dự báo được tình trạng suy thoái về mặt đạo đức trong thời kỳ mới. Mặc dù, ngay từ đầu giai đoạn, báo chí đã đề cập đến những tệ nạn xã hội còn sót lại của thời kỳ chiến tranh và định hướng quần chúng phải bài trừ các tệ nạn và xây dựng cuộc sống mới tiết kiệm và trong sạch. Tuy nhiên, báo chí chưa đi vào việc phát hiện ra những suy thoái rất phức tạp của tệ nạn tham ô, tham nhũng và tệ quan liêu. Cho đến gần cuối thời kỳ, các loạt bài điều tra về kinh tế, xã hội cũng xuất hiện, nhưng vai trò phản ánh và phát hiện chưa cao. Báo chí đã nhanh chóng phát hiện và xây dựng những điển hình trong hoạt động sản xuất và đã thu được hiệu quả tốt nhưng vai trò cổ vũ còn có phần dè dặt, chưa đầy đủ.

- *Những hạn chế trên do những nguyên nhân sau:*

Trước hết, do hoàn cảnh và nhiệm vụ chính trị của thời kỳ này báo chí Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ dựa theo luận điểm "Báo chí là người tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể, đồng thời là người tổ chức tập thể". Chưa trở thành diễn đàn của quần chúng nhân dân. Mặt khác, trong điều kiện hoạt động mới này yêu cầu phải thay đổi nhưng chưa đáp ứng được. Nguyên nhân này trực tiếp tạo nên những hạn chế trong việc thông tin tuyên truyền một chiều của báo chí giai đoạn 1976 - 1986, khiến cho thông tin trên báo chí chưa hấp dẫn và hời hợt. Vì thế, hạn chế này yêu cầu phải được khắc phục trong thời kỳ đất nước bước vào công cuộc đổi mới. Đại hội Hội Nhà báo Việt Nam lần thứ V (1989) đã khẳng định: Báo chí

thể hiện tiếng nói của Đảng đồng thời là diễn đàn của nhân dân: báo chí ngày nay đã trở thành gạch nối gắn bó Đảng và nhân dân. Báo chí không thể hoạt động theo kiểu thông tin một chiều, dội chủ trương, chính sách từ trên xuống dưới một cách quan liêu, cũng không thể phản ánh thực tế theo kiểu "tô hồng", "bôi đen...".

Thứ hai, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã ảnh hưởng đến sự phát triển của hoạt động báo chí. Từ việc bao cấp giấy in cho đến việc phân phối trong phát hành đã dẫn đến tình trạng các báo trong thời kỳ này không tự tìm cách nâng cao chất lượng mà chủ yếu hoạt động mang tính chất tuyên truyền, cổ động là chính. Tuy nhiên, đầu những năm 1980, để khắc phục tình trạng khủng hoảng của mình, một số tờ báo đã tự hạch toán giấy in và phát hành. Những hoạt động này tạo tiền đề cho sự đổi mới công tác báo chí sau này.

Thứ ba, trang thiết bị kỹ thuật của các tờ báo lạc hậu. Sau chiến tranh, mặc dù ta tiếp quản đổi mới được đài phát thanh và truyền hình của chế độ Mỹ ngụy nhưng nói chung các thiết bị cũng đã bị lạc hậu nhiều. Đội ngũ những người làm báo có trình độ, tay nghề chưa cao, công tác đào tạo báo chí chưa phát huy hết hiệu quả. Mặc dù Việt Nam vẫn có những lớp người làm báo từ thời kỳ trước nhưng công tác đào tạo chưa hiệu quả và còn hẹp gây nên tình trạng thiếu nhân lực cho hoạt động báo chí.

Có thể nói, bối cảnh mới đã tạo cho hoạt động của báo chí Việt Nam cả những điều kiện thuận lợi và khó khăn. Mặc dù thời kỳ này, báo chí Việt Nam đã hoạt động thống nhất nhưng vẫn còn tồn tại hai đường lối hoạt động báo chí ở hai miền khác hẳn nhau do ảnh hưởng của hai hệ ý thức từ giai đoạn trước. Vì vậy, khó khăn đặt ra là báo chí phải khắc phục những tàn tích chiến tranh còn sót lại trong hoạt động của mình.

1.*Sơ thảo lịch sử 50 năm báo Nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 185.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, tr.35.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.45, tr.2.
4. Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam: *40 năm báo Khoa học và đời sống*, Hà Nội, 1999, tr. 56.
5. Hội Nhà báo thành phố Hà Nội: *Báo chí Hà Nội - một chặng đường lịch sử 1954 – 1993*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.60.
6. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: *70 năm báo Lao động*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1999, tr.77.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng: *Quy chế tổ chức báo địa phương*, ngày 15-10-1985.
8. Báo *Nhân dân*, ngày 1-1-1976.
9. Báo *Sài Gòn giải phóng*, ngày 10-1-1976.
10. Xem báo *Nhân dân*, ngày 25-4-1976.
11. Báo *Nhân dân*, ngày 13-12-1976.
12. Báo *Nhân dân*, ngày 13-12-1976.
13. Báo *Sài Gòn giải phóng*, ngày 17-2-1976.
14. Báo *Người lao động*, ngày 26-8-1977.
15. Báo *Nhân dân*, ngày 2-2-1976.
16. Báo *Người lao động*, ngày 19-8-1977.
17. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: *70 năm báo Lao động*, Sđd, tr.86.
18. Báo *Lao động*, ngày 16-10-1986.
19. Trần Đình Bá: *Một chặng đường làm báo*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1999, tr. 37.
20. Báo *Người Lao động*, ngày 30-10-1986.
21. Báo *Nhân dân*, ngày 25-11-1980.
22. Báo *Nhân dân*, ngày 21-10-1986.

23. Báo *Nhân dân*, ngày 4-7-1980.
24. Báo *Nhân dân*, ngày 13-2-1978.
25. Báo *Nhân dân*, ngày 12-1-1978.
26. Hồng Chương: *120 năm báo chí Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1985, tr. 109.
27. Đài Tiếng nói Việt Nam: *55 phát thanh đối ngoại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 19.
28. Xem GS. Hà Minh Đức (chủ biên): *Thời gian và nhân chứng*, Sđd, t.2, tr. 441 – 445.
29. Xem *Văn kiện Đại hội lần thứ IV*, Hội Nhà báo Việt Nam.
30. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 45.
31. Hữu Thọ: *Công việc của người viết báo*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 333.
32. Xem Hữu Thọ: *Công việc của người viết báo*, Sđd, tr. 334.

CHƯƠNG V

BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC 1986 - 2000

I- BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG TRONG ĐIỀU KIỆN ĐẤT NƯỚC BẮT ĐẦU ĐỔI MỚI

1. Đổi mới đất nước và yêu cầu đổi mới báo chí

a) Bối cảnh lịch sử

Giai đoạn 1986 - 2000 được coi là thời điểm đất nước có nhiều biến động sâu sắc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) trở thành mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển sang thời kỳ đổi mới của Việt Nam. Nghị quyết Đại hội xác định: "đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực", "trọng tâm trước mắt là đổi mới chính sách kinh tế", "giữ vững ổn định chính trị là tiền đề để bảo đảm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới"[1]. Đại hội VI khẳng định quyết tâm tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Từ đại hội này, Đảng đã đặt ra vấn đề đổi mới toàn diện, trước hết trên lĩnh vực đặc biệt là quản lý kinh tế và sản xuất. Nhiệm vụ chung cho cả chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được đề ra là: toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong khi không ngừng chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân ta tiếp tục đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Những mục tiêu cụ thể được đặt ra gồm: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy, tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất, xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới, tạo ta chuyển biến tốt về mặt xã hội, bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Từ năm 1986 - 1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 8 lần. Từ năm 1989, nước ta đã tăng thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô... Nhập khẩu giảm đáng kể, cán cân xuất nhập khẩu gần ngang bằng. Một thành tựu hết sức quan trọng trong thời kỳ này là Việt Nam đã kiềm chế được một bước đà lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thị trường năm 1986 là 20%, năm 1987 là l0%, năm 1989 con số này còn 2,5%, năm 1990 là 4,4%. Điều này tạo điều kiện cho các cơ sở kinh tế hạch toán kinh doanh, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.

Quan hệ kinh tế của Việt Nam thời kỳ này được mở rộng. Tính đến 31-12-1989, Việt Nam đã có quan hệ với 114 nước, trong đó có 76 nước có quan hệ thương mại và hợp tác kinh tế. Việt Nam thời kỳ này tích cực tham gia vào các tổ chức quốc tế. Tính đến cuối năm 1989, Việt Nam đã là thành viên của hơn 20 tổ chức quốc tế khác nhau. Điều này khiến Việt Nam dần dần tạo được mối quan hệ hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật với các nước trên thế giới cũng như tiếp xúc với các nền văn minh. Đặc biệt, sau khi có có *Luật Đầu tư* (12-1987), Việt Nam bắt đầu thiết lập mối quan hệ kinh tế với nước ngoài một cách chặt chẽ và lâu dài hơn. Sau hơn l năm có *Luật Đầu tư,* đã có trên 2.000 đoàn nước ngoài vào Việt Nam thăm dò, nghiên cứu khả năng đầu tư hợp tác. Đến tháng 10-1989 đã có 96 dự án được cấp giấy phép với tổng số vốn đầu tư 755 triệu USD. Mặc dù con số này chưa nhiều nhưng bước đầu đã mở ra mối quan hệ kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật của Việt Nam với các nước trên thế giới.

Riêng với Liên Xô, một trong những thị trường truyền thống, có ảnh hưởng to lớn tới Việt Nam trong thời kỳ này đã lâm vào khủng hoảng chưa từng có. Sau gần 6 năm tiến hành cải tổ (tháng 2-1986) đã không đem lại kết quả tốt. Không những thế, công cuộc cải tổ ngày càng trục trặc, bế tắc và vượt xa mục tiêu chủ nghĩa xã hội, khiến Liên Xô lâm vào khủng hoảng về mọi mặt. Năm 1989 được coi là năm xấu nhất của nền kinh tế Liên Xô cùng với những diễn biến cực kỳ phức tạp của đất nước này. Toàn bộ quá trình trì trệ - khủng hoảng kéo dài trong nhiều năm của

Liên Xô đã lên tới đỉnh cao khiến Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết tan vỡ sau gần 75 năm tồn tại.

Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các thế lực thù địch tăng cường việc thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", kích động việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa dạng nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Về kinh tế, những thay đổi lớn ở Liên Xô và Đông Âu đã gây ra cho Việt Nam nhiều đảo lộn lớn về thị trường xuất khẩu và nhập khẩu cũng như nhiều chương trình hợp tác kinh tế.

Tuy nhiên, thời kỳ này Việt Nam cũng còn nhiều vấn đề kinh tế - xã hội chưa được giải quyết. Đó cũng là những hạn chế tất yếu của thời kỳ như: nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát vẫn ở mức cao, lao động còn thiếu việc làm, hiệu quả kinh tế thấp, nhiều cơ sở sản xuất bị đình đốn kéo dài, chưa có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế, chế độ tiền lương bất hợp lý, tốc độ tăng dân số cao; sự nghiệp văn hóa có mặt xuống thấp, tình trạng tham nhũng còn nặng nề và phổ biến.

Những thành tựu cũng như hạn chế trong giai đoạn này phần nào đã khẳng định đường lối đổi mới đúng đắn của Việt Nam. Điều này cũng ảnh hưởng tới sự phát triển của hệ thống báo chí trong thời kỳ này. Vấn đề đổi mới báo chí cũng theo luồng gió của đổi mới sau Đại hội Đảng lần thứ VI cũng được đặt ra hết sức quyết liệt.

b) Đảng đặt vấn đề đổi mới báo chí

Tính đến cuối năm 1989, Việt Nam đã có hơn 200 tờ báo, cả báo trung ương lẫn địa phương, với trên 6.000 người làm báo chuyên nghiệp. Mặc dù trong thời kỳ này, báo chí Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất - kỹ thuật như giấy in báo, cơ sở ấn loát, kỹ thuật..., nhưng báo chí vẫn phát triển cả về nội dung lẫn hình thức.

Sau Đại hội VI của Đảng, mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội cũng đồng thời phải đổi mới. Chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam báo chí cách mạng lại có sự sôi động và vai trò của người làm báo được xã hội thừa nhận đến như vậy.

Hội nghị thường kỳ Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam đúng ra được triệu tập vào tháng 12-1985 nhưng lùi sang cuối năm 1986 nhằm tiếp thu các quan điểm mới của Trung ương về dự thảo Báo cáo chính trị và nội dung tuyên truyền của báo chí phục vụ Đại hội VI của Đảng. Một trong những trọng tâm của Hội nghị Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức trong hai ngày 30 và 31-7-1986, là quán triệt tinh thần chỉ đạo, đổi mới của Đảng trên các lĩnh vực công tác, trước hết là trên lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội, trong đó có công tác báo chí. Đây là lần đầu tiên, vấn đề đổi mới báo chí được nêu ra một cách thẳng thắn và quyết tâm trong hội nghị thường kỳ của Hội Nhà báo. Hội nghị này nhấn mạnh: phải đổi mới tư duy, đổi mới phong cách, đổi mới tổ chức và cán bộ trong báo chí mới có thể tiến kịp sự phát triển của cách mạng và báo chí mới phát huy được đầy đủ chức năng là công cụ của Đảng, là cầu nối liền giữa Đảng với quần chúng.

Bản thân tổ chức Hội Nhà báo cũng yêu cầu phải được kiện toàn vững mạnh, đủ đáp ứng nhu cầu công tác ngày càng phát triển. Đồng chí Hoàng Tùng, Chủ tịch Hội Nhà báo phân tích: Trong hoàn cảnh mới hiện nay, Hội ta cũng như các đoàn thể khác phải tiếp tục đổi mới phong cách hoạt động, trong điều kiện sẽ không còn chế độ bao cấp thì phải làm như thế nào cho thích hợp cũng là vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu giải quyết dần từng bước. Ở trung ương, hội ít nhiều cũng đã có kinh nghiệm về hoạt động dịch vụ trong khuôn khổ hợp lý, hợp pháp nhằm mục tiêu đảm bảo cho công tác khác về nghiệp vụ, quan hệ quốc tế... hoạt động bình thường, tuy còn không ít khó khăn trở ngại. Ở các hội tỉnh, thành phố và các chi hội còn nhiều lúng túng, khó khăn về xây dựng quỹ và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác của hội. Đó là những vấn đề đặt ra phải có biện pháp giải quyết thỏa đáng.

Châm ngòi nổ cho quá trình đổi mới báo chí Việt Nam bắt đầu từ loạt bài *"Những việc cần làm ngay"* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh ngày 25-5-1987 trên các báo, đài. Những bài báo mang tiêu đề *"Những việc cần làm ngay"* đã phê bình cụ thể, có địa chỉ rõ ràng, mở ra luồng sinh khí mới cho giới báo chí tham gia trực tiếp cuộc đấu tranh chống tiêu cực đi đôi với cổ vũ các nhân tố mới. Tiếp theo, hàng loạt các báo, đài từ Bắc vào Nam với đủ đề tài đã mở chuyên mục *"Hưởng ứng những việc cần làm ngay".* Nhờ đó, hàng loạt các vụ tiêu cực, những biểu hiện đặc quyền đặc lợi của một số người như áp bức quần chúng, làm ăn bê bối... đã được đưa ra trước công luận. Báo *Nhân dân* từ việc đăng những bài báo ngắn gọn trên góc phải trang nhất, sau này được chuyển thành diễn đàn *"Nói và Làm"* đã gắn kết chặt chẽ giữa việc phê phán trên báo với những hành động cụ thể để sửa chữa những khuyết điểm đó.

Tại Đại hội lần thứ V Hội Nhà báo Việt Nam (tháng 10-1989), vấn đề đổi mới báo chí đã được đánh giá cụ thể và có tầm chiến lược. Với tiêu đề *Đổi mới báo chí vì sự nghiệp đổi mới của đất nước,* báo chí của Ban Chấp hành khóa IV tại Đại hội đã khẳng định sự phát triển của báo chí thế hiện rõ qua phong trào đổi mới báo chí phục vụ sự nghiệp đổi mới của đất nước. Ba vấn đề đổi mới báo chí đã được nêu lên gồm: đổi mới thông tin, báo chí cố gắng thể hiện là tiếng nói của Đảng đồng thời là diễn đàn của nhân dân, báo chí tích cực tham gia chống tiêu cực đi đôi với việc phát hiện và cổ vũ nhân tố mới. Trong đó, nét nổi bật của đổi mới báo chính là đổi mới thông tin.

Từ những thành tựu và khuyết điểm của báo chí việt Nam trong quá trình đổi mới, Đại hội V đã đưa ra quan điểm đổi mới báo chí: Báo chí thể hiện tiếng nói của Đảng, đồng thời là diễn đàn của nhân dân; sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí; mở rộng dân chủ với tinh thần dân chủ trong báo chí. Có thể nói tư tưởng lấy dân làm gốc, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra của Đảng đã thực sự thấm sâu vào quá trình đổi mới báo chí.

Ngày 20-1-1990, Quốc hội đã thông qua và chính thức công bố *Luật Báo chí* mới. *Luật Báo chí* thể hiện trung thực những bước đi về những quan điểm cơ bản trong công cuộc đổi mới báo chí của Đảng và Nhà nước cũng như ý nguyện của toàn dân. *Luật Báo chí* xác định, dù là cơ quan thông tin, ngôn luận của bất cứ cơ quan, tổ chức nào cũng là diễn đàn của nhân dân. Nhà nước tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để phát huy đúng vai trò của mình. Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, phát sóng. Quyền thông tin và quyền được tự do thông tin của nhân dân đã được thể hiện vào *Luật Báo chí.* Nội dung cơ bản của quyền này là người dân được thông tin qua báo chí về mọi mặt của tình hình đất nước và thế giới, được cung cấp thông tin cho báo chí, được phát biểu ý kiến của mình và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, được kiến nghị, phê bình, khiếu nại...qua báo chí. Cốt lõi của nó là cơ quan báo chí cho dù là ai, và người làm báo bất luận hoạt động trong lĩnh vực nào đều được quyền thông tin và được thông tin của nhân dân.

Có thể nói *Luật Báo chí* năm 1990 đã thể hiện khá trung thực những bước tiến quan trọng về những quan điểm cơ bản trong công cuộc đổi mới báo chí của Đảng và Nhà nước ta cũng như ý nguyện của toàn dân. Luật ra đời cũng chính do sự phát triển nội tại của báo chí Việt Nam, là kết quả của cả một quá trình tự vận động để đổi mới báo chí, đóng góp vào công cuộc chung của toàn đất nước ở thời điểm đó.*Luật Báo chí* quy định quyền và nghĩa vụ của nhà báo, của tổng biên tập, của cơ quan chủ quản. Lần đầu tiên, Hội Nhà báo Việt Nam được pháp luật công nhận quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy ngắn gọn (chỉ có 31 điều), nhưng *Luật Báo chí* đã chứa đựng lượng thông tin cao và thể hiện đầy đủ chế độ báo chí ở một nước độc lập, tự do, nhân dân làm chủ đang xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình.

2. Vai trò của báo chí trước những biến động lớn của xã hội và thế giới

a) Trước những vấn đề bức xúc của đất nước ở thời kỳ đầu của công cuộc đổi mới

Ngay sau Đại hội Đảng lần thứ VI của Đảng, vấn đề đổi mới nền kinh tế cùng những mối quan hệ xã hội được đặt ra một cách gay gắt. Sau Đại hội Đảng, quán triệt tinh thần, hầu hết các báo tập trung vào việc phổ biến, tuyên truyền và giáo dục về đường lối đổi mới của Đảng, một mặt trang bị cho cán bộ và nhân dân một sự đánh giá đúng thực tế tình hình đất nước, mặt khác làm rõ quan điểm, đường lối và nội dung đổi mới. Theo tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", báo chí công bố những đánh giá quan trọng nhất của Đảng qua các văn kiện lớn của Đại hội, thẳng thắn vạch rõ những sai lầm, khuyết điểm, đồng thời đấu tranh chống lại các xu hướng sai trái muốn phủ nhận thành tựu của cách mạng, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Báo cũng chỉ ra tính chất cấp bách và tất yếu phải đổi mới, nhưng đổi mới là một sự nghiệp cách mạng đầy khó khăn gian khổ, chưa có tiền lệ, phải vừa làm vừa tìm tòi, khám phá, phải nhằm mục tiêu chủ nghĩa xã hội, lựa chọn bước đi và các giải pháp, tránh những vấp váp trước đây, không chủ quan duy ý chí nhưng cũng không được bảo thủ, trì trệ.

Về mặt kinh tế, các báo tập trung tuyên truyền nổi bật các quan điểm đổi mới của Đảng:

- Bố trí lại cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư, đổi mới công nghệ và kỹ thuật, tập trung thực hiện ba chương kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.
- Về quan hệ sản xuất, đi đôi với việc phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể cần có những bước đi phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của hai thành phần kinh tế trên; đồng thời có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác, khuyến khích kinh tế gia đình; thừa nhận sự tồn tại của kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ và kinh tế tư bản tư nhân.

- Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng xóa bỏ tập trung bao cấp, xây dựng cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chuyển sang quản lý nền kinh tế bằng phương pháp kinh tế là chủ yếu.

Trong công nghiệp và xây dựng, các báo như *Nhân dân, Lao động, Tiền phong, Sài Gòn giải phóng* tập trung tuyên truyền cho việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư, hướng vào các công trình trọng điểm như thủy điện Sông Đà và Trị An, dầu khí Vũng Tàu - Côn Đảo,... Đồng thời cổ vũ mạnh hơn nữa việc đổi mới quản lý theo cơ chế mới, thực hiện tự chủ tài chính, hạch toán kinh doanh, đưa ra nhiều điển hình làm ăn theo cơ chế mới.

Coi việc tuyên truyền cho mặt trận phân phối lưu thông là một trọng điểm. Điểm này, ngoài các báo lớn ở cấp trung ương, những tờ báo địa phương như *Hà Nội mới, Sài Gòn giải phóng* đã làm rất tốt. Ngoài việc cổ vũ mạnh cuộc phấn đấu thực hiện “bốn giảm" và chỉ rõ rằng muốn "bốn giảm” phải dứt khoát đi vào cơ chế quản lý mới.

Tình hình kinh tế - xã hội trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống văn hóa, văn nghệ. Giới văn nghệ sĩ nước ta phấn khởi tiếp nhận những chủ trương đổi mới của Đảng, đồng thời cũng đề ra yêu cầu bức xúc về tự do sáng tạo. Trong khi đó, cũng có những quan điểm sai trái muốn phủ nhận những thành tựu của cách mạng và kháng chiến nói chung và của nền văn học, nghệ thuật cách mạng nói riêng, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa, văn nghệ, coi đó là sự trói buộc đối với văn học, nghệ thuật. Đây chính là thời điểm mà vấn đề "Văn hóa nghệ thuật" được các báo chú trọng, trở thành diễn đàn dể hầu hết các văn nghệ sĩ bày tỏ quan điểm, lập trường tư tưởng của mình. Đã có lúc, các vấn đề này trở thành gay gắt, nóng bỏng trên các mặt báo, bên cạnh những vấn đề kinh tế - xã hội. Bên cạnh việc ủng hộ việc tôn trọng quyền tự do sáng tạo, nhưng mặt khác, báo chí Việt Nam lúc đó phải tiến hành cuộc đấu tranh chống các khuynh hướng lệch lạc, không tán thành chủ

trương "định hướng rộng" để trên thực tế buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực này.

Tháng 11-1987, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 05 về *Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới.* Nghị quyết đã góp phần nâng cao nhận thức, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật. Những tờ báo, tạp chí như *Nhân dân, Văn nghệ, Văn nghệ quân đội, Tiền phong, Tạp chí Cộng sản, Sông Hương* ở thời điểm đó đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyên truyền cho nghị quyết đó, thông qua nhiều bài viết của nhiều cán bộ lãnh đạo và vàn nghệ sĩ. Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (8-1989) ra Nghị quyết *Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng,* nhận định những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng khó khăn ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa để rút kinh nghiệm cho ta phòng và tránh những sai lầm trong lãnh đạo nói chung và trong lãnh đạo tư tưởng nói riêng.

Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 3-1990) của Đảng ra Nghị quyết về *Tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta,* đã phân tích sâu sắc những nguyên nhân của cuộc khủng hoảng, trong đó nguyên nhân trực tiếp thứ nhất là sự "xa rời hoặc từ bỏ những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin", và nguyên nhân thứ hai là "sự phá hoại của các thế lực đế quốc và phản động quốc tế".

Căn cứ vào nghị quyết của Trung ương, những tờ báo như *Nhân dân, Hà Nội mới, Sài Gòn giải phóng, Văn nghệ, Lao động...* đã có hàng loạt bài viết, vừa làm sáng tỏ các nhận định của Trung ương, vừa phê phán các tư tưởng sai trái nêu trên. "Cứ như luận điệu của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội thì khủng hoảng bắt nguồn từ bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, một chế độ theo họ không cao hơn mà lại thấp hơn chế độ tư bản chủ nghĩa, một chế độ bị áp đặt khiên cưỡng trong tiến

trình lịch sử. Không! Khủng hoảng không bắt đầu từ đó.Chủ nghĩa xã hội đã, đang và sẽ còn tiếp tục chứng tỏ sức sống của nó"[2].

b) Báo chí tích cực tham gia đấu tranh chống tiêu cực đi đôi với việc phát hiện và cổ vũ nhân tố mới

Cùng với việc tiếp tục phản ánh ý kiến nhân dân đóng góp với Đại hội Đảng lần thứ VI, báo chí mở cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, phê bình công khai, có địa chỉ và yêu cầu xử lý nghiêm minh những vụ việc tiêu cực và những cán bộ phạm sai lầm.

Ngày 25-5-1987, trên các báo, đài, đồng chí Nguyễn Văn Linh mở mục *"Những việc cần làm ngay"*. Tiếp đó, hầu hết các báo, đài mở chuyên mục *"Hưởng ứng những việc cần làm ngay"*. Bằng nhiều hình thức và thể tài, báo chí trong Nam ngoài Bắc phanh phui trước công luận nhiều vụ tiêu cực, nghiêm khắc phê phán những hiện tượng một số người đặc quyền đặc lợi, vi phạm quyền công dân, áp bức quần chúng, làm ăn bê bối.

Nhìn chung, cuộc đấu tranh chống tiêu cực trên báo, đài thời gian này về cơ bản là đúng hướng, chọn đúng vấn đề. Những vụ việc đấu tranh có kết quả là do mấy yếu tố:

1. Nhân dân phát hiện những hiện tượng tiêu cực, kiên trì đấu tranh.
2. Báo chí với ý thức trách nhiệm xã hội của mình, cân nhắc chọn lựa, điều tra, đưa đúng vụ việc tiêu biểu ra công khai.
3. Có sự phối hợp giữa các cơ quan báo, đài khi đề cập những vụ việc quan trọng và phức tạp.
4. Các cơ quan Đảng và Nhà nước có trách nhiệm quan tâm kiểm tra, kết luận và xử lý[3].

Báo chí thông qua đấu tranh chống tiêu cực đã góp phần vào cuộc vận động làm trong sạch tổ chức đảng, bộ máy nhà nước, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, góp phần phát huy dân chủ trong sinh hoạt Đảng và trong xã hội, minh oan cho người

vô tội, lên án những hành vi trù dập người phê bình. Báo chí cũng lên án những người lợi dụng dân chủ để vu cáo, xuyên tạc sự thật, hỗ trợ các cơ quan pháp luật và quần chúng chống tiêu cực như báo *Đại đoàn kết, Tiền phong, Lao động, Phụ nữ Việt Nam, Thanh niên, Công an thành phố Hồ Chí Minh...*

Đi đôi với việc chống tiêu cực, báo chí đã có cố gắng phát hiện những nhân tố mới, cổ vũ những "điểm sáng", những điển hình tiên tiến. Nhìn lại các số báo, các chương trình phát thanh, các buổi truyền hình, các phim thời sự đều có thể thấy chúng ta đã chú ý biểu dương cái mới. Có những nhân tố mới báo chí phát hiện, cổ vũ và đã trở thành điển hình tiên tiến. Nhiều kinh nghiệm của nhân dân đã được tổng kết, làm cơ sở cho nhiều nghị quyết của Đảng về đổi mới quản lý, sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ chế mới. Trên báo viết, báo nói, báo hình, báo ảnh ngày càng xuất hiện nhiều hơn những mô hình mới về ba chương trình kinh tế lớn, về "Khoán 10" trong nông nghiệp, về kinh tế nhiều thành phần, về những thành tựu áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận không ít báo chí đã có lúc thiên về chống tiêu cực, chưa thật coi trọng việc phát hiện và cổ vũ gương tốt về những con người, những đơn vị kinh tế quốc doanh công nghiệp, nông nghiệp, phân phối lưu thông, những đơn vị đã vươn lên tháo gỡ khó khăn, tìm ra cách làm ăn mới, đem lại hiệu quả kinh tế.

Tại thời điểm này, rất nhiều các tờ báo làm tốt công tác chống tiêu cực, đồng thời cổ vũ những nhân tố mới như *Nhân dân, Tiền phong, Sài Gòn giải phóng, Hà Nội mới...*

c) Báo chí với sự khủng hoảng và sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu

Khi công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng đang được tiến hành và bước đầu đã thu được những kết quả khả quan thì tháng 8-1991, xảy ra sự kiện chính trị lớn ở Liên Xô và tháng 12-1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ, Liên bang Xôviết

tan rã. Cùng với Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu bị tan vỡ. Quan hệ giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn. Trong khi đó Mỹ vẫn tiếp tục cấm vận. Các thế lực thù địch đẩy nhanh những hoạt động phá hoại, mưu toan gây rối làm mất ổn định chính trị để tạo thời cơ tiến hành bạo loạn lật đổ. Chấn động chính trị lớn trên thế giới đã tác động sâu sắc đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Có thể nói, sau năm 1975, chưa bao giờ Việt Nam lại rơi vào hoàn cảnh khó khăn như vậy. Lo lắng lớn nhất của Đảng cũng như mọi người dân Việt Nam là liệu cách mạng nước ta có trụ được trong cơn thử thách hiểm nghèo không? Có thực hiện được con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản khi không còn những nước xã hội chủ nghĩa đi trước giúp đỡ không?

Trước tình hình đó, báo chí Việt Nam đã vào cuộc và thực hiện xuất sắc vai trò của mình. Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị về phương hướng công tác tư tưởng và đối sách của ta trước tình thế mới để thực hiện ngày càng tốt công tác thông tin và nghị luận của mình. Những tờ báo lớn, có đông đảo bạn đọc như *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Sài Gòn giải phóng, Hà Nội mới, Lao động, Tiền phong, Văn nghệ...* đã một mặt thông tin trung thực tình hình; mặt khác qua các bài bình luận thời sự và chuyên luận chính trị, hướng vào giải quyết các mối lo ngại trong cán bộ và nhân dân, khẳng định khả năng đứng vững và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, ở thời điểm này, chính hệ thống báo chí Việt Nam đã chủ động "mở cửa" đem lại một cái nhìn đa chiều cho bạn đọc Việt Nam về những sự kiện trên thế giới. Cùng với khủng hoảng và sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, là cái nhìn vào cuộc đấu tranh giữa con đường phát triển: xã hội chủ nghĩa hay là tư bản chủ nghĩa? Trước tình hình đó, Hội Nhà báo Việt Nam đã tiến hành quán triệt tinh thần của Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VI. Từ đó, hệ thống báo, đài đã tập trung vào những nhiệm vụ và nội

dung quan trọng nêu trong các nghị quyết của Đảng. Bằng thông tin, nghị luận qua những bài viết, báo chí Việt Nam góp phần:

1. Khẳng định tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội và những thành tựu vĩ đại của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

2. Khẳng định tính tất yếu khách quan và phương hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình cải tổ, cải cách, đổi mới.

3. Làm cho cán bộ và nhân dân ta nhận rõ bản chất và con đường diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế.

4. Giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở quán triệt 5 nguyên tắc và những chính sách đổi mới của Đảng.

5. Giáo dục nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự thống nhất ý chí và hành động trong xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực.

3. Sự phát triển của hệ thống báo chí địa phương

Trước khi Đại hội lần thứ VI của Đảng diễn ra, cả nước có hơn 200 tờ báo và tạp chí xuất bản định kỳ và có hơn 200 tờ thông tin khoa học, kỹ thuật. Bước vào thời kỳ đổi mới, bên cạnh sự khẳng định tên tuổi, uy tín của những tờ báo như *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Lao động, Tiền phong, Hà Nội mới, Sài Gòn giải phóng, Văn nghệ, Khoa học và đời sống, Phụ nữ Việt Nam...* hầu hết các tờ báo đều bắt đầu có sự sắp xếp, chuyển đổi để phù hợp với tình hình mới, đặc biệt là hệ thống báo chí địa phương.

Trước Đại hội lần thứ VI của Đảng, hay xa hơn nữa là trong thời kỳ chiến tranh, báo chí địa phương chủ yếu là công cụ, là cơ quan ngôn luận của đảng bộ địa phương nhằm phổ biến, tuyên truyền và hướng dẫn nhân dân thực hiện các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đặc biệt báo chí địa phương lúc đó được quy định hết sức chặt chẽ: Hầu như mỗi địa phương chỉ có một tờ báo của đảng bộ địa

phương. Thậm chí có địa phương không có tờ báo nào như tỉnh Cần Thơ (đến tận năm 1992, tỉnh Cần Thơ mới có tờ báo của đảng bộ). Trừ một số địa phương lớn như Hà Nội, thành phố hồ Chí Minh... ngoài tờ báo của đảng bộ địa phương, còn có thêm một số tờ báo khác. Ví dụ, ở Hà Nội ngoài tờ *Hà Nội mới* còn có tờ *Người Hà Nội* (cơ quan của Hội Văn nghệ Hà Nội ra đời năm 1978), *An ninh Thủ đô* (của Công an thành phố hà Nội, ra đời năm 1981). Ở thành phố Hồ Chí Minh ngoài tờ *Sài Gòn giải phóng* ra còn có tờ *Công nhân giải phóng*(tiếng nói của công nhân và lao động thành phố Hồ Chí Minh, ra đời năm 1976, đến năm 1989, báo *Công nhân giải phóng* đổi tên thành*Người* lao *động), Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh* (Tiếng nói của phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh ra đời năm 1976)... Sự quy định chặt chẽ đó, cùng với phong cách làm báo cũ (tờ báo mới chỉ là công cụ tuyên truyền, đấu tranh của đảng bộ địa phương, chưa thực sự trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu được) đã khiến cho báo chí địa phương nhiều khi trở nên khô cứng, ít hấp dẫn được bạn đọc.

Trong những năm đầu tiên ấy, dưới ánh sáng đổi mới của Đảng, báo chí bắt đầu có những đổi mới cải tiến nhất định, đặc biệt là báo địa phương. Nhiều cuộc hội thảo về báo chí địa phương đã diễn ra ở nhiều nơi như Hà Nội, Hải Phòng, Hà Tây, Vĩnh Phú, Bắc Thái, Hải Hưng, Yên Bái và nhiều tỉnh phía Nam... nhằm xác định rõ vai trò, chức năng quan trọng của báo chí địa phương hiện nay. Cũng qua các cuộc hội thảo đó, khái niệm về báo chí địa phương cũng đã được xác định lại một cách đúng đắn và toàn diện hơn, phù hợp với tình hình mới. Báo địa phương là các báo Đảng ở các tỉnh, thành phố, trở thành công cụ sắc bén trong công tác tư tưởng, đồng thời là món ăn tinh thần không thể thiếu được ở địa phương. Vị trí, vai trò và chức năng của báo chí địa phương cũng được xác định rất rõ. Trước hết, nó phải là công cụ, là cơ quan ngôn luận của đảng bộ địa phương về tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội... Đồng thời, nó là một trong những phương tiện hướng dẫn dư luận chỉ đạo công tác của đảng bộ và chính quyền địa phương. Mặt khác, báo chí

địa phương cũng là diễn đàn của nhân dân, phản ánh nguyện vọng, ý kiến của nhân dân về tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội tại địa phương.

Báo chí địa phương dần dần có được những bước phát triển rõ rệt. Báo chí địa phương không còn bó hẹp trong khuôn khổ duy nhất một tờ báo của đảng bộ trước đây, mà hiện tại mỗi địa phương có thể có nhiều tờ báo khác nhau như báo ngành, báo đoàn thể hay báo của các tổ chức xã hội. Chẳng hạn, ở thành phố Hồ Chí Minh có rất nhiều tờ báo khác nhau: báo *Tuổi trẻ thành phố Hồ Chí Minh* (2 ngày một số), *Tuổi trẻ chủ nhật* (tuần báo), *Giác ngộ* (2 tuần một số), *Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh* (3 ngày một số) v.v.. Ở Hải Phòng, ngoài báo*Hải Phòng* ra còn có *Tạp chí cửa biển, An ninh Hải Phòng,* ở Bà Rịa - Vũng Tàu, ngoài tờ *Vũng Tàu* còn có tờ *Văn nghệ Vũng Tàu, Tạp chí du lịch Vũng Tàu, Tạp chí du lịch bốn mùa* (bằng tiếng Anh)... Điều đó chứng tỏ báo chí ở các tỉnh, thành phố ngày càng phong phú, đa dạng hơn. Sự phát triển nhanh chóng của báo chí địa phương còn thể hiện qua những con số cụ thể. Tính đến năm 1993 cả nước ta có 320 tờ báo, tạp chí với số lượng phát hành trên 350 triệu bản, trong đó, báo chí địa phương phát triển từ 69 đơn vị năm 1989 lên 91 đơn vị năm 1990 và 120 đơn vị năm 1993. Trong số 320 tờ báo hiện nay, có tới 50 tờ tuần báo của đảng bộ địa phương, 5 tờ báo hàng ngày, trong đó trung ương 2 tờ, địa phương 3 tờ (đó là *Hà Nội mới, Sài Gòn giải phóng, Hải Phòng).* Điều đó chứng tỏ báo địa phương đã không ngừng vươn lên, xóa đi dần cái khoảng cách phân biệt trước đây giữa báo trung ương và báo địa phương, đồng thời từng bước khẳng định vị trí của mình trong làng báo Việt Nam.

4. Sự thay đổi về nghệ thuật và kỹ thuật làm báo

Sự ghi nhận đầu tiên về nghệ thuật báo chí thời kỳ 1986 -1990 là đa dạng về thể loại, phong phú về nội dung và cái nhìn đa chiều của báo chí trước những vấn đề lớn của đất nước và thế giới. Có thể nói, đây chính là thời điểm mà báo chí Việt

Nam bắt đầu tiếp cận với nền báo chí hiện đại với việc từng bước xóa bỏ bao cấp, hình thành nền kinh tế thị trường, trong đó báo chí cũng là một bộ phận.

Báo, đài đã thông tin nhiều chiều, đa dạng, phong phú hơn. Tin trong nước, tin thế giới được chọn lọc trình bày hấp dẫn hơn.

Thông tin toàn diện hơn, bên cạnh tin về những thành tựu, ưu điểm cũng đã thông tin về những khó khăn, khuyết điểm, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Hình thức trình bày phong phú hơn, gần gũi với đời sống hàng ngày hơn...

Báo, đài đã thông tin nhằm góp phần hoàn thiện hơn một số chính sách chưa đồng bộ, chưa hợp lý... Những kiến nghị của nhân dân được phản ánh. Tại thời điểm này, những thông tin từ phía bạn đọc đã được các báo, đài rất quan tâm. Ngoài việc trả lời bạn đọc, căn cứ trên các đơn thư của bạn đọc, các báo, đài đã triển khai các bài viết, điều tra rất có giá trị, đáp ứng được những nhu cầu bức xúc của nhân dân, trực tiếp đấu tranh chống lại các hiện tượng, vụ việc tiêu cực, góp phần làm trong sạch xã hội, tạo lòng tin của người dân đối với Đảng và chính quyền.

Các tạp chí, báo chuyên ngành, xưởng phim thời sự cũng có nhiều đổi mới về mở rộng thông tin, từ thông tin lý luận, thông tin kinh tế - xã hội đến thông tin khoa học kỹ thuật, thông tin văn hóa - thể thao...

Thông tin đối ngoại có những cố gắng đổi mới, đã thông tin nhiều hơn về tình hình nước ta với nội dung phong phú, đa dạng, thể hiện đúng quan điểm của Đảng ta, phù hợp với đối tượng nước ngoài. Chính sự mở rộng thông tin đã góp phần hình thành tư duy mới, nâng cao kiến thức, mở rộng tầm nhìn của cán bộ và nhân dân trên nhiều lĩnh vực.

Bước vào thời kỳ đổi mới, cùng với những khó khăn về kinh tế của thời kỳ đầu đổi mới, sự thiếu thốn về kỹ thuật hiện đại, nguyên vật liệu đã khiến cho nhiều tờ báo hoạt động rất khó khăn. Cơ chế thị thường, nhất là tình trạng lạm phát tăng nhanh, giá nguyên vật liệu, trực tiếp là giá giấy in báo tăng cao đã buộc nhiều tờ báo phải tự tìm đường đi mới để tiếp tục tồn tại và phát triển. Những tờ báo như *Sài Gòn*

giải phóng, Khoa học và đời sống, Lao động, *Tiền phong*... đã phải tự mình huy động vốn, tìm kiếm nguồn cung cấp giấy ăn báo, tự trang bị lại máy in, các thiết bị kỹ thuật làm báo. Điểm đặc biệt trong thời kỳ này là một số tờ báo ở miền Nam đã tự mình tiến hành phát hành báo, từng bước thực sự chủ động "kinh doanh" báo chí. Rất nhiều tờ báo, sau khi báo in xong, phóng viên, cán bộ tòa soạn đã tự mình đi bán báo. Đây chính là sự đổi mới rất cơ bản về tư duy làm báo của Việt Nam ở thời điểm đó. Để tồn tại và thực hiện tốt được những nhiệm vụ chính trị, mỗi tờ báo phải không ngừng đổi mới để đem thông tin đến với bạn đọc một cách gần gũi và dễ hiểu nhất.

5. Vai trò của Hội Nhà báo Việt Nam với sự nhìn nhận về nền báo chí mới

Bắt đầu từ năm 1986, báo chí nước ta (bao gồm cả báo in, phát thanh, truyền hình, thông tấn xã) mặc dù gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và thiếu thốn về phương tiện kỹ thuật vẫn phát triển. Hội Nhà báo Việt Nam (từ Đại hội V) đã trở thành một tổ chức toàn quốc mới hệ thống ba cấp: trung ương, tỉnh hội và thành hội, chi hội cơ sở. Hiện nay có 32/44 hội nhà báo cấp tỉnh, thành phố, gần 260 chi hội với tổng số trên 6.200 hội viên (năm 1983, tại Đại hội IV có 130 chi hội và hơn 1.000 hội viên, chưa hình thành hệ thống tổ chức báo chí trong cả nước).

Trên cơ sở kiện toàn tổ chức ở nhiệm kỳ IV, với tư cách là một tổ chức chính trị và nghề nghiệp, Hội Nhà báo Việt Nam đã gắn bó hơn với hoạt động của báo chí trong tình hình mới. Trước yêu cầu cấp bách đổi mới báo chí và báo chí tham gia phê bình, đấu tranh chống tiêu cực, Ban Chấp hành khóa IV đã triệu tập một phiên họp ba ngày vào tháng 8-1987 để trao đổi về cuộc vận động này. Hội nghị đánh giá cao vai trò của báo chí về bước đầu đổi mới thông tin, về đấu tranh chống tiêu cực, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Ban Chấp hành Hội cũng đã nghiêm túc tự phê bình công tác của Hội còn thiếu năng động, chưa theo kịp sự phát triển của lực lượng báo chí trong cả nước, chưa theo sát cuộc đấu tranh chống tiêu cực trên báo chí để từng bước rút kinh nghiệm, hướng dẫn, giúp đỡ, cổ vũ các chi hội trong

cuộc đấu tranh này. Hội cũng đã đề nghị các hội nhà báo các tỉnh, thành phố, các chi hội thông qua cuộc đấu tranh chống tiêu cực và phong trào đổi mới báo chí để rà soát lại tổ chức và tư cách hội viên.

Ý thức về trách nhiệm là người đại diện cho hơn 6.200 người làm báo trong cả nước, Ban Chấp hành Hội đã phản ánh tâm tư, nguyện vọng và những kiến nghị của các nhà báo về những vấn đề cơ bản của công tác báo chí nước ta trong giai đoạn mới để Đảng và Nhà nước quan tâm giải quyết. Cuộc gặp và làm việc với các nhà báo của Ban Bí thư Trung Ương Đảng và đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh trong hai ngày 24 và 25-5-1988 đã thể hiện tình thần đó.

Về nghiệp vụ, trong thời kỳ này, Hội Nhà báo đã lựa chọn một số hình thức hoạt động thích hợp như sau:

- Tổ chức hội thảo phối hợp với các cơ quan báo chí, các chi hội ở trung ương và địa phương tổ chức một số cuộc hội thảo chuyên đề về đổi mới quan điểm làm báo, báo chí phê bình công khai chống tiêu cực, cải tiến công tác thông tin, quốc phòng, phê bình đấu tranh chống tiêu cực…
- Hằng năm, Hội còn phối hợp với Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam tổ chức và cùng với OIJ tham dự thi ảnh báo chí, tranh biếm họa ở Cuba, Irắc, Cộng hòa Dân chủ Đức, Liên Xô... Các tiểu phẩm và tác giả của ta dự thi đã được bạn đánh giá cao và có một số tác phẩm được giải cao.
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho các nhà báo. Sau khi Hội đồng Bộ trưởng quyết định cho thành lập *Trường Bồi dưỡng báo chí,* Hội đã phối hợp với các chi bộ ở trung ương và một số hội ở địa phương mở lớp bồi dưỡng ngắn hạn. Từ năm 1985 đã mở lớp bồi dưỡng cho hàng ngàn học viên, chủ yếu từ các tỉnh miền Trung trở ra. Hình thức mở lớp bồi dưỡng tại chỗ theo khu vực là hình thức thiết thực, có kết quả tốt, cần tiếp tục phát huy. Đồng thời, tranh thủ sử giúp đỡ của OIJ, của hội nhà báo một số nước anh em. Ngoài ra, Hội đã cử hàng trăm nhà báo ra nước ngoài học tập, theo các chương trình cả ngắn và dài hạn.

- Thành lập các câu lạc bộ báo chí chuyên đề (phát thanh, truyền hình, thể dục, thể thao, kinh tế, quốc tế…) là một yêu cầu bức thiết, tuy đã có chủ trương nhưng chưa thực hiện được vì thiếu phương tiện và cán bộ phụ trách.
- Xuất bản Tạp chí *Người làm báo* và các ấn phẩm báo chí. Lần đầu tiên Hội Báo chí Việt Nam xuất bản Tạp chí *Người làm báo* - cơ quan nghiệp vụ của Hội. Từ đó, duy trì xuất bản tạp chí một cách đều đặn. Theo thời gian, tạp chí được cải tiến về nội dung và hình thức và đã góp phần đắc lực vào việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt của người làm báo.
- Biên tập lịch sử báo chí là một công tác quan trọng. Hội đã thành lập Hội đồng nghiên cứu lý luận và lịch sử báo chí nhưng chỉ mới có đề cương hướng dẫn viết lịch sử báo, đài cho các hội và chi bộ. Đã khuyến khích một số nhà báo soạn thảo được hai tài liệu *"Soạn thảo lịch sử báo chí trước Cách mạng Tháng Tám".*
- Hội Nhà báo Việt Nam đã bước đầu tham gia xây dựng chính sách thông tin, báo chí, tham gia ý kiến xây dựng hệ thống lương báo chí, tuy chưa đáp ứng được mong muốn của người viết báo, nhưng có những điểm tiến bộ hơn so với hệ thống lương cũ. Trực tiếp tham gia xây dựng *Luật Báo chí* (được Quốc hội thông qua ngày 20-l-1990).

Những hoạt động đối ngoại trong quá trình làm báo đã góp phần tăng cường đoàn kết, hợp tác hữu nghị của Hội Nhà báo Việt Nam với Tổ chức quốc tế các nhà báo, các hội nhà báo các nước xã hội chủ nghĩa anh em ở thời điểm đó và báo chí nước ngoài. Bước đầu, hội có quan hệ với Tổ chức Văn hóa, giáo dục và khoa học (UNESCO), các hội nhà báo Indônêxia, Nhật Bản, Thái Lan, Malaixia... Hội đã tổ chức một số cuộc hội thảo ở Hà Nội, đặc biệt là Hội nghị các nhà báo các nước châu Á – Thái Bình Dương tháng 1-1988 tại thành phố Hồ Chí Minh[4].

Có thể nói, cùng với sự đổi mới của đất nước, hệ thống báo chí Việt Nam đã không ngừng đổi mới một cách toàn diện. Đề cập đến vấn đề này, nhà báo Hoàng Tùng viết: "Muốn tiến lên thì phải đổi mới liên tục, đổi mới toàn diện. Cái mới ngày hôm

qua đã trở thành cái cũ ngày hôm nay. Nước không chảy ngược. Người viết, người chỉ đạo phải săn đuổi cái mới, xử lý, làm rõ cái mới. Sát cuộc sống, nắm vững chính sách, quán triệt sáng tạo. Đó là sứ mệnh cao cả của đội ngũ các nhà báo chúng ta, trong đó Hội Nhà báo góp phần quan trọng, to lớn"[5].

II- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

l. Chỉ thị 08-CT/TW Và Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác báo chí, xuất bản

a) Chỉ thị Số 08-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về "Tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản"

Ngày 31-3-1992, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 08-CT/TW về "*Tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản"*. Ngày 17-4-1992, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương ra văn bản Hướng dẫn số 176 thực hiện chỉ thị nói trên. Đây là sự kiện vô cùng quan trọng của ngành tư tưởng văn hóa nói chung và lĩnh vực báo chí nói riêng.

Chỉ thị khẳng định những tiến bộ của báo chí nước ta trong thời kỳ đổi mới: "Báo chí (bao gồm báo viết, báo nói, báo hình) đã thông tin nhanh, phong phú, đa dạng, nhiều chiều theo định hướng chính trị của Đảng, đã phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đồng thời phản ánh nguyện vọng chính đáng và ý kiến xây dựng của nhân dân. Báo chí đã giới thiệu những nhân tố tích cực, khẳng định những thành tựu đổi mới và con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn, chống những hiện tượng tiêu cực, tham thũng, buôn lậu, những hành vi ức hiếp nhân dân, phê phán những quan điểm sai trái, chống những luận điệu thù địch".

Chỉ thị cũng nêu rõ: "Song, bên cạnh những ưu điểm cơ bản nói trên, công tác báo chí, xuất bản còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm, trong đó có những khuyết điểm nghiêm trọng và kéo dài".

Chỉ thị đã chỉ ra: "Sự lãnh đạo, quản lý lỏng lẻo của các cơ quan chức năng trung ương, của nhiều cấp uỷ đảng, cấp uỷ chính quyền, cơ quan chủ quản có báo và nhà xuất bản là nguyên nhân quan trọng của tình trạng nói trên".

Chỉ thị nêu rõ một số biện pháp cụ thể để khắc phục khuyết điểm nói trên.

"1. Ngay sau khi nhận được chỉ thị này, các cấp uỷ, các đồng chí phụ trách công tác báo chí, xuất bản đánh giá thực trạng báo chí, xuất bản ở địa phương mình và ngành mình, vạch rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, trách nhiệm"...

"2. Ban Bí thư giao cho Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với các ngành, các cấp hướng dẫn các cơ quan báo chí, xuất bản xây dựng và thực hiện kế hoạch đề tài nội dung sách báo phục vụ các nhiệm vụ đã ghi trong văn kiện Đại hội VII của Đảng cùng các văn kiện quan trọng khác của Đảng và Nhà nước từ sau Đại hội".

"3. Đến tháng 6-1992, các cấp uỷ đảng, các đồng chí phụ trách các ngành phải lãnh đạo thực hiện xong việc sắp xếp lại hệ thống báo chí, xuất bản theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả chính trị, tư tưởng, văn hóa".

"4. Báo chí, xuất bản thực hiện hạch toán thu chi để sử dụng tiền vốn có hiệu quả, phục vụ tốt các mục tiêu chính trị, văn hóa - tư tưởng...".

"5. Xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí, xuất bản đến năm 2000...".

"6. Kiện toàn cơ quan chỉ đạo của Đảng và cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản...".

Bản hướng dẫn của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương còn nhấn mạnh: "Mục tiêu bao trùm là giữ vững ổn định chính trị, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội".

Ngày 20-4-1992, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 133-HĐBT "Quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí". Bản Nghị định quy định chi tiết các vấn đề:

l. Bảo đảm quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo của công dân.

2. Tổ chức báo chí và nhà báo.

3. Quản lý nhà nước về báo chí.

4. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

Bản Nghị định cùng với Chỉ thị 08 là những sự kiện có ý nghĩa hết sức to lớn đối với sự phát triển báo chí nước ta trong quá trình đổi mới.

b) Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản"

- Bối cảnh ra đời của Chỉ thị 22:

Trong quá trình thực hiện Chỉ thị 08, báo chí nước ta phát huy được ưu điểm, khắc phục khuyết điểm và đã có bước phát triển mới. Đến năm 1997, cả nước đã có 450 đơn vị báo chí với 563 ấn phẩm các loại gồm 153 tờ báo, 290 tạp chí; cả nước đã có 17 trang Website phát trên mạng internet. Đội ngũ làm báo lên tới 7.560 người, trong đó 71% có trình độ đại học trở lên, 25% có trình độ ngoại ngữ bằng B trở lên. Số lượng tuyển sinh và đào tạo tập trung và tại chức đại học báo chí lên tới 400 – 500 người/năm. Số lượng sinh viên theo học báo chí lên tới hàng nghìn người.

Bên cạnh những thành tựu to lớn, báo chí lại xuất hiện những vấn đề mới. Trước hết, đó là khuynh hướng thương mại hóa với nhiều biểu hiện khác nhau chưa được khắc phục, mà ngược lại có chiều hướng phát triển. Tính trạng xa rời tôn chỉ, mục đích diễn ra khá phổ biến. Điều đó thể hiện ở việc coi nhẹ chức năng tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng. Trên một số ít báo chí, đã có những tin bài, hình ảnh có nội dung tư tưởng, quan điểm sai trái, chất lượng chính trị, văn hóa, khoa học, nhất là chất lượng chính trị của một số ấn phẩm báo chícòn thấp. Một số cơ quan quản lý, nhất là cơ quan chủ quản đã không thường xuyên kiểm tra nên một số tờ báo xa rời tôn chỉ, mục đích. Một số ấn phẩm đã bị tư nhân thao túng, nhiều

nhà báo vi phạm đạo đức nghề nghiệp, chế độ chính sách đối với báo chí chưa được xem xét.

Để khắc phục các khuyết điểm đó, tạo điều kiện cho báo chí phát triển lên một tầm cao mới, ngày 17-10-1997, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 22 *"Tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản".*

Chỉ thị đã nêu rõ: "Hoạt động báo chí - xuất bản đã có chuyển biến tích cực và tiến bộ nhiều mặt" sau khi có Chỉ thị 08.

Chỉ thị 22 cũng nêu rõ những thiếu sót, khuyết điểm như "khuynh hướng thương mại hóa" coi nhẹ biểu dương "người tốt, việc tốt", "coi nhẹ công tác đấu tranh tư tưởng". Bản chỉ thị nhấn mạnh "Kiểm tra và xử lý những hành động tiêu cực, những vi phạm pháp luật về hoạt động báo chí, xuất bản còn chậm".

- Chỉ thị nêu ra một số nhiệm vụ quan trọng:

"1. Nắm vững các quan điểm và định hướng lớn trong hoạt động báo chí - xuất bản", trong đó nhấn mạnh: *"Báo chí - xuất bản đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng", "Phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng"; "Tiếp tục phát triển sự nghiệp báo chí - xuất bản đi đôi mới quản lý tốt".*

"2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin dựa trên dự kiến quy hoạch tổng thể báo chí, xuất bản đến năm 2000 và những năm tiếp theo để kiểm tra, xem xét cụ thể và chấn chỉnh kịp thời theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả, trước mắt cần chấm dứt tình trạng in ấn sách, báo, số phụ, số chuyên đề có nội dung xấu".

"3. Khẩn trương quy hoạch và sắp xếp lại hệ thống trường lớp, nâng cao chất lượng đào tạo".

"4. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp với Hội Nhà báo Việt Nam, các ban, bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề nghị sửa đổi, bổ sung và ban hành các chế độ, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động báo chí".

"5. Các cấp uỷ, chính quyền, cơ quan chủ quản phải chịu trách nhiệm về mọi mặt quản lý và chỉ đạo chặt chẽ báo chí, xuất bản của cấp mình, ngành mình, đơn vị mình".

Chỉ thị 22 là cột mốc quan trọng trong quá trình đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý báo chí. Đó là cẩm nang để tiếp tục phát triển ngành báo chí Việt Nam.

2. Hoạt động của tổ chức Hội Nhà báo

a) Đại hội lần thứ VI Hội Nhà báo Việt Nam

Trong không khí phấn khởi trước bước phát triển mới của báo chí Việt Nam, Đại hội lần thứ VI của Hội Nhà báo Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội. Đến dự Đại hội có đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười, đồng chí Nguyễn Đức Bình, Uỷ viên Bộ Chính trị. Phát biểu tại Đại hội, đồng chí Đỗ Mười nhấn mạnh: "Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương đội ngũ những người làm báo trong cả nước về những thành tựu mà các đồng chí đã đạt được trong những năm qua".

Bên cạnh những thành tựu đó, phải thẳng thắn thừa nhận báo chí ta thời gian qua cũng còn nhiều mặt yếu. Đồng chí Tổng Bí thư giao nhiệm vụ cho báo chí: "Cần phản ánh và tham gia tổng kết thực tiễn, cơ sở khoa học cho việc cụ thể hóa và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới", "cổ vũ nhân dân ta tiết kiệm để công nghiệp hóa", "cần tiếp tục coi trọng nhiệm vụ phát triển văn hóa".

Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban Chấp hành khóa V với nhan đề "Báo chí vì sự nghiệp đổi mới và hiện đại đất nước", thông qua "Điều lệ Hội Nhà báo Việt Nam" và "Quy ước về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của báo chí Việt Nam".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam khóa VI gồm 35 đồng chí. Đồng chí Phan Quang được bầu làm Chủ tịch Hội. Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký: Trần Mai Hạnh, Phó Chủ tịch: Nguyễn Long Khởi.

Đại hội lần thứ VI Hội Nhà báo Việt Nam là cột mốc quan trọng trên đà phát triển của báo chí nước nhà.

b) Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam

Trong không khí kỷ niệm 70 năm ngày báo chí cách mạng và 50 năm thành lập Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 24 và 25-3-2000, Đại hội lần thứ VII Hội Nhà báo Việt Nam đã được tổ chức trọng thể tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội.

Tham dự Đại hội có 326 đại biểu đại diện cho 8.500 hội viên Hội Nhà báo Việt Nam. Đại hội được đồng chí Phan Văn Khải, Uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ đến dự. Phát biểu tại Đại hội, đồng chí Phan Văn Khải nêu bật những thành tựu to lớn của ngành báo chí Việt Nam, những yếu kém, bất cập của ngành.

Đồng chí Phan Văn Khải nhấn mạnh: "Quy ước đạo đức nghề nghiệp báo chí Việt Nam" được Đại hội lần thứ VI, Hội Nhà báo thông qua đã và đang đi vào đời sống báo chí. Hội Nhà báo Việt Nam phải giương cao ngọn cờ tư tưởng của báo chí cách mạng và tư tưởng của vị lãnh tụ và nhà báo vĩ đại Hồ Chí Minh - tổ chức, động viên các nhà báo và cổ vũ toàn dân phấn đấu giành những thắng lợi, đạt tầm phát triển mới về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân và của Đảng".

Báo cáo của Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam khóa VI mang tiêu đề *"Báo chí vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc và của Đảng những năm đầu của thế kỷ mới"*. Báo cáo đề cập tới tình hình báo chí và đội ngũ người làm báo Việt Nam 5 năm qua (1995 - 1999) về nội dung và hình thức của báo chí, về bước trưởng thành của đội ngũ nhà báo. Báo cáo cũng rút ra các bài học kinh nghiệm 15 năm phấn đấu vì sự nghiệp đổi mới đất nước. Báo cáo nhấn mạnh: "Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của giới báo chí Việt Nam và Hội Nhà báo Việt Nam trong 5 năm của nhiệm kỳ khóa VII (2000 - 2004) được xác định là: Mọi hoạt động báo chí phải hướng vào phục vụ nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tranh thủ

thời cơ, vượt qua thách thức, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam gồm 39 đồng chí. Đồng chí Hồng Vinh, Uỷ viên Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch Hội và được Ban Bí thư chỉ định làm Bí thư Đảng Đoàn của Hội.

Đại hội VII Hội Nhà báo Việt Nam có ý nghĩa hết sức to lớn. Đây là cột mốc đánh đấu bước trưởng thành của ngành báo chí Việt Nam, của đội ngũ những người làm báo chí cách mạng. Đại hội là một sự khẳng định rõ ràng những người làm báo Việt Nam đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc và sự nghiệp đổi mới đất nước. Nó cũng báo hiệu một tương lai sáng sủa của ngành báo chí Việt Nam trong thế kỷ XXI.

c) Đại hội thi đua toàn quốc giới báo chí Việt Nam lần thứ nhất

Vào cuối năm 2000, một sự kiện nổi bật của ngành báo chí đã diễn ra: Đại hội thi đua toàn quốc giới báo chí Việt Nam lần thứ nhất. Đại hội diễn ra vào ngày 11-11-2000, tại Hà Nội. Tham gia Đại hội có 321 đại biểu các nhà báo thuộc các loại hình báo chí, công tác trên mọi miền đất nước. Đại hội đã được đón đồng chí Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đến dự và trao Huân chương Hồ Chí Minh cho báo giới. Phát biểu tại Đại hội, đồng chí Nông Đức Mạnh nói: "Chính trong thực tiễn sinh động của đất nước trong 15 năm qua, bản thân báo chí nước ta đã tự đổi mới chính mình với một tốc độ phát triển khá nhanh so với 15 năm trước đây. Hiện nay, chúng ta có gần 500 cơ quan báo chí trên cả nước với nhiều loại báo chí khác nhau: báo viết, báo nói, báo hình, báo điện tử, nối mạng internet"... "với hình thức trình bày ngày càng sinh động, hấp dẫn hơn"… Đặc biệt, đội ngũ báo chí nước ta với hơn 9.000 nhà báo chuyên nghiệp mà đại bộ phận có quan điểm chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân. Đồng chí Nông Đức Mạnh khẳng định: "Huân chương Hồ Chí Minh - phần thưởng cao quý mà Đảng và Nhà nước quyết định trao tặng Hội Nhà báo và giới báo chí Việt Nam

là sự đánh giá cao của Đảng, Nhà nước và nhân dân về sự đóng góp to lớn, quan trọng của báo chí trong sự nghiệp cách mạng của nước nhà".

Về ý nghĩa của Đại hội, đồng chí Hồng Vinh nêu rõ: "Ngày nay, nước ta đã có một lực lượng báo chí hùng hậu: gần 500 cơ quan báo chí và gần 600 ấn phẩm của các loại hình báo chí của trung ương, của các cấp, các ngành, các địa phương, với công nghệ làm báo khá hiện đại, phát hành gần 600 triệu bản/năm... Có thể nói đây là thời kỳ phát triển mạnh mẽ nhất của ngành truyền thông và giới báo chí nước ta".

Đồng chí Hồng Vinh cũng khẳng định: "Nhiều nhà báo đã bám sát các phong trào thi đua yêu nước để có các tác phẩm báo chí sinh động, có sức rung động lòng người, cổ vũ kịp thời tinh thần thi đua lao động sáng tạo".

Có thể nói đây chính là nét đặc sắc và cũng là thành tích đóng góp xuất sắc nhất của phong trào thi đua yêu nước trong giới báo chí Việt Nam. Với những thành tích, kết quả thi đua yêu nước đã nói trên đây, giới báo chí Việt Nam đã nhiều lần được Đảng, Nhà nước biểu dương, khen ngợi, được nhân dân tin cậy và yêu mến. Tại lễ kỷ niệm trọng thể 75 năm báo chí cách mạng Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã trao tặng giới báo chí và Hội Nhà báo Việt Nam bức trướng mang dòng chữ *"Báo chí cách mạng Việt Nam: trung thành, đoàn kết, trí tuệ, đổi mới vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".* Và điều vinh dự lớn lao đối với giới báo chí Việt Nam, tại Đại hội thi đua này, Đảng và Nhà nước đã trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho ngành báo chí và Hội Nhà báo Việt Nam nhân 50 năm thành lập Hội. Đó là sự đánh giá toàn diện về những đóng góp quan trọng của báo chí nước ta trong nửa thế kỷ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nguồn cổ vũ, khích lệ chúng ta tiếp tục đẩy tới phong trào thi đua yêu nước trong thời kỳ mới.

III- NHIỆM VỤ CỦA BÁO CHÍ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Đổi mới tư duy và hoạt động báo chí

Sự nghiệp cách mạng và công cuộc đổi mới của Đảng ta, nhân dân ta đang đứng trước những thời cơ và thuận lợi to lớn, đồng thời cũng có cả nguy cơ và thách thức. Dưới tác động mạnh mẽ của khủng hoảng kinh tế khu vực và âm mưu bao vây cấm vận kinh tế của Mỹ trong những năm đầu của thập kỷ 90 của thế kỷ XX, trước sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, cùng với chiến lược "diễn biến hòa bình" nguy hiểm chống Việt Nam của các thế lực thù địch, báo chí Việt Nam đã phải đối mặt với những yêu cầu, nhiệm vụ mới. Trong bản Hướng dẫn số 176 của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương ngày 17-4-1992 về thực hiện Chỉ thị 08 ngày 31-3-1992 của Ban Bí thư về công tác báo chí, xuất bản đã nêu rõ trách nhiệm, yêu cầu của báo chí như sau:

a) Báo chí, xuất bản dù cơ quan của Đảng và Nhà nước, các đoàn thể quần chúng hay tổ chức xã hội đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động theo pháp luật.

b) Thực hiện vai trò vừa là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước, của đoàn thể, vừa là diễn đàn của nhân dân, sách, báo cần:

- Tăng cường phản ánh ý kiến thu hút trí tuệ của nhân dân đóng góp vào công cuộc đổi mới.
- Đồng thời phê phán những quan điểm lệch lạc, đề cao cảnh giác, chống lại những âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch.

c) Trách nhiệm của báo chí, xuất bản là:

- Góp phần làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, động viên toàn Đảng, toàn dân vượt mọi khó khăn, năng động, sáng tạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng.
- Mục tiêu bao trùm: là giữ vững ổn định chính trị, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

d) Phát triển báo chí, xuất bản theo hướng nâng cao chất lượng nhằm:

- Đáp ứng nhu cầu thông tin, nâng cao kiến thức.

- Cổ vũ nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống tiêu cực.
- Bảo tồn, phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
- Đề cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường kết hợp với mở rộng quan hệ quốc tế, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Biểu dương tính trung thực, lòng nhân ái, tinh thần dũng cảm, tình yêu cao đẹp, chân chính, phê phán thói hư tật xấu, tính giả dối, độc ác, thị hiếu thấp kém.

Trải qua 5 năm thực hiện Chỉ thị 08, báo chí nước ta đã có bước tiến mới, đất nước đã có những thay đổi. Cuộc khủng hoảng kinh tế đã được ngăn chặn. Sự nghiệp đổi mới bước đầu giành thắng lợi. Đại hội VIII của Đảng đã chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tới, chuẩn bị hành trang để Đảng ta và nhân dân ta bước vào thế kỷ XXI. Điều đó, càng đòi hỏi sự nghiệp báo chí, xuất bản và đội ngũ những người chỉ đạo, quản lý và hoạt động trên lĩnh vực đặc biệt quan trọng và nhạy cảm này phải không ngừng vươn lên, tiếp tục đổi mới hoạt động của mình, phấn đấu để ngày càng có nhiều tác phẩm báo chí - xuất bản xuất sắc, có tác động cổ vũ phong trào cách mạng của nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tại Hội nghị báo chí toàn quốc (năm 1997), Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã cụ thể hóa các quan điểm và nhiệm vụ của báo chí:

1. Các quan điểm về báo chí

Hoạt động báo chí trong thời kỳ này cần nắm vững và vận dụng trong hoạt động thực tiễn những quan điểm cơ bản sau đây:

- Báo chí - xuất bản đặt đước sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Báo chí là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước, của các tổ chức chính trị, xã hội và là diễn đàn của nhân dân. Sách, báo trước hết là phương tiện tác động tư tưởng, văn hóa. Các cơ quan báo chí - xuất bản hoạt động theo định hướng của

Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhằm phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội hình thành dư luận xã hội lành mạnh, cổ vũ phong trào cách mạng của quần chúng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Báo chí là phương tiện thông tin, giáo dục và chỉ đạo. Sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước phải đảm bảo và tạo điều kiện thuận lợi cho báo chí thông tin, bình luận nhanh nhạy, kịp thời, chân thật, thể hiện được tính tư tưởng, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng. Tính chiến đấu thể hiện qua việc bảo vệ và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta, coi trọng biểu dương các nhân tố tích cực, người tốt, việc tốt; phê phán cái xấu, cái ác, cái đồi trụy, đấu tranh chống các quan điểm, luận điệu sai trái, xấu độc, lối sống xa hoa, trụy lạc xa rời truyền thống văn hóa dân tộc, hành vi tham ô, lãng phí, quan liêu nhằm mục tiêu xây dựng con người Việt Nam có lý tưởng cao đẹp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có kiến thức ngày một nâng cao, có đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng.

- Báo chí và xuất bản phải không ngừng phát triển, nhưng phát triển phải đi đôi với quản lý tốt, trước hết coi trọng chất lượng chính trị, văn hóa, nghiệp vụ và kỹ thuật, đặc biệt là chất lượng chính trị, bảo đảm đưa thông tin đến với mọi nhà, mọi vùng, phù hợp với tầng lớp, lứa tuổi, với những sản phẩm đúng, hay và đẹp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân ở trong nước, ngoài nước, và để có thể hội nhập bình đẳng trên thế giới.

- Người làm báo, biên tập trong các cơ quan báo chí, xuất bản phải là chiến sĩ xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, hoạt động theo định hướng của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Phải là những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kiến thức sâu rộng, có đạo đức cách mạng và

đạo đức nghề nghiệp trong sáng, có nghiệp vụ vững vàng, luôn luôn gắn bó với đồng chí, đồng bào, với thực tiễn đất nước để sáng tạo ra những sản phẩm chính trị, văn hóa có giá trị và có đủ khả năng hội nhập với các bạn đồngnghiệp trên thế giới, trước hết là trong khu vực.

2. Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động báo chí, xuất bản

Chủ động và tích cực góp phần vào việc tuyên truyền, giải thích quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm cho toàn Đảng, toàn dân quán triệt sâu sắc và nhất trí cao với đường lối, chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Đảng được thể hiện trong văn kiện Đại hội VIII và nghị quyết của các kỳ Hội nghị Trung ương Đảng, trong các luật, nghị định của Nhà nước, trong các chương trình, nhiệm vụ công tác của Trung ương Đảng và Chính phủ. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là chủ đề trung tâm của hoạt động báo chí, xuất bản.

Bám sát thực tiễn đất nước, góp phần tổng kết và phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến, đồng thời đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, các tệ nạn xã hội, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, tình cảm, tri thức, nhân cách, đạo đức, lối sống đáp ứng tình hình nhiệm vụ mới, động viên, cổ vũ phong trào cách mạng của nhân dân thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị đã được Đại hội VIII đề ra.

Tích cực và chủ động góp phần vào cuộc đấu tranh tư tưởng, đấu tranh lý luận; kịp thời làm thất bại âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Cương lĩnh của Đảng, đường lối đổi mớicủa Đảng và Nhà nước ta, thành quả cách mạng và của sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; làm tốt công tác thông tin đối ngoại, góp phần tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới và kiều bào ta ở nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Tất cả các loại hình báo chí, xuất bản và đội ngũ những người trực tiếp chiến đấu trên lĩnh vực này phải coi đây là nhiệm vụ chủ yếu, thường xuyên, quan trọng nhất và cũng là lý do tồn tại và phát triển của mình.

3. Hoạt động báo chí, xuất bản và những chiến sĩ hoạt động trên mặt trận này phải quán triệt sâu sắc nền tảng tư tưởng, cương lĩnh của Đảng

Đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng được thể hiện trong các văn kiện của Đại hội VIII; quán triệt và thấm nhuần sâu sắc quan điểm báo chí - xuất bản của Đảng, phát huy ưu điểm, đồng thời đấu tranh để khắc phục các quan điểm, khuynh hướng lệch lạc, sai trái trong hoạt động báo chí - xuất bản đã nêu ở trên. Chủ động và tích cực góp phần xứng đáng vào việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Giáo dục và rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ báo chí, xuất bản là một đòi hỏi rất quan trọng, là vấn đề cơ bản của sự nghiệp báo chí, xuất bản, cần tiến hành thường xuyên, có nền nếp. Trong quá trình đấu tranh làm trong sạch xã hội, báo chí, xuất bản cũng cần phải kiên quyết đấu tranh khắc phục các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động làm báo, xuất bản, làm trong sạch đội ngũ của mình, xứng đáng với lòng tin của Đảng và của nhân dân. Hơn ai hết, những người làm báo chí, xuất bản phải thường xuyên nâng cao trách nhiệm đảng viên, trách nhiệm công dân, thực hiện đúng đắn quy ước đạo đức nghề nghiệp của những người làm báo, trước hết của các tổng biên tập, giám đốc, trưởng chuyên mục và phóng viên, biên tập viên. Thông qua nhiều hình thức: các lớp học tập trung, tại chức, các hình thức tự học tập, tự nghiên cứu, tìm hiểu và khảo sát thực tiễn... các cơ quan chỉ đạo và quản lý báo chí - xuất bản các cơ quan chủ quản, các tòa soạn báo chí, nhà xuất bản cũng như từng cán bộ, phóng viên, biên tập viên… xây dựng kế hoạch cụ thể, thích hợp để thường xuyên bồi dưỡng và từng bước nâng cao trình độ lý luận chính trị, lập trường quan điểm,

phẩm chất đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật để có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành nhiệm vụ cao quý mà Đảng và nhân dân đã tin cậy giao phó.

4. Tổ chức cho các cơ quan báo chí, xuất bản quán triệt những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, giữ vững tôn chỉ, mục đích của từng tờ báo, nhà xuất bản

Sắp xếp lại báo chí (cả báo viết, báo nói, báo hình) - xuất bản (cả in ấn và phát hành) phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện đúng phương châm Đảng đã đề ra: "phát triển đi đôi với quản lý tốt". *Nguyên tắc của việc chấn chỉnh là:*có nhu cầu thông tin, đồng thời phù hợp với điều kiện, khả năng của đất nước và khả năng chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí - xuất bản của cơ quan chủ quản, có đủ cán bộ, phóng viên... trực tiếp tác chiến trên lĩnh vực này, về cơ bản có nguồn tài chính bảo đảm. Chủ động chuẩn bị cho bước phát triển mới của hoạt động báo chí, xuất bản.

Về số lượng và cơ cấu loại hình báo chí, xuất bản sẽ được xem xét để phát triển từng bước, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao và phong phú của xã hội, phù hợp với sự phát triển của đất nước, với khả năng và điều kiện đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, của đội ngũ cán bộ quản lý, phóng viên, biên tập viên, phấn đấu thu hẹp khoảng cách phát triển của báo chí - xuất bản của ta so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Xử lý nghiêm các trường hợp thông tin sai sự thật gây hậu quả không tốt, tuyên truyền dâm ô, bạo lực, trái với truyền thống văn hóa dân tộc và những trường hợp vi phạm pháp luật khác. Hoạt động báo chí, xuất bản phải gương mẫu trong việc thi hành đúng định hướng tư tưởng, đúng luật pháp. Thực hiện đúng chế độ quản lý của Nhà nước trong việc xây dựng và sử dụng các quỹ từ thiện, tài trợ... do các cơ quan báo chí tổ chức. Đánh giá đầy đủ các mặt hợp tác với nước ngoài về in ấn và phát hành đối với một số tờ báo.

5. Tăng cường các cơ sở đào tạo cán bộ báo chí, xuất bản đã có, bảo đảm việc đào tạo cán bộ báo chí, xuất bản chủ yếu từ trong nước

Đảng thống nhất quản lý dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ báo chí - xuất bản trong toàn quốc, nhất là về nội dung chương trình, sách giáo khoa, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy, về xác định chỉ tiêu, tiêu chuẩn, tổ chức chiêu sinh, về kế hoạch đầu tư để từng bước xây dựng cơ sở vật chất, trang bị phương tiện kỹ thuật dạy và học tiên tiến, hiện đại đối với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí - xuất bản.

6. Củng cố, kiện toàn tổ chức và tăng cường đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng cho các cơ quan tham mưu, chỉ đạo và quản lý hoạt động báo chí xuất bản (cả in ấn và phát hành) từ trung ương đến cơ sở, có sự phân công, phân cấp quyền hạn trách nhiệm rõ ràng.

Đề nghị Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước hoạt động báo chí - xuất bản, kiểm tra việc thực hiện luật báo chí - xuất bản, chủ trì việc xây dựng đề án và tổ chức thực hiện chiến lược thông tin quốc gia; khen thưởng và xử lý các sai phạm về hoạt động báo chí - xuất bản trong phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan chủ quản báo chí, xuất bản chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, quản lý các hoạt động báo chí - xuất bản của mình hoặc những báo chí, tạp chí, nhà xuất bản được giao trách nhiệm chỉ đạo, quản lý từ phương hướng, nội dung đến công tác cán bộ, kịp thời biểu dương thành tích, ưu điểm cũng như xử lý các sai phạm khuyết điểm nếu có của các đơn vị này. Có phương án tổ chức thích hợp để bảo đảm trách nhiệm cụ thể của cơ quan chủ quản và phát huy lãnh đạo tập thể trong các cơ quan báo chí, nhà xuất bản.

2. Những kết quả thực hiện

a) Báo chí phát triển về số lượng, đổi mới về thông tin

Bước vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX, báo chí Việt Nam đã có bước phát triển mới. Theo số liệu thống kê vào tháng 10 - 1991, số lượng báo chí có 350 tờ (154 tạp chí), bao gồm báo ở trung ương và địa phương. Đài phát 36 giờ/ngày và phát 11 thứ tiếng nước ngoài với thời lượng 26 giờ/ngày. Đài phát thanh địa phương có 49/53 tỉnh, thành phố. Tỷ lệ dân nghe đài: 31%, diện phủ sóng 55%. Đài Truyền hình Việt Nam phát sóng 8 giờ/ngày với hai chương trình (chương trình l mang tính tổng hợp, chương trình 2 về khoa giáo), khi có sự kiện chính trị quan trọng (Đại hội Đảng, họp Quốc hội... có thêm bản tin tiếng Anh phục vụ yêu cầu tuyên truyền đối ngoại). Thông tấn xã Việt Nam, có thường trú ở tất cả các tỉnh, thành phố cả nước và có 13 phân xã ở nước ngoài. Đã có 3 cơ sở đào tạo cán bộ báo chí là Phân viện Báo chí và tuyên truyền (bắt đầu đào tạo năm 1962), Khoa Báo chí - Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội (bắt đầu dào tạo năm 1991), khoa Ngữ văn và báo chí - Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn thành phố Hồ Chí Minh (bắt đầu đào tạo năm 1992).

Trải qua 5 năm đổi mới, vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX, báo chí của chúng ta mặc dù gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và thiếu thốn về phương tiện kỹ thuật nhưng vẫn phát triển. Sự phát triển biểu hiện rõ qua phong trào báo chí phục vụ sự nghiệp đổi mới đất nước.

Nhiều cơ quan thông tin đại chúng đã đi đúng hướng, đổi mới thông tin thông qua việc mở rộng thông tin, báo chí phổ biến và giải thích đường lối, quan điểm của Đảng, phản ánh những hoạt động tích cực ở cơ sở, giới thiệu những kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, góp phần làm cho các Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, mang lại hiệu quả rõ rệt, nhất là trong công cuộc cải cách kinh tế.

Để đạt được mục tiêu đó, các báo, đài đã cố gắng thực hiện truyền tải những thông tin đa chiều, làm cho thông tin đa dạng, phong phú hơn. Tin trong nước, tin thế giới được chọn lọc từ nhiều nguồn, biên tập lại và trình bày tập trung, hấp dẫn, bổ ích hơn.

Các báo, đài cũng đã chú ý đưa tin toàn diện hơn, bên cạnh đưa tin về những điều hay, những thành tựu, ưu điểm cũng như đã thông tin về những khó khăn, khuyết điểm, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Báo, đài bước đầu tìm hiểu nhu cầu và thị hiếu của bạn đọc, bạn nghe, đưa nhiều tin tức hơn về những sinh hoạt đời thường, như việc đi lại, học hành của nhân dân, giá cả thị trường, tình hình điện nước... Ngoài ra báo, đài còn mở thêm mục quảng cáo.

Báo, đài đã thông tin cả một số mặt sai sót hoặc không còn phù hợp của một số chính sách, của cơ chế quản lý kinh tế, chú trọng phát hiện và phân tích những thiếu sót do cơ chế và tổ chức thực hiện chưa đồng bộ, chưa hợp lý gây ra, nêu lên những kiến nghị của cơ sở, của người sản xuất; đề xuất những vấn đề yêu cầu các cấp các ngành có thẩm quyền giải quyết. Những kiến nghị hợp tình, hợp lý của nhân dân được phản ánh trên báo, đài là một đóng góp đáng kể của báo chí, giúp Đảng và Nhà nước xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách, pháp luật.

Các tạp chí, báo chuyên ngành, xưởng phim thời sự, thời gian qua cũng đã có nhiều đổi mới về mở rộng thông tin, từ thông tin lý luận, thông tin kinh tế - xã hội đến thông tin khoa học kỹ thuật, thông tin văn hóa - thể thao.

Thông tin đối ngoại có những cố gắng đổi mới, đã thông tin nhiều hơn về tình hình nước ta với những tin phong phú, đa dạng thể hiện đúng quan điểm của Đảng ta, phù hợp với đối tượng nước ngoài. Tuy nhiên, nhìn chung, công tác thông tin đối ngoại của ta chưa được chú ý đúng mức, còn nhiều khó khăn và hạn chế.

Việc mở rộng thông tin đã góp phần hình thành tư duy mới, nâng cao kiến thức, mở lộng tầm nhìn của cán bộ và nhân dân trên nhiều lĩnh vực.

b) Báo chí tích cực tham gia đấu tranh chống tiêu cực

Cùng với việc tiếp tục phản ánh ý kiến của nhân dân đóng góp với Đại hội lần thứ VI của Đảng, báo chí mở cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, phê bình công khai, có địa chỉ và yêu cầu xử lý nghiêm minh những vụ việc tiêu cực và những cán bộ phạm sai lầm.

Ngày 25-5-1987, trên các báo, đài đồng chí Nguyễn Văn Linh mở mục *"Những việc cần làm ngay",* tiếp đó, hầu hết các báo, đài mở chuyên mục *"Hưởng ứng những việc cần làm ngay".* Bằng nhiều hình thức và thể tài, báo chí trong Nam ngoài Bắc phanh phui trước công luận nhiều vụ tiêu cực, nghiêm khắc phê phán những hiện tượng một số người đặc quyền, đặc lợi, vi phạm quyền công dân, áp bức quần chúng, làm ăn bê bối.

Thư bạn đọc gần xa tới tấp gửi về tòa soạn báo, đài. Nhiều người tìm đến các cơ quan thông tin đại chúng để nhờ nói lên nỗi oan ức của mình. Chưa bao giờ bạn đọc gắn bó với báo chí như những ngày này. Họ thấy đây là nơi đáng tin cậy và nhân dân đã sử dụng báo chí để đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực, bất công trong xã hội

Cuộc đấu tranh diễn ra hết sức gay go, phức tạp. Nhiều trường hợp, người bị phê bình, mặc dù sự việc đã rõ ràng, vẫn tìm mọi cách chống lại bằng nhiều thủ đoạn, từ "im lặng đáng sợ", nhận lỗi qua loa cho xong chuyện đến đe dọa, trù dập người phê bình mình hoặc tìm "ô dù" và kiện cáo, làm cho tình hình thêm phức tạp.

Nhìn chung, cuộc đấu tranh chống tiêu cực trên báo, đài thời gian qua về cơ bản là đúng hướng, chọn đúng vấn đề. Những vụ việc đấu tranh có kết quả là do:

l. Nhân dân phát hiện những hiện tượng tiêu cực, kiên trì đấu tranh.

2. Báo chí với ý thức trách nhiệm xã hội của mình, cân nhắc chọn lựa, điều tra, đưa đúng vụ việc tiêu biểu ra công khai.

3. Có sự phối hợp giữa các cơ quan báo, đài khi đề cập những vụ việc quan trọng và phức tạp.

4. Các cơ quan Đảng và Nhà nước có trách nhiệm quan tâm kiểm tra, kết luận và xử lý.

Báo chí thông qua đấu tranh chống tiêu cực đã góp phần vào cuộc vận động làm trong sạch tổ chức đảng, bộ máy nhà nước, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, góp phần phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng và trong xã hội, minh oan cho người

vô tội, lên án những hành vi trù dập người phê bình. Báo chí cũng lên án những người lợi dụng dân chủ để vu cáo, xuyên tạc sự thật, hỗ trợ các cơ quan pháp luật và quần chúng đấu tranh để lập lại trật tự kỷ cương và công bằng xã hội.

Trong cuộc vận động này, báo chí cũng có những khuyết điểm, thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Đó là chưa đi sâu phát hiện và đưa ra trước công luận bọn buôn gian bán lận, làm giàu phi pháp, bọn lưu manh côn đồ lợi dụng những sơ hở trong công tác quản lý, có những thủ đoạn tinh vi móc nối với những kẻ thoái hóa, biến chất trong các cơ quan nhà nước, gây thiệt hại cho nền kinh tế.

Báo chí cũng chưa thật sắc bén, tập trung phê phán lối sống thực dụng, sa đọa, chạy theo đồng tiền, danh lợi, coi thường giá trị đạo đức tinh thần. Lối sống này đang là độc tố tác động vào nhân sinh quan của thế hệ trẻ nước ta, nó đã trở thành vấn đề bức xúc của xã hội.

Đấu tranh chống tiêu cực là việc làm đầy khó khăn. Trong khi đó, người làm báo còn thiếu kiến thức, chưa có đủ kinh nghiệm và từng trải cuộc sống, cũng có khi do động cơ thiếu trong sáng cho nên trở thành thiếu khách quan, trung thực. Một số vụ việc phê bình chưa trúng, có vụ nêu không đúng sự thật, làm phương hại đến uy tín của người bị phê bình. Các cơ quan báo chí vì không nhất trí và thiếu tôn trọng nhau, đã dẫn đến truy chụp lẫn nhau gây ảnh hưởng không tốt đến dư luận.

Cũng có nhiều vụ việc báo chí nêu lên chưa được những người có trách nhiệm và các cơ quan chức năng quan tâm xem xét, kết luận và xử lý. Có hiện tượng một số người lơi dụng chức quyền, dùng nhiều thủ đoạn hạn chế báo chí đấu tranh chống tiêu cực. Trong khi nhiều cấp uỷ đảng và lãnh đạo các ngành ủng hộ, lãnh đạo và phối hợp với các cơ quan báo chí để làm rõ những vụ việc tiêu cực thuộc phạm vi trách nhiệm của mình và xử lý nghiêm minh, thì một số đồng chí cán bộ lãnh đạo chưa quán triệt chủ trương của Đảng, chưa phối hợp với báo chí để đấu tranh chống tiêu cực.

Mỗi cơ quan báo chí cần tiếp tục tổng kết, rút kinh nghiệm sâu sắc trong công tác phê bình, đấu tranh chống tiêu cực, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức của nhà báo trong khi làm nhiệm vụ. Cần rút kinh nghiệm cả về quan điểm, thái độ, phương pháp điều tra, nghiệp vụ thể hiện bài phê bình, đồng thời cần có thái độ xử lý nghiêm khắc đối với nhà báo phê bình với động cơ không trong sáng.

c) Cổ vũ nhân tố mới

Đi đôi với chống tiêu cực, báo chí đã cố gắng phát hiện những nhân tố mới, cổ vũ những "điểm sáng", những điển hình tiên tiến. Nhìn lại các số báo, các chương trình phát thanh, các buổi truyền hình, các phim thời sự đều có thể thấy chúng ta đã chú ý biểu dương cái mới do báo chí phát hiện, cổ vũ và đã trở thành điển hình tiên tiến. Nhiều kinh nghiệm của nhân dân đã được tổng kết, làm cơ sở cho nhiều nghị quyết của Đảng về đổi mới quản lý, sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ chế mới. Trên báo viết, báo nói, báo hình, báo ảnh ngày càng xuất hiện nhiều hơn những mô hình mới về ba chương trình kinh tế lớn, đó là "khoán 10" trong nông nghiệp; kinh tế nhiều thành phần; nhữngthành tựu áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Tuy nhiên cũng phải thừa nhận không ít báo chí đã có lúc thiên về chống tiêu cực, chưa thật coi trọng việc phát hiện và cổ vũ gương tốt về những con người, những đơn vị kinh tế quốc doanh công nghiệp, nông nghiệp, phân phối lưu thông, những đơn vị đã vươn lên tháo gỡ khó khăn, tìm ra cách làm ăn mới, đem lại hiệu quả kinh tế.

Nhìn chung chúng ta viết về cái mới chưa hay, chưa sâu sắc và chưa có sức thuyết phục cao. Cũng có một nguyên nhân khách quan là hoạt động kinh tế- xã hội hiện nay tuy có nhiều cái mới nhưng cũng còn bị nhiều vướng mắc, đặc biệt là trong kinh tế quốc doanh, cơ chế quản lý kinh tế mới đang trong quá trình hình thành trong khi cơ chế cũ còn tồn tại; đối với cái mới còn có nhiều ý kiến đánh giá khen, chê khác nhau. Mặt khác, kiến thức chưa đầy đủ về kinh tế, về khoa học

quản lý của nhà báo cũng là một trở ngại trong việc đi sâu phát hiện, phân tích và cổ vũ những điển hình tiên tiến mới, khẳng định những nhân tố mới nảy sinh.

d) Báo chí nước ta đổi mới toàn diện

Từ đổi mới nội dung, báo đài đang tìm tòi cải tiến cách trình bày cho đẹp hơn, hấp dẫn hơn. Thể loại báo chí ngày càng phong phú, đặc biệt là các thể loại tin tức, phóng sự điều tra, bút ký, ghi nhanh, phỏng vấn, ảnh phóng sự, ảnh phê bình... Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam tìm tòi cải tiến các chương trình. Một số báo hàng ngày, hàng tuần ra số chủ nhật, số cuối tháng, trình bày đẹp, in trên giấy tốt, nội dung phong phú, truyền bá nhiều kiến thức, được bạn đọc hoan nghênh.

Hệ thống phát thanh, truyền hình, thông tấn xã vừa đi vừa tìm tòi, cải tiến về nghiệp vụ, rèn luyện cán bộ làm báo, vừa cố gắng tăng cường và hiện đại hóa từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật. Bên cạnh những cố gắng đúng hướng, thời gian qua cũng xuất hiện những khuynh hướng lệch lạc như thương mại hóa báo chí, đưa tin "giật gân", 'thỏa mãn thị hiếu tầm thường của một số người nào đó nhằm thu lợi nhuận". Đã có một số tờ báo xuất bản không hợp lệ. Nội dung và hình thức của một số báo, đặc san không lành mạnh, có ảnh hưởng tiêu cực tới thanh, thiếu niên, Chúng ta cho rằng báo chí không thể không quan tâm đến thị hiếu của bạn đọc, không thể thiếu hấp dẫn nhưng báo chí trước hết có trách nhiệm hướng dẫn và xây dựng thị hiếu lành mạnh. Hấp dẫn phải đi đôi với bổ ích.

Công cuộc đổi mới báo chí phải tiến hành toàn diện và đồng bộ: đổi mới nội dung, cải tiến hình thức thể tài, đi đôi với tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và bồi dưỡng cán bộ xuất phát từ kinh nghiệm chung cũng như từ kinh nghiệm của chính mình.

IV- SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BÁO CHÍ

l. Các cơ quan báo chí trung ương

a) Báo Nhân dân

Giữ vị trí hàng đầu, phải kể đến báo *Nhân dân* ra hàng ngày. Xuất bản từ ngày 13-l-1951 trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, sau năm 1954 đóng trụ sở tại số 71 Hàng Trống. Tổng biên tập đầu tiên của báo là Hoàng Tùng, đến năm 1982 là Hồng Hà, rồi Hà Đăng (1987), Hữu Thọ (1992), Hồng Vinh (từ 1996), Đinh Thế Huynh (từ 2001 đến nay) đều là Uỷ viên Trung ương Đảng.

Là cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam, sau ghi thêm là "Tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam", báo *Nhân dân* là tờ báo có uy tín nhất trong nước, là cơ quan phát ngôn chính thức của Đảng và Chính phủ. Báo thông tin thận trọng, chính xác, các bài xã luận, bình luận (trong nước và quốc tế), phê bình văn học nghệ thuật... có tính chỉ đạo, định hướng cao. Khẩu hiệu "Đọc và làm theo báo Đảng" ứng trước hết với báo *Nhân dân*. Báo phát hành rộng rãi, hầu như mỗi cơ quan nhà nước, mỗi đơn vị tổ chức xã hội, mỗi chi bộ cơ sở đều mua báo Nhân dân (bằng kinh phí của Đảng và Nhà nước), nên báo càng phát huy sức mạnh. Báo có những đợt tuyên truyền tập trung vào các công tác trọng tâm, cổ vũ phong trào lớn của quần chúng. Mọi người đều nhớ những đợt tuyên truyền phong trào thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc với những điển hình như *"Gió Đại Phong", "Sóng Duyên Hải", "Cờ Ba Nhất"...* sôi nổi một thời. Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, các xã luận, phóng sự của báo có sức cổ vũ lớn với những hình tượng *"Nguyễn Viết Xuân, nhằm thẳng quân thù mà bắn", "Lê Mã Lương, cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù"*. Ngày 26-12-1972, trong khí thế hào hùng của quân dân Hà Nội đánh cả máy bay B52 của giặc Mỹ, báo ra bài xã luận *"Hà Nội, Thủ đô của phẩm giá con người"*. Đầu đề này đã trở thành khẩu ngữ dùng phổ biến trong nước và thế giới.

Sau giải phóng miền Nam năm 1975, báo nhanh chóng phát hành trên cả nước, đặc biệt khi có cơ sở ấn loát riêng ở thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, in theo chế bản từ Hà Nội gửi vào, thì báo được bảo đảm phát hành đồng thời ở cả ba miền.

Ngày 12-2-1969, *Nhân dân chủ nhật* ra số đầu tiên, khổ nhỏ bằng tờ báo hằng ngày gấp tư. Tháng 2-1995, *Nhân dân chủ nhật* đổi tên thành*Nhân dân cuối tuần,* số *Nhân dân chủ nhật* vẫn ra thường lệ với khổ lớn. Tháng 5-1997, báo ra thêm *số Nhân dân* hàng tháng. Với tất cả những ấn phẩm trên, cùng với *Nhân dân* hàng ngày ra với 8 trang khổ lớn (trước chỉ có 4 trang), báo có điều kiện mở rộng thông tin, đề cập toàn diện đến các vấn đề thời sự chính trị - xã hội và cả văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao.

Ngày 21-6-1998, báo *Nhân dân* điện tử bằng tiếng Việt ra số đầu hòa mạng internet, đến ngày 11-3-1999 lại có bản bằng tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu thông tin của hàng chục triệu bạn đọc là người Việt Nam ở nước ngoài, cũng như người ngoại quốc.

Báo đều đặn xuất bản tờ *Nội san báo Nhân dân* nhằm mục đích trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp trong cán bộ, phóng viên.

b) Tạp chí Cộng sản

Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986), sau khi đánh giá những thắng lợi mà Đảng và nhân dân ta đã giành được, và thẳng thắn phân tích những sai lầm, khuyết điểm, trong đó có những sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, đã quyết định phải tiến hành đổi mới toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trọng tâm của công cuộc đổi mới là lĩnh vực kinh tế, bao gồm bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, sử dụng đầy đủ và đúng đắn các đòn bẩy kinh tế trong kế hoạch hóa và quản lý kinh tế, v.v.. Về mặt chính trị - xã hội, Đại hội nhấn mạnh việc phát huy mọi khả năng của con người, lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất, do đó phải dân chủ hóa đời sống xã hội, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng theo tinh thần "lấy dân làm gốc", không ngừng suy nghĩ, tìm tòi để đổi mới đúng hướng.

Ngày l0-1-1987, Ban biên tập đã có dự án về đổi mới các mặt của tạp chí. Cuối năm 1987, đồng chí Đào Duy Tùng thay mặt Ban Bí thư đã làm việc với Ban biên tập tạp chí.

Ngày 29-3-1988, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị về công tác của *Tạp chí cộng sản*. Chỉ thị viết: *"Tạp chí Cộng sản* cần phân tích một cách khoa học những quan điểm của Lênin về chủ nghĩa xã hội, vận dụng những nguyên lý cơ bản, nhất là phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin mà phân tích tình hình thực tế nước ta một cách sâu sắc, từ đó làm sáng tỏ tính đặc thù của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nội dung biên tập của tạp chí cần tập trung vào các vấn đề: đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, cán bộ, phong cách và đổi mới cơ chế quản lý trong kinh tế dân chủ hóa, xây dựng Đảng, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, đồng thời phê phán những quan điểm ấu trĩ, sai lệch về chủ nghĩa xã hội. *Tạp chí Cộng sản* phải tiên phong đấu tranh cho sự đổi mới tư duy theo tinh thần của Đại hội VI, kiên quyết chống mọi sự bảo thủ, trì trệ, mọi biểu hiện của khuôn sáo, đồng thời đấu tranh chống chủ nghĩa duy ý chí, chống mọi biểu hiện của nóng vội, chủ quan".

"…*Tạp chí Cộng sản* phải đổi mới cả nội dung và hình thức. Tạp chí phải kết hợp chặt chẽ lý luận với thực tế, hết sức coi trọng yêu cầu của đông đảo bạn đọc. Tạp chí cần có hình thức và biện pháp khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo của các nhà khoa học, của những cán bộ quản lý có kinh nghiệm, mở ra những mục tranh luận dân chủ trên những vấn đề lớn mang tính lý luận và thực tiễn cao. Nói chung các bài cần ngắn gọn, súc tích, có hàm lượng thông tin lớn, có chất lượng lý luận. Tạp chí cần dành một tỷ lệ trang nhất định dể đăng những ý kiến của bạn đọc góp phần xây dựng Đảng và hoàn chỉnh đường lối, chính sách của Đảng. Tạp chí có những mục giới thiệu kinh nghiệm của các nước anh em, đọc sách báo nước ngoài, thông tin kịp thời và có chọn lọc những vấn đề mới về lý luận cũng như về thực tiễn

trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa cũng như trong phong trào cộng sản quốc tế. Tạp chí cần tiến tới mở mục điểm sách, báo trong nước có tác dụng thông tin và hướng dẫn bạn đọc theo đường lối của Đảng...".

Đổi mới thật sự và đúng hướng, một mặt tạp chí kiên quyết giữ gìn những truyền thống tốt đẹp của mình như bám chắc đường lối và các chính sách của Đảng và Nhà nước, kiên quyết bảo vệ các quan điểm của Đảng, đấu tranh chống những quan điểm sai trái, nâng cao vai trò lý luận của tạp chí, bám sát thực tế của đất nước và thế giới. Mặt khác, tạp chí cố vượt ra ngoài các khuôn sáo cũ cả về nội dung và hình thức, tạo nên một không khí cởi mở, tự do tư tưởng, dân chủ thảo luận trên tạp chí, dám nhìn thẳng vào sự thật, mạnh dạn phân tích, góp phần tích cực vào việc làm sáng tỏ đường lối và các quan điểm của Đảng.

Để đáp ứng yêu cầu của công tác tư tưởng và lý luận trong giai đoạn mới, thực hiện quyết định của Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư, bắt đầu từ tháng 7-1995, *Tạp chí Cộng* sản ra hai kỳ một tháng. Đây là một quyết định đúng đắn và cần thiết, bởi vì trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, trong điều kiện bùng nổ thông tin, trình độ dân trí ngày càng cao, đòi hỏi của bạn đọc ngày càng lớn, yêu cầu của công tác lý luận rất nặng nề, nếu tạp chí ra mỗi tháng 1 kỳ như trước thì không còn thích hợp. Cuộc sống đòi hỏi tạp chí phải có những thông tin nhanh hơn, phong phú hơn, kịp thời hơn.

Trong bài *"Cùng bạn đọc thân mến"* nhằm thông báo sự kiện trên, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* một lần nữa lại khẳng định *Tạp chí Cộng sản* ra hai kỳ một tháng và tiếp tục đổi mới nhưng trên cơ sở theo đúng tôn chỉ, mục đích và chức năng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm không ngừng nâng cao chất lượng mọi mặt của tạp chí. Tạp chí đổi mới nhưng kế thừa những truyền thống tốt đẹp và giữ đúng bản sắc của mình.

Từ khi ra hai kỳ một tháng, tạp chí có điều kiện đăng nhiều bài hơn, chuyển tải kịp thời hơn đến bạn đọc những thông tin lý luận cần thiết, những quan điểm, đường

lối của Đảng, tăng thêm những bài nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giới thiệu những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến cùng nhiều nội dung khác theo chức năng của tạp chí.

Ngoài *Tạp chí Cộng sản* (bản in), từ ngày 2-9-2001, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản, thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VIII về công tác của *Tạp chí Cộng sản* trong giai đoạn mới, đã phát hành thử nghiệm *Tạp chí Cộng sản điện tử* trên mạng internet. Sau 5 tháng phát hành thử nghiệm, vào dịp kỷ niệm 72 năm thành lập Đảng (3-2-2002) và đón Xuân Nhâm Ngọ, *Tạp chí Cộng sản điện tử*phát hành chính thức bằng tiếng Việt trên mạng. Và một năm sau, vào dịp kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Đảng (3-2-2003) và đón Xuân Quý Mùi, *Tạp chí Cộng sản điện tử* chính thức phát hành trên mạng bằng hai thứ tiếng Việt và Anh.

Tạp chí Cộng sản điện tử được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép hoạt động số 420 ngày 20-8-2001 và được Tổng cục Bưu điện chính thức cấp phát trên miền internet là *w.w.w.tapchicongsan.org.vn.*

Tạp chí Cộng sản điện tử là tạp chí lý luận và chính trị trên mạng internet, là "cánh tay nối dài" của *Tạp chí Cộng sản* (bản in). Tạp chí có nhiệm vụ tuyên truyền có định hướng những vấn đề lý luận chính trị trong nước và quốc tế, tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, mở rộng thông tin đối ngoại, giới thiệu về đất nước, con người, truyền thống lịch sử và văn hóa Việt Nam, nhằm tăng cường sự hiểu biết và tình cảm của bạn bè quốc tế đối với đất nước và con người Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản điện tử* còn có nhiệm vụ đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Vào dịp kỷ niệm 73 năm ngày xuất bản số tạp chí đầu tiên của Đảng (5-8-1930 – 5-8-2003), một vinh dự lớn đến với *Tạp chí Cộng sản* là được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, Huân chương cao quý nhất của Đảng và Nhà nước ta *"vì đã có công lao to lớn đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của*

dân tộc". Vinh dự này không chỉ là của lớp lớp thế hệ cán bộ, phóng viên, biên tập viên, nhân viên của tạp chí Đảng trong suốt 73 năm qua, mà còn là của các thế hệ cộng tác viên và bạn đọc của tạp chí khắp cả nước. Có được vinh dự này trước hết là nhờ có sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng và Nhà nước, sự phối hợp giúp đỡ chặt chẽ của bộ, ban, ngành, các địa phương.

c) Đài Tiếng nói Việt Nam

- *Về nội dung các chương trình:*

Sự đổi mới về đường lối trong Đại hội VI năm 1986 kéo theo sự đổi mới về báo chí (cả báo viết, báo nói, báo hình). Trước đó, kể từ Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, tư tưởng xóa bỏ cơ chế quản lý quan liêu hành chính, bao cấp đã được đưa vào Nghị quyết. Đồng chí Trường Chinh phát biểu một bài rất quan trọng về vấn đề này, được cả nước hoan nghênh. Tư tưởng đổi mới tư duy ngày càng rõ thêm, nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh. Có nhiều nơi thành công nhưng cũng không ít nơi thất bại vì chưa biết vận dụng. Đài Tiếng nói Việt Nam luôn luôn ủng hộ những nhân tố mới, phổ biến những kinh nghiệm tốt của những điển hình tiên tiến.

Đến Đại hội lần thứ VI năm 1986 của Đảng, đường lối đổi mới được hoàn chỉnh, cuộc tranh luận xung quanh nhiều vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn mới kết thúc "về cơ bản". Trong lúc đó, lại phải đấu tranh với một thiểu số có ý kiến muốn rập khuôn theo kiểu "cải cách" của Liên Xô và Đông Âu, muốn xóa sạch cái cũ, bỏ chế độ Đảng Cộng sản độc quyền lãnh đạo, đòi cải cách kinh tế và cải cách chính trị (đa nguyên, đa đảng, có đảng đối lập) phải ngang nhau, phê phán Đảng ta nặng về cải cách kinh tế mà không cải cách chính trị (theo kiểu nói trên) là đi chân dài chân ngắn, khập khiễng v.v..

Đài Tiếng nói Việt Nam không bị ảnh hưởng bởi luồng tư tưởng ngược chiều này. Có thể nói là đường lối đổi mới của Đảng, đã tạo ra cho các nhà báo, trong đó có báo điện tử, một sự đổi mới toàn diện cả về quan điểm, nội dung và hình thức, thể tài.

Đài Tiếng nói Việt Nam đã tham gia tích cực vào việc chống tư tưởng bảo thủ, chống cách làm ăn trì trệ, chống những hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Đài cũng đổi mới thông tin từ ngoài vào, từ trong ra. Trước kia đưa tin về các sự kiện trên thế giới, chủ yếu chỉ đưa ra những thành tựu của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa mà không phản ánh những mặt yếu kém, những sai lầm của họ. Đưa tin về phương Tây, thì chỉ đưa mặt xấu mặt hư hỏng, không đưa những mặt mạnh của họ như phương thức quản lý kinh tế có hiệu quả, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới v.v. đã làm cho bạn nghe Đài hiểu thế giới một cách méo mó, không chính xác. Đưa tin từ trong nước ra ngoài, cũng chỉ nói về thành tựu, có tính chất thổi phồng, giấu diếm những mặt yếu kém. Chính vì thông tin phiến diện, một phần theo định kiến chủ quan, nên nội dung có phần nghèo nàn, thiếu tính chân thật, thiếu tính chiến đấu và thiếu tính thuyết phục.

Từ lúc có quan điểm đổi mới, thông tin của Đài trở nên phong phú hơn, toàn diện hơn, chân thực hơn, hấp dẫn hơn và có hiệu quả cao hơn, giúp cho bạn nghe Đài ngày càng quán triệt đường lối đổi mới của Đảng. Thông tin của Đài nêu cả mặt được, mặt chưa được, chủ động góp phần vào việc hoàn thiện từng bước chính sách theo con đường đổi mới.

- *Sự đổi mới tư duy, đổi mới quan điểm báo chí một cách có hệ thống:*

Do có sự tăng cường sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại và đổi mới tư duy một cách có hệ thống, đã giúp cho tính sáng tạo của các phóng viên, biên tập viên cũng phát triển làm nảy nở nhiều thể tài, tiết mục mới sinh động, hấp dẫn và gần gũi với cuộc sống. Với trung tâm âm thanh mới được xây dựng, đưa vào sử dụng từ năm 1988, với những thiết bị hiện đại hơn, gọn nhẹ hơn, lại tận dụng được vệ tinh, đường cáp quang và đường viba theo kỹ thuật số, thông tin nhanh được cả hai chiều, nên Đài Tiếng nói Việt Nam đã có thể đưa rất nhanh các phóng sự phỏng vấn từ các tỉnh thành ở xa qua đường điện thoại để phát ngay trên sóng. Tính toàn

quốc của Đài được thể hiện ngày một tốt hơn, xóa được định kiến là "Đài đồng bằng sông Hồng".

Việc sử dụng phóng viên nói trực tiếp trước micrô những bài của mình thay cho phát thanh viên cũng được sử dụng mạnh dạn hơn trước, có sức truyền cảm mạnh hơn, có tính thuyết phục cao hơn.

Số lượng các chương trình phát thanh cũng tăng lên nhanh chóng, thỏa mãn ngày càng cao cho nhu cầu thông tin của các tầng lớp nhân dân khác nhau. Từ khi Đài Tiếng nói Việt Nam phát chương trình bằng sóng FM hằng ngày thì việc thỏa mãn nhu cầu giải trí, thưởng thức ca nhạc và nâng cao kiến thức của nhân dân trở lên tốt hơn. Tuy nhiên, Đài vẫn chưa xóa bỏ được hết cách làm chương trình theo kiểu đường mòn, công thức, dễ dãi, thiếu sáng tạo trong một số bộ phận, mặc dù có phương tiện hiện đại trong tay. Trong cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới thì tư duy theo kiểu mới đang ngày càng thắng thế.

- *Sự thay đổi tổ chức bộ máy:*

Năm 1987, để thống nhất đường truyền tín hiệu bằng các phương tiện kỹ thuật hiện đại như vệ tinh, viba số, cáp quang cùng máy phát sóng vào một mối với vô tuyến viễn thông, Chính phủ đã ra quyết định chuyển đường truyền tín hiệu và các đài phát sóng phát thanh sang cho Tổng cục Bưu điện quản lý, theo cơ chế Đài Tiếng nói Việt Nam thuê bao của bưu điện. Nhưng tháng 8-1993, Chính phủ ra quyết định tổ chức Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam - hai cơ quan trực thuộc Chính phủ thành hai ngành quản lý nghiệp vụ hệ thống các Đài phát thanh và hệ thống các Đài Truyền hình các địa phương trong cả nước. Chính phủ cũng quyết định giao cho Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam quản lý các máy phát sóng của toàn hệ thống do Tổng cục Bưu điện chuyển sang Đài Tiếng nói Việt Nam (cũng như Đài Truyền hình Việt Nam). Hai đài có trách nhiệm làm dự án kế hoạch chiến lược phát triển toàn ngành cho đến năm 2000 và xa hơn nữa. Đến năm 2000, Đài Tiếng nói Việt Nam phủ sóng 95% dân cư bảo

đảm 14 triệu hộ gia đình có rađiô nghe tốt chương trình của đài quốc gia. Thực tế diễn ra ở Đài Tiếng nói Việt Nam là quá trình suy nghĩ, tìm tòi, xác định hướng đi đúng để đổi mới đồng bộ cả về thiết bị kỹ thuật, quy trình công nghệ lẫn trình độ của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên theo hướng phát thanh hiện đại. Sau nhiều năm được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư, đến năm 2000 cơ sở kỹ thuật của Đài Tiếng nói Việt Nam đã đi vào hoạt động có hiệu quả với một trung tâm sản xuất các chương trình phát thanh quy mô và đang hình thành tổ hợp biên tập - kỹ thuật phát thanh công nghệ hiện đại. Ngoài các cơ sở biên tập và kỹ thuật tại Hà Nội còn có 5 cơ quan thường trú khu vực đóng tại thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Buôn Ma Thuật - Đà Nẵng - Sơn La. Cánh sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam đã vươn tới 70 nước thuộc vùng Đông Nam Á, châu Á, châu Âu, Bắc Mỹ và Caribê với 11 thứ tiếng nước ngoài và một chương trình dành cho đồng bào Việt kiều ở xa Tổ quốc. Và lần đầu tiên, trong chặng đường 56 năm phát triển của mình, Đài Tiếng nói Việt Nam đã có 5 cơ quan thường trú nước ngoài đóng tại Băng Cốc - Pa ri - Bắc Kinh - Mátxcơva - Cairô, thông tin kịp thời các sự kiện quốc tế và khu vực. Nếu như trước đây nguồn tin của Đài thường chậm hơn so với các đài nước ngoài hàng chục giờ đồng hồ, thì bây giờ, với các thiết bị hiện đại, một phong cách làm việc chủ động, chuyên nghiệp, nhiều sự kiện trên thế giới đã được đưa tin nhanh không thua bất cứ phương tiện thông tin nước ngoài nào. Sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ; việc Mỹ ném bom Apganixtan..., Đài Tiếng nói Việt Nam và cơ quan báo chí thông tin nhanh nhất tới bạn nghe đài.

Trong tình hình hiện nay, với việc bùng nổ thông tin, và để cạnh tranh lành mạnh với các phương tiện báo chí truyền thông khác, việc nâng cao chất lượng tin, bài, chất lượng các chương trình phát thanh có thể coi là yếu tố sống còn của Đài Tiếng nói Việt Nam. Bởi vậy, không ngừng cải tiến mạnh mẽ theo hướng tăng thời lượng, mở rộng nội dung và đối tượng tuyên truyền, nâng cao chất lượng và hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của nhân dân trong thời kỳ đổi

mới - đó là nhiệm vụ quan trọng đối với những người làm báo phát thanh. Từ 2 hệ chương trình (đối ngoại) đến nay Đài Tiếng nói Việt Nam đã mở ra 6 chương trình bao gồm 4 hệ đối nội (trong đó có hệ chương trình dân tộc thiểu số) và 2 hệ chương trình đối ngoại. Từ 40 chương trình mỗi ngày, nay đã có 482 chương trình với tổng thời lượng 172 giờ chương trình phát thanh mỗi ngày đề cập tất cả các lĩnh vực: chính trị - kinh tế - văn hóa - quốc phòng - an ninh - âm nhạc - văn hóa nghệ thuật… phục vụ tất cả các đối tượng xã hội. Nhiều chương trình mới đã ra đời trong mấy năm qua thực sự thu hút bạn nghe đài. Từ chỗ nội dung thông tin còn phụ thuộc vào tin tức thông tấn hoặc khai thác một cách thụ động trên báo chí, từ cách tuyên truyền còn nặng về thông báo, truyền đạt, nay đã đổi mới, chú trọng tính chất thông tin - đối thoại - phát hiện - dự báo, hướng dẫn dư luận; vừa biểu dương nhân tố mới, vừa đấu tranh không khoan nhượng trước các biểu hiện tiêu cực.

Trước những diễn biến phức tạp diễn ra ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, vấn đề đoàn kết dân tộc đã, đang là vấn đề đặc biệt nhạy cảm và có tầm quan trọng quốc gia. Đài Tiếng nói Việt Nam đã xây dựng các chương trình phát thanh bằng 8 thứ tiếng dân tộc thiểu số, là cơ quan báo chí có nhiều chương trình phát thanh bằng các thứ tiếng dân tộc thiểu số, đó là: Bana, Êđê, Giarai, Xêđăng, K'ho (cho vùng Tây Nguyên); Mông, Thái (cho vùng phía bắc); Khơme (cho vùng Nam Bộ); và đang xúc tiến việc phát sóng tiếng Mông cho đồng bào Mông ở Tây Nguyên, với tổng thời lượng các chương trình tiếng dân tộc là 750 phút/chương trình/ngày. Các chương trình phát thanh tiếng dân tộc luôn bám sát các vấn đề thời sự - chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và những diễn biến nảy sinh từ các vùng dân tộc thiểu số, những vấn đề nổi cộm mà đồng bào quan tâm - đặc biệt là vấn đề dân tộc, sắc tộc và tôn giáo đan xen nhau. Các thế lực phản động ra sức xuyên tạc, bóp méo chính sách dân tộc và tôn giáo của Đảng ta. Đài Tiếng nói Việt Nam đã chú trọng tuyên truyền, lên tiếng làm sáng tỏ vấn đề trên sóng đối nội và đối ngoại;

thông tin, tuyên truyền giúp đồng bào hiểu rõ chủ trương, đường lối, chính sách dân tộc của Đảng; nâng cao hiểu biết trên nhiều lĩnh vực cho đồng bào để nêu cao cảnh giác chống lại luận điệu xuyên tạc, chia rẽ của các thế lực thù địch; cổ vũ việc giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc; theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ năm. Các chương trình phát thanh này đã ngày càng khẳng định vị trí quan trọng và tin cậy trong lòng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Trong những năm vừa qua, Đảng, Nhà nước đã chú trọng đầu tư lớn cho phát thanh. Đến nay, Đài Tiếng nói Việt Nam là cơ quan thông tin đại chúng duy nhất có 3 phương thức truyền thông: Đó là làn sóng phát thanh, là báo điện tử trên mạng internet, là tờ báo in số ra hàng tuần và số cuối tháng, trong đó sóng phát thanh là chủ yếu nhất, quan trọng nhất, quyết định nhất, tờ báo Điện tử trên mạng internet và tờ báo in đã hỗ trợ tích cực, làm cho nội dung thông tin của Đài quốc gia ngày càng phong phú, hiệu quả, đa dạng và hấp dẫn. Hàng vạn lá thư của bạn nghe đài gửi để góp ý, xây dựng, động viên, khích lệ... đã tạo nguồn cảm hứng, sự say mê nghề nghiệp cho những người làmbáo phát thanh.

d) Đài Truyền hình Việt Nam

Vào giai đoạn 1990 - 2000, trọng tâm của Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện là quy hoạch phát triển truyền hình đến năm 2000 và những giai đoạn tiếp theo, tập trung vào những mục tiêu chính là:

Thứ nhất, nâng cao thời lượng và chất lượng chương trình truyền hình về nội dung, kỹ thuật, nghệ thuật, hình thức thể hiện, tăng cường tính toàn quốc, toàn diện của các chương trình truyền hình quốc gia.

Thứ hai, xây dựng mạng truyền dẫn toàn quốc từ trung ương đến địa phương với cơ sở vật chất kỹ thuật được đổi mới và hiện đại hóa, phù hợp với ưu thế phát triển của thế giới.

Trong điều kiện báo in của chúng ta, do những khó khăn khách quan, mới chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, thì đối với báo chí điện tử, việc nhanh chóng chiếm

lĩnh không gian và thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần lấp khoảng trống về thông tin ở những vùng thôn quê rộng lớn, những vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo.

Nhìn lại bốn năm thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị và quy hoạch phát triển truyền hình được Chính phủ phê duyệt, Đài Truyền hình Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng. Hầu hết các chỉ tiêu lớn đề ra đã được thực hiện:

- Về quy mô chương trình: Đã hình thành 4 kênh: VTV1 (chính trị tổng hợp), VTV2 (khoa học giáo dục), VTV3 (thể thao, giải trí) và VTV4 (thông tin đối ngoại và dành cho người Việt Nam ở nước ngoài) với tổng thời lượng từ 41 đến 45 giờ/ngày.
- Về diện phủ sóng: Đã hoàn thành mục tiêu đưa sóng truyền hình tới 80% dân số cả nước. Chương trình VTV4 phủ sóng tới hầu hết các khu vực của thế giới có nhiều người Việt Nam sinh sống.

Ba chức năng cơ bản của truyền hình là thông tin tuyên truyền, nâng cao dân trí và giải trí được thực hiện tốt hơn. Với 14 bản tin trong ngày và các chuyên mục đa dạng về các lĩnh vực khác nhau của đời sống đất nước, Đài Truyền hình Việt Nam đã thông tin nhanh, kịp thời các sự kiện diễn ra trong nước và trên thế giới tuyên truyền, giải thích đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; phát hiện, thông tin kịp thời nhiều vấn đề bức xúc trong cuộc sống. Cả tuyên truyền người tốt, việc tốt lẫn đấu tranh chống tiêu cực đều được tăng cường trên sóng truyền hình.

Các chương trình khoa học, giáo dục đã tăng thời lượng và nâng cao chất lượng, bám sát Nghị quyết Trung ương lần thứ hai, Nghị quyết Trung ương lần thứ năm và được cải tiến phong phú, hấp dẫn người xem hơn trước. Các chương trình về khoa học xã hội và nhân văn cũng được mở rộng. Một loạt chương trình dạy học trên truyền hình được thực hiện. Do ưu thế vốn có, truyền hình có điều kiện đóng góp hữu hiệu cho sự nghiệp nâng cao dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực, tạo cơ hội

học hành cho những người không có điều kiện đến trường lớp chính quy, đưa giáo dục đến vùng xa xôi, hẻo lánh, đến với người nghèo.

Số lượng các chương trình văn học nghệ thuật, phim truyện Việt Nam, các chương trình thể thao, giải trí tăng lên nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân về đời sống văn hóa, tinh thần, đặc biệt là nhân dân ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, những nơi đời sống đang gặp nhiều khó khăn. Có nhiều chương trình được ưa thích, ảnh hưởng sâu rộng và trở thành sinh hoạt văn hóa - giáo dục bổ ích như các chương trình: "*Bảy sắc cầu vồng"; "Đường lên đỉnh* Olimpia", *"Hành trình văn hóa"*... Mặt khác, Đài Truyền hình Việt Nam cũng luôn chú trọng đến công tác giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các chương trình giới thiệu những tác phẩm nghệ thuật cổ truyền của dân tộc như tuồng, chèo, cải lương... hay thông qua việc công bố các tác phẩm, giới thiệu chân dung tác giả, chân dung văn nghệ sĩ...

Công tác tuyên truyền đối ngoại tuy còn có những hạn chế song đã từng bước mở rộng thời lượng và quy mô phát sóng. Hiện nay, Đài Truyền hình Việt Nam đã phát sóng 24 giờ/ngày cho cộng đồng Việt Nam sống ở các nước châu Á, châu Âu, Bắc Ôxtrâylia, 4 giờ/ngày ở Bắc Mỹ và vịnh Caribê.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật được đổi mới, tăng cường theo xu thế phát triển của truyền hình hiện đại, chuyên nghiệp. Nhờ đó mà Đài Truyền hình Việt Nam bảo đảm sản xuất một khối lượng lớn chương trình hằng ngày với chất lượng kỹ thuật và nghệ thuật thể hiện ở trình độ cao hơn.

Các chương trình truyền hình trực tiếp, các cầu truyền hình nối nhiều điểm trong nước và ở nước ngoài cùng một lúc được thực hiện, góp phần tạo nên diện mạo mới của truyền hình Việt Nam tiến theo hướng chuyên nghiệp.

Truyền hình Việt Nam đang đứng trước cả cơ hội lẫn thách thức to lớn trên con đường phát triển dể thực hiện tốt hơn nhiệm vụ nặng nề mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã

nêu rõ: "Đến năm 2010 hoàn thành cơ bản việc phổ cập các phương tiện phát thanh, truyền hình đến mỗi gia đình". Quy hoạch phát triển truyền hình Việt Nam đến năm 2000 và những năm tiếp theo cũng khẳng định: "Về nội dung, các chương trình truyền hình phải nhằm cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác đến mọi người dân về đường lối, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước ta, về sự phát triển của đất nước, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, dân trí, trình độ thẩm mỹ của công chúng, đấu tranh chống các âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch. Nội dung các chương trình cần phong phú, đa dạng, có sự cân đối hài hòa giữa thông tin, giáo dục và giải trí".

đ) Thông tấn xã Việt Nam

Thông tấn xã Việt Nam với mạng lưới phân xã ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước và 23 phân xã ở ngoài nước trải khắp 5 châu lục. Thông tin trong nước và thế giới của Thông tấn xã Việt Nam đã bám sát và bao quát để phản ánh nhanh nhạy và kịp thời, đúng định hướng các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ trong nước và thế giới. Ngoài các thông tin cung cấp cho các cơ quan thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài, Thông tấn xã Việt Nam còn cung cấp các thông tin báo cáo có tính chất chiến lược và quan trọng cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cơ quan quản lý điều hành của Chính phủ, các cơ quan nghiên cứu...

Thông tấn xã Việt Nam hiện đang tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh và cạnh tranh thông tin toàn cầu. Thông tấn xã Việt Nam hiện đang là một trong những cơ quan chủ lực của Đảng và Nhà nước với tờ báo tiếng Anh *Vietnam News,* báo tiếng Pháp *Le courier du Vietnam,*bản tin đối ngoại tiếng Anh, Pháp và Tây Ban Nha, *Báo ảnh Việt Nam* bằng nhiều ngôn ngữ, tạp chí tiếng Anh *Vietnam Law* & *legal Forum*(Luật Việt Nam và diễn đàn pháp luật). Thông tấn xã Việt Nam đã góp phần quan trọng trên mặt trận tư tưởng trong cuộc đấu tranh chống các lực lượng thù địch, chống âm mưu "Diễn biến hòa bình", bảo vệ chủ nghĩa Mác -

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các giá trị tinh thần của chủ nghĩa xã hội, kiên định sự lãnh đạo cửa Đảng đối với xã hội và bản chất của Nhà nước ta.

Ngoài thông tin kịp thời và có định hướng về các vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội, Thông tấn xã Việt Nam cũng chú trọng thông tin kịp thời các sự kiện quan trọng trong lĩnh vực thể thao, văn hóa, khoa học và công nghệ thông qua các báo chuyên ngành của mình như *Thể thao và văn hóa, Khoa học và công nghệ,* góp phần đáng kể đảm bảo quyền được thông tin của nhân dân, góp phần định hướng thông tin về các vấn đề được xã hội quan tâm.

Thông tấn xã Việt Nam đang phấn đấu xây dựng thành một tập đoàn truyền thông như Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã chỉ thị khi đồng chí đến thăm Thông tấn xã Việt Nam tháng 8-2000. Thông tấn xã Việt Nam hiện đang xuất bản 35 loại ấn phẩm khác nhau với các thông tin đa dạng nhằm vào nhiều tầng lớp bạn đọc khác nhau có trong nước và nước ngoài với các loại hình khác nhau: Báo viết, báo điện tử, băng nghe nhìn, sách, ấn phẩm thông tin chung, ấn phẩm thông tin chuyên ngành, ấn phẩm chuyên phục vụ thông tin đối ngoại, ấn phẩm tham khảo phục vụ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, ấn phẩm phục vụ các cơ quan nghiên cứu hoạch định chính sách, ấn phẩm phục vụ các phương tiện thông tin đại chúng…

2. Báo của các cơ quan, đoàn thể

Các đoàn thể chính trị - xã hội ra đời sau này lần lượt đều có cơ quan ngôn luận riêng: *Nông thôn ngày nay* (nguyên là *Nông dân Việt Nam)*của Hội Nông dân Việt Nam; Tạp chí *Nhân đạo* (từ năm 1990) của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; báo *Cựu chiến binh Việt Nam* (từ năm 1991) của Hội Người Công giáo (thuộc Uỷ ban đoàn kết Công giáo Việt Nam)…

Trong Mặt trận Việt Minh trước đây có Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam. Đảng Dân chủ Việt Nam thành lập từ năm 1944, ngay sau khi thành lập đã ra báo *Độc lập,* xuất bản bí mật. Sau Cách mạng Tháng Tám, báo ra công khai và tiếp tục xuất bản trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau giải

phóng Thủ đô, báo ra hàng tuần và được giao trách nhiệm tuyên truyền, vận động chủ yếu là giới công thương, các nhà tư bản dân tộc chấp hành các chính sách của Nhà nước, đi theo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của đảng cầm quyền.

Đảng Xã hội Việt Nam thành lập năm 1946, nhằm thu hút giới trí thức đi theo con đường cách mạng của Đảng cầm quyền. Cơ quan ngôn luận là báo *Tổ quốc,* xuất bản hàng tháng. Các tác giả cũng như độc giả chủ yếu là trí thức, cán bộ nghiên cứu, cán bộ khoa học kỹ thuật.

Hai tờ báo trên đã góp phần tích cực vào việc tăng cường và mở rộng khối đối đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Sau khi cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi trong phạm vi cả nước, đối tượng vận động có nhiều sự biến chuyển, Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội tự thấy mình đã làm tròn nhiệm vụ lịch sử, quyết định kết thúc hoạt động vào cuối năm 1988. Hai tờ *Độc lập* và *Tổ quốc* cũng ngừng xuất bản.

Hầu như ngành hoạt động nào, hội nghề nghiệp nào ở trung ương cũng có cơ quan báo chí của mình.

Hội Nhà báo Việt Nam có Tạp chí *Người làm báo* từ năm l985 đến năm 1990 đổi tên là *Nhà báo và Công luận.* Khi báo ra hàng tuần (từ năm 1996), đề cập rộng rãi các vấn đề chính trị xã hội, thì *Người làm báo* trở lại thành tạp chí hàng tháng chuyên bàn về nghiệp vụ và công tác hội.

Bộ Văn hóa - Thông tin xuất bản báo *Văn hóa - Nghệ thuật* ra hàng tháng, sau đổi tên là *Văn hóa* ra hàng tuần, rồi một tuần hai kỳ.

Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam có Tạp chí *Diễn đàn văn nghệ* (1991). Trước đây, Hội Văn nghệ Việt Nam có Tạp chí *Văn nghệ*ra từ năm 1948. Khi thành lập Hội Nhà văn, có báo *Văn* là tuần báo sáng tác, lý luận, phê bình, thông tin văn học, đến tháng 5-1958 lấy tên là *Văn học.* Đến năm 1963, báo hợp nhất với Tạp chí *Văn nghệ* thành tuần báo *Văn nghệ.* Báo *Văn nghệ* còn có các ấn phẩm: *Văn nghệ dân tộc miền núi* (từ năm 1995, ra hàng tháng), *Văn nghệ trẻ* (từ

năm 1995, ra hàng tuần), *Tác phẩm mới* hàng tháng (1969), *Văn học nước ngoài* (từ năm 1996, ra hai tháng một số).

Về văn nghệ, có Tạp chí *Văn nghệ quân đội* do Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam xuất bản từ tháng 1-1957, ra hàng tháng. Bộ Công an xuất bản báo *Văn hóa – văn nghệ công an* từ tháng l-1996.

Các hội nghệ thuật đều có cơ quan ngôn luận riêng: Hội Mỹ thuật có *Mỹ thuật thời nay,* Hội Điện ảnh có *Nghệ thuật điện ảnh,* sau đổi tên là*Nghệ thuật thứ bảy* (về điện ảnh còn có *Điện ảnh - kịch trường* của Bộ Văn hóa - Thông tin, *Điện ảnh ngày nay* của Viện Nghệ thuật và lưu trữ điện ảnh); Hội Nghệ sĩ sân khấu có *Sân khấu;* Hội Nhiếp ảnh có *Nghê thuật nhiếp ảnh,* sau chỉ gọi là *Nhiếp ảnh;* Hội Nhạc sĩ có Tạp chí*Âm nhạc;* Hội Nghệ sĩ múa có *Nhịp điệu*; Hội Văn nghệ dân gian có Tạp chí *Nguồn sáng;* Hội Kiến trúc sư có Tạp chí *Kiến trúc* (với phụ san là *Nhà đẹp)...*

Thể thao Việt Nam là cơ quan ngôn luận của Uỷ ban Thể dục thể thao Việt Nam, nguyên là báo *Thể dục thể thao* (xuất bản từ năm 1957). Lúc đầu báo ra hàng tháng, rồi hàng tuần, sau ra một số ba kỳ. Báo còn có các chuyên san *Thể thao - khoẻ và đẹp, Thế giới thể thao.*

Báo chí của các ngành khoa học xã hội rất phong phú. Báo của các tổ chức xã hội, có *Lao động - xã hội* của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xuất bản từ năm 1993; *Vì trẻ thơ* của Uỷ ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam (từ năm 1991); *Gia đình và xã hội* của Uỷ ban quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình (từ năm 1999), nay là Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em. Bộ Tư pháp có *Dân chủ và pháp luật*sau đổi là *Pháp luật*. Tòa án nhân dân tối cao có *Người bảo vệ công lý* (từ năm 1994). Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có Tạp chí *Kiểm sát.*Hội Khoa học lịch sử có *Xưa và nay* (từ năm 1994). Các viện nghiên cứu đều có báo hoặc tạp chí: *Ngôn ngữ* (1969) của Viện Ngôn ngữ học; *Nhà nước và pháp luật* (1972) của Viện Nhà nước và pháp luật; *Khảo cổ học* (1969) của Viện Khảo cổ; *Triết*

học (1972) của Viện Triết học; *Tâm lý học* (1996) của Viện Tâm lý học (Hội Tâm lý học còn xuất bản *Thế giới trong ta* từ năm 1994); *Dân tộc học* (1974) của Viện Dân tộc học; *Nghiên cứu Đông Nam Á* (1990) của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á*; Nghiên cứu Tôn giáo* (1999) của Viện Nghiên cứu Tôn giáo...

Các ngành hoạt động kinh tế và khoa học - kỹ thuật cũng xuất bản nhiều báo: *Thời báo kinh tế Việt Nam* (1991) và *Tư vấn tiêu dùng* của Hội Khoa học kinh tế, *Công nghệ Việt Nam* (1995) của Bộ Công nghiệp; *Thương mại* (1950) của Bộ Thương mại; *Ngoại thương* lúc đầu của Bộ Ngoại thương, đến 1994 trở thành tuần tin của Trung tâm thương mại, báo này còn ra phụ trương riêng là *Mua và bán; Đầu tư* (1991) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; *Giao thông vận tải* (1962) của Bộ Giao thông vận tải; *Đường sắt Việt Nam* (1985) của Liên hiệp đường sắt Việt Nam; *Bưu điện Việt Nam* (1990) của Tổng cục Bưu điện; *Diễn đàn doanh nghiệp* (1997) của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam;*Hải quan Việt Nam* (1991) của Tổng cục Hải quan; *Hàng không Việt Nam* (1991) của Hàng không dân dụng Việt Nam; *Con số và sự kiện*(1994) của Tổng cục Thống kê, *Điện tử và tin học* (1992) của Tổng Công ty Điện tử - tin học; *Dầu khí* (1986) của Tổng Công ty Dầu mỏ và khí đốt; *Du lịch Việt Nam* (1981) của Tổng cục Du lịch...

Về nông nghiệp, có *Nông nghiệp Việt Nam* (1955) của Bộ Nông nghiệp (sau là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); *Kinh tế VAC*(nguyên là báo *Người làm vườn)* của Hội những người làm vườn, từ năm 1988; *Việt Nam hương sắc* (1993) của Hội Sinh vật cảnh việt Nam...

3. Sự phát triển của báo chí điện tử

Tác động rõ nhất của toàn cầu hóa đối với báo chí có lẽ là thông tin qua internet và liên lạc viễn thông qua vệ tinh.

Một mặt, internet và truyền hình qua vệ tinh là nguồn thông tin nhanh, phong phú, đa dạng về mọi mặt đời sống quốc tế. Nó giúp cho báo chí phản ánh tình hình thế giới được đầy đủ hơn, nhanh nhạy hơn. Bạn đọc Việt Nam nhìn chung rất quan tâm

theo dõi các thông tin thời sự quốc tế. Mảng thông tin các sản phẩm báo chí Việt Nam đều có phần thời sự quốc tế. Mảng thông tin này ngày càng phong phú, đa dạng, hấp dẫn nhờ có internet và liên lạc viễn thông. Và nhờ đó, báo chí Việt Nam cũng có điều kiện hội nhập quốc tế, khai thác thông tin, học tập kinh nghiệm báo chí quốc tế để nâng cao chất lượng các sản phẩm của mình. Đồng thời qua đó, công chúng Việt Nam cũng tiếp nhận được nhiều thông tin hơn về thế giới, cảm thấy các dân tộc trên thế giới xích lại gần nhau hơn. Mặt khác, nhờ có công cụ internet, báo chí Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn trong việc đưa thông tin về đất nước và con người Việt Nam đến với hàng triệu đồng bào Việt Nam ở xa Tổ quốc và bạn bè quốc tế, những ai quan tâm đến Việt Nam.

Mạng lưới internet mới có ở Việt Nam từ cuối năm 1997, nhưng đã phát triển khá nhanh chóng. Đến 2001, đã có hơn 46 tờ báo điện tử ra đời được bạn đọc hoan nghênh. Đó là các tờ: *Nhân dân điện tử tiếng Việt và tiếng Anh, VOV News* của Đài Tiếng nói Việt Nam, *Thời báo kinh tế Việt Nam,* báo *Vietnam News* của Thông tấn xã Việt Nam, báo *Lao động,* báo *Sài Gòn giải phóng,* Website Đảng Cộng sản Việt Nam... đã có 400 triệu lượt người truy cập.

Riêng báo *Nhân dân điện tử* lên mạng internet từ ngày 21-6-1998, hiện nay ra hàng ngày bằng cả hai thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh), trung bình mỗi ngày có 120.000 lượt người truy cập.

Các báo điện tử ra đời là một bước tiến mới trong hoạt động thông tin đối ngoại của Việt Nam, đưa đến bạn đọc ở nước ngoài những thông tin trực tiếp, trung thực, đúng đắn về hình ảnh của đất nước Việt Nam đang trên đà đổi mới. Trước đây, thông tin về Việt Nam đến với bạn đọc ở nước ngoài gặp rất nhiều khó khăn trong việc phát hành báo chí. Báo điện tử ra đời đã khắc phục được vấn đề này.

Trên đây là những tác dụng tích cực, những mặt thuận lợi của toàn cầu hóa đối với hoạt động của báo chí Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tốt của toàn cầu hóa mà chúng ta cần khai thác, phát huy, cũng có những nguy cơ, những tác động bất lợi của toàn cầu hóa mà báo chí cần hạn chế và ngăn chặn.

Thứ nhất, internet với xa lộ thông tin là nguồn thông tin vô cùng lớn, ngày đêm chảy như thác lũ, tràn ngập mọi xã hội. Nhưng các nguồn thông tin này thiếu tính chính xác, độ tin cậy không cao, thậm chí có cả những thông tin xuyên tạc, những sản phẩm văn hóa độc hại. Do đó, trong khi khai thác nguồn thông tin này, các nhà báo cần có ý thức cảnh giác, có tinh thần phê phán, biết cách chọn lọc và kiểm tra thông tin trước khi sử dụng.

Ở góc độ này cần nhấn mạnh sự đòi hỏi rất cao với từng nhà báo trong việc hiểu biết thực chất toàn cầu hóa, cũng như hiểu rõ vai trò của internet và kỹ năng sử dụng thành thạo công việc quan trọng này nhằm phục vụ có hiệu quả các tác nghiệp báo chí.

Thứ hai, một số hãng thông tin báo chí lũng đoạn trong lĩnh vực thông tin, họ lợi dụng quá trình toàn cầu hóa để tăng cường vai trò độc quyền của mình. Chẳng hạn, thông tin về các nước đang phát triển, các hãng thông tin này phản ánh thực tế qua lăng kính của họ, do đó hình ảnh các nước đang phát triển bị biến dạng. Bởi vì, họ chỉ coi trọng thông tin tiêu cực, tin xấu, mà ít khi phản ánh những nỗ lực của nhân dân trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Chúng tôi cho rằng, để hạn chế sự lũng đoạn thông tin của các hãng độc quyền, các nước đang phát triển ngoài việc phát triển hoạt động thông tin đối ngoại của mình, cần tăng cường hợp tác trong lĩnh vực thông tin báo chí.

V- NHỮNG ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU

1. Thành tựu

a) Sự phát triển nhanh về số lượng ấn phẩm, loại hình, không ngừng nâng cao chất lượng và hình thức của các loại hình báo chí

Năm năm qua, với sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, sự đầu tư ngân sách của Nhà nước, của các ngành, đoàn thể, địa phương và sự nỗ lực phấn đấu của các cơ quan báo chí, nền báo chí ở nước ta đã phát triển khá nhanh về số lượng, hình thành hệ thống thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình rộng khắp trong cả nước. Cả nước hiện có trên 450 đơn vị báo chí, trong đó báo in xuất bản 563 ấn phẩm các loại, phát hành 565 triệu bản/năm; 160 tờ báo ngày và tuần báo với lượng phát hành 546.223.000 bản/năm; có 63 tờ báo trung ương, 97 tờ báo địa phương, 1 báo và 20 tạp chí đối ngoại. Công suất, thời lượng phát sóng, diện phủ sóng của phát thanh và truyền hình tăng lên đáng kể, phủ sóng rộng khắp không chỉ trong nước, cả khu vực nông thôn, hải đảo, vùng sâu, vùng xa mà còn vươn ra nhiều nước trên thế giới. Hệ thống đài, trạm phát thanh, truyền hình các khu vực, tỉnh, thành đến quận, huyện và các vùng dân cư quan trọng đã được hình thành. Trên 80% số hộ được đem Đài Truyền hình quốc gia. Nhiều cơ quan báo chí đã có cơ quan thường trú ở nước ngoài. Công nghệ làm báo có bước tiến về nhiều mặt và ngày càng hiện đại. Nhiều phương tiện kỹ thuật mới trong báo chí, xuất bản được sử dụng, tạo điều kiện cho việc thông tin nhanh hơn và nâng cao chất lượng in ấn, trình bày. Kỹ thuật hiện đại về phát thanh, truyền hình giúp đưa nhanh âm thanh, hình ảnh có chất lượng cao đến với người nghe, người xem trên địa bàn rộng, không những ở trong nước mà còn đưa thông tin ra thế giới.

Trên cơ sở phát triển nhanh về số lượng và quy mô, về nội dung và hình thức, về in, phát thanh, truyền dẫn, báo chí Việt Nam ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Hệ thống mạng thông tin trong nước và quốc tế được xác lập, tạo khả năng lựa chọn, khai thác các nguồn thông tin trên thế giới, phục vụ đông đảo công chúng, công tác tuyên truyền đối ngoại được tăng cường, giúp cho nhân dân thế giới, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có được những thông tin đúng đắn về tình hình đất nước, tranh thủ sự ủng hộ ngày càng rộng rãi của dư luận quốc tế đối với công cuộc đổi mới và sự

nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Một số cơ quan báo chí đã đưa thông tin lên mạng internet, mở ra sự trao đổi thông tin báo chí điện tử với thế giới. Những năm qua, báo chí từ trung ương tới địa phương đã đem đến cho nhân dân ta một khối lượng thông tin và tri thức vô cùng phong phú. Báo chí, đặc biệt là phát thanh, truyền hình và phương tiện giáo dục từ xa cực kỳ lợi hại, rẻ tiền và có thể tiếp cận mọi đối tượng cần tiếp cận.

b) Nội dung thông tin của báo chí ngày càng phong phú, hiệu quả; hình thức ngày càng đẹp, sinh động và hấp dẫn

Thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW, ngày 31-3-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) và Chỉ thị 22-CT/TW ngày 17-10-1997 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa VIII) và Luật Báo chí do Nhà nước ban hành, báo chí Việt Nam luôn hoạt động đúng định hướng chính trị, trong khuôn khổ luật pháp nhà nước và đạt được những thành tựu quan trọng.

Báo chí ngày càng sát cuộc sống hơn; tính nhân dân, tính chiến đấu của báo chí được tăng cường, chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa, chất lượng nghề nghiệp của báo chí được nâng lên một bước đáng kể. Báo chí giữ vai trò chủ động trong thông tin, thực sự là ngọn cờ của Đảng, tiếng nói của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, là diễn đàn tin cậy của nhân dân. Báo chí tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân, đóng góp tích cực vào nhiệm vụ phấn đấu tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, xã hội. Đi sâu vào thực tiễn đời sống, tính dự báo của báo chí ngày càng cao. Việc phát hiện, giới thiệu, cổ vũ các mô hình kinh tế mới, cách làm ăn mới, nhân tố mới, người tốt, việc tốt đã góp phần vào việc tổng kết kịp thời kinh nghiệm trong quá trình đổi mới, xây dựng chính sách kinh tế - xã hội trong cơ chế thị thường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Báo chí đã thể hiện rõ quan điểm bảo vệ và phát huy bản sắc, truyền thống

văn hóa dân tộc, tuyên truyền, cổ vũ toàn dân tiếp thu có chọn lọc nền văn hóa tiên tiến của các nước trên thế giới, góp phần nâng cao dân trí, ngăn chặn văn hóa độc hại len lỏi vào nước ta. Trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống tiêu cực và các tệ nạn xã hội, báo chí cả nước đã dũng cảm phát huy vai trò xung kích, thể hiện rõ chức năng giám sát của nhân dân. Có thể nói, hầu hết các vụ tiêu cực lớn được đưa ra xét xử trong những năm qua đều đã được báo chí lên tiếng cảnh báo trước công luận với những tin, bài điều tra sắc sảo, công phu. Trong cuộc đấu tranh tư tưởng đang diễn ra gay gắt, báo chí đã thường xuyên cổ vũ toàn dân đoàn kết, chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", kịp thời đáp lại luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị tinh thần của chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt. Báo chí đã tổ chức, khơi dậy và biến nhiều hoạt động xã hội - từ thiện trở thành phong trào của toàn xã hội như đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, xóa đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào khắc phục hậu quả thiên tai; khuyến khích tài năng, khuyến thiện...

c) Đội ngũ các nhà báo ngày càng đông, có bước trưởng thành về chính trị, tư tưởng và nghiệp vụ

Trong nhiệm kỳ Đại hội VI Hội Nhà báo Việt Nam, đội ngũ báo chí Việt Nam gồm các thế hệ người làm báo như sau:

Thế hệ các nhà báo trưởng thành trong Cách mạng Tháng Tám và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đến nay, số đông đã nghỉ hưu, một số ít đang còn công tác, đa số các đồng chí thuộc thế hệ lớp trước nay vẫn viết đều, viết khỏe, có ý nghĩa quan trọng trong việc cổ vũ các thế hệ nhà báo kế tiếp.

Thế hệ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đang giữ cương vị chủ chốt ở các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí và các tòa soạn báo. Đội ngũ này đã kế thừa được truyền thống, đạo đức, kinh nghiệm làm báo của thế hệ các nhà báo trong Cách mạng Tháng Tám và kháng

chiến chống thực dân Pháp, hiện là lực lượng nòng cốt chủ yếu bảo đảm cho báo chí cách mạng Việt Nam phát triển đúng hướng, theo đường lối của Đảng và Nhà nước, luôn vững vàng trước thách thức của thời cuộc.

Thế hệ trưởng thành sau ngày đất nước thống nhất có những bước tiến quan trọng về nhiều mặt. Nhiều người trở thành lãnh đạo chủ chốt ở các cơ quan báo chí, thành những cây bút sắc sảo trong đội ngũ báo chí cả nước.

Thế hệ các nhà báo trẻ xuất hiện trong thời kỳ đổi mới được đào tạo hệ thống, cơ bản, có khả năng nắm bắt nhanh các thiết bị, công nghệ làm báo tiên tiến, có trình độ ngoại ngữ nên tiến bộ nhanh về nghiệp vụ.

Trong số trên 9.000 nhà báo chuyên nghiệp, không chuyên nghiệp và các sinh viên báo chí mới ra trường, bổ sung vào đội ngũ báo chí, đã có 8.291 nhà báo được kết nạp vào Hội Nhà báo Việt Nam, số có từ một đến hay bằng đại học và trên đại học chiếm 72% hội viên,

Điểm nổi bật của đội ngũ những người làm báo Việt Nam là:

Luôn thể hiện rõ quan điểm chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Làm báo trong cơ chế thị trường nhưng không chệch định hướng xã hội chủ nghĩa; vừa tích cực phấn đấu, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới đất nước, đồng thời luôn tự phấn đấu đổi mới chính mình để phục vụ ngày càng có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đội ngũ báo chí Việt Nam đã giữ vững bản lĩnh chính trị và bản sắc văn hóa dân tộc, không ngừng học hỏi vươn lên, làm chủ công nghệ làm báo tiên tiến, nâng cao trình độ chính trị trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, chủ động hội nhập vào báo chí khu vực và báo chí thế giới. Có một số tờ báo đã tự trang trải được các chi phí, một số ít tờ báo có lại, từ đó đầu tư, đổi mới thiết bị làm báo hiện đại.

2. Hạn chế và hướng khắc phục

1. Trong khi lực lượng báo chí nòng cốt chủ yếu vẫn kiên trì thông tin có định hướng thì một bộ phận các báo, đáng chú ý là các số chuyên san, phụ san cuối

tuần, cuối tháng, đã bị tác động bởi khuynh hướng thương mại hóa. Vấn đề này, Đại hội VI Hội Nhà báo Việt Nam đã lên tiếng cảnh báo, nhưng trên thực tế vẫn chưa được đẩy lùi.

Biểu hiện cụ thể là coi nhẹ chức năng tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng; né tránh đề cập hoặc chỉ đề cập hời hợt những chủ đề, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Ngay cả đối với các sự kiện chính trị quan trọng, các hoạt động phong phú, sinh động của chính cơ quan, đơn vị chủ quản, của phong trào cách mạng sôi nổi ở các địa phương, đơn vị mà các nhà báo, tạp chí có trách nhiệm và nghĩa vụ làm người phát ngôn và tuyên truyền nhưng cũng chỉ đưa dưới dạng tin tức, sự kiện với số chữ và thời lượng rất ít trong khi đó lại khai thác và đề cập quá nhiều tin, bài không cần thiết của các địa phương, đơn vị khác và những chuyện giật gân, câu khách của nước ngoài, chạy theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận bạn đọc, không thấy hết "trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của nhà báo" trong thông tin, do đó không chú trọng trong việc lựa chọn tin tức sự việc để đưa lên mặt báo. Một số tờ tuần báo, do muốn chiều lòng một bộ phận bạn đọc chỉ nặng về phê phán tiêu cực, yếu kém, đưa đậm các mặt trái của xã hội, chỉ cốt bán được báo, coi nhẹ việc biểu dương, cổ vũ nhân tố mới, người tốt, việc tốt, tạo ra không khí nặng nề lên mặt báo và trong dư luận xã hội; khai thác quá nhiều đề tài có nội dung giật gân, câu khách về tình dục, bạo lực, các vụ án, chuyện đời tư các nhân vật, nghệ sĩ ở trong nước và trên thế giới... trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc, thậm chí, đưa lên mặt báo những chuyện, những người không có thực, không tính đến tác hại nghiêm trọng đối với xã hội. Một số tờ báo, trong thông tin của mình còn chủ trương làm to những vụ việc thực tế không phải là nghiêm trọng, làm lệch hướng dư luận xã hội. Trên một số tờ báo đã có những tin, bài, hình ảnh có nội dung tư tưởng, quan điểm sai trái. Có không ít những tin, bài khi cho đăng không được cân nhắc kỹ, để cho các thế lực thù địch khai thác, lợi dụng để đả kích, nói xấu chế độ ta. Không ít báo còn quảng cáo quá nhiều các sản phẩm hàng hóa nước ngoài, các

kiểu thời trang của những người mẫu giàu có do các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước ngoài yêu cầu, với ngôn từ và hình ảnh thiếu chọn lọc, xa lạ với bản sắc văn hóa và lối sống của nhân dân ta. Có những tờ báo quảng cáo cả hàng cấm, quảng cáo quá mức quy định, đặt lợi nhuận lên trên lợi ích xã hội.

2. Từ khuynh hướng thương mại hóa đã dẫn đến biểu hiện xa rời tôn chỉ, mục đích của một số tờ báo, tạp chí. Trong hoạt động báo chí còn có biểu hiện coi nhẹ chức năng tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, coi trọng việc đưa tin giật gân, câu khách để đạt mục đích về số lượng phát hành, có trường hợp làm lộ bí mật quốc gia, tính chính trị, tính văn hóa, tính khoa học, nhất là chất lượng chính trị của một số ấn phẩm báo chí còn thấp; tính chiến đấu chưa cao, tính phát hiện, dự báo và hướng dẫn dư luận chưa sắc sảo. Do không nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quản lý, không thể hiện rõ trách nhiệm trước xã hội và lợi ích của cộng đồng nên có báo đã đặt lợi nhuận lên trên hết, có một số ấn phẩm báo chí bị tư nhân chi phối và thao túng, dẫn đến việc xa rời tôn chỉ, mục đích, lệch lạc về quan điểm, tư tưởng. Ngoại trừ phát thanh và truyền hình phủ sóng được rộng khắp cả nước, các ấn phẩm và sản phẩm báo chí nhìn chung vẫn chỉ tập trung ở các trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn, chưa đến rộng rãi với nhân dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Các vấn đề trong sản xuất, đời sống của nông dân, công nhân chưa được đề cập tương xứng và kịp thời trên mặt báo cũng như các tạp chí.

3. Bên cạnh đội ngũ đông đảo các nhà báo có lương tâm và đạo đức trong sáng, tuyệt đối trung thành với quan điểm, đường lối của Đảng, tận tụy với nghề nghiệp, phấn đấu vì lợi ích của Tổ quốc và nhân dân, còn có một bộ phận, tuy không nhiều nhưng cũng không phải quá ít nhà báo xa rời "Quy ước đạo đức nghề nghiệp báo chí", gây tác hại xấu đến uy tín báo chí, làm cho xã hội phiền lòng. Vấn đề đặt ra là, tại sao nhiều thiếu sót, nhược điểm được phát hiện từ lâu, được nhắc nhở nhiều và không ai là không nhất trí, thế nhưng vẫn tồn tại, thậm chí có mặt còn phát triển;

tại sao nhiều vấn đề lớn tồn đọng lâu nay vẫn chưa được giải quyết? Rõ làng là, cho dù thuộc vào loại yếu kém, bất cập nào đi nữa, cũng đều có trách nhiệm về quản lý, chỉ đạo ở tầm vĩ mô. Hội Nhà báo Việt Nam với tư cách là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của những người làm báo Việt Nam, là tổ chức do Đảng lập ra để chỉ đạo báo chí bằng phương thức vận động, giáo dục quần chúng, đương nhiên không thể thoái thác trách nhiệm của mình trước những khuyết điểm nói trên.

4. Một số biểu hiện tiêu cực trong báo chí cần được chú ý phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức và cơ quan, đặc biệt là cơ quan chủ quản báo chí để ngăn chặn và loại bỏ, cụ thể là:

- Những yếu kém về chính trị, tư tưởng, nghiệp vụ... của một số cán bộ chỉ đạo, quản lý báo chí, của một số ít người đứng đầu cơ quan báo chí và của cơ quan chủ quản báo chí.
- Những yếu kém thuộc về trình độ nghề nghiệp, năng lực, nhất là thuộc về phẩm chất, đạo đức của những người làm báo và những người trực tiếp làm công tác quản lý báo chí.
- Những thông tin thiếu khách quan, thiếu trung thực, ca ngợi hoặc phê phán không đúng sự thật với động cơ vụ lợi cá nhân; móc nối, liên kết để "đánh" người này, bảo vệ người kia, làm rối nội bộ, làm tổn hại thanh danh một số cá nhân và cơ sở để lấy quảng cáo hoặc đòi tiền.
- Những nhận thức, quan niệm không đúng về vai trò, trách nhiệm và quyền lực báo chí trong đời sống xã hội, tự đặt mình lên trên hết, tự cho mình quyền phán xét hết cả, không tôn trọng tổ chức cơ sở và nhân dân.
- Những biểu hiện mất cảnh giác ở một bộ phận nhà báo trong quan hệ giao tiếp, khi nhận tài trợ, quảng cáo, liên doanh, liên kết, nhận lời đi tham quan, du lịch nước ngoài...

---

1. *Sơ thảo lịch sử 50 năm báo Nhân dân 1951 – 2001*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 163.
2. Báo *Nhân dân,* ngày 1-6-1990.
3. Xem *Văn kiện Đại hội lần thứ V*, Hội Nhà báo Việt Nam.
4. Xem *Văn kiện Đại hội lần thứ V*, Hội Nhà báo Việt Nam.
5. Tạp chí *Người làm báo*, tháng 4-2004.

CHƯƠNG VI

BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM THỜI KỲ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC 2001 - 2010

I- BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG TRONG ĐIỀU KIỆN TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1. Bối cảnh lịch sử

Giai đoạn 2001 - 2010 tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ; hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố quốc tế, bất ổn trong xã hội, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ giữa một số nước tiếp tục diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng tài chính, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành những vấn đề nghiêm trọng trên quy mô toàn cầu.

Trong giai đoạn này, tình hình trong nước bên cạnh những thuận lợi cơ bản là chính trị - xã hội ổn định, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và tiềm lực của đất nước được tăng cường; quan hệ quốc tế được mở rộng, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam được nâng cao. Tuy nhiên, đất nước cũng phải đối mặt với sự chống phá của các thế lực thù địch, phải giành nhiều công sức cho việc đảm bảo độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra gây thiệt hại nặng nề. Những năm đầu thập niên, đất nước phải khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ toàn cầu tác động bất lợi về nhiều mặt làm suy giảm tăng trưởng và làm trầm trọng thêm những yếu kém của nền kinh tế nước ta. Trong giai đoạn này, thực hiện đường lối của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và lần thứ X của Đảng về nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đã nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đạt được những

thành tựu rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị - xã hội, văn hóa, an ninh - quốc phòng, đối ngoại. Tiềm lực của đất nước tăng mạnh, vị thế quốc tế của Việt Nam được tăng cao. Những thắng lợi này đang tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam tiếp tục đổi mới toàn diện đồng bộ đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, phát triển nhanh mạnh và bền vững để đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa.

2. Sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí

Nói tới cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với báo chí là nói đến cách thức mà Đảng thực hiện để lãnh đạo, tác động có chủ đích tới các cơ quan báo chí và nhà báo. Để Đảng lãnh đạo báo chí có hiệu quả, cùng với nội dung lãnh đạo đúng, Đảng cần có cơ chế lãnh đạo thích hợp, đặc biệt là trong từng giai đoạn.

Cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với báo chí được thể hiện qua các mặt cụ thể: đề ra các nghị quyết, chỉ thị đối với báo chí; lãnh đạo tổ chức đảng, đảng viên cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí; lãnh đạo thông qua các cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; lãnh đạo thông qua đoàn thể nhân dân; lãnh đạo thông qua việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, quản lý cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí; kiểm tra các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

a) Đảng lãnh đạo bằng việc đề ra các chủ trương, nghị quyết chỉ thị đối với báo chí

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng là cơ sở để các cơ quan nhà nước thể chế hóa thành các chủ trương, kế hoạch, chính sách, luật pháp... Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về báo chí trở thành cơ sở để Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm của Đảng nhằm thực hiện quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với báo chí. Trong hơn 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, cơ chế này được thực hiện ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn.

Chỉ thị 63-CT/TW ngày 25-7-1990 của Ban Bí thư (khóa VI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác báo chí - xuất bản. Đại hội VII của Đảng thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Cương lĩnh 1991), khẳng định: "Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích". Ngày 31-3-1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 08-CT/TW về *Tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản.* Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 18-2-1995 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) về *Một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng* nêu yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả của báo chí; coi trọng công tác bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ phụ trách báo chí, nắm vững và chủ động thực hiện đúng đắn, sáng tạo các định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng; đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng, tiêu cực, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Ngày 17-10-1997, Bộ Chính trị (khóa VIII) ban hành Chỉ thị 22-CT/TW *Về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản.* Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) xác định quyết tâm hiện đại hóa hệ thống thông tin đại chúng; sắp xếp hợp lý nhằm tăng hiệu quả thông tin; xây dựng và từng bước thực hiện chiến lược truyền thông quốc gia phù hợp với đặc điểm nước ta và xu thế phát triển thông tin của thế giới. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, khi đề cập đến công tác lãnh đạo báo chí đã khẳng định một quan điểm mới, khoa học "phát triển đi đôi với quản lý tốt”... Sau Đại hội IX, Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) ra Nghị quyết về công tác tư tưởng, lý luận, đối với báo chí, Nghị quyết khẳng định: "Báo chí nước ta là báo chí cách mạng, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự giám sát và xây dựng của nhân dân", đồng thời yêu cầu tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thông tin, cổ động. Ở nhiệm kỳ khóa IX, tại Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương đã ra Nghị quyết 16-NQ/TW *"Về nhiệm vụ chủ*

yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới", trong đó nhấn mạnh đến yêu cầu "nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền cổ động, báo chí - xuất bản, văn hóa - văn nghệ, thông tin đối ngoại". Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng ban hành một số chỉ thị, thông báo nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với công tác báo chí, trong đó có một số văn bản hết sức quan trọng: Thông báo kết luận số 162-TB/TW, ngày l-12-2004 của Bộ Chính trị *"Về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình mới".* Cuối năm 2006, Bộ Chính trị (khóa X) ra Thông báo kết luận số 41-TB/TW (ngày 11-10-2006), nêu nhiệm vụ chủ yếu của các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, các cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí. Ngày 30-3-2007, Bộ Chính trị ban hành Thông báo kết luận số 68-TB/TW tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với báo chí. Ngày 9-5-2007, Ban Bí thư ban hành Kế hoạch 03-KH/TW, nêu một số biện pháp cụ thể nhằm thực hiện Thông báo kết luận 68-TB/TW. Hội nghị lần thứ năm (khóa X), đã thảo luận và ra Nghị quyết *"Về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới".*

b) Đảng lãnh đạo báo chí thông qua đồng thời nhiều kênh

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực đời sống xã hội chủ yếu được thông qua Nhà nước. Ở lĩnh vực báo chí, đó là việc thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan điểm của Đảng thành luật pháp, kế hoạch, chính sách về báo chí kiểm tra hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí. Năm 1989, Quốc hội thông qua Luật Báo chí, 10 năm sau, Quốc hội ban hành Luật số 12/1999-QH10 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí. Ngày 26-4-2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí. Thực hiện Kế hoạch 03-KH/TW của Ban Bí thư (khóa X), với sự chủ trì của Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan cùng tham gia xây dựng các quy hoạch: Quy chế người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; Quy chế thu hồi ấn

phẩm, đình bản tạm thời và thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; Quy chế cải chính trên báo chí; Quy chế khai thác và sử dụng nguồn tin; Quy chế cấp phép hoạt động báo chí; Quy chế quản lý văn phòng đại diện và phóng viên thường trú tại các địa phương; rà soát lại, bổ sung, chỉnh sửa quy hoạch, kế hoạch phát triển báo chí của cả nước; đặc biệt chú ý đến việc quy hoạch hệ thống các đài phát thanh, truyền hình từ trung ương đến địa phương và báo chí điện tử trong điều kiện các loại hình truyền thông đa phương tiện đã và đang phát triển mạnh mẽ; xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống các chính sách về báo chí, cụ thể là chính sách lương và phụ cấp của nhà báo, chính sách đầu tư, chính sách thuế…

Đảng lãnh đạo báo chí thông qua các đoàn thể nhân dân, đặc biệt là Hội Nhà báo. Hội Nhà báo Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những người làm báo Việt Nam, và thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị của đất nước. Hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước, theo pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ hội.

Đảng lãnh đạo báo chí thông qua các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng bên trong các cơ quan báo chí, trong các cấp Hội Nhà báo. Đây là điều kiện để Đảng thực hiện sự lãnh đạo trực tiếp, sâu sát, kịp thời của mình với báo chí. Coi trọng việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, biên tập biên, nhất là tổng biên tập, phó tổng biên tập, trưởng các ban chuyên môn, trưởng các chuyên trang, chuyên mục.

Đảng lãnh đạo trực tiếp các cơ quan báo chí chủ lực của Đảng. Hệ thống báo chí của ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Bên cạnh sự lãnh đạo mang tính nguyên tắc đó, Đảng còn lãnh đạo trực tiếp một số cơ quan báo chí của Đảng - những cơ quan báo chí quan trọng, thể hiện rõ nhất đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đó là báo *Nhân dân,* là *Tạp*

chí Cộng sản, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam...

c) Đảng lãnh đạo thông qua công tác tổ chức - cán bộ, qua việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí

Cán bộ là khâu đặc biệt quan trọng trong bất cứ lĩnh vực nào trong đó, có lĩnh vực báo chí. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: Cán bộ là cái gốc của công việc... Mọi việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém mà nên. Sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí là tạo dựng một đội ngũ cán bộ trung thành, tận tụy, vừa có đức, vừa có tài, những người quyết định địa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, lan tỏa trong quần chúng nhân dân. Chỉ thị 08-CT/TW ngày 31-3-1992 của Bộ Chính trị (Khóa VII) chỉ rõ: "Xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí, xuất bản đến năm 2000, bảo đảm đội ngũ này vững vàng về chính trị và tư tưởng, trong sạch về phẩm chất đạo đức và tinh thông nghề nghiệp; chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận… Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) yêu cầu: Việc bổ nhiệm, đề bạt, thay đổi tổng biên tập, phó tổng biên tập các báo, tạp chí, giám đốc, phó giám đốc nhà xuất bản phải làm đúng quy trình và có sự thống nhất ý kiến bằng văn bản giữa cơ quan tham mưu về tư tưởng - văn hóa của Đảng với cơ quan nhà nước về văn hóa - thông tin. Các văn kiện quan trọng của Đảng như Thông báo kết luận số 162-TB/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác báo chí, đặc biệt ra Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về *"Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới"* và Kết luận số 12-KL/TW ngày 24-9-2007 của Bộ Chính trị về những công việc cần làm để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) đều khẳng định tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng nói chung, công tác báo chí nói riêng.

đ) Đảng kiểm tra nội dung chính trị tư tưởng của báo chí; kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan báo chí

Với báo chí, Đảng lãnh đạo các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên qua công tác kiểm tra tập trung vào các nội dung quan trọng: kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về báo chí; kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí; kiểm tra việc thực hiện chế độ tài chính của cơ quan báo chí. Năm 2008, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có Chương trình kiểm tra số 67-KH/TW đối với tổ chức đảng trong cơ quan báo chí việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước trên các mặt vừa nêu. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với báo chí được tiến hành đồng bộ với thanh tra của Nhà nước, tạo sự thống nhất giữa lãnh đạo và quản lý, giữa định hướng chính trị và việc chấp hành các quy định cụ thể.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX), đã ra Nghị quyết 16-NQ/TW *"Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới",* trong đó nhấn mạnh đến yêu cầu "nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền cổ động, báo chí xuất bản, văn hóa - văn nghệ, thông tin đối ngoại". Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng ban hành một số chỉ thị, thông báo nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với công tác báo chí, trong đó, có một số văn bản hết sức quan trọng: Thông báo kết luận số 162-TB/TW, ngày 1-12-2004 của Bộ Chính trị "Về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình mới". Chỉ thị 22-CT/TW và Thông báo kết luận 162-TB/TW chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm của báo chí như xa rời tôn chỉ mục đích, sa vào giật gân, câu khách, chạy theo lợi ích kinh tế thuần túy, sao nhãng biểu dương người tốt, việc tốt, nặng thông tin mặt tiêu cực, mặt trái xã hội, làm "nóng" một số vấn đề kinh tế - xã hội đất nước một cách không đáng có... Khi thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, cùng với tuân thủ quy định của pháp luật theo tiêu chí đúng sai, cơ quan báo chí của ta còn có một tiêu chí khác không kém phần quan trọng là nên hay không nên. Để thực hiện tiêu chí này, rất cần nhãn quan chính trị đúng đắn, sắc

sảo, sự nhạy cảm và tinh thần trách nhiệm cao của người làm báo, nhất là cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí. Cũng trong năm 2005, Ban Bí thư (khóa IX) ra Chỉ thị 52-CT/TW về tăng cường quản lý báo chí điện tử - một loại hình báo chí hiện đại mới xuất hiện ở nước ta từ năm 1997 nhưng đã có sự phát triển hết sức mạnh mẽ, sôi động và có phần phức tạp. Việc lãnh đạo, quản lý báo chí điện tử cần một cách nhìn mới, năng lực mới, và đương nhiên, cần có những quy định mới của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chỉ thị 52-CT/TW nhấn mạnh: "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm không ngừng nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên về vị trí, tầm quan trọng và tính hai mặt của internet và báo điện tử, để khai thác, sử dụng có hiệu quả mặt tích cực, đồng thời phòng ngừa, hạn chế mặt tiêu cực. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với báo điện tử và các mạng thông tin điện tử. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật, các cơ chế, chính sách phát triển, quản lý báo điện tử và mạng internet".

Sau gần ba năm lãnh đạo thực hiện Thông báo kết luận 162-TB/TW, cuối năm 2006, Bộ Chính trị (khóa X) ra Thông báo kết luận số 41-TB/TW (ngày 11-10-2006). Trong bản thông báo này, Bộ Chính trị đã chỉ rõ những nhiệm vụ mà các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, các cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí phải thực hiện - một sự "phân vai" rõ ràng, khoa học. Thông báo 41-TB/TW của Bộ Chính trị (khóa X) đặc biệt coi trọng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn và lãnh đạo cơ quan chủ quản trong công tác quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ báo chí, trực tiếp chịu trách nhiệm về các sai phạm của cơ quan báo chí thuộc quyền. Nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng về nâng cao vai trò của tổ chức đảng, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong các cơ quan báo chí; khẳng định nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, định hướng về chính trị, tư tưởng, về chủ trương, đường lối và chiến lược phát triển, về công tác cán bộ. Mặt khác, đề cao việc quản lý hoạt động báo chí theo pháp luật và chính sách của Nhà

nước. Ngày 30-3-2007, Bộ Chính trị (khóa X) ban hành Thông báo kết luận số 68-TB/TW tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với báo chí. Ngày 9-5-2007, Ban Bí thư ban hành Kế hoạch 03-KH/TW, nêu một số biện pháp cụ thể nhằm thực hiện Thông báo kết luận 68-TB/TW. Đây là một bước đi mang tính sâu sát, thể hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác báo chí.

Từ tinh thần chỉ đạo và kết quả thu được qua việc thực hiện các chỉ thị, thông báo, kế hoạch đã nêu trên, tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) (từ ngày 5 đến ngày 14-7-2007) đã thảo luận và ra Nghị quyết *"Về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới"*. Lần đầu tiên, công tác báo chí, hoạt động báo chí được Trung ương đề cập một cách toàn diện, đầy đủ, sâu sắc trong một nghị quyết hết sức quan trọng. Nghị quyết chỉ rõ: "Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với hoạt động báo chí. Coi trọng, chăm lo công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí, đề cao trách nhiệm đảng viên của người làm báo, nhất là người giữ cương vị lãnh đạo. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên ở các cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý báo chí về thi hành Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động báo chí. Xây dựng quy chế để thường xuyên làm tốt việc định hướng và cung cấp thông tin cho báo chí, nhất là đối với các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm về đối nội, đối ngoại; nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Luật Báo chí và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; quy định thẩm quyền, trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa cơ quan chỉ đạo báo chí của Đảng, cơ quan quản lý báo chí của Nhà nước, Hội Nhà báo và cơ quan chủ quản báo chí đối với cơ quan báo chí và người làm báo; xây dựng chế tài đủ mạnh, xử lý dứt điểm, kịp thời, nghiêm minh các sai phạm".

Nhằm thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết, chỉ thị, thông báo kết luận của Đảng về lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng

Bộ Văn hóa - Thông tin, sau này là Bộ Thông tin và Truyền thông và các ban, ngành liên quan để triển khai nhiều công việc quan trọng. Thực hiện Đề án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí (1989, 1999), xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 77-2007/QĐ-TTg ngày 28-5- 2007) ban hành quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; Thông tư số 07-2007/TT-VHTT của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn cấp, đổi và thu hồi Thẻ nhà báo; Quyết định số 52-2008/QĐ-BTTTT ngày 2-12-2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chế xác định nguồn tin trên báo chí; Thông tư số 13-2008/TT-BTTTT ngày 31-12-2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú trong nước của các cơ quan báo chí; Nghị định số 97-2008/NĐ-CP ngày 28-8-2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet; Nghị định số 28-2009/NĐ-CP ngày 20-3-2009 quy định xử phạt hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet; Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng, phát thanh, truyền hình đến năm 2020; Thông tư số 15-2009/TT-BTTTT ngày 4-5-2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc tổ chức liên hoan phát thanh, truyền hình; Quyết định số 241-2009/QĐ-BTTTT ngày 24-2-2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình; Thông tư số 07-2008/TT-BTTTT ngày 18-12-2008 hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang điện tử cá nhân trong Nghị định số 97-2008/NĐ-CP ngày 28-8-2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet; Quy hoạch hệ thống báo in, tạp chí in đến năm 2020; Thông tư số 18-2009/TT-BTTTT, ngày 28-5-2009 quy định một số yêu cầu về quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ truyền hình cáp tương tự tại đầu cuối của người sử dụng dịch vụ; Thông tư số 19-2009/TT-BTTTT, ngày 28-5-2009 quy

định về việc liên kết trong hoạt động sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình;...

3. Tình hình hoạt động của báo chí thời kỳ 2001 – 2010

Thời kỳ 2001 - 2010, báo chí Việt Nam tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, phát triển nhanh, toàn diện cả số lượng và chất lượng, cả nội dung, hình thức, loại hình, số lượng chất lượng ấn phẩm, cả lượng phạm vi phát hành, phủ sóng.

Tính đến đầu tháng 5-2009, cả nước có trên 710 cơ quan báo chí in, gồm 175 báo in (trung ương, các ban, bộ, ngành, đoàn thể có 76 báo; các tỉnh, thành phố có 99 báo); trên 530 tạp chí (trung ương, các ban, bộ, ngành, đoàn thể có 421 tạp chí; địa phương 114 tạp chí); 1 hãng thông tấn quốc gia; 2 đài phát thanh, truyền hình quốc gia, đài truyền hình của ngành, 63 đài phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố, trên 500 đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện, hàng nghìn trạm truyền thanh, truyền hình cấp xã; 5 tờ báo điện tử lớn, hàng chục trang báo điện tử là cánh tay nối dài của các báo in, hàng trăm trang thông tin điện tử, hàng nghìn Website. Đài Tiếng nói Việt Nam đã phủ sóng 97,5% diện tích lãnh thổ và phủ sóng qua vệ tinh đến nhiều nước trên thế giới. Đài Truyền hình Việt Nam phủ sóng đến gần 90% số hộ gia đình ở trong nước và phủ sóng qua vệ tinh đến nhiều khu vực ở ngoài nước.

Với gần 175 báo in phần lớn đều tăng trang, kỹ thuật in hiện đại, hình thức đẹp, hấp dẫn; nhiều đơn vị báo in đã xuất bản từ 3 đến 7 ấn phẩm và hàng chục tờ báo có in ra phát hành từ 100.000 bản - 500.000 bản/ngày.

- Báo nói với Đài Phát thanh quốc gia, 63 đài phát thanh tỉnh, thành, trên 600 đài phát thanh huyện và trên 10.000 đài truyền thanh xã, phường với thời lượng phát sóng tăng hơn l0 lần, với nhiều kênh, nhiều chương trình, với nhiều tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài đã phủ sóng cả nước và nước ngoài, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao, càng phong phú, đa dạng của nhân dân và thông tin đối ngoại. Khối báo truyền hình với 1 đài quốc gia, 1 đài của ngành, 63 đài tỉnh, thành, 500 đài

truyền hình huyện thị. Với công nghệ kỹ thuật số, cùng với hệ thống truyền hình cáp mở rộng chất lượng thông tin ngày một nâng cao.

Cả nước có hơn 17.000 người làm báo chuyên nghiệp được cấp thẻ nhà báo, hàng ngàn cán bộ, kỹ sư, nghệ sĩ, nhân viên làm việc trong các cơ quan báo chí và hàng chục ngàn người khác là cộng tác viên, nhân viên, lao động tham gia các công đoạn in ấn, tiếp thị, quảng cáo, phát hành, sống chủ yếu bằng dịch vụ nghề báo. So với năm 1986 - thời điểm đất nước ta bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới thì số lượng các cơ quan báo chí, số lượng báo, đài, tạp chí và đội ngũ những người làm báo hiện nay tăng từ 3 đến 4 lần; nếu so với năm 2001, các chỉ số này tăng 1,3 đến 1,5 lần, Năm 1969, mạng thông tin toàn cầu (internet), một trong những phát minh lớn nhất của loài người trong thế kỷ XX ra đời và gần 30 năm sau mới có mặt ở Việt Nam, nhưng đến thời điểm này, số người sử dụng internet của Việt Nam gần bằng 25% số dân, một mức khá cao ở khu vực Đông Nam Á và châu Á. Sự ra đời và phát triển vượt bậc của báo điện tử nối mạng internet cùng với khả năng tích hợp nhiều loại hình báo chí trên một thiết bị truyền thông hiện đại tạo ra khả năng to lớn cho việc truyền tải, thu nhận thông tin của các cơ quan báo chí, xuất bản và công chúng của báo chí, xuất bản.

Nhìn trên tổng thể, báo chí, xuất bản nước ta đã có bước phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ về nhiều mặt: tăng loại hình; tăng số lượng cơ quan báo chí, xuất bản; tăng số đầu báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà xuất bản, nhà in sách báo, ấn phẩm, chương trình; tăng chất lượng nội dung, hình thức, công nghệ in ấn, truyền tải thông tin; tăng số lượng, phạm vi phát hành, phạm vi phủ sóng; tăng số lượng nhà báo, người làm công tác xuất bản và đội ngũ những người làm việc trong các cơ quan báo chí, xuất bản; tăng số lượng công chúng báo chí, xuất bản, đặc biệt là ở nước ngoài; tăng nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, kỹ thuật[1].

Các cơ quan báo chí đã giới thiệu với đông đảo công chúng nhiều tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật có giá trị về nội dung tư tưởng và hình thức thể hiện ngày

càng tốt hơn tôn chỉ, chức năng của báo chí cách mạng: Tuyên truyền tập thể, hướng dẫn tổ chức tập thể, cổ vũ thực hiện đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước; thông tin nhanh chóng, chính xác, đa dạng, phong phú, thực hiện quyền được thông tin của nhân dân và trở thành người bạn gần gũi của nhân dân. Hệ thống truyền hình Việt Nam đã có bước phát triển rất mạnh mẽ, trở thành một loại hình báo chí có vị trí rất quan trọng ở Việt Nam.

Trong thời gian này có sự xuất hiện của báo điện tử. Tuy xuất hiện muộn nhưng báo điện tử đã có bước phát triển mạnh mẽ.

Với gần 100 báo điện tử, trong đó có một số báo điện tử lớn như Báo Điện tử Đảng Cộng sản việt Nam, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Vietnamnet, Vn.Express... và hàng chục báo điện tử là các cánh tay nối dài của các báo in, báo phát thanh, truyền hình lớn cùng hàng trăm trang điện tử. Hàng nghìn Website đã phát huy mạnh mẽ các ưu thế của báo điện tử nên đã sản xuất, khai thác, tổng hợp được khối lượng thông tin lớn nhất, truyền tải nhanh nhất đến bạn đọc với nhiều hình thức hấp dẫn, do đó lượng bạn đọc báo điện tử đã tăng lên rất nhanh chóng, chiếm tỷ lệ rất lớn, đặc biệt là bạn đọc trẻ, trí thức, cán bộ công chức và bạn đọc quốc tế.

Nét nổi bật là trong thời gian này báo chí phục vụ kịp thời các ngày lễ, các sự kiện lớn của đất nước và nhu cầu văn hóa của nhân dân: các kỳ Đại hội toàn quốc của Đảng, các kỳ họp của Quốc hội, Hội nghị APEC 14, Việt Nam gia nhập WTO, Việt Nam là Uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; tổng kết thành tựu 20 năm đổi mới đất nước... Nhiều tác phẩm báo chí tiếp tục khai thác, phản ảnh đề tài chiến tranh cách mạng, thu hút sự quan tâm của cả xã hội như *Nhật ký Đặng Thùy Trâm, Mãi mãi tuổi 20;* các cuốn nhật ký chiến trường của Hoàng Thượng Lân, Nguyễn Văn Goá, Hoàng Kim Giao...; tuyên truyền kỷ niệm Ngày thành lập Đảng, Ngày thành lập nước, Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, phục vụ cuộc vận động "Học tập và làm theo

tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các cơ quan báo chí tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước; phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân; phát hiện, cổ vũ nhân tố mới, điển hình tiên tiến, thành quả của công cuộc đổi mới; tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, chống thông tin, quan điểm sai trái, âm mưu "Diễn biến hòa bình" của các thế lực phản động, thù địch; góp phần quan trọng vào quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới; mở rộng giao lưu, hội nhập với bên ngoài. Nhiều cơ quan báo chí xây dựng và kiên trì thực hiện những quy định mang tính nguyên tắc giữ vững tôn chỉ, mục đích bảo đảm thông tin tích cực, lành mạnh luôn chiếm tỷ lệ lớn; khuyến khích việc phát hiện và cổ vũ nhân tố mới, điển hình tiên tiến; phát động và tổ chức nhiều phong trào hành động cách mạng, hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện có ý nghĩa, mang lại hiệu quả thiết thực.

Tóm lại trong 10 năm qua, báo chí Việt Nam đã có bước đổi mới mạnh mẽ, trưởng thành, phát triển nhanh, đạt được những thành tựu nổi bật sau:

- Phát triển đội ngũ, tăng số lượng, chất lượng các ấn phẩm, các loại hình báo chí, báo viết, báo nói, báo hình, báo điện tử, lượng phát hành, phủ sóng và số bạn đọc báo chí tăng cao.
- Phần lớn các cơ quan báo chí hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích và định hướng chính trị, tư tưởng thông tin, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Công chúng báo chí có bước phát triển mạnh về số lượng, trình độ, tham gia ngày càng tích cực vào quá trình truyền thông.
- Tăng năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, máy móc, điều kiện làm việc, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động báo chí.
- Tham gia tích cực vào hoạt động báo chí thế giới và khu vực.

- Hội Nhà báo Việt Nam trong hai khóa VII, VIII đã đổi mới mạnh mẽ hoạt động, tăng cường đoàn kết, tập hợp, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục hội viên, nhất là giáo dục đạo đức nhà báo, tăng cường công tác bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và nhất là tổ chức tốt giải báo chí quốc gia.

- *Khuyết điểm, yếu kém:*

Một số cơ quan báo chí thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hóa, có biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, xa rời tôn chỉ, mục đích, thông tin không trung thực, thiếu chính xác, phản ánh nhiều về tiêu cực và tệ nạn xã hội, ít tuyên truyền các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước; khuynh hướng tư nhân hóa, thương mại hóa báo chí, tư nhân núp bóng để ra báo, kinh doanh báo chí ngày càng tăng. Có một vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời gian tới là: một số báo ngành, đoàn thể, địa phương đã vượt ra khỏi phạm vi tôn chỉ, mục đích của mình để gần như trở thành (hoặc muốn trở thành) một tờ báo chính trị - xã hội của mình (của ngành, đoàn thể, địa phương mình); đề cập quá nhiều các vấn đề của các ngành, đoàn thể, địa phương khác; nội dung thông tin trên báo chí thường giống nhau, bắt chước hoặc sao chép nhau, nhất là khi có các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, các vụ án, các vụ việc giật gân, câu khách.

Các báo, đài chủ lực (được xác định tại Thông báo kết luận 41-TB/TW, Thông báo kết luận 68-TB/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch 03-KH/TW của Ban Bí thư) tuy thực hiện nghiêm tôn chỉ, mục đích, nhưng lại thường bộc lộ một nhược điểm khá rõ và phổ biến là tư duy đổi mới báo chí còn hạn chế, lúng túng; nội dung, hình thức thông tin kém phong phú, sinh động; thiếu tính sắc bén, tính hấp dẫn; lượng phát hành không lớn, sự tác động, chi phối thông tin đến công chúng không mạnh mẽ, do đó hiệu quả tuyên truyền không cao.

Một số báo có xu hướng mở thêm ấn phẩm phụ để tăng nguồn thu, tập trung nâng cao chất lượng ấn phẩm phụ (chủ yếu là về hình thức, cách thiết kế, in ấn, quảng

cáo, phát hành...) do đó thường không quan tâm đúng mức đến việc nâng cao chất lượng nội dung, hình thức, hiệu quả thông tin của ấn phẩm chính. Việc cấp phép cho ra nhiều các ấn phẩm phụ như hiện nay cũng tạo nên tình trạng nhiều ấn phẩm phụ giống nhau về nội dung, đối tượng bạn đọc, địa bàn phát hành... gây trùng lặp, lãng phí, tốn kém.

Việc xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống các đài phát thanh, truyền hình còn nhiều lúng túng, bất cập, gây lãng phí, tốn kém. Nhiều đài truyền hình, do muốn cạnh tranh công chúng (nhằm mục đích chính là tăng nguồn thu quảng cáo) nên mở thêm nhiều kênh, khai thác, biên dịch và phát sóng quá nhiều ấn phẩm nước ngoài, một số phim nhạt nhẽo về nội dung, thậm chí lệch lạc về tư tưởng chính trị; lạm dụng khai thác chương trình truyền hình nước ngoài phát trên mạng truyền hình cáp; còn dễ dãi, sơ hở khi thực hiện "xã hội hóa" sản xuất, phát sóng các chương trình truyền hình; đưa quảng cáo quá nhiều, nhất là trên chương trình thời sự - tổng hợp gây bức xúc cho người xem.

Mục tiêu có 50% phim Việt Nam trong chương trình. Phim truyện của Đài Truyền hình Việt Nam và các đài truyền hình lớn sau nhiều năm phấn đấu vẫn chưa đạt được (mới chỉ đạt 30 - 35%), phần còn lại khai thác từ nước ngoài, chủ yếu là phim Trung Quốc và Hàn Quốc. Việc xã hội hóa, liên kết trong sản xuất, phát sóng các chương trình truyền hình đang đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu và cần có giải pháp thỏa đáng trong thời gian tới.

Có một thực tế đáng quan tâm là, những yếu kém, khuyết điểm vừa nêu thường chỉ bộc lộ ở một số cơ quan báo chí nhất định, được cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí của Đảng và Nhà nước đề cập, nhắc nhở, phê bình nhiều lần, nhất là trong các cuộc giao ban báo chí hàng tuần, nhưng chậm khắc phục. Tình trạng một số cán bộ, phóng viên các cơ quan báo chí, văn phòng đại diện cơ quan báo chí ở các địa phương thiếu rèn luyện đạo đức, phẩm chất, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, thậm chí vi phạm pháp luật đang có chiều hướng gia tăng. Vai trò của cấp uỷ, tổ chức

đảng chuyên môn, công đoàn, đoàn thanh niên, hội nhà báo trong cơ quan báo chí chưa được đặt đúng vị trí, tác dụng hạn chế, giảm sút sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo.

Việc xử lý các sai phạm trong hoạt động báo chí chưa được thực hiện nghiêm túc, chưa có những chế tài đủ mạnh. Một số cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí còn tiến hành công việc này một cách hình thức, chiếu lệ, không kiên quyết và triệt để.

Tình trạng tư nhân núp bóng nhà nước để ra báo, kinh doanh, dịch vụ truyền thông ngày càng tăng. Một số tờ báo, tạp chí, phụ san, chuyên san, mạng truyền hình cáp…bị cơ quan chủ quản hay cơ quan báo chí, xuất bản, bị tư nhân "mua sóng", chi phối hoặc thao túng. Thông tin không trung thực, áp đặt vô lối, suy diễn chủ quan, viết ẩu, viết sai có xu hướng gia tăng, kể cả những sai sót nghiêm trọng. Việc cải chính thông tin sai trên báo chí chưa nghiêm túc, đúng luật. Số nhà báo, người làm công tác trong lĩnh vực báo chí yếu kém đạo đức, lợi dụng nghề báo để thực hiện hành vi vụ lợi không còn là điều cá biệt. Đã xuất hiện "câu lạc bộ" hoặc nhóm nhà báo kết hợp với nhau để làm ăn, tung hô người này, "hạ bệ" người khác, "đánh hội đồng" các doanh nghiệp, cơ quan hay cá nhân nào đó vì ác ý hoặc vì vụ lợi.

- *Nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm:*

*Thứ nhất, phương thức, năng lực lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước đối với báo chí chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng, bất cập.*Chưa có những quyết sách cơ bản, lâu dài; còn có biểu hiện vừa buông lỏng, hữu khuynh, vừa áp đặt, thiếu sức thuyết phục. Việc cung cấp thông tin cho báo chí, thực hiện cơ chế người phát ngôn của các ngành, địa phương, đơn vị còn nhiều yếu kém, sơ hở. Sự phân công, phối hợp giữa cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí và cơ quan chủ quan chưa chặt chẽ, rõ ràng. Nhận thức một số vấn đề cơ bản trong hoạt động báo chí chưa thống nhất. Luật Báo chí (1989) được bổ sung, sửa đổi năm 1999 mới được ban hành chưa lâu đến nay đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, khó điều chỉnh các hoạt động vốn sinh

động, phức tạp của báo chí, xuất bản, nhất là với loại hình báo chí điện tử, sách điện tử.

*Thứ hai, năng lực, bản lĩnh, trách nhiệm cho đội ngũ những người làm báo, nhất là người đứng đầu cơ quan báo chí còn bất cập, hạn chế.*Ban biên tập, tổng biên tập cơ quan báo, đài có vai trò hết sức quan trọng trong việc tổ chức và điều hành bộ máy, nhìn nhận hiện thực đời sống, chọn lọc, xử lý để đưa thông tin, nhất là những thông tin quan trọng, phức tạp, nhạy cảm. Tuy vậy, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo trong cơ quan báo chí thực hiện chưa tốt, thậm chí còn bộc lộ những sơ hở, non kém. Một số cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí (tổng biên tập, phó tổng biên tập, giám đốc, phó giám đốc) sau khi được đề bạt, bổ nhiệm vẫn tỏ ra non yếu về bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Công tác quản lý cán bộ, phóng viên trong cơ quan báo chí còn nhiều yếu kém. Ở những nơi thường xảy ra sai phạm đều có nguyên nhân tổng biên tập, ban biên tập đề cao quyền hạn mà chưa coi trọng trách nhiệm chính trị; xa rời tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, chạy theo lợi ích cục bộ; không tôn trọng tổ chức đảng, đoàn thể cơ quan, sự chỉ đạo của cơ quan quản lý báo chí và cơ quan chủ quản.

Thứ ba, công tác đào tạo, giáo dục, sử dụng cán bộ, phóng viên, nhân viên ở một số cơ quan báo chí chưa tốt. Báo chí là một nghề đặc thù. Người làm báo phải có những phẩm chất tương đối cao về nhận thức chính trị, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp. Pháp luật ta không cho phép có báo chí tư nhân. Tuy nhiên, việc tuyển sinh vào các cơ sở đào tạo báo chí hiện nay được tiến hành cũng giống như bất cứ ngành học nào khác. Ngoài hệ thống chính quy, hệ tại chức, còn có cả hệ mở rộng, có cả khoa đào tạo báo chí ở trường đại học dân lập. Cả nước có 3 cơ sở đào tạo phóng viên báo chí ở trình độ đại học, trên đại học, nhưng chưa có cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan báo chí. Công tác

đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo; tuyển chọn, giáo dục, sử dụng phóng viên, nhân viên ở một số cơ quan báo chí chưa tốt[2].

Việc tiếp nhận, sử dụng cán bộ, phóng viên, nhân viên ở nhiều cơ quan báo chí chưa đảm bảo nguyên tắc, quy trình. Có nhà báo bị kỷ luật, bị sa thải ở cơ quan báo chí này lại được cơ quan báo chí khác tiếp nhận, sử dụng; bị báo địa phương đưa ra khỏi bộ máy vì yếu kém về đạo đức, tư cách lại được báo các bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương hoặc địa phương khác tiếp nhận, được bố trí vào chỗ làm việc có thu nhập cao hơn, thậm chí vào vị trí quản lý, lãnh đạo.

Thứ tư, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về báo chí không theo kịp sự phát triển của báo chí. Nhận thức một số khái niệm, vấn đề trong hoạt động báo chí chưa thống nhất. Các khái niệm về quyền tự do báo chí; quyền tự do ngôn luận trên báo chí; thông tin trung thực về mọi mặt của tình hình đất nước và thế giới, việc xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân chưa được làm rõ, đôi lúc còn mơ hồ dẫn đến tình trạng lạm quyền, không đề cao trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của người làm báo.

Các vấn đề "thương mại hóa" hoạt động báo chí; xây dựng các tập đoàn truyền thông; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan báo chí; chính sách tài chính, thuế, tiền lương, tiền thưởng, quỹ phúc lợi, quảng cáo, kinh doanh trong hoạt động báo chí; phương pháp lãnh đạo, quản lý báo chí; kể cả việc xem xét để bổ sung, sửa đổi Luật Báo chí và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực này chưa được quan tâm đúng mức, không theo kịp bước phát triển phong phú, sôi động, có phần phức tạp của báo chí.

Mâu thuẫn giữa chức năng tư tưởng, văn hóa với hoạt động kinh tế; giữa thông tin, tuyên truyền và thương mại của báo chí ngày càng gia tăng, tính chất "hàng hóa đặc biệt" của báo chí không phải lúc nào cũng được hiểu đúng, dẫn đến tình trạng vận dụng và thực hiện tùy tiện...

Thứ năm, chiến lược thông tin quốc gia công tác quy hoạch phát triển báo chí chưa theo kịp bước phát triển của ngành. Hệ thống báo chí của ta hiện nay còn nhiều điểm bất hợp lý, cồng kềnh, trùng lặp về nội dung, nặng về bao cấp, gây lãng phí, tốn kém...

Thứ sáu, công tác xây dựng Đảng, vai trò của tổ chức đảng, các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số cơ quan báo chí chưa được coi trọng đúng mức. Một số tổng biên tập, ban biên tập báo, đài, tạp chí chưa thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, chưa tuân thủ nghiêm túc sự chỉ đạo của cơ quan chủ quản và các cơ quan làm công tác quản lý báo chí.

Thứ bảy, tác động tiêu cực từ bên ngoài. Một nguyên nhân nữa, không thể xem nhẹ là những tác động tiêu cực từ bên ngoài, khi ngấm ngầm, lúc lộ liễu. Các thế lực cơ hội, thù địch rất quan tâm đến việc lợi dụng báo chí và một số nhà báo không vững vàng về bản lĩnh chính trị để xâm nhập, tác động, thực hiện âm mưu "Diễn biến hòa bình" trong lĩnh vực thông tin, báo chí. Một số tổ chức nước ngoài lôi kéo, lợi dụng các nhà báo thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tham quan, hội thảo, nghiên cứu về báo chí, về các vấn đề khác.

II- TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ BÁO CHÍ NHỮNG NĂM SẮP TỚI

l. Tư tưởng chỉ đạo

Trước hết, cần xác định một số quan điểm mang tính nguyên tắc, đã được Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới khẳng định: Báo chí nước ta đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, vừa là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, vừa là diễn đàn của nhân dân; tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn

minh. Luôn kiên trì bản chất của nền báo chí cách mạng, vừa nỗ lực vươn lên để theo kịp trình độ phát triển của báo chí khu vực và thế giới: hiện đại về mô hình, tổ chức, phương thức hoạt động, không ngừng nâng cao chất lượng chính trị, chuyên môn, kỹ thuật, công nghệ. Tiếp tục phát triển sự nghiệp báo chí đi đôi với tăng cường lãnh đạo, quản lý công tác báo chí đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Bám sát những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư tưởng nói chung, của báo chí nói riêng

Tích cực tuyên truyền, cổ vũ thành tựu công cuộc đổi mới; phát hiện, biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến; đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, các tiêu cực và tệ nạn xã hội; kế thừa và phát huy các giá trị quý báu của tinh hoa văn hóa nước nhà; tiếp nhận, phát huy tinh hoa văn hóa nhân loại; phản bác thông tin, quan điểm sai trái, phản động, thù địch, phi văn hóa.

b) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiện quả công tác lãnh đạo của Đảng đối với báo chí

- *Đổi mới tư duy và phong cách lãnh đạo báo chí:*

Trong điều kiện hoạt động mới, nhất là những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường đối với hoạt động báo chí, vấn đề Đảng lãnh đạo báo chí càng cần phải được thấm nhuần một cách tự giác, sâu sắc và điều chỉnh phương cách lãnh đạo, quản lý một cách sát hợp. Nếu không tỉnh táo, bản lĩnh, báo chí rất dễ tự phát thành những khuynh hướng, xu hướng tiêu cực, nhất là khuynh hướng "thương mại hóa"; "xa rời tôn chỉ, mục đích"... Đó là chưa kể mối đe dọa thường trực của các thế lực thù địch với nhiều thủ đoạn thâm độc, lợi dụng sơ hở để tiến công Đảng qua báo chí, thậm chí nắm báo chí khi có cơ hội, biến báo chí thành vũ khí tiến công Đảng, Nhà nước và chế độ. Cùng với đổi mới tư duy về báo chí, rất cần đổi mới tư duy lãnh đạo báo chí bao gồm cả nội dung, phương thức, phương châm lãnh

đạo. Các cơ quan chỉ đạo công tác báo chí phải chủ động trong việc định hướng chính trị, nhất là đối với những vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm. Về phương thức: bên cạnh nhiều chỉ thị, quy định quan trọng đã có, Đảng cần tiếp tục xây dựng, bổ sung hệ thống các nghị quyết, chỉ thị, quy định có tính đồng bộ, đầy đủ, kịp thời hơn, tạo cơ sở chính trị cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo báo chí. Mặt khác, cần nhanh chóng thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng bằng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Về mặt phương tiện: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần kịp thời nhưng phải đảm bảo tính thuyết phục, tránh áp đặt, mệnh lệnh nhằm đạt tới sự tuân thủ một cách tự giác, triệt để của các cơ quan báo chí. Cần tập trung khắc phục tình trạng cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo "cầm tay chỉ việc"; hạn chế hoặc chưa quan tâm đúng mức đến công tác dự báo tình huống để chủ động chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền; chậm cung cấp thông tin cho báo chí; quan niệm một cách đơn giản về tính trung thực của báo chí; quan niệm xơ cứng về "tôn chỉ, mục đích"; thiếu nhất quán trong chỉ đạo, định hướng thông tin.

- *Tăng cường trách nhiệm, năng lực của cơ quan chủ quản và người đứng đầu cơ quan báo chí:*

Bố trí những người có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, trách nhiệm vào các vị trí quan trọng như tổng biên tập, phó tổng biên tập (báo, tạp chí); giám đốc, phó giám đốc (các đài phát thanh, truyền hình), cán bộ đại diện cơ quan chủ quản chỉ đạo cơ quan báo chí thuộc quyền; cán bộ là tổng thư ký, thư ký tòa soạn, trưởng ban, trưởng phòng, trưởng chuyên trang, chuyên mục. Đề cao quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan chủ quản, nhất là trong công tác quản lý cán bộ, việc bổ nhiệm miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí; việc xử lý cán bộ sai phạm.

- *Chăm lo công tác xây dựng Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong cơ quan báo chí:*

Đề cao trách nhiệm cán bộ, đảng viên, nhất là người giữ cương vị lãnh đạo. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên ở các cơ quan báo

chí, cơ quan chủ quản, cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí về thi hành Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng trong hoạt động báo chí, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới.

- *Thực hiện nghiêm túc chế độ cung cấp thông tin cho báo chí:*

Thực hiện quy chế người phát ngôn của các bộ, ban, ngành, địa phương, đơn vị. Xác lập cơ chế cung cấp, chỉ đạo, định hướng thông tin đầy đủ, kịp thời trước một số vấn đề quan trọng, phức tạp nhạy cảm để tránh bị báo chí nước ngoài thông tin sai, thông tin với dụng ý ấu; tránh các thế lực thù địch xuyên tạc, kích động dư luận.

- *Tăng cường lãnh đạo, nâng cao vị trí, vai trò, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam theo tinh thần* Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư là một giải pháp rất quan trọng nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng với báo chí.

- *Coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí:*

Hàng năm, cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí cần rà soát, đánh giá công tác quy hoạch cán bộ; việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nguồn; chuẩn bị đội ngũ kế cận các chức danh chủ chốt; bố trí cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín vào các vị trí quan trọng, nhất là ở khâu nội dung.

- *Đầu tư thỏa đáng cho hoạt động thông tin đối ngoại:*

Tiếp tục mở rộng sóng phát thanh, truyền hình ra các nước, các khu vực; đưa sách, báo có nội dung tốt trong nước phục vụ công chúng, nhất là đồng bào ta ở nước ngoài. Tăng cường giao lưu hợp tác với các tổ chức báo chí trong khu vực và trên thế giới; coi trọng tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, sự nghiệp đổi mới của Việt Nam đến nhiều nước trên thế giới.

c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý của Nhà nước đối với báo chí

- *Hoàn thiện và phát huy hiệu lực hệ thống pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về báo chí.*

- *Xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch hệ thống báo chí.*

- *Hoàn thiện hệ thống đào tạo cán bộ báo chí đại học và trên đại học,* tham gia xây dựng ngành khoa học báo chí học, đào tạo đội ngũ nhà báo và những người hoạt động trong lĩnh vực báo chí có phẩm chất chính trị vững vàng, chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu nhân lực của báo chí nước nhà.

- *Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, khen thưởng, động viên kịp thời hoạt động báo chí.* Bổ sung, hoàn thiện quy chế hoạt động của từng cơ quan báo chí. Coi trọng quy trình thẩm định, xử lý thông tin trước khi đưa lên trang báo, sóng phát thanh, truyền hình; cẩn trọng, sáng suốt trước các sự kiện, vấn đề nhạy cảm, phức tạp về đối nội, đối ngoại.

- *Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các văn phòng đại diện, phóng viên thường trú của cơ quan báo chí tới địa phương.* Ban biên tập cơ quan báo chí cần phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ chính quyền, nhất là ban tuyên giáo, sở thông tin và truyền thông các địa phương nhằm động viên, giúp đỡ các văn phòng, các phóng viên thường trú hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật hoặc đạo đức nghề nghiệp.

- *Nâng cao năng lực quản lý tài chính của cơ quan báo chí,* nhất là các vấn đề dễ xảy ra sơ suất, sai phạm như khai thác, quản lý nguồn tiền quảng cáo, tiền tài trợ, lập dự toán và quản lý xây dựng cơ bản, mua sắm vật tư, máy móc, văn phòng phẩm, việc trích quỹ nhuận bút, việc chi lương, thưởng, làm thêm giờ...

---

1. Năm 1992, cả nước có 350 cơ quan báo chí (136 báo, 214 tạp chí). Năm 1997, có 153 báo, 337 tạp chí. Năm 2001 có 486 cơ quan báo chí (154 báo, 334 tạp chí, hơn 11.000 nhà báo được cấp Thẻ nhà báo).

Thụy Điển có hơn 150 tờ báo định kỳ, trên 3.000 ấn phẩm, 3 hãng phát thanh và truyền hình công, 25 đài phát thanh địa phương. 1 người dân Thuỵ Điển trung bình dành 6 giờ/ngày để tìm kiếm thông tin bổ ích trên báo, đài.

Nước Anh có 10 tờ báo hàng ngày, 9 tờ báo chủ nhật cấp quốc gia, l.400 tờ báo địa phương, 6.500 tạp chí; hệ thống phát thanh, truyền hình của nhà nước mạnh, phát thanh, truyền hình thương mại yếu hơn.

Pháp có 81 báo ngày, trong đó có 10 tờ báo quốc gia chuyên đưa tin chính trị, tổng hợp; 10 tờ chuyên về thương mại, thể thao, còn lại là báo địa phương và hàng nghìn tạp chí.

Malaixia có 63 báo in (41 tờ báo ngày), 32 đài phát thanh (28 đài của Chính phủ), 5 đài truyền hình (2 đài của Chính phủ), nhiều tạp chí.

Thái Lan có 52 tờ báo ngày (50 tiếng Thái, 2 tiếng Anh). Tờ Thai Rath in l.015.000 bản/kỳ, tờ Daily News 800.000/kỳ; 496 đài phát thanh (l/2 do quân đội quản lý); 6 đài truyền hình quốc gia…

Mỹ có 770 tờ nhật báo, 610 tờ báo chủ nhật, hàng trăm tờ báo khác; không có đài phát thanh - truyền hình quốc gia, hệ thống đài phát thanh, truyền hình thương mại nhiều và mạnh nhất thế giới.

2. Theo số liệu điều tra gần đây ở 147 cơ quan báo chí trong cả nước, trong số 13.475 cán bộ, phóng viên, biên tập viên, nhân viên, có 34,48% người là đảng viên (các cơ quan báo chí của Đảng, Nhà nước ở trung ương, địa phương đạt gần 40%; các báo ngành, đoàn thể chỉ đạt khoảng 15 – 20%).

Về chuyên môn: 73,17% có trình độ đại học, cao đẳng; trên 3,22% sau đại học; 15,11% trung cấp; 8,2% chưa có bằng chuyên môn. Có 28,95% trong số nêu trên đã được đào tạo chuyên ngành báo chí, số còn lại từ chuyên ngành khác chuyển sang.

Về trình độ lý luận chính trị: sơ cấp 16,71%; trung cấp 29,84%; cao cấp 32,89%. Có 20,30% chưa được học tập, bồi dưỡng.

Về độ tuổi: 18-30 tuổi chiếm 27,26%; 31 - 40% chiếm 32,83%; 41 - 50 chiếm 25,52%; 51 – 60 chiếm 13,70%; trên 60 tuổi chiếm 0,66%. Như vậy, độ tuổi dưới 40 chiếm 50%.

Về đội ngũ cán bộ lãnh đạo: cấp trưởng 100% là đảng viên; đại học, cao đẳng 68,70%; trên đại học 24,48%; trung cấp 3,40%; 5 người chưa có bằng chuyên môn. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 87,07%; trung cấp 8,16%, sơ cấp 4.76%. Cấp phó: 99,18% là đảng viên; đại học, cao đẳng 82,44%; trên đại học 13,46%; trung cấp 2,85%, 58% cán bộ cấp phó có bằng chuyên ngành báo chí; trình độ lý luận chính trị: sơ cấp 2,44%; trung cấp 14,69%; cao cấp 82,44%.

KẾT LUẬN

I- NHẬN ĐỊNH VÀ KẾT LUẬN

1. Báo chí cách mạng Việt Nam ra đời trong một bối cảnh đặc biệt, đó là khi xã hội Việt Nam phải sống trong môi trường thuộc địa. Trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản thực dân đang ở thời kỳ hoàng kim với việc bóc lột sức lao động, khai thác tài nguyên, sự hình thành những cơ cấu xã hội giai cấp mới và đồng thời cũng là lúc cách mạng giải phóng dân tộc nước ta đang chuyển giai đoạn theo hướng chủ nghĩa xã hội, theo xu hướng cách mạng vô sản mà người đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng thời lại là một nhà báo lớn, đã kinh qua những kinh nghiệm báo chí ở châu Âu. *Thanh niên,* tờ báo cách mạng của tổ chức tiền thân quan trọng nhất có xu hướng mácxít ở Việt Nam, đã xuất hiện ngày 21-6-1925 ở nước ngoài (Quảng Châu, Trung Quốc) đã hội tụ đủ các tiêu chí một tờ báo cách mạng đầu tiên của giai cấp vô sản và nhân dân Việt Nam. Và ngay từ đầu, tờ báo này đã hoạt động theo phương thức mácxít về báo chí. Tờ báo không chỉ là người tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể mà còn là người tổ chức tập thể.

Báo *Thanh niên* là dấu son cho cả một dòng báo chí mới, báo chí cách mạng của Đảng ta, trang bị một thế giới quan và phương pháp cách mạng mới, là hơi thở, là sự phản ánh, sự ra đời và phát triển của khuynh hướng dân tộc xã hội chủ nghĩa ở nước ta. *Thanh niên* trở thành người mở đường cho nền báo chí cách mạng của nước Việt Nam mới.

2. Báo chí cách mạng Việt Nam bắt nguồn trước hết từ khuynh hướng yêu nước, dân chủ trong báo chí hợp pháp, đặc biệt từ khi báo chí quốc văn ra khỏi giai đoạn phôi thai, nặng chất công báo để dần dần trở thành một hệ thống báo chí mới đầy đủ những đặc trưng của các cơ quan thông tin ngôn luận, như xuất bản định kỳ, lưu hành rộng rãi, có độc giả ổn định, có đội ngũ người làm báo chuyên nghiệp. Tuy nhà cầm quyền luôn tìm cách đối phó, ngăn ngừa, đàn áp, nhưng tiếng nói yêu cầu, dân chủ, tiến bộ phản ánh ý chí quật cường của dân tộc ta không vì thế bị dập tắt

mà ngược lại, vẫn tiếp tục vang lên ngày càng rõ ràng hơn, dõng dạc hơn dưới nhiều hình thức.

Cùng với tư tưởng yêu nước, chống thực dân và bè lũ phong kiến tay sai trên báo chí công khai, những tác phẩm báo chí, thơ văn yêu nước và cách mạng hoặc được công bố qua các phương tiện thông tin, hoặc lưu truyền trong nhân dân qua nhiều kênh khác, đều là những cội nguồn trực tiếp và nội tại của báo chí cách mạng Việt Nam.

Báo chí cách mạng Việt Nam đã tiếp thét và kế thừa di sản báo chí cách mạng, dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Nó học tập và chịu ảnh hưởng khá sâu đậm của nền báo chí ấy, nhưng trước sau vẫn giữ được đậm đà tính cách dân tộc của mình.

Báo chí cách mạng Việt Nam là sản phẩm tất yếu của quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhân dân Việt Nam. Là đội quân đi đầu trong công tác chính trị - tư tưởng - văn hóa, với chức năng tuyên truyền, cổ động, tổ chức nhân dân đứng lên làm cách mạng vì độc lập, tự do, gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, báo chí Việt Nam là con đẻ của cách mạng Việt Nam đồng thời cũng là vũ khí cách mạng vô cùng lợi hại, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội, đổi mới, chấn hưng đất nước như ngày nay.

3. Báo chí cách mạng Việt Nam là báo chí kiểu mới, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng chính trị tư tưởng, lấy việc phục vụ nhân dân làm mục tiêu cao cả của mình. Lý tưởng, mục tiêu, tôn chỉ cao nhất của báo chí cách mạng là góp phần vào sự nghiệp đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến, xóa bỏ các hình thức bóc lột; giành độc lập dân tộc, mang lại tự do hạnh phúc cho nhân dân; xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do tính chất và mục tiêu, tôn chỉ của nó, trải qua bao sóng gió, trước những thủ đoạn tinh vi cũng như sự đàn áp khốc liệt của các thế lực thù địch, báo chí cách

mạng Việt Nam vẫn vượt qua được mọi tình huống hiểm nghèo để tồn tại và phát triển.

4. Báo chí cách mạng Việt Nam ngày nay là một hệ thống các cơ quan thông tin đại chúng gồm đủ các loại hình, phát triển từ trung ương đến cơ sở, do nhiều tổ chức, cơ quan khác nhau làm chủ quản, được thực hiện bằng tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số và bằng ngoại ngữ, với những chức năng, nhiệm vụ cụ thể hết sức đa dạng, nhằm vào nhiều loại đối tượng và dùng nhiều công nghệ khác nhau, xuất bản và lưu hành ở trong nước và ở ngoài nước.

Nó trở thành một nền báo chí lớn, phát triển toàn diện, đang từng bước tiến lên hiện đại, rộng khắp cả nước và vươn ra mở rộng giao lưu, hợp tác với nước ngoài. Báo chí đang được sắp xếp lại theo quy hoạch tổng thể, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong vài thập niên đầu của thế kỷ XXI. Cơ sở kỹ thuật và công nghệ của báo chí ngày càng lớn mạnh, khai thác cấu trúc hạ tầng chung của đất nước về thông tin, viễn thông, lại có một số cơ sở riêng của báo chí, nhằm tranh thủ tiếp thu sử dụng công nghệ thông tin hiện đại nhất trên thế giới vào tác nghiệp hằng ngày. Làm việc trong ngành báo chí hiện nay có một đội ngũ đông đảo nhà báo chuyên nghiệp, không chuyên, nhà văn, nghệ sĩ, cán bộ quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật, những người chuyên làm công việc quảng bá, phát hành, dịch vụ, v.v. đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao của công chúng vì sự phát triển của đất nước, vì lợi ích lâu dài của dân tộc Việt Nam, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Điểm đặc sắc mà báo chí Việt Nam đang thể hiện và không ngừng phát huy là ở vai trò diễn đàn nhân dân của nó.

Báo chí ta thực hiện chức năng làm diễn đàn của nhân dân không chỉ thể hiện ở chỗ thường xuyên đăng tải nhiều ý kiến độc giả, ý kiến bạn nghe và xem đài, truy cập báo mạng. Quan trọng hơn, thực chất hơn là báo chí phải thể hiện được ý chí, trí tuệ, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng đa dạng của các tầng lớp nhân dân trong

nước cũng như của người Việt Nam ở nước ngoài, góp phần xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thu hút nhân tài cống hiến tri thức và trí tuệ cũng như bày tỏ tâm huyết của mình vì lợi ích của Tổ quốc Việt Nam; tham gia đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn, luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, đẩy lùi và bài trừ các tệ nạn tham nhũng, lãng phí, ma túy, mại dâm, mê tín, hủ tục...; đặc biệt qua diễn đàn báo chí, nhân dân thực hiện quyền giám sát tối cao đối với mọi công việc của đất nước, thực hiện quyền làm chủ của mình.

6. Nhiệm vụ tổng quát của báo chí ngày nay là phục vụ mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Báo chí cần đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của nhân dân, góp phần nâng cao dân trí, thúc đẩy phát triển xã hội, mở rộng giao lưu quốc tế.

Sự nghiệp phát triển của đất nước, bối cảnh quốc tế cũng như sự phát triển của bản thân báo chí đặt ra yêu cầu báo chí cần phát huy ưu điểm, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm để tiếp tục phát triển. Nhà nước cần sớm hoàn thiện chiến lược thông tin, hoàn thiện hệ thống pháp lý, kiện toàn các cơ quan quản lý báo chí, quy hoạch hệ thống cơ quan báo chí, xây dựng kế hoạch đào tạo cơ bản, lâu dài, có hệ thống đội ngũ người làm báo có tài năng, đủ kiến thức và đức độ đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của báo chí đương đại.

Qua ba phần tư thế kỷ làm đội quân xung kích trong công tác tư tưởng, phục vụ tiến trình đấu tranh cách mạng của dân tộc, báo chí Việt Nam hòa nhập vào cuộc đấu tranh ấy và trở thành một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh ấy.

Trong thế kỷ XXI, chắc chắn xã hội loài người sẽ có nhiều biến đổi lớn, khó lường. Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đề ra mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vài chục năm đầu của thế kỷ là, trong mười năm (2001 - 2010) đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công

nghiệp theo hướng hiện đại. Những năm tới, tuy khó khăn còn nhiều, nhưng đất nước ta có cơ hội lớn để tiến lên. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc ta lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn. Cũng như mọi ngành hoạt động khác, báo chí đang đứng trước cơ hội lớn và thách thức lớn. Trêncơ sở một nền kinh tế ngày càng phát triển, dân trí ngày càng cao, nhu cầu văn hóa, tinh thần của nhân dân chắc chắn sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ. Từ những thành tựu và kinh nghiệm thu được qua 85 năm tồn tại và phát triển trong những điều kiện cực kỳ đa dạng trước đây, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, báo chí Việt Nam chắc chắn sẽ ngày càng phát triển nhịp nhàng và vững chắc hơn.

II- KIẾN NGHỊ - GIẢI PHÁP

l. Những ưu điểm và hạn chế

Nói đến lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam, cần quan tâm đặc biệt đến sự phát triển mạnh mẽ của báo chí trong thờ kỳ đổi mới. Đây là thời kỳ báo chí đã phát triển nhanh chóng cả về số lượng, chất lượng, trình độ kỹ thuật, đạt được nhiều thành tựu lớn và cơ bản, đồng thời cũng nảy sinh nhiều yếu kém, khuyết điểm trong quá trình phát triển. Một số thành tích, ưu điểm nổi bật là:

l. Tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta, kiên định lý tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định và nhiệt tình ủng hộ sự nghiệp đổi mới.

Báo chí tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin sinh động về công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; góp phần tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; cổ vũ, động viên phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, chống "diễn biến hòa bình"; góp phần giữ

vững ổn định chính trị, thúc đẩy công cuộc đổi mới và dân chủ hóa đời sống xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Thành tích, công lao của báo chí đối với sự nghiệp đổi mới đất nước trong hơn 20 năm qua là to lớn, có nghĩa quan trọng.

2. Báo chí đã có đóng góp to lớn trong công tác giáo dục nhất là các hình thức giáo dục từ xa; nâng cao dân trí; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo vệ và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; hình thành con người Việt Nam hiện đại. Báo chí còn đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc thỏa mãn nhu cầu thông tin, văn hóa, giải trí của nhân dân.

3. Có sự phát triển mạnh mẽ về chất lượng, số lượng, trình độ kỹ thuật và loại hình báo chí. Ngoài báo viết, báo nói, báo hình, báo điện tử đã khẳng định vị trí của mình và đang phát triển nhanh chóng.

Tính đến thời điểm tháng 7-2006, cả nước có gần 620 cơ quan báo chí, hơn 803 ấn phẩm, sản phẩm báo chí; năm 2009 có 710 cơ quan báo chí. Trong thời gian qua, báo điện tử ra đời và phát triển mạnh mẽ, trở thành công cụ có nhiều ưu thế trong việc tiếp nhận, chuyển tải nhanh, sinh động, nội dung thông tin lớn phục vụ tuyên truyền đối nội, đối ngoại có hiệu quả. Đến nay, cả nước có 88 báo điện tử và khoảng 2.000 bản tin cùng hàng ngàn trang điện tử (website) có tính chất, cách thức hoạt động gần giống như trang báo hoặc tạp chí điện tử.

Về đội ngũ, đến nay đã có hơn 13.000 người đã được cấp thẻ nhà báo, hàng trăm người đang trong diện xét cấp thẻ, hàng ngàn cán bộ, nhân viên kỹ thuật, hành chính làm việc trong các cơ quan báo chí. Ngoài ra, còn có hàng chục ngàn cộng tác viên, nhân viên, lao động gắn bó với nghề báo hoặc sống chủ yếu dựa vào dịch vụ cho nghề báo.

Chất lượng kỹ thuật bao gồm chất lượng tiếp nhận và phát thông tin; chất lượng xử lý thông tin; chất lượng in ấn, phương thức và phạm vi phát hành, phạm vi phủ

sóng; dịch vụ internet... tăng lên nhanh chóng, nhiều mặt ngang trình độ tiên tiến của thế giới.

4 Năng lực tài chính được tăng cường tạo điều kiện cho việc đổi mới công nghệ, cải thiện đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động làm nghề báo, đẩy mạnh các hoạt động xã hội.

Sau nhiều năm tự chủ về tài chính, phá thế ràng buộc của cơ chế bao cấp, chủ động, sáng tạo trong xuất bản... cả nước hiện có trên 100 cơ quan báo chí tạo được nguồn thu tài chính khá ổn định, tự cân đối được nhu cầu thu - chi, trong đó có hơn 50 đơn vị hoạt động có lãi, có nguồn thu mỗi năm lên tới hàng chục tỷ đồng, thậm chí hàng trăm tỷ đồng. Nhờ đó, một số cơ quan báo, đài có điều kiện nâng cấp máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ làm báo, đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nghiệp vụ, cải thiện và nâng cao đời sống cán bộ, phóng viên, nhân viên.

Các cơ quan báo chí cũng đã có công rất lớn trong việc huy động hàng trăm tỷ đồng từ các nguồn lực xã hội để mở rộng các hoạt động nhân đạo, từ thiện như xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam điôxin, quỹ khuyến khích tài năng, quỹ học bổng, góp tiền xây dựng trạm y tế, trường học, cầu đường, công trình phúc lợi, giúp trẻ em mồ côi, tàn tật v.v..

Một số cơ quan báo chí còn có sáng kiến tổ chức hoặc bảo trợ các sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật nhất là ca nhạc, lễ hội, xuất bản hoặc các giải thể thao có uy tín, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, cải thiện đời sống tinh thần của nhân dân.

5. Công chúng báo chí phát triển về số lượng, trình độ được nâng cao, tham gia ngày càng tích cực vào quá trình truyền thông.

Số lượng người đọc báo, nghe đài, xem truyền hình, truy cập mạng internet tăng nhanh so với trước. Riêng số người sử dụng internet chiếm 16,5% dân số, đạt mức cao của khu vực Đông Nam Á. Nhờ những đổi thay lớn lao trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, quá trình dân chủ hóa thông tin được tăng cường. Công chúng từ chỗ tiếp nhận thụ động chuyển dần sang chủ động, bình

đẳng trong thu nhận, trao đổi thông tin. Chức năng "diễn đàn" của các tầng lớp nhân dân trên báo chí ngày càng được thể hiện rõ nét và sinh động. Số lượng đồng bào ta ở xa Tổ quốc được trực tiếp nghe, xem chương trình của 2 đài phát thanh, truyền hình quốc gia, đọc báo qua mạng điện tử và báo in chuyển từ trong nước tăng mạnh.

6. Tham gia tích cực các hoạt động báo chí thế giới và khu vực.

Báo chí nước ta đã chủ động, tích cực hội nhập với báo chí thế giới trên cơ sở giữ vững bản sắc dân tộc và những nguyên tắc cơ bản của nền báo chí cách mạng. Hội Nhà báo Việt Nam là thành viên của Tổ chức quốc tế các nhà báo (OIJ), Liên đoàn Báo chí ASEAN (CAJ). Hội và các cơ quan báo chí trong nước đẩy mạnh giao lưu, hợp tác với các tổ chức, cơ quan báo chí của Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Pháp, Thụy Điển và các nước khác trong ASEAN... Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam mở rộng phạm vi phủ sóng phát thanh, truyền hình ra nhiều khu vực trên thế giới, nhất là khu vực Bắc Mỹ, châu Á, châu Âu, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, báo *Nhân dân,* Báo *Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* và một số báo, đài khác đã mở văn phòng đại diện, cử phóng viên thường trú ở các địa bàn quan trọng, cử phóng viên đến các điểm nóng trên thế giới, tham gia phản ánh kịp thời các sự kiện đối ngoại của nước ta và các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội nổi bật của khu vực và thế giới.

Các cuộc giao lưu, trao đổi nghiệp vụ được tăng cường. Một số dự án hợp tác về nghiệp vụ báo chí duy trì được nhiều năm và có hiệu quả. Qua các cuộc trao đổi, học tập kinh nghiệm và do nhu cầu phát triển nội tại, một số phương thức quản lý báo chí mới, mô hình tập đoàn báo chí đã bắt đầu hình thành và phát triển.

7. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí đã có nhiều cố gắng, thu được thành tích đáng kể. Đến nay, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được củng cố và hoàn thiện một bước về tổ chức, mở rộng thêm ngành đào tạo, tăng cường cán bộ và cơ

sở vật chất, kỹ thuật. Khoa Báo chí, Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh các cấp đào tạo, chất lượng đào tạo được nâng lên.

Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ của Hội Nhà báo, Bộ Thông tin và Truyền thông có sự phối hợp với các tổ chức nước ngoài và công tác tự đào tạo của nhiều cơ quan, trong đó có nhiều cơ quan lớn như Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam... đã góp phần không nhỏ vào công tác đào tạo, bồi dưỡng chung.

Trong số khoảng l.300 cán bộ báo chí đang hành nghề hiện nay, 7l% có trình độ đại học, trong đó 95% các phóng viên, biên tập viên thẻ có từ l bằng đại học trở lên.

8. Công tác chỉ đạo, quản lý báo chí được tăng cường một bước.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo Trung ương), Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông), Hội Nhà báo Việt Nam và các đơn vị hữu quan đã tăng cường phối hợp, đổi mới một bước nội dung, phương thức công tác, hoàn thành tương đối tốt nhiệm vụ được giao. Trong hai năm qua, Ban, Bộ, Hội tiếp tục tham mưu với Trung ương Đảng và Chính phủ ban hành một số văn bản lãnh đạo quản lý báo chí. Một số cơ quan chủ quản báo chí như Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Ngoại giao, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... đã có những cố gắng đáng ghi nhận nhằm tăng cường sự lãnh đạo, quản lý các cơ quan báo chí trực thuộc.

Công tác tổ chức nhân sự, khen thưởng, kỷ luật, thanh tra, kiểm tra có tiến bộ.

Cùng với ưu điểm và thành tích nêu trên, hoạt động báo chí còn có những khuyết điểm, yếu kém, trong đó có những yếu kém chậm được khắc phục. Nổi lên một số yếu kém, khuyết điểm sau:

1. Một số nhà báo, cơ quan báo chí còn thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hóa của báo chí cách mạng, thậm chí có biểu hiện xa rời tôn chỉ, mục đích; né tránh sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Một bộ phận không nhỏ người làm báo, kể cả một số cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan báo chí và của những người làm báo; chưa thường xuyên coi trọng rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.

Đã xuất hiện trên một số tờ báo, tạp chí những ý kiến, bài viết vô tình hay cố ý đi chệch định hướng chính trị; hoài nghi, phê phán thiếu căn cứ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đòi xem xét lại một số vấn đề lịch sử đã được kết luận...

2. Sa đà vào những thông tin tiêu cực, yếu kém, mặt trái xã hội; xem nhẹ việc phát hiện, biểu dương nhân tố mới, điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt. Thông tin thiếu trung thực, thiếu chính xác, suy diễn chủ quan, áp đặt. Giật gân, câu khách, xâm phạm đời tư của công dân.

Một số tờ báo sa đà khi phản ánh các vụ án, mặt tiêu cực, mặt trái và những yếu kém của xã hội, thậm chí tiết lộ bí mật quốc gia, để các thế lực thù địch lợi dụng vu cáo, đả kích ta. Làm "nóng" một cách giả tạo các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương vì mục đích câu khách, bán được nhiều báo. Thiếu trách nhiệm, không nắm chắc vấn đề, sự việc dẫn đến viết ẩu, viết sai, thậm chí có những sai sót nghiêm trọng. Khi bị cơ quan chức năng phát hiện, nhắc nhở; bị tổ chức, cá nhân phản đối, khiếu nại không tiếp thu, cải chính nghiêm túc, đúng luật. Một số nhà báo suy thoái về đạo đức, lợi dụng nghề báo để thực hiện hành vi vụ lợi.

3. Khuynh hướng tư nhân hóa báo chí, tư nhân hóa kinh doanh, dịch vụ truyền thông tăng lên.

Do những yếu kém, sơ hở trong công tác quản lý, do tác động của cơ chế thị trường, đã xuất hiện tình trạng một số tờ báo, tạp chí, phụ san, chuyên san. mạng truyền hình cáp... bị chi phối hoặc thao túng. Các công ty trách nhiệm hữu hạn và cổ phần đăng ký hoạt động trong lĩnh vực truyền thông xuất hiện ngày càng nhiều. Tình hình này càng biểu hiện rõ và phức tạp hơn trong thời gian gần đây.

4. Một số báo, đài phát thanh, truyền hình, tạp chí chậm đổi mới, thiếu quy hoạch, chất lượng thấp, lãng phí.

Phần lớn các báo, đài phát thanh, truyền hình, tạp chí ở trung ương và địa phương hoạt động có hiệu quả, bên cạnh đó như nhận định của Bộ Chính trị trong Thông báo 162 còn có "một số tờ báo ở trung ương, địa phương, bộ, ngành thiếu năng động, chậm đổi mới, nội dung và hình thức chưa hấp dẫn, thiếu sức thuyết phục người đọc, chất lượng và hiệu quả tuyên truyền, giáo dục không cao". Nhiều báo, tạp chí có lượng phát hành thấp, sức vươn để chiếm lĩnh thị trường báo chí còn yếu; một số đài phát thanh, truyền hình chưa đủ sức lôi cuốn người nghe, người xem, do đó, khả năng tác động, chi phối thông tin đối với công chúng hạn chế, đời sống và điều kiện làm việc của người lao động rất khó khăn.

Do hệ quả của nhiều năm phát triển thiếu quy hoạch, kế hoạch, đầu tư tràn lan, hệ thống báo chí nước ta, nhất là phát thanh truyền hình mất cân đối, gây chồng chéo, cạnh tranh, lãng phí nghiêm trọng. Báo chí không bảo đảm tỷ lệ cân đối theo ngành và theo lãnh thổ. Có ngành nhiều báo, tạp chí, có ngành không có báo. Thành phố quá nhiều báo trong khi nông thôn thiếu báo. Phát thanh, truyền hình dày đặc, nhiễu sóng lẫn nhau ở thành phố và đồng bằng nhưng lại thưa thớt, chất lượng sóng kém ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Sự bung ra khá nhanh của dịch vụ internet, games show, truyền hình trả tiền... mang lại những khó khăn mới trong quản lý nội dung.

5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại cán bộ báo chí còn nhiều bất cập. Hệ thống đào tạo chưa phù hợp, thiếu cân đối giữa các loại hình báo chí, vùng lãnh

thổ. Chương trình giảng dạy chưa thống nhất trong các trường. Cán bộ giảng dạy thiếu và chất lượng chưa cao, đãi ngộ chưa hợp lý. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy thiếu thốn. Chỉ tiêu đào tạo, sức ép của xã hội, bệnh thành tích trong giáo dục và nhiều tiêu cực khác chi phối chất lượng giảng dạy.

6. Hệ thống pháp luật, các văn bản pháp lý còn thiếu, lạc hậu, chồng chéo gây không ít khó khăn cho công tác quản lý. Còn nhiều lúng túng, chưa hợp lý, thiếu rõ ràng trong phân định chức năng, nhiệm vụ, phạm vi công tác giữa các cơ quan lãnh đạo quản lý. Công tác đảng, đoàn thể quần chúng trong các cơ quan còn yếu, nhiều nơi bị buông lỏng. Công tác cán bộ còn thiếu những cơ chế cụ thể, nhiều trường hợp chưa nghiêm, chưa sát thực tế. Không ít cơ quan chủ quản không đủ năng lực hoặc cục bộ, buông lỏng quản lý, hữu khuynh trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan báo chí dưới quyền.

Nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm trên là do việc quán triệt, thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về báo chí chưa nghiêm túc; công tác đảng trong các cơ quan báo chí chậm đổi mới, ít hiệu quả; công tác phát hiện, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, sắp xếp cán bộ theo hướng "vừa hồng vừa chuyên" chưa được quán triệt và thực hiện thường xuyên, nghiêm túc; cơ chế thị trường, tự do cạnh tranh và những tiêu cực trong đời sống xã hội đã tác động đến báo chí; một số cán bộ báo chí thiếu tu dưỡng, rèn luyện, suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều mặt còn lạc hậu; quy hoạch báo chí theo chiến lược thông tin còn bị buông lỏng; công tác lãnh đạo, quản lý báo chí chưa đáp ứng được yêu cầu.

Báo chí nước ta đang đứng trước thời cơ, vận hội mới, đồng thời phải đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ trong quá trình phát triển, phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mở cửa, hội nhập quốc tế, trong tình hình các thế lực cơ hội, thù địch ráo riết triển khai chiến lược "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Nghị quyết Đại hội X của Đảng,

khi đề cập đến nhiệm vụ công tác tư tưởng, lý luận và báo chí đã nhấn mạnh: "Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và học tập lý luận, công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hóa nghệ thuật, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội; tăng cường tuyên truyền đối ngoại, đặc biệt là những vấn đề chính trị nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, nhân quyền... Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong các cơ quan báo chí. Khắc phục những biểu hiện lệch lạc trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, nhất là xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, vì lợi ích vật chất cá nhân, cục bộ".

2. Mấy kiến nghị cụ thể

Để đáp ứng được nhu cầu cuộc sống và nhu cầu của thời đại, báo chí đang đứng trước thời cơ mới, dự báo sẽ có sức mạnh phát triển mang tính đột phá cả về số lượng và chất lượng. Trong khuôn khổ cuốn sách này xin đưa ra một số kiến nghị cụ thể như sau:

1. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với công tác báo chí, phát huy truyền thống báo chí, là vũ khí sắc bén của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp giải phóng, bảo vệ độc lập dân tộc và đổi mới. Báo chí phấn đấu vươn lên toàn diện, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động báo chí cần làm tốt một số nội dung công tác:

- Định hướng phát triển, định hướng thông tin; nắm chắc công tác tổ chức - cán bộ, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương, chính sách trên cơ sở Điều lệ của Đảng và sự chỉ đạo của Trung ương. Coi trọng việc xây dựng tổ chức đảng trong cơ quan báo chí vững mạnh về mọi mặt; đề cao vai trò đảng viên của người làm báo, nhất là người giữ cương vị lãnh đạo; trên cơ sở đó nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan báo chí và nhà báo.

- Nâng cao chất lượng tư tưởng, chính trị, văn hóa, khoa học của cán bộ, đảng viên trong các cơ quan báo chí, để thông qua họ, báo chí thực sự là tiếng nói của Đảng và Nhà nước; các tổ chức chính trị - xã hội và là diễn đàn tin cậy của nhân dân.
- Các cấp uỷ đảng, chính quyền, cơ quan chủ quản tăng cường lãnh đạo, quản lý hệ thống báo chí của ngành, địa phương, đơn vị mình. Xây dựng, hoàn thiện quy chế quản lý, quy chế phối hợp, chế độ trách nhiệm giữa cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí dưới quyền, nhất là trong các vấn đề nội dung, nhân sự, tài chính.
- Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ trên cơ sở phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp uỷ đảng với các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí. Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa cơ quan báo chí trung ương, các bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương với ban tuyên giáo, sở văn hóa - thông tin, hội nhà báo các địa phương trong việc quản lý, giám sát hoạt động báo chí ở ngành, địa phương và trên phạm vi cả nước.

2. Tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với báo chí:

Các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí bao gồm Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) và hệ thống cấp dưới theo ngành dọc; Văn phòng Chính phủ và các cơ quan giúp việc của Thủ tướng về báo chí; các ngành, bộ có liên quan như Bộ Bưu chính - Viễn thông, Bộ Tài chính, Bộ Công an... cần quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước, phối hợp chặt chẽ để thực hiện:

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến báo chí, xuất bản như quản lý tần số, quản lý tài chính, an ninh mạng và các chế tài, văn bản hướng dẫn khác về báo chí, xuất bản. Đề xuất chủ trương tiến hành sửa đổi Luật Báo chí cho phù hợp với tình hình mới. Bổ sung một số nội dung mới của Chiến lược thông tin quốc gia đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020; hoàn chỉnh quy hoạch, kế hoạch và triển khai sắp xếp, quy hoạch lại hệ thống báo chí hiện nay.

- Xây dựng, hoàn thiện, thực hiện Quy chế người phát ngôn và chế độ cung cấp thông tin cho báo chí; thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật việc thanh tra, kiểm tra, thưởng phạt, kỷ luật, khen thưởng với nhà báo và cơ quan báo chí.

3. Hệ thống báo chí nước ta hiện nay như chiếc áo đã chật, không có khả năng ôm lấy một cơ thể cường tráng đang phát triển. Thực tiễn phát triển mới của báo chí cùng những hạn chế, bất cập của nó đang báo hiệu một sự chuyển đổi tất yếu trong tương lai gần, báo chí phải được hoạt động trong mô hình mới. Đó là từng bước xây dựng các tập đoàn báo chí.

Trong bản hoạch định *"Mục tiêu chiến lược phát triển thông tin Việt Nam đến năm 2010"* đã ghi rõ: "Từng bước thực hiện xã hội hóa một số khâu và công đoạn thuộc các lĩnh vực và hình thức thông tin, trước mắt là các khâu chế bản, in ấn, phát hành của báo in, quảng cáo thương mại của phát thanh, truyền hình, báo in... và sản xuất các chương trình nghe - nhìn thời sự của truyền hình; nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách để cơ quan thông tin có điều kiện tự chủ về tài chính.. Nghiên cứu để sớm có chính sách cụ thể về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài trên lĩnh vực thông tin nhằm thu hút vốn đầu tư, kinh nghiện quản lý, kỹ năng, kỹ xảo và công nghệ hiện đại của nước ngoài, nhất là trong khâu quảng bá, phát hành ra nước ngoài và thông tin đối ngoại".

Kiện toàn hệ thống báo chí theo hướng hiện đại, hội nhập trên cơ sở phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thông tin đại chúng của Đảng và Nhà nước vẫn là một đòi hỏi cấp bách.

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí đội ngũ cán bộ báo chí. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, chương trình đào tạo, chỉ tiêu đào tạo và sử dụng cán bộ sau đào tạo. Xem xét, sắp xếp hợp lý và hiệu quả các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng báo chí. Xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ báo chí cho phù hợp với thực tế. Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ nghiệp vụ, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho đội

ngũ những người làm báo. Mở rộng nghiên cứu trao đổi kinh nghiệm phát triển và quản lý báo chí với các nước trong khu vực và trên thế giới.

5. Đầu tư thỏa đáng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, tài chính, kỹ thuật, con người nhằm phát triển và nâng cao chất lượng hiện đại hóa thông tin, chủ động tích cực hội nhập trên cơ sở giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản chất cách mạng của báo chí Việt Nam. Tăng cường trao đổi thông tin, đẩy mạnh hợp tác tiếp thu thành tựu, bài học tốt của báo chí các nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. SÁCH TIẾNG VIỆT

l. *Báo chí và chính quyền tại Việt Nam,* Viện Đại học Đà Lạt, 1973.

2. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: *Báo Việt Nam độc lập 1941 - 1945,* Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000.

3. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: *Báo Dân chúng 1930 – 1939* (3 tập), Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000.

4. Bằng Giang: *Mảnh vụn văn học sử,* Sài Gòn, 1974.

5. Bằng Giang: *Văn học quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865 - 1930,* Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.

6. Bộ Văn hóa - Thông tin: *Niên giám báo chí Việt Nam 2002 - 2003,* Nxb. Thông tấn, 2003.

7. Diệp Văn Kỳ: *Chế độ báo giới Nam Kỳ,* Sài Gòn, 1938.

8. Đỗ Mười: *Báo chí văn nghệ trong sự nghiệp đổi mới,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989.

9. Đông Tùng: *Bút chiến đấu,* Hội Khổng học Việt Nam, Sài Gòn, 1957.

10. Đỗ Quang Hưng (chủ biên): *Lịch sử báo chí Việt Nam 1896 - 1945,* Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000.

11. Hà Minh Đức (chủ biên): *Thời gian và nhân chứng,* tập 1 (1994), tập 2 (1997), tập 3 (2001), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Hà Minh Đức (chủ biên): *Báo chí - những vấn đề lý luận và thực tiễn,* Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997.

13. *Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989.

14. Hội Nhà báo thành phố Hà Nội: *Báo chí Hà Nội - một chặng đường lịch sử 1954 - 1993*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

15. Hội Nhà báo Việt Nam: *Chân dung các nhà báo liệt sĩ,* Hội Nhà báo Việt Nam xuất bản, 1996.

16. Hồ Hữu Tường: *41 năm làm báo,* Sài Gòn, 1968.
17. Hồng Chương: *120 năm báo chí Việt Nam*, thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
18. Hồng Chương: *Tìm hiểu lịch sử báo chí Việt Nam*, Nxb, Sự thật, Hà Nội, 1992.
19. Huỳnh Văn Tòng: *Lịch sử báo Việt Nam từ khởi thuỷ đến 1930*, Trí Đăng, Sài Gòn, 1973.
20. Lê Ngọc Trụ: *Một trăm năm báo chí Việt Nam,* Sài Gòn, 1965.
21. Lê Thanh Bình: *Quản lý và phát triển báo chí - xuất bản,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
22. Lê Thanh Bình: *Báo chí truyền thông và kinh tế, văn hóa - xã hội,* Nxb. Văn hóa thông tin, 2005.
23. Lưu Quý Kỳ: *Báo chí kiểu Mỹ dưới chế độ Diệm,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961.
24. *Một số văn kiện của Đảng Lao động Việt Nam về công tác báo chí,* tập 1 (1930 - 1945), Hội Nhà báo Việt Nam, 1970.
25. Ngọc Đán: *Báo chí với sự nghiệp đổi mới,* Nxb. Lao động, 1995.
26. Nguyễn Khắc Xuyên: *Mục lục, phân tích Tạp chí Nam Phong*, Sài Gòn, 1968.
27. Nguyễn Khắc Xuyên: *Mục lục, phân tích Tạp chí Tri Tân,* Hội Sử học xuất bản, Hà Nội, 1998.
28. Nguyễn Kỳ Nam: *Hồi ký 1925 - 1954*, Sài Gòn, 1965.
29. Nguyễn Khánh Đàm: *Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ,* Sài Gòn, 1942.
30. Nguyễn Vạn An: *Tự do báo chí,* Sài Gòn, 1958.
31. Nguyễn Văn Đính: *Nghề làm báo*, Sài Gòn, 1938.
32. Nguyễn Thành: *Báo chí cách mạng Việt Nam 1925 - 1945*, Hà Nội, 1984.
33. Nguyễn Viết Chước: *Lược sử báo chí Việt Nam,* Nam Sơn, Sài Gòn, 1974.
34. Nguyễn Vỹ: *Văn thi sĩ tiền chiến,* Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 1994.
35. Nhiều tác giả: *Nửa thế kỷ Đài Tiếng nói Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

36. Phan Quang: *Về diện mạo báo chí Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

37. Phân viện Báo chí và Tuyên truyền: *80 năm báo chí cách mạng Việt Nam - Những bài học lịch sử và định hướng phát triển,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

38. *Sự nghiệp báo chí của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

39. *Sơ thảo lịch sử báo Đảng bộ các tỉnh, thành phố,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

40. *Sơ thảo lịch sử 50 năm báo Nhân dân 1951 – 2001*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

41. Tạ Ngọc Tấn: *Từ lý luận đến thực tiễn báo chí,* Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1999.

42. Tô Huy Rứa: *Thư tịch báo chí Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

43. Tổng cục Chính trị: *Lịch sử báo Quân đội nhân dân 1950 - 2000,* Nxb. Quân đội nhân dân, 2000.

44. *Thông tấn xã Việt Nam - 50 năm một chặng đường,* Nxb. Thông tấn, 1995.

45. Thiếu Sơn: *Phê bình và cảo luận*, Nxb. Nam Ký, Hà Nội, 1933.

46. Trường Chinh: *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam,* Hà Nội, 1974.

47. Viện Sử học: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử 1945 – 1975*, Nxb. Giáo dục, 2003.

48. Vũ Đình Hòe: *Hồi ký Thanh Nghị*, Nxb.Văn học, Hà Nội, 1998.

49. Vũ Bằng: *Bốn mươi năm nói láo,* Sài Gòn, 1968.

50. Vũ Bội Liên: *Những sự gặp gỡ Đông phương và Tây phương trong ngôn ngữ văn chương,* Nxb. Văn học, Hà Nội, 1999.

51. Đào Duy Quát: *Công tác tư tưởng,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

II- SÁCH NƯỚC NGOÀI

l. Đoàn Thị Đỗ: *Le Journalisme au Vietnam et les périodiques Vietnamiens de 1865 à 1944,* Paris, 1958.

2. Henry Litolff: *Le régime de la Presse en Indochine,* Hà Nội, 1939.

3. Charles Ledré: *Histoire de la Presse,* Paris, 1958.

4. M.M Durand Nguyễn Trần Huân: *Introduction à la littérature Vietnamienne,* Paris, 1969.

5. A Masson: *Notes bibliographiques sur les débults de la Presse en l'Indochine,* Hà Nội, 1927.

6. G.J Kasza: *The State and the MASS MEDIA in Japan 1918 - 1945,* University of California Press, 1988.

7. Qua Công Chấn: *Lịch sử báo chí Trung Quốc* (tiếng Trung Quốc), Thượng Hải, 1967, Bản dịch khoa học lịch sử, Đại học Tổng hợp, Hà Nội.

III- CÁC BÀI BÁO

1. Ái Lan: *Làng báo miền Nam* 40 *năm trước,* Tạp chí *Bách khoa,* Sài Gòn, 1961.

2. Khuông Việt: *Lịch trình báo chí Việt Nam,* Tạp chí *Tri Tân,* số 56 (28-7-1942).

3. Hoa Bằng: *Từ lối in mộc bản xa đến kỹ thuật in hoạt bản bây giờ,* Tạp chí *Tri Tân,* số 44 (3-6-1942).

4. *Nghề làm báo* (Hồng Nhân biên dịch), Tạp chí *Nam Phong,* số 48 (6-1932).

5. *Lược khảo về nghề làm báo,* Đại Nam Đồng Văn Nhật báo, số 213 (24-11-1895).

6. Hoa Bằng: *Thủ tục làm thành tờ báo ở xứ ta,* Tạp chí *Tri Tân,* số 332 (6-1942).

7. *Liste des périodiques disparus eu* 1939, xem trong Journal officiel de l'Indochine francaise, 13 avril 1940.